

VL00003432



# GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN THEO

ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, PHONG CÁCH TƯ DUY KHOA HỌC

# HỒ CHÍ MINH



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

VL00003432

**GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN  
THEO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG,  
PHONG CÁCH TƯ DUY KHOA HỌC HỒ CHÍ MINH**

Bản sao lưu trữ



**GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN  
THEO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG,  
PHONG CÁCH TƯ DUY KHOA HỌC HỒ CHÍ MINH**



**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI**  
*Hà Nội - 2005*

TỔ CHỨC BẢN THẢO:

*Đại tá* NGUYỄN HỮU ĐỨC

*Tiến sĩ* LÊ VĂN YÊN

Bản sao lưu trữ

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

*Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên về đạo đức cách mạng, phong cách tư duy khoa học.*

*Tuỳ theo yêu cầu nhiệm vụ cách mạng qua mỗi thời kỳ, những vấn đề đạo đức cách mạng, phong cách tư duy khoa học của cán bộ, đảng viên có những nội dung cụ thể và có sự phát triển để phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện nhiệm vụ mới đã biến đổi. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi chúng ta bước vào thời kỳ xây dựng và bảo vệ đất nước trong xu thế toàn cầu hoá về kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì vấn đề đạo đức cách mạng và phong cách tư duy khoa học của cán bộ, đảng viên lại càng phải hết sức quan tâm và trở nên bức thiết.*

*Để góp phần vào việc giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên nâng cao đạo đức cách mạng, phong cách tư duy khoa học đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao trong quá trình đổi mới toàn diện, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam: xây dựng nước ta trở thành một nước dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; Nhà xuất bản Khoa học xã hội tổ chức biên soạn tác phẩm “Giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên theo đạo đức cách mạng, phong cách tư duy khoa học Hồ Chí Minh”.*

*Tác phẩm gồm 3 phần:*

*- Phần I: Những bài viết và nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, phong cách tư duy khoa học của cán bộ, đảng viên.*

*- Phần II: Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước bàn về đạo đức cách mạng, phong cách tư duy khoa học của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

*- Phần III: Các nhà khoa học nghiên cứu về đạo đức cách mạng, phong cách tư duy khoa học của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

*Với việc xuất bản tác phẩm này, Nhà xuất bản mong muốn cung cấp thêm tư liệu để các tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên có cơ sở tu dưỡng rèn luyện, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X đề ra, đưa đất nước ta vững bước tiến lên trên con đường hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế mà vẫn giữ được bản chất tốt đẹp của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Để cán bộ, đảng viên của Đảng giữ được hình ảnh trong sáng trước quần chúng, những con người đức tài trọn vẹn “cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư”, mãi mãi là những công bộc xứng đáng của nhân dân.*

*Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!*

**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**Phần I**

**NHỮNG BÀI VIẾT VÀ NÓI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH  
VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, PHONG CÁCH TƯ DUY  
KHOA HỌC CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN**

(Các tư liệu trong phần này dẫn từ *Hồ Chí Minh toàn tập*,  
Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995)

Bản sao từ





## TƯ CÁCH MỘT NGƯỜI CÁCH MỆNH\*

Tự mình phải:

Cần kiệm  
Hòa mà không tư  
Cả quyết sửa lỗi mình  
Cẩn thận mà không nhút nhát  
Hay hỏi  
Nhẫn nại (chịu khó)  
Hay nghiên cứu, xem xét  
Vị công vong tư  
Không hiếu danh, không kiêu ngạo  
Nói thì phải làm  
Giữ chủ nghĩa cho vững  
Hy sinh  
Ít lòng tham muốn về vật chất  
Bí mật.

Đối với người phải:

Với từng người thì khoan thứ  
Với đoàn thể thì nghiêm  
Có lòng bày vẽ cho người  
Trực mà không táo bạo  
Hay xem xét người.

Làm việc phải:

Xem xét hoàn cảnh kỹ càng  
Quyết đoán  
Dũng cảm  
Phục tùng đoàn thể.

---

\* Đây là phần mở đầu cuốn sách *Đường cách mệnh*, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết năm 1925 để huấn luyện các cán bộ cách mạng đầu tiên, chuẩn bị điều kiện tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930.

## THƯ GỬI CÁC ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC BỘ, TỈNH, HUYỆN VÀ LÀNG

*Hỡi các bạn*

Nước ta bị Tây áp bức hơn 80 năm, bốn, năm năm bị Nhật áp bức. Dân ta đói rét khổ sở không thể nói xiết. Ngày nay nhớ lại còn rất đau lòng. Nhờ dân ta đoàn kết một lòng và Chính phủ lãnh đạo khôn khéo, mà chúng ta bẻ gãy xiềng xích nô lệ, tranh được độc lập, tự do.

Nếu không có nhân dân thì không đủ lực lượng; nếu không có Chính phủ thì không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì.

Chính phủ ta đã hứa với dân sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc. Trong việc kiến thiết nước nhà, sửa sang mọi việc phải làm dần dần, không thể một tháng, một năm mà làm được hết. Song ngay từ bước đầu chúng ta phải theo đúng phương châm. Chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp Nhật.

Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm

Việc gì hại cho dân ta phải hết sức tránh.

Chúng ta phải yêu dân, thì dân mới yêu ta, kính ta.

Tôi vẫn biết rằng trong các bạn có nhiều người làm theo đúng chương trình của Chính phủ và rất được lòng nhân dân. Song cũng có nhiều người phạm những lầm lỗi rất nặng nề. Những lầm lỗi chính là:

1. *Trái phép*: Những tên việt gian phản quốc chúng có rõ ràng thì phải trị đã đành, không ai trách được. Nhưng cũng có lúc vì tư thù tư oán mà bắt bớ và tịch thu gia sản, làm dân oán thán.

2. *Cây thế*: Cây mình ở trong ban này ban nọ, rồi ngang tàng phóng túng muốn sao làm vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân, quên

rằng dẫu bầu mình ra để làm việc cho dân, chứ không phải để cạy thế với dân.

3. *Hủ hóa*: Ăn muốn cho ngon, mặc muốn cho đẹp càng ngày càng xa xỉ, càng ngày càng lãng mạn, thử hỏi tiền bạc ở đâu mà ra? Thậm chí lấy của công làm việc tư, quên cả thanh liêm đạo đức. Ông ủy viên đi xe hơi, rồi bà ủy viên, cho đến các cô, các cậu ủy viên cũng dùng xe hơi của công. Thử hỏi những hao phí đó ai chịu.

4. *Tư túng*: Kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình không có tài năng gì cũng chức này, chức nọ. Người có tài có đức nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì của ai.

5. *Chia rẽ*: Bênh vực lớp này chống lại lớp khác, không biết làm cho các tầng lớp nhân nhượng với nhau, hòa thuận với nhau. Thậm chí có đôi nơi ruộng bỏ hoang, nông dân ta thán. Quên rằng lúc này ta phải toàn dân đoàn kết, không chia già trẻ, giàu nghèo để giữ nền độc lập chống kẻ thù chung.

6. *Kiêu ngạo*: Tưởng mình ở trong cơ quan của Chính phủ là thân thánh rồi coi khinh nhân dân, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mệnh” lên. Không biến thái độ kiêu ngạo đó sẽ làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến uy tín của Chính phủ.

Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm, thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nếu ai không phạm những lầm lỗi trên này thì nên chú ý tránh đi và giáng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi trên này, thì phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung.

Vì hạnh phúc của dân tộc, vì lợi ích của nước nhà mà tôi phải nói. Chúng ta phải ghi sâu những chữ công bình, chính trực vào lòng.

Mong các bạn tiến bộ.

*Tháng 10 năm 1945*

HỒ CHÍ MINH

## BÀI NÓI CHUYỆN TẠI BUỔI LỄ TỐT NGHIỆP KHOÁ THỨ NĂM TRƯỜNG HUẤN LUYỆN CÁN BỘ VIỆT NAM\*

*Các đồng chí!*

Đáng lẽ tôi phải thường thường đến thăm các đồng chí mới phải, nhưng công việc của tôi nhiều, thành thử tôi chỉ đến được hôm đầu khi khai giảng và bây giờ làm lễ tốt nghiệp thôi. Trong giấy mời tới đây nói 8 giờ bắt đầu, bây giờ 8 giờ 10 phút rồi mà nhiều người chưa đến. Tôi khuyên anh em làm việc phải cho đúng giờ, vì thời gian quý báu lắm. Tôi không có thể ở lại lâu chờ cử hành lễ tốt nghiệp được, vậy tôi có mấy lời nói chuyện với các anh em. Tôi nghe nói anh em học tập rất chăm chỉ và rất tiến bộ, tôi mừng. Một tháng giới học tập của anh em là ít quá phải không? Nhưng cái ít đó cũng tạm đủ để giúp cho anh em sau này học thêm. Anh em sẽ còn học mãi khi ra làm việc. Khi thành công thì phải nghiên cứu vì sao thành công để lấy kinh nghiệm, khi thất bại cũng sẽ xét xem tại sao thất bại để mà tránh đi.

Tôi lấy một thí dụ: các anh em cần đi Sài Gòn, người chỉ đường cho anh em nói phải đi về phương Nam và đi qua những tỉnh Thanh Hóa, Vinh, Huế, Nha Trang, v.v.. Người chỉ đường chỉ có thể chỉ cho anh em được thế thôi. Đã có phương hướng sẵn, anh em cứ theo đó mà đi, đến tỉnh nào phải qua những con sông nào, những hòn núi gì, anh em sẽ tìm hỏi sau. Miễn là anh em biết theo phương Nam mà tiến chứ không lầm đường đi ngược lên Bắc là được.

Trường huấn luyện đã giúp anh em biết phương hướng, biết nhằm mục đích mà đi. Như vậy anh em học ít nhưng bổ ích nhiều. Tôi nhắc lại anh em học bấy lâu nay được chừng ấy là quý rồi; rồi sau anh em còn phải học nữa, học mãi trong khi đi làm việc.

---

\* Nói chuyện ngày 15 tháng 11 năm 1945.

Bây giờ đây nước ta có hai việc rất quan trọng phải làm và phải tuyên truyền cổ động cho nhiều người làm: phải kháng chiến và cứu đói. Chúng ta phải quyết kháng chiến đến cùng. Trung Bộ và Bắc Bộ tuy chưa bị trực tiếp xâm lăng nhưng phải giúp cho cuộc kháng chiến Nam Bộ. Ngoài những mệnh lệnh của Chính phủ, của đoàn thể phải gắng sức thi hành cho đúng, ta cần phải có sáng kiến, phải nghĩ hết cách giúp vào cuộc giữ gìn đất nước.

Ở Bắc Bộ ta lúc này bị đói, từ tháng giêng đến tháng 7, tháng 8 vừa qua, dân ta chết đói hơn hai triệu người, nhiều gấp mấy số đồng bào tử trận tại Nam Bộ. Nạn đói còn nguy hại hơn giặc Pháp nữa. Nhiệm vụ cứu đói của chúng ta rất nặng nề, công việc cứu đói cũng gấp rút như công việc kháng chiến.

Ngoài hai việc kể trên, việc thứ ba là anh em phải hết sức nghe mệnh lệnh Chính phủ, vì Chính phủ ngày nay là Chính phủ của nhân dân mà anh em là cán bộ của Chính phủ, anh em phải hết sức thận trọng, phải hết sức giữ gìn chớ đi quá tả mà cũng đừng quá hữu.

Bốn là anh em phải làm sao cho dân yêu mến. Phải nhớ rằng dân là chủ. Dân như nước, mình như cá. Lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết.

Phải làm cho dân mến, khi sắp tới dân mong, khi đi dân tiếc, chớ vác mặt làm quan cách mạng cho dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ.

Thứ năm là mình phải làm gương cho đồng bào, phải siêng năng, hăng hái.

Tôi lấy thí dụ như trong việc cứu nạn đói, mình khuyên dân 10 ngày nhịn ăn một bữa mà chính đến ngày nhịn, mình lại cứ chén tỳ tỳ thì nghe sao được. Đáng lý dân nhịn một bữa mình nhịn hai bữa mới phải. Về việc khuyến nông cũng vậy, bảo người ta đào đất trồng ngô, trồng khoai mà lúc người ta làm mình lại ngủ thì sao được?

Miệng nói tay phải làm mới được.

Nói tóm lại anh em phải siêng năng tiết kiệm, phải có thái độ khiêm tốn, chớ kiêu ngạo. Nếu anh em nhớ được tất cả những điều đó thì không lo gì không tiến bộ được dễ dàng và các công việc của Chính phủ và đoàn thể giao cho anh em sẽ làm thành công được rục rỡ. Mong anh em nhớ lời tôi dặn lúc sắp chia tay này.

## THƯ GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ BẮC BỘ

*Cùng các đồng chí Bắc Bộ*

Tôi không có thì giờ gặp các đồng chí để phê bình, kiểm thảo và bàn bạc công việc chung. Tiếc vì hoàn cảnh không tiện. Vậy tôi có mấy lời dặn các đồng chí như sau, mong các đồng chí chú ý:

1. Trong lúc dân tộc đang ở ngã tư đường, chết hay sống, mất hay còn, mỗi một đồng chí và toàn cả đoàn thể phải đem tất cả tinh thần và lực lượng ra để đưa toàn dân quay về một hướng, nhằm vào một mục đích: đánh đuổi thực dân Pháp và làm cho nước thống nhất và độc lập.

Vì vậy mỗi một đồng chí và toàn cả đoàn thể<sup>1</sup> phải: sáng suốt, khôn khéo, cần thận, kiên quyết, siêng năng, nhất trí.

2. Cuộc trường kỳ kháng chiến này tức là dân tộc cách mệnh đến trình độ tối cao. Trong lúc này tư tưởng và hành động của mỗi một đồng chí rất có quan hệ đến toàn quốc. Nếu một người sơ suất một việc sơ suất là có thể hỏng việc to; sai một ly, đi một dặm.

Vì vậy chúng ta phải kiên quyết tẩy sạch những khuyết điểm sau đây:

*a) Địa phương chủ nghĩa:*

Chỉ chăm chú lợi ích của địa phương mình mà không nhìn đến lợi ích của toàn bộ. Làm việc ở bộ phận nào chỉ biết bênh vực vun đắp cho bộ phận ấy. Do khuyết điểm đó mà sinh ra những việc, xem qua thì như không quan hệ gì mấy, kỳ thực rất có hại đến kế hoạch chung. Thí dụ, muốn lấy tất cả cán bộ và vật liệu cho địa phương mình, không bằng lòng để cấp trên điều động cán bộ và vật liệu đến những nơi cần thiết.

*b) Óc bè phái:*

Ai hẩu với mình thì dù nói không đúng cũng nghe, tài không có cũng dùng. Ai không hẩu với mình thì dù có tài cũng dìm họ xuống, họ nói phải mấy cũng không nghe.

---

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng chữ *đoàn thể* thay cho chữ *Đảng*, vì lúc ấy Đảng ta chưa ra công khai.

Đó là một khuyết điểm rất có hại. Nó làm cho đoàn thể mất cán bộ, kém nhất trí, thường hỏng việc. Đó là một chứng bệnh rất nguy hiểm.

*c) Óc quân phiệt quan liêu:*

Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một ông vua con ở đấy, tha hồ hách dịch, hoành hành. Đối với cấp trên thì coi thường, đối với cấp dưới độc quyền lấn áp, đối với quần chúng thì ra vẻ quan cách, làm cho quần chúng sợ hãi. Cái đầu óc “ông tướng bà tướng” ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp trên xa cấp dưới, đoàn thể xa dân chúng.

*d) Óc hẹp hòi:*

Chúng ta phải nhớ rằng: người đời ai cũng có chỗ hay chỗ dở. Ta phải dùng chỗ hay của người và giúp người chữa chỗ dở. Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tùy chỗ mà dùng được.

Tư tưởng hẹp hòi, thì hành động cũng hẹp hòi, hành động hẹp hòi thì nhiều thù ít bạn (như vấn đề tôn giáo). Người mà hẹp hòi thì ít kẻ giúp. Đoàn thể mà hẹp hòi thì không thể phát triển.

*e) Ham chuộng hình thức:*

Việc gì cũng không xét đến kết quả thiết thực, cần kíp, chỉ nhằm về hình thức bề ngoài, chỉ muốn phô trương cho oai. Thí dụ: ngày nay tập quân sự cốt là biết bắn súng, dùng dao, ném lựu đạn, dùng địa thế, khéo mò dêm, khéo trinh thám. Nói tóm lại: cốt tập cho mọi người biết đánh du kích. Thế mà có nhiều nơi chỉ để thì giờ tập “một hai”. Thế thì khác gì tập lễ nhạc để đi chữa cháy.

Nhiều nơi, những hình thức tuyên truyền cổ động chỉ biết kẻ khẩu hiệu, trưng cờ biển và trang hoàng nhà thông tin tuyên truyền cho đẹp, lập chòi diễn thuyết để làm vì, còn hàng ngày các đồng chí không chịu khó gần gũi quần chúng để giải thích cho họ hiểu chu đáo những chủ trương của đoàn thể.

*f) Làm việc lối bàn giấy:*

Thích làm việc bằng giấy tờ thật nhiều. Người một nơi chỉ tay năm ngón, không chịu xuống địa phương kiểm tra công tác và chỉ vạch những kế hoạch thi hành chỉ thị, nghị quyết của đoàn thể cho chu đáo.

Những chỉ thị, nghị quyết cấp trên gửi xuống cứ việc sao nguyên văn và gửi xuống các chi bộ, chi bộ có thực hiện được chỉ thị, nghị quyết đó hay không, các đồng chí cũng không biết đến. Cái lối làm việc như



vậy rất có hại. Nó làm cho chúng ta không đi sát phong trào, không hiểu rõ được tình hình bên dưới, cho nên phần nhiều chủ trương của chúng ta không thi hành được đến nơi đến chốn.

*g) Vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm:*

Trong những vùng chiến tranh lan đến, một số đồng chí đã tự tiện bỏ địa phương mình chạy sang vùng khác làm việc mà không hề có sự quyết định của đoàn thể, của cấp trên. Như vậy các đồng chí không những đã biểu lộ tinh thần kém cỏi, việc nào dễ hay ưa thích thì làm, việc nào khó khăn hay không ưa thích thì bỏ, mà các đồng chí lại còn tỏ ra khinh thường kỷ luật của đoàn thể, làm rối loạn hàng ngũ của đoàn thể.

Nhiều nơi các đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này, đi nơi khác lại ở nguyên cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp bộ làm việc.

Có đồng chí đáng phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình nể nang, chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí có nơi che đậy cho nhau, tha thứ lẫn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy, làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa, nếu kỷ luật của đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại đoàn thể ta.

*h) Ích kỷ, hủ hóa:*

Có những đồng chí còn giữ óc địa vị, cố tranh cho được làm ủy viên này, chủ tịch kia. Có những đồng chí lo ăn ngon, mặc đẹp, lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công. Đạo đức cách mạng thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc.

Có những đồng chí hay có tính kiêu ngạo, tự mãn, cho mình là cựu chính trị phạm, là người của mặt trận, tài giỏi hơn ai hết, ai cũng không bằng mình. Vẫn biết nhà pha đế quốc là trường huấn luyện, vẫn biết Việt Minh là một đoàn thể gồm những người yêu nước, chăm lo việc cứu nước, nhưng hẳn là ngoài Việt Minh còn biết bao nhiêu người hay, người giỏi mà Việt Minh chưa tổ chức được. Và lại nếu cựu chính trị phạm, nếu “người của Mặt trận” là giỏi hơn ai hết thì những người chưa có hân hạnh ở tù, những người chưa vào Mặt trận đều vô tài, đều vô dụng cả sao?

Mỗi một đồng chí ta phải có thái độ khiêm tốn, càng cụt, càng giỏi, càng phải khiêm tốn, phải có lòng cầu tiến bộ, phải nhớ câu nói của ông thầy chúng ta<sup>1</sup>: “Phải học, phải học thêm, học thêm mãi”. Tự mãn, tự túc là co mình lại, không cho mình tiến bộ thêm.

Có những đồng chí còn giữ thói “một người làm quan cả họ được nhờ”, đem bà con, bạn hữu đặt vào chức này, việc kia, làm được hay không mặc kệ, hỏng việc đoàn thể chịu, cốt cho bà con, bạn hữu có địa vị là được.

Vẫn biết các đồng chí nói chung có nhiều ưu điểm như: nhẫn nại, chịu khó, tháo vát, nhiều sáng kiến. Đó là những tính tốt rất quý báu, nó làm căn bản cho những tính tốt khác phát triển, nhưng trong thời kỳ khó khăn nặng nề này, chỉ có những ưu điểm này thôi, cũng chưa đủ. Các đồng chí còn phải đem căn bản tốt đó mà kiên quyết khắc phục những khuyết điểm vừa kể trên thì chúng ta mới chắc đi đến thắng lợi hoàn toàn.

3. Các đồng chí phải cố làm sao cho được những điểm này:

a) *Đoàn thể phải quân sự hóa*, tư tưởng và hành động phải tuyệt đối nhất trí. Đoàn thể là đạo quân tiên phong. Nếu lúc xung phong mà người nói thế này, kẻ nói thế kia, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, thì còn mong gì thắng lợi. Chẳng những đoàn thể ta phải nhất trí mà quân, dân, chính cũng phải nhất trí.

b) Trong các cơ quan chỉ huy chọn người phải đích đáng, quyền hạn phải phân minh. Phải liên lạc mật thiết, hợp tác chặt chẽ; phải tuyệt đối tránh cái tệ lạm quyền, bao biện, xung đột, phu diễn<sup>2</sup>, và suy tị không phụ trách.

Lúc này, vấn đề cơ quan chỉ huy rất quan trọng. Cử người vào đó phải cẩn thận, nhưng khi đã cử rồi, thì phải tuyệt đối phục tùng, cấp dưới phải nghe cấp trên, có thế công việc mới chạy.

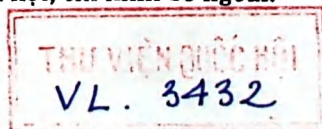
c) Phải giữ vững giao thông, liên lạc giữa các tỉnh, các khu, giữa Trung Bộ, Nam Bộ và Bắc Bộ.

Giao thông là mạch máu của mọi việc, giao thông tắc thì việc gì cũng khó. Giao thông tốt thì việc gì cũng dễ dàng.

---

1. Ý nói Lenin.

2. Phu diễn: Làm việc không thiết thực, hời hợt, chỉ nhìn bề ngoài.



Mong các đồng chí mang toàn bộ tinh thần cách mạng mà khắc phục các khuyết điểm, phát triển các ưu điểm, đồng tâm hiệp lực, đoàn kết nội bộ, mở rộng hàng ngũ, chăm chỉnh công tác để lãnh đạo toàn dân hăng hái kháng chiến, để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi vẻ vang.

Chào thân ái và quyết thắng

*Ngày 1 tháng 3 năm 1947*

HỒ CHÍ MINH

Bản sao lưu trữ

## THƯ GỬI CÁC BẠN THANH NIÊN

*Các bạn thanh niên yêu quý,*

Nhân dịp Hội nghị thanh niên Việt Nam, tôi gửi lời chào các bạn được kết quả mỹ mãn.

Sau đây, mấy ý kiến để giúp các bạn thảo luận:

Người ta thường nói: Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó.

Chúng ta phải nhận rằng thanh niên ta rất hăng hái. Nhưng chúng ta cũng phải nhận rằng phong trào thanh niên ta còn chật hẹp, mặc dầu từ ngày Cách mạng Tháng Tám đến nay, thanh niên có cơ hội để phát triển một cách mau chóng và rộng rãi hơn.

Vậy nên nhiệm vụ của các bạn là phải tìm đủ mọi cách để gây một phong trào thanh niên to lớn và mạnh mẽ.

Theo ý tôi, muốn đạt mục đích đó, thì mỗi thanh niên, nhất là mỗi cán bộ kiên quyết làm bằng được những điều sau đây:

a) Các sự hy sinh khó nhọc thì mình làm trước người ta, còn sự sung sướng thanh nhàn thì mình nhường người ta hưởng trước (tiên thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc).

b) Các việc đáng làm, thì có khó mấy cũng cố chịu quyết làm cho kỳ được.

c) Ham làm những việc ích quốc lợi dân. Không ham địa vị và công danh phú quý.

d) Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, đối với việc.

đ) Quyết tâm làm gương về mọi mặt, siêng năng, tiết kiệm, trong sạch.

e) Chớ kiêu ngạo, tự mãn, tự túc, nên nói ít làm nhiều, thân ái đoàn kết.

Như thế thì ai cũng sẽ yêu mến kính phục thanh niên và phong trào thanh niên nhất định sẽ ăn sâu lan rộng.

Hiện nay thanh niên không thiếu gì nơi hoạt động, không thiếu gì công việc làm: nào ở bộ đội, dân quân du kích, nào mở mang bình dân học vụ, nào tăng gia sản xuất, v.v..

Có chí làm thì quyết tìm ra việc, và quyết làm được việc.

Tôi lại khuyên các bạn một điều nữa, là chớ đặt những chương trình kế hoạch mênh mông, đọc nghe sướng tai nhưng không thực hiện được.

Việc gì cũng cần phải thiết thực: nói được, làm được. Việc gì cũng phải từ chỗ nhỏ dần dần đến to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hiện được hẳn hoi, hơn là một trăm chương trình to tát mà làm không được.

Đó là một kinh nghiệm của một người bạn có lịch duyệt, thật thà đem bày tỏ với các bạn. Mong các bạn gắng sức và thành công.

Chào thân ái và quyết thắng

*Ngày 17 tháng 8 năm 1947*

HỒ CHÍ MINH

## ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG\*

... Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ *chí công vô tư*. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ ngày càng ít, mà những tính tốt như sau ngày càng thêm.

Nói tóm lại, tính tốt ấy gồm có năm điều: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm.

1. *Nhân* là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ uy quyền.

Những người đã không ham, không e, không sợ gì thì việc gì là việc phải họ đều làm được.

2. *Nghĩa* là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan: Lúc Đảng giao cho việc, thì bất kỳ to, nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn.

3. *Trí*, vì không có việc tư túi nó làm mù quáng cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người. Biết xét việc. Vì vậy mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người tốt đề phòng người gian.

4. *Dũng* là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ khó khăn, có gan chịu đựng. Có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý không chính đáng. Nếu cần,

---

\* Trích trong quyển *Sửa đổi lối làm việc*, viết vào khoảng cuối năm 1947, mục 2, phần B, chương III.

thì có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát.

5. *Liêm* là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa.

Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

Đó là *đạo đức cách mạng*. Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người.

Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc. Không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì.

## BÀI NÓI CHUYỆN TRONG BUỔI BẾ MẠC HỘI NGHỊ CÁN BỘ CỦA ĐẢNG LẦN THỨ SÁU\*

Lần này, Hội nghị có đủ đại biểu Trung, Nam, Bắc và cán bộ cao cấp của Đảng trong chính quyền, quân sự, kinh tế, tài chính, đảng vụ, dân vận, kiểm tra, v.v..., về dự, đó là một điểm tốt.

Những vấn đề thảo luận thì nhiều, nhưng đều hướng vào một đường đi: kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới để tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Phương hướng đã định, ta nhằm vào phương hướng ấy mà đi, thế nào ta cũng đi tới đích.

Năm nay, những việc chúng ta phải làm là:

1. Đẩy tới quân sự, kháng chiến trên hết, quân sự trên hết. Mọi việc phải nhằm vào điểm làm cho kháng chiến thắng lợi.

2. Chấn chỉnh bộ máy chính quyền từ dưới lên trên, bắt đầu từ xã: dưới làm lên trên, trên làm xuống dưới, tự nhiên mọi việc sẽ thành.

3. Làm ra nhiều, chỉ dùng ít. Không cần thì không chi dùng. Đó là tất cả chính sách kinh tế, tài chính của ta.

4. Chỉnh đốn các đoàn thể quần chúng. Ta thắng lợi là nhờ dân mà hiện giờ nhiều đoàn thể dân chúng còn rất kém.

5. Muốn làm được những việc trên, trước hết phải chỉnh đốn nội bộ Đảng. Phải nêu ra những việc chính, nắm lấy đó mà làm.

Đảng ví như cái máy phát điện, các công việc trên ví như những ngọn đèn, máy mạnh thì đèn sáng.

Trong Đảng, có những việc khẩn yếu như:

a) Ta thiếu nhiều cán bộ quá, phải đào tạo huấn luyện cho dần dần có đủ. Muốn có nhiều cán bộ, Đảng phải giúp đỡ cho cán bộ tự học tập. Đảng đã giúp, cán bộ phải chịu khó học. Đồng chí ta nhiều người kinh nghiệm thực hành khá. Nhưng về văn hóa thì ít. Những đồng chí trí

---

\* Hội nghị bế mạc ngày 18 tháng 1 năm 1949.



thức đọc nhiều nhưng không có kinh nghiệm công tác, chưa quen nên nếp làm việc của Đảng.

Vậy phải nâng cao lý luận cho cán bộ cũ và dạy cho cán bộ trí thức làm công tác quần chúng.

b) Lối làm việc trong Đảng hiện nay mắc hai khuyết điểm:

- Cán bộ cũ làm việc theo lối thủ công nghiệp.

- Cán bộ mới làm việc theo lối khoa học nhưng lại quá trớn, không hợp với hoàn cảnh kháng chiến.

Phải sửa chữa lối làm việc cho hợp lý, vừa với điều kiện của ta, đừng phạm vào hình thức, máy móc.

c) Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến.

Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước. Đồng chí ta nhiều người đã làm được nhưng vẫn còn những người hủ hóa. Đảng có trách nhiệm gột rửa cho các đồng chí đó.

Hô hào dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước dân. Đồng chí ta phải học lấy bốn đức cách mạng: cần, kiệm, liêm, chính.

Muốn làm cách mạng, phải cải cách tính nết mình trước tiên.

d) Đồng chí ta, tuy có khi khác nhau về chủng tộc hay khác nhau về nguồn gốc giai cấp, nhưng là những người cùng chủ nghĩa, cùng mục đích, cùng sống, cùng chết, chung sướng, chung khổ, cho nên phải thật thà, đoàn kết. Muốn đi tới mục đích, không phải chỉ tổ chức là đủ, phải chân thành trong tư tưởng nữa.

Ta có hai cách để thực hiện thống nhất tư tưởng, đoàn kết nội bộ là: *Phê bình và tự phê bình.*

Từ trên xuống dưới, ai nấy đều phải dùng nó để càng ngày càng đoàn kết, tiến bộ.

đ) Giữ kỷ luật.

Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thật chỉ như một người. Đó là nhờ có kỷ luật. Kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Các đồng chí chúng ta cần phải ra sức giữ gìn kỷ luật sắt của Đảng.

\*

\* \*

Ta họp trong lúc phong trào cách mạng thế giới đang tiến triển rất mau, nhất là cuộc thắng lợi của nhân dân và Đảng Trung Quốc.

Ta là Đảng Đông Dương, nhưng còn có nhiệm vụ giúp sức vào công việc giải phóng Đông Nam châu Á nữa. Vì ở châu Á, về lực lượng thì sau Đảng Trung Quốc, Đảng ta là đảng mạnh; về thành tích thì Đảng ta là đảng đầu tiên ở Đông Nam Á giành được chính quyền. Nói như thế không phải để tự cao, tự đại, mà để cố gắng làm tròn trách nhiệm.

Thế giới ngót 2.000 triệu người, số đảng viên cộng sản có trên 20 triệu, đổ đồng cứ 100 người dân là có một người cộng sản. Ở Đông Dương, theo số liệu hiện nay, cứ 112 người dân là có một người cộng sản. Đó là một điều đáng mừng. Nếu ai cũng làm được đầy đủ nhiệm vụ thì kháng chiến nhất định chóng thắng lợi, kiến quốc nhất định chóng thành công.

Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!

Cách mạng thế giới thành công muôn năm!

## ĐẠO ĐỨC CŨ VÀ ĐẠO ĐỨC MỚI\*

Có người cho đạo đức cũ và đạo đức mới không có gì khác nhau. Nói như vậy là lầm to. Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều.

Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất, chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngưỡng lên trời. Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính, nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước, cho dân.

Nói về cần, kiệm, liêm, chính của ta cho đầy đủ thì phải nói dài. Hôm nay không có thì giờ, Bác chỉ nói vắn tắt.

Nếu cả ngày các chú chỉ hùng hục làm việc của mình, không dạy cho bộ đội chăm chỉ học tập chính trị, quân sự để giết được nhiều giặc, không khuyến khích và giúp đỡ nhân dân tăng gia sản xuất, phục vụ tiền tuyến thì cũng chưa thực hiện chữ *cần*.

Không tiêu pha hoang phí tiền riêng của các chú cũng chưa phải là *kiệm*. Các chú còn phải biết tiết kiệm của công, dạy cho bộ đội biết tiết kiệm của công thì mới thật là *kiệm*.

Các chú không lấy của công làm của tư, không lấy chiến lợi phẩm về cho gia đình, bè bạn, mới chỉ là *liêm* một nửa. Các chú dạy cho bộ đội và khuyến khích nhân dân không lấy của công, không lấy chiến lợi phẩm làm của riêng, mới là *liêm*.

Phải quý trọng tất cả mọi công việc và của cải của Chính phủ. Thí dụ: đi đường thấy cột dây thép đở mà dựng lên là *chính*, không dựng là không *chính*. Không chấp hành mệnh lệnh cũng không *chính*.

*Cần, kiệm, liêm, chính* của ta là đạo đức của người quân nhân cách mạng. Các chú phải thực hiện đạo đức đó.

---

\* Trích bài *Nói chuyện tại Trường chính trị trung cấp quân đội*, ngày 25 tháng 10 năm 1951. Đây là phần thứ VI trong bài nói chuyện đó.

## THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG THAM Ô, LÃNG PHÍ, QUAN LIÊU\*

(Trích)

...

Muốn lúa tốt thì phải nhổ cỏ cho sạch, nếu không thì cày bừa có kỹ, bón phân nhiều, lúa vẫn xấu vì lúa bị cỏ át đi. Muốn thành công trong việc tăng gia sản xuất và tiết kiệm cũng phải nhổ cỏ cho sạch, nghĩa là phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Nếu không thì nó sẽ làm hại đến công việc của ta.

**Tham ô là gì?**

- *Đứng về phía cán bộ mà nói, tham ô là:*

Ăn cắp của công làm của tư, đục khoét của nhân dân, ăn bớt của bộ đội, tiêu ít mà khai nhiều. Lợi dụng của chung, của Chính phủ làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình cũng là tham ô.

- *Đứng về phía nhân dân mà nói, tham ô là:*

Ăn cắp của dân, khai gian tập thể.

**Lãng phí là gì?**

Lãng phí có nhiều cách:

*Lãng phí sức lao động:* Vì kém tinh thần phụ trách, vì tổ chức sắp xếp vụng, việc gì ít người cũng làm được mà vẫn dùng nhiều người.

Trong quân đội, các cơ quan, các xí nghiệp, đều có khuyết điểm ấy. Trong việc sửa chữa đường, cầu phục vụ chiến dịch, lãng phí dân công khá nhiều, vì tổ chức không khéo, đó là một thí dụ.

*Lãng phí thì giờ:* Việc gì có thể làm trong một ngày một buổi, cũng kéo dài đến mấy ngày. Thí dụ: những cuộc khai hội vì người phụ trách chuẩn bị chương trình không đầy đủ, người đến dự hội thì không chuẩn

---

\* Bài viết năm 1952, nhân dịp có phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

bị ý kiến, đáng lẽ chỉ một ngày thì bàn bạc và giải quyết xong vấn đề, song cuộc khai hội kéo dài đến 5, 3 ngày.

*Lãng phí của công:* Có rất nhiều hình thức, đây chỉ nêu vài thí dụ:

- Các cơ quan dùng vật liệu một cách phí phạm.
- Các xí nghiệp dùng máy móc và nguyên liệu không đúng mức.
- Cục vận tải giữ gìn xe cộ, tiết kiệm dầu mỡ không triệt để.
- Sở kho thóc làm kho tàng không cẩn thận, người giữ kho kém tinh thần trách nhiệm để thóc ẩm ướt, hao hụt, hư hỏng.
- Mậu dịch không khéo tính toán sắp xếp, để hàng hóa hao hụt, lỗ vốn.
- Bộ đội không biết quý trọng giữ gìn quân trang, quân dụng và chiến lợi phẩm.
- Ngân hàng không khéo sử dụng tiền bạc để tiền bạc không bổ ích cho việc tăng gia sản xuất.
- Cơ quan kinh tế làm kế hoạch không thiết thực, không sát với hoàn cảnh, để cách mạng, Chính phủ lỗ vốn.
- Nhân dân bỏ hoang ruộng đất, đốt vàng mã, cầm trâu, bán ruộng để làm đám cưới, đám ma, v.v...

*Tham ô là trộm cướp.* Lãng phí tuy không lấy của công đút túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ, có khi tai hại hơn nạn tham ô.

Có nạn tham ô và lãng phí là vì bệnh quan liêu. Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng, đối với công việc thì trông hình thức mà không xem xét khắp mọi nơi, không vào sâu vấn đề, chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ *không kiểm tra đến nơi, đến chốn.*

Nói tóm lại, vì những người và những cơ quan lãnh đạo *mắc bệnh quan liêu* thành thử có mắt mà không thấu suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững, kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí.

Thế là bệnh quan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí thì trước hết phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

## THAM Ô, LÃNG PHÍ LÀ KẼ THÙ CỦA NHÂN DÂN

**A. Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, bộ đội và Chính phủ.**

Nó là kẻ thù khá nguy hiểm. Vì nó không mang gươm, mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta để làm hỏng công việc của ta.

Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu dù cố ý hay không cũng là bạn đồng minh của thực dân, phong kiến. Vì nó làm chậm trễ công cuộc kháng chiến và kiến quốc của ta. Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí vượt khó khăn của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính.

Để kháng chiến thắng lợi, để xây dựng nước nhà, chiến sĩ thì hy sinh xương máu, đồng bào thì hy sinh mồ hôi nước mắt để đóng góp. Mà những kẻ tham ô, lãng phí và quan liêu thì phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của chính phủ và nhân dân, tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi việt gian, mật thám.

Vì những lẽ đó, chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị.

Cũng như ở các mặt trận khác, muốn thắng ở mặt trận này ắt phải có chuẩn bị kế hoạch, tổ chức, ắt phải có lãnh đạo và trung kiên.

**B. Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cách mạng.**

Cách mạng là tiêu diệt những cái gì xấu, xây dựng những cái gì tốt. Chúng ta làm cách mạng tiêu diệt chế độ thực dân, phong kiến, để xây dựng dân chủ mới.

Thực dân phong kiến tuy bị tiêu diệt, nhưng các tật xấu của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu) vẫn còn, thì cách mạng vẫn chưa hoàn toàn thành công, vì các tật xấu ấy ngấm ngấm ngăn trở, ngấm ngấm phá hoại sự nghiệp xây dựng của cách mạng.

Có những người trong lúc đấu tranh thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là có *công với cách mạng*; song đến khi có ít nhiều quyền hạn trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, không tự giác, cho nên lại biến thành người có tội với cách mạng.

Chúng ta phải cứu vớt họ, giúp họ khôi phục đạo đức cách mạng. Có những người miệng thì nói: phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân,

nhưng về vật chất, dễ dàng phạm vào tham ô, lãng phí, hại đến Tổ quốc, nhân dân. Chúng ta phải giáo dục họ, đưa họ vào con đường cách mạng.

Tham ô, lãng phí, quan liêu là những xấu xa của xã hội cũ. Nó do lòng tự tư tự lợi, ích kỷ hại nhân mà ra. Nó do chế độ “người bóc lột người” mà ra.

Chúng ta muốn xây dựng một xã hội mới, một xã hội tự do, bình đẳng, một xã hội cần, kiệm, liêm, chính, cho nên chúng ta phải tẩy cho sạch hết cái thói xấu của xã hội cũ.

### C. Chống tham ô, lãng phí là dân chủ

Bộ đội không ngại hy sinh xương máu để kháng chiến cứu nước. Đồng bào không ngại hy sinh mồ hôi nước mắt để cứu nước. Chiến sĩ gửi tính mệnh mình, đồng bào gửi công gửi của mình trong tay Chính phủ và đoàn thể để kháng chiến kiến quốc. Đó cũng là một hình thức *tập trung dân chủ*.

Chính phủ và đoàn thể giao cho cán bộ quyền điều khiển bộ đội, sử dụng tiền của trong công cuộc kháng chiến kiến quốc. Nhiệm vụ của cán bộ là chăm nom, yêu mến mỗi chiến sĩ, quý trọng, tiết kiệm mỗi một đồng tiền, một bát gạo, một giờ công của đồng bào. Đồng thời, chiến sĩ và đồng bào có *quyền* đòi hỏi cán bộ phải làm tròn nhiệm vụ đó. Có *quyền phê bình*, chỉ trích những cán bộ nào không làm tròn nhiệm vụ đó.

*Dân chủ* là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng. Cho nên, phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt *phải dựa vào lực lượng quần chúng* mới thành công.

Quần chúng tức là toàn thể các chiến sĩ trong quân đội, toàn thể công nhân trong xưởng, toàn thể nhân viên trong cơ quan, v.v.. rồi đến toàn thể nhân dân. Cũng như mọi việc khác, việc “chống” này *phải động viên quần chúng, phải thực hành dân chủ*, phải làm cho quần chúng hiểu rõ, làm cho quần chúng hăng hái tham gia thì mới chắc chắn thành công. Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng.

*Nhiệm vụ của quần chúng* là phải hăng hái tham gia phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Chiến sĩ xuất công, nhân dân xuất của để đánh giặc, cứu nước. Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ “giặc ở trong lòng”. Nếu chiến sĩ và nhân dân ra sức chống ngoại xâm mà quên *chống giặc nội xâm* như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình. Vì vậy, chiến sĩ và nhân dân phải hăng hái tham gia phong trào ấy.

## BÀI NÓI CHUYỆN Ở LỚP NGHIÊN CỨU NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ IX, DO TRUNG ƯƠNG TỔ CHỨC\*

Bác được biết các cô, các chú là thanh niên xung phong, lái xe ô tô, bộ đội bảo vệ, cán bộ các ngành đều cố gắng công tác, Bác khen ngợi các cô các chú.

1. Bây giờ các cô, các chú đang học 8 chính sách, 10 điều kỷ luật. Các cô các chú có mấy thắc mắc:

- “Vào Hà Nội phải có quần áo đẹp”. Như thế là không đúng. Người ta quý trọng người tốt, chứ không quý trọng vì có áo quần đẹp.

- “Lương bổng như thế nào?”. Bác có thể trả lời ngay rằng Chính phủ sẽ đảm bảo cho các cô, các chú giữ đủ mức sống hiện nay. Tùy theo giá sinh hoạt cao hay thấp mà mức lương có thể tăng hoặc giảm, cốt giữ cho được mức sinh hoạt bình thường.

- “Tương lai công tác của mình thế nào?”. Về điểm này, Đảng, Chính phủ và Bác sẽ bảo đảm cho ai nấy đều có công việc theo năng lực của mình. Nếu làm được việc thì Đảng, Chính phủ luôn luôn săn sóc đến, giao công tác cho. Ai mà tự kiêu tự mãn thì sẽ thoái bộ; khi đó không trách được Đảng và Chính phủ.

2. Bác bổ sung một điều đáng thắc mắc mà các cô các chú không ai nêu ra. Không nêu được điều đáng thắc mắc ấy là một khuyết điểm rất to của các cô các chú. Điều đó là: *khí về xuôi thì đạo đức và nhân cách của mình phải thế nào?*

Các cô các chú là những người kháng chiến, đều đã được học tập, rèn luyện, thường thực hiện tự phê bình và phê bình. So với người không tham gia kháng chiến, không được học tập, rèn luyện, các cô các chú tiến bộ hơn rất nhiều.

---

\* Nói chuyện ngày 5 tháng 7 năm 1954.



Tiến bộ ở những điểm nào?

- Chịu đựng gian khổ;

- Tinh thần luôn luôn cố gắng làm tròn nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ giao cho.

Đảng và Chính phủ đã đào tạo cho các cô các chú thành những người tốt, mặc dù còn nhiều khuyết điểm phải sửa chữa.

3. Bây giờ về xuôi thì thế nào?

Học cái tốt thì khó, ví như người ta leo núi phải vất vả khó nhọc mới lên đến đỉnh. Học cái xấu thì dễ, như ở trên đỉnh núi chỉ trượt chân một cái là nhào xuống vực sâu.

Mấy năm kháng chiến, các cô các chú đã học được nhiều đức tính tốt. Về xuôi, nhất là về thành thị, sẽ có nhiều thứ phức tạp, nhiều thứ quyến rũ mình vào thói xấu.

Ta ở rừng núi, quen tiết kiệm của công, của riêng. Đó là điều tốt. Về xuôi, Bác chỉ nói vài việc nhỏ: phở ngon, rồi thì đồng hồ, bút máy, xe đạp, v.v... Nếu không giữ được thói quen tiết kiệm thì sẽ tham ăn ngon, ham sắm các thứ xa hoa. Lương không đủ thì sẽ lấy ở đâu? Lúc ấy chỉ có hai cách: một là ăn cắp của Chính phủ, hai là bị tiền mua chuộc...

Một vài thí dụ: có kẻ buôn lậu, sợ anh bắt, cho anh cái đồng hồ, bút máy để đi thoát. Cán bộ đi mua bán, con buôn cho ăn một ít để mua đất bán rẻ cho nó. Thế là ăn hối lộ đấy, mà ăn hối lộ là có tội vì hại cho nhân dân, thiệt đến công quỹ, có thể có những người, khi kháng chiến thì rất anh dũng, trước bom đạn địch không chịu khuất phục, nhưng đến khi về thành thị thì lại bị tiền bạc, gái đẹp quyến rũ, mất lập trường, sa vào tội lỗi.

Cho nên bom đạn của địch không nguy hiểm bằng “đạn bọc đường” vì nó làm hại mình mà mình không trông thấy.

Muốn giữ vững nhân cách, tránh khỏi hủ hóa, thì phải luôn luôn thực hành bốn chữ mà Bác thường nói, đó là: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Cuối cùng, Bác dặn các cô các chú: về xuôi phải làm gương mẫu trong mọi việc, tùy hoàn cảnh của mình mà gần gũi, giúp đỡ nhân dân. Gương mẫu trong lời nói, việc làm, thái độ, sao cho người ta thấy rõ mình là con người kháng chiến. Ngay đối với những người không kháng chiến, những người “đinh tê”, cũng không khinh rẻ họ, mà phải giúp đỡ họ tiến bộ, để họ

cùng ta làm việc. Việc nước là việc chung, mà việc nước thì rất nhiều, chỉ Bác cháu ta không làm hết được đâu. Chúng ta phải dùng năng lực của mọi người.

Bất kỳ trước đây họ là thế nào, nếu ngày nay họ thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, nếu họ muốn thật thà phục vụ Tổ quốc phục vụ nhân dân, thì chúng ta cần cộng tác với họ.

Bác mong các cô, các chú nhớ kỹ và thực hành những điều đó.

Bản sao lưu trữ

## MẤY LỜI CĂN DẶN CÁC ĐƠN VỊ BỘ ĐỘI VÀO THÀNH\*

Suốt 8 năm kháng chiến, các chú đã làm kiểu mẫu anh dũng, do đó mà chúng ta thắng lợi. Nay chúng ta về thành thị, các chú cũng phải làm kiểu mẫu đúng đắn, để tranh lấy thắng lợi trong hòa bình.

Ở thành thị tình hình phức tạp, có nhiều sự quyến rũ làm cho người ta mê muội, hủ hóa, trụy lạc. Để tránh những cạm bẫy nguy hiểm ấy, để làm tròn nhiệm vụ cao quý của quân đội nhân dân, toàn thể cán bộ và chiến sĩ ta phải ghi nhớ và làm đúng những lời Bác dặn như sau:

- Chớ tự kiêu, tự mãn.
- Chớ rượu chè, cờ bạc, trai gái, hút thuốc phiện.
- Chớ để lộ bí mật.
- Chớ xa xỉ, tham ô, lãng phí.
- Phải kính trọng nhân dân, giúp đỡ nhân dân, đoàn kết với nhân dân.
- Phải khiêm tốn, nghiêm chỉnh.
- Phải giữ gìn tính chất trong sạch, chất phác của người chiến sĩ

Cách mạng.

- Phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính.
- Phải làm đúng mười điều kỷ luật.
- Phải luôn luôn cảnh giác, và phải thực hiện tự phê bình và phê bình để tiến bộ không ngừng.

Bác mong các chú tiến bộ và chúc các chú mạnh khỏe.

---

\* Nói chuyện vào đầu tháng 10 năm 1954.

## BÀI NÓI CHUYỆN VỚI ANH CHỊ EM CÔNG CHỨC Ở THỦ ĐÔ\*

Xa cách 8 năm vì kháng chiến, hôm nay lần đầu tiên gặp anh chị em, tôi rất vui lòng. Nhân dịp này, tôi muốn nói chuyện với anh chị em 3 điểm:

1. **Đoàn kết** - Sau 15 năm chiến tranh, nước ta bị tàn phá, dân ta bị cực khổ. Nay hòa bình mới trở lại, chúng ta phải hàn gắn những vết thương do chiến tranh gây ra, và xây dựng lại đời sống bình thường của nhân dân. Công việc rất nhiều, rất phức tạp.

Trong công việc, chúng ta có nhiều thuận lợi, mà cũng có nhiều khó khăn.

*Thuận lợi* vì nhân dân ta rất tốt, Chính phủ ta kiên quyết, cán bộ ta cố gắng; và vì ta có các nước bạn và nhân dân thế giới nhiệt liệt ủng hộ.

*Khó khăn* vì hã y còn những tư tưởng cũ, quan điểm cũ, thói quen cũ, lề lối cũ. Và vì sức phản động trong nước và ngoài nước.

Để phát triển những thuận lợi và khắc phục những khó khăn, điều cần thiết nhất cho chúng ta là đoàn kết.

Ai cũng biết hiện nay chúng ta có hai lớp cán bộ, cán bộ kháng chiến và cán bộ khác. Nhưng chúng ta phải biết rằng nay hai lớp ấy đều là cán bộ của chính quyền nhân dân, tức là như anh em một nhà. Cho nên chúng ta cần phải xóa bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ lẫn nhau để cùng tiến bộ, để cùng phục vụ nhân dân.

Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm trọn nhiệm vụ nhân dân giao phó cho chúng ta.

2. **Tăng năng suất công tác** - Bất kỳ ở địa vị nào làm công tác gì, chúng ta đều là đầy tớ của nhân dân. Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng, đều do mồ hôi nước mắt của nhân dân mà

---

\* Nói chuyện ngày 30 tháng 11 năm 1954.

ra. Vì vậy chúng ta phải đền bù xứng đáng cho nhân dân. Muốn làm như vậy, chúng ta phải cố gắng thực hiện cần, kiệm, liêm, chính.

Trước hết là Cần, tức là tăng năng suất trong công tác, bất kỳ công tác gì.

Kiệm tức là không lãng phí thì giờ, của cải của mình và của nhân dân.

Liêm tức là không tham ô, và luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của nhân dân.

Chính tức là việc phải thì dù nhỏ cũng làm, việc trái thì dù nhỏ cũng tránh.

Bốn điều đó đi liền với nhau.

Riêng về tăng mức công tác và tiết kiệm của công, chúng ta đều thấy anh em công nhân ở các nhà máy và các công trường đã xung phong thực hiện. Cán bộ ở các ngành, các cơ quan nên cố gắng thi đua với anh em công nhân.

**3. Học tập** - Tình hình thế giới và trong nước luôn luôn biến đổi, công việc của chúng ta nhiều và mới, kỹ thuật của thế giới ngày càng tiến bộ, nhưng sự hiểu biết của chúng ta có hạn. Muốn tiến bộ kịp sự biến đổi vô cùng tận, thì chúng ta phải nghiên cứu, học tập. Nghiên cứu, học tập lý luận và kỹ thuật.

Vì lẽ đó, hiện nay đang tổ chức những lớp nghiên cứu cho cán bộ.

Việc nghiên cứu học tập ấy không phải là gò ép. Tùy ý mỗi người, không miễn cưỡng.

Tôi chắc rằng đại đa số anh chị em đều muốn tiến bộ, cho nên nhiều người sẽ muốn học.

Song các anh em phụ trách hướng dẫn cần phải chú ý: làm thế nào cho việc học tập thiết thực, vui vẻ; không nên câu nệ, hình thức, tuyệt đối tránh cách nhồi sọ. Lý luận và thực hành phải đi đôi với nhau.

Nếu anh chị em cán bộ cố gắng thực hiện 3 điều nói trên, thì chúng ta nhất định thắng lợi trong công cuộc củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn Việt Nam yêu quý của chúng ta.

## BÀI NÓI CHUYỆN TẠI BUỔI LỄ KHAI MẠC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHÂN DÂN VIỆT NAM\*

Hôm nay Bác thay mặt Chính phủ đến hỏi thăm các cháu và chúc các cháu vui vẻ, mạnh khỏe, thi đua học tập, cố gắng tiến bộ.

Sau đây Bác nêu vài ý kiến về việc giáo dục thanh niên để giúp các thầy giáo và các cháu nghiên cứu.

Trước hết chúng ta phải hiểu rõ học thế nào? Học cái gì? Học để làm gì?

Trong mấy mươi năm nô lệ, đế quốc và phong kiến đã dùng giáo dục nô lệ để nhồi sọ thanh niên ta, làm cho thanh niên ta hư hỏng. Ngày nay dân tộc ta đã được giải phóng, thì thanh niên ta cũng cần phải mạnh dạn chuyển hướng trong việc học tập. Nay Bác chỉ tóm tắt nêu mấy điểm:

*Những điều nên làm:* Phải vạch rõ ranh giới, chia rõ phải trái.

Vạch rõ ranh giới là phải nhận rõ ai là bạn, ai là thù? *Đối với người*, ai làm gì lợi ích cho nhân dân, cho Tổ quốc ta đều là bạn. Bất kỳ ai làm điều gì có hại cho nhân dân và Tổ quốc ta tức là kẻ thù. *Đối với mình*, những tư tưởng và hành động có lợi ích cho Tổ quốc, cho đồng bào là bạn. Những tư tưởng và hành động có hại cho Tổ quốc và đồng bào là kẻ thù. Thế là chẳng những ở ngoài, mà chính ở trong mình ta cũng có bạn và thù. Vì vậy chúng ta cần phải ra sức tăng cường bạn ở trong và ở ngoài, kiên quyết chống lại kẻ thù ở ngoài và ở trong mình ta.

Điều gì phải, thì cố làm cho kỳ được, dù là việc nhỏ. Điều gì trái, thì hết sức tránh, dù là một điều trái nhỏ.

Trước hết phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân. Phải có tinh thần dân tộc vững chắc và tinh thần quốc tế đúng đắn. Phải yêu và trọng lao động. Phải giữ gìn kỷ luật. Phải bảo vệ của công. Phải quan tâm đến đời sống của nhân dân. Phải chú ý đến tình hình thế giới, vì nước ta là một bộ phận của thế giới, mọi việc trong thế giới đều có quan hệ với nước ta, việc gì trong nước ta cũng quan hệ với thế giới. Thí dụ: Đế quốc Mỹ ép Quốc hội Pháp

---

\* Ngày 19 tháng 1 năm 1955.

thông qua hiệp định để Tây Đức vũ trang lại, tức là để gây chiến tranh, nếu có chiến tranh thì sẽ ảnh hưởng không ít đến nước ta. Nhân dân ta ra sức giữ gìn hòa bình, khôi phục lại kinh tế, chống đế quốc Mỹ, như thế là góp phần thiết thực vào việc bảo vệ hòa bình thế giới.

Phải quan tâm đến việc khôi phục và xây dựng lại nước nhà. Nhiệm vụ của thanh niên không phải là hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà. Mình phải làm thế nào cho ích lợi nước nhà nhiều hơn? Mình đã vì lợi ích nước nhà mà hy sinh phấn đấu chừng nào?

Thanh niên cần phải có tinh thần và gan dạ sáng tạo, cần phải có chí khí hăng hái và tinh thần tiến lên, vượt mọi khó khăn, gian khổ để tiến mãi không ngừng.

Cần phải trung thành, thật thà chính trực.

*Những điều nên chống:* Thanh niên cần phải chống tâm lý tự tư tự lợi, chỉ lo lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình. Chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Chống thói xem khinh lao động, nhất là lao động chân tay. Chống lười biếng, xa xỉ. Chống cách sinh hoạt uỷ mị. Chống kiêu ngạo, giả dối, khoe khoang.

*Thanh niên và xã hội:*

Giáo dục thanh niên không thể tách rời mà phải liên hệ chặt chẽ với những cuộc đấu tranh của xã hội. Trong xã hội cũ có nhiều nọc độc nó làm hại thanh niên. Nhất là văn hóa độc ác của Mỹ, họ dùng mọi cách như sách báo, phim ảnh, v.v.. để làm cho thanh niên hư hỏng, trụy lạc. Thậm chí một số thanh niên hóa ra lưu manh, trộm cắp, cờ bạc, v.v.. Vì vậy, sự giáo dục thanh niên phải liên hệ vào dư luận của xã hội, lực lượng của Chính phủ để ngăn ngừa những cái gì có thể ảnh hưởng xấu đến thanh niên, để nâng cao tính cảnh giác của thanh niên.

Trong trường cần có *dân chủ*. Đối với mọi vấn đề thầy và trò cùng nhau thảo luận, ai có ý kiến gì đều thật thà phát biểu. Điều gì chưa thông suốt, thì hỏi, bàn cho thông suốt. Dân chủ nhưng trò phải kính thầy, thầy phải quý trò, chứ không phải là “cá đối bằng đầu”. Đồng thời thầy và trò cần giúp đỡ những anh chị em phục vụ cho nhà trường. Các anh chị em nhân viên thì nên thi đua sao cho cơm lành canh ngon để cho học sinh ăn no, học tốt.

Trường học, gia đình và đoàn thể thanh niên phải liên hệ chặt chẽ trong việc giáo dục thanh niên.

Thanh niên phải chuyên tâm học hành và công tác, nhưng cũng cần có *vui chơi*.

Vui chơi lành mạnh là một bộ phận trong sự sinh hoạt của thanh niên. Ở trường này các cháu học tập, ăn ở tập thể đông đảo trai có, gái có. Các cháu phải thương yêu giúp đỡ nhau như anh em, chị em; đồng thời phải kính trọng nhau như đồng học, đồng chí. Quyết chí phóng túng, lười thôi. Phải làm cho cha mẹ các nữ học sinh yên tâm và tin cậy, phải giữ vững danh dự của trường và danh dự của tất cả học sinh. Trong vui chơi cũng có giáo dục. Cần có những thú vui chơi văn hóa, thể dục có tính chất tập thể và quần chúng.

Trường học, gia đình và đoàn thể thanh niên cần phải chú ý đến giáo dục tư tưởng, thái độ, hoạt động và sinh hoạt hằng ngày của thanh niên để kịp thời khuyến khích, uốn nắn, sửa chữa.

Trường này là trường Đại học nhân dân, các cháu học với các thầy giáo, đồng thời phải học nhân dân. Trong bộ đội ta, trong dân công và những ngành hoạt động khác, có nhiều thanh niên gương mẫu. Điều đó chứng tỏ rằng thanh niên ta nói chung rất hăng hái, rất tốt. Vài thí dụ: Trong bộ đội có những thanh niên anh hùng như La Văn Cầu, Giáp Văn Khương, Nguyễn Thị Chiên...; ở công trường đường xe lửa có những chiến sĩ gương mẫu như Lê Văn Quy, Nguyễn Thị Mùi, Nguyễn Trọng Tuy, Lê Văn Phát và nhiều thanh niên khác. Trong thời kỳ kháng chiến, họ là những chiến sĩ du kích anh dũng. Ngày nay trong công cuộc khôi phục kinh tế nước nhà, họ là những chiến sĩ lao động anh dũng. Thanh niên ở các công trường, các nhà máy khác cũng vậy. Như đoàn thanh niên xung phong, gặp việc gì khó, việc gì cần, họ cũng đều xung phong. Mong các cháu noi theo những gương thanh niên kiểu mẫu ấy, các cháu cùng thi đua học tập, thi đua tiến bộ, xung phong công tác xã hội, để góp phần vào công cuộc đấu tranh chung của nhân dân cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước, để xứng đáng là *lớp đầu tầu* của trường Đại học nhân dân, để rèn luyện thành chủ nhân xứng đáng tương lai của nước nhà.



## BÀI NÓI CHUYỆN Ở TRƯỜNG CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN\*

...Công đoàn phải giáo dục cho công nhân về đạo đức vô sản, đạo đức cách mạng.

Đạo đức vô sản, đạo đức cách mạng là thế nào?

Mỗi một người công nhân phải hiểu rằng trong mấy mươi năm nay, Đảng, giai cấp công nhân và nhân dân ta đấu tranh cách mạng để đánh đuổi bọn đế quốc thực dân, đánh đổ phong kiến, cho nhân dân nói chung, cho giai cấp công nhân nói riêng làm chủ nước nhà.

Vậy đã là người chủ nước nhà, thái độ phải thế nào cho đúng?

Công nhân phải hiểu *tương lai của công nhân và tương lai của xí nghiệp phải dính liền*. Công nhân phải hiểu xí nghiệp là của mình, làm chủ nước nhà là nói chung, làm chủ xí nghiệp là nói riêng, xí nghiệp có phát triển, tương lai của công nhân mới tiến lên.

Cá nhân mỗi công nhân, đối với nước nhà phải thế nào?

Chế độ này là của ta, phải bảo vệ chế độ của ta. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là của ta, phải bảo vệ Nhà nước của ta. Ai xâm phạm đến Nhà nước của ta, đến chế độ ta, ta phải chống lại họ, bất cứ bằng lời nói hay việc làm.

Còn thế nào nữa?

Công nhân phải hiểu *lao động là vẻ vang*. Trước kia ta lao động cho tư bản, phong kiến, đế quốc... Còn ta bây giờ lao động cho ta. Bất cứ làm nghề gì, có ích cho nước nhà, cho nhân dân, cho giai cấp đều là vẻ vang. Bất cứ nấu bếp, quét nhà hay làm chủ tịch, đều phải lao động cả, làm gì ích nước lợi dân là vẻ vang.

Của cải mình lao động ra là của nước nhà, của nhân dân, là của mình, là của công. Nhân dân, đặc biệt là giai cấp công nhân, phải bảo vệ của cải ấy. Để bảo vệ của cải chung đó, đối với thói tham ô, lãng phí, ta phải chống lại.

---

\* Trích bài nói chuyện ngày 19 tháng 1 năm 1957.

Thế đã đủ chưa?

Chưa đủ, mỗi một công nhân, đã là chủ của xí nghiệp, chủ nước nhà, phải *tự nguyện tự giác giữ kỷ luật lao động*. Giờ làm việc thì đi chậm, chưa hết giờ đã nghỉ, không phải là thái độ của người chủ xí nghiệp, chủ Nhà nước. Nếu ai cũng hăng hái làm mà có một số công nhân lười cũng không được! Muốn giữ kỷ luật lao động phải có tinh thần hăng hái, có tính sáng tạo. Hăng hái thì các cô, các chú đã biết. Còn thế nào là tính sáng tạo? Trước kia tư bản không cho công nhân phát triển tài năng. Nhà máy dệt Nam Định trước chỉ cho mỗi công nhân đứng một máy, nay về ta thì công nhân đứng được nhiều máy. Nhà máy về ta, ta cố làm nhiều, làm tốt, tìm hết mọi cách để tiến bộ mãi, đó là tính sáng tạo, đó là thái độ tiên tiến.

Tính hăng hái, sáng tạo tỏ ra ở chỗ thi đua. Thi đua không phải là tranh đua. Mọi người phải cố gắng tiến bộ, không giấu nghề, người đi trước hiểu biết, dẫn người đi sau, làm cho mọi người cùng tiến bộ.

Thi đua là phải làm cho *tốt*. Làm xấu mau hỏng, dùng không bền. Lại phải làm *nhiều* mới đủ dùng. Phải làm *nhANH* và phải làm *rẻ*, không phí phạm thì giờ, nguyên vật liệu, v.v...

Hiện nay có hai khẩu hiệu: *Tăng gia sản xuất và Thực hành tiết kiệm*. Hai điều đó phải đi đôi, thiếu một là không được. Mục đích công đoàn là phải cải thiện đời sống công nhân, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của giai cấp công nhân nói riêng và của nhân dân nói chung.

Bây giờ anh em mong được lên lương có chính đáng không? Có. Nhưng tăng lương gấp đôi mà hàng đắt, vẫn không ăn thua gì. Nuôi lợn ít mà muốn ăn thịt nhiều là không được.

Công đoàn phải hiểu để giải thích cho công nhân, công nhân phải hiểu để giải thích cho nhân dân là: phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm.

Tiền và hàng hóa phải đi đôi với nhau.

Nói về ngân sách của ta, Nhà nước thu thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, v.v. để chi tiêu cho các công việc ích lợi cho dân, nhưng ta thu còn ít mà phải chi nhiều, nên còn nhờ các nước bạn giúp. Phải hiểu đó là tinh thần quốc tế vô sản rất quý. Song sự giúp đỡ của các nước bạn cho ta cũng chỉ có hạn. Căn bản là ta phải tự lực cánh sinh, cố gắng sản xuất.

Về cải thiện sinh hoạt, tuyên truyền của công đoàn có lệch lạc, chỉ nói đời sống công nhân Liên Xô, Trung Quốc hiện nay sung sướng, lương

cao, nhà rộng, có xe ô tô, v.v.. Điều đó đúng, nhưng mới chỉ đúng một nửa. Liên Xô lúc Cách mạng Tháng Mười mới thành công cái gì cũng còn thiếu, được thứ gì ngon thì bán ra ngoài để mua máy móc sản xuất. Có thể nói là nhân dân và giai cấp công nhân Liên Xô phải thắt lưng buộc bụng để xây dựng. Mãi 9 năm sau, tình hình mới khá hơn. Ở Trung Quốc cũng vậy, cách mạng thành công năm 1949 mà mãi đến năm 1954 mới cải thiện sinh hoạt được bước đầu. Ta thì mới xây dựng hòa bình được hai năm. Bây giờ mà đòi cái gì cũng phải đủ là vô lý. Tuy vậy, Đảng và Chính phủ cũng luôn luôn chú ý cải thiện đời sống cho công nhân. Bây giờ có đỡ hơn trước, nhưng phải dần dần, mỗi mùa một ít, mỗi năm một ít. Có người hoặc không hiểu, hoặc cố ý không muốn hiểu. Họ muốn chia rẽ Đảng với công nhân, chia rẽ Chính phủ với nhân dân. Ai nói sai, ta phải phản đối.

Tóm lại, về đạo đức vô sản, công nhân phải hiểu mình là chủ xí nghiệp, chủ nước nhà, hiểu lao động là vẻ vang, phải giữ gìn của công, chống tham ô lãng phí, phải bảo vệ kỷ luật lao động, phải thi đua làm tốt, nhiều, mau, rẻ. Cải thiện sinh hoạt phải dựa trên cơ sở tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm...

## BÀI NÓI CHUYỆN TẠI LỚP CHÍNH HUẤN CÁN BỘ TRUNG, CAO CẤP CỦA BỘ QUỐC PHÒNG\*

Thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, Bác hỏi thăm sức khỏe các chú. Các chú ở đây có đủ các đơn vị, các ngành, các cơ quan, nhà trường, cán bộ miền Nam, miền Bắc, miền xuôi, miền ngược, trong Đảng và ngoài Đảng, già có, trẻ có, đó là hình ảnh đoàn kết nhất trí của Quân đội nhân dân ta.

Thời gian nghiên cứu vừa qua, các chú đã hoàn toàn nhất trí với nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ mười hai, đó là điều rất tốt. Trong hội nghị, Tổng Quân ủy đã tự phê bình thành khẩn, cán bộ phê bình tốt và tự phê bình bước đầu tốt. Các chú cũng biết Đảng ta, quân đội ta, chế độ ta nhờ có phê bình và tự phê bình nên ngày càng tiến. Phê bình và tự phê bình cũng ví như người đi hai chân. Hai chân cùng khỏe thì tiến mau, nếu một chân dài, một chân ngắn thì tiến chậm.

Trong hội nghị, các chú đã phê phán và phân biệt rõ cái gì sai, cái gì đúng, kiểm điểm ưu điểm, khuyết điểm trong một số công tác lớn, liên hệ thấy rõ những tư tưởng tốt và tư tưởng sai lệch của bản thân, hiểu rõ hơn nhiệm vụ xây dựng quân đội. Do đó mà củng cố được lập trường tư tưởng, tăng cường đoàn kết nhất trí trên với dưới, dưới với trên. Đó là những thành tích mà các chú cần phát triển.

Bây giờ có mấy điều Bác dặn, các chú nhớ lấy mà thực hiện: *Cần tiếp tục học tập nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa*. Có nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa thì sau này mới tránh được nhiều sai lầm khác. Tiếp tục học tập nâng cao lập trường tư tưởng và trình độ kỹ thuật của mình. Kỹ thuật hiện nay càng ngày càng tiến, không gắng học tập thì sẽ lạc hậu. Phải cố gắng xây dựng được nền nếp chính quy trong đơn vị. Có người nói: "Trước ta chẳng chính quy gì cũng đánh thắng!". Không đúng.

---

\* Huấn thị vào tháng 5 năm 1957.

Tình thế ngày một tiến. Trước là thời kỳ khác, nay là thời kỳ khác. Quân đội ta nhất định phải tiến từng bước lên chính quy và hiện đại.

Phải học để phát huy tư tưởng đúng, uốn nắn tư tưởng không đúng. Tư tưởng không đúng, cũng còn có nhiều. Nhưng có một tư tưởng mẹ: đó là chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân là trái với chủ nghĩa tập thể. Do chủ nghĩa cá nhân mà đẻ ra các tư tưởng sai lệch khác. Trước hết là tư tưởng công thân. Do công thân sinh ra kiêu ngạo, kèn cựa, địa vị. Đảng và quân đội ta có truyền thống đấu tranh anh dũng; điều đó ta có quyền tự hào. Nhưng tự hào để phát huy truyền thống tốt ấy lên, không phải để võ ngực khoe ta có công với kháng chiến, với cách mạng, với nhân dân. Ta nên biết rằng nếu chúng ta tách rời nhân dân, Đảng, quân đội thì chúng ta không tài nào lập được công trạng gì cả. Công trạng của cá nhân chủ yếu là nhờ tập thể mà có. Vì vậy người có công trạng không nên tự kiêu mà cần khiêm tốn. Khiêm tốn và rộng lượng, đó là hai đức tính mà người cách mạng nào cũng phải có.

Cũng do chủ nghĩa cá nhân mà sinh ra lo lắng tiền đồ bản thân. Cái này chẳng những trong quân đội mà trong Dân, Chính, Đảng đều có. Muốn cho tiền đồ mình được sung sướng, vẻ vang là đúng. Nhưng muốn cho mình sung sướng vẻ vang thì trước hết phải làm cho nhân dân, bộ đội mình được sung sướng vẻ vang. Tiền đồ cá nhân nằm trong tiền đồ tập thể. Không cố gắng làm cho tập thể sung sướng, vẻ vang, thì cá nhân không thể sung sướng vẻ vang được. Ví dụ: Trong một chuyến xe lửa đang chạy (chuyến xe lửa là một tập thể), có người nghĩ rằng: "Cùng đi thế này chậm, ta nhảy xuống chạy chắc nhanh hơn". Thế là nguy hiểm.

Do chủ nghĩa cá nhân mà sinh ra đòi hỏi hưởng thụ, đãi ngộ. Người ta ai cũng muốn ăn ngon, mặc đẹp, nhưng muốn phải cho đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc nhân dân ta còn thiếu thốn mà một người nào đó muốn riêng hưởng ăn ngon, mặc đẹp, như vậy là không có đạo đức.

Vì vậy chúng ta phải cố gắng công tác sao cho dân tộc, nhân dân mình được ăn ngon, mặc đẹp thì bản thân sẽ được ăn ngon, mặc đẹp. Đảng và Chính phủ rất muốn cho mọi người được no ấm nên đã đề ra tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Chỉ trên cơ sở tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm mới cải thiện sinh hoạt cho nhân dân, cán bộ, quân đội. Nhân dân Liên Xô ngày nay ai cũng được sung sướng. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng, sau cách mạng thành công, nhân dân

Liên Xô phải thất lưng buộc bụng, gian khổ phấn đấu 18 năm trời, đời sống mới được cải thiện và sung sướng như ngày nay. Ta so với Liên Xô thì thế nào? Dân ta ít hơn, kinh tế lạc hậu, nước ta chưa thống nhất, hòa bình vừa mới ba năm; như vậy mà cứ yêu cầu hưởng thụ, tăng lương, cải thiện sinh hoạt nhanh là chủ quan.

Tóm lại, các chú cần tiếp tục học tập, uốn nắn tư tưởng sai lệch, nhất là tư tưởng cá nhân chủ nghĩa. Mặt khác, phải đề cao trách nhiệm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng quân đội, trước mắt là hoàn thành tốt chỉnh huấn cán bộ sơ cấp và chiến sĩ, đồng thời cố gắng giúp Đảng và Chính phủ, quân đội giải quyết khó khăn, phát huy thuận lợi.

Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mấu chốt. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết. Đoàn kết trên dưới, cán bộ và chiến sĩ, miền Nam và miền Bắc, trong và ngoài Đảng, quân đội và nhân dân, đoàn kết rộng rãi với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Các chú đều biết, trong kháng chiến ta gặp rất nhiều khó khăn, lực lượng địch mạnh hơn ta nhiều, nhưng nhờ đoàn kết mà ta đã thắng. Nay trong xây dựng hòa bình, ta cũng biết đoàn kết thì nhất định thành công. Không phải chỉ đoàn kết ngoài miệng mà phải thực sự, đoàn kết trong công tác, trong học tập. Muốn đoàn kết tốt thì phải phê bình, tự phê bình tốt, nghĩa là xuất phát từ đoàn kết mà phê bình và tự phê bình, phê bình và tự phê bình để đi đến đoàn kết hơn nữa, đó là một điểm rất quan trọng. Thực hiện đúng nhất định sẽ khắc phục được nhiều khó khăn, tranh thủ được miền Nam, xây dựng được nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh.

Chúc các chú vui vẻ, mạnh khỏe, cố gắng tranh lấy thành tích mới, Bác gửi lời hỏi thăm tất cả cán bộ và chiến sĩ ở đơn vị và đồng bào nơi các chú đóng quân.

## BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI SINH VIÊN VIỆT NAM LẦN THỨ HAI\*

(Trích)

Hồi Bác còn đồng tuổi với các cháu ở đây, thì Bác phải đi rửa bát hoặc làm nhiều công việc khác để lấy tiền mà đi học. Vì lúc đó chưa có Đảng, chưa có Hội thanh niên hoặc sinh viên, mà lúc đó nói đến yêu nước là thực dân Pháp nó chặt đầu. Còn bây giờ các cháu có thể phát triển hết khả năng của mình.

Thanh niên bây giờ là một thế hệ vẻ vang, vì vậy cho nên phải tự giác tự nguyện mà tự động cải tạo tư tưởng của mình để xứng đáng với nhiệm vụ của mình. Tức là thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì nhưng cũng không lợi gì cho loài người.

Các cháu ít hay nhiều cũng có mang cái dấu vết của xã hội cũ, cái tư tưởng tiểu tư sản. Tư tưởng tiểu tư sản là cái gì? Nó là cá nhân chủ nghĩa. Cá nhân chủ nghĩa nó để ra cái tư tưởng danh lợi, chỉ muốn làm ông này ông khác, bà này bà khác. Rồi tư tưởng danh lợi, lại để ra con nó, rồi con nó lại để ra cháu nó... tức là hai cái khinh là: Khinh lao động chân tay và khinh người lao động chân tay và hai cái sợ là: sợ khó nhọc và sợ khổ.

Muốn sửa chữa cá nhân chủ nghĩa thì khi làm bất kỳ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước mà phải nghĩ đến đồng bào, đến toàn dân đã. Ta có câu nói: "Có khó nhọc thì mình nên đi trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau", làm việc gì mình cũng nghĩ đến lợi ích chung trước và lợi ích riêng sau.

...

---

\* Nói chuyện ngày 7 tháng 5 năm 1958.

## ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG\*

Từ lúc đầu, loài người đã phải *đấu tranh* đối với giới tự nhiên để sống còn, như chống thú dữ, chống mưa nắng... Muốn thắng lợi, thì mỗi người phải dựa vào lực lượng của số đông người, tức là của tập thể, của *xã hội*. Riêng lẻ từng *cá nhân* thì nhất định không thắng nổi tự nhiên, không sống còn được.

Để sống còn, loài người lại phải *sản xuất* mới có ăn, có mặc. Sản xuất cũng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội. Chỉ riêng lẻ cá nhân cũng không sản xuất được.

Thời đại của chúng ta là thời đại văn minh, thời đại cách mạng, mọi việc càng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội; cá nhân càng không thể đứng riêng lẻ mà càng phải hòa mình trong tập thể, trong xã hội.

Do đó, *chủ nghĩa cá nhân* là trái ngược với *chủ nghĩa tập thể* và chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa xã hội nhất định thắng, chủ nghĩa cá nhân nhất định phải tiêu diệt.

Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển và biến đổi mãi, do đó mà tư tưởng của người, chế độ xã hội, v.v. cũng phát triển và biến đổi. Chúng ta đều biết từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chỗ dùng cày cấy, búa đá phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa, và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ cộng sản chủ nghĩa.

Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được.

Từ khi có chế độ của riêng thì xã hội chia thành *giai cấp*, giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột, do đó có *mâu thuẫn* xã hội, có *đấu tranh* giữa các giai cấp, và từ đó, người nào cũng thuộc vào hoặc giai cấp này hoặc giai cấp khác, không ai có thể đứng ngoài giai cấp. Đồng thời, mỗi người đại biểu cho *tư tưởng* của giai cấp mình.

---

\* Bài viết tháng 12 năm 1958.



Trong xã hội cũ, bọn phong kiến địa chủ, bọn tư bản và đế quốc thẳng tay áp bức, bóc lột những tầng lớp người khác, nhất là công nhân và nông dân. Chúng cướp của chung do xã hội sản xuất ra, làm của riêng của cá nhân chúng, để chúng “ngồi mát ăn bát vàng”. Nhưng miệng chúng luôn luôn huênh hoang những danh từ “đạo đức”, “tự do”, “dân chủ”, v.v...

Không thể chịu áp bức, bóc lột mãi, công nhân, nông dân và nhân dân lao động khác nổi lên làm *cách mạng* để tự giải phóng và để *cải tạo* xã hội cũ xấu xa thành xã hội mới tốt đẹp, trong đó những người lao động đều được ấm no sung sướng, không có người bóc lột người.

Để giành lấy thắng lợi, cách mạng nhất định phải *do giai cấp công nhân lãnh đạo*. Vì nó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất, và tổ chức chặt chẽ nhất. Mà đảng vô sản là bộ tham mưu của giai cấp công nhân. Cách mạng ở Liên Xô và ở các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa đã chứng thực điều đó, không ai chối cãi được.

Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang.

Sinh trưởng trong xã hội cũ, chúng ta ai cũng mang trong mình hoặc nhiều hoặc ít vết tích xấu xa của xã hội đó về tư tưởng, về thói quen... Vết tích xấu nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ là *chủ nghĩa cá nhân*. Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng.

Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế mà càng nguy hiểm.

Muốn gột rửa sạch những vết tích xấu xa của xã hội cũ, muốn rèn luyện đạo đức cách mạng, thì chúng ta phải ra sức học tập, tu dưỡng, tự cải tạo để tiến bộ mãi. Nếu không cố gắng để tiến bộ, thì tức là thoái bộ, là lạc hậu.

Mà thoái bộ và lạc hậu thì sẽ bị xã hội tiến bộ sa thải.

Không phải chỉ ở tại nhà trường, có lên lớp, mới học tập, tu dưỡng, rèn luyện và tự cải tạo được. Trong mọi hoạt động cách mạng, chúng ta đều có thể và đều phải học tập, tự cải tạo. Thời kỳ hoạt động bí mật, thời kỳ khởi nghĩa, thời kỳ kháng chiến, và ngày nay công việc xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà đều là những trường học rất tốt cho chúng ta rèn luyện đạo đức cách mạng.

Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước. Vì lợi ích chung của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc và của loài người mà không ngần ngại hy sinh tất cả lợi ích riêng của cá nhân mình. Khi cần, thì sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình cũng không tiếc. Đó là biểu hiện rất rõ rệt, rất cao quý của đạo đức cách mạng.

Trong Đảng ta, các đồng chí Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai và nhiều đồng chí khác đã vì dân, vì Đảng mà oanh liệt hy sinh, đã nêu gương chói lọi của đạo đức cách mạng chí công vô tư cho tất cả chúng ta học tập.

Có đạo đức cách mạng thì khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa. Đó cũng là biểu hiện của đạo đức cách mạng.

\*

\* \*

Nói tóm tắt, thì đạo đức cách mạng là:

Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng.

Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

Ra sức học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ.

Mỗi người cách mạng phải hiểu thật sâu sắc rằng: Đảng ta là một đội ngũ tiên tiến nhất và tổ chức chặt chẽ nhất của giai cấp công nhân, là người lãnh đạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Hiện nay, giai cấp công nhân ta tuy chưa đông lắm, nhưng nó càng ngày càng phát triển. Mai sau, hợp tác xã nông nghiệp sẽ được tổ chức khắp nơi, nông thôn sẽ dùng nhiều máy móc, nông dân sẽ biến thành công nhân. Người trí thức dần dần lao động chân tay, và sự phân biệt giữa trí thức và công nhân cũng sẽ xóa bỏ dần. Công nghiệp của nước ta ngày càng phát triển. Vì vậy, số công nhân ngày thêm đông, sức công nhân ngày thêm mạnh, tiền đồ của giai cấp công nhân rất rộng rãi và vẻ vang. Nó vừa cải tạo thế giới, vừa cải tạo bản thân mình.

Người cách mạng phải thấy thật rõ điều đó, và đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, để hết lòng hết sức đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, cho giai cấp công nhân và cho toàn thể nhân dân lao động. *Đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân.*

Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng ta không có lợi ích gì khác. Vì vậy mục đích trước mắt của Đảng ta là đấu tranh để đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, và thực hiện thống nhất nước nhà.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đấu tranh anh dũng, đánh đổ ách thống trị của thực dân và phong kiến, giải phóng hoàn toàn miền Bắc nước ta.

Đó là một thắng lợi to lớn. Nhưng cách mạng chưa phải đã thành công hoàn toàn. Vì mục tiêu hiện nay của Đảng là đấu tranh thống nhất nước nhà, để thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; làm cho cả nước không còn ai bị bóc lột, xây dựng một xã hội mới, trong đó mọi người được sung sướng, ấm no.

Nhưng công nghiệp của ta còn lạc hậu. Nhờ có sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em, trước hết là Liên Xô và Trung Quốc, chúng ta đang phát triển công nghiệp. Để giành lấy thắng lợi, *công nhân* ta phải ra sức thi đua sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ; phải chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật lao động và

tích cực tham gia quản lý xí nghiệp; phải chống lãng phí, tham ô. *Cán bộ* ta phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính, cùng công nhân tham gia lao động.

*Nông dân* ta đã được chia ruộng đất, đời sống có khá hơn trước một phần. Nhưng cách sản xuất vẫn còn phân tán, lạc hậu; do đó thu hoạch chưa được tăng nhiều, đời sống mới được cải thiện ít. Nông thôn ta cần phải đẩy mạnh phong trào tổ đổi công và hợp tác xã cho rộng khắp và chắc chắn để thực sự tăng gia sản xuất, có như thế thì đồng bào nông dân mới hoàn toàn thoát khỏi cảnh nghèo khổ và được ấm no hơn.

*Cho nên đạo đức cách mạng là ra sức phấn đấu để thực hiện mục tiêu của Đảng*, hết sức trung thành phục vụ giai cấp công nhân và nhân dân lao động, tuyệt đối không thể lừng chùng.

Số đông đảng viên, đoàn viên và cán bộ ta làm đúng như thế. Nhưng cũng có một số không làm đúng. Họ lầm tưởng rằng miền Bắc không còn thực dân và phong kiến nữa, thì tức là cách mạng thành công rồi. Do đó mà họ để *chủ nghĩa cá nhân* chớm nở, họ yêu cầu hưởng thụ, yêu cầu nghỉ ngơi, họ muốn lựa chọn công tác theo ý thích của cá nhân mình, không muốn làm công tác mà đoàn thể giao phó cho họ. Họ muốn địa vị cao, nhưng lại sợ trách nhiệm nặng. Dần dần, tinh thần đấu tranh và tính tích cực của họ bị kém sút, chí khí anh dũng và phẩm chất tốt đẹp của người cách mạng cũng kém sút; họ quên rằng tiêu chuẩn số một của người cách mạng là *quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng*.

Chúng ta cần phải biết rằng: những thắng lợi mà chúng ta đạt được mới chỉ là bước đầu trên đường đi muôn dặm. Chúng ta phải tiến lên, cách mạng phải tiến lên nữa. Nếu không tiến, tức là thoái. Và nếu thoái thì những thắng lợi đã đạt được sẽ không thể củng cố và phát triển.

Để tiến lên chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh phải lâu dài và gian khổ. Cần có người cách mạng là vì còn có *kẻ địch* chống lại cách mạng.

Kẻ địch gồm có ba loại. Chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc là kẻ địch rất nguy hiểm.

Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to; nó ngấm ngấm ngăn trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài.

Loại địch thứ ba là *chủ nghĩa cá nhân*, tư tưởng tiểu tư sản còn ẩn nấp trong mình mỗi người chúng ta. Nó chờ dịp - hoặc dịp thất bại, hoặc dịp thắng lợi - để ngóc đầu dậy. Nó là bạn đồng minh của hai kẻ địch kia.

Vì vậy, *đạo đức cách mạng* là vô luận trong hoàn cảnh nào, cũng quyết tâm đấu tranh, chống mọi kẻ địch, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu. Có như thế mới thắng được địch, và thực hiện được nhiệm vụ cách mạng.

Sở dĩ Đảng ta có thể lãnh đạo giai cấp công nhân và toàn dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, là vì Đảng ta có chính sách đúng đắn và lãnh đạo thống nhất. Mà lãnh đạo thống nhất là vì toàn thể đảng viên tư tưởng nhất trí và hành động nhất trí.

Nếu đảng viên tư tưởng và hành động không nhất trí, thì khác nào một mớ cát rời, “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Như vậy, thì không thể lãnh đạo quần chúng, không thể làm cách mạng.

Lời nói và việc làm của đảng viên rất quan hệ đến sự nghiệp cách mạng, vì nó ảnh hưởng lớn đến quần chúng. Ví dụ: chính sách của Đảng và của Chính phủ ta hiện nay là tổ chức rộng khắp và chặt chẽ các *tổ đổi công* và *hợp tác xã*, thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp. Nhưng có một số đảng viên và đoàn viên không vào tổ đổi công, không vào hợp tác xã hoặc vào nhưng không tích cực góp phần xây dựng, củng cố tổ đổi công và hợp tác xã. Đó là vì *chủ nghĩa cá nhân* đã đưa các đồng chí ấy đến chỗ “tự do hành động” trái với tổ chức và kỷ luật của Đảng. Dù muốn hay là không muốn, hành động của những đồng chí ấy làm giảm sút uy tín và ngăn trở sự nghiệp của Đảng, ngăn trở bước tiến của cách mạng.

Những chính sách và nghị quyết của Đảng đều vì lợi ích của nhân dân. Vì vậy, *đạo đức cách mạng* của người đảng viên là bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng *kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng*, làm gương mẫu cho quần chúng. Mọi đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng; phải ngăn ngừa và kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân.

Đảng ta đại biểu cho *lợi ích chung* của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu *lợi ích riêng* của một nhóm người nào, của cá nhân nào. Điều đó ai cũng biết.

Giai cấp công nhân chẳng những đấu tranh để tự giải phóng, mà còn để giải phóng cả loài người khỏi áp bức, bóc lột. Cho nên lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích của nhân dân là nhất trí.

Đảng viên là người thay mặt Đảng đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy lợi ích của người đảng viên phải

ở trong chứ không thể ở ngoài lợi ích của Đảng, của giai cấp. Đảng và giai cấp thắng lợi và thành công, tức là đảng viên thắng lợi và thành công. Nếu rời khỏi Đảng, rời khỏi giai cấp, thì cá nhân dù tài giỏi mấy, cũng nhất định không làm nên việc gì.

*Đạo đức cách mạng* là vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt *lợi ích của Đảng lên trên hết*. Nếu khi lợi ích của Đảng và lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với nhau, thì lợi ích cá nhân phải tuyệt đối phục tùng lợi ích của Đảng.

Vì chưa rửa gột sạch *chủ nghĩa cá nhân*, cho nên có đảng viên còn kể công với Đảng. Có ít nhiều thành tích, thì họ muốn Đảng “cảm ơn” họ. Họ đòi ưu đãi, họ đòi danh dự và địa vị. Họ đòi hưởng thụ. Nếu không thỏa mãn yêu cầu của họ thì họ oán trách Đảng, cho rằng họ “không có tiền đồ”, họ “bị hy sinh”. Rồi dần dần họ xa rời Đảng, thậm chí phá hoại chính sách và kỷ luật của Đảng.

Nhiều đồng chí hoạt động trong thời kỳ bí mật và nhiều chiến sĩ trong thời kỳ kháng chiến đã oanh liệt hy sinh cả tính mạng; những anh hùng và chiến sĩ lao động hết lòng hết sức tăng gia sản xuất; những đồng chí ấy không đòi địa vị và danh dự, không bao giờ đòi Đảng cảm ơn.

Đảng ta là một đảng có tính chất quần chúng, có hàng chục vạn đảng viên. Vì hoàn cảnh nước ta mà số đông đảng viên thuộc thành phần tiểu tư sản. Điều đó không có gì lạ. Dù vì ảnh hưởng của tư tưởng tư sản mà lúc đầu có đảng viên lập trường thiếu vững chắc, quan điểm còn mơ hồ, tư tưởng thiếu đúng đắn, nhưng được rèn luyện trong cách mạng và trong kháng chiến, nói chung đảng viên ta là tốt, trung thành với Đảng, với cách mạng.

Các đồng chí ấy hiểu rằng: đảng viên phạm sai lầm thì sẽ đưa quần chúng đến sai lầm, cho nên khi có sai lầm thì các đồng chí ấy sẵn sàng và kịp thời sửa chữa, không để nhiều sai lầm nhỏ cộng thành sai lầm to. Do đó, các đồng chí ấy biết *thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình* đồng chí khác để cùng nhau tiến bộ.

Như thế là đúng với *đạo đức cách mạng*. Trong bao nhiêu năm hoạt động bí mật, dù bị bọn thực dân khủng bố gắt gao, và Đảng ta gặp rất nhiều khó khăn nguy hiểm, nhưng Đảng ta ngày càng phát triển, càng mạnh mẽ, và đã lãnh đạo nhân dân làm cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi. Đó là vì Đảng ta khéo dùng cái vũ khí sắc bén *phê bình và tự phê bình*.

Nhưng vẫn có một số ít đảng viên bị *chủ nghĩa cá nhân* trối buộc mà trở nên kiêu ngạo, công thần, tự cao, tự đại. Họ phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình họ; không tự phê bình hoặc tự phê bình một cách không thật thà, nghiêm chỉnh. Họ sợ tự phê bình thì sẽ mất thể diện, mất uy tín. Họ không lắng nghe ý kiến của quần chúng. Họ xem khinh những cán bộ ngoài Đảng. Họ không biết rằng: có hoạt động thì khó mà hoàn toàn tránh khỏi sai lầm. Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình. Không chịu nghe phê bình và không tự phê bình thì nhất định lạc hậu, thoái bộ. Lạc hậu và thoái bộ thì sẽ bị quần chúng bỏ rơi. Đó là kết quả tất nhiên của chủ nghĩa cá nhân.

Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi. Đồng thời, Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng, thì cách mạng mới thành công.

*Đạo đức cách mạng* là hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Do lời nói và việc làm, đảng viên, đoàn viên và cán bộ làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết quần chúng chặt chẽ chung quanh Đảng, tổ chức, tuyên truyền và động viên quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng.

Trong cách mạng và kháng chiến, chúng ta đã làm đúng như vậy.

Nhưng hiện nay, *chủ nghĩa cá nhân* đang ám ảnh một số đồng chí. Họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, họ xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ ngại làm việc tổ chức, tuyên truyền và giáo dục quần chúng. Họ mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Kết quả là quần chúng không tin, không phục, càng không yêu họ. Chung quy là họ không làm nên trò trống gì.

\*

\* \*

Miền Bắc nước ta đang tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Đó là yêu cầu cấp bách của hàng chục triệu người lao động. Đó là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Chủ nghĩa cá

nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên *thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.*

Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là “giày xéo lên lợi ích cá nhân”. Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể, thì không phải là xấu. Nhưng lại phải thấy rằng chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình.

Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số ít người thuộc giai cấp thống trị là được thỏa mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Trái lại, trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thỏa mãn.

Lợi ích của cá nhân gắn liền với lợi ích của tập thể. Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể, thì đạo đức cách mạng đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể.

Cách mạng tiến lên mãi, Đảng tiến lên mãi. Cho nên người cách mạng cũng phải tiến lên mãi.

Phong trào cách mạng lôi cuốn hàng ức hàng triệu người. Công việc cách mạng là nghìn điều muôn loại phức tạp khó khăn. Để cân nhắc mọi hoàn cảnh phức tạp, nhìn rõ các mâu thuẫn, để giải quyết đúng các vấn đề, thì chúng ta phải *cố gắng học tập lý luận Mác-Lênin.*

Có học tập lý luận Mác-Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình.

Học tập chủ nghĩa Mác-Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ



biến của chủ nghĩa Mác-Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn.

Nhưng có đồng chí học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác-Lênin. Họ tự cho mình là hiểu biết chủ nghĩa Mác-Lênin hơn ai hết. Song khi gặp việc thực tế, thì họ hoặc là máy móc, hoặc là lúng túng. Lời nói và việc làm của họ không nhất trí. Họ học sách vở Mác-Lênin nhưng không học tinh thần Mác-Lênin. Học để trang sức, chứ không phải để vận dụng vào công việc cách mạng. Đó cũng là *chủ nghĩa cá nhân*.

Chủ nghĩa cá nhân để ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân.

Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó.

Hiện nay, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta là ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm để xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững mạnh cho công cuộc thống nhất nước nhà. Đó là một nhiệm vụ cực kỳ vẻ vang. Chúng ta, tất cả đảng viên, đoàn viên, tất cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng cần phải quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm chất cao quý của người cách mạng, đó là đạo đức cách mạng, đó là tính đảng, tính giai cấp, nó bảo đảm cho sự thắng lợi của Đảng, của giai cấp, của nhân dân.

Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người.

Rất mong các đồng chí đảng viên, đoàn viên, cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng đều cố gắng, đều tiến bộ.

## BÀI NÓI CHUYỆN Ở LỚP CHÍNH HUẤN KHOÁ II, CỦA BỘ CÔNG AN\*

(Trích)

Gần một tháng học tập, các cô, các chú đã thấy được cách mạng xã hội chủ nghĩa là vĩ đại. Thấy được như vậy là tiến bộ, nhưng chưa đủ. Các cô các chú là cán bộ cần phải nhận thức sâu hơn nữa. Phải thấy càng vĩ đại bao nhiêu thì càng gian khổ bấy nhiêu. Thí dụ: đào một con kênh càng rộng, càng sâu, càng dài thì cần phải bỏ ra nhiều công sức, càng vất vả khó nhọc. Đó mới chỉ là việc đào kênh, còn xây dựng chủ nghĩa xã hội là thay đổi cả xã hội, thay đổi cả thiên nhiên, làm cho xã hội không còn người bóc lột người, không còn đói rét, mọi người đều được ấm no và hạnh phúc. Một cuộc thay đổi vĩ đại như vậy tất nhiên phải mất nhiều công sức. Mất nhiều công sức thì nhất định là phải vất vả, gian khổ. Nhưng gian khổ mỗi thời kỳ có khác nhau: hồi hoạt động bí mật gian khổ khác, trong kháng chiến gian khổ khác, bây giờ xây dựng chủ nghĩa xã hội gian khổ khác. Gian khổ đó ai phải ra sức vượt qua trước? Đó là Đảng, là đảng viên và cán bộ. Phải nhận thức cho rõ điều ấy, chớ không phải vào Đảng để hưởng thụ, để làm quan cách mạng. Và thấy gian khổ là để vượt qua, chứ không phải là để lùi bước.

Nhiệm vụ của công an thì nhiều, nhưng nói tóm tắt là bảo vệ sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Nên nhớ rằng bọn Mỹ - Diệm, bọn phản động không bao giờ muốn cho chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, công an phải luôn luôn cảnh giác ngăn ngừa những hành động phá hoại của chúng để bảo vệ lợi ích của nhân dân, bảo vệ sự nghiệp cách mạng. Đó là nhiệm vụ nặng nề, gian khổ đồng thời cũng rất vẻ vang. Không phải được đặng báo, được nêu trên đài phát thanh mới là vẻ vang, mà bất kỳ làm công việc gì có ích cho cách mạng, cho nhân dân, cho xã hội đều là vẻ vang cả.

---

\* Nói chuyện ngày 16 tháng 5 năm 1959.

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là phải đi đến hoàn toàn không có chủ nghĩa cá nhân. Trong đầu óc mọi người đều có sự đấu tranh giữa cái “thiện” và cái “ác”, hoặc nói theo cách mới là sự đấu tranh giữa tư tưởng cộng sản và tư tưởng cá nhân.

Tư tưởng cộng sản với tư tưởng cá nhân ví như lúa với cỏ dại. Lúa phải chăm bón rất khó nhọc thì mới tốt được. Còn cỏ dại không cần chăm sóc cũng mọc lu bù. Tư tưởng cộng sản phải rèn luyện gian khổ mới có được. Còn tư tưởng cá nhân thì cũng như cỏ dại, sinh sôi, nảy nở rất dễ.

Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra nhiều cái xấu, thiên hình vạn trạng. Thí dụ: lười biếng, hủ hóa, suy tính tiền đồ, cho rằng ngành công an gian khổ, vất vả nhiều mà ít được ai biết, ít được huân chương; đòi hỏi đãi ngộ, so bì lương thấp, lương cao; công thân địa vị: cho rằng ở trong Đảng lâu năm mà không được đề bạt bằng người vào Đảng ít năm hơn; không an tâm công tác; ở công an thì muốn sang ngành khác; có quyền hạn một chút là thiếu dân chủ, chỉ tay năm ngón; đối với nội bộ thì suy bì, ganh tỵ, không đoàn kết với nhau, v.v... Còn có thể nêu ra nhiều thí dụ nữa, nhưng tóm lại cái gì trái với đạo đức cách mạng đều là chủ nghĩa cá nhân. Muốn thành người cách mạng, thành người cộng sản chân chính thì phải chống chủ nghĩa cá nhân.

Chủ nghĩa cá nhân không phải chống một lần mà hết được. Trong lớp này, các cô các chú kiểm thảo thành khẩn là điều tốt, tiến bộ. Nhưng không phải kiểm thảo xong là gột rửa hết chủ nghĩa cá nhân. Ví như rửa mặt thì phải rửa hàng ngày. Vì vậy kiểm thảo ở đây không phải là xong, là đủ mà còn phải tiếp tục luôn luôn phê bình, tự phê bình, kiểm thảo trong mọi việc.

Bác nói một điểm nữa là: làm công an thì phải làm cho dân tin, dân yêu, dân ủng hộ. Có dựa vào nhân dân thì công an mới hoàn thành được tốt nhiệm vụ của mình. Nhân dân có hàng triệu tai mắt thì kẻ địch khó mà che giấu được. Nếu trong công tác, các cô các chú được dân ủng hộ, làm cho dân tin, dân phục, dân yêu thì nhất định các cô các chú thành công. Muốn được như vậy cũng phải trau dồi đạo đức cách mạng, cũng phải chống chủ nghĩa cá nhân.

Một điểm nữa là tất cả cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động phải nâng cao tinh thần trách nhiệm. Như Bác đã nói ở trên,

nhiệm vụ của các cô, các chú rất nặng nề. Muốn làm tròn nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang đó, phải luôn luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm. Có như vậy mới xứng đáng là người cán bộ được Đảng và nhân dân tín nhiệm.

Tóm lại:

1. Phải trau dồi đạo đức cách mạng.
2. Phải nâng cao tinh thần trách nhiệm.

Muốn vậy phải luôn luôn chống chủ nghĩa cá nhân.

Bản sao lưu trữ

## BÀI NÓI CHUYỆN Ở HỘI NGHỊ BÀN VỀ CUỘC VẬN ĐỘNG CHỈNH HUẤN MÙA XUÂN NĂM 1961\*

*Các đồng chí,*

Toàn Đảng ta sắp làm một cuộc chỉnh huấn để nâng cao sức chiến đấu mới, tiến lên giành những thắng lợi mới, trong thời kỳ phát triển mới của cách mạng.

Nhân dịp này, tôi xin góp một vài ý kiến:

VÌ SAO CẦN CHỈNH HUẤN?

30 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đấu tranh cực kỳ gian khổ, anh dũng, và đã giành được thắng lợi to lớn.

Ngày nay, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã căn bản hoàn thành. Chế độ người bóc lột người căn bản đã bị xóa bỏ. Nhân dân lao động đã trở thành người chủ xã hội, người chủ Nhà nước.

Với thắng lợi ấy, chúng ta đã có thể đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cho nước ta có một nền công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, có một nền văn hóa và khoa học tiên tiến. Miền Bắc ta giàu mạnh là cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh để hòa bình thống nhất nước nhà.

Chúng ta đã đánh thắng chế độ thực dân và phong kiến. Nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta ngày nay là đánh thắng lạc hậu và nghèo nàn, xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho nhân dân ta có một đời sống thật sung sướng, tốt đẹp. Công cuộc ấy rất vĩ đại và cũng rất khó khăn. Nhưng toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm làm thì nhất định làm được.

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*.

---

\* Nói chuyện ngày 21 tháng 3 năm 1961.

Đợt chỉnh huấn này là một cuộc vận động lớn về tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân lao động nhằm *xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa*.

### THẾ NÀO LÀ TƯ TƯỞNG VÀ TÁC PHONG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ?

- *Có ý thức làm chủ Nhà nước, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”.*

Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những người lao động. Vậy công nhân, nông dân, trí thức cách mạng cần nhận rõ rằng: hiện nay nhân dân lao động ta là những người làm chủ nước ta, chứ không phải là những người làm thuê cho giai cấp bóc lột như thời cũ nữa. Chúng ta có quyền và có đủ điều kiện để tự tay mình xây dựng đời sống tự do, hạnh phúc cho mình. Nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hóa, đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Bởi vậy mọi người đều phải thấm nhuần sâu sắc tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”.

Chủ nghĩa cá nhân, lợi mình hại người, tự do vô tổ chức, vô kỷ luật và những tính xấu khác là kẻ địch nguy hiểm của chủ nghĩa xã hội.

Đã là người chủ Nhà nước thì phải chăm lo việc nước như chăm lo việc nhà. Người công nhân phải yêu quý máy móc như yêu quý con mình, người nông dân phải yêu quý trâu bò của hợp tác xã như bạn thân của mình. Mọi người phải biết giữ gìn của công, phải chăm lo việc tập thể như chăm lo việc gia đình.

Đã là người chủ thì phải biết tự mình lo toan, gánh vác, không ỷ lại, không ngồi chờ. Mỗi người phải ra sức góp công, góp của để xây dựng nước nhà. Chớ nên “ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau”. Ai cũng phải là một chiến sĩ dũng cảm phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cán bộ và đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Phải yêu kính nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt “quan cách mạng” ra lệnh ra oai. Phải nắm vững quan điểm giai cấp, đi đúng đường lối quần chúng, thành tâm học hỏi quần chúng, kiên quyết dựa vào quần chúng, giáo dục và phát động quần chúng tiến hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và của Nhà nước. Phải thật thà, ngay thẳng, không được giấu dốt, giấu khuyết

điểm, sai lầm. *Phải* khiêm tốn, gần gũi quần chúng, không được kiêu ngạo; phải thực sự cầu thị, không được chủ quan. *Phải* luôn luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng. Phải "*chí công vô tư*", và có tinh thần "*lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ*". Đó là đạo đức của người cộng sản.

Sức mạnh vô địch của Đảng là ở *tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức* nghiêm chỉnh của cán bộ và đảng viên.

Chúng ta phải làm đúng lời dạy của Lênin vĩ đại: giữ gìn sự thống nhất của Đảng như con người của mắt. Phải hết lòng tôn trọng tập thể phát huy dân chủ nội bộ; tuyệt đối không được độc đoán cá nhân, tự đặt mình cao hơn tổ chức, tự cho phép mình đứng ngoài kỷ luật. Càng có công lao, càng phải khiêm tốn. Chớ vì có ít nhiều công lao mà sinh bệnh công thân, kèn cựa, địa vị. Phải nhớ rằng: mọi thành công là do sức phấn đấu, hy sinh của toàn Đảng, toàn dân, không phải của một cá nhân anh hùng nào. Đối với Đảng, đối với nhân dân, chúng ta có một nghĩa vụ vẻ vang là: suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người đầy tớ tận tụy của nhân dân.

Trái lại, đối với kẻ địch, người cộng sản phải luôn luôn tỉnh táo, giữ vững lập trường, quyết không được vì hoàn cảnh hòa bình mà mất cảnh giác. Phải luôn luôn sẵn sàng đập tan mọi âm mưu độc ác của kẻ địch, bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ lao động hòa bình của nhân dân. Muốn đánh thắng kẻ địch bên ngoài, thì trước hết phải đánh thắng kẻ địch bên trong là *chủ nghĩa cá nhân*.

- *Tất cả phục vụ sản xuất.*

Nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của chúng ta hiện nay là phát triển sản xuất, để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải dốc lực lượng của mọi người ra để sản xuất. Sản xuất là mặt trận chính của chúng ta hiện nay ở miền Bắc. Trong kháng chiến, Đảng ta nêu khẩu hiệu: *Tất cả cho tiền tuyến!* Thì ngày nay, khẩu hiệu của chúng ta là: *Tất cả phục vụ sản xuất!* Tất cả chúng ta, bất kỳ ở cấp nào, ngành nào, đều phải góp sức làm cho sản xuất phát triển. Chúng ta phải phấn đấu cho *nông nghiệp* phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, trước hết bảo đảm cho lương thực được dồi dào. Chúng ta phải phấn đấu cho nền *công nghiệp* mau lớn mạnh, cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa thành công như đã đề ra trong nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng.

Mỗi người công nhân, nông dân, trí thức, cán bộ, viên chức, đều phải hiểu rõ *nghĩa vụ vẻ vang* của mình là phục vụ sản xuất.

Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất.

Muốn phát triển sức sản xuất thì trước hết phải *nâng cao năng suất lao động* và muốn nâng cao năng suất lao động thì phải tổ chức lao động cho tốt.

Chúng ta phải phấn đấu để củng cố và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp; phải tiếp tục cải tiến quản lý các xí nghiệp và không ngừng cải tiến kỹ thuật trong tất cả các ngành kinh tế. Phải sử dụng hợp lý sức lao động. Phải cố gắng học tập dùng kỹ thuật mới, xây dựng cơ sở kỹ thuật mới, kiên quyết từ bỏ lối làm ăn lạc hậu. Những việc đó không phải ngày một ngày hai mà xong, nhưng có quyết tâm, có tổ chức, thì nhất định làm được.

Vấn đề có ý nghĩa quyết định là *cán bộ và đảng viên* hiểu rõ yêu cầu mới của cách mạng là phát triển sản xuất, hiểu rõ nâng cao năng suất lao động là nguồn của cải to lớn nhất. Do đó, cần phải thiết thực tổ chức bộ máy sản xuất mới, tích cực học tập quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật. Ngày nay, Đảng yêu cầu cán bộ và đảng viên *chẳng những thạo về chính trị mà còn phải giỏi về chuyên môn*; không thể lãnh đạo chung chung. Lại phải biết đoàn kết với những người ngoài Đảng, phải biết *dựa vào quần chúng*, phát huy sức sáng tạo của quần chúng lao động, học tập kinh nghiệm của quần chúng, phải tạo mọi điều kiện cho nhân dân lao động có thể nắm được những biểu biết khoa học, kỹ thuật; ra sức đào tạo thật nhiều cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cần thiết cho sản xuất phát triển. Chỉ có như thế, chúng ta mới xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội.

- *Cần kiệm xây dựng nước nhà.*

Nước ta còn nghèo. Muốn sung sướng thì phải có tinh thần tự lực cánh sinh, cần cù lao động. Phải cố gắng sản xuất. Lao động là *nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta*. Trong xã hội ta, không có nghề nào thấp kém, chỉ những kẻ lười biếng, ỷ lại mới đáng xấu hổ. Người nấu bếp, người quét rác cũng như thầy giáo, kỹ sư



nếu làm trọn trách nhiệm thì đều vẻ vang như nhau. Ai sợ khó, sợ khổ, muốn “ngồi mát ăn bát vàng” người đó mới là kém vì không phải là người xã hội chủ nghĩa.

Mỗi người phải tự giác giữ vững kỷ luật lao động.

Thanh niên càng phải xung phong hăng hái, thực hiện khẩu hiệu: “*Đâu cần thanh niên có, đâu khó thanh niên làm*”.

Mỗi thứ của cải chúng ta làm ra phải tốn bao nhiêu mồ hôi và sức lao động. Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách *tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm*. Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống. Cho nên phải biết giữ gìn của công. *Tham ô, lãng phí tài sản* của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân là hành động trộm cắp, mà ai cũng phải thù ghét, phải trừ bỏ. Phải biết quý trọng sức người là vốn quý nhất của ta. Chúng ta cần hết lòng chăm sóc sức khỏe và sử dụng hợp lý sức lao động của nhân dân ta.

Cán bộ và đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách, nêu gương “*cần kiệm liêm chính*” không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân; phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh là nguồn gốc sinh ra tham ô, lãng phí. Trong mọi công việc phải tính toán, cân nhắc cẩn thận. “Thì giờ là vàng bạc”. Phải kiên quyết chống thói hội họp lu bù, mất thì giờ, hại sức khỏe mà không kết quả thiết thực.

- *Tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.*

Tiến nhanh, tiến mạnh là quy luật của chủ nghĩa xã hội. Muốn sản xuất được nhiều, nhanh, tốt, rẻ thì phải có nhiệt tình cách mạng. Nhưng lại còn phải hiểu biết và nắm vững khoa học.

Mỗi người lao động cần có tinh thần dám nghĩ, dám làm, vươn lên hàng đầu, thành người lao động tiên tiến. Công nhân, nông dân ta và người lao động trí óc cần tin rằng chúng ta có đầy đủ sức mạnh, can đảm và thông minh để xây dựng cuộc đời mới của mình. Chỉ cần chúng ta có đầy đủ ý thức làm chủ, tinh thần tập thể, kỷ luật và ra sức học tập, nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật, có tinh thần sáng tạo, tìm tòi cái mới, học tập cái mới, ủng hộ cái mới, thực hiện cái mới thì việc gì chúng ta cũng làm được.

*Cán bộ và đảng viên* lại càng phải có tinh thần ấy, phải gạt bỏ những thái độ sai lầm như: Thỏa mãn với thành tích bước đầu, bảo thủ, tự mãn với những kinh nghiệm đã có, có ít nhiều tri thức thì kiêu căng,

coi khinh quân chúng, hoài nghi những sáng kiến bình thường của quần chúng; lười biếng, không tích cực học tập cái mới, v.v...

Nhân dân lao động ta rất giàu kinh nghiệm và tính sáng tạo, đất nước ta có rất nhiều cửa cải. Với quyết tâm của ta, với sự giúp đỡ của các nước anh em, nhất định chúng ta hoàn toàn có thể làm cho nước ta giàu mạnh, dân ta sung sướng, theo kịp các nước anh em.

Hãy tiến lên, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội! Tiến nhanh, tiến mạnh, không phải là phiêu lưu, làm ẩu. Phải thiết thực đi từng bước, phải *tiến vững chắc*. Phải nắm vững *qui luật* phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận *những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể*. *Kế hoạch* phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải *chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái*. Phải xây dựng tác phong *điều tra, nghiên cứu* trong mọi công tác cũng như trong khi định ra mọi chính sách của Đảng và của Nhà nước.

*Các đồng chí,*

Những tư tưởng, tác phong mới mà Đảng ta yêu cầu mỗi cán bộ, mỗi đảng viên và mỗi người lao động cần phải bồi dưỡng cho mình, tóm lại là:

- Ý thức làm chủ và tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa,
- Quan điểm “tất cả phục vụ sản xuất”,
- Ý thức cần kiệm xây dựng nước nhà,
- Tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Trái lại, những tư tưởng, tác phong xấu cần chống lại là:

- Chủ nghĩa cá nhân,
- Quan liêu, mệnh lệnh,
- Tham ô, lãng phí,
- Bảo thủ, rụt rè.

Đó là một cuộc vận động, giáo dục tư tưởng có ý nghĩa rất to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của chúng ta ngày nay.

Chúng ta sẽ đem hết tinh thần phụ trách trước Đảng, trước nhân dân mà tiến hành chỉnh huấn cho thật tốt.

Cán bộ các cấp lãnh đạo, cán bộ các ngành cần phải làm gương mẫu.

Mỗi người phải cố gắng bản thân, đồng thời dựa vào sự giúp đỡ của tập thể thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình để thấy rõ cái hay và cái dở, để sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm.

Chúng ta phải làm cho mỗi cán bộ, đảng viên đều tiến bộ, phấn khởi.

Làm cho toàn thể nhân dân lao động ta càng hăng hái tiến lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

*Các đồng chí,*

Nghị quyết của Đại hội lần thứ III của Đảng là như ánh mặt trời soi sáng con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Năm nay là như mùa xuân của kế hoạch 5 năm đầu của chúng ta.

Chúng ta hãy phấn khởi như mùa xuân; với nhiệt tình như ánh nắng, vui vẻ tiến lên, quyết làm cho cuộc chỉnh huấn này đại thắng lợi.

Bản sao lưu trữ

## BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ BA CỦA ĐOÀN THANH NIÊN LAO ĐỘNG VIỆT NAM\*

(Trích)

... Thanh niên ta cần phải thấm nhuần  *tinh thần làm chủ nước nhà và phải trau dồi đạo đức của người cách mạng*.

*Đạo đức cách mạng* là bất kỳ ở cương vị nào, bất kỳ làm công việc gì, đều không sợ khó, không sợ khổ, đều một lòng, một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp, của nhân dân, đều nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đạo đức cách mạng là đạo đức tập thể, nó phải đánh thắng và tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân.

*Chủ nghĩa cá nhân* là việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của mình, không quan tâm đến lợi ích của tập thể. “Miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy”. Nó là mẹ đẻ ra tất cả mọi tính hư nết xấu như: lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí, tham ô, v.v... Nó là kẻ thù hung ác của đạo đức cách mạng, chủ nghĩa xã hội.

Thanh niên ta phải cố gắng *học*. Do hoàn cảnh trong xã hội cũ hạn chế mà số đông thanh niên công nông ta ít được học. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức. Cần phải học văn hóa, chính trị, kỹ thuật. Cần phải học lý luận Mác-Lênin kết hợp với đấu tranh và công tác hàng ngày. Cần phải học kinh nghiệm tốt của các đoàn thanh niên bạn. Học đi đôi với hành. Lênin có nói: “Không học thì không thể trở thành người cộng sản”:

Cần phải *làm đầu tàu, làm gương mẫu* trong phong trào thi đua yêu nước. Phải thực hiện khẩu hiệu “Đâu Đảng cần thì thanh niên có, việc gì khó thì thanh niên làm”.

---

\* Nói chuyện ngày 24 tháng 3 năm 1961.

... Đại hội này cần định một *chương trình hoạt động thật cụ thể và thiết thực* để làm cho thanh niên ta thấm nhuần sâu sắc tinh thần làm chủ nước nhà và đạo đức của thanh niên cách mạng, đưa tất cả trí tuệ và lực lượng của tuổi trẻ góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Bản sao lưu trữ

## THƯ GỬI THIẾU NIÊN, NHI ĐỒNG TOÀN QUỐC NHÂN DỊP KỶ NIỆM LẦN THỨ 20 NGÀY THÀNH LẬP ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

*Các cháu yêu quý,*

15 tháng 5 năm 1961 là ngày kỷ niệm 20 tuổi của Đội Thiếu niên tiên phong. Bác gửi các cháu lời chúc mừng thân ái nhất.

Trong thời kỳ qua, từ Bắc đến Nam, thiếu niên và nhi đồng đã hăng hái tham gia cách mạng và kháng chiến, có những thiếu niên và nhi đồng đã oanh liệt hy sinh cho Tổ quốc, như Kim Đồng, Lê Văn Tám, và nhiều cháu khác.

Từ ngày hòa bình trở lại, ở miền Bắc có Đảng lãnh đạo, có Đoàn giúp đỡ, các cháu đều chăm chỉ học hành, tham gia lao động, cháu nào cũng ngoan. Bác vui lòng khen ngợi các cháu.

Nhưng chúng ta phải luôn luôn nhớ đến thiếu niên và nhi đồng ở miền Nam ruột thịt, đang bị bọn Mỹ - Diệm áp bức đọa đày.

Để ủng hộ đồng bào miền Nam (kể cả thiếu niên và nhi đồng) đấu tranh chống Mỹ - Diệm, đồng bào miền Bắc phải thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững mạnh để thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Các cháu cũng tham gia đấu tranh bằng cách thực hiện mấy điều sau đây:

- Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.
- Học tập tốt, lao động tốt.
- Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt.
- Giữ gìn vệ sinh.
- Thật thà, dũng cảm\*.

---

\* Theo Báo *Nhân dân* số ra ngày 26-9-1969. Năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng hiện nay là:

- Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.
- Học tập tốt, lao động tốt.
- Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt.
- Giữ gìn vệ sinh thật tốt.
- Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.

Mai sau, các cháu sẽ là người chủ của nước nhà. Cho nên ngay từ rày, các cháu cần phải rèn luyện đạo đức cách mạng để chuẩn bị trở nên người công dân tốt, người cán bộ tốt của nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Bác gửi các cháu nhiều cái hôn.

*Tháng 5 năm 1961*

**BÁC HỒ**

Bản sao lưu trữ

## BÀI NÓI CHUYỆN VỚI NHỮNG CÁN BỘ ĐẢNG VIÊN HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM\*

Chúng tôi, đồng chí Khai và hai đồng chí Ủy viên Trung ương ở địa phương là đồng chí Đồng và đồng chí Mân, rất sung sướng thay mặt Trung ương Đảng đến hỏi thăm các đồng chí.

Nhân đây, tôi xin nhắc lại mấy điều:

Đảng ta là Đảng chỉ có một điều là phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Ngoài ra, không còn có lợi ích nào khác. Trong thời kỳ cách mạng bí mật, thời kỳ kháng chiến, có nhiều đồng chí hy sinh cực kỳ anh dũng. Có đồng chí phải xa nhà xa cửa, xa vợ, xa con, bị địch bắt, ít ra cũng bị tù đầy, thường khi bị xử tử là khác. Có đồng chí theo đuổi cách mạng, hoạt động từ đầu đến cuối, khi Đảng giao việc gì, bảo việc gì đều làm nấy, không kể sang, hèn, địa vị cao, thấp; không có việc gì khó Đảng giao mà không làm. Đó là những anh hùng. Có đồng chí từ năm 1930 đến nay vẫn cứ đeo đuổi cách mạng, không đòi hỏi gì cho gia đình và cho cá nhân cả. Đó là những người con ưu tú của Đảng, của cách mạng. Ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác. Lúc khổ sở, lúc khó khăn thì đảng viên ta đi trước, khi sướng thì đảng viên ta hưởng sau. Các đồng chí ở đây có biết chữ Trung Quốc không? (*Ở dưới trả lời: Có ạ!*). Chắc các đồng chí đều hiểu câu: “Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc”, chứ không phải: “Tiên thiên hạ chi lạc nhi lạc, hậu thiên hạ chi ưu nhi ưu”. Hiểu cả chứ? (*Cả hội trường đồng thanh trả lời: Hiểu ạ!*).

Cũng vì vậy, Đảng ta, mặc dù bị những cơn khủng bố ác liệt, có khi bị tan rã, nhưng Đảng vẫn ngày càng mạnh. Đảng là gì? Đảng là mỗi chúng ta. Đảng lớn lên là do mỗi chúng ta lớn lên. Hiện bây giờ Đảng ta

---

\* Trích bài nói chuyện ngày 9 tháng 12 năm 1961 với 900 cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm ở Nghệ An.



đang ngày càng lớn lên, nếu chỉ có đồng chí già thôi, Đảng ta chỉ có từng này thôi (*Bác chỉ tay vào hội trường*) thì cách mạng, kháng chiến có làm được không? (*mọi người đáp: Không ạ!*). Vậy cần phải có đồng chí trẻ. Đảng ta quang minh chính đại. Đảng ta như thế, đảng viên cũng phải như thế. Đảng ta lớn như thế, ta phải hiểu.

Các đồng chí già là rất quý, là gương bên bỉ đấu tranh, diu dặt, bồi dưỡng, đào tạo thêm đồng chí trẻ. Đồng chí già phải giúp đỡ cho đồng chí trẻ tiến bộ. Như thế đòi hỏi ở đồng chí già phải có thái độ độ lượng, diu dặt đồng chí trẻ. Đó cũng là một tiêu chuẩn đạo đức cộng sản chủ nghĩa.

Công việc ngày càng nhiều. Trước đây, Đảng ta tổ chức đánh Tây, đánh Nhật rất gian nan cực khổ. Nhưng so với trước, công việc bây giờ khó khăn hơn, to lớn hơn, phức tạp hơn. Bây giờ, Đảng ta phải làm nhiều chuyện: xây dựng nhà máy, xây dựng hợp tác xã; làm sao cho người nông dân, người công nhân ăn no, mặc ấm; làm cho nước càng ngày càng mạnh, dân càng ngày càng giàu. Ngày nay làm cả việc chống trời nữa.

- Làm thủy lợi có phải chống trời không? (*Cả hội trường đồng thanh trả lời: Phải ạ!*)

- Diệt sâu có phải chống trời không? (*Cả hội trường đồng thanh trả lời: Phải ạ!*)

Dân không đủ muối, Đảng phải lo. Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo. Tôi lo chuyện này lắm: các cháu mất choẹt, da bủng. Tất cả mọi việc, Đảng phải lo. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, đấu tranh giành thống nhất nước nhà, Đảng phải lo. Ngay đến cả tương, cà, mắm, muối của dân, Đảng đều phải lo. Nay tổ chức hợp tác xã, Đảng cũng phải lo sao cho tốt. Các đồng chí phải làm việc rất nhiều. Đảng ngày càng cần nhiều cán bộ. Đảng viên bất kỳ làm gì cũng phải gương mẫu. Ta làm nhà máy, tuy có các đồng chí Liên Xô, Trung Quốc và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa giúp đỡ, nhưng cũng cần phải có cán bộ trẻ. Có nhiều chuyện trước không có, bây giờ phải làm như xem thiên văn để biết gió bão, tin cho máy bay đi; báo cho thuyền đánh cá ngoài biển, v.v.. Những việc đó các đồng chí có làm được không? Không làm được. Vì phải học, mà học thì rất khó khăn, tinh vi, cần phải có lớp trẻ.

Một cái máy tính, một giây đồng hồ làm được hàng ngàn phép toán, không phải cộng, trừ, nhân, chia thông thường. Ta phải học toán. Toán rất cao. Bà con thường nghe nói Liên Xô bắn tên lửa trúng đích và xa một vạn hai ngàn cây số. Xa lắm, không thấy đâu, phải có tính toán giỏi mới trúng đích. Những cái đó bảo chúng mình làm, thì không làm được đâu. Hay như con tàu vũ trụ bay cao hơn 300 cây số, lại bay vòng quanh quả đất (*Bác đưa tay làm hiệu*); đồng chí đầu bay một vòng rồi trở về; đồng chí thứ hai bay 17 vòng cũng trở về an toàn. Bây giờ bảo chúng mình bay, có bay được không? Lộn nhào được mấy vòng thì có gì trong ruột đều nôn ra hết. (*Bác cười và cả hội trường cũng cười rộ lên*). Vì vậy, Đảng nói: cần cán bộ già đồng thời rất cần nhiều cán bộ trẻ. Các đồng chí già đánh Tây. Đánh Tây là dọn đường. Nhưng không thể nạnh kẹ: chúng tôi vác cuốc, vác cào làm đường, già rồi mà chưa được đi xe, các anh mới lớn lên đã được đi xe. Thế là nạnh người đi xe. Có đúng không? Sau này đến cộng sản chủ nghĩa, bọn trẻ còn đi xe sướng hơn nữa kia. Già có việc già, trẻ có việc trẻ. Tục ngữ có câu “măng mọc quá pheo”. Măng mọc sau mà tốt hơn tre đấy. Không lẽ ta ngồi nói: Măng, sao mày mọc quá tao (*mọi người cười vui vẻ*).

Công việc ngày càng nhiều, càng mới. Một mặt, Đảng phải đào tạo, dìu dắt đồng chí trẻ. Một mặt đảng viên già phải cố gắng mà học.

- Đồng chí năm nay bao nhiêu tuổi? (*Bác chỉ tay hỏi một đồng chí ngồi phía trước*).

- Thưa Bác, 65 tuổi ạ! (*Một đồng chí đứng dậy trả lời*).

Tôi năm nay 71 tuổi, ngày nào cũng phải học. Việc lớn, việc nhỏ, tôi phải tham gia. Công việc cứ tiến mãi. Không học thì không theo kịp, công việc nó sẽ gạt mình lại phía sau. Chúng ta là đảng viên già, hiểu biết của chúng ta hồi 30 tuổi so với sự hiểu biết của lớp trẻ bây giờ, kể cả ở Liên Xô, Trung Quốc, thì chúng mình dốt lắm. Tôi cũng dốt lắm. Một cháu bé bây giờ đã nghe nói đến vệ tinh, biết nghe ra-di-ô. Tôi và các đồng chí hồi đó không biết. Trước đây, có đồng chí nào biết ra-di-ô không? (*Có tiếng trả lời: Chưa biết ạ!*). Tôi cũng chưa biết. Thế mà các cháu bé bây giờ đã biết. Nếu thế hệ già khôn hơn thế hệ trẻ thì không tốt. Thế hệ già thua thế hệ trẻ mới là tốt. Các cháu không hơn là bệt. Bệt là không tốt. Người ta thường nói: “Con hơn cha là nhà có phúc”. Ta hiểu như thế, nhưng không có tư tưởng thụt lùi, nạnh kẹ: tao làm cách mạng

già đời không được gì. Nó mới vào, mà bộ trưởng, thứ trưởng, chủ tịch, chủ nhiệm, v.v...

Bây giờ, tôi sang phần thứ hai. Đây là những điểm nhỏ, tôi gom góp, nói để các đồng chí rõ:

- Có đồng chí nói thế này: Đưa lớp trẻ vào mới làm được việc. Nhưng thâm tâm lại mong muốn là con cháu của mình kia.

Con cháu mình là ai? Con cháu mình là tất cả, là thanh niên Việt Nam. Chứ không phải như thời phong kiến: Cha làm quan, con là cậu ấm... Con mình xấu thì đề bạt sao được. Đảng là Đảng của giai cấp, của nhân dân, của thế giới, chứ không riêng cho con cháu mình.

- Có đồng chí nói: tôi làm cách mạng nhiều năm, sao nay cứ làm ở xã thôn? Lại có người nói: sao Đảng lại không đề bạt tôi lên cao hơn nữa?

Cái đó không đúng. Việc của dân, của nước, việc gì có ích cho xã hội là làm. Đảng không thiên tư, thiên vị. Không biết các đồng chí có hiểu không? Làm chủ tịch nước mệt lắm. Trăm việc đều phải lo. Trời mưa, trời nắng, gió bão, v.v. , chưa ai lo, mình đã phải lo. Các cháu choẹt mắt, chưa ai lo, mình đã phải lo. Trước người ta thường nói “Thiên tử nhất nhật vạn cơ”. Thực ra thì thiên tử không có “cơ” gì đâu. Bây giờ làm chủ tịch, không phải “thiên tử” nhưng lại phải lo mọi việc. Có đồng chí tưởng là làm chủ tịch, bộ trưởng mới sướng. Đồng chí nào ở hợp tác xã làm tốt là anh hùng. Bộ trưởng mà không làm tròn nhiệm vụ là tồi. Cho làm việc ở xã là hèn thì không đúng. Vì Đảng ta còn cần nhiều cán bộ làm hợp tác xã tốt. Hợp tác xã tốt là làm cho dân giàu, nước mạnh.

Cũng có một số đồng chí hoạt động không tích cực nói mình già, yếu, mệt, nhưng lại trách Đảng, trách nhân dân, trách phong trào sao lại không đưa mình lên. Cái đó không nên. Đó là mắc bệnh công thân. Mình mới làm nên một chút đã cho bằng trời rồi, Đảng không đưa mình lên thì mình tìm cách dìm đảng viên trẻ mới đề bạt lên. Đảng rất quý rất trọng các đồng chí già, nhưng Đảng cũng rất cần nhiều cán bộ trẻ để làm những việc mà đảng viên già không làm được. Tôi cũng là một trong những đồng chí già. Tôi có lái được xe không? Không, phải nhờ đồng chí trẻ. Muốn học lái xe thì phải học các đồng chí trẻ. Chớ có nói: sao mình không được đi, nó lại được đi xe.

---

\* Ý nói: Một ngày vua có vạn mưu kế.

- Có đồng chí nói: có những thành phần không tốt, khi trước nó phản cộng sản, nay nó được đề bạt; mình trung thành với cách mạng thì không được chú ý.

Không đúng. Cố nhiên, một đôi lúc các ban tổ chức địa phương hay Trung ương, không cẩn thận là nhầm. Nhưng bất kỳ ai, có khả năng, đủ tiêu chuẩn, cần cho nhu cầu của cách mạng là phải dùng. Ví dụ: giữa hai đứa con của người trong Đảng và người ngoài Đảng. Con của đồng chí mình thì kém, dốt hơn. Con của người ngoài Đảng thì thông minh, ngoan ngoãn hơn. Vậy thì ta nên đưa ai đi? Con của người ngoài Đảng hay con của người trong Đảng? (*Cả hội trường đồng thanh trả lời: Con của người ngoài Đảng*). Đúng, vì Đảng ta là Đảng của giai cấp đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị. Đảng không lo riêng cho một đồng chí nào hết. Đảng lo việc cho cả nước. Đó là chính sách cán bộ.

\*  
\* \*

Khi cách mạng thành công, cả Đông Dương - bao gồm cả Việt, Miên, Lào - chỉ có trong ngoài 5.000 đảng viên. Bây giờ, riêng Nghệ An có 53.000 đảng viên, thế là hơn 10 lần. Nếu Đảng ta không biết chọn lọc, kết nạp, đề bạt đồng chí mới thì đâu có như ngày nay. Kháng chiến hy sinh đi một số, nếu Đảng không biết huấn luyện, đào tạo, cất nhắc thì làm sao mà có như ngày nay. Chỉ có 5.000 đảng viên mà làm nổi cờ, nổi trống, cách mạng thành công. Bây giờ Nghệ An có 53.000 đảng viên, lại có 5 vạn - vì đoàn viên thanh niên lao động Nghệ An còn ít - đoàn viên thanh niên lao động. Vậy là có 10 vạn cán bộ cách mạng, mà không làm cho Nghệ An thành một tỉnh gương mẫu, không làm nổi cờ, nổi trống lên thì thế nào? Có xấu hổ không? Các đồng chí già nghĩ thế nào? Đồng chí trẻ nghĩ thế nào? Đồng bào Nghệ An nghĩ thế nào?

Trước đây, tù đầy, chết chóc, càng làm càng nguy hiểm mà vẫn làm. Bây giờ, làm cho mình ăn, mình mặc, càng làm càng no ấm mà không làm được à? (*Đồng chí Võ Thúc Đồng, bí thư Tỉnh ủy, đứng dậy nói: Tỉnh ủy quyết tâm đưa phong trào tỉnh nhà lên. Đề nghị các đồng chí cũng quyết tâm với Tỉnh ủy để đưa phong trào lên! Cả hội trường hô vang: Quyết tâm! Quyết tâm!*).

Nói chung, các đồng chí vì không hiểu, nên có những tư tưởng phức tạp trên. Nhất là bệnh công thần, cho rằng không ai giỏi bằng ta, không ai làm bằng ta. Các đồng chí giúp nhau tiêu diệt tư tưởng ấy đi. Trước chưa hiểu, nay hiểu rồi thì phải sửa đổi.

Đại đa số các đồng chí hiện nay đang tích cực hoạt động theo khả năng của mình, cần phải cố gắng tích cực hơn nữa. Những đồng chí được đề bạt vào các cấp cũng cần chú ý mà học tập, đừng cho mình già rồi mà tiêu cực. Tôi đi thăm một nông trường ở Liên Xô, có 3 cụ: một cụ 140 tuổi, một cụ 110 tuổi, một cụ 105 tuổi mà vẫn đang hoạt động trong nông trường. Tôi hỏi: sao các cụ không nghỉ đi thôi? Các cụ nói: chúng tôi không nghỉ, còn làm được gì thì làm. Cụ cao tuổi nhất mà còn nhảy múa giỏi, cưỡi ngựa giỏi, bắn giỏi. So với các cụ ấy, thì chúng mình đây đang còn thanh niên cả. *(Mọi người cười vui vẻ).*

Nay chúng ta có hai nhiệm vụ:

1. Bất kỳ Đảng giao cho việc gì, nhân dân giao cho việc gì, phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ.

2. Đào tạo thanh niên cho họ làm việc hơn mình, không nên nạnh kẹ.

Mặt khác, thanh niên phải biết công lao các đồng chí già, phải thấy các đồng chí già trải qua phong ba bão táp, có kinh nghiệm, thanh niên phải học tập. Có số thanh niên tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay là trên trời rơi xuống, không biết sự gian nan, cực khổ cũ. Các đồng chí già phải kể lại cho họ nghe. Đó là một cách giáo dục thanh niên. Cố gắng mà dìu dắt thanh niên, không nên công thần, không nên tiêu cực. Đó là hai tư tưởng xấu. Một người cách mạng hoạt động và học tập cho đến phút cuối cùng, không bao giờ tiêu cực. Các đồng chí có tán thành không? *(Cả hội trường đồng thanh trả lời: Tán thành ạ!).*

- Có đồng chí xin biểu báo Học tập. Báo cũng là một ngành kinh tế. Nó làm công tác giáo dục, nhưng là kinh tế. Có phải nuôi người viết không? Có phải mua giấy, mua mực không? *(Có tiếng trả lời: Có ạ!).* Vậy, một người mua không được thì 5, 7 người góp nhau lại mua. Nếu biểu thì biểu ai? Ở đây có bao nhiêu người? *(Ở dưới trả lời: 900 người ạ!).* Biểu người này, không biểu người kia thì không được, mà biểu cả 900 thì nay mai không có báo Học tập nữa. Nó sập tiệm mà.

- Còn vấn đề lo cho con cháu của các đồng chí. Cái đó là đúng. Nhưng, nếu là con tôi - à, tôi không có con - mà nó không có khả năng,

nó xấu cũng phải dẹp lại. Không phải hễ cứ bố là cán bộ thì con là “cậu ấm”. Bố có việc của bố, con có việc của con. Cố nhiên, con của những đồng chí đã mất đi, Đảng phải lo. Nhưng nếu bố mẹ nó đang còn, nó xấu, mà đòi hỏi đặc biệt chú ý thì chú ý cái gì?

- Về việc đề bạt vào các cấp lãnh đạo. Cấp nào là cấp lãnh đạo? Cấp nào là không lãnh đạo? Hợp tác xã có phải là lãnh đạo không? Đội lao động có phải là lãnh đạo không? Xã có lãnh đạo, huyện có lãnh đạo, tỉnh có lãnh đạo. Chỉ sợ mình không có chí khí, chỉ lo mình không có sức mà lãnh đạo. Nói Đảng cất nhắc là thế nào? Đảng là dân chủ, do dưới bầu lên. Các đồng chí trong chi bộ bầu, cấp trên chuẩn y. Cấp trên không có quyền bầu.

Trong lãnh đạo cần có già, có trẻ. Công việc ngày càng mới. Càng về sau này, càng nhiều cái mới, càng ít cái cũ. Con người ta để ra, ai cũng lớn lên, già đi, rồi chết. Chết rồi thì bảo người ta bầu làm sao được. Có người nay còn lãnh đạo đó, nhưng sau này tiến lên máy móc, nếu không biết kỹ thuật, có lãnh đạo được không? Nếu không biết, phải mời anh ra, cho người khác giỏi hơn vào làm... chớ không phải như ngày xưa mà tưởng rằng “Sống lâu lên lão làng”.

Cố nhiên, đối với các đồng chí già, đồng chí trẻ phải có những hành động tỏ rõ lòng tôn trọng của mình, như đi xem văn công đều phải mua vé cả; nhưng mời đồng chí già, nhiều tuổi ngồi trên hay nhường chỗ. Nhưng cũng không phải là “Xuân Thu lương kỳ” để đồng chí già lên kiệu mà khiêng đi. Nếu làm như thế thì thật là vô lý.

Hôm nay, tôi rất sung sướng gặp các đồng chí, nói lên mấy ý kiến, mong các đồng chí trao đổi. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, vui vẻ, phấn chấn, tiến lên mãi mãi. *(Cả hội trường đứng dậy vỗ tay rầm rộ và hô vang khẩu hiệu: Hồ Chủ tịch muôn năm! Hồ Chủ tịch muôn năm!).*

## ĐOÀN KẾT TIẾN LÊN GIÀNH THẮNG LỢI MỚI\*

Mồng 3 tháng 2 năm nay, là ngày chúc mừng 33 tuổi của Đảng thân yêu và vĩ đại của chúng ta.

Trong 33 năm đó, Đảng ta đã trải qua nhiều phen thử thách gian nan, đã tiến hành những cuộc đấu tranh anh dũng và đã thu được nhiều thắng lợi vẻ vang.

Đảng ta đã từ mấy nhóm người cách mạng lẻ tẻ trở nên một đội tiên phong hùng mạnh gồm hơn 50 vạn đảng viên.

*Đảng như biển cả non cao,  
Băm ba năm ấy biết bao nhiêu tình*

Hiện nay cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thắng lợi to lớn ở miền Bắc. Chế độ bóc lột đã bị xoá bỏ. Nhân dân lao động đã trở thành người chủ tập thể của nước nhà. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào thi đua yêu nước sôi nổi khắp nơi, nhân dân ta đang hăng hái tiến lên, dũng cảm phấn đấu, vượt mọi khó khăn, để xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Mỗi người đều hiểu rằng: Tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chẳng những là vì hạnh phúc của đồng bào ta ở miền Bắc mà còn vì cuộc đấu tranh thần thánh của toàn dân ta để hoà bình thống nhất nước nhà.

Hơn tám năm qua, đồng bào ta ở miền Nam luôn luôn anh dũng đấu tranh, chống chế độ tàn bạo của Mỹ – Diệm. Dù gian khổ hy sinh, cuộc đấu tranh yêu nước vô cùng oanh liệt của đồng bào miền Nam đã thu được nhiều thắng lợi vẻ vang, nêu cao truyền thống anh hùng của dân tộc.

---

\* Bài viết nhân dịp kỷ niệm lần thứ 33 Ngày thành lập Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) – ngày 3-2-1963.

Nhân dân ta hiểu rõ rằng: trong cuộc đấu tranh cách mạng của mình, chúng ta luôn luôn được sự đồng tình và ủng hộ của các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô và Trung Quốc, của các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập, tự do, và của nhân dân yêu chuộng hoà bình toàn thế giới. Mỗi thắng lợi của cách mạng trên thế giới đều thúc đẩy cách mạng Việt Nam tiến lên. Đồng thời, mỗi thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng góp sức đẩy mạnh cách mạng thế giới. Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi. Bởi vậy, Đảng ta và nhân dân ta vô cùng quý trọng và luôn luôn cố gắng góp phần bảo vệ tình đoàn kết quốc tế vĩ đại.

Chúng ta đã thu được nhiều thắng lợi. Nhưng con đường cách mạng còn dài. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà còn nhiều khó khăn, phức tạp. Chúng ta đã xây dựng được quan hệ sản xuất mới, bước đầu phát triển nông nghiệp và công nghiệp. Nhưng nền kinh tế của ta vẫn còn nghèo. Nước ta còn bị chia cắt, đế quốc Mỹ và bọn tay sai đang giày xéo miền Nam thân yêu của chúng ta. Tình hình ấy đòi hỏi nhân dân ta ở miền Bắc phải vừa ra sức đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, vừa phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu của kẻ địch. Mỗi người dân phải là một người lao động hăng hái đồng thời là một chiến sĩ dũng cảm, vừa xây dựng nước nhà, vừa bảo vệ Tổ quốc.

Trước đây, nhân dân ta đã nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, trường kỳ kháng chiến, thì ngày nay chúng ta càng phải nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà. Mọi người đều phải nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, không sợ khó khăn, gian khổ, quyết tâm phấn đấu, làm tròn nhiệm vụ của mình.

Cán bộ, đảng viên, và đoàn viên thanh niên càng phải giữ vững lập trường giai cấp, nâng cao tinh thần trách nhiệm, trau dồi đạo đức cách mạng, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã giao cho.

Sức mạnh của Đảng ở sự đoàn kết nhất trí. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối và chính sách của Đảng, tôn trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng.



Mỗi chi bộ của Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở, đoàn kết chặt chẽ, liên hệ mật thiết với quần chúng, phát huy được trí tuệ và lực lượng vĩ đại của quần chúng. Mỗi cấp bộ của Đảng phải là một cơ quan lãnh đạo vững chắc ở địa phương theo đúng đường lối, chính sách của Trung ương.

Những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta 33 năm qua, chứng tỏ nhân dân ta rất giàu lòng yêu nước và tinh thần cách mạng. Nhân dân ta hết sức tin tưởng và yêu mến Đảng ta, vì Đảng ta là người lãnh đạo họ đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Được như vậy, chính là do Đảng ta luôn luôn trung thành với quyền lợi của giai cấp và của dân tộc biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, và luôn luôn đi đúng đường lối quần chúng.

Cán bộ và đảng viên ta nói chung là tốt. Nhiều đồng chí đã luôn luôn nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân, ý thức tổ chức và kỷ luật, giữ vững đạo đức cách mạng, sinh hoạt giản dị, tác phong dân chủ, rất xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng và của nhân dân.

Nhưng Đảng ta ngày càng phát triển, số đảng viên ngày thêm đông, công việc ngày càng nhiều và phức tạp, cho nên không khỏi có một số cán bộ, đảng viên còn phạm những khuyết điểm, sai lầm cần phải nghiêm khắc phê bình và thật thà sửa chữa.

**Cá nhân chủ nghĩa:** Ít nghĩ đến lợi ích chung của cách mạng, của nhân dân, mà thường lo cho lợi ích riêng của mình. Tham danh lợi, hay suy tị. Có chút thành tích thì tự cao, tự đại, kiêu ngạo, công thần, gây lung củng trong nội bộ. Do cá nhân chủ nghĩa mà sinh ra các bệnh sau đây:

**Tự do chủ nghĩa:** Không nghiên cứu nghiêm chỉnh chấp hành đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, không tôn trọng pháp luật và thể lệ của Nhà nước. Tự cho mình là đúng, hành động theo ý riêng, phát biểu theo ý riêng, không báo cáo và xin chỉ thị cấp trên, xem thường tổ chức và kỷ luật. Tư tưởng bản vị, coi bộ phận hoặc địa phương mình phụ trách như là một giang sơn riêng, kém tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, rốt cuộc là hại cho cả việc chung và việc riêng.

**Quan liêu mệnh lệnh:** Không đi sâu đi sát phong trào, không nắm được tình hình cụ thể của ngành hoặc của địa phương mình, không gần

gửi quần chúng và học hỏi kinh nghiệm của quần chúng. Thích ngồi bàn giấy hơn là đi xuống cơ sở để hiểu đúng thực tế, kiểm tra việc thi hành chính sách, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Thích dùng mệnh lệnh hành chính hơn là kiên nhẫn giáo dục quần chúng một cách có lý, có tình. Do đó mà đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Chính phủ có khi không thấu đến quần chúng hoặc bị thi hành lệch lạc, kết quả là đã hỏng công việc lại mất lòng người.

**Tham ô, lãng phí:** Vì thiếu đạo đức cách mạng, thiếu tinh thần trách nhiệm mà đâm ra hư hỏng như ăn cắp của công, vung phí tiền bạc và vật liệu của Nhà nước và của tập thể, làm hại đến việc phát triển kinh tế và văn hoá để nâng cao đời sống của nhân dân.

**Lười biếng:** Không chịu khó học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình về chính trị, văn hoá và nghiệp vụ. Do ít hiểu biết về tình hình trong nước và nước ngoài, ít nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm thực tiễn cho nên gặp thuận lợi thì dễ lạc quan tếu, gặp khó khăn thì dễ dao động bi quan, lập trường cách mạng không vững vàng, thiếu tinh thần độc lập suy nghĩ và chủ động sáng tạo. Do đó mà gặp nhiều khó khăn trong công việc, tác dụng lãnh đạo bị hạn chế.

Trên đây là tóm tắt mấy khuyết điểm chính mà toàn Đảng ta, từ cấp lãnh đạo đến cơ sở, cần kiên quyết khắc phục.

Không ai hoàn toàn tránh khỏi sai lầm, quyết tâm sửa chữa sẽ thành người tốt.

Chúng ta tin rằng với truyền thống tốt đẹp của Đảng ta, với quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm của cán bộ, đảng viên, Đảng ta sẽ có thêm nhiều sức chiến đấu mới để hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ mới.

## LỜI PHÁT BIỂU TẠI BUỔI CHIÊU ĐÃI MỪNG QUÂN ĐỘI TA 20 TUỔI

*Thưa các đồng chí,*

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 20 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, tôi thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ thân ái khen ngợi bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang và dân quân, tự vệ trong cả nước đã lập được nhiều thành tích và có nhiều tiến bộ trong chiến đấu, học tập, công tác và sản xuất.

Tôi vui mừng hoan nghênh đồng chí Đại tướng Kim Tsang Bông và các đồng chí trong Đoàn đại biểu quân sự nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên anh em, chúc cuộc đi thăm hữu nghị của các đồng chí thành công tốt đẹp.

Quân đội ta là quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng. Mới ra đời, với gậy gươm, súng kíp đã cùng toàn dân đánh Pháp, đánh Nhật, đưa Cách mạng Tháng Tám đến thành công. Lên mười tuổi thì cùng toàn dân giành được thắng lợi lớn Điện Biên Phủ, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp được Mỹ giúp sức.

Quân đội ta anh dũng trong kháng chiến mà cũng anh dũng trong hòa bình. Đã làm tốt nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc, đập tan mọi hành động khiêu khích, phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai. Đã giáng trả lại đế quốc Mỹ những đòn địch đáng như ngày 5 tháng 8 năm 1964 vừa qua.

Quân đội ta cũng đã góp phần tích cực xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, làm tròn nhiệm vụ của một quân đội cách mạng.

Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Cán bộ và chiến sĩ thương yêu nhau như ruột thịt, chia ngọt sẻ bùi. Quân và dân như cá với nước, đoàn kết một lòng, học hỏi giúp đỡ lẫn nhau.

Quân đội ta có tinh thần yêu nước chân chính, lại có tinh thần quốc tế vô sản cao cả, luôn luôn đoàn kết với nhân dân và quân đội các nước xã hội chủ nghĩa anh em, với nhân dân các nước đang đấu tranh giải phóng dân tộc và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Quân đội ta có sức mạnh vô địch, vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục.

Cán bộ và chiến sĩ phải luôn luôn khiêm tốn, luôn luôn cố gắng hơn nữa. Phải phát huy bản chất và truyền thống cách mạng. Phải học tập tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân và dân miền Nam anh hùng trong cuộc kháng chiến cứu nước chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai.

Kẻ địch còn nhiều âm mưu thâm độc. Toàn dân và toàn quân ta phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, hăng hái thi đua yêu nước với tinh thần “mỗi người làm việc bằng hai” để xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm cơ sở vững mạnh cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Thắng lợi nhất định sẽ về ta.

## BÀI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ BỒI DƯỠNG CHÍNH HUẤN DO TRUNG ƯƠNG TRIỆU TẬP\*

*Các đồng chí,*

Tết này, chúng ta sung sướng chúc mừng Đảng yêu quý của chúng ta ba mươi lăm tuổi.

*Đảng ta như biển rộng núi cao*

*Băm lăm năm ấy biết bao nhiêu tình!*

Đảng ta đã gánh vác nhiệm vụ lịch sử đưa giai cấp vô sản và nhân dân ta anh dũng tiến lên con đường cách mạng.

Từ đó đến nay, trải qua một đoạn đường dài đầy hy sinh gian khổ, cách mạng Việt Nam, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, đã giành được những thắng lợi to lớn.

Ngày nay, miền Bắc nước ta đang vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống mới no ấm, vui tươi, khác hẳn cảnh đời nô lệ tối tăm ngày trước.

Đồng bào miền Nam trước đã cùng nhân dân cả nước anh dũng kháng chiến, đánh thắng thực dân Pháp. Mười năm qua lại tiếp tục chiến đấu anh dũng, giương cao ngọn cờ giải phóng, quyết đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược cùng bọn tay sai, và đang giành nhiều thắng lợi to lớn.

Có Đảng ta lãnh đạo, dân tộc ta đã trở thành một dân tộc anh hùng, được bè bạn khắp năm châu yêu mến và kính trọng. Đó là một thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa Mác-Lênin, đó là điều đáng tự hào của mỗi người yêu nước và cách mạng.

Có thắng lợi vĩ đại ấy là vì:

- Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng ta đã biết vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh nước ta một cách sáng tạo để nêu ra đường lối, chính sách đúng, bảo đảm cho cách mạng phát triển

---

\* Nói chuyện ngày 26 tháng 1 năm 1965.

thắng lợi. Cán bộ, đảng viên ta nói chung là những người cộng sản chân chính, trung thành với lợi ích của giai cấp, của nhân dân và được dân mến, dân tin.

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, thắng lợi của cách mạng là do sự phấn đấu hy sinh và trí thông minh sáng tạo của hàng triệu nhân dân, nhất là công nhân, nông dân và những người trí thức cách mạng.

- Cách mạng Việt Nam luôn luôn được sự đồng tình và ủng hộ của giai cấp công nhân và nhân dân cách mạng thế giới, nhất là của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Tình đoàn kết quốc tế vĩ đại ấy là một điều kiện rất quan trọng cho cách mạng Việt Nam thắng lợi.

Đó là ba bài học lớn mà mỗi cán bộ và đảng viên ta cần ghi sâu vào lòng và phát huy thêm mãi.

Chúng ta đã giành được thắng lợi to lớn. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu trên con đường muôn dặm. Sự nghiệp cách mạng còn lâu dài gian khổ. Đảng ta còn có trách nhiệm nặng nề đối với 30 triệu đồng bào cả nước ta và phải tích cực gánh vác phần trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp cách mạng *thế giới*.

Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới. Một ngày nào miền Nam ta chưa được giải phóng, Tổ quốc ta chưa được thống nhất, nhân dân ta chưa được sung sướng yên vui, thì tất cả chúng ta vẫn phải đem hết tinh thần và nghị lực mà phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp cách mạng hoàn toàn thắng lợi.

Mỗi người chúng ta đều phải biết đặt lợi ích của dân tộc, của giai cấp lên trên lợi ích cá nhân, phải biết quên mình cho nghĩa lớn. Muốn giữ gìn trong sáng chủ nghĩa Mác-Lênin thì trước hết tự mình phải trong sáng. Muốn đánh thắng kẻ thù là *chủ nghĩa đế quốc*, muốn xây dựng thắng lợi *chủ nghĩa xã hội*, thì trước hết phải chiến thắng kẻ thù bên trong của mỗi chúng ta là *chủ nghĩa cá nhân*.

Chính vì đã sẵn sàng quên mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, cho độc lập tự do của Tổ quốc, cho lý tưởng cộng sản vẻ vang, mà 35 năm qua trong Đảng ta đã có biết bao anh hùng liệt sĩ như các đồng chí Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn

Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai và hàng vạn đảng viên gương mẫu, “trung với nước, hiếu với dân”, khí phách hiên ngang cho đến hơi thở cuối cùng như liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi.

Biết bao đảng viên cộng sản là anh hùng, chiến sĩ trên mặt trận sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và trong các ngành hoạt động khác. Họ không đòi danh đòi lợi. Họ một lòng một dạ phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Họ là những đảng viên bình thường, nhưng phẩm chất cách mạng của họ thật là cao quý. Đảng ta rất tự hào có những người con xứng đáng ấy của giai cấp và của dân tộc.

Nhưng trong hàng chục vạn cán bộ và đảng viên xứng đáng, còn lẫn vào một số người thấp kém về tinh thần và đạo đức cách mạng. Họ còn mang nặng chủ nghĩa cá nhân trong mình.

Đứng trong hàng ngũ chiến đấu của Đảng mà họ không có dũng khí cách mạng, ít lo nghĩ về trách nhiệm của mình, không quyết tâm vươn lên phía trước. Họ hững hờ như những người không có lý tưởng, đến đâu hay đó, qua tháng qua ngày.

Đối với công việc của cách mạng, không có thái độ người làm chủ tập thể, dám nghĩ dám làm, mà thường bị động ngồi chờ.

Số người ấy không hiểu sức mạnh của Đảng chính là ở sự tập trung thống nhất, ở kỷ luật sắt của Đảng. Họ ít gắn bó với tổ chức, không tin ở lực lượng và trí tuệ của tập thể. Họ sống và làm việc một cách riêng rẽ, không đoàn kết và hợp tác với người khác. Hễ có đôi chút hiểu biết, đôi chút thành công thì tự cao tự đại, vênh vang kiêu ngạo, tự cho mình là tài giỏi hơn người. Ở cương vị phụ trách thì tự cho mình có quyền hơn hết thầy, định đoạt mọi việc, ở ngành nào, ở địa phương nào thì coi đó như một giang sơn riêng, không biết đến lợi ích toàn cục. Họ coi thường những quyết định của tổ chức, họ là những “ông quan liêu”, chỉ thích dùng mệnh lệnh đối với đồng chí và nhân dân.

Đảng ta là một Đảng phấn đấu và hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của giai cấp vô sản, chứ không vì lợi ích nào khác. Nhưng số người đó coi Đảng như một cái cầu thang để thăng quan phát tài. Họ không quan tâm đến đời sống của nhân dân mà chỉ lo nghĩ đến lợi ích riêng của mình. Họ quên rằng mỗi đồng tiền, hạt gạo đều là mồ hôi nước mắt của nhân dân, do đó mà sinh ra phô trương, lãng phí. Họ tự cho mình có quyền sống xa hoa hưởng lạc, từ đó mà đi đến tham ô, trụy lạc, thậm chí sa vào tội lỗi.

Tất cả những lỗi lầm nói trên đều là con đẻ của *chủ nghĩa cá nhân*.

Chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù nguy hiểm mà mỗi người chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo đề phòng và kiên quyết tiêu diệt.

Chính vì vậy mà cuộc chỉnh huấn lần này của Đảng ta nhằm mục đích tẩy rửa chủ nghĩa cá nhân và nâng cao đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản.

*Các đồng chí,*

Lý tưởng vĩ đại của Đảng ta, vận mệnh của Tổ quốc ta, đời sống của giai cấp ta và nhân dân ta đòi hỏi toàn Đảng và mỗi người đảng viên phải phấn đấu mạnh mẽ hơn nữa để xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà và góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Để *tăng năng suất lao động và tăng sức chiến đấu bảo vệ Tổ quốc*, chúng ta chẳng những phải nâng cao không ngừng trình độ hiểu biết của mình về mọi mặt, mà trước hết phải biết luôn luôn giữ vững và nâng cao *đạo đức cách mạng* của giai cấp vô sản. Cuộc *chỉnh huấn* lần này là một cơ hội tốt để tất cả chúng ta thật thà phê bình và tự phê bình, xem xét lại mình một cách nghiêm chỉnh, thấy rõ những sai lầm để sửa chữa, thấy rõ ưu điểm để phát huy thêm. Muốn vậy, mỗi người phải thật sự tự giác tự nguyện. Nhất là các đồng chí lãnh đạo ở các cấp, các ngành cần phải gương mẫu trong việc tự phê bình và phê bình. Tất cả các đồng chí đều phải đem hết lòng đoàn kết, thương yêu đồng chí mà giúp nhau tiến bộ. Những đảng viên nào có khuyết điểm, nếu thật thà tự phê bình, có quyết tâm sửa chữa, vứt bỏ cái *ba-lô cá nhân chủ nghĩa* đi, thì sẽ trở nên đảng viên xứng đáng. Đảng ta là một bà mẹ rất nghiêm ngặt mà cũng rất hiền từ. Chúng ta phải làm sao cho sau cuộc chỉnh huấn này, mỗi đồng chí càng nhận rõ trách nhiệm của mình, càng thêm tin tưởng phấn khởi và hăng hái tiến lên, sự đoàn kết nhất trí trong Đảng càng thêm vững chắc, bảo đảm cho Đảng ta càng trong sạch, càng mạnh mẽ, bảo đảm cho sự nghiệp cách mạng vĩ đại của chúng ta càng giành được thắng lợi to lớn hơn nữa, trước mắt là trong phong trào thi đua “mỗi người làm việc bằng hai” nhằm hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị để tiến vào kế hoạch 5 năm lần thứ hai, bảo đảm cho Đại hội lần thứ IV của Đảng thành công tốt đẹp.

Các đồng chí, chúng ta hãy gương cao ngọn cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác-Lênin, cùng nhau phấn khởi tiến lên!



## THƯ GỬI THANH NIÊN\*

*Các cháu thanh niên thân mến!*

Ngày 2-9 năm nay, chúng ta chúc mừng lần thứ 20 Cách mạng Tháng Tám thành công và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tròn 20 tuổi. Nhiều cháu thanh niên gái và trai năm nay cũng vừa đúng hoặc xấp xỉ tuổi 20.

Nhân dịp này. Bác thân ái chúc mừng các cháu thanh niên trong cả nước, và Bác có mấy lời nhắn nhủ các cháu như sau:

Hai mươi năm trước đây, thực dân Pháp cùng bọn vua quan phong kiến còn thống trị nước ta, dân ta còn là những người nô lệ.

Cách mạng Tháng Tám thành công đã giải phóng 25 triệu đồng bào ta. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập là Nhà nước đầu tiên của nhân dân ta. Từ đó nhân dân ta làm chủ đất nước của mình, cùng nhau ra sức xây dựng cuộc đời độc lập, tự do, hạnh phúc.

Nhưng thực dân Pháp lại đến xâm lược nước ta một lần nữa. Đồng bào cả nước ta, từ Nam đến Bắc đã kháng chiến cực kỳ anh dũng trong suốt 9 năm. Cuối cùng chúng ta đã đánh thắng thực dân Pháp và bẻ lũ bù nhìn. Hòa bình được lập lại. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng đã chuyển sang một giai đoạn mới: giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Mười một năm qua, *miền Bắc* ta xây dựng không ngừng, ngày càng đổi mới. Chúng ta đã xóa bỏ chế độ người bóc lột người, nhân dân lao động hoàn toàn làm chủ cuộc đời của mình, cùng nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội và đã thu được nhiều thành tích rực rỡ.

Trong sự nghiệp vĩ đại ấy, *thanh niên ta ở miền Bắc* được sự giáo dục của Đảng và sự dìu dắt của Đoàn đã tỏ ra rất xứng đáng là thế hệ của Cách mạng Tháng Tám vẻ vang. Đại đa số các cháu thanh niên đều

---

\* Nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2-9-1965.

hăng hái thi đua trên mọi mặt trận: nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng, khoa học - kỹ thuật, giáo dục, văn hóa, y tế, v.v..

Cũng trong mười một năm qua, dưới ách thống trị tàn bạo của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, đồng bào *miền Nam* ta đã chiến đấu vô cùng anh dũng, ngày nay đang liên tiếp đánh mạnh kẻ địch trên khắp các chiến trường và đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang.

Hơn một năm nay, đế quốc Mỹ và bọn tay sai càng điên cuồng đẩy mạnh chiến tranh ở miền Nam và mở rộng chiến tranh đến miền Bắc, gây thêm đau thương tang tóc cho đồng bào ta. Quân và dân ta ở cả hai miền một lòng chống Mỹ, cứu nước, đã chiến đấu anh dũng vô cùng, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay, theo tiếng gọi của Tổ quốc, thanh niên cả nước ta càng giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lập nhiều thành tích xuất sắc.

Hàng triệu *thanh niên miền Bắc* đã hăng hái tham gia phong trào “ba sẵn sàng”. Hàng vạn cháu trai và gái đã tình nguyện vào các đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước.

Các cháu *thanh niên miền Nam* sinh ra và lớn lên trong hai cuộc đấu tranh yêu nước, ngày nay dưới ngọn cờ của *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam*, đã được rèn luyện thành một thế hệ thanh niên vô cùng gan dạ, thông minh, không sợ gian khổ, hy sinh, quyết chiến, quyết thắng, noi gương oanh liệt của các anh Nguyễn Văn Trỗi, Trần Văn Đương và nhiều chiến sĩ khác.

Khắp thành thị, nông thôn, miền xuôi, miền núi, thanh niên ta ngày nay đã thành một đội quân to lớn, hăng hái tiến lên, quyết tâm phấn đấu, hy sinh vì Tổ quốc thân yêu, vì tiến bộ xã hội.

Bác rất vui lòng khen ngợi các cháu thanh niên trong cả nước. Nhân dịp này, Bác muốn dặn thêm các cháu mấy điều:

- Phải luôn luôn nâng cao chí khí cách mạng “trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Không sợ gian khổ, hy sinh, hăng hái thi đua tăng gia sản xuất và anh dũng chiến đấu, xung phong đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

- Phải tin tưởng sâu sắc ở lực lượng và trí tuệ của tập thể, của nhân dân. Tăng cường đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau. Nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật. Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tự do.

- Luôn luôn trau dồi đạo đức cách mạng, khiêm tốn và giản dị. Chống kiêu căng, tự mãn. Chống lãng phí, xa hoa. Thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh để giúp nhau cùng tiến bộ mãi.

- Ra sức học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và quân sự để cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc, cho nhân dân.

- Luôn luôn chú ý dìu dắt và giáo dục thiếu niên và nhi đồng, làm gương tốt về mọi mặt cho đàn em noi theo.

Bác gửi lời thân ái đến:

- Các cháu thanh niên Việt kiều ở nước ngoài luôn luôn hướng về Tổ quốc.

- Các cháu thanh niên Hoa kiều kề vai sát cánh với thanh niên Việt Nam trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước.

- Các cháu thanh niên các nước hăng hái ghi tên tình nguyện cùng nhân dân Việt Nam đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược.

*Các cháu thanh niên thân mến,*

Các cháu là thế hệ anh hùng trong thời đại anh hùng. Bác mong các cháu đều xứng đáng là những anh hùng trong sự nghiệp cách mạng tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc và xây dựng xã hội mới.

*Bác hôn các cháu.*

Ngày 2 tháng 9 năm 1965

BÁC HỒ

**BÀI NÓI CHUYỆN**  
**NHÂN DỊP KỶ NIỆM LẦN THỨ 20**  
**NGÀY THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM\***

Bác thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ thân ái chúc mừng Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20 tuổi.

Hội phụ nữ mới 20 tuổi. Nhưng truyền thống anh hùng của phụ nữ Việt Nam ta đã có gần 2.000 năm và ngày càng phát triển.

Từ đầu thế kỷ thứ nhất, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa, đánh giặc, cứu dân cho đến ngày nay mỗi khi nước nhà gặp nguy nan, thì phụ nữ ta đều hăng hái đứng lên, góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Do đó, ta có câu tục ngữ rất hùng hồn: “Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh”.

Nhân dân ta rất biết ơn các bà mẹ cả hai miền Nam Bắc đã sinh đẻ và nuôi dạy những thế hệ anh hùng của nước ta. Trong thời kỳ cách mạng hoạt động bí mật và trong những năm kháng chiến chống bọn thực dân Pháp và lũ can thiệp Mỹ, phụ nữ ta đều có công lao to lớn. Gương anh dũng của đồng chí Minh Khai và của cháu Võ Thị Sáu luôn luôn sáng ngời để cho phụ nữ ta học tập.

Trong cuộc chống Mỹ, cứu nước hiện nay, các *bà mẹ chiến sĩ* đã khuyến khích con cháu mình vào bộ đội đánh giặc, cứu nước, còn ân cần nuôi nấng, giúp đỡ và bảo vệ cán bộ và chiến sĩ khác như con cháu mình. Thí dụ: bà mẹ Suốt ở Quảng Bình đã xông pha bom đạn, không sợ sóng to gió lớn, suốt ngày đêm chèo thuyền đưa bộ đội và cán bộ qua sông để chiến đấu. Bà mẹ Cán, người Thái ở Sơn La có sáu con thì hai đi bộ đội, bốn vào du kích, bản thân bà mẹ cũng hăng hái vào bạch đầu quân. Bà mẹ Đích ở Thái Bình đã cho cả bốn con trai và một con rể vào bộ đội:

---

\* Phát biểu tối 19-10-1966 trong buổi mít tinh trọng thể kỷ niệm lần thứ 20 ngày thành lập Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam do Ban Chấp hành Trung ương Hội tổ chức tại Hội trường Ba Đình.

Bản thân bà mẹ vừa lo việc nhà cho các con, vừa hăng hái giúp đỡ gia đình chiến sĩ. Mẹ Đích còn rất tự hào là cả nhà gồm có bốn con trai, hai con gái, một con rể đều vẻ vang được tham gia Đảng lao động Việt Nam. Nước ta tự hào có hàng ngàn, hàng vạn bà mẹ quý báu như vậy.

*Miền Nam* anh hùng có đội quân đấu tranh chính trị gồm hàng vạn chiến sĩ toàn là phụ nữ. Họ rất mưu trí và dũng cảm làm cho địch phải khiếp sợ và gọi họ là “đội quân tóc dài”. Phó Tổng tư lệnh Quân giải phóng là cô Nguyễn Thị Định. Cả thế giới chỉ nước ta có vị tướng quân gái như vậy. Thật là vẻ vang cho miền Nam, cho cả dân tộc ta.

Phong trào “năm tốt” của phụ nữ miền Nam, phong trào “ba đảm đang” của phụ nữ miền Bắc là phong trào yêu nước nồng nàn và rộng khắp, lôi cuốn đông đảo phụ nữ hai miền thi đua sản xuất, phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu, góp phần to lớn vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của toàn dân.

Trong phong trào chống Mỹ, cứu nước, ở *miền Nam* có nhiều chị em rất anh hùng. Như các cô Út Tịch, Tạ Thị Kiều, Trần Thị Vân và nhiều cô khác. Ở *miền Bắc* có mười phụ nữ công, nông, binh được tuyên dương anh hùng, 723 phụ nữ trong các ngành đã có thành tích đặc biệt và được Bác thưởng huy hiệu.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, hàng vạn phụ nữ đã trở thành cán bộ chuyên môn các ngành và cán bộ lãnh đạo, làm giám đốc và phó giám đốc các xí nghiệp, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp, chủ tịch ủy ban hành chính, bí thư chi bộ Đảng, v.v..

Trong phong trào thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước, nhiều cháu *thanh niên gái* đã nêu gương dũng cảm trong sản xuất và chiến đấu như thanh niên gái Vĩnh Linh vừa sản xuất giỏi, vừa chiến đấu giỏi, tổ cầu đường Trần Thị Lý ở Quảng Bình và tiểu đội 9, đại đội 814 đã bảo đảm tốt giao thông dưới làn bom đạn, đội dân quân gái ở Nam Ngạn đã góp phần bắn được nhiều máy bay giặc Mỹ, v.v...

Theo gương các bà, các mẹ và các chị anh hùng, nhiều cháu *thiếu niên* và *nhi đồng gái* cũng rất ngoan. Trong phong trào thiếu niên “làm nghìn việc tốt” hơn 20 vạn cháu gái đã được bầu là *cháu ngoan Bác Hồ*.

Trong hai năm học vừa qua, có 1.489 cháu học rất giỏi được giải thưởng đặc biệt của Bác, non một nửa số đó là cháu gái.

357 cháu bé có nhưng hành động rất dũng cảm đã được Bác thưởng huy hiệu, 88 cháu là cháu gái. Ví dụ: cháu Tú 13 tuổi, ở Thái Bình, đã cứu một bạn gái bị què chân đi học suốt ba năm liền.

Theo gương tốt của bạn Tú, hai cháu *Hoàng Thị Phiến* và *Lê Thị Thu* ở Vĩnh Linh đều mười tuổi, đã thay nhau cứu cháu Việt tám tuổi (con một chiến sĩ miền Nam tập kết) đi học vì chân cháu có tật, nhà trường lại cách xa hai cây số, phải qua hai ngọn đồi.

Cháu *Nguyễn Thị Sành* 12 tuổi, ở Hà Bắc, đã nhảy xuống nước cứu hai bạn nhỏ khỏi chết đuối.

Trong khi máy bay giặc Mỹ bắn phá dữ dội làng xóm ở Vĩnh Linh cháu *Dương Thị Đống*, chín tuổi đã dũng cảm cứu đàn trâu của hợp tác xã thoát khỏi bom đạn.

Như thế là từ xưa đến nay, từ Nam đến Bắc, từ trẻ đến già, phụ nữ Việt Nam ta thật là anh hùng.

Hiện nay, giặc Mỹ đang thua to. Càng thua to, chúng càng liều lĩnh mở rộng chiến tranh ở miền Nam, càng điên cuồng bắn phá ở miền Bắc. Bác mong *phụ nữ* ta ra sức phát huy hơn nữa truyền thống dũng cảm và đảm đang, cùng toàn quân và toàn dân ta bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc, đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Chúc các cô, các cháu luôn luôn cố gắng, đoàn kết chặt chẽ, hăng hái thi đua, giành nhiều thành tích mới.

## BÀI NÓI CHUYỆN VỚI CÁN BỘ TỈNH HÀ TÂY\*

Năm mới, Bác thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ chúc các cô, các chú khỏe mạnh, tiến bộ.

Vì sao Bác đến hợp tác xã này? Vì Ban nông nghiệp trung ương và tỉnh ủy lấy đây làm chỗ chỉ đạo riêng. Cái gì không tốt thì làm cho tốt lên, cái gì đã tốt thì làm cho tốt thêm.

Hà Tây có nhiều tiến bộ, có nhiều ưu điểm. Bác không cần nói nhiều. Thí dụ: về mặt sản xuất có những hợp tác xã tốt như hợp tác xã Minh Sinh, Đan Phượng, Phù Lưu Tế, Thượng Thụy, v.v...

Hà Tây có những điều kiện phát triển hơn nữa. Thí dụ: về kinh tế, 80% diện tích được bảo đảm có nước tưới. Trong tỉnh có 1.000 hợp tác xã; 93% tổng số nông hộ đã vào hợp tác xã. Như vậy là tốt.

Cả tỉnh có gần ba vạn đảng viên, và có sáu vạn đoàn viên thanh niên. Như vậy là có chín vạn cả đảng viên và đoàn viên.

Gọi là đảng viên thì phải nhận rõ, phải biết rõ Đảng ta phải làm gì, vào Đảng để làm gì.

Đảng ta là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân để phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, phục vụ cách mạng.

Vào Đảng là để phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, phục vụ cách mạng.

Vì vậy đã là đảng viên thì phải cố thành một đảng viên "bốn tốt" tức là phải hết lòng phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, làm đúng chính sách của Đảng, nếu không thì vào làm gì? Đảng không bắt buộc ai vào Đảng cả. Vào thì có nhiệm vụ, có trách nhiệm của đảng viên, nếu sợ không phục vụ được nhân dân, phục vụ được cách mạng thì đừng vào hay là khoan hãy vào.

Đảng không phải chỉ cần con số cho nhiều, tuy nhiều là tốt, nhưng phải có cái chất của người đảng viên.

---

\* Nói chuyện ngày 10 tháng 2 năm 1967.

Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: mình vào Đảng để làm đày tớ cho nhân dân. Bác nhấn mạnh: làm đày tớ nhân dân chứ không phải là “quan” nhân dân.

Lãnh đạo là làm đày tớ nhân dân và phải làm cho tốt, các cô, các chú hiểu chưa?

Vậy các chi bộ, các cán bộ phải làm thế nào để cho nhiều đảng viên “bốn tốt” hơn nữa.

Như trên Bác vừa nói, có chín vạn đảng viên và đoàn viên mà có 1.000 hợp tác xã. Nếu đảng viên và đoàn viên nào cũng làm tròn nhiệm vụ của mình thì hợp tác xã tiến bộ rất nhanh.

Các đồng chí báo cáo: số chi bộ “bốn tốt” có 397 trong số hơn 700 chi bộ, như vậy là hơn một nửa.

Nhưng “bốn tốt” là thế nào? “Bốn yêu cầu” là thế nào?

Các chú thường chỉ xem báo cáo. Có khi đi vào làng thấy viết khẩu hiệu “Cấy xong trước tết”, đã tin là cấy xong mà không đi ra đồng xem cấy xong chưa, không đi vào các nhà đồng bào hỏi xem cấy xong chưa.

Bác đi qua đây, Bác xem và cứ theo khẩu hiệu thì thấy oai lắm: “Quyết tâm cấy xong trước tết”. Nhưng khi hỏi ra thì một cháu gái nói: “Thưa Bác cấy xong rồi ạ!”. Hỏi một cháu khác lại nói: “Thưa Bác cấy chưa xong, còn một ít nữa thôi ạ!”. Cho nên đảng viên “bốn tốt” chi bộ “bốn tốt” thì phải cho thật tốt, nếu không là tự mình lừa mình.

Bác nghe tỉnh báo cáo là việc ăn ở, học hành của nhân dân được chú ý hơn trước. Hơn trước là thế nào? Toàn tỉnh bây giờ có 30 vạn học sinh, nếu tính cả các cháu sơ tán là có 40 vạn. Như thế có 10 vạn cháu sơ tán về đây. Bác muốn nhấn mạnh điều này: từ tỉnh đến huyện, đến xã phải chú ý giúp đỡ các cháu sơ tán về, bởi vì, các cháu mới về chưa quen, cho nên phải giúp đỡ các cháu. Nhất là các cô phải giúp các cháu, vì các cô là người mẹ, dễ hiểu các con hơn.

Bây giờ nhiệm vụ *thứ nhất* của toàn Đảng, toàn dân ta là sản xuất, cố gắng sản xuất tốt. *Thứ hai* là phòng không tốt, chiến đấu tốt, để giảm bớt thiệt hại của nhân dân. Về chiến đấu, Hà Tây, tương đối khá, bắn được 24 máy bay, còn về công tác phòng tránh tức là hào giao thông, hầm hố... thì Hà Tây cũng có tiến bộ. Song như Bác thấy ở hợp tác xã này, có hầm hố nhưng cái thì sập, cái thì bắn, chưa tốt. Đây có thể là thí dụ cho cả tỉnh Hà Tây.



Muốn đẩy mạnh các mặt sản xuất, chiến đấu, văn hóa, và các mặt khác, thì trước hết cán bộ đảng viên, đoàn viên phải làm đầu tầu, gương mẫu.

Muốn làm gương mẫu thì điều quan trọng nhất là các chú từ tỉnh đến huyện, đến xã phải đoàn kết, đoàn kết thật sự, làm sao tự mình nêu gương và giáo dục cho đảng viên, đoàn viên, cán bộ giữ gìn, phát triển *đạo đức cách mạng*, làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm.

Được thế thì cán bộ, đảng viên, đoàn viên cùng với quần chúng nhân dân càng đoàn kết, các công việc đều sẽ trôi chảy, trước hết là công việc sản xuất và chiến đấu.

Năm ngoài Hà Tây kết nạp được 6.200 đảng viên mới.

Lúc kết nạp rồi có giáo dục cho đảng viên mới không ?

*(Đồng chí bí thư tỉnh ủy báo cáo với Bác: lúc là người cảm tình có giáo dục, lúc kết nạp rồi cũng có giáo dục).*

Lúc “cảm tình”, có mở lớp là tốt, nhưng lúc kết nạp đảng viên mới rồi thì cần có lớp, lớp ngắn ngày cũng được, bởi vì người mới vào Đảng chưa hiểu hết về Đảng, về nhiệm vụ, về công tác...

Cách mạng cũng là một nghề.

Làm nghề gì cũng phải học, vậy làm cách mạng cũng phải học. Nếu không giáo dục cho đảng viên làm cách mạng mà cứ yêu cầu họ làm cách mạng thì họ không làm tròn được nhiệm vụ.

Bác nhấn mạnh về đạo đức cách mạng, về đoàn kết từ trên xuống dưới và phải mở rộng dân chủ thật sự với nhân dân. Có nơi đã làm tốt, thí dụ như Thái Bình, do mở rộng dân chủ mà đoàn kết tốt, ở đây thế nào thì Bác chưa biết rõ.

Còn điều này là ở đây chắc còn thói liên hoan lu bù. Như vậy cũng là thiếu đạo đức cách mạng.

Có chỗ bất kỳ việc gì cũng liên hoan, bắt đầu cấy cũng liên hoan, cấy xong cũng liên hoan, rồi cán bộ huyện về điều tra cũng liên hoan, cán bộ huyện đi cũng liên hoan, cải tiến cũng liên hoan, nghe nói họp bàn về tiết kiệm cũng liên hoan mấy con lợn...

Nhiều chỗ liên hoan làm thịt lợn, không phải tất cả xã viên đến liên hoan, mà chỉ có mấy ông cán bộ chén, còn tiền con lợn thì tất cả xã viên phải trả, có phải đúng thế không?

Có lẽ ở đây cũng như ở chỗ khác, Bác đã nghe là hội họp quá nhiều.

Khổ nhất là các cháu gái tuổi thanh niên, phải họp nào đội sản xuất, nào đoàn thanh niên, nào hội phụ nữ, nào đội dân quân, vào Đảng lại đi họp Đảng, không có thời giờ nghỉ ngơi, học tập gì nữa. Lại còn cái tệ họp không đúng giờ, nói bảy giờ mà mãi đến tám, chín giờ mới họp và họp kéo dài, có đúng thế không?

Vì sao? Vì cán bộ trước khi họp chưa chuẩn bị tốt. Cán bộ phải đi trước, tới đúng giờ thì mọi người sẽ tới đúng giờ, nói bảy giờ, nhưng có ông cán bộ đứng đỉnh tám, chín giờ mới đến, họp khuya xong lại còn liên hoan nữa!

Cán bộ tỉnh, huyện chia nhau về giúp xã, giúp hợp tác xã là tốt. Nhưng nếu làm không tốt thì lại trở thành xấu.

Cán bộ về hợp tác xã phải “ba cùng” phải đến nhà nông dân mà ở, bàn bạc công việc với họ, mục đích là giúp cho đồng bào, giúp hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh công tác lên chứ không phải là đi tìm nhà ăn ở cho thoải mái.

Trước hết phải bài trừ tệ quan liêu, lãng phí, tham ô như trên Bác đã nói.

Hai là phải làm sao cho mỗi ban quản trị, mỗi xã viên biết làm chủ tập thể, làm chủ hợp tác xã, vì nước ta là nước dân chủ, mọi người có quyền làm, có quyền nói. Muốn thế cán bộ từ tỉnh đến hợp tác xã và xã viên phải đoàn kết chặt chẽ, đoàn kết cho thật thà.

Lúc này Bác hỏi các cô, các chú có còn tệ đánh vợ không? Đánh vợ là rất xấu! Sao khi thì anh em em, mà khi thì lại thụi người ta? Nếu có đánh vợ thì phải sửa vì như vậy là dã man, là phạm pháp luật. Đàn ông là người công dân, đàn bà cũng là người công dân, dù là vợ chồng, người công dân này đánh người công dân khác tức là phạm pháp. Muốn ngăn chặn được hết tệ đánh vợ, thì các cô phụ nữ và thanh niên phải phụ trách việc này.

Mình phải tôn trọng quyền của mình. Bác được biết có nơi chồng đánh vợ cũng bè cánh che giấu cho nhau. Bí thư đánh vợ thì ủy viên giấu đi. Bây giờ đã có pháp luật và Đảng có giáo dục. Các cô phải tự mình phấn đấu, đấu tranh chống cái tệ đó.

Chế độ bây giờ khác xã hội phong kiến trước, nếu vẫn còn xảy ra đánh vợ thì các cô và thanh niên phải đấu tranh chống lại, các cô và các cháu thanh niên có pháp luật trong tay.

Năm nay có thể giặc Mỹ đánh liều lĩnh hơn trước, ta phải chuẩn bị sẵn sàng đối phó.

Nó đánh liều lĩnh hơn trước là vì nó gần thua. Còn ta phải khẩn trương hơn trước vì ta gần thắng. Càng gần thắng lợi càng gay go, cho nên trong sản xuất, chiến đấu, phải cố gắng, cố gắng nhiều hơn trước. Bác chỉ nói từng ấy, mong rằng các cô, các chú năm nay cố gắng, “mỗi người làm việc bằng hai”, tổ chức nhân dân, lãnh đạo nhân dân sản xuất, chiến đấu cho tốt, tin tưởng sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của ta nhất định hoàn toàn thắng lợi.

Bản sao lưu trữ

## NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN\*

Nhân dân ta thường nói: Đảng viên đi trước, làng nước theo sau. Đó là một lời khen chân thành đối với đảng viên và cán bộ chúng ta.

Trải qua 39 năm đấu tranh oanh liệt, làm Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến lần thứ nhất thắng lợi, và ngày nay vừa chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nhân dân ta tin tưởng rằng: Đảng ta lãnh đạo rất sáng suốt, đã đưa dân tộc ta tiến lên không ngừng từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong lịch sử đấu tranh của Đảng và trong mọi hoạt động hàng ngày, nhất là trên mặt trận chiến đấu và sản xuất, rất nhiều cán bộ, đảng viên ta đã tỏ ra anh dũng, gương mẫu, gian khổ đi trước, hưởng thụ đi sau và đã làm nên những thành tích rất vẻ vang.

Đảng ta đã đào tạo một thế hệ thanh niên cách mạng, gái cũng như trai, rất hăng hái, dũng cảm trong mọi công tác.

Đó là những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhân dân ta và Đảng ta rất tự hào có những người con xứng đáng như thế.

Song bên cạnh những đồng chí tốt ấy, còn có một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém.

Họ mang nặng *chủ nghĩa cá nhân*, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết. Họ không lo “mình vì mọi người” mà chỉ muốn “mọi người vì mình”. Do *cá nhân chủ nghĩa* mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế,

---

\* Bài viết nhân dịp kỷ niệm lần thứ 39 ngày thành lập Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) – ngày 3-2-1969.

mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ.

Cũng do *chủ nghĩa cá nhân* mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân.

Tóm lại, do *cá nhân chủ nghĩa* mà phạm nhiều sai lầm.

Để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng, Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên. Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật. Phải đi sâu đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết để làm tốt mọi nhiệm vụ.

Đó là một cách thiết thực để kỷ niệm ngày thành lập Đảng ta, Đảng vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân anh hùng của chúng ta. Đó cũng là một việc làm cần thiết để giúp tất cả cán bộ, đảng viên đều tiến bộ, góp sức nhiều hơn nữa cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước toàn thắng và xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công.

## DI CHỨC\*

*Trích*

*Trước hết nói về Đảng* - Nhờ đoàn kết chặt chẽ một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

*Đoàn viên và thanh niên* ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

---

\* Trích Di chúc viết ngày 10 tháng 5 năm 1969.



**Phần II**

**CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC  
BÀN VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, PHONG CÁCH TƯ DUY  
KHOA HỌC HỒ CHÍ MINH**

Bản sao lưu trữ





## PHÁT HUY TINH THẦN ĐỘC LẬP TỰ CHỦ, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI KỲ MỚI\*

*Nông Đức Mạnh*

...

Tại Đại hội lần thứ II của Đảng (1951), trong văn kiện của mình, Đảng ta đã xác định vai trò, ý nghĩa, giá trị to lớn của đường lối chính trị, tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đến Đại hội VII (1991), Đảng ta khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đó là một quyết định có tầm lịch sử quan trọng thể hiện bước tiến mới trong tư duy lý luận của Đảng ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã dẫn dắt dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trong thế kỷ XX, tiếp tục có ý nghĩa quyết định sự tồn tại và phát triển của Đảng, Nhà nước và xã hội Việt Nam trong thế kỷ XXI. Đại hội lần thứ IX của Đảng (2001) khẳng định: “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”. Đại hội Đảng chỉ rõ: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”<sup>1</sup>. Đại hội đã nêu lên những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, nổi bật nhất là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập

---

\* Trích bài nói tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ngày 15-5-2003.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.20.

dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc, về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã trình bày một cách ngắn gọn, khá toàn diện từ khái niệm, cơ sở hình thành đến những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một kho tàng hết sức sâu rộng, phong phú.

...

Vấn đề nổi bật xuyên suốt, nhất quán trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, là ý chí “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, là tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường và sáng tạo, thể hiện trước hết trong việc hoạch định đường lối, chính sách, phương pháp, bước đi của con đường cách mạng nước ta.

Từ khi ra đi tìm đường cứu nước, ngay đầu những năm 20 của thế kỷ XX, trên đất Pháp, Người đã nói: “Tổ tiên đã treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn”<sup>1</sup>, về sau Người lại khẳng định Việt Nam là “một dân tộc đã tự cường, tự lập”<sup>2</sup>.

Hơn 60 năm hoạt động cách mạng sôi nổi và sáng tạo, Người đã tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với truyền thống yêu nước Việt Nam, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường dân tộc, tìm thấy con đường cứu nước và giải phóng dân tộc duy nhất đúng đắn là: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Con đường đó đã được vạch ra từ mùa xuân năm 1930, trong những văn kiện do Người soạn thảo được Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản thông qua, trở thành Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Với cương lĩnh đó, những nét lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã hình thành và con đường cứu nước của Việt Nam đã được khẳng định. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự thể hiện rõ nét nhất tinh thần

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.1, tr.79; t.5: tr.30.

độc lập, tự chủ, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Từ những năm 20 của thế kỷ trước, trong khi nghiên cứu chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh đã nêu rõ rằng ở phương Đông có những đặc điểm khác với phương Tây mà thời mình Mác chưa có điều kiện nghiên cứu, đồng thời mỗi dân tộc lại có những đặc điểm riêng. Trong *Điều lệ tạm thời* của Hội Liên hiệp công nhân quốc tế năm 1864 do Mác khởi thảo, một tư tưởng cơ bản được nêu lên là: “Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải do bản thân giai cấp công nhân tự giành lấy”<sup>1</sup>. Hơn 60 năm sau, trong Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa, Hồ Chí Minh viết: “Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”<sup>2</sup>. Người vạch rõ tính chủ động của cách mạng thuộc địa đối với cách mạng chính quốc: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”<sup>3</sup>. Người đã chỉ ra để mỗi người Việt Nam hiểu rằng ta phải tự lực chủ động làm cách mạng giải phóng mình, không nên chỉ trông chờ “công nông Pháp cách mệnh thành công thì nhân dân Việt Nam sẽ được tự do” mà cần chủ động “An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu. Tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ”<sup>4</sup>. Chính những luận điểm sáng tạo, mới mẻ đó đã dẫn Hồ Chí Minh đến những quyết định lịch sử. Tháng 8-1945, khi thời cơ xuất hiện, Người ra lời kêu gọi: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”<sup>5</sup>. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng

---

1. C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.16, tr.24.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.2, tr.128.

3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.1, tr.36; t.2, tr.266; t.3, tr.554.

lợi của tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong những năm kháng chiến chống xâm lược, Hồ Chí Minh luôn nêu cao tinh thần “dựa vào sức mình là chính”. Nếu như trong đấu tranh giành chính quyền, Người đòi hỏi phải “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” thì những năm kháng chiến chống xâm lược, tư tưởng ấy của Người là “Dân ta phải giữ nước ta”. Khi miền Bắc bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người chỉ rõ: “Trước đây, nhân dân ta đã nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, trường kỳ kháng chiến, thì ngày nay chúng ta càng phải nêu cao tinh thần *tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà*”<sup>1</sup>.

Nhân dân Việt Nam và tất cả những người yêu chuộng hòa bình trên thế giới đều biết đến câu nói mang tính thời đại của Hồ Chí Minh: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Người nhấn mạnh: “Mỗi một người dân phải hiểu: có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do”<sup>2</sup>.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn, độc lập tự chủ không có nghĩa là biệt lập, đứng một mình. Ngay từ năm 1947, Người đã chủ trương: “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”<sup>3</sup>. Người đề cao việc học tập tiếp thu sáng tạo kinh nghiệm của các đảng anh em, đồng thời phê phán mọi sự sao chép, giáo điều. Tư tưởng Hồ Chí Minh là mẫu mực của tinh thần độc lập tự chủ, đổi mới và sáng tạo. Trung thành và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân vượt qua những thử thách to lớn, đặc biệt là vào thời điểm chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Đảng và nhân dân ta luôn kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ngay trong lúc sóng to gió cả, nghiêm túc học tập bạn bè, những nước đi trước, những kinh nghiệm hay và phù hợp nhưng không sao chép, rập khuôn; đã xác định đường lối đổi mới với các bước đi thích hợp.

Thắng lợi của 17 năm đổi mới là thắng lợi của việc vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết trong việc xác định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong giáo dục và rèn luyện cán bộ đảng viên.

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.11, tr.22; t.5, tr.441; t.5, tr.220,.

Hiện nay trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và trước tình hình thế giới diễn biến phức tạp, nhanh chóng, trên cơ sở những quan điểm có tính nguyên tắc, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hơn bao giờ hết, càng phải phát huy cao độ tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, chúng ta đang tận dụng mọi khả năng để thu hút ngày một nhiều hơn các nguồn lực bên ngoài, nhưng cần khẳng định rằng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước hết là sự nghiệp của bản thân nhân dân ta, do trí tuệ và sức lực của dân ta. Văn kiện Đại hội IX viết: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách... Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước”<sup>1</sup>.

Học tập, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta cần vận dụng tinh thần cách mạng và khoa học của Người để giải quyết tốt những vấn đề đặt ra trong thực tiễn đổi mới hiện nay, luôn luôn gắn lý luận với thực tiễn, từ tổng kết thực tiễn mà bổ sung, làm phong phú thêm lý luận, trước hết về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta và công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

...

Một trong những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh là “lấy dân làm gốc”, xác định mọi quyền hành, lực lượng đều ở nơi dân; Đảng và Nhà nước cũng như mọi cán bộ, công chức phải tôn trọng, lắng nghe ý kiến nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hết lòng chăm lo mọi mặt đời sống nhân dân, thực sự là người lãnh đạo và là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Phải ra sức củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc không phải là sách lược trong một thời kỳ, một giai đoạn cách mạng mà là chiến lược cơ bản, lâu dài, xuyên

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.25-26.

suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh vô tận của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân ta”<sup>1</sup>. Người đòi hỏi mỗi người, trước hết là đảng viên, phải giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất như “giữ gìn con người của mắt mình”. Đoàn kết là sức mạnh. Với truyền thống đoàn kết, sức mạnh sẽ được nhân lên, trở thành nhân tố hàng đầu để giành và giữ độc lập dân tộc, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa, thể hiện trong câu nói nổi tiếng của Người:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.

Thành công, thành công, đại thành công”<sup>2</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng đoàn kết là “điểm mẹ”. “Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt”. Người nhấn mạnh: “Công, nông, trí cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối”<sup>3</sup>. Người còn chủ trương đoàn kết với tất cả những ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Trong xây dựng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân, Người chăm chú tìm kiếm, nâng niu, trân trọng những điểm tương đồng, hạn chế, giảm dần những điểm khác biệt. Nguyên tắc được Người nêu lên từ năm 1946 là: “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang”<sup>4</sup>.

Tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành đường lối, chiến lược đại đoàn kết của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội IX của Đảng, đại hội đầu tiên trong thế kỷ XXI, đã nêu rõ: “Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân”<sup>5</sup> của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phấn đấu để tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng, “lấy mục tiêu giữ

---

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.12, tr.510; t.10, tr.607; t.8, tr.214; t.4, tr.246-247.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, tr.123-124.

vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai... Xây dựng khối đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng”<sup>1</sup>.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) vừa qua đã ra các nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, về công tác dân tộc, về công tác tôn giáo. Các nghị quyết đó đã cụ thể hóa tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân của Đại hội IX, đồng thời làm sáng tỏ thêm bằng những luận điểm mới, cách luận giải mới và giải pháp mới. Nghị quyết Trung ương 7 là sự vận dụng, phát triển tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh phù hợp với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách của sự nghiệp xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc “trường xuân bất lão”<sup>2</sup> như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra cách đây hơn nửa thế kỷ.

...

Là Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc tới công tác xây dựng Đảng. Trong *Di chúc*, Người viết: “Trước hết nói về Đảng”<sup>3</sup>. Người rất quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng. Người cho rằng muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém, “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>4</sup>. Người luôn đòi hỏi mỗi người, nhất là người cán bộ cách mạng, phải có đạo đức cách mạng, phải kết hợp chặt chẽ phẩm chất và năng lực, hồng và chuyên, đức và tài, trong đó đức là gốc. Đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng, bất kỳ khó khăn nào cũng kiên quyết làm đúng chính sách, nghị quyết của Đảng, làm gương cho quần chúng, hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, tr.123-124.

2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.6, tr.181; t.12, tr.510; t.5, tr.269, 252-253.



quần chúng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Từ quan niệm về đạo đức cách mạng nêu trên, Người coi đạo đức là cội nguồn của người cách mạng: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”<sup>1</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, từ bản chất của mình, con người luôn hướng tới sự hoàn thiện, hướng tới chân, thiện, mỹ. Đạo đức định hướng việc hình thành nhân cách, mục tiêu, động cơ ý chí phấn đấu của mỗi con người. Đạo đức là nhân tố quyết định giúp người cách mạng hoàn thành nhiệm vụ được giao; đạo đức của cán bộ, đảng viên, công chức phải được xem xét toàn diện trong mọi lĩnh vực hoạt động, từ đời công đến đời tư như sinh hoạt, học tập, lao động, chiến đấu, lãnh đạo, quản lý... Người chỉ rõ: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”<sup>2</sup>.

Từ truyền thống coi trọng đạo đức của dân tộc và đức là gốc của người cán bộ trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta chủ trương: “Đào tạo bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các nhà doanh nghiệp và các chuyên gia, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị; coi trọng cả đức và tài, đức là gốc”<sup>3</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi “xây” phải đi đôi với “chống”, nâng cao đạo đức cách mạng đi đôi với quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Người đã căn dặn cán bộ phải chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Năm 1955, Người lại nói rằng trong đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước có những

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, 252-253.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.283.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.145-146.

người “đang mang một ba lô chủ nghĩa cá nhân”<sup>1</sup>. Người rất quan tâm tới ý chí, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của các cá nhân. nhưng phê phán những người mắc chủ nghĩa cá nhân. Đối với những người này, bất kỳ làm việc gì cũng xuất phát từ lòng ham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình; không nghĩ đến lợi ích của Đảng, của dân, họ chỉ đòi hỏi mọi người vì mình mà không nghĩ mình vì mọi người. Người cho rằng chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, “là mẹ đẻ ra tất cả mọi tính hư nết xấu”<sup>2</sup>. Do đó “thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân”<sup>3</sup>. Với ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh gọi chủ nghĩa cá nhân là “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng” và chống chủ nghĩa cá nhân “là một cuộc cách mạng nội bộ”.

Trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh, trong sự nghiệp đổi mới, Đảng ta rất chú trọng việc nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên. Qua rèn luyện, số đông cán bộ, đảng viên vẫn giữ được đạo đức, phẩm chất cách mạng, lối sống lành mạnh, giản dị, gắn bó với nhân dân. Tuy nhiên, tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

Bác Hồ dạy: “Muốn được dân tin, dân phục, dân yêu, cán bộ phải tự mình làm đúng đời sống mới. Nghĩa là phải *siêng năng, tiết kiệm, trong sạch, chính đáng*. Nếu không thực hành bốn điều đó, mà muốn được lòng dân, thì cũng như bắc dây leo trời”<sup>4</sup>. Hiện nay trong hệ thống chính trị của ta có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, công chức, kể cả một số cán bộ, đảng viên cấp cao, không làm được bốn điều dạy đó, mắc vào chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng. Họ đã gây thiệt hại về kinh tế, chiếm đoạt tài sản của nhân dân, xa rời nhân dân, gây phiền hà cho nhân dân, gây mất đoàn kết nội bộ, đặc biệt là làm giảm sút niềm tin của nhân dân. Đây thực sự là một nguy cơ đối với Đảng và Nhà nước ta. Cả hệ thống chính trị nói chung và mỗi cấp, mỗi ngành nói riêng cần có những giải pháp thiết thực, mạnh mẽ hơn nữa để thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4, khóa IX, tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với cải cách hành chính, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, nêu cao tinh

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.576.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.10, tr.306; t.9, tr.291.

4. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.5, tr.208.

thần tự phê bình và phê bình và tạo điều kiện để nhân dân góp ý kiến phê bình cán bộ, đảng viên, công chức; biểu dương những cán bộ, đảng viên, công chức tốt, gương mẫu, được nhân dân tín nhiệm; kiên quyết đấu tranh, xử lý kỷ luật và xét xử theo Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước những người mắc lỗi phạm tội bất kể họ là ai. Cán bộ, đảng viên, công chức phải tu dưỡng đạo đức suốt đời, gương mẫu chấp hành kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, có trách nhiệm với gia đình trong việc thi hành luật pháp, thực hiện bằng được điều Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong *Di chúc*: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đày tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>1</sup>.

...

Tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trong những tác phẩm, bài nói, bài viết và toàn bộ cuộc đời của Người. Ở Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất giữa tư tưởng và hoạt động thực tiễn, giữa lời nói và việc làm, đồng thời Người nghiêm khắc đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải thực hiện yêu cầu đó.

Từ giữa những năm 20 của thế kỷ XX, trên trang nhất cuốn *Đường cách mệnh* - tác phẩm nhập môn của người chiến sĩ cách mạng, Hồ Chí Minh nêu 23 điều của tư cách một người cách mệnh. Điều 10 chỉ rõ: Người cách mạng “nói thì phải làm”<sup>2</sup>. Hai mươi năm sau, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người cho rằng bốn phạm của đảng viên là “làm kiểu mẫu cho quần chúng trong mọi việc”<sup>3</sup>. Chỉ có nói được, làm được, mới đến được với quần chúng. Việc làm gương mẫu của cán bộ, đảng viên là lực hút mạnh mẽ để nhân dân tin và đi theo. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói “trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”<sup>4</sup>. Người thường xuyên đòi hỏi những người cộng sản phải là tấm gương sống động trong thực tiễn chứ không chỉ tiên phong trong hội trường, trên lời nói. Từ năm 1947 đến năm 1969, Hồ Chí Minh hơn mười lần nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”<sup>5</sup>. Cũng từ năm 1947, Người đã nhận thấy và nghiêm khắc phê phán một số cán bộ: Chỉ biết nói là nói, nói giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Nhưng một việc gì thiết thực cũng không làm được<sup>6</sup>.

---

1, 2, 3, 4, 5, 6. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.12, tr.510; t.2, tr.260; t.5, tr.266, 552; t.10, tr.311; t.5, tr.287.

Là những người tiên phong, những người giữ vai trò lãnh đạo cho nên lời nói, đặc biệt là việc làm của cán bộ, đảng viên, công chức luôn được nhân dân theo dõi, coi là khuôn mẫu. Mỗi cán bộ, đảng viên và gia đình phải thật sự là tấm gương mọi mặt cho quần chúng noi theo.

Nếu cán bộ, đảng viên, công chức kêu gọi nhân dân cần kiệm mà mình lười biếng, sống xa xỉ, lãng phí thì tuyên truyền một trăm năm cũng vô ích. Người so sánh “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”<sup>1</sup>.

Đối với Hồ Chí Minh, tình cảm cách mạng cao đẹp, trong sáng phải được soi sáng bằng nhận thức khoa học và được chứng minh bởi những hành động kiên quyết, dũng cảm, khéo léo để biến tình cảm, lý tưởng thành hiện thực. Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất đạo đức, là tình cảm cao quý của mỗi người đối với dân, với nước, nhưng phẩm chất, tình cảm ấy phải được chứng minh bằng hành động: “Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”<sup>2</sup>. Người dạy chúng ta quyết tâm không phải ở lời nói mà phải trong công tác, trong hành động. Để đạt được điều đó đối với một đảng, không thể chỉ dừng lại ở chủ trương, đường lối mà phải có các biện pháp thích hợp và đặc biệt phải có quyết tâm thực hiện. Người nói: “Đường lối, chủ trương có rồi, phải có biện pháp thực hiện cho tốt. Chủ nghĩa xã hội là phải có biện pháp. Kế hoạch một phần, biện pháp phải hai phần và quyết tâm phải ba phần, có như thế mới có thể hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước”<sup>3</sup>. Sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã làm thay đổi bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Nhân tố hàng đầu tạo nên những thành tựu đó là sự đúng đắn trong đường lối của Đảng, sự phấn đấu bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, trong đó có vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Tuy vậy, cần thẳng thắn chỉ ra rằng vẫn còn không ít cán bộ, đảng viên, công chức chưa có sự thống nhất giữa lời nói và việc làm. Còn có những cán bộ, đảng viên, công chức nói nhiều làm ít, thậm chí nói một đằng, làm một nẻo, nói mà không làm.

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.1, tr.263; t.11, tr.350; t.10, tr.266.

Để khắc phục tình trạng này, một trong những giải pháp lớn của Đảng đã được nêu trong Văn kiện Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) là: “Toàn Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành kiên quyết thực hiện: nói đi đôi với làm, nói và làm đúng đường lối, chính sách, pháp luật”<sup>1</sup>.

...

Như Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ: “Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”<sup>2</sup>. Đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, ngày 27-3-2003, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị “Đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”. Đây là một sinh hoạt chính trị rộng lớn, rất quan trọng cần được tổ chức chặt chẽ, khoa học, có hệ thống, trở thành nền nếp thường xuyên trong hệ thống chính trị, các lực lượng vũ trang, hệ thống nhà trường và các tầng lớp nhân dân. Nhân kỷ niệm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh năm nay, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi đề nghị toàn Đảng, các cấp, các ngành trong đó các cấp ủy đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cùng các cơ quan, trường lý luận của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và quân đội tổ chức tốt chương trình học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần phát triển đất nước nhanh chóng và bền vững trong thế kỷ XXI và xây dựng Đảng, bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tự hào được dẫn dắt bởi một Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phấn đấu giành những thắng lợi ngày càng lớn trong sự nghiệp mà Đại hội IX đã nêu lên: “phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”<sup>3</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.141-142.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.21.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđđ*, tr.60-61.

## CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH LÃNH TỤ VĨ ĐẠI CỦA ĐẢNG TA VÀ DÂN TỘC TA\*

*Lê Duẩn*

Nhân dân Việt Nam ta rất anh hùng.

Trong quá trình đấu tranh lâu dài để dựng nước và giữ nước, nhân dân ta đã sớm có ý thức dân tộc và đã biểu thị một tinh thần yêu nước rất nồng nàn. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, ngót một thế kỷ, nhân dân ta không cam chịu nô lệ đã không ngớt vùng lên kiên quyết cầm vũ khí chống lại bọn cướp nước và bán nước. Song, tất cả các phong trào chống Pháp, cứu nước trước đây rốt cuộc đều thất bại.

Vào những năm 20 của thế kỷ XX, sau khi các cuộc khởi nghĩa của Cần Vương bị dập tắt, phong trào giải phóng sôi nổi của nhân dân ta đứng trước một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối. Thực dân Pháp, một mặt, thẳng tay đàn áp, khủng bố những người yêu nước; mặt khác, ra sức gieo rắc tư tưởng đầu hàng và tìm mọi cách khuyến khích các xu hướng cải lương, thỏa hiệp. Trong nội bộ nhân dân, cuộc đấu tranh về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc cũng trở nên gay gắt giữa các lực lượng yêu nước, giữa hai khuynh hướng chủ yếu, một bên là của giai cấp vô sản trẻ tuổi, bên khác là của giai cấp tư sản dân tộc. Các lực lượng này đều đưa chương trình chính trị của mình ra để tranh thủ quần chúng.

Chính lúc đó Hồ Chủ tịch, bằng thiên tài trí tuệ và sự hoạt động cách mạng của mình, đã kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử. Vượt qua sự hạn chế trong chủ nghĩa yêu nước của các sĩ phu và của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, Hồ Chủ tịch đã sớm đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và đi vào con đường cách mạng vô sản. Hồ Chủ

---

\* Trích tác phẩm *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do...* viết nhân kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Đảng, tháng 2-1970.

tịch nói: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>1</sup>.

Công lao vĩ đại đầu tiên của Hồ Chủ tịch là đã gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế, đưa nhân dân Việt Nam đi theo con đường mà chính Người đã trải qua, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác-Lênin. Đó là con đường giải phóng duy nhất mà Cách mạng Tháng Mười Nga đã mở ra cho nhân dân lao động và tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Chủ nghĩa Mác-Lênin đến với nhân dân Việt Nam khác nào như đến với “người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn”<sup>2</sup>. Nó lôi cuốn những người yêu nước Việt Nam đi vào con đường cách mạng vô sản và làm dấy lên khắp trong nước một làn sóng dân tộc và dân chủ mạnh mẽ, trong đó giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập. Sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng cách mạng nhất của thời đại, với phong trào đấu tranh quyết liệt của giai cấp công nhân, giai cấp cách mạng nhất, liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân, và với phong trào yêu nước của một dân tộc đang sục sôi cách mạng đã dẫn tới việc thành lập Đảng ta, ngày 3-2-1930.

Sự kiện đó đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Đây là sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin đến một nước thuộc địa và nửa phong kiến, là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên cho thời kỳ vùng dậy oanh liệt nhất và bước nhảy vọt vĩ đại nhất trong lịch sử tiến hóa của dân tộc Việt Nam, mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Tám và sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Lịch sử 40 năm của Đảng ta là lịch sử đấu tranh cách mạng rất vẻ vang.

Đó là lịch sử của nhiều cao trào cách mạng liên tục và nhiều cuộc khởi nghĩa anh dũng: cao trào cách mạng 1930 - 1931, cao trào cách mạng 1936 - 1939, cao trào cứu nước 1940 - 1945 đưa đến thành công của Cách mạng Tháng Tám.

Đó là lịch sử hai cuộc kháng chiến trường kỳ của một dân tộc anh hùng chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược nhằm hoàn thành giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, góp phần vào cuộc đấu tranh vĩ đại

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.314; t.8, tr.571.

của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Đó cũng là lịch sử thực hiện hai cuộc cách mạng lớn của thời đại: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mười năm nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta và của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, hai nhiệm vụ cách mạng ấy đã kết hợp chặt chẽ với nhau nhằm một mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, đứng đầu là Hồ Chủ tịch vĩ đại, nhân dân cả nước ta đã viết nên những trang sử đẹp nhất của Tổ quốc ta, đưa nước nhà bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Bốn mươi năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã đưa nhân dân ta bước lên vũ đài thế giới như là một trong những người đầu tiên ở các nước thuộc địa và phụ thuộc thực hiện thắng lợi cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền trong cả nước; là một trong những người đầu tiên đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ, mở đầu quá trình sụp đổ từng mảng của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc; là một chiến sĩ xung kích đang đánh bại chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ và sen đầm quốc tế.

Bằng những chiến thắng huy hoàng chống đế quốc, chống phong kiến và bằng sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đang tiến hành ở miền Bắc, giai cấp công nhân và dân tộc ta, do Đảng ta lãnh đạo, đang cùng với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em góp phần tích cực nhất vào quá trình biến đổi lịch sử của thế giới trong thời đại ngày nay.

Những thắng lợi rực rỡ mà nhân dân ta giành được trong 40 năm qua đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, một đảng tuyệt đối trung thành với lợi ích tối cao của giai cấp và của dân tộc.

Mỗi bước đi lên của cách mạng nước ta và của nhân dân ta đều là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin, học thuyết cách mạng bách chiến bách thắng, chân lý sáng ngời của thời đại mới. Đó là thắng lợi vĩ đại của sức mạnh đoàn kết chiến đấu vô địch của nhân dân lao động và của cả dân tộc ta sát cánh cùng nhân dân Lào và nhân dân Campuchia anh em trong sự nghiệp đấu tranh chống kẻ thù chung vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội.

Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong 40 năm qua đều gắn liền với sự phát triển của cách mạng thế giới trong thời đại mới - thời đại



quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới - mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại; gắn liền với thắng lợi huy hoàng của Liên Xô đánh bại tập đoàn phát xít Đức - Italia - Nhật; với thành công của cách mạng Trung Quốc; với sức mạnh hơn hẳn của toàn phe xã hội chủ nghĩa, nhân tố quyết định sự phát triển của lịch sử xã hội loài người; với phong trào giải phóng dân tộc mãnh liệt, phong trào đấu tranh sôi nổi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa; với phong trào dân chủ và hòa bình rộng lớn trên toàn thế giới.

Để có thắng lợi vẻ vang ngày nay, Đảng ta và nhân dân ta đã phải vượt qua muôn vàn gian lao, thử thách. Dưới lá cờ của Đảng, biết bao cán bộ, đảng viên, biết bao đồng bào, chiến sĩ đã hy sinh xương máu, nêu cao khí phách anh hùng của giai cấp tiên phong và của dân tộc, nêu cao lòng trung thành vô hạn đối với Tổ quốc, đối với sự nghiệp giải phóng nhân dân và đối với chủ nghĩa Mác-Lênin vô địch. Những tấm gương nghĩa liệt ấy sống mãi với nhân dân ta, với Đảng ta, với thế hệ chúng ta ngày nay và muôn đời con cháu mai sau.

Trong dịp kỷ niệm đầy ý nghĩa này, lòng chúng ta càng tiếc thương vô hạn: Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta không còn nữa!

Toàn Đảng, toàn dân ta đời đời biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Hồ Chủ tịch là người đầu tiên gieo hạt giống Mác-Lênin trên đất nước Việt Nam, làm cho cách mạng Việt Nam nở hoa kết quả. Người đã dày công đào tạo cho Đảng ta một đội ngũ cán bộ ưu tú và chăm lo xây dựng Đảng ta thành một khối đoàn kết, thống nhất, vững mạnh. Được Hồ Chủ tịch, người thầy của cách mạng Việt Nam, người anh hùng dân tộc vĩ đại và người chiến sĩ quốc tế lỗi lạc, sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, Đảng ta đã sớm trở thành một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, một đảng dày dặn kinh nghiệm và có lịch sử chiến đấu rất vẻ vang.

Mỗi bước đi của nhân dân ta và của Đảng ta trong 40 năm qua đều gắn liền với cuộc đời cách mạng vô cùng sôi nổi và đẹp đẽ của Hồ Chủ tịch. Toàn bộ hoạt động của Người cùng với sự nghiệp của nhân dân ta và của Đảng ta là một thiên anh hùng ca bất diệt của cách mạng Việt Nam.

Hồ Chủ tịch là lãnh tụ vĩ đại của Đảng và là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Người là tượng trưng sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý tưởng độc

lập, tự do và lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, giữa chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với tinh thần quốc tế vô sản chân chính.

Hồ Chủ tịch là kết tinh những giá trị tinh thần của nhân dân ta suốt bốn nghìn năm lịch sử. Ở Người, tinh hoa của dân tộc được kết hợp với chủ nghĩa Mác-Lênin, đỉnh cao của tư tưởng loài người trong thời đại mới.

Cuộc đời của Hồ Chủ tịch trong như ánh sáng. Đó là một tấm gương tuyệt vời về chí khí cách mạng kiên cường, tinh thần độc lập tự chủ, lòng nhân đạo và yêu mến nhân dân thấm thiết, đạo đức chí công vô tư, tác phong khiêm tốn, giản dị.

Tư tưởng và đạo đức cao cả của Người mãi mãi soi sáng và nâng cao tâm hồn chúng ta. Ngọn cờ chói lọi của Người mãi mãi chỉ lối cho chúng ta tiến lên phía trước.

Bản sao lưu trữ

## ĐẠO ĐỨC VÀ TÁC PHONG CỦA HỒ CHỦ TỊCH\*

*Trường Chinh*

Hồ Chủ tịch suốt đời tận tụy, hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho tự do và hạnh phúc của nhân dân, cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Phẩm chất và đạo đức đó mãi mãi là tấm gương sáng chói cho cán bộ và nhân dân ta soi chung.

Một nhà văn nước ngoài đã từng gọi Hồ Chủ tịch là một bậc *đại trí, đại nhân, đại dũng*. Người tiêu biểu nhất cho đạo đức cộng sản chủ nghĩa ở Việt Nam và kết tinh những đức tính tốt đẹp nhất của dân tộc ta. Người đã phát huy truyền thống đạo đức phương Đông là *trí, nhân, dũng* trên một cơ sở hoàn toàn mới.

Thật vậy, Hồ Chủ tịch là một nhà lãnh đạo thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam ta. Người luôn luôn kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam hoặc nói một cách khác, Người vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta để định ra đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng ta. Đường lối cách mạng của Hồ Chủ tịch đã chứng tỏ, Người là một bậc *đại trí*. Thế giới quan của chủ nghĩa Mác-Lênin và những kinh nghiệm đấu tranh lâu năm đã làm cho Người có khả năng đoán trước thời cuộc, mau lẹ nhận ra những bước ngoặt của lịch sử và đề ra những khẩu hiệu thích hợp nhằm xoay chuyển tình hình. Thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin, điều tra nghiên cứu tình hình cụ thể, tổng kết và học tập kinh nghiệm đấu tranh giai cấp và kinh nghiệm sản xuất của quần chúng, cần cù, tận tụy, giản dị, khiêm tốn, trung thành tuyệt đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đó là những đức tính làm cho Hồ Chủ tịch trở thành một lãnh tụ sáng suốt được nhân dân yêu mến.

---

\* Trích tác phẩm *Hồ Chủ tịch, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975.

Một điểm nổi bật trong đạo đức của Hồ Chủ tịch là lòng thương người. Nhưng ở đây không phải lòng thương người siêu giai cấp, trừu tượng, mà là tình thương yêu giai cấp đối với công nhân, tình thương yêu vô cùng rộng lớn đối với nhân dân lao động, đối với những người cùng khổ.

Khi còn ít tuổi, Hồ Chủ tịch đã đau xót trước cảnh đồng bào sống dưới ách áp bức, bóc lột của thực dân và phong kiến. Chính vì thấy nước mất, nhà tan, nhân dân lầm than, đói rét mà Người đã ra đi học tập kinh nghiệm cách mạng để “về giúp đồng bào”. Hồ Chủ tịch tự cho mình là “người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận”, là “người đầy tớ trung thành của đồng bào”. Ở Người, lòng yêu mến nhân dân đã trở thành một sự say mê mãnh liệt. Người nói:

“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”.

Nguyện vọng đó suốt đời chi phối mọi ý nghĩ và hành động của Hồ Chủ tịch. Người lại nói:

“Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân”.

Trong thời kỳ kháng chiến, cảm ơn đồng bào chúc thọ, Người nói:

“Tôi chỉ có một cách báo đáp là kiên quyết cùng đồng bào chịu cực, chịu khổ, quyết cùng đồng bào kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, quyết cùng đồng bào tranh lại thống nhất và độc lập thật sự cho Tổ quốc, quyết cùng đồng bào ra sức làm thế nào cho con cháu chúng ta bây giờ và muôn đời về sau được sung sướng và tự do”.

Tình thần đó đã được Người thu gọn trong câu “*Trung với nước, hiếu với dân*”. Đó là châm ngôn mà Người nêu lên cho mình và cho cán bộ của Đảng và của Nhà nước.

Nhưng tình cảm vĩ đại của Hồ Chủ tịch không phải chỉ hạn chế trong phạm vi một nước, một dân tộc mà còn mở rộng ra với giai cấp công nhân các nước, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Ngay trong buổi đầu hoạt động cách mạng, Người đã kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Cơ sở của sự kết hợp đó chính là tình cảm giai cấp rộng lớn của Người đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Song, chỉ có tấm lòng thương dân và những nguyện vọng sâu sắc đối với tự do, hạnh phúc nhân dân thì vẫn chưa đủ. Có *nhân* còn phải

có *dũng* nữa. Có lý tưởng tốt đẹp là rất cần thiết, nhưng còn phải có tinh thần hành động kiên quyết để thực hiện lý tưởng ấy. Nhân dân ta vô cùng kính mến Hồ Chủ tịch chính là vì gần nửa thế kỷ nay Người đấu tranh không biết mệt mỏi và hy sinh tất cả để cứu dân, cứu nước, quyết thực hiện bằng được nguyện vọng trên đây của mình, luôn với một tinh thần hăng hái của tuổi thanh xuân như khi Người bước chân xuống tàu, xuất dương đi tìm chân lý. Tinh thần ấy chính là tinh thần: “Giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy lực không thể khuất phục”.

Từ những ngày đầu tiên xa nước phải lao động vất vả để kiếm sống, đến những ngày sống trong nhà tù của bọn đế quốc và tay sai, cũng như trong những lúc cách mạng gặp khó khăn, Người luôn tin tưởng và lạc quan cách mạng. Ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất và tinh thần lạc quan cách mạng là phẩm chất cao quý thâu suốt đời hoạt động của Hồ Chủ tịch.

Tập thơ *Nhật ký trong tù* đã thể hiện một phần nào tinh thần phẩm chất và đạo đức của Người. Chúng ta hãy đọc những bài thơ dưới đây rút trong tập *Nhật ký* đọc đáo ấy:

### Tự khuyên mình

*Vì không có cảnh đông tàn,  
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân;  
Nghĩ mình trong bước gian truân,  
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng<sup>1</sup>.*

### Nghe tiếng giã gạo

*Gạo đem vào giã bao đau đớn,  
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;  
Sống ở trên đời người cũng vậy,  
Gian nan rèn luyện mới thành công<sup>2</sup>.*

### Bốn tháng rồi

...  
*Kiên trì và nhẫn nại,  
Không chịu lùi một phân,  
Vật chất tuy đau khổ,  
Không nao núng tinh thần<sup>3</sup>.*

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.3, tr.308, 350, 387.

Khi ở trong tù, rụng một cái răng, mất một cái gậy cũng là những dịp để Hồ Chủ tịch làm thơ bày tỏ khí tiết của mình. Ví dụ, Vịnh cái răng:

*Cứng rắn như anh chẳng kém ai  
Chẳng như lão lừa dẻo và dài<sup>1</sup>.*

Vịnh cái gậy:

*Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,  
Dù dắt nhau đi mấy tuyết sương<sup>2</sup>.*

Trong thơ của Hồ Chủ tịch, mỗi câu, mỗi chữ đều mang chất “thép”, đều toát ra tư tưởng và tình cảm của một chiến sĩ vĩ đại. Muôn nghìn khổ cực, gian lao không lay chuyển được mà chỉ rèn luyện thêm tinh thần và ý chí sắt đá của Người. Chính vì thế mà sau khi ra khỏi nhà tù, lòng Người vẫn trong suốt như lòng sông, không chút bụi:

**Mới ra tù, tập leo núi**

*Núi ấp ôm mây, mây ấp núi,  
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ;  
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh,  
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa<sup>3</sup>.*

Từ ngày hòa bình được lập lại, thay mặt Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chủ tịch kêu gọi nhân dân không ngừng phấn đấu để “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và củng cố hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới”.

Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng như trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Người luôn luôn động viên, giáo dục nhân dân tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Người nói:

“...Muốn xã hội giàu có thì mỗi cá nhân, mỗi gia đình cho đến cả nước phải tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, kết quả sẽ là những thứ gì cũng sẽ đầy đủ dư dật<sup>4</sup>.”

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.3, tr.323, 365, 439.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.23.

Và Người nêu gương cần cù, tiết kiệm cho toàn dân. Người nói:

“Lao động là một nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người công dân đối với Tổ quốc. Ai cũng phải tùy khả năng mình mà tự nguyện tự giác tham gia lao động, góp phần xây dựng nước nhà”<sup>1</sup>.

Về gương cần kiệm, trong kháng chiến cũng như từ khi hòa bình được lập lại, ngoài thì giờ làm công việc của Đảng và của Nhà nước ra, Người rất thích tham gia lao động chân tay, như trồng rau, trồng cây và ai nấy đều biết Người gương mẫu từ cái ăn, cái mặc, cái ở.

Để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, Người kêu gọi cán bộ, đảng viên “*cần kiệm liêm chính, chí công vô tư*, hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ chủ nghĩa xã hội”<sup>2</sup>.

Thế nào là *cần, kiệm, liêm, chính*? Hãy nghe Người giải thích:

“Trước hết *Cần*, tức là tăng năng suất trong công tác, bất kỳ công tác gì.

*Kiệm* tức là không lãng phí thì giờ, của cải của mình và của dân.

*Liêm* tức là không tham ô và luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của nhân dân.

*Chính* tức là việc phải dù nhỏ cũng làm, việc trái dù nhỏ cũng tránh.

Bốn điều đó đi liền với nhau”<sup>3</sup>.

Về *chí công vô tư*, Người nói:

“Ham làm những việc ích quốc, lợi dân; không ham địa vị và công danh, phú quý.

Dem lòng chí công vô tư mà đối với người, đối với việc”<sup>4</sup>.

Và Người phát triển thêm:

“Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, mà phải nghĩ đến đồng bào, đến toàn dân đã... Có khó nhọc thì mình nên đi trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”<sup>5</sup>.

Năm kia, ở Đại hội thi đua yêu nước, trong khi biểu dương đạo đức cách mạng của những anh hùng, chiến sĩ thi đua, Người nói:

“Họ (anh hùng, chiến sĩ thi đua - T.C.) đặt lợi ích chung của dân tộc trên lợi ích riêng của cá nhân. Họ toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân,

---

1, 2, 3; 4, 5. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.8, tr.249; t.10, tr.132; t.7, tr.392; t.5, tr.185-186; t.9, tr.172.

chứ không phải nửa tâm nửa ý. Họ không sợ khó nhọc, ra sức vượt mọi khó khăn để hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho họ, chứ họ không suy bì hơn thiệt của cá nhân, không ganh tị về địa vị và hưởng thụ. Họ không giấu nghề, không đìu những anh em chung quanh mình, họ giúp đỡ mọi người cùng tiến bộ. Họ không tự kiêu tự mãn, tự tư tự lợi”<sup>1</sup>.

Đó là gương chí công vô tư của các anh hùng, chiến sĩ thi đua của chúng ta. Chí công vô tư chính là một biểu hiện sâu sắc của ý thức tư tưởng của giai cấp công nhân. Nó là thù địch của chủ nghĩa cá nhân, vì:

“Chủ nghĩa cá nhân chỉ thấy lợi ích riêng của mình, không thấy lợi ích chung của tập thể. Về vật chất thì chỉ muốn hưởng thụ, công việc làm thì không dám xung phong”<sup>2</sup>. Ai nấy đều biết rằng Hồ Chủ tịch rất ghét những thói tự kiêu tự mãn, tự tư tự lợi.

Về học tập, Hồ Chủ tịch thường nhắc lại câu nói của Lenin, người thầy của cách mạng vô sản thế giới, “*Học tập, học tập nữa, học tập mãi*”. Và chính Người thực hành đúng câu nói đó.

Trả lời câu hỏi “Học để làm gì?”. Hồ Chủ tịch nói:

“Học để sửa chữa tư tưởng: Hăng hái theo cách mạng, điều đó rất hay. Nhưng tư tưởng chưa thật đúng là tư tưởng cách mạng, vì thế cần phải học tập để sửa chữa cho đúng. Tư tưởng đúng thì hành động mới khỏi sai lạc và mới làm tròn nhiệm vụ cách mạng được. Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng. Có đạo đức cách mạng thì mới hy sinh tận tụy với cách mạng, mới lãnh đạo được quần chúng, đưa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn.

Học để tin tưởng:

Tin tưởng vào đoàn thể.

Tin tưởng vào nhân dân.

Tin tưởng vào tương lai của dân tộc.

Tin tưởng vào tương lai cách mạng.

Có tin tưởng thì lúc ra thực hành mới vững chắc, hăng hái, lúc gặp khó khăn mới kiên quyết, hy sinh.

Học để hành: Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy”.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.200;

2. “Đảng ta đã phấn đấu rất anh dũng, thắng lợi rất vẻ vang”, báo *Nhân dân*, ngày 9-2-1959.



Trả lời câu hỏi “Học ở đâu?”, Người nói:

“Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn”<sup>1</sup>.

Về *huấn luyện*, Hồ Chủ tịch đã từng chỉ thị:

“Lý luận và thực hành phải đi đôi với nhau”<sup>2</sup>.

Học tốt nhất là biết vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình, vận dụng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin để điều tra, nghiên cứu, phân tích tình hình cụ thể của nước mình, rồi đề ra đường lối, phương châm, chính sách của Đảng thích hợp với từng giai đoạn, đặng lãnh đạo nhân dân làm cách mạng cho đến toàn thắng. Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ nêu lên những nguyên lý chung. Nhiệm vụ của những người cộng sản ở mỗi nước là phải thấm nhuần những nguyên lý ấy để vận dụng có sáng tạo trong mỗi hoàn cảnh, kết hợp tính chặt chẽ của nguyên lý với tính mềm dẻo của sách lược để giải quyết các vấn đề do cách mạng của nước mình đề ra. Phải tổng kết kinh nghiệm phong phú của cách mạng nước mình để rút ra những kết luận có tính chất lý luận. Muốn như thế, phải ra sức chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm.

Về *văn phong*, cách nói và cách viết của Hồ Chủ tịch có những nét rất độc đáo: nội dung khẳng khái, thấm thía, đi sâu vào tình cảm con người, chinh phục cả trái tim và khối óc của người ta; hình thức sinh động, giản dị, dễ hiểu, giàu tính dân tộc và tính nhân dân. Người rất ghét lý luận suông, rất ghét dẫn sách vở của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin một cách khô khan hoặc có ý khoe khoang với người nghe, người đọc. Người rất ghét văn chương sáo rỗng, nhạt nhẽo; rất ghét nói khoác, viết dài dòng, khó hiểu, lủng củng, lằng nhằng và kiên quyết phản đối dùng chữ nước ngoài một cách không cần thiết.

Nhiều lời kêu gọi hoặc bài văn của Hồ Chủ tịch, nhất là từ Cách mạng Tháng Tám trở đi, động viên tinh thần và cổ vũ lòng hăng hái của nhân dân một cách mãnh liệt. Những câu như dưới đây luôn luôn vang lên tinh thần quật cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam ta:

“Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: Quyết không làm nô lệ,

Chỉ có một chí: Quyết không chịu mất nước,

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.6, tr.50; t.7, tr.393.

Chỉ có một mục đích: Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho Tổ quốc.

Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại”<sup>1</sup>.

Sau khi hòa bình được lập lại và nước nhà bị tạm thời chia làm hai miền. Người nói:

“Nước Việt Nam ta là một nước thống nhất, Nam Bắc một nhà, không một lực lượng phản động nào có thể chia cắt được. Nước Việt Nam ta nhất định phải thống nhất”<sup>2</sup>.

Văn của Hồ Chủ tịch thường ngắn gọn, nhưng thấm thía, xúc động lòng người. Hãy kể mấy câu sau đây làm ví dụ. Để đập tan âm mưu của đế quốc Pháp chia cắt Việt Nam, Người nói:

“Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!”<sup>3</sup>.

“Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên...”<sup>4</sup>.

Vừa thấm thía vừa sâu sắc, như:

“Các em là đội cảm tử. Các em cảm tử để cho Tổ quốc quyết sinh”<sup>5</sup>.

“Nước Việt Nam là gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu của tôi. Mất một thanh niên thì hình như tôi đứt một đoạn ruột”<sup>6</sup>.

Hồ Chủ tịch viết y như nói, nói tiếng nói của dân tộc, của nhân dân Việt Nam. Ta hãy đọc bức thư của Người gửi các trẻ em Việt Nam nhân dịp Tết Trung thu năm 1945, một bức thư chan chứa tình thương yêu các cháu và giáo dục các cháu một cách rất nhẹ nhàng và tự nhiên:

“Mẹ đã sắm cho các em nào đèn, nào trống, nào pháo, nào hoa, và nhiều đồ chơi khác. Các em vui vẻ nhỉ!...

Các em vui cười hơn hở, Già Hồ cũng vui cười hơn hở với các em. Đố các em biết vì sao? Một là vì Già rất yêu mến các em. Hai là vì Trung thu năm ngoái, nước ta còn bị áp bức, các em còn là bầy nô lệ trẻ con. Trung thu năm nay, nước ta đã được tự do và các em đã thành những người *tiểu* quốc dân của một nước độc lập.

---

1, 2, 3, 4, 5, 6. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.150-151; t.8, tr.484; t.4, tr.246, 419; t.5, tr.35, 40.

... Trung thu này, Già Hồ không có gì gửi tặng các em. Chỉ gửi tặng các em một trăm cái hôn thân ái”<sup>1</sup>.

Hồ Chủ tịch giáo dục cho cán bộ và nhân dân ra sức *thi đua yêu nước* trong chiến đấu, sản xuất, công tác và học tập. Thi đua là một bộ phận khăng khít trong tác phong của Người.

Trong kháng chiến, Người đã nêu ra phong trào thi đua diệt giặc ngoại xâm, diệt giặc đói, diệt giặc dốt.

Thi đua luyện tập giỏi, diệt nhiều địch, khắc phục khó khăn, chấp hành mệnh lệnh, làm tròn nhiệm vụ.

Thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm nhanh, nhiều, tốt, rẻ, chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

Thi đua xóa nạn mù chữ, làm cho ai nấy đến tuổi học thì ít nhất cũng biết đọc, biết viết, làm được bốn phép tính; ai khỏi mù chữ thì học bổ túc văn hóa, v.v..

Người nói: *“Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua”*<sup>2</sup>, thi đua là đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ, thi đua là cải tạo con người. Câu nói của Người: *“Lao động sáng tạo xã hội. Thi đua thì cải tạo con người”*<sup>3</sup> đã thành một khẩu hiệu cũng như nhiều câu nói khác của Người đã thành châm ngôn.

Nhiệm vụ của phong trào thi đua thay đổi tùy theo nhiệm vụ cách mạng mà Đảng và Chính phủ đề ra cho từng thời kỳ. Ngày nay, thi đua là ra sức cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tích cực đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, thi đua là góp phần củng cố phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới.

Theo Hồ Chủ tịch, không phải chỉ những người lao động sản xuất mới thi đua, mà bất cứ người dân Việt Nam nào cũng cần phải làm tốt nhiệm vụ của mình với tinh thần thi đua:

*“Người người thi đua,  
Ngành ngành thi đua,  
Ngày ngày thi đua,  
Ta nhất định thắng,  
Địch nhất định thua”*<sup>4</sup>.

---

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.4, tr.16; t.6, tr.473, 475; t.5, tr.557.

Muốn cho thi đua có kết quả tốt, mỗi ngành cần đề ra mục tiêu cụ thể và mức thi đua của mình cho được thích hợp.

Thi đua sẽ dẫn đến kết quả là giải phóng đất nước, cải tạo xã hội, xây dựng một nước Việt Nam mới, xây dựng xã hội mới và cải tạo con người, bồi dưỡng, rèn luyện những con người mới, con người xã hội chủ nghĩa, những anh hùng mới, anh hùng tập thể, anh hùng nhân dân.

Về lãnh đạo, Hồ Chủ tịch dạy chúng ta không nên quan liêu, mệnh lệnh, không nên “đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo”<sup>1</sup>. Trái lại cần phải đi đường lối quần chúng. Có việc thì hỏi ý kiến nhân dân, bàn bạc với nhân dân, giải thích cho nhân dân hiểu rõ chính sách của ta để nhân dân vui lòng nghe theo và làm đúng. Tại sao Đảng lãnh đạo, cơ quan lãnh đạo và người lãnh đạo lại cần phải hỏi ý kiến quần chúng và bàn bạc với quần chúng? Vì trí tuệ và kinh nghiệm của quần chúng vô cùng phong phú, lực lượng của quần chúng vô cùng lớn lao. Mỗi chủ trương, chính sách của chúng ta đưa ra đều ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của quần chúng. Cho nên, để định ra chủ trương, chính sách đúng đắn, chúng ta phải chịu khó điều tra, nghiên cứu để hiểu tình hình và nguyện vọng của quần chúng và sau khi đề ra chủ trương, chính sách rồi phải tuyên truyền, giải thích cho quần chúng, lãnh đạo quần chúng thi hành. Qua việc thi hành đó mà nghe ý kiến của quần chúng, học tập kinh nghiệm của quần chúng để bổ sung, sửa chữa hoặc phát triển chính sách, rồi lại đem xuống quần chúng để thi hành nữa...

Hồ Chủ tịch nói:

“Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng.

Nghĩa là gom góp mọi ý kiến rồi rọc, lẻ tẻ của quần chúng, rồi phân tích nó, nghiên cứu nó, sắp đặt nó thành những ý kiến có hệ thống. Rồi đem nó tuyên truyền, giải thích cho quần chúng làm cho nó thành ý kiến của quần chúng, và làm cho quần chúng giữ vững và thực hành ý kiến đó. Đồng thời nhân lúc quần chúng thực hành, ta xem xét lại, coi ý kiến đó đúng hay không. Rồi lại tập trung ý kiến của quần chúng, phát triển những ưu điểm, sửa chữa những khuyết điểm, tuyên truyền, giải thích, làm cho quần chúng giữ vững và thực hành.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.293.

Cứ như thế mãi thì lần sau chắc đúng mực hơn, hoạt bát hơn, đầy đủ hơn lần trước.

Đó là cách lãnh đạo cực kỳ tốt”<sup>1</sup>.

Người thường nhắc cơ quan lãnh đạo các cấp, các ngành thực hành “chỉ đạo riêng” (kết hợp lãnh đạo chung với chỉ đạo riêng) và phải tăng cường kiểm tra, đôn đốc. Có như thế lãnh đạo mới sát phong trào, mới kịp thời phát hiện những người tốt, việc tốt và những người xấu, việc xấu, phổ biến những kinh nghiệm tốt và sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm. “Lãnh đạo phải tập thể, dân chủ, phải thống nhất và tập trung”<sup>2</sup>. Đó là cách tránh bệnh độc đoán, chuyên quyền, tránh tình trạng trống đánh xuôi, kèn thổi ngược.

Kinh nghiệm đã chứng tỏ rằng tác phong công tác và tác phong lãnh đạo của Hồ Chủ tịch là đúng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.290-291.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Diễn văn bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam*, ngày 12-3-1955.

## MÃI MÃI ĐI THEO CON ĐƯỜNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐÃ LỰA CHỌN\*

*Nguyễn Văn Linh*

... Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhân dân Việt Nam và loài người tiến bộ suy tôn là người anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa lớn, vị lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam, chiến sĩ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, người bạn thân thiết của nhân dân các dân tộc đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Người đã khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX, một chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc, một nhà tư tưởng, nhà văn hóa lớn, đã kết tinh được tinh hoa của dân tộc và trí tuệ của thời đại, một nhân cách cao đẹp với những phẩm chất vừa phi thường, vừa bình dị, một hình mẫu sáng ngời về con người của hiện tại và tương lai...

CÔNG LAO, SỰ NGHIỆP, TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC CỦA BÁC HỒ  
SỐNG MÃI TRONG LÒNG CÁC THẾ HỆ NGƯỜI VIỆT NAM,  
HÔM NAY VÀ MAI SAU

Tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền với lịch sử quang vinh của Đảng Cộng sản Việt Nam, với lịch sử đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong gần một thế kỷ qua.

*Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị anh hùng lỗi lạc nhất trong lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam.*

---

\* Trích Dẫn văn đọc tại Lễ kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ chức tại Hà Nội, ngày 18-5-1990.

Người sinh ra và lớn lên vào một giai đoạn lịch sử đầy biến động của đất nước. Bao cuộc đấu tranh anh-dũng, bất khuất nhằm giành lại nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc đã lần lượt thất bại. Với lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, Người quyết tâm ra đi tìm con đường mới để đưa sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc đến thắng lợi. Sau nhiều năm nghiên cứu, tìm tòi từ một thanh niên yêu nước, Người đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, *khám phá con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam*, đó là con đường kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Từ đó mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

Người đã *sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam* thành đội tiên phong vững vàng, sáng suốt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam. Trong 60 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Người đã xây đắp nên *khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc* làm nền tảng sức mạnh chiến thắng mọi kẻ thù, vượt qua mọi khó khăn và thử thách. Trước kia, hiện nay và mai sau, Người mãi mãi là ngọn cờ tập hợp, vẫy gọi đối với mọi người Việt Nam yêu nước trong cuộc đấu tranh xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Người là *người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam*, đã sáng lập và rèn luyện Quân đội nhân dân Việt Nam.

Người đã *khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Người là nhà *chiến lược thiên tài* đã cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, mở ra thời kỳ sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và làm thất bại một bước chủ nghĩa thực dân mới, góp phần tác động sâu xa đến tiến trình lịch sử thế giới. Những cống hiến to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc đã góp phần quan trọng thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, và ngày nay vẫn còn có ý nghĩa thực tiễn đối với cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa của thời đại đã sinh ra Chủ tịch Hồ Chí Minh, người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc và nhân dân Việt Nam.

Công lao to lớn và sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa Người lên địa vị người anh hùng giải phóng dân tộc vĩ đại nhất trong lịch sử Việt Nam và được các dân tộc đang đấu tranh giải phóng trên toàn thế giới mến mộ.

*Người là một nhà đổi mới cách mạng dũng cảm và sáng tạo.* Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất hiện trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam như một con người luôn luôn đổi mới. Dựa vào những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Người đã đề ra những chiến lược và sách lược thích hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam trong từng thời kỳ, có những giải pháp cực kỳ sáng tạo trong những tình huống cực kỳ khó khăn để đưa cách mạng từng bước đến thắng lợi. Người không bao giờ tự bó mình trong nếp nghĩ và cách làm cũ kỹ, theo lối mòn, khi những cái đó không còn tác dụng đối với cuộc sống. Người nhìn thẳng vào sự thật, khi phát hiện thấy khuyết điểm và sai lầm, Người dũng cảm tự phê bình và kiên quyết sửa chữa. Cho đến hôm nay, trong công cuộc đổi mới toàn diện xã hội do Đại hội Đảng lần thứ VI khởi xướng, những lời nói sau đây của Người vẫn có tác dụng chỉ đạo sâu sắc: “Cần phải có tinh thần sáng tạo, phải tìm tòi cái mới, thực hiện cái mới...”. Người coi đổi mới là “cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng để sáng tạo ra những cái mới mẻ, tươi tốt;... là cuộc chiến đấu khổng lồ, cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”.

*Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà văn hoá lớn, là hiện thân của tinh hoa dân tộc và thời đại.*

Người đã để lại cho chúng ta một sự nghiệp văn hoá đồ sộ và phong phú, mà quan trọng nhất là sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, từ địa vị nô lệ, tối tăm trở thành một trong các dân tộc tiên phong trên thế giới, có nền giáo dục, văn hoá và khoa học ngày càng phát triển.

Người là một nhà tư tưởng sâu sắc. Những chân lý lớn của lịch sử và thời đại được Người diễn đạt bằng những lời lẽ giản dị và hàm súc đã trở thành những phương châm chỉ đạo thắng lợi sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, “Dĩ bất biến ứng vạn biến”, “Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”, “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công!”, “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”, “Phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”, v.v..



Người là nhà lý luận đã vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, do đó đã có đóng góp vào sự phát triển và làm phong phú thêm lý luận Mác-Lênin về cách mạng ở các nước thuộc địa, về chiến tranh nhân dân, về xây dựng đảng, về mặt trận dân tộc thống nhất, về xây dựng kinh tế và văn hoá ở một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, chưa trải qua giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, v.v..

Người đồng thời là nhà thơ lớn, nhà văn lớn, nhà báo cách mạng xuất sắc. Tất cả những gì Người viết ra đều là sự phản ánh trung thực, hồn nhiên vẻ đẹp cao quý trong đạo đức, trí tuệ và tâm hồn của một nhân cách lỗi lạc, vì vậy tất cả đều hiện ra chân thực, giản dị, tự nhiên, vốn là những chuẩn mực tiêu biểu cho cái đẹp cái hoàn thiện của con người.

*Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ quốc tế lỗi lạc đã có cống hiến to lớn vào sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức, vào sự củng cố phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vào sự đoàn kết các lực lượng vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.*

Cuộc đời chiến đấu hơn 60 năm của Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải chỉ vì độc lập, tự do của dân tộc mình mà còn vì tự do, độc lập của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Người đã hoạt động trong phong trào công nhân, phong trào cộng sản ở châu Âu, phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa ở châu Á. Người luôn luôn giáo dục nhân dân Việt Nam thấm nhuần sâu sắc và kết hợp chặt chẽ tinh thần yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Người nói: “Ta chiến đấu hy sinh chẳng những vì tự do, độc lập của riêng mình mà còn vì tự do, độc lập chung của các dân tộc và hoà bình trên thế giới”; do đó, còn phải làm tốt nghĩa vụ quốc tế, “giúp bạn tức là tự giúp mình”.

Người là biểu tượng cao đẹp của tình đoàn kết quốc tế thuỷ chung, trong sáng. Cho đến phút cuối đời, Người vẫn hoạt động không mệt mỏi để góp phần “khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ hoà bình lỗi lạc. Người kiên trì theo đuổi đường lối ngoại giao hoà bình, thương lượng. Người luôn luôn biết tìm ra những giải pháp hết sức khôn khéo, linh hoạt để giải quyết mọi tranh chấp, xung đột, trong những tình huống vô cùng éo le, phức tạp. Người thường xuyên giáo dục nhân dân ta biết phân biệt rõ

ràng những kẻ đi xâm lược với nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa. Người chống lại mọi tư tưởng hằn thù dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là sứ giả của tình hữu nghị giữa các dân tộc. Trong những năm bôn ba tìm đường cứu nước cũng như khi trở thành Chủ tịch của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Người đã đi nhiều nơi, sống ở nhiều nước, hoạt động và tiếp xúc với nhân dân “và chính khách của nhiều châu lục”. Đi tới đâu Người cũng đem đến cho nhân dân các nước đó những tình cảm hữu nghị thắm thiết của nhân dân Việt Nam và đã được đón tiếp nồng nhiệt như một sứ giả của hoà bình và hữu nghị.

Suốt đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh theo đuổi lý tưởng hữu ái “bốn phương vô sản đều là anh em” và Người chính là hiện thân của lý tưởng cao đẹp đó.

*Chủ tịch Hồ Chí Minh là người cộng sản mẫu mực, là hình ảnh tuyệt đẹp về mối quan hệ giữa lãnh tụ và quần chúng.*

Người là một vị lãnh tụ cách mạng đã kết tinh được những giá trị đạo đức, tinh thần cao quý nhất của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam. Đó là người mà trái tim yêu thương luôn dành cho nhân dân, tôn trọng nhân dân, tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh vô hạn của nhân dân. Đối với Người, cách mạng là sự nghiệp của nhân dân. Vì vậy, Người đã tiến hành không mệt mỏi công tác tuyên truyền và giáo dục nhằm thức tỉnh toàn dân tộc, phát huy cao nhất sức mạnh của trí tuệ, tài năng và nghị lực của hàng triệu con người vào sự nghiệp chung.

Sau khi giành được chính quyền về tay nhân dân, Người nói: “Ngày nay chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Người căn dặn: “Cán bộ từ trung ương đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác công việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp - Nhật”. Vì vậy, Người luôn nhắc nhở phải đấu tranh chống quan liêu, tham ô, lãng phí, những căn bệnh cố hữu của kiểu nhà nước trước đây.

Suốt đời mình, Bác Hồ kiên trì dạy phải biết dựa vào nhân dân, phát huy quyền làm chủ và sức mạnh to lớn của nhân dân nhằm khắc phục mọi khó khăn, đưa đất nước tiến lên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của đạo đức cách mạng trong sáng. Toàn bộ cuộc đời của Người chứng minh lời mà Người đã nói: “Tôi

chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Vì mục tiêu đó, Người đã sống một cuộc đời mà “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”. Người nêu cao đạo đức “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, “ham làm những việc ích quốc lợi dân, không ham địa vị, công danh phú quý”.

Những di sản tư tưởng và đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tài sản vô cùng quý báu của Đảng và nhân dân Việt Nam. Các thế hệ ngày nay và mai sau cần trân trọng, bảo vệ, học tập, không ngừng bổ sung và phát triển di sản đó, làm cho những tư tưởng của Người luôn luôn có sức sống trong thực tiễn sinh động của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Công lao, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức của Bác Hồ sống mãi trong lòng các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau. Với niềm tự hào sâu sắc và lòng biết ơn vô hạn, Đảng Cộng sản, nhân dân Việt Nam nguyện học tập và noi theo tấm gương của Người, kế tục xứng đáng sự nghiệp của Người và mãi mãi đi theo con đường mà Người đã lựa chọn.

## GIƯƠNG CAO NGỌN CỜ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, KIÊN TRÌ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN, ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Đại hội đã nêu lên bốn bài học lớn, đó cũng là bốn bài học quán triệt tư tưởng của Bác Hồ:

- Bài học nước “lấy dân làm gốc” trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, tất cả đều của dân, tất cả đều do dân và vì dân.

- Bài học xuất phát từ thực tế, hành động theo quy luật, tức là bài học của Bác Hồ về sự thống nhất giữa lý luận với thực tế, cách mạng với khoa học.

- Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, cũng tức là sự kết hợp giữa tinh thần yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

- Bài học về xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử mới, điều mà Bác Hồ suốt đời chăm lo.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành nguồn sáng và sức mạnh cho sự nghiệp đổi mới của chúng ta. Như vậy, đối với Đảng ta, kế thừa và đổi mới là một quá trình thống nhất biện chứng, không đứt đoạn. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu Bác Hồ đã lựa chọn mà là tìm tòi, sáng tạo những biện pháp, cách thức để thực hiện thắng lợi mục tiêu ấy... Một lần nữa toàn Đảng, toàn dân ta khẳng định quyết tâm mãi mãi đi theo con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Để đưa sự nghiệp của Bác Hồ đến thắng lợi hoàn toàn, chúng ta cần phải làm gì?

*Thứ nhất*, chúng ta kiên quyết *đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới*, đó là con đường sống còn của đất nước, con đường thoát khỏi khủng hoảng để tiếp tục tiến lên. Đó là một tất yếu lịch sử phù hợp với quy luật phát triển của cách mạng nước ta và theo đúng lời căn dặn của Bác Hồ trong *Di chúc*. Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng, đổi mới là một quá trình cách mạng đầy khó khăn gian khổ, không thể nôn nóng, chủ quan làm ồ ạt, dẫn đến tình trạng hỗn loạn có hại cho chính sự nghiệp đổi mới.

Chúng ta tiến hành đổi mới toàn diện, triệt để, đồng bộ nhưng phải có mục tiêu và bước đi thích hợp, trọng tâm là đổi mới kinh tế, đồng thời đổi mới hệ thống chính trị từng bước vững chắc. Kẻ thù không mong muốn gì hơn là tạo ra sự rối ren trong nội bộ, vượt ra ngoài sự kiểm soát của chúng ta hòng làm cho công cuộc đổi mới đi chệch mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Những thắng lợi đạt được trong ba năm qua tuy mới chỉ là bước đầu, nhưng có ý nghĩa rất quan trọng. Nó chứng tỏ đường lối đổi mới và bước đi của chúng ta là đúng đắn và phù hợp với điều kiện thực tiễn của nước ta, từng bước khôi phục lòng tin của nhân dân và tạo đà cho chúng ta tiến lên những bước mới.

Sắp tới công cuộc đổi mới phải nhằm làm chuyển biến tốt hơn nữa tình hình kinh tế - xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào quần chúng, khai thác mọi tiềm năng phát triển sản xuất, ra sức thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Các đơn vị kinh tế quốc doanh phải tự đổi mới mình để khắc phục khó khăn, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, vươn lên làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Phát triển mạnh kinh tế tập thể và các thành phần kinh tế khác nhằm tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, tăng thu nhập, thu hút nhiều lao động, từng bước giải quyết tình trạng thiếu việc làm. Nhà nước cần hoàn

chỉnh và bổ sung chính sách và pháp luật để khuyến khích và định hướng sự phát triển đúng đắn của các thành phần kinh tế, loại trừ tình trạng tự phát và gây rối loạn trong đời sống kinh tế. Đồng thời, giải quyết tốt một số vấn đề nóng bỏng khác như việc làm, lạm phát, tài chính, ngân hàng, giá cả, tiêu thụ sản phẩm... làm cho tình hình kinh tế - xã hội đi vào thế ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện tốt hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc đổi mới của đất nước có những bước phát triển mới to lớn hơn nữa.

Đồng thời với đổi mới lĩnh vực kinh tế - xã hội chúng ta *tiếp tục đẩy mạnh quá trình dân chủ hoá*. Bác Hồ nói: “Nước ta là một nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”. Đó là những nguyên lý cơ bản của một nhà nước dân chủ do Bác Hồ xác lập. Chúng ta đang cố gắng xây dựng và hoàn thiện các thiết chế và cơ chế dân chủ để bảo đảm trong thực tế các quyền làm chủ của người dân trong đời sống chính trị - xã hội và tinh thần. Từ sau Đại hội VI đến nay, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã có những khởi sắc, trước hết là trên lĩnh vực kinh tế. Các cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng đã có nhiều cố gắng và tiến bộ trong việc tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Nhiều chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đã được đưa ra thảo luận trưng cầu ý kiến rộng rãi trong nhân dân. Bộ máy nhà nước các cấp đã được tinh giản một bước, tề quan liêu, gây phiền hà cho nhân dân đã được giảm bớt một phần.

Tuy nhiên, đó cũng mới chỉ là những kết quả bước đầu. Tình trạng thiếu dân chủ, mất dân chủ vẫn còn nặng nề và phổ biến, còn có những biểu hiện vi phạm nghiêm trọng đến tài sản và cả tính mạng của người dân, nhiều nỗi oan ức chưa được minh giải, gây tâm trạng nặng nề trong một bộ phận quần chúng.

Ngược lại với tình trạng thiếu dân chủ, cũng đã xuất hiện những biểu hiện dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để tiến hành những hoạt động xấu như đả kích Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, phủ nhận thành quả cách mạng, bác bỏ các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin. Dân chủ không thể không đi đôi với kỷ luật và pháp luật, với tập trung đúng đắn. Mở rộng dân chủ đối với nhân dân lao động, song không bao giờ chúng ta

buông lỏng chuyên chính đối với thiểu số phản động phá hoại thành quả cách mạng của nhân dân. Rõ ràng, để gây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, làm cho dân chủ trở thành nếp sống bình thường trong đời sống xã hội và mỗi con người, một mặt Nhà nước phải tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật, mặt khác phải làm cho mọi người, từ cán bộ trung ương đến dân thường phải hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ công dân, thấy rõ trách nhiệm của mình đối với đất nước, có thói quen sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

*Thứ hai, chúng ta tiếp tục kiên trì và giữ vững ngọn cờ của chủ nghĩa Mác-Lênin, một nhân tố quyết định sự thành công của công cuộc đổi mới.* Chủ nghĩa Mác-Lênin là kết tinh tinh hoa trí tuệ loài người, là kim chỉ nam của các Đảng Cộng sản và công nhân thế giới. Đối với cách mạng Việt Nam, chủ nghĩa Mác-Lênin không phải là sự vay mượn hay áp đặt giản đơn từ bên ngoài. Chính sự vận động, phát triển của tư duy lý luận cách mạng nước ta - thông qua lãnh tụ vĩ đại của mình - khi chín muồi, đã bắt gặp chủ nghĩa Mác-Lênin, tiếp nhận nó, bổ sung và làm phong phú nó bằng những kinh nghiệm và bài học thực tiễn của dân tộc mình.

Chủ nghĩa Mác-Lênin do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp truyền bá, vận dụng đúng đắn và sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam, đã đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Người đã nhiều lần khẳng định, thắng lợi mà chúng ta giành được là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng “chúng ta giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được, đó là chủ nghĩa Mác-Lênin”.

Sở dĩ chủ nghĩa Mác-Lênin là vô địch, như Bác Hồ thường dạy, vì nó không phải là một mớ giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động, cho những người nào nắm vững linh hồn của nó là chủ nghĩa duy vật biện chứng, mới tránh khỏi rơi vào thất bại. Vì vậy, cần phân biệt những thất bại do hiểu sai, làm sai chủ nghĩa Mác-Lênin gây nên với bản chất cách mạng, khoa học và sáng tạo của bản thân chủ nghĩa Mác-Lênin. Cho đến nay trên thế giới chưa có học thuyết nào cách mạng và khoa học bằng học thuyết Mác-Lênin.

*Thứ ba, đi theo con đường của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.* Muốn cách mạng thành công, Bác Hồ nói: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ

chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi, Đảng có vững, cách mệnh mới thành công”.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo, trên 60 năm qua, là lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng nước ta và được toàn dân thừa nhận. Sở dĩ Đảng ta đã đảm đương được trách nhiệm nặng nề trước lịch sử là vì Đảng ta “là một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để” như Bác Hồ nói. Vì vậy, Đảng ta đã được toàn thể nhân dân, các đoàn thể chính trị và xã hội trong Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi tự nguyện thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên quyết đi theo Đảng làm Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến thắng lợi, thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, đứng trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, để xứng đáng là người lãnh đạo chính trị đối với xã hội, xứng đáng với niềm tin và hy vọng của nhân dân, Đảng ta phải không ngừng nâng cao và hoàn thiện sự lãnh đạo của mình và tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân. Trí tuệ của Đảng phải được thể hiện ở tầm nhìn xa trông rộng, nắm bắt trước những vấn đề bức thiết của hiện tại, dự đoán có căn cứ khoa học sự phát triển trong tương lai, để từ đó soạn thảo ra Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội, định hướng cho sự phát triển xã hội nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bác Hồ đã căn dặn: “Việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng”. Để khôi phục hình tượng trung thực và trong sáng của người đảng viên cộng sản, để cho Đảng thật sự trở thành lương tâm, vinh dự và tự hào của quần chúng, “phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch”. Muốn thế phải xử trí kịp thời và nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên đã thoái hoá, biến chất, đục khoét tham nhũng, lợi dụng chức quyền, ức hiếp quần chúng. Đó là những ung nhọt, có khả năng gây hoại thư trên cơ thể của Đảng, phải kiên quyết cắt bỏ chúng.

Trong quá trình đổi mới của Đảng, mỗi đảng viên cũng phải không ngừng tự đổi mới về mọi mặt: tri thức và phương pháp, phẩm chất và năng lực, gần gũi, gắn bó với quần chúng, phát huy tác dụng lãnh đạo và vai trò tiên phong, gương mẫu của người đảng viên, “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

*Thứ tư, đi theo con đường của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta cần ra sức học tập tấm gương, đạo đức cách mạng sáng ngời của Người. Đạo*

đức cách mạng của Bác Hồ là sự kết tinh truyền thống tốt đẹp của dân tộc và đạo đức cộng sản, là di sản quý báu mà ngày nay toàn Đảng, toàn dân ta phải kế thừa và phát triển để chinh đốn Đảng, để xây dựng con người mới, con người xã hội chủ nghĩa. Đó là lòng tận trung với nước, tận hiếu với dân, hết lòng hy sinh phấn đấu vì hạnh phúc của nhân dân, là lối sống trong sạch, giản dị, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Chúng ta cần nghiêm khắc lên án và cương quyết đấu tranh chống mọi hành vi và lối sống xa hoa, bệnh quan liêu, lãng phí, phô trương hình thức, tự tư tự lợi của một số cán bộ, đảng viên thoái hoá biến chất. Phải tiến hành cuộc đấu tranh chống tiêu cực một cách liên tục, có trọng điểm và bước đi thích hợp nhất là chống nạn tham nhũng, đặc quyền đặc lợi, cương quyết xét xử những vụ việc tiêu cực lớn đã được phát hiện và thông báo công khai để nhân dân biết. Cuộc đấu tranh chống tiêu cực ở trong Đảng, trong bộ máy nhà nước phải gắn chặt với cuộc đấu tranh chống tiêu cực ngoài xã hội, đặc biệt là cuộc đấu tranh chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Mỗi đảng viên, mỗi tổ chức cơ sở đảng phải đóng vai trò hạt nhân lãnh đạo, nêu gương sáng trong việc học tập tấm gương đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực để làm trong sạch Đảng, trong sạch bộ máy nhà nước và làm lành mạnh xã hội. Có như vậy mới góp phần tích cực đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở nước ta.

*Thứ năm, đi theo con đường Bác Hồ đã lựa chọn, chúng ta kiên trì phương châm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.* Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, ngay từ khi mới ra đời đã giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản, đề ra nhiệm vụ đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới, với các dân tộc bị áp bức, coi đó là nguyên tắc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của cách mạng nước ta. Mỗi bước đi lên của cách mạng Việt Nam đều là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin, của tình đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc Lào, Campuchia và Việt Nam chống kẻ thù chung vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, của sự đoàn kết, giúp đỡ to lớn, kịp thời có hiệu quả của nhân dân Liên Xô, nhân dân Trung Quốc và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, của sự đồng tình ủng hộ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình trên thế giới. Đồng thời, chúng ta cũng đã làm hết sức mình để



thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với các dân tộc anh em trên bán đảo Đông Dương, đối với phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Được sự lãnh đạo và giáo dục của Bác Hồ, chúng ta có quyền tự hào về tình cảm quốc tế thủy chung, trong sáng của mình. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi hoàn toàn xa lạ với Đảng ta và nhân dân ta.

Ngày nay, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đang lâm vào một cuộc khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng nhất từ trước tới nay. Cuộc khủng hoảng này đang tác động tiêu cực tới phong trào cách mạng thế giới. Các thế lực đế quốc và phản động đang triệt để khai thác những khó khăn của các nước xã hội chủ nghĩa để tăng cường can thiệp, phá hoại, thực hiện “diễn biến hòa bình”, nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa.

Trước tình hình đó, chúng ta kiên trì đường lối quốc tế trước sau như một của Đảng ta. Chúng ta ủng hộ những tìm tòi cải cách, đổi mới đúng đắn ở một số nước xã hội chủ nghĩa nhằm khắc phục những biến dạng của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội mạnh hơn, phát huy đầy đủ hơn bản chất ưu việt của nó.

Về phần mình, Đảng ta chủ trương tăng cường tình đoàn kết chặt chẽ và sự hợp tác nhiều mặt trên tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Chúng ta ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chúng ta đứng về phía các lực lượng hòa bình và tiến bộ chống chiến tranh hạt nhân hủy diệt và chiến tranh cục bộ, ủng hộ các dân tộc đang đấu tranh chống chiến tranh xâm lược, chiến tranh qua tay người khác để bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc của mình. Nhiều sự kiện xảy ra trên thế giới gần đây nhắc nhở chúng ta phải mài sắc cảnh giác trước âm mưu xảo quyệt của các thế lực hiếu chiến và phản động chống phá cách mạng.

... Một trăm năm đã trôi qua, kể từ ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong thời gian ấy, cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam đã có những bước tiến vĩ đại làm thay đổi sâu sắc bộ mặt của thế giới. Bức tranh thời đại đã có những biến đổi to lớn. Chủ nghĩa đế quốc đã mất địa vị bá chủ hoàn cầu, không thể tùy tiện làm mưa làm gió trên vận mệnh của các dân tộc. Chủ nghĩa xã hội hiện thực đã ra đời, và dưới tác động,

ảnh hưởng tích cực của nó, hàng trăm dân tộc đã vùng lên đấu tranh giành được quyền độc lập, làm chủ vận mệnh của mình và đang tác động tích cực vào tiến trình lịch sử thế giới.

Mặc dù đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng, nhưng chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ vượt qua khó khăn trước mắt để chiến thắng. Đó là một xu thế không thể đảo ngược, vì nó phù hợp với quy luật tiến hóa và phát triển của nhân loại, vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa đã ăn sâu vào trái tim và khối óc của hàng trăm triệu con người với tính cách là một chế độ xã hội ưu việt trong lịch sử.

Loài người mãi mãi biết ơn những vĩ nhân đã tác động vào sự phát triển tiến bộ của lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta là một trong những nhân vật vĩ đại đã in dấu ấn sâu sắc vào thế kỷ XX. Những tư tưởng vĩ đại của Người về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, quyền sống, quyền tự do cho mỗi con người, lý tưởng công bằng, dân chủ, bác ái, hòa bình, hữu nghị cho các dân tộc, sự thúc đẩy mối quan hệ nhân văn giữa người với người, v.v. là những giá trị có ý nghĩa thế giới, đóng góp vào kho tàng văn hóa của nhân loại.

Trong ngày kỷ niệm trọng thể này, với niềm tự hào sâu sắc của những người thừa kế tư tưởng và sự nghiệp vinh quang của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta kính dâng lên Người lòng thành kính, biết ơn vô hạn và nguyện biến những tư tưởng cao cả của Người thành hiện thực trên Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

## GIƯƠNG CAO NGỌN CỜ HỒ CHÍ MINH, QUYẾT TÂM ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐI ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN\*

### *Đỗ Mười*

... Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta, người bạn thân thiết của nhân dân các dân tộc đấu tranh cho độc lập, tự do và tiến bộ xã hội, “người anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá kiệt xuất”, Người đã hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình cho mục tiêu cao cả: độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của đồng bào.

Trong những năm qua, mặc dầu đứng trước những diễn biến phức tạp trên thế giới và nhiều khó khăn trong nước, song nhờ nắm vững và vận dụng đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, vượt qua khó khăn, thử thách để đưa đất nước tiếp tục tiến lên, đạt được những thành tựu rất quan trọng: tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị; phát huy quyền làm chủ của dân tộc; củng cố quốc phòng, an ninh; mở rộng quan hệ đối ngoại; nâng cao uy tín và vị trí của nước ta trên trường quốc tế, mở ra một thời kỳ phát triển mới đầy triển vọng.

Ngày nay, khi sự nghiệp đổi mới càng đi vào chiều sâu, có rất nhiều vấn đề mới và phức tạp xuất hiện, thì việc tìm hiểu để quán triệt những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn Việt Nam càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Đó chính là cách thiết thực kỷ niệm ngày sinh của Người.

Lịch sử 65 năm đấu tranh kiên cường, đầy gian khổ, hy sinh để giành thắng lợi của Đảng và nhân dân ta đã chứng minh: mỗi bước đi lên của cách mạng Việt Nam đều gắn liền với tên tuổi Chủ tịch Hồ Chí Minh.

---

\* Trích Diễn văn tại lễ kỷ niệm lần thứ 105 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 19-5-1995.

Người là hiện thân sáng chói của tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là mẫu mực của tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đổi mới và sáng tạo. Tư tưởng của Người là kết tinh những giá trị tinh thần, bản sắc văn hoá và truyền thống kiên cường, bất khuất, nhân nghĩa, thuỷ chung của dân tộc ta được hun đúc từ mấy nghìn năm lịch sử, kết hợp với tinh hoa văn hoá nhân loại và trí tuệ của thời đại mà đỉnh cao là học thuyết Mác-Lênin, được Người vận dụng đúng đắn và sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Và chính Người đã góp phần phát triển học thuyết ấy trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Tư tưởng của Người đã và đang soi đường cho nhân dân ta giành thắng lợi, trở thành những giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam và lan toả ra thế giới.

Kinh nghiệm lịch sử đã chỉ rõ rằng cách mạng chỉ giành được thắng lợi khi chúng ta kiên định mục tiêu, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, đổi mới và sáng tạo. Hồ Chí Minh là như vậy và Người đã làm như vậy. Suốt cuộc đời hoạt động hết sức phong phú của mình, bao giờ Người cũng xuất phát từ thực tế, tránh những suy nghĩ bảo thủ, giáo điều, tránh lặp lại những giải pháp có sẵn không còn phù hợp, luôn luôn tìm tòi để không ngừng đổi mới và sáng tạo.

Mỗi dân tộc phải tự khám phá con đường giải phóng và phát triển phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của mình. Là một nhà ái quốc vĩ đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức rất sâu sắc điều đó. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đã gặp chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm ra con đường cứu nước thông qua cách mạng ở một nước thuộc địa và phong kiến mà nhiệm vụ trước mắt là đánh đổ đế quốc phong kiến tay sai, giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng, sau đó sẽ từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối trước làm cách mạng giải phóng dân tộc, đồng minh thổ địa, gọi chung là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là hai cuộc cách mạng nối tiếp nhau, có quan hệ chặt chẽ với nhau. Như vậy, Người đã gắn mục tiêu độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế, sức mạnh truyền thống với sức mạnh thời đại, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Bất chấp mọi khó khăn, thử thách, Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt đời kiên trì và nhất quán đường lối đó. Dưới ngọn cờ tư tưởng của Người, cách mạng Việt Nam đã vững bước tiến lên và giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử mang tầm thời đại: làm Cách mạng Tháng Tám thành công, đánh thắng chiến tranh xâm lược của thực dân, đế quốc hung bạo và hùng mạnh, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, giành độc lập hoàn toàn, mở ra con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nghèo nàn lạc hậu.

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; ra sức tìm tòi, sáng tạo trong bối cảnh mới và điều kiện mới, thực hiện đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Chỉ có sự lãnh đạo của một đảng biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công”<sup>1</sup>.

Ngày nay, thế giới đã thay đổi nhiều. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng có nhiều điều mới, trong đó không ít điều khác với những gì chúng ta từng nghĩ từ mấy thập kỷ trước đây. Trong hoàn cảnh đó, Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới, chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa; và ngay trong mỗi chặng đường phát triển, phải luôn luôn gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Tiến hành công cuộc đổi mới theo phương hướng đó, chúng ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, nhưng cũng nảy sinh nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cần giải quyết để đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên mạnh mẽ và vững chắc.

Trong quá trình tìm tòi, sáng tạo những hình thức, bước đi, cách làm phù hợp để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chúng ta cần học hỏi, tham khảo kinh nghiệm của những nước đi trước, rút ra những điều hay cần vận dụng, tránh những vấp vấp sai lầm mà họ đã trải qua. Tham khảo, học hỏi là cần thiết, song quyết không sao chép, rập khuôn. Giáo điều phía này hay phía khác đều phương hại đến lợi ích của đất nước, của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu tấm

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.12, tr.303.

gương sáng về điều đó. Người có thái độ trân trọng đối với trí tuệ của thế giới, tham khảo rất rộng, học hỏi rất nhiều, chất lọc tinh hoa của nhân loại để tìm ra con đường của cách mạng Việt Nam. Chúng ta cần kế thừa và vận dụng tốt bài học đó.

Cuộc đời cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đầy gian nan, thử thách, nhưng vô cùng oanh liệt, vẻ vang. Dẫu trong tình huống nào, Người cũng bình tĩnh, kiên nghị: Ở những thời điểm có tính quyết định của cách mạng, những bước ngoặt của lịch sử, Người đã có những quyết sách sáng suốt và táo bạo; như khi tuyên bố giải tán Đảng để rút vào hoạt động bí mật, khi ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946... Người nói: “Đứng trước tình hình gay go và cấp bách ấy... Đảng không thể do dự. Do dự là hỏng hết, Đảng phải quyết đoán mau chóng, phải dùng những phương pháp - dù là những phương pháp đau đớn - để cứu vãn tình thế...”<sup>1</sup>. Đó là bản lĩnh của nhà lãnh đạo trí dũng song toàn: gian nguy không sờn lòng, thử thách nào cũng vượt qua.

Trên nửa thế kỷ qua, cách mạng Việt Nam thường xuyên phải đương đầu với sự đan xen giữa thời cơ và nguy cơ, giữa vận hội và thách thức. Năm 1930, khi khởi nghĩa Yên Bái thất bại và bị đàn áp dã man, khi các tổ chức cộng sản ở nước ta còn đang phân tán, Nguyễn Ái Quốc với tầm nhìn sáng suốt và uy tín tuyệt đối của mình đã kịp thời đứng ra hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, lập nên Đảng Cộng sản Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới. Nhờ đó, phong trào công nhân, phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân ta sớm có ngay chính đảng thống nhất của mình, nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam, phát động phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh.

Năm 1945, các nước Đồng minh thắng trận, mở ra triển vọng về quyền tự quyết cho các dân tộc thuộc địa, nhưng cũng đồng thời dọn đường cho các nước Đồng minh vào Đông Dương với danh nghĩa tước vũ khí quân đội Nhật; và đi liền với việc đó là âm mưu xâm chiếm, thiết lập một lần nữa chủ nghĩa thực dân trên đất nước ta, bất chấp sự thực ta là một thành viên tích cực chống phát xít. Đó chính là lúc thời cơ xuất hiện và nguy cơ ập đến.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.6, tr.161.

Trước tình thế đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Đảng ta đã kịp thời phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Người hạ quyết tâm chiến lược: dù phải hy sinh tới đâu cũng kiên quyết giành cho được độc lập. Với tinh thần ấy, Người và Đảng ta đã dẫn dắt toàn dân nhanh chóng giành quyền làm chủ đất nước trước khi quân Đồng minh đến Việt Nam.

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vừa ra đời đã phải đối phó với tình hình vô cùng phức tạp. Nhờ sự sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta, với đường lối chiến lược đúng đắn và sách lược mềm dẻo, linh hoạt, đất nước đã vượt qua tình thế hiểm nghèo, giữ vững chính quyền cách mạng, tiến hành cuộc kháng chiến cứu nước trường kỳ suốt mấy chục năm để giành thắng lợi vẻ vang. Đó là cuộc trường chinh của nhân dân ta thực hiện lời Bác Hồ kêu gọi: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Trong cuộc đời mình, Bác Hồ phải luôn luôn ứng phó với những tình thế đan xen giữa thời cơ và nguy cơ, có lúc “ngàn cân treo sợi tóc”. Nhưng lúc nào Người cũng nung nấu quyết tâm chiến lược, làm chủ tình thế, tận dụng thời cơ, quyết chiến và quyết thắng. Đó là bài học rất thiết thực đối với thế hệ hôm nay, khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới với thời cơ lớn và những nguy cơ lớn mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng đã chỉ ra. Bài học đó nhắc chúng ta phải ra sức tranh thủ thời cơ và vận hội; sáng suốt nhìn thẳng vào những nguy cơ để bình tĩnh ứng phó và chủ động vượt qua.

Thành tựu đạt được đang tạo ra cho chúng ta thế và lực mới. Sự tiến bộ như vũ bão của cách mạng khoa học - công nghệ, xu thế mở rộng quan hệ hợp tác trên thế giới, trong khu vực đem lại cho chúng ta khả năng có thêm những nguồn lực quan trọng. Tin tưởng sâu sắc ở trí tuệ và sức mạnh của mình, chúng ta cần vận dụng nhuần nhuyễn và sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để nỗ lực thực hiện quyết tâm chiến lược của toàn Đảng, toàn dân, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, phấn đấu trong mấy thập kỷ tới đưa nước ta trở thành một nước phát triển trong khu vực, giàu mạnh về kinh tế, tiên tiến về văn hoá, công bằng xã hội.

Để biến quyết tâm chiến lược đó thành hiện thực, phải làm đúng theo tư tưởng của tổ tiên và của Bác Hồ: dựa vào dân, lấy dân làm gốc. Nâng cao dân trí, đào tạo bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài; tập hợp lực

lượng, đầu tư trí tuệ, xác định đúng khâu đột phá để từ đó thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế quốc dân và của toàn xã hội. Khơi dậy lòng yêu nước nồng nàn, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, nuôi dưỡng hoài bão, nung nấu ý chí của toàn dân, tạo ra sức mạnh dời non lấp biển với quyết tâm cao nhất tiến hành thắng lợi sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nước Việt Nam giàu đẹp, hùng mạnh.

Trong suốt cuộc đời cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn kiên trì tư tưởng đại đoàn kết; và Người chính là tượng trưng tiêu biểu của khối đại đoàn kết dân tộc. Tư tưởng lớn của Người với khẩu hiệu chiến lược: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công!” trở thành nguồn cổ vũ động viên, tập hợp mọi tầng lớp, mọi cá nhân và cả cộng đồng, làm nên sức mạnh vô địch của toàn dân ta.

Để giải phóng dân tộc, phải tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Trong xây dựng đất nước càng phải tăng cường đại đoàn kết dân tộc. Sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước chỉ có thể hoàn thành thắng lợi khi cả dân tộc ta đoàn kết một lòng, đồng tâm nhất trí triệu người như một, mang hết tài năng và nghị lực cống hiến cho Tổ quốc, vì tương lai xán lạn của thế hệ hôm nay và con cháu mai sau. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cơ bản, lâu dài trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc được quán triệt trong đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Theo tư tưởng của Người, Nhà nước ta vừa mang bản chất giai cấp công nhân, vừa thấm nhuần sâu sắc tính nhân dân và tính dân tộc, thực sự là hình ảnh tiêu biểu cho quyền lực thống nhất của nhà nước đoàn kết toàn dân.

Để tập hợp, đoàn kết toàn dân, trước hết phải tăng cường đoàn kết trong Đảng. Bác Hồ khẳng định: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”<sup>1</sup>. Trong đấu tranh cách mạng, trên chiến trường hay trong ngục tù đế quốc, biết bao đảng viên cộng sản đã nêu gương sáng về lý tưởng và đạo đức cách mạng, sẵn sàng chấp nhận

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.497.



hy sinh, nhận khó khăn về mình, nhường cơm sẻ áo cho đồng chí, đồng bào, tạo nên một khối thống nhất về lý trí và tình cảm của toàn Đảng, toàn dân, xả thân vì nghĩa lớn. Vì vậy, Đảng ta đã giành được sự tin yêu, mến phục của nhân dân trong nước và bạn bè trên thế giới. Ngày nay, truyền thống đó đang tiếp tục được phát huy trong sự nghiệp đổi mới.

Trong Đảng có ý kiến khác nhau để tìm tòi biện pháp nhằm đạt mục tiêu đã định là điều cần thiết và là chuyện bình thường. Điều cần lưu ý hiện nay là ở một số nơi có tình trạng mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng, kéo dài. Chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng bản vị, cục bộ, địa phương, tham vọng quyền lực, tranh công đổ lỗi... là nguyên nhân chủ yếu gây ra chia rẽ, bè phái. Bác Hồ từng phê phán: “Ai hợp với mình thì người xấu cũng cho là tốt, việc dở cũng cho là hay, rồi che đậy cho nhau, ủng hộ lẫn nhau. Ai không hợp với mình thì người tốt cũng cho là xấu, việc hay cũng cho là dở, rồi tìm cách gièm pha, nói xấu, tìm cách đèm người đó xuống. Bệnh này rất tai hại cho Đảng. Nó làm hại đến sự thống nhất”<sup>1</sup>. Chia rẽ, bè phái, làm tổn hại thanh danh của Đảng là một tội ác.

Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân của đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc. Nước ta là một cộng đồng gồm trên 50 dân tộc. Xã hội ta hiện còn nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau, với lợi ích khác nhau, theo tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau... Đó là thực tế khách quan mà chúng ta cần tính đến khi hoạch định đường lối, chính sách; đồng thời đó cũng là điều mà các thế lực thù địch luôn luôn ra sức lợi dụng để kích động, chia rẽ nhân dân ta, dân tộc ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên trì thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết Bắc - Nam, đoàn kết miền ngược với miền xuôi, đoàn kết giữa các giai cấp và tầng lớp, đoàn kết đồng bào trong nước với đồng bào ta ở nước ngoài. Người hết sức chú trọng xây dựng và củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất; đồng thời, Người rất coi trọng vai trò của các tầng lớp khác: trí thức, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, nhân sĩ yêu nước, người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài... Người không bỏ sót một ai, từ mỗi cá nhân đến cả cộng đồng; vừa đánh giá cao cống hiến và kinh nghiệm của thế hệ trước, vừa đặt niềm tin sâu sắc ở thế

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.257.

hệ sau. Trong khi lên án gay gắt bọn phản động đội lốt tôn giáo chống lại dân tộc, Người vẫn thực sự tôn trọng đức tin của đồng bào có đạo.

Nguyên tắc đại đoàn kết của Bác Hồ là lấy lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động làm nền tảng, kết hợp hài hoà lợi ích riêng và lợi ích chung, lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, lợi ích từng đơn vị, địa phương và lợi ích cộng đồng, lợi ích dân tộc và giai cấp.

Phương pháp đi tới đại đoàn kết của Người là vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy niềm tin yêu, giúp đỡ để cảm hóa; phát huy nhân tố tích cực, hạn chế, đẩy lùi nhân tố tiêu cực, giúp mỗi tổ chức, cá nhân đều tiến bộ, trưởng thành, đóng góp có hiệu quả vào sự nghiệp chung.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng phấn đấu hết sức mình để tăng cường tình đoàn kết quốc tế, ra sức tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác và giúp đỡ của bạn bè khắp năm châu, vì lợi ích của cách mạng, của dân tộc; đồng thời tích cực thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả. Tư tưởng đại đoàn kết cùng với chủ nghĩa nhân văn và đạo đức trong sáng của Người đã trở thành sức mạnh quy tụ khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, nhân tố cực kỳ quan trọng bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Thấm nhuần tư tưởng của Bác Hồ, Đảng ta đã nhiều lần nêu rõ quan điểm của mình về đại đoàn kết dân tộc, thiết tha kêu gọi nhân dân cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài: hãy lấy đại nghĩa dân tộc làm trọng, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, hoà hợp thành một khối thống nhất, làm thất bại mọi mưu toan cản trở bước tiến của nhân dân ta, đoàn kết phấn đấu thực hiện bằng được *Di chúc* thiêng liêng của Người: “Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”.

Bác Hồ kính yêu đã để lại cho dân tộc ta một sự nghiệp cách mạng hết sức vẻ vang, và qua cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ, hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ của mình, Người còn để lại cho chúng ta một di sản cực kỳ quý báu. Đó là tấm gương sáng ngời về phẩm chất, đạo đức của người cách mạng, tượng trưng cho những giá trị cao đẹp nhất trong tâm hồn, ý chí, nhân cách Việt Nam. Người đã nói: Đảng ta là đạo đức là văn minh. Và chính Người là đỉnh cao của đạo đức và văn minh đó.

Nổi bật lên trong tấm gương toàn vẹn của Người là những phẩm chất của một lãnh tụ kiểu mới của nhân dân: có lý tưởng cao cả, ý chí kiên cường, có trí tuệ uyên bác và tầm nhìn sâu rộng, có khả năng hấp dẫn và thuyết phục, gần gũi với mọi người, với các tầng lớp nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hình ảnh tuyệt đẹp về mối liên hệ thân thiết, gắn bó giữa lãnh tụ với nhân dân. Người thường xuyên đọc báo địa phương, dành thời gian đi cơ sở, không phải để huấn thị mà để chuyện trò, lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của “những người không quan trọng”, thu thập thông tin, học hỏi kinh nghiệm và trí tuệ của nhân dân; từ đó suy nghĩ, rút ra những điều cần thiết để xác định những chủ trương phù hợp, đẩy sức thuyết phục.

Mặc dầu có uy tín rất cao, được toàn Đảng, toàn dân và bạn bè quốc tế rất yêu quý và kính trọng, nhưng Bác Hồ không bao giờ coi mình đứng cao hơn nhân dân; trái lại, Người luôn tâm niệm suốt đời là công bộc trung thành và tận tụy của nhân dân. Trả lời các nhà báo, Người tuyên bố: “Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào uỷ thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui”<sup>1</sup>. Đức khiêm nhường, tấm lòng cao thượng không màng công danh, phú quý của Người là một bài học lớn cho chúng ta hôm nay.

Bác Hồ là hình ảnh tuyệt đẹp về lòng thương yêu, quý trọng nhân dân. Là vị Chủ tịch cao tuổi nhưng đối với các bậc cao niên, bao giờ Người cũng khiêm nhường. Nhận được thư hay quà của phụ lão, thiếu nhi, thanh niên, phụ nữ, dù bận trăm công nghìn việc Người vẫn tự tay viết thư trả lời, cảm ơn một cách thân tình, chu đáo. Đó là phong cách ứng xử giàu tính nhân văn, thấm đượm tâm hồn Việt Nam của Bác Hồ.

Vì vậy nhân dân ta, từ các vị nhân sĩ, trí thức đến bà con lao động bình thường, ai nấy đều thấy ở Bác Hồ ánh sáng của một tâm hồn lớn, một nhân cách lớn, ánh sáng của lẽ phải và tấm lòng độ lượng, bao dung; từ yêu kính Bác mà nguyện suốt đời đi theo lý tưởng và gắn bó hơn với Đảng, với chế độ ta.

Trong hoàn cảnh có nhiều thử thách hiện nay, noi gương sáng của Bác Hồ, phần đông cán bộ, đảng viên ta vẫn nêu cao được vai trò tiên

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.4, tr.161.

phong, gương mẫu, chăm lo giữ gìn nếp sống trong sạch, liêm khiết, được nhân dân tin yêu, mến phục. Nhưng chúng ta cũng thẳng thắn thừa nhận thực trạng đau lòng là một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên, những người lợi dụng chức quyền đang thoái hoá, biến chất do không vượt qua được những cám dỗ tâm thường đầy tham vọng. Những hành vi tiêu cực và lối sống sa đoạ của họ đang là nỗi đau nhức nhối trên cơ thể xã hội. Một số nắm trong tay tiền bạc của Nhà nước, tài sản của nhân dân đã lợi dụng để đục khoét, làm giàu phi pháp. Một số được bầu làm người đại diện của nhân dân, nhưng do thèm khát quyền lực cá nhân đã trở nên lộng quyền, gây ra bao hành vi phi đạo đức, phản văn hoá, thậm chí ngang nhiên vi phạm pháp luật, gây nên bất bình trong nhân dân. Sinh thời, Bác Hồ hết sức coi trọng giáo dục cán bộ, đảng viên phải kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, phải thường xuyên trau dồi đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Những phần tử trên đây đã làm trái điều Người dạy.

Để giữ thanh danh cho Đảng và Nhà nước, củng cố lòng tin của nhân dân, phải sa thải ngay những phần tử sâu một đó, dù họ ở cương vị nào, giữ chức vụ gì. Đối với những người mang danh cộng sản, nhưng lại vì đồng tiền và quyền lực mà phản bội lý tưởng, hại nước, hại dân, thì phải kiên quyết loại trừ khỏi tổ chức đảng, bộ máy nhà nước và đoàn thể; nếu vi phạm pháp luật thì phải xét xử nghiêm minh.

Có một số khác ở lâu trên cương vị của mình, sinh ra chủ quan tự mãn, lười học tập, ngại nghiên cứu lý luận, không chịu đi vào thực tế, tổng kết kinh nghiệm sáng tạo của cơ sở, trở nên xơ cứng, trí tuệ nghèo nàn, không còn đủ năng lực tổ chức và hướng dẫn hành động cho nhân dân.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng vừa ra Nghị quyết “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính”. Hội nghị nhấn mạnh phải gắn việc cải cách nền hành chính với chỉnh đốn Đảng, coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính cả về phẩm chất đạo đức, kiến thức và năng lực; làm cho họ ý thức được sâu sắc mình vừa là đại diện quyền lực của Nhà nước, vừa là công bộc tận tụy của nhân dân, thực hiện nghiêm chỉnh *Di chúc* của Bác Hồ: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công

vô tư phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>1</sup>.

Nghiên cứu, học tập để thấu suốt tư tưởng Hồ Chí Minh là điều rất cần thiết và quan trọng. Song điều còn cần thiết hơn nữa là đưa tư tưởng của Người vào cuộc sống, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của đất nước hiện nay. Trước mắt, cần nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc tổng kết thực tiễn đổi mới những năm qua, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu; trên cơ sở đó mà chuẩn bị tốt nội dung Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, từ Báo cáo chính trị, Báo cáo công tác xây dựng Đảng đến việc hoạch định chiến lược và phương hướng, nhiệm vụ phát triển trong những năm tới; xác định những chủ trương, chính sách đối nội và đối ngoại đúng đắn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội. Đó là công việc rất quan trọng và thiết thực, làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh thường xuyên tiếp cận thực tế nóng bỏng, không ngừng được bổ sung, phát triển, ngày càng trở nên phong phú và sâu sắc, chỉ dẫn cho hành động của chúng ta.

Trong khí thế sôi nổi chào đón những ngày lễ lớn, tất cả chúng ta đều rất đỗi tự hào, vinh dự được sống trong thời đại vẻ vang của dân tộc, được làm công dân của nước Việt Nam độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt cả nước tuyên bố khai sinh, được làm đảng viên của một đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập và rèn luyện. Đồng thời, mỗi chúng ta cũng nhận thức sâu sắc trách nhiệm nặng nề của thế hệ mình trong việc kế tục và phát triển sự nghiệp vinh quang mà Bác Hồ đã khởi xướng và dẫn dắt.

Mang nặng lòng yêu nước từ khi còn trẻ, ngày đêm lo nghĩ về tương lai của Tổ quốc, tiền đồ của dân tộc, Người đã bôn ba khắp bốn biển năm châu để tìm đường cứu nước. Từ chủ nghĩa yêu nước đến với học thuyết Mác-Lênin, người đã thấm nhuần sâu sắc và vận dụng sáng tạo học thuyết ấy vào hoàn cảnh đất nước, thức tỉnh nhân dân ta đấu tranh bên bờ, kiên cường để dựng nên sự nghiệp ngày nay, làm rạng rỡ non sông, đất nước. Dù đi cùng trời cuối đất lòng Bác Hồ lúc nào cũng hướng về Tổ quốc, đồng bào với tình yêu quê hương tha thiết. Nhân dân ta mãi mãi tự hào vì có Bác, người con vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Chúng ta ghi

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.12, tr.498.

nhớ lời Người nói: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó”<sup>1</sup>. Chính ham muốn mãnh liệt ấy đã tạo cho Người nghị lực kiên cường để giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể lay chuyển, uy vũ không thể khuất phục, để có tầm nhìn xa trông rộng, lựa chọn những quyết sách sáng suốt đưa đến thắng lợi.

Hoài bão lớn nhất của Người là “Nước ta được hoàn toàn độc lập dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>2</sup>. Giương cao ngọn cờ Hồ Chí Minh, chúng ta quyết tâm đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đi tới thắng lợi hoàn toàn, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xứng đáng với “muôn vạn tình thương yêu” mà Người để lại cho đồng bào cả nước.

*Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta!*

*Tư tưởng và sự nghiệp của Người mãi mãi soi đường cho chúng ta tiến lên giành những thắng lợi mới!*

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.4, tr.240, 161.

# HỌC TẬP, RÈN LUYỆN TƯ TƯỞNG VÀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, THỰC HIỆN THẮNG LỢI CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG\*

*Lê Khả Phiêu*

Với niềm tự hào và lòng biết ơn vô hạn, hôm nay chúng ta tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm lần thứ 109 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam, người thầy vĩ đại của Đảng, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.

Đầu thế kỷ này, trong đêm đen nô lệ, chỉ có hai bàn tay trắng, với lòng yêu nước thương dân nồng nàn và sâu nặng, Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước. Người đến với chủ nghĩa Mác-Lênin như một cuộc “hẹn hò lịch sử” giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với học thuyết cách mạng và khoa học của thời đại.

Cùng với việc xây dựng đường lối, chiến lược, sách lược cách mạng, Nguyễn Ái Quốc tập trung công sức thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người xác định: Cách mạng Việt Nam “trước hết phải có Đảng cách mệnh”, “Đảng có vững cách mệnh mới thành công”<sup>2</sup>.

Đảng đã lãnh đạo nhân dân cả nước dấy lên cao trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh, cao trào đấu tranh chính trị 1936-1939, các cuộc khởi nghĩa cực kỳ anh dũng ở Nam Kỳ, Bắc Sơn, Ba Tơ và cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến tới Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, cùng với nhân dân thế giới quyết tâm chống chủ nghĩa phát xít; hết lòng giúp đỡ cách mạng hai nước anh em Lào và Campuchia.

---

\* Trích Diễn văn tại Lễ kỷ niệm lần thứ 109 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 30 năm thực hiện *Di chúc* của Người, ngày 18-5-1999.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Sổđ*, t.2, tr.267; 268.

Mười lăm tuổi, với 5.000 đảng viên, Đảng lãnh đạo nhân dân ta làm Cách mạng Tháng Tám thành công, xây dựng Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Qua ba mươi năm trường kỳ kháng chiến, Đảng đã lãnh đạo dân tộc ta lập nên hai kỳ tích có ý nghĩa thời đại: kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp kết thúc bằng Chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, thực hiện người cày có ruộng, giải phóng hoàn toàn miền Bắc; 20 năm kháng chiến chống Mỹ, kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đi theo con đường của Bác và thực hiện sáng tạo tư tưởng của Người, sau 12 năm đổi mới, nhân dân ta vừa phải khắc phục hậu quả nặng nề do các cuộc chiến tranh xâm lược để lại, vừa phải đối phó với những khó khăn do ảnh hưởng của những biến động ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô, với các thủ đoạn bao vây, cấm vận kinh tế, mưu toan bạo loạn của các thế lực thù địch, đưa nền kinh tế nước ta ra khỏi khủng hoảng trầm trọng kéo dài, giữ vững ổn định chính trị, giành được những thành tựu rất quan trọng về kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Những thành tựu ấy đã tạo ra thế và lực mới của cách mạng Việt Nam, tạo điều kiện và tiền đề đưa nước ta bước vào thời kỳ phát triển mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời của một chiến sĩ cộng sản trọn đời vì nước vì dân, là biểu tượng của khí phách anh hùng, ý chí độc lập tự cường, kiên trì lý tưởng, sáng tạo và quyết thắng, không chịu khuất phục trước mọi kẻ thù. Noi gương Người, biết bao cán bộ, đảng viên, thanh niên và đồng bào đã hy sinh vì Tổ quốc, lấy sự nghiệp chung làm lẽ sống, trên dưới một lòng, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, tạo ra sức mạnh vượt qua mọi thử thách và hiểm nghèo có lúc tưởng chừng không vượt nổi.

Chặng đường vẻ vang gần bảy thập kỷ qua của Đảng và nhân dân ta đã khẳng định: sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Với sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu kỳ diệu:



Một Tổ quốc độc lập, thống nhất vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Một Đảng Cộng sản kiên định, mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng.

Một nhà nước của dân, do dân, vì dân với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng được phát huy trong đời sống xã hội.

Một lực lượng vũ trang cách mạng, trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Một Mặt trận dân tộc thống nhất tiêu biểu cho đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng, không ngừng củng cố và mở rộng.

Một tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Trong tâm trí các giai cấp cần lao bị áp bức và nhân loại tiến bộ "*Việt Nam - Hồ Chí Minh*" đã trở thành biểu tượng của niềm tin, ý chí, lương tâm và phẩm giá.

Một thời đại mới trong lịch sử dân tộc - *Thời đại Hồ Chí Minh*.

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đặc biệt tới việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đảng phải là đội tiên phong của giai cấp và dân tộc, phải hoàn thiện mình để lãnh đạo đất nước.

Người khẳng định: "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"<sup>1</sup>. Vì người cầm quyền, người lãnh đạo nếu không là đầy tớ của dân thì chỉ có thể là ông quan phụ mẫu, ông chủ của dân mà thôi. Phải hiểu rằng khi được giao chức quyền, cán bộ, nhân viên nhà nước chỉ là người đại diện cho nhân dân.

*Nhà nước ta là của dân, do dân và vì dân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm Nhà nước ta là công cụ phục vụ lợi ích của nhân dân, thực hiện nhân dân làm chủ. Bác Hồ xem dân chủ là bản chất của chế độ ta, Nhà nước ta. Tăng cường sự lãnh đạo*

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.12, tr.498.

*của Đảng, coi trọng xây nền nhân dân là hai mặt không tách rời nhau của cùng một vấn đề. Muốn xây nền nhân dân phải có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, muốn giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng phải củng cố nền nhân dân thật bền vững.*

Về chính đốn Đảng, Bác không coi đó là biện pháp tình thế mà là nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng, là sự vận động của bản thân Đảng trong quá trình phát triển của cách mạng. Khi cách mạng khó khăn, chính đốn Đảng để xây dựng thái độ bình tĩnh, sáng suốt, kiên định lập trường, không để rơi vào tình trạng dao động, bi quan; khi cách mạng trên đà thắng lợi, chính đốn Đảng để ngăn ngừa bệnh kiêu ngạo, chủ quan, tự mãn, lạc quan tếu; khi Đảng cầm quyền, đảng viên rất dễ đánh mất mình, ngày hôm qua vĩ đại, không nhất định hôm nay vẫn được mọi người yêu mến nếu họ không trong sáng, sa vào chủ nghĩa cá nhân. Vì vậy lại cần coi trọng chính đốn Đảng.

Đặc biệt là hiện nay, trước yêu cầu xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử mới và trước thực trạng của Đảng ta thì nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng vừa là cơ bản, thường xuyên lại vừa rất cấp bách.

Trong những năm qua, cùng với những thành tựu quan trọng mà nhân dân ta đã giành được, Đảng đã có bước trưởng thành mới về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đa số cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất cách mạng. Nhưng chúng ta cũng nghiêm túc thấy rằng có một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống.

Trong khi cách mạng đòi hỏi sự phấn đấu kiên định và bền bỉ để thực hiện mục tiêu lý tưởng thì một bộ phận cán bộ, đảng viên lại giảm sút ý chí, phai nhạt lý tưởng, dao động về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đáng chú ý là có cả một số cán bộ, đảng viên cấp cao làm trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, vi phạm luật pháp Nhà nước, thiếu tinh thần trách nhiệm khi giải quyết những vấn đề của đất nước cũng như của địa phương mình, ngành mình, đơn vị mình.

Công cuộc xây dựng đất nước đòi hỏi phải toàn tâm, toàn ý chăm lo sự nghiệp chung thì lại làm việc cầm chừng, thiếu tinh thần đồng cam cộng khổ, chỉ lo vun vén cá nhân, tham nhũng, hối lộ, đặc quyền đặc lợi, cục bộ địa phương, cơ hội, luôn lách, chỉ coi trọng lợi ích vật chất mà xem nhẹ giá trị tinh thần; nặng về lợi ích thực dụng trước mắt, xem nhẹ lợi ích cơ bản và lâu dài.

Cách mạng đòi hỏi đảng viên và người lãnh đạo phải gần gũi nhân dân, đi sát cơ sở, đi sâu vào thực tiễn, hiểu thấu nguyện vọng của đồng bào, lắng nghe ý kiến và học tập kinh nghiệm của quần chúng, tổ chức thực hiện cụ thể, giải quyết kịp thời các vấn đề nóng hổi đặt ra trong đời sống, thì lại xa dân, quan liêu, đại khái, hống hách, sách nhiễu, không tôn trọng nhân dân, không lấy kết quả chăm lo đời sống của nhân dân làm thước đo sự lãnh đạo và phẩm chất của mình.

Đất nước ta còn nghèo, nhân dân ta còn thiếu thốn, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phát huy cao nhất nội lực, cần kiệm liêm chính thì một bộ phận cán bộ, đảng viên xa hoa, phung phí tiền của, bỏ mặc tài sản của công mất mát, hư hỏng và bị phá hoại.

Các thế lực thù địch đang dùng mọi thủ đoạn nham hiểm, trắng trợn và độc ác chống lại hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc vẫn diễn ra phức tạp và quyết liệt đòi hỏi bản lĩnh chính trị vững vàng và tinh táo thì một số cán bộ Đảng, cán bộ Nhà nước lại mơ hồ, mất cảnh giác.

Nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm, kỷ luật và quản lý đảng viên lỏng lẻo, chế độ sinh hoạt tự phê bình và phê bình không nghiêm, tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài ở một số cấp uỷ, địa phương...

Trước tình hình ấy, có cấp uỷ, đảng viên chưa thấy hết tính chất nghiêm trọng của thực trạng, còn chủ quan, đơn giản, thờ ơ, không nhận thức được yêu cầu cấp thiết của việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Đảng ta vừa tiêu biểu về trí tuệ vừa là biểu tượng của đạo đức lương tâm, danh dự của dân tộc. Chúng ta không thể xem thường tính chất nghiêm trọng của sự suy thoái đó. Phải ngăn ngừa và kiên quyết khắc phục. Nếu chúng ta không kiên quyết chặn đứng, đẩy lùi sự suy thoái đang diễn ra trong Đảng, trong bộ máy nhà nước thì sẽ dẫn đến nguy cơ làm biến chất Đảng, đe dọa sự sống còn của chế độ, độc lập và an ninh của Tổ quốc.

Từ vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng, từ yêu cầu của thời kỳ mới, từ thực trạng Đảng ta hiện nay, Hội nghị Trung ương sáu (lần 2) đã đi tới một quyết định đặc biệt quan trọng: phải tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình nhân Kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Kỷ

niệm 70 năm thành lập Đảng. Cuộc vận động tiến hành trong hai năm, từ 19-5-1999 đến 19-5-2001, sau đó trở thành nền nếp thường xuyên.

Cuộc vận động này phải đạt được yêu cầu:

- Nâng cao sự thống nhất về nhận thức tư tưởng, chính trị, về ý chí và hành động trong toàn Đảng, kiên định lập trường cách mạng và những quan điểm cơ bản có tính nguyên tắc, củng cố và tăng cường sức mạnh của Đảng về mọi mặt, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong thời kỳ mới.

- Bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống làm cho Đảng gần bó máu thịt với nhân dân, Đảng - dân một ý chí, thực hiện lời dạy của Bác: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”<sup>1</sup>.

- Tạo bước chuyển biến mới trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, gương mẫu chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết Đảng, pháp luật Nhà nước, nói đi đôi với làm.

- Chấn chỉnh, sắp xếp các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính để bộ máy hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng lần này, cần gắn chặt việc quán triệt Nghị quyết Trung ương sáu (lần 2) với việc tiếp tục học tập Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống phải gắn chặt với công tác quản lý cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc cũng như tại nơi cư trú. Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên thông qua tổ chức đảng, các cơ quan bảo vệ pháp luật, hệ thống cơ quan dân cử, nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng.

Thực hiện có hiệu quả đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng, nhất là trong các cấp uỷ đảng, các cán bộ chủ chốt cấp Trung ương và tỉnh, thành. Tự phê bình và phê bình phải nhằm mục đích làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng nhận rõ ưu điểm để phát huy, chỉ ra khuyết điểm để sửa chữa. Trước hết, mỗi đảng viên phải trung thực, tự giác, lấy phẩm chất và danh hiệu cộng sản mà soi xét bản thân, đánh giá thật đúng mình, tranh thủ sự phê bình, góp ý của đồng chí.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.10, tr.5.

Khắc phục tình trạng xuê xoa, nể nang để lấy lòng, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, thậm chí tìm cách bao che cho nhau, hoặc lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, thiếu tính xây dựng. Muốn tự phê bình tốt phải tổ chức cho cấp dưới và nhân dân phê bình cán bộ, đảng viên và tiếp thu nghiêm túc những ý kiến phê bình đó.

Tập trung chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí, chống quan liêu. Các cấp uỷ và người đứng đầu các địa phương, các ngành, cơ quan, đơn vị, phải trực tiếp chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tham nhũng, lãng phí tại đơn vị mình. Các cơ quan thanh tra, kiểm tra phải làm tốt việc xử lý và kết luận các đơn thư tố cáo tham nhũng đối với cán bộ các cấp. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí, chống quan liêu phải được chỉ đạo chặt chẽ trong quá trình tiến hành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, văn hoá, khoa học, giáo dục, quốc phòng an ninh, đối ngoại. Khắc phục những sơ hở trong chế độ quản lý kinh tế, tài chính, tài sản, văn hoá, gắn chặt với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các quy định của Đảng, của Nhà nước và cải cách chế độ tiền lương.

Một việc rất quan trọng, rất cơ bản là củng cố tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở xã, phường, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang. Đưa toàn bộ các chế độ sinh hoạt Đảng, như sinh hoạt lãnh đạo, sinh hoạt học tập, sinh hoạt tự phê bình và phê bình thành nền nếp; làm tốt việc phân công và kiểm tra công tác của đảng viên, để nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng lần này thể hiện trách nhiệm và tình cảm của Đảng đối với Bác Hồ, đối với nhân dân. Cuộc vận động này liên quan đến vận mệnh của Đảng, của chế độ, hạnh phúc của đồng bào và việc hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi mới toàn diện và sâu sắc đất nước. Vì vậy, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng và cũng là nguyện vọng, trách nhiệm của toàn dân.

Năm nay vừa tròn 30 năm toàn Đảng, toàn dân thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Do ý nghĩa đặc biệt ấy, với lòng thành kính nhớ ơn Người, chúng ta phải tự xem xét lại mình một cách cẩn kẽ đã sống, học tập, rèn luyện, làm việc, chiến đấu như thế nào và phải tiếp tục làm gì để thực hiện *Di chúc* của Bác.

Trong buổi lễ trọng thể này, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, trước hết là các đồng chí có trọng trách, quyết tâm và gương mẫu thực hiện thắng lợi cuộc vận động. Tôi thiết tha đề nghị các đồng chí lão thành cách mạng, các vị trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đại biểu Quốc hội, các nhân sĩ, trí thức, công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, sinh viên cùng toàn thể đồng bào, cựu chiến binh và các lực lượng vũ trang nhân dân cả nước tích cực hưởng ứng cuộc vận động, thường xuyên tham gia xây dựng Đảng, giám sát cán bộ, đảng viên, làm cho Đảng thật trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thế kỷ XX sắp kết thúc. Một trong những nét nổi bật của thế kỷ này là: dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam đã được loài người tiến bộ đánh giá là một chiến sĩ tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, chiến sĩ quốc tế kiên cường và vô cùng trong sáng. Tấm lòng của Người luôn luôn hướng về nhân dân các dân tộc, các tầng lớp cần lao bị đoạ đày đau khổ. Người thiết tha mong mỗi thế giới hoà bình, các dân tộc được tự do và bình đẳng, con người được sống hạnh phúc và tốt đẹp.

Nhân dịp này, thay mặt Đảng và Nhà nước Việt Nam, tôi bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với các Đảng Cộng sản và công nhân, phong trào độc lập dân tộc, phong trào hoà bình và dân chủ, anh em bầu bạn khắp năm châu, các chính phủ và các tổ chức quốc tế đã ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Sự ủng hộ to lớn đó đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng nước ta.

*Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*

*Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.*

## LỜI KÊU GỌI NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH PHÁT ĐỘNG THI ĐUA ÁI QUỐC\*

*Trần Đức Lương*

Ngày 11 tháng Sáu 1948, giữa lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược vô cùng quyết liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào toàn quân, toàn dân thi đua ái quốc. Lời kêu gọi của Người đã được đồng bào, cán bộ, chiến sĩ cả nước hưởng ứng nhiệt liệt, ra sức chiến đấu, lao động và học tập. Lực lượng cách mạng, với hào khí dân tộc qua các phong trào thi đua đã được nhân lên gấp bội. Từ đây phong trào thi đua luôn luôn là nhân tố vô cùng quan trọng của những thắng lợi liên tiếp về chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự. Lý luận và những bài học từ thực tiễn tổ chức vận động thi đua là mảng sáng chói trong tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Di sản của Người để lại về thi đua thấm đượm truyền thống yêu nước và bản sắc văn hoá đầy tự hào của dân tộc ta, bản chất cách mạng của Đảng ta, tính nhân dân của Nhà nước ta. Sức mạnh vô cùng to lớn của thi đua là sức mạnh của đoàn kết toàn dân, tinh thần yêu nước, ý chí quật cường và lòng tự hào dân tộc của mỗi người Việt Nam.

Ngày nay nhân dân ta đang ra sức thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tuy có thể và lực mới, nhưng cũng đang đứng trước những khó khăn, thách thức to lớn. Thi đua yêu nước sẽ là động lực mạnh mẽ giúp nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, trở ngại. Những thành tựu quan trọng của sự nghiệp đổi mới thời gian qua cũng chính là thành tựu của các phong trào thi đua đầy tính sáng tạo từ cơ sở, từ nhân dân.

---

\* Ngày 11 tháng 6 năm 1998.

Kỷ niệm 50 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có Chỉ thị về đổi mới công tác thi đua khen thưởng trong giai đoạn mới.

Nhân dịp này, thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi kêu gọi đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài tích cực hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước trong giai đoạn mới, thi đua vì sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

Các tổ chức đảng, chính quyền cùng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp hãy bên bở tổ chức thi đua, thực hiện thật tốt di huấn của Bác Hồ, chỉ thị của Đảng và cũng là ý nguyện của nhân dân làm cho xã hội ta phát triển lành mạnh, vững chắc. Thi đua để xây dựng người tốt, việc tốt và cũng là để chống tiêu cực và đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Tôi kêu gọi toàn Đảng, toàn dân ta nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ra sức cần kiệm, lao động sáng tạo, phát huy nội lực, tranh thủ có hiệu quả mọi nguồn lực hợp tác quốc tế, tiết kiệm trong tiêu dùng, sử dụng có hiệu quả của cải và sức lao động cho đầu tư phát triển để làm cho đất nước ngày càng phồn vinh, mọi người ấm no và hạnh phúc.

Đảng viên, cán bộ, viên chức nhà nước phải ra sức thi đua rèn luyện đạo đức phẩm chất, vì nhân dân phục vụ, gương mẫu, tôn trọng kỷ cương pháp luật của Nhà nước, tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân, chống các tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí của công.

Công nhân, nông dân và lao động các ngành nghề hãy phát huy truyền thống, hăng hái thi đua lao động sản xuất, phát huy nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Các nhà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thi đua quản lý giỏi, kinh doanh giỏi làm cho kinh tế nước nhà tăng trưởng bền vững, hàng hoá Việt Nam đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và cạnh tranh thành công ở thị trường nước ngoài.

Đội ngũ trí thức, các cán bộ khoa học - kỹ thuật, các nhà giáo, các thầy thuốc hãy thi đua vì sự nghiệp nghiên cứu phát minh, giúp cho đất nước nâng cao được dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng được nhân tài, áp dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật mới trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao đời sống nhân dân.

Các lực lượng vũ trang đề cao cảnh giác, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn



xã hội “xứng danh anh bộ đội Cụ Hồ” và thực hiện tốt sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân.

Các bậc lão thành cách mạng, các cựu chiến binh, các cụ phụ lão tham gia thi đua và quan tâm giáo dục, động viên con cháu sống lành mạnh, làm nhiều việc tốt, vì thành công của sự nghiệp cách mạng mà thế hệ các cụ đã có cống hiến to lớn và đầy công vun đắp.

Đoàn viên, thanh niên hãy mang hết nhiệt huyết của mình thi đua “rèn đức, luyện tài, lập nghiệp, giữ nước”, có cống hiến xứng đáng với truyền thống vẻ vang của dân tộc và truyền thống cách mạng hào hùng của các thế hệ cha anh. Các cháu thiếu niên nhi đồng thi đua thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy, xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

Phụ nữ Việt Nam hãy xứng đáng với tám chữ vàng Bác Hồ khen tặng: “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”, nêu cao truyền thống: “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, lập công lớn, nêu nhiều gương thi đua trong giai đoạn cách mạng mới.

Tôi kêu gọi đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, đồng bào ta ở nước ngoài hãy gương cao ngọn cờ đại đoàn kết, ra sức thi đua xây dựng cuộc sống mới, giúp đỡ lẫn nhau, cống hiến và góp phần của mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các cơ quan thông tin đại chúng, văn nghệ sĩ hãy thi đua có nhiều sáng tạo xứng đáng với tầm vóc và sự nghiệp của dân tộc, góp phần thông tin và nhân rộng kịp thời các điển hình thi đua, gương người tốt việc tốt. Thông tin và sáng tác phải là tiếng kèn giục giã toàn dân hăng say thi đua để có nhiều gương người tốt, làm nhiều việc tốt.

Tổ quốc ta, nhân dân ta luôn luôn ghi nhớ công lao các anh hùng, chiến sĩ thi đua trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc cũng như trong lao động sáng tạo ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhà nước ta đã tuyên dương trên 4.500 anh hùng lực lượng vũ trang và anh hùng lao động, trên 44.000 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, nhiều tập thể và cá nhân được giải thưởng Hồ Chí Minh, các danh hiệu nhà giáo nhân dân, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân. Hàng triệu người thi đua lập công trên các mặt trận công tác khác nhau đã được tặng thưởng các danh hiệu thi đua vẻ vang và được Nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương các loại. Đó là những người con ưu tú được tôn vinh qua các phong trào thi đua yêu nước và trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta.

Tôi mong rằng, Hội đồng thi đua khen thưởng ở Trung ương cũng như ở các ngành, các cấp hãy đi sát phong trào của các cơ sở, các ngành, các giới, các vùng của đất nước phát hiện để khen thưởng, biểu dương các cá nhân, tập thể có thành tích một cách kịp thời, đều khắp và liên tục. Sự trân trọng và tôn vinh của Nhà nước, của xã hội chính là giá trị cao quý, là động lực tinh thần có sức cổ vũ lớn lao mọi người hăng hái thi đua yêu nước.

Năm 2000 không còn xa, tôi tin tưởng rằng, phong trào thi đua sẽ góp phần hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch 1996 - 2000. Nhân dân ta sẽ được chào mừng những người con tiêu biểu nhất của phong trào thi đua các ngành, các giới, các lứa tuổi, đồng bào trong nước cũng như kiều bào ta ở nước ngoài tại Đại hội liên hoan thi đua toàn quốc vào năm giao thời giữa hai thế kỷ này. Chúng ta cũng sẽ rất vui mừng được chào đón những bạn bè quốc tế trong quan hệ hợp tác với Việt Nam có những đóng góp xuất sắc cho sự nghiệp phát triển và xây dựng đất nước của nhân dân ta tại Đại hội này.

*Tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh!*

*Tất cả vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà, vì sự nghiệp bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa!*

*Xin chúc đồng bào và chiến sĩ cả nước lập công xuất sắc!*

*Chào thân ái và quyết thắng!*

## HỒ CHÍ MINH, CON NGƯỜI\*

*Phạm Văn Đông*

Để hiểu sự nghiệp Hồ Chí Minh, chúng ta hãy đến với con người Hồ Chí Minh.

Tôi có may mắn được ở gần Hồ Chí Minh trong nhiều năm, qua nhiều giai đoạn của cách mạng Việt Nam, từ lớp huấn luyện chuẩn bị thành lập Đảng ở Quảng Châu, đến những tháng ngày cuối cùng trước khi Hồ Chí Minh qua đời.

Tôi bắt đầu gặp Hồ Chí Minh là qua một bức ảnh. Hồi đó, tôi học năm thứ tư thành chung ở Trường Quốc học Huế. Một hôm, tôi được xem ảnh một người còn trẻ, đội mũ phớt tròn, là kiểu mũ thường dùng lúc bấy giờ ở châu Âu. Con người trong ảnh toát ra sức hấp dẫn lạ lùng. Hồi đó mọi người chuyền tay cho nhau xem ảnh đều biết là ảnh Nguyễn Ái Quốc, với những tin từ Pháp truyền về làm nổi bật hoạt động của Người ở Pháp.

Đây là sự kiện quan trọng trong đời tôi. Lần đầu tiên tôi tiếp xúc với Hồ Chí Minh. Những sự kiện về sau càng làm tôi có ấn tượng sâu sắc về lần đầu tiên ấy.

Hai năm sau, lúc tôi học năm cuối ở một trường trung học lớn của Pháp tại Hà Nội, nhân dịp để tang cụ Phan Chu Trinh, phần lớn học sinh bãi khóa. Tôi vui lòng bãi khóa. Sau khi bỏ trường, tôi tiếp xúc với những người đang bắt liên lạc với những học sinh yêu nước muốn đi tìm con đường cách mạng cứu nước, và được đưa cùng với mấy chục người phần lớn là học sinh Hà Nội, Nam Định và nhiều tỉnh khác qua biên giới Lạng Sơn đến Quảng Châu. Lúc ấy Quảng Châu là một trung tâm của cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc.

---

\* Trích tác phẩm *Hồ Chí Minh – một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990.

Tôi đến Quảng Châu mùa thu năm 1926, dự lớp do Nguyễn Ái Quốc, lấy tên là đồng chí Vương, cùng một số nhà cách mạng Việt Nam khác giảng dạy và quản lý. Lúc gặp lần đầu ở lớp, tôi nhận ra ngay Nguyễn Ái Quốc, bởi lẽ đã nhìn thấy ở Huế bức ảnh của Người.

Điều đáng nhấn mạnh ở đây, đối với tôi là kỷ niệm lớn trong đời, là những cuộc gặp gỡ giữa tôi và Hồ Chí Minh ngày càng khắc sâu trong ký ức; tình cảm, tâm hồn tôi hình ảnh một con người trước sau vẫn là một, mặc dầu sau đó chúng tôi trải qua biết bao biến đổi và sóng gió ở nước ta và trên thế giới.

Tất nhiên, những biến đổi đó cũng làm nên những biến đổi trong con người chúng tôi. Điều tôi muốn nhấn mạnh là Hồ Chí Minh bấy giờ và Hồ Chí Minh cuối đời cũng là con người ấy, cũng đáng đáp ấy, một con người mà lúc gặp ngay buổi đầu ai nấy đều thấy rõ đây là một con người rất giản dị, rất hiền từ, có sức hấp dẫn lạ thường đối với người xung quanh, và để lại cho người ta những ấn tượng sâu sắc, mà nhiều người đã kể lại.

Lần thứ hai tôi gặp Hồ Chí Minh là ở Côn Minh, quãng giữa năm 1940, lần ấy tôi cùng đi với đồng chí Võ Nguyên Giáp. Lúc gặp, tôi nhận ngay ra Hồ Chí Minh và Hồ Chí Minh cũng nhận ngay ra tôi. Hồ Chí Minh nói:

- Chú không có gì thay đổi.

Ít lâu sau, Hồ Chí Minh cùng chúng tôi vượt biên giới Việt - Trung về Cao Bằng. Từ đó, cho đến khi Hồ Chí Minh qua đời, tôi được làm việc ở cạnh Hồ Chí Minh, trừ hai năm đầu kháng chiến chống Pháp, khi ấy tôi được cử vào miền nam Trung Bộ.

Nhờ chứng kiến hoạt động và chia sẻ cuộc sống của Hồ Chí Minh một thời gian dài, tôi dần dần hiểu biết thêm về con người Hồ Chí Minh.

Một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp thống nhất với nhau, sản sinh ra và kết tinh ở một con người, đó là bản chất và tầm vóc của Hồ Chí Minh.

Thường thường, khi con người biết mình là một nhân vật quan trọng thì không phải lúc nào cũng hồn nhiên và chân thật. Hồ Chí Minh không như vậy. Suốt đời mình, trong việc lớn cũng như việc nhỏ, Hồ Chí Minh bao giờ cũng chân thực.

Hồ Chí Minh là một con người phi thường và xuất chúng. Tuy nhiên, khi gặp Hồ Chí Minh, mọi người cảm thấy như thân thuộc từ lâu,

dễ dàng nói chuyện cởi mở, tự nhiên, không chút nào cách bức. Chính những người khách ngoại quốc rất thích thú nhấn mạnh điểm này.

Chất con người Hồ Chí Minh là chất Việt Nam, chất cách mạng, chất cộng sản, chất nhân văn, tất cả gặp gỡ hoà quyện trong một con người và được nâng lên do sứ mệnh lịch sử của con người đó.

Trước hết, tôi muốn nói quan điểm của Hồ Chí Minh về cuộc sống của con người. Đây là nhân sinh quan và thế giới quan của chủ nghĩa cộng sản, mà những người sáng lập học thuyết Mác-Lênin đã nói rất nhiều, trong nhiều tác phẩm, dưới nhiều dạng. Tôi nghĩ không cần phải nhắc lại hoặc bình luận. Điều tôi muốn nhấn mạnh là trong cả thời gian ở bên cạnh, cùng làm việc và học tập Hồ Chí Minh, càng ngày tôi càng nhận rõ, và hôm nay ôn lại tôi cảm thấy sáng tỏ hơn, Hồ Chí Minh là hiện thân của nhân sinh quan và thế giới quan cộng sản chủ nghĩa, thể hiện trong cuộc sống, trong hành động, trong mọi trường hợp của một cuộc đời biết bao phong phú.

Tôi còn nhớ như in trong ký ức của mình những lúc Bác, cháu tâm sự với nhau về cuộc sống, về sự nghiệp cách mạng, về con người, về tương lai của loài người. Bác thường nói với tôi: “Nói chung, ở đâu cũng vậy, ở nước ta và trên thế giới, người ta sống trong xã hội này, chịu ảnh hưởng lâu đời của giai cấp thống trị, cho nên lẽ tất nhiên ai nấy đều đuổi theo cái danh và cái lợi. Còn chúng ta thì khác. Sứ mạng của chúng ta là cải tạo cái thế giới này, tiến tới thực hiện những mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản”.

Về những mục tiêu ấy, nhiều lần Bác nói với tôi những ý, gộp lại thì hoàn toàn đúng với hai mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản mà Mác đã thể hiện một cách đầy đủ, sáng tỏ và đẹp đẽ vô cùng: Khi những nguồn của cải tuôn chảy thật dồi dào, khi đó và chỉ khi đó, loài người có thể ghi trên ngọn cờ của mình khẩu hiệu: “Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”, và: “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện của sự phát triển tự do của tất cả mọi người”.

Hồ Chí Minh là con người của lòng tin không gì lay chuyển nổi vào tương lai dân tộc và loài người, vào chủ nghĩa xã hội. Đó là cái chất không bao giờ biến đổi để ứng phó linh hoạt với muôn vàn biến đổi của một sự nghiệp đầy sóng gió.

Hồ Chí Minh là người suốt đời nhất quán nhằm mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Sự tập trung vào mục tiêu thể hiện trong hoạt động chính trị, thấm nhuần trong cuộc sống hàng ngày. Không khí tinh thần tỏa ra xung quanh Hồ Chí Minh, làm cho con người thấy được thanh khiết và nâng lên, là sự chí công vô tư lo toan vì dân, vì nước, vì lý tưởng. Cả trong những việc mình chủ động làm, cũng như trong những việc tình thế buộc mình phải tham gia, bao giờ Hồ Chí Minh cũng tìm được cách lái chiều hướng của mọi việc vào mục tiêu đã chọn. Biện pháp thì thiên biến vạn hóa, con đường có thể khúc khuỷu, quanh co, nhưng mục tiêu bao giờ cũng chỉ một và nhất quán.

Nhằm mục tiêu đã chọn, Hồ Chí Minh là người kiên cường trong đấu tranh trước mọi quân thù, trước mọi khó khăn và truyền chí kiên cường ấy cho toàn Đảng, toàn dân tộc.

Mục tiêu nhất quán và chí khí kiên cường thể hiện trong hành động thiết thực và cụ thể. Mọi lời nói, mọi việc làm của Hồ Chí Minh đều thiết thực và cụ thể, nói là làm, thường làm nhiều hơn nói, có khi làm mà không cần nói, tư tưởng hiện ra trong hành động. Hồ Chí Minh là người luôn luôn nhằm hiệu quả thiết thực, dám nghĩ và dám làm những việc lớn lạ lùng, nhưng không viễn vông, không ảo tưởng, không nóng vội.

Hồ Chí Minh là người năng động và linh hoạt trong ứng biến, minh triết và thanh thản trong tâm hồn và phong độ. Hoàn cảnh càng nguy hiểm, khó khăn, Hồ Chí Minh càng bình tĩnh, sáng suốt. Giải pháp đúng đắn đến thần tình thường bật ra trong một phản ứng tự nhiên, như từ trực giác cách mạng. Bản lĩnh ứng biến năng động và linh hoạt đi đôi với sự minh triết và thanh thản trong tâm hồn, sự ung dung, thoải mái trong phong độ. Hồ Chí Minh hoàn toàn không theo kiểu hiền triết thời xưa, coi mọi thứ trên đời đều là phù du, không đáng kể. Hồ Chí Minh luôn luôn sống giữa cuộc đời, và đúng như câu phương ngôn mà Mác ưa thích, không có cái gì thuộc về con người đối với Hồ Chí Minh lại là xa lạ. Phong độ ung dung của Hồ Chí Minh là phong độ của người nhận thức được quy luật của lịch sử, tin ở nhân dân và có nhân dân, con người biết mình muốn gì và đi đến đâu, biết tránh thác ghềnh, biết thắng quân địch, con người tĩnh như núi, động như biển, nắm vững nghệ thuật của điều có thể và không ngừng mở rộng giới hạn của điều có thể.

Như viết trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh không có điều gì phải hối hận khi từ biệt thế giới này. Con người suốt đời sống hòa hợp với nhân dân, với lịch sử và với chính mình, luôn luôn có sự thanh thản, ung dung của người chiến sĩ trí tuệ vượt trên hoàn cảnh, trách nhiệm làm tròn và lương tâm trong sáng.

Hồ Chí Minh là người cha của nghĩa nhân đạo theo ý nghĩa đầy đủ nhất: thương yêu, kính trọng, tin tưởng, biết đòi hỏi và biết phát huy con người, đối với dân tộc Việt Nam và đối với các dân tộc trên thế giới, đối với đông đảo nhân dân lao động và đối với từng người.

Từ lúc còn hoạt động bí mật cho đến sau này khi đã có cả cơ đồ của một quốc gia, Hồ Chí Minh quan tâm săn sóc tư tưởng, công tác, đời sống của từng người đồng chí, việc ăn, mặc, ở, học hành, giải trí của từng người dân, không quên, không sót một ai, từ những người bạn thuở hàn vi đến những người quen mới, có quên chăng thì chỉ quên mình. Người suốt đời vun trồng người tốt, việc tốt ấy, vui mừng và phấn khởi đón nhận từng tin vui, biểu dương trong các hội nghị và thích thú kể lại với bạn bè quốc tế những chiến công và thành tích của các tầng lớp nhân dân Việt Nam trong lòng chiến tranh và xây dựng đất nước. Đó là niềm hạnh phúc thanh cao và rộng lớn tràn đầy cuộc đời Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh luôn luôn là hiện thân của tình thân ái, làm cho người ta dễ gần, dễ nói chuyện thân tình và cởi mở. Hồ Chí Minh để lại cho người đối thoại niềm hân hoan vô hạn. Trong nhiều năm ở gần Hồ Chí Minh không một trường hợp nào tôi thấy Bác bực tức ra mặt, làm tổn thương dù một thoáng qua người đồng chí của mình. Đây là điều đến bây giờ hồi tưởng lại tất cả, tôi lấy làm ngạc nhiên vô cùng. Về cá nhân tôi, tôi thấy cần phải nói ra đây một câu chuyện khiến cho đến bây giờ sau nhiều thập kỷ, tôi vẫn còn xúc động. Đây là một lầm lỗi của tôi, có ảnh hưởng không hay đến một việc Bác dự định làm. Mặc dầu vậy, Bác chỉ nói với tôi vắn vắn có một câu: "Chú làm hỏng việc". Phải là một con người giàu lòng khoan dung, độ lượng mới có thể xử sự một cách nhân ái như vậy. Chính thái độ này là một bài học mãi mãi ghi sâu trong ký ức tôi.

Chủ nghĩa nhân đạo của Hồ Chí Minh thể hiện trong thái độ đối với từng con người, lo toan trước hết cho những người ở vị trí chiến đấu gian khổ nhất, chia sẻ đau buồn với những người mất mát, tìm cách đền đáp cho những người thiệt thòi, bao dung, độ lượng với những người lỗi lầm

mà thành thật hối cải. Hồ Chí Minh luôn luôn nói những lời, làm những việc mà mỗi người lao động chờ mong, cảm hóa được nhân sĩ, trí thức, thuyết phục được người do dự, phân vân, trân trọng từ các cháu thanh niên và thiếu nhi, chan hòa gần gũi với những người giúp việc quanh mình, nâng niu từng nhân cách.

Lòng thương yêu và kính trọng đi đôi với những đòi hỏi rất cao đối với con người. Hồ Chí Minh đề ra những yêu cầu chặt chẽ, nghiêm khắc trong từng công việc, giữ trật tự và kỷ cương để phát huy khả năng của mọi người, khiến cho ai nấy đều vươn lên cố gắng hiến dâng tất cả khả năng cho dân tộc và thực hiện toàn vẹn nhân cách của mình.

Chủ nghĩa nhân đạo của Hồ Chí Minh không chỉ là sống vì con người, suốt đời lo toan cho con người, càng không phải là làm ra và đem lại cho con người hưởng những điều con người mong muốn mà là khơi dậy trong con người lòng tự hào và niềm tin, ý chí và nhiệt tình cách mạng, để con người tự mình làm ra tất cả.

Toàn thể nhân dân và từng người Việt Nam cảm thấy Hồ Chí Minh là người thân trong gia đình. Dù ở rất xa, có khi cả đời không có dịp gặp Hồ Chí Minh, ai nấy đều cảm thấy Hồ Chí Minh luôn luôn ở gần bên, biết rõ việc làm và hiểu thấu tâm tư của mình. Tình yêu của nhân dân Việt Nam đối với Hồ Chí Minh ở ngang tầm tình yêu của Hồ Chí Minh đối với nhân dân Việt Nam, sâu xa và trong sáng.

Hồ Chí Minh gắn với dân tộc mình, đồng thời cũng dành những tình cảm thấm thiết với mọi dân tộc trên thế giới, luôn luôn ủng hộ mọi cuộc đấu tranh yêu nước và cách mạng bất cứ ở đâu, quan tâm chí tình mọi bạn bè quốc tế, sẵn sàng ân cần mọi số phận con người, bằng những việc làm cảm động và thiết thực. Hồ Chí Minh là hiện thân của tinh thần “Quan san muôn dặm một nhà, bốn phương vô sản đều là anh em” và của lý tưởng: “Người với người là bạn”. Cũng như dân tộc Việt Nam, cả loài người đã đền đáp tấm lòng của Hồ Chí Minh bằng tình yêu mến đặc biệt.

Hồ Chí Minh là hình ảnh sống về đạo đức cách mạng. Ở Hồ Chí Minh thể hiện toàn vẹn đức tính chí công vô tư, cần, kiệm, liêm, chính, nhân, nghĩa, trí, dũng, với nội dung mới, mà Người đã đề ra cho toàn Đảng, toàn dân. Nét đặc biệt của Hồ Chí Minh là khiêm tốn, giản dị, sự khiêm tốn, giản dị chân thành và hồn nhiên của con người bao giờ cũng



là chính mình và chỉ cần là chính mình. Địa vị càng cao, uy tín càng lớn, Hồ Chí Minh càng khiêm tốn và giản dị. Trước tất cả và hơn hết mọi người, trong mỗi ngày, mỗi việc, Hồ Chí Minh đã làm đúng điều Người nhắc nhở mọi cán bộ cách mạng, là trung thành và tận tụy làm người đầy tớ của nhân dân. Ở cương vị đứng đầu Đảng và Nhà nước, được tin nhiệm rất cao, Hồ Chí Minh vẫn sống như một người đảng viên và một người lao động bình thường, tôn trọng quần chúng và phục tùng tập thể, lắng nghe ý kiến của những người học trò và mọi người sống quanh mình, khi chuẩn bị một chủ trương quan trọng cũng như khi viết một bài báo.

Cuộc sống và việc làm hàng ngày của Bác thể hiện đẹp đẽ và sâu sắc ý thức tổ chức và ý thức tập thể, từ việc rất nhỏ đến việc rất lớn. Và trong mọi việc, Bác đòi hỏi phải có sự nhất trí sâu rộng của tập thể, từ đó mới có thể động viên được sức mạnh vô tận của khối đoàn kết toàn dân, và đây là nhân tố quyết định.

Một điều đáng tự hào của Đảng Cộng sản và của dân tộc Việt Nam là ở đất nước mà người lãnh tụ được cả dân tộc yêu mến và tin tưởng đến mức lạ lùng, lại không hề bao giờ nảy ra sùng bái cá nhân với những tệ nạn của nó. Đó là phẩm chất của Hồ Chí Minh và bản lĩnh của dân tộc Việt Nam. Con người Hồ Chí Minh trước sau như một, vượt qua thử thách của vinh quang, của quyền lực, của tuổi tác, của thời gian, làm sáng lên sự cao cả của con người.

Hồ Chí Minh là nhà chiến lược, nhà lãnh đạo, nhà tổ chức, đồng thời là nhà văn hóa, nhà báo, nhà thơ lớn. Người đã mở đầu và góp phần quan trọng hiện đại hóa ngôn ngữ và câu văn Việt Nam. Suốt đời, Hồ Chí Minh là người cầm bút, chiến đấu trên mặt trận văn hóa, báo chí, với một văn phong đa dạng nhiều sắc thái mà điểm nổi bật là tính quần chúng, cách suy nghĩ và diễn đạt dân gian, dễ hiểu, đi sâu vào lòng người, gợi mở những tư tưởng lớn lao, thúc đẩy những việc làm tốt đẹp bằng những lời lẽ bình dị giàu hình tượng, nói được điều lớn bằng chữ nhỏ.

Người ta đã viết nhiều về phong cách nói và viết của Hồ Chí Minh. Tôi không nhắc lại, nhưng phải nhấn mạnh rằng anh em đồng chí chúng ta vẫn chưa học được phong cách tuyệt vời của Bác. Trong một bài viết hoặc bài nói, Bác không chỉ chú ý từng câu từng chữ mà còn chú ý nói

cái gì trước, cái gì sau, bởi vì có khi đó chính là điều quan trọng bậc nhất. Ví dụ: có lúc có một đồng chí viết trong một văn kiện về cuộc kháng chiến chống Mỹ: “Địch nhất định thua, ta nhất định thắng”. Nghe câu này, Bác tức khắc phản ứng: “Phải nói ngược lại: Ta nhất định thắng, địch nhất định thua”. Và Bác giải thích thêm: “Ta phải thắng thì nó mới thua”. Điều này thể hiện cả một quan điểm, một ý chí sắt đá quyết chiến và quyết thắng không gì lay chuyển được.

Đúng như Hồ Chí Minh từng tâm sự, Người không ham làm thơ và cũng không dành được nhiều thời gian cho thơ, nhưng khi hoàn cảnh cho phép và làm nảy ra cảm hứng, Hồ Chí Minh đã viết những bài thơ đẹp và trong sáng. Tập thơ *Nhật ký trong tù* của Hồ Chí Minh là một kho tàng về biết bao khía cạnh của cuộc đời, con người và nghệ thuật mà sự phong phú còn chưa được tiếp tục nghiên cứu.

Nhà thơ Hồ Chí Minh không chỉ hiện lên qua các bài thơ. Một chất thơ thấm đượm tình người và cuộc sống của con người, có cốt cách Việt Nam và phương Đông, đặc biệt thanh cao và tao nhã, toả ra từ sự nghiệp và bình sinh của Hồ Chí Minh. Nhà lý luận, nhà hành động, con người ấy bao giờ cũng thơ, lúc chan chứa, lúc thâm trầm, luôn luôn dung dị, thơ sử thi, thơ anh hùng ca, thơ trữ tình, như chính cuộc đời này thơ vậy.

Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam và của loài người, với ý nghĩa đầy đủ nhất của danh hiệu Nhà văn hóa. Ở Hồ Chí Minh, nhà văn hóa lớn gắn liền với nhà nhân văn lớn, phát huy truyền thống của một dân tộc “văn hiến”. Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa lớn, vì cuộc đời và sự nghiệp của Người là tấm gương về nhân sinh quan và thế giới quan cao đẹp, làm sáng lên một chủ nghĩa nhân văn trùng với những ước mơ cổ truyền của dân tộc Việt Nam và các dân tộc, kết tinh những tư tưởng và tình cảm lớn của loài người.

Việc tổ chức UNESCO quyết định kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Hồ Chí Minh ở khắp các nước trên thế giới là sự đánh giá tốt đẹp về Hồ Chí Minh và về dân tộc Việt Nam, được nhân dân cả nước Việt Nam đón nhận như một niềm tự hào, một sự động viên trên con đường tiếp tục sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

Trên đây, tôi vừa nói về chất cách mạng, chất Việt Nam, chất cộng sản, chất nhân văn của Hồ Chí Minh. Bây giờ tôi nói về cuộc sống của Hồ Chí Minh.

Về khung cảnh sống, tôi nhớ có lúc Bác sống nhiều năm ở hang Pắc Bó. Và để diễn tả khung cảnh này, tôi nghĩ không có thể nói gì hơn là nhắc lại mấy câu thơ của Bác:

*“Sáng ra bờ suối, tối vào hang,  
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng,  
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,  
Cuộc đời cách mạng thật là sang”.*

Nhân nói đến cháo bẹ, tôi phải kể một câu chuyện ít ai biết. Trước khi trở về Cao Bằng, có một thời gian Bác và chúng tôi phải ở bên kia biên giới, giữa nhân dân các dân tộc vùng đó, nơi người ta chỉ sống bằng cháo bẹ. Bấy giờ Bác có nhiều tiền, hai xấp giấy bạc như hai cuốn từ điển, và Bác giao cho tôi giữ tiền. Tôi phải mặc một cái áo trong, với hai cái túi to, để giữ hai xấp bạc đó. Nghĩa là chúng tôi có nhiều tiền, nhưng bữa cơm hằng ngày là cháo bẹ, nói thật là không đủ no. Sau này, ở Hà Nội, nhất là vào những năm cuối đời, hằng ngày Bác ăn cơm với tôi, có khi Bác nói: “Lúc ăn được thì không có mà ăn. Lúc có ăn thì lại không ăn được”. Bởi lúc bấy giờ, Bác ăn không ngon, và phải nói rằng ăn rất ít.

Trở lại khung cảnh sống, hai người bạn đời luôn luôn cùng sống với Bác là con người và thiên nhiên. Để làm sáng tỏ khung cảnh sống đầy ý nghĩa và đẹp đẽ này, tôi phải nhắc đến cái nhà sàn của Bác mà từ nhiều năm nay, nhiều người ở nước ta và trên thế giới đã biết, và rất xúc động lúc viếng nhà sàn ấy. Ở đây cũng như lúc ở Pắc Bó, Hồ Chí Minh sống với con người và sống với thiên nhiên. Đây không chỉ là khung cảnh, mà còn là lối sống, đem lại những niềm vui quý báu đối với con người mà cái xã hội gọi là văn minh ngày nay hầu như muốn tước đoạt, với những thành phố khổng lồ, những nhà nhiều tầng đầy tiện nghi, trong đó có những thứ không cần thiết, môi trường sống bị ô nhiễm khủng khiếp, phá hoại thiên nhiên và nguy hại cho con người. Nhớ lại khung cảnh sống của Hồ Chí Minh, tôi muốn nhắc hai câu thơ của Nguyễn Công Trứ:

*Gió trăng chứa một thuyền đầy,  
Của kho vô tận biết ngày nào vơi.*

Hai câu thơ từ hàng trăm năm trước rất phù hợp với khung cảnh sống và lối sống của Hồ Chí Minh, thể hiện nguyện vọng và xu hướng của cuộc sống văn minh chân chính.

Về cuộc sống hàng ngày của Hồ Chí Minh, ở đây tôi không biết nói cái gì mới, bởi cuộc sống đó là công việc, là làm việc, là cách mạng, là đấu tranh, là con người. Tuy nhiên, tôi cũng cần nhắc lại một đôi điều mà không mấy người nói đến. Theo tôi biết, trong đời hoạt động của Hồ Chí Minh ở trong nước cũng như ở ngoài nước, thật sự không có ngày nghỉ, và ngày nào cũng như ngày nào, bao giờ cũng có chương trình làm việc với những giờ giấc nghiêm ngặt, mà Hồ Chí Minh là người gương mẫu trong việc tuân thủ kỷ luật sinh hoạt đó. Có lẽ lúc nghỉ ngơi là lúc Bác gặp các cháu thiếu niên và nhi đồng, nhất là gặp đồng bào và chiến sĩ miền Nam trong thời chống Mỹ, hoặc trong lúc xem phim vui tối thứ bảy ở Phủ Chủ tịch cùng với biết bao con cháu các đồng chí làm việc ở chỗ Bác, và ở một số cơ quan gần bên. Có khi, trong những buổi xem phim như vậy, Bác tiếp khách nước ngoài hoặc đại sứ các nước anh em.

Một câu chuyện tôi thiết tha muốn kể ở đây là bữa ăn của Bác. Một bữa ăn đạm bạc, rất khó tưởng tượng với nhiều người. Nhưng đó không phải là điều làm tôi xúc động. Điều làm tôi xúc động là trong bữa ăn, Bác lưu ý mọi người ăn món nào thì ăn cho hết, món nào không ăn để lại thì để cho tươm tất. Ở gần Bác trong nhiều năm, tôi kể lại câu chuyện này, để nói lên tấm lòng cao đẹp của Hồ Chí Minh, lòng kính trọng của Người đối với những người chế biến bữa ăn, và sâu xa hơn đối với những người sản xuất ra các thứ làm nên bữa ăn.

Về cuộc đời và con người Hồ Chí Minh, giờ đây tôi muốn dành phần cuối của chương để kể lại một đôi điều. Mấy tháng trước khi qua đời, lúc đó Bác đã mệt nhiều, tuy vậy Bác vẫn thiết tha bàn với chúng tôi điều mong muốn mãnh liệt của Bác là đi miền Nam. Lần này, chúng tôi trình bày với Bác sức khỏe của Bác không thể cho phép thực hiện điều ấy và chúng tôi nói thêm rằng cuộc chiến tranh đang diễn biến thuận lợi cho ta, không bao lâu nữa chúng ta sẽ giải phóng miền Nam, lúc đó Bác sẽ vào thăm đồng bào và chiến sĩ miền Nam. Nhưng ai có thể biết được Bác đã trả lời chúng tôi thế nào? Bác bảo: "Lúc đó đi miền Nam thì còn phải nói làm gì. Chính bây giờ, lúc đồng bào và chiến sĩ miền Nam đang chiến đấu, hy sinh, thì đi miền Nam mới có ý nghĩa".

Cũng trong thời gian ấy, Bác thường nhắc chúng tôi phải làm gì để đem lại cho đồng bào miền Bắc đời sống tốt hơn. Những lúc như vậy, chúng tôi thường nhấn mạnh lại những điều Bác căn dặn: Phải làm việc,

phải sản xuất nhằm đạt hiệu quả tốt từ đó mà cải thiện đời sống. Nhưng chúng tôi thấy rõ nói thế không đúng với điều Bác đòi hỏi. Bác đòi hỏi cái gì thiết thực, có ngay. Điều đó thì thật khó quá. Tất nhiên Bác cũng biết như vậy, nhưng lòng mong muốn này vẫn là điều day dứt Bác trong những ngày, tháng cuối cùng.

Hồ Chí Minh là người sống một cuộc đời trước sau như một, nhằm những mục tiêu cao cả được xác định từ lúc bắt đầu và từng bước đã thực hiện được. Hồ Chí Minh là con người của một lý tưởng và lý tưởng thể hiện trong một con người. Đây là con người lịch sử và con người làm ra lịch sử.

Ở gần Hồ Chí Minh, ôn lại cả cuộc đời, mọi việc làm lớn, nhỏ của Hồ Chí Minh, tôi thấy sáng tỏ: Hồ Chí Minh là một người cộng sản mẫu mực. Từ đó, một ý nghĩ thi vị đến với tôi: Người cộng sản đẹp làm chủ nghĩa cộng sản đẹp, và chủ nghĩa cộng sản đẹp làm người cộng sản đẹp.

Hồ Chí Minh là một con người như vậy.

## TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN, ĐẠO ĐỨC, VĂN HOÁ HỒ CHÍ MINH\*

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, từ xưa đến nay, đã có nhiều học thuyết, tư tưởng đề cập đến *số phận con người, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của con người muốn được giải toả khỏi những bế tắc trong cuộc sống, giải thoát khỏi những hạn chế ràng buộc của tự nhiên, xã hội và của bản thân con người. Đó chính là tư tưởng nhân văn, nhân đạo* được thể hiện ở những mức độ, trình độ khác nhau, tiếp cận từ những giác độ khác nhau.

Nhưng, tư tưởng nhân văn, nhân đạo ấy thường chỉ dừng lại ở ước mơ, ảo tưởng, chỉ là sự phản ánh những nguyện vọng của con người về một tương lai, về những mối quan hệ giữa người với người tốt đẹp hơn. Điều này có thể thấy trong khá nhiều học thuyết, kể cả các tôn giáo.

Tuy nhiên, chỉ có học thuyết nào mang tính cách mạng và khoa học mới có thể biến những nguyện vọng, ước mơ chân chính thành hiện thực.

Học thuyết Mác sđ dĩ là một học thuyết đầy sức sống, đã chinh phục trái tim, khối óc của hàng triệu, hàng triệu con người từ giữa thế kỷ XIX đến nay, *trước hết, vì chủ nghĩa Mác là lý tưởng mang tính nhân văn cao cả.* Nhưng quan trọng hơn là nó đã vạch ra con đường để đi đến xoá bỏ mọi áp bức, bóc lột, bất công trên trái đất, thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa bằng một chế độ xã hội tốt đẹp theo những quy luật phát triển khách quan của xã hội.

Lý tưởng đó của Mác đã kế thừa tư tưởng nhân văn, nhân đạo trong lịch sử; kế thừa lý tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng về xây dựng một xã hội công bằng, không còn áp bức, bóc lột, không còn nạn bần

---

\* Trích trong cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

cùng. *Trên cơ sở thế giới quan và phép biện chứng mác xít*, Mác, Ăngghen đã nâng chủ nghĩa xã hội không tưởng thành chủ nghĩa xã hội khoa học, nhằm giải phóng giai cấp vô sản, nhân dân lao động bị áp bức, giải phóng con người và loài người một cách triệt để. Chính vì vậy, Mác đã gọi học thuyết của mình là *“chủ nghĩa nhân đạo hiện thực”*.

Ngày nay, thế giới đã có nhiều biến đổi so với thời kỳ Mác-Ăngghen viết *“Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”*. Có những nguyên lý cụ thể về một số mặt, một số lĩnh vực của Mác cần được bổ sung, phát triển. Trong hiện thực xây dựng chủ nghĩa xã hội, một số người, một số tổ chức nhân danh Mác đã làm không đúng tư tưởng của học thuyết Mác, hoặc dập khuôn, giáo điều trong vận dụng, đã dẫn đến những tổn thất, những bước lùi lớn trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới.

Tuy nhiên, học thuyết Mác vẫn giữ *nguyên vẹn sức sống ở những nguyên lý cơ bản, ở tính nhân văn, nhân đạo và phép biện chứng khoa học, cách mạng, sáng tạo của nó*. Hội nghị về chủ nghĩa Mác gồm 500 nhà bác học, nhà nghiên cứu triết học, xã hội học của 22 nước khắp các châu lục đã họp Đại hội ở Pari để bàn về chủ nghĩa Mác. Tuyên bố kết thúc Đại hội đã nhấn mạnh: *“Tư tưởng của Mác vẫn giữ nguyên tầm quan trọng của nó trong thế giới hiện tại”*<sup>1</sup>.

Với cách tiếp cận như trên, chúng ta có thể khẳng định: Sở dĩ tư tưởng Hồ Chí Minh là *“linh hồn”, “ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam”, “lương tâm của thời đại”, có sức sống bền vững và có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của nhân dân Việt Nam và của nhân dân nhiều dân tộc trên thế giới, cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai, chính là vì tư tưởng của Người đã kế thừa những giá trị tư tưởng, văn hoá vĩnh cửu của nhân loại thấm đượm một chủ nghĩa nhân văn cao cả, đáp ứng những yêu cầu, nguyện vọng cháy bỏng và sâu xa của dân tộc và nhân loại. Và cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Người là một tấm gương, một biểu hiện tiêu biểu nhất cho chủ nghĩa nhân đạo cộng sản.*

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trước hết biểu hiện ở *tấm lòng thương yêu con người, thương yêu nhân dân hết sức bao la, sâu sắc*. Người đã từng khái quát về triết lý cuộc sống: *“Nghĩ cho cùng, mọi vấn*

---

1. Bùi Đình Thanh: *“Mác vẫn là biểu tượng của sự phê phán trật tự đang thống trị”*, Tạp chí *Xưa và nay*, Hội Sử học, số 11 (11-1995).

đề... là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức”<sup>1</sup>.

Trong lịch sử dân tộc và thế giới, đã từng xuất hiện biết bao tấm gương thương nước, thương dân, thương số phận đau khổ của con người... Tuy nhiên, ở Hồ Chí Minh, lòng thương nước, thương dân, thương nhân loại mang một nội dung mới, sâu sắc, toàn diện.

Trước hết, đó không phải là lòng thương hại của “bề trên” nhìn xuống, cũng không phải là sự động lòng trắc ẩn của người “đứng ngoài” trông vào, mà là sự đồng cảm của những người cùng cảnh ngộ. Là một người dân mất nước, Người đã nhận thức sâu sắc sự thống trị tàn bạo của đế quốc thực dân, khát vọng cháy bỏng được giải phóng của các dân tộc bị áp bức. Trong cuộc đời, Người đã từng trải qua và chứng kiến biết bao cảnh đau thương ngang trái, bất công...

Đó là nỗi khổ đau của Người khi phải bế em đi xin sữa, mẹ chết không được khóc, bố bị oan khuất và bị đẩy đi xa. Đó là cảnh nghèo đói của dân quê Nghệ - Tĩnh, cảnh khổ sở của những dân phu làm đường Cửa Rào, Trấn Ninh. Đó là cảnh những phu xe gầy ốm, những người bán hàng rong lam lũ bên cạnh cảnh sống phè phỡn, xa hoa của bọn thống trị thực dân và vua quan cai trị ở kinh thành Huế, cảnh đấu tranh và bị đàn áp của nông dân chống thuế mà Người trực tiếp chứng kiến và giúp đỡ... Rồi đến những cảnh dân các thuộc địa khác bị đàn áp tàn bạo. Hình ảnh người dân da đen ở Đa Ka bị đẩy xuống biển chết trong gió to sóng lớn; những phụ nữ bị hãm hiếp, trẻ em bị phơi đói ở Đahômây, và những người dân thuộc địa bị bắt lính đi chết thay cho “mẫu quốc”. Đó là cảnh phân biệt chủng tộc và đời sống khổ sở, bần cùng của người dân lao động ở các nước tư bản như đời sống của dân da màu ở Mỹ; đời sống lam lũ của “xóm thợ, xóm nghèo, xóm người cùng khổ” Êpinét ngay giữa thủ đô Pari mà Người đã tận mắt trông thấy. Những hình ảnh, những sự kiện đó đã tác động sâu sắc đến tình cảm, tư tưởng của Người.

Từ thực tiễn cuộc sống, chứng kiến những nỗi đau khổ của các dân tộc bị áp bức và nhân loại cần lao, Hồ Chí Minh đã thể hiện sự kết hợp lòng nhân ái vốn có trong truyền thống văn hoá Việt Nam với tư tưởng nhân nghĩa, nhân văn phương Đông; với tư tưởng “bác ái” giải phóng con

---

1. Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb Pháp lý, Hà Nội, 1990, tr.174.



người khời thân quyền và quân quyền của chủ nghĩa nhân văn phương Tây, đặc biệt là với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, để hình thành ở Người một *tư tưởng nhân văn cao cả, sâu sắc và hiện thực*.

Điểm nổi bật ở tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là lòng thương yêu những “Người cùng khổ”.

“Người cùng khổ” ở đây bao gồm những người dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa, bị mất nước, sống cuộc đời nô lệ, “không có tự do, công lý”, bị “áp bức, bóc lột”, bị “đầu độc” “đẩy vào vòng ngu dốt, tối tăm”, “bị bắt làm lao dịch khổ sai và đi làm lính đánh thuê cho mấu quốc”, “sống nghèo đói, cực khổ...”<sup>1</sup>. Đó là những người dân lao động ở các nước tư bản, những người trực tiếp sản xuất ra của cải nhưng sống đói nghèo, cùng khổ, thiếu thốn, “những người làm lụng, sản xuất và đổi meo”, “những người thợ, người nghèo...”<sup>2</sup>.

Lời ra mắt của báo *Người cùng khổ* (Le Paria) năm 1921 đã xác định rõ mục đích đấu tranh của “*Hội Liên hiệp thuộc địa*”, là “đi từ giải phóng những người nô lệ mất nước, những người lao động cùng khổ đến *giải phóng con người*”.

Con người ở đây bao hàm cả “*đồng bào*” trong nước và “*đồng bào*” trên thế giới theo nghĩa: “*Bốn bể là nhà, bốn phương vô sản đều là anh em*”.

Người viết, “*Chữ người*, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người”.

Người vạch rõ: “Trừ bọn Việt gian bán nước, trừ bọn phát xít thực dân, là những ác quỷ mà ta phải kiên quyết đánh đổ, đối với tất cả những người khác thì ta phải yêu quý, kính trọng, giúp đỡ... Phải thực hành chữ Bác - Ái”<sup>3</sup>.

Người khẳng định: “*Lòng thương yêu của tôi đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi*”. Tình cảm, tư tưởng đó thể hiện sâu sắc, phong phú trong suốt cuộc đời Hồ Chí Minh. Trước lúc vĩnh biệt đi xa, trong *Di chúc*, Người viết: “*Đầu tiên là vấn đề con người*”, và “*Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho*

---

1. Xem “*Bản án chế độ thực dân Pháp*”, - Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.21.

2. Xem “*Parí*”; “*Công lý*” - Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 1, tr. 67; 420.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.644.

toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế”.

Xưa nay, giai cấp thống trị thường coi khinh quần chúng lao động, cho họ là đám người ngu dốt, tiêu cực, thụ động. Trong lịch sử dân tộc, cũng có những nhà văn hoá - chính trị kiệt xuất đã thấy sức mạnh của dân: “Đẩy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân”, “Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc”, nhưng với ý thức hệ phong kiến, họ không nhận thức và khai thác được sức mạnh toàn diện, tiềm tàng của quần chúng lao động. Ngay trong giai cấp vô sản chính quốc, tuy cũng là những người lao động, bị áp bức bóc lột, có mối quan hệ với các dân tộc thuộc địa, nhưng đến đầu thế kỷ XX còn có người quan niệm rằng, “Người bản xứ là một hạng người thấp kém, không đáng kể, không có khả năng để hiểu biết được và lại càng không có khả năng hoạt động”<sup>1</sup>.

Hồ Chí Minh sống trong lòng quần chúng nhân dân, hiểu được tâm tư, nguyện vọng và sức mạnh của quần chúng nhân dân, nhất là sau khi được trang bị phương pháp luận Mác-Lênin. Người đã có những nhận định sâu sắc, đi vào bản chất, sức mạnh tiềm tàng của quần chúng. Do đó ở Người, lòng thương yêu dân gắn liền với *lòng tin mãnh liệt vào sức mạnh, tính chủ động sáng tạo của nhân dân và lòng tôn trọng, kính trọng nhân dân*. Người khái quát: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”<sup>2</sup>. Dân chúng biết nhiều cách giải quyết vấn đề một cách mau chóng đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra. Vì vậy, những người cách mạng không phải chỉ lãnh đạo mà còn phải học tập quần chúng nhân dân.

Một nội dung rất quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về con người là *phải chăm lo bồi dưỡng, sử dụng, phát động sức mạnh của con người, của nhân dân*.

Người nhận thức rõ vai trò quần chúng đối với sự nghiệp cách mạng: Công nông là gốc của cách mạng, “người là gốc của làng nước”<sup>3</sup>. Người quan tâm đến việc giáo dục, giác ngộ quần chúng, tổ chức quần chúng, đem sức mạnh của quần chúng mà chiến thắng sức mạnh vật

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.1, tr.64; t.8, tr.276; t.5, tr.99.

chất của giai cấp thống trị, của kẻ thù. Chính vì vậy, với 5.000 đảng viên, dựa vào lực lượng đông đảo quần chúng được tổ chức, giác ngộ và nắm đúng thời cơ, Đảng ta đã lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công.

Sau Cách mạng Tháng Tám, khi bàn đến những nhiệm vụ cấp bách của cả nước, Người đã nêu nhiệm vụ “chống giặc đói”, cùng với việc “chống giặc đói” và “giặc ngoại xâm”... Người chỉ rõ là dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp, 90% đồng bào ta mù chữ. Một dân tộc đói là một dân tộc yếu, nên cần phải phát động chiến dịch “chống giặc đói”, “xoá nạn mù chữ”.

Người nhấn mạnh: Chế độ thực dân đã đầu độc dân ta với rượu và thuốc phiện. Nó đã dùng mọi thủ đoạn để hủ hoá dân tộc chúng ta bằng những thói xấu lười biếng, gian xảo, tham ô, và những thói xấu khác. *Chúng ta phải làm sao cho dân tộc ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.*

Để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, Người chỉ rõ: phải đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân; phát động mạnh mẽ tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, hết sức coi trọng khoa học, kỹ thuật; coi trọng nhân tài, trọng dụng nhân tài, đào tạo nhân tài. Người yêu cầu: Công nông phải trí thức hoá và trí thức phải gắn bó với công nông, ra sức phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngoài sự quan tâm đến quyền lợi, nguyện vọng, đời sống của cả dân tộc, *Người còn quan tâm đến những nhu cầu, nguyện vọng riêng của mỗi giới, của mỗi con người.*

Trong *Di chúc* thiêng liêng, Người đã dành một phần quan trọng nói về những việc cần làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi. Trong đó, Người nhấn mạnh: Đầu tiên là công việc đối với con người và đề ra yêu cầu thái độ, chính sách đối với các lớp người như: “Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần tự lực cánh sinh”<sup>1</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.12, tr.503.

“Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

... phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất. Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo... Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v. thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện.

Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”<sup>1</sup>.

Đồng bào ít người, đồng bào miền núi rất tốt đối với cách mạng, hết lòng vì cách mạng, Đảng và Chính phủ phải có chính sách cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào, làm cho “miền núi tiến kịp miền xuôi”.

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.12, tr.503-504.

Như vậy, trong mọi hoàn cảnh, lúc đấu tranh cần sự hy sinh của con người, của nhân dân, cũng như khi đã giành thắng lợi, Người đều quan tâm đến con người, đến mọi tầng lớp nhân dân, thể hiện tư tưởng và tấm lòng rộng mở, chu đáo, bao dung.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh còn mang nội dung mới, chất lượng mới ở chỗ lòng thương yêu nhân dân, nhân loại, người cùng khổ của Người không chỉ dừng ở “tình thương trừu tượng”, ở sự thông cảm, ở lòng tin, mà trên cơ sở nắm vững lý luận, phương pháp luận khoa học, cách mạng, Người đã đi sâu tìm hiểu, *vạch rõ nguồn gốc của mọi nghèo khổ, mọi áp bức, bóc lột, mọi bất công trên đời*. Từ đó, gắn lòng thương yêu nhân dân, nhân loại, người cùng khổ với lòng căm ghét, lên án mọi chế độ bất công, lên án chủ nghĩa đế quốc thực dân, lên án chủ nghĩa tư bản bóc lột, tìm ra con đường đúng đắn, khoa học để xoá bỏ chế độ áp bức bóc lột, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Người cũng hết sức căm ghét, lên án những kẻ sâu mọt trong cán bộ, đảng viên, trong nội bộ nhân dân xâm phạm quyền lợi nhân dân, tham ô, lãng phí, ức hiếp nhân dân... Với bọn này, Người đã chỉ rõ là, nếu giáo dục, làm gương không xong, thì sẽ dùng pháp luật mà trị - “đã trị, đương trị và sẽ trị cho kỳ hết”.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn khoa học, hiện thực, cách mạng. Người ta thường cho rằng Hồ Chí Minh là một nhà triết học hành động, thì cũng có thể nói nhà nhân văn Hồ Chí Minh là *một nhà nhân văn hành động, hành động nhằm giải phóng con người*.

Mục đích của sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp giải phóng là xây dựng một xã hội mới không còn áp bức, bóc lột, bất công; một xã hội giàu mạnh, công bằng, văn minh; với những con người mới có phẩm chất cao đẹp, có trình độ phát triển toàn diện. Những con người được đào tạo, giác ngộ ấy chính là động lực của sự phát triển: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*”<sup>1</sup>. Con người xã hội chủ nghĩa là con người phát triển toàn diện, hoàn toàn đi đến không có chủ nghĩa cá nhân.

Do đó, tư tưởng *xây dựng con người, giải phóng con người về mặt phẩm chất, nhân cách cũng như về tài năng trí tuệ* là một bộ phận quan

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.10, tr.310.

trọng của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Người vạch rõ: “Người ta ai cũng có tính tốt và tính xấu. Mỗi con người đều có thiện và ác trong lòng”. Tuy nhiên, “thiện” và “ác” không phải tự nhiên mà có, mà “phần lớn do “giáo dục mà ra”. Vì vậy, thái độ của người cách mạng là “phải biết làm cho phần tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi”.

Trong giải phóng con người, Hồ Chí Minh *chú ý kết hợp hài hoà giữa cá nhân và tập thể, cộng đồng*. Trong bài “Đời sống mới”, Người nêu: “Nói chung, thì đời sống mới có thể chia làm hai thứ. Một là đời sống mới riêng, từng người. Hai là đời sống mới chung, từng nhóm người, như các bộ đội, các nhà máy, các trường học, các công sở, v.v..”<sup>1</sup>. Đồng thời, Người chỉ ra sự tác động giữa riêng và chung, cá nhân và nhóm người: “Do nhiều người nhóm lại mà thành làng. Do nhiều làng nhóm lại mà thành nước. Nếu người này cũng xấu, người kia cũng xấu, thì thành làng xấu, nước hèn. Nếu mỗi người đều tốt, thì thành làng tốt, nước mạnh. Người là gốc của làng nước. Nếu mỗi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường”<sup>2</sup>.

Người đặc biệt quan tâm và tôn trọng “tính cách riêng”, “sở trường riêng”, “đời sống riêng”, quyền lợi riêng của mỗi người, nhằm phát huy đến mức cao nhất vai trò, khả năng của từng người, vì lợi ích riêng chính đáng của mỗi người và lợi ích của cả cộng đồng. Đối với những người lầm đường lạc lối hay có sai lầm, và ngay cả với những binh sĩ địch, lòng thương yêu của Người mở rộng thành lòng khoan dung. “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều đồng đội của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ”<sup>3</sup>.

Như vậy, tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh thấm đượm chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái, truyền thống văn hoá Việt Nam; kế thừa tư tưởng nhân văn, nhân đạo trong văn hoá phương Đông, phương Tây; phát triển chủ nghĩa nhân đạo hiện thực của chủ nghĩa Mác. Đó là *chủ nghĩa nhân văn chân chính, chủ nghĩa nhân văn hiện thực của con người Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*. Trong đó, lòng thương yêu

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.96-97-98-99; t.4, tr.246.

nhân dân, thương yêu người cùng khổ gắn với lòng thương yêu nhân loại. Lòng thương yêu thống nhất với lòng tin, sự tôn trọng và ý chí cùng hành động triệt để giải phóng nhân dân, nhân loại. *Bản thân Hồ Chí Minh là hình mẫu của con người nhân văn của thời đại mới*, thời đại kết hợp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội với giải phóng loài người; độc lập dân tộc gắn với tự do, hạnh phúc, với chủ nghĩa xã hội.

\*

\* \*

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một nội dung cơ bản của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, nó hình thành từ yêu cầu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Do đó, muốn có nhận thức sâu sắc về tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, cần phải nghiên cứu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Có thể nói, *Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, những lãnh tụ cách mạng quan tâm nhiều đến vấn đề đạo đức và có nhiều công hiến về tư tưởng đạo đức cách mạng. Không những thế, bản thân Người là một tấm gương mẫu mực về đạo đức cách mạng.*

+ *Trước hết, Người xem đạo đức cách mạng là cái gốc, là nền tảng của người cách mạng:*

Người nhấn mạnh: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”<sup>1</sup>. Và “làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ vẻ vang”<sup>2</sup>.

Người ca ngợi Lênin, không chỉ về mặt lý luận, về “sự thông thái”, “thiên tài” mà đặc biệt là về *đạo đức cao đẹp, vĩ đại của Lênin*. Người

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.252-253; t.9, tr.283.

viết: “Nếu giai cấp vô sản phương Tây coi Lênin là một thủ lĩnh, một lãnh tụ, một người thầy thì các dân tộc phương Đông lại coi Lênin là một người còn vĩ đại hơn nữa, cao quý hơn nữa, nếu tôi có thể nói như vậy. Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi”<sup>1</sup>.

Nhấn mạnh đạo đức là gốc, Hồ Chí Minh không coi nhẹ tài năng vì phải có tài năng, có tri thức mới hoàn thành tốt đẹp mọi nhiệm vụ. Năm 1959, Người nói với các giáo viên đang học lớp chính trị: “Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà chỉ i tờ thì dạy thế nào?”<sup>2</sup>.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, năm 1927, Người viết “Tu cách người cách mệnh” ngay ở trang đầu tiên. Trong cuốn *Con đường giải phóng* do Người soạn thảo năm 1940 để huấn luyện cán bộ, có sáu bài thì bài thứ sáu là “Tu cách người cán bộ cách mạng”. Năm 1946, trong điều kiện vô cùng bận rộn, Người đã viết nhiều thư gửi các đồng chí Nghệ - Tĩnh, các đồng chí Bắc Kỳ, Trung Kỳ nhắc nhở phải giữ vững tư cách, đạo đức người cán bộ cách mạng, ngăn ngừa và kiên quyết khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong tư cách người lãnh đạo, người nắm chính quyền. Năm 1947, Người viết cuốn *Sửa đổi lối làm việc*, trong đó Người căn dặn phải rèn luyện đạo đức cách mạng, ra sức chống những thói hư, tật xấu như quan cách mạng, hẹp hòi, hủ hoá, tư túi... Tiếp đến những năm sau, Người viết các bài “Đạo đức cách mạng”, “Cần kiệm liêm chính”. Cho đến năm 1969, trước lúc đi xa, Người viết bài “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: Việc cần làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng. Với thanh niên, Bác viết: “phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”<sup>3</sup>.

Người đã vạch rõ đạo đức chúng ta xây dựng là *đạo đức mới, đạo đức cách mạng*, nó tiếp thu, kế thừa truyền thống đạo đức cổ truyền như “lòng thương nước, thương dân”, “tinh thần tương thân, tương ái”, v.v.,

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Sổ*, t.1, tr.295; t.9, tr.492; t.12, tr.510.



*nhưng nó khác về bản chất đạo đức cũ, đạo đức phong kiến, tư sản.* Người thường nói: “Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất đầu ngừng lên trời”<sup>1</sup>. Đạo đức mới là đạo đức cách mạng, *đạo đức cộng sản chủ nghĩa*, trong đó có sự kết hợp giữa đạo đức của giai cấp công nhân với truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa đạo đức nhân loại.

Trong khi đề cập đến những nội dung, những chuẩn mực cơ bản của đạo đức mới, tuy Người có sử dụng một số mệnh đề của đạo đức Nho giáo, một số thành ngữ dân gian, nhưng với tinh thần phủ định biện chứng, với nội dung mới, yêu cầu mới của đạo đức cách mạng. Như “Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”; “Trung hiếu”; “Giàu sang không quyến rũ, nghèo khó không chuyển lay, uy vũ không khuất phục...” đều là mệnh đề cũ, nhưng Người đã cải biến nội dung, đưa yêu cầu, nội dung mới vào.

+ Vấn đề rất quan trọng phân biệt các đạo đức khác nhau, có tác dụng điều chỉnh ý thức và hành vi đạo đức của mỗi người và của cộng đồng là những chuẩn mực đạo đức. Những chuẩn mực này phải phản ánh đúng cơ sở kinh tế mới, chế độ mới, những yêu cầu, nhiệm vụ, tính chất của đạo đức mới.

Trong *những chuẩn mực đạo đức*, trước hết, Người nêu *những chuẩn mực chung, có ý nghĩa cơ bản và có tính phổ cập đối với mọi người, mọi tầng lớp* như: “Trung với Đảng”; “Trung với nước, hiếu với dân”; “Cần kiệm liêm chính”; “Biết chiến thắng chủ nghĩa cá nhân ích kỷ”; “Biết đặt lợi ích dân tộc, tập thể lên trên lợi ích cá nhân”; “Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm”; “Đoàn kết, nhân ái”, v.v..

Người còn đề ra những chuẩn mực cụ thể đối với từng lớp người phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, trách nhiệm của lớp người đó:

*Đối với công dân*, Người dạy: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ. Nhân dân có *quyền lợi làm chủ*, thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bổn phận công dân, giữ *đúng đạo đức công dân*, tức là:

- Tuân theo pháp luật Nhà nước.
- Tuân theo kỷ luật lao động.
- Giữ gìn trật tự chung.
- Đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.6, tr.320-321.

- Hăng hái tham gia công việc chung.
- Bảo vệ tài sản công cộng.
- Bảo vệ Tổ quốc”<sup>1</sup>.

*Đối với đảng viên:* Tùy theo đối tượng, hoàn cảnh, có lúc Người nhấn chuẩn mực này, có lúc chuẩn mực khác. Nhưng tóm lại, Người viết: “Đạo đức cách mạng là: Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng.

Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

Ra sức học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác”<sup>2</sup>.

*Đối với lực lượng vũ trang,* Người viết: “Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”<sup>3</sup>.

*Đối với lực lượng an ninh,* Người nêu tư cách người an ninh cách mạng là:

- “Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.
- Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.
- Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.
- Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.
- Đối với công việc, phải tận tụy.
- Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo”<sup>4</sup>.

*Đối với cán bộ, chiến sĩ làm chức trách, nhiệm vụ khác nhau,* Người lại có những lời răn dạy, nêu những yêu cầu phấn đấu cụ thể: Đối với chiến sĩ lái xe thì “yêu xe như con, quý xăng như máu”. Với chiến sĩ nuôi quân thì “cơm dẻo, canh ngọt”. Với quân y: “Lương y như từ mẫu”. Với cán bộ chỉ huy: “Trí, dũng, nhân, liêm, trung”, v.v..

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.7, tr.452.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.285.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.11, tr.350.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.406-407.

Với các cháu thiếu nhi, trong thư gửi các học sinh (9-1945), Người viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”<sup>1</sup> và *Thư gửi các cháu thiếu nhi*, năm 1946, Người khuyên các cháu:

- “1. Phải siêng học,
2. Phải giữ sạch sẽ,
3. Phải giữ kỷ luật,
4. Phải theo đời sống mới,
5. Phải thương yêu, giúp đỡ cha mẹ, anh em”<sup>2</sup>.

Trong *Thư gửi thiếu niên, nhi đồng toàn quốc* nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Đội Thiếu niên Tiên phong, Người lại dạy:

- “- Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.
- Học tập tốt, lao động tốt.
- Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt.
- Giữ gìn vệ sinh.
- Thật thà, dũng cảm”<sup>3</sup>.

Với thanh niên, Người nêu: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh, một phần lớn là do các thanh niên, mỗi thanh niên, nhất là mỗi cán bộ phải kiên quyết làm bằng được những điều sau này:

a) Các sự hy sinh khó nhọc thì mình làm trước người ta, còn sự sung sướng thanh nhàn thì mình nhường người ta hưởng trước (tiên thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc).

b) Các việc đáng làm, thì có khó mấy cũng cố chịu quyết làm cho kỳ được.

c) Ham làm những việc ích quốc lợi dân. Không ham địa vị và công danh phú quý.

d) Dem lòng chí công vô tư mà đối với người, đối với việc.

e) Quyết tâm làm gương về mọi mặt: siêng năng, tiết kiệm, trong sạch.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.4, tr.33.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.4, tr.421.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.10, tr.356-357.

f) Chớ kiêu ngạo, tự mãn, tự túc. Nói ít làm nhiều, thân ái đoàn kết...”<sup>1</sup>.

Và Người khuyên thanh niên:

“Không có việc gì khó,  
Chỉ sợ lòng không bền.  
Đào núi và lấp biển,  
Quyết chí ắt làm nên”<sup>2</sup>.

*Đối với phụ nữ*, Người chỉ rõ: “Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”<sup>3</sup>.

Người yêu cầu phụ nữ: “Chị em phụ nữ cố gắng thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm... Phụ nữ công nhân cần tích cực tham gia quản lý thật tốt nhà máy, công trường. Phụ nữ nông dân cần hăng hái tham gia phong trào đổi công, hợp tác, gặt tốt vụ mùa, chuẩn bị tốt vụ chiêm năm tới. Các tầng lớp phụ nữ ở thành phố cần chấp hành tốt các chính sách của Đảng và Chính phủ. Chị em làm nghề buôn bán cần giữ đức tính thật thà, đúng đắn, bài trừ tệ “mua rẻ, bán đắt”, tệ “mặc cả, nói thách”. Chị em phụ nữ phải hết sức chăm lo bảo vệ sức khỏe của con cái, vì thiếu nhi là tương lai của dân tộc”<sup>4</sup>.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh còn *rất chú ý đến con đường, phương pháp xây dựng đạo đức cách mạng*. Đây cũng là một nội dung quan trọng của tư tưởng đạo đức, của đạo đức học.

Nắm vững đặc điểm và quy luật của sự hình thành đạo đức, Người nêu quan điểm: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”<sup>5</sup>. “Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người”<sup>6</sup>. Khác với sự hình thành và tác dụng điều chỉnh hành vi của

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.185-186.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.6, tr.95.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.523.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.238.

5. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.293.

6. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.293.

pháp luật là bắt buộc, cưỡng bức, đạo đức chỉ có thể hình thành và phát triển trên tinh thần tự giác, tự nguyện, dựa vào lương tâm của mỗi người và dư luận của quần chúng. Tác dụng nêu gương giữ một vai trò rất quan trọng hình thành đạo đức xã hội. Đặc biệt đối với phương Đông, Người nói: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ, một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”<sup>1</sup>. Do đó, theo Người, để xây dựng đạo đức cách mạng cần phải:

- Thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình. Phải gắn việc rèn luyện đạo đức với công tác thực tế. Người vạch rõ: “Tư tưởng cộng sản với tư tưởng cá nhân ví như lúa với cỏ dại. Lúa phải chăm bón rất khó nhọc thì mới tốt được. Còn cỏ dại không cần chăm sóc cũng mọc lu bù. Tư tưởng cộng sản phải rèn luyện gian khổ mới có được. Còn tư tưởng cá nhân thì cũng như cỏ dại, sinh sôi, nảy nở rất dễ”<sup>2</sup>.

- Gắn xây và chống, lấy xây làm chính, phải “nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”. Kiên quyết đấu tranh khắc phục chủ nghĩa cá nhân vì: “Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng, một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng”<sup>3</sup>. Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra hàng trăm thứ tính xấu như siêng ăn, biếng làm, kèn cựa, nghĩ đến mình, không nghĩ đến đồng bào, tham danh lợi, địa vị, v.v.. “Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế mà càng nguy hiểm”<sup>4</sup>. Do đó, muốn có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, muốn có đạo đức cách mạng, phải gột rửa chủ nghĩa cá nhân. Phải xây dựng “đời sống mới”, phải nêu gương “người tốt việc tốt”. Theo Người thì mỗi con người đều có thiện và ác trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở và phần xấu mất đi. *Lấy gương người tốt việc tốt để hàng*

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.1, tr.263.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.448.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.283.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.9, tr.284.

*ngày giáo dục lẫn nhau là cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới.*

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Người, năm 1969, các nhà xuất bản đã phát hiện 6.000 gương người tốt, việc tốt. In thành sáu tập sách:

- *Vì nước vì dân;*
- *Dũng cảm, đảm đang;*
- *Hậu phương thi đua với tiền phương;*
- *Thế hệ anh hùng;*
- *Việc nhỏ nghĩa lớn;*
- *Dân tộc anh hùng, giai cấp tiên phong.*

Nhận thức một cách sâu sắc vai trò gương mẫu của đảng viên, cán bộ, của cấp trên đối với cấp dưới trong giáo dục, rèn luyện đạo đức, theo tinh thần “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”, Người luôn yêu cầu: Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong mọi công việc; đảng viên đi trước làng nước theo sau; mỗi đảng viên phải nhận rõ nhiệm vụ của mình là phải tiến bộ trong công tác, tiến bộ về tư tưởng, làm gương mẫu trong mọi công việc, đồng thời lấy tinh thần của người đảng viên cộng sản giúp đỡ anh em ngoài Đảng cùng tiến bộ.

*Bản thân Người là tấm gương sáng, là hiện thân của nền đạo đức cách mạng Việt Nam, mãi mãi là ngọn đèn pha chiếu rọi con đường rèn luyện, phấn đấu để trở nên “tốt” hơn, đạt đến “chân thiện mỹ” của con người Việt Nam ngày nay và mai sau.*

Ngày nay, tình hình mọi mặt so với thời Người còn sống đã có nhiều đổi thay. Tuy nhiên, những tư tưởng và tấm gương của Người về đạo đức cách mạng vẫn sống mãi. Trong điều kiện mới, cùng với những mặt tích cực của cơ chế thị trường, của mở cửa, những tác động tiêu cực đang xói mòn đạo đức, đời sống văn hoá của nhân dân ta, ngay cả trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải kịp thời ngăn chặn, lấy ánh sáng cao đẹp của đạo đức cách mạng, đạo đức Hồ Chí Minh xua tan bóng tối của đạo đức tư sản, của lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, chạy theo tiện nghi, bất chấp lương tâm, trách nhiệm, nghĩa vụ, tình nghĩa.

\*

\* \*

Văn hoá là sự kết tinh những giá trị cao quý nhất, đẹp đẽ nhất của con người, của đời sống một dân tộc, một xã hội. Có thể nói, văn hoá nói chung là trình độ “Người”, trình độ “ Người” của những quan hệ xã hội, bao gồm tất cả những gì liên quan đến sáng tạo của con người, được hun đúc qua các thế hệ, biến thành truyền thống bền vững, thành bản sắc của dân tộc, của xã hội, thành động lực phát triển của con người, của dân tộc và của xã hội loài người.

Tư tưởng nhân văn, tư tưởng đạo đức là những nhân tố quan trọng, là nền tảng tinh thần của nền văn hoá mà Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn xây dựng. Vì vậy, nghiên cứu tư tưởng nhân văn, tư tưởng đạo đức của danh nhân văn hoá kiệt xuất Hồ Chí Minh cần phải gắn với nghiên cứu tư tưởng văn hoá của Người.

Từ năm 1923, nhà văn, nhà thơ Ôxíp Mandenxtam, sau khi tiếp xúc với người thanh niên Nguyễn Ái Quốc khi Người mới 33 tuổi đã có nhận xét: *“Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai”*<sup>1</sup>. Lý giải cho nhận xét đó, ông viết: *“Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới”*<sup>2</sup>.

Năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người, Tổ chức Văn hoá và Giáo dục thế giới (UNESCO) đã tôn vinh Người là “Vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là nhà văn hoá kiệt xuất”, với nội dung:

*“Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”*.

*“Sự đóng góp về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là*

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.1, tr.487.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.1, tr.479.

*hiện thân của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”<sup>1</sup>.*

Như vậy là suốt gần hai phần ba thế kỷ đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh - con người chính trị, người cộng sản vĩ đại, cũng là nhà nhân văn chân chính và là nhà văn hoá kiệt xuất. Sự nghiệp cách mạng, kháng chiến, xây dựng xã hội mới, về bản chất, cũng là sự nghiệp nhân văn, văn hoá, vì nó nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, nhằm bảo vệ những gì là tốt đẹp của văn hoá dân tộc và tiến bộ xã hội. Ngược lại sự nghiệp nhân văn, văn hoá, bảo tồn và phát triển những di sản văn hoá tốt đẹp của dân tộc, phát triển đạo đức, cái thiện, cái tốt trong mỗi con người là một mục tiêu, là nguồn sức mạnh và cũng là một động lực của sự nghiệp cách mạng, kháng chiến, xây dựng xã hội mới. Trên cả hai mặt đó, Hồ Chí Minh và toàn dân tộc Việt Nam đã “để lại dấu ấn” và “góp phần thúc đẩy quá trình phát triển của nhân loại”<sup>2</sup>.

Đảng ta đã từng tổng kết là chúng ta chiến thắng chủ nghĩa đế quốc Pháp rồi chủ nghĩa đế quốc Mỹ, những tên đế quốc mạnh hơn ta gấp bội về lực lượng, về tiềm lực kinh tế, quân sự. Một nguyên nhân là Đảng ta, nhân dân ta đã đánh giặc và thắng giặc với sức mạnh của cả dân tộc - sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần - văn hoá; sức mạnh truyền thống và sức mạnh hiện đại. Mác Namara, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, tác giả của phòng tuyến điện tử trong chiến tranh Việt Nam, cũng đã thú nhận một nguyên nhân thất bại của đế quốc Mỹ trong chiến tranh Việt Nam là do không hiểu con người Việt Nam và nền văn hoá Việt Nam.

Trong sự nghiệp cách mạng, cả trong kháng chiến và trong xây dựng xã hội mới, *Hồ Chí Minh đã có những quan điểm tư tưởng về văn hoá hết sức sâu sắc*, đến nay vẫn mang đầy đủ ý nghĩa chỉ đạo trong xây dựng nền văn hoá mới và trong phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Từ những năm đầu cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã có ý thức rõ ràng về bản sắc và giá trị của văn hoá dân tộc. Trong bài “Nước An Nam dưới con mắt người Pháp”, Nguyễn Ái Quốc đã thông qua

---

1, 2. Nghị quyết của UNESCO về kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.



những nhận xét, đánh giá của những kẻ thống trị và những nhà nghiên cứu người Pháp lúc bấy giờ để nói về truyền thống văn hoá Việt Nam.

Người trích dẫn lời tuyên bố của ông Bô lúc đó là Toàn quyền Đông Dương. Mặc dầu là tên đầu sỏ thực dân Pháp, ông Bô đã phải công nhận và không giấu nổi lòng khâm phục đối với truyền thống văn hoá Việt Nam: “sự cần cù không mệt mỏi” của nhân dân; “cơ sở tổ chức đáng khen” ở khắp nông thôn và chốn kinh kỳ; nếp sống “trên kính dưới nhường, thờ phụng tổ tiên” của các gia đình Việt Nam; và “những câu châm ngôn làm vẻ vang cho nhân loại” ở khắp các đền chùa...<sup>1</sup>.

Người cũng dẫn lời ông Đờ Puvuốcvin, một nhà nghiên cứu người Pháp, ca ngợi nền văn minh lâu đời, những nét văn hoá và thuần phong mỹ tục của dân Việt Nam: “Chúng ta thấy ở đây cả một nền văn minh, mọi thứ đều xây dựng từ lâu. Nghệ thuật, khoa học, kể cả khoa học quản lý nhà nước đều đã phát triển mạnh mẽ. Luật pháp, cổ phong, tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn chỉnh và hoà hợp với nhau, trải qua bao nhiêu thế kỷ, đã được điều hoà và ngày càng hoàn hảo thêm. Những vết tích man rợ đã mất đi từ lâu, dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thực có tổ chức trong khi những người phương Tây còn ở tình trạng bán khai”<sup>2</sup>. Về những đức tính lưu lại trong cổ phong và ghi thành luật pháp, đồng thời cũng là những đặc điểm về bản tính của người An Nam, hình thành từ bao thế hệ..., Đờ Puvuốcvin viết: đó là: “Yêu mến quê hương, quyền luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham thích khoa học, coi trọng lời nói thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn kính lễ phải; ghét xa hoa, không hám tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, hy sinh”<sup>3</sup>. Đờ Puvuốcvin cũng thừa nhận tính chất dã man, vô hiệu của lối cai trị thực dân: “Xã hội cũ An Nam tổ chức tốt như thế đã bị chúng ta phá huỷ. Chúng ta tìm cách thay thế nó bằng những tổ chức thô sơ theo kiểu Pháp, nhưng vô hiệu. Khắp nơi, người ta vi phạm luật lệ của người An Nam, coi thường phong tục, cướp bóc tài sản... đến cái vẻ công lý cũng không còn...”<sup>4</sup>.

Suốt cả cuộc đời, nhất là thời kỳ Người trực tiếp vận động quần chúng tham gia sự nghiệp cứu nước, cứu nhà, Người hết sức quan tâm

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.1, tr.425.  
2. Xem Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.1, tr.425-426.  
3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.1, tr.426.  
4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.1, tr.426.

đến lịch sử dân tộc, tự hào với truyền thống văn hoá của dân tộc, của nền văn hiến Việt Nam và xem việc giáo dục lịch sử, kêu gọi truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc là một nội dung cơ bản để giác ngộ cách mạng. Người đã viết bài “Nên học sử ta” đăng trên báo *Độc lập* (2-1942), và cho xuất bản cuốn “*Lịch sử nước ta*” bằng văn vần dài trên 200 câu để giáo dục lòng yêu nước, kêu gọi đoàn kết cứu nước. Bài sử được mở đầu bằng bốn câu:

*“Dân ta phải biết sử ta  
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.  
Kể năm hơn bốn ngàn năm,  
Tổ tiên rực rỡ, anh em thuận hoà...”*<sup>1</sup>.

Người chỉ rõ: Dân tộc ta là con Rồng, cháu Tiên, nhiều người tài giỏi đánh Nam dẹp Bắc, yên dân, trị nước, để tiếng muôn đời... Và đời nào cũng có người anh hùng, mưu cao võ giỏi đứng ra đoàn kết nhân dân đui giặc cứu nước.

Người quan niệm: “Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”<sup>2</sup>. Văn hoá là linh hồn, bản sắc cốt tuỷ của dân tộc, là mục tiêu, động lực của cách mạng, là một mặt cơ bản của xã hội.

Về truyền thống văn hoá Việt Nam, Người thường nêu cao: *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam*, xem chủ nghĩa yêu nước là nguồn động lực chủ yếu, là sức mạnh tinh thần vô địch của dân tộc, là triết lý, đạo lý sống của mỗi con dân Việt Nam. Người cũng thường nhấn mạnh *truyền thống nhân ái, cố kết của cộng đồng dân tộc* trên tình cảm và trách nhiệm gia tộc, trên tình làng nghĩa xóm và tình nghĩa “đồng bào”. Người cũng thường biểu dương *tinh thần cần cù lao động và trí thông minh sáng tạo* của con người Việt Nam, trong lao động xây dựng đất nước, chinh phục tự nhiên và tinh thần anh hùng bất khuất, mưu trí, sáng tạo trong đánh giặc giải phóng đất nước và bảo vệ đất nước. Tất cả những truyền thống tốt đẹp đó được thể hiện ở những thành tựu, những di sản văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần, trở thành những nét đặc trưng của bản sắc văn hoá Việt Nam.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.3, tr.221.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.3, tr.431.

Từ khẳng định nền văn hoá truyền thống của Việt Nam và ảnh hưởng độc hại của văn hoá thực dân, sau Cách mạng Tháng Tám, Người nêu nhiệm vụ: *“Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hoá đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hoá tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hoá Việt Nam có tính chất dân tộc khoa học và đại chúng”*<sup>1</sup>, làm cho dân tộc ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.

Nắm vững quy luật hình thành và phát triển của nền văn hoá dân tộc, Người vạch rõ, là văn hoá thì phải giao lưu, phải thâm hoá văn minh của các dân tộc khác. Trong Hội nghị Văn hoá toàn quốc, tháng 11-1946, có người cho rằng văn hoá Việt Nam là sự ảnh hưởng văn hoá phương Đông và phương Tây chung đúc lại. Vậy ta nên theo văn hoá nào? Người trả lời: *“Ta phải “giữ cốt cách dân tộc”, còn phương Đông hay phương Tây có cái gì hay, cái gì tốt là phải học lấy để tạo ra nền văn hoá Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hoá xưa và văn hoá nay, trau dồi cho văn hoá Việt Nam thật có tinh thần thuần tuý Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ”*<sup>2</sup>.

Trong cách mạng cũng như trong xây dựng chế độ mới, Hồ Chí Minh xác định *văn hoá là một mặt cơ bản của xã hội*: *“Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần phải chú ý đến, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá”*. Văn hoá là một trong những *mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng xã hội mới*: *“Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hoá”, và “phát triển kinh tế, văn hoá để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần (văn hoá) của nhân dân ta”*.

Người chỉ rõ: *“Văn hoá có liên lạc với chính trị rất mật thiết. Cần làm thế nào cho văn hoá vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hoá phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Tâm lý của ta lấy tự do, độc lập làm gốc, văn hoá phải làm sao cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do”*. Và *“Văn hoá phải góp phần nâng cao đời*

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.6, tr.173.

2. Hồ Chí Minh: *Bài nói tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc*, tháng 11-1946.

sống tươi vui lành mạnh của quần chúng”. “Đối với xã hội, văn hoá phải làm thế nào cho mỗi người Việt Nam ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mà mình nên hưởng”.

Người coi *văn hoá là một mặt trận*. Trong kháng chiến, Người nêu khẩu hiệu: “*Kháng chiến hoá văn hoá và văn hoá hoá kháng chiến*”. Đây là một quan niệm rất độc đáo, sâu sắc với ý nghĩa: Văn hoá phải gắn với kháng chiến, phục vụ kháng chiến, phục vụ nhiệm vụ chính trị. Và mặt khác, kháng chiến giành độc lập, tự do cho Tổ quốc cũng là một sự nghiệp nhân văn, văn hoá - văn hoá chính trị, văn hoá kháng chiến, và phải thật sự biến thành sự nghiệp nhân văn, văn hoá với mục đích chân chính, đó là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Xây dựng nền văn hoá mới phải *kết hợp hài hoà, đúng đắn giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế*. Người chủ trương xây dựng nền văn hoá mới với “*nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc*”. Trong hội nhập với nền văn hoá thế giới, Người chỉ rõ: “*Phải chú ý nghiên cứu toàn diện văn hoá của dân tộc khác để có thể tiếp thu nhiều hơn cho văn hoá của mình. Mặt khác, giữ vững và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc chính là góp phần làm phong phú thêm nền văn hoá thế giới*”. Cũng như vậy, trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, Người nhấn mạnh phải tôn trọng tiếng nói, phong tục tập quán (văn hoá của các dân tộc thiểu số) và tăng cường sự giao lưu, bồi bổ lẫn nhau giữa các dân tộc để làm cho nền văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam phong phú, đa dạng, “*làm cho vườn hoa văn hoá dân tộc ngàn sắc, muôn hương*”.

Người cũng luôn nhắc nhở: “*Phát huy vốn cổ quý báu của dân tộc (nhưng tránh phục cổ một cách máy móc) và học tập văn hoá tiên tiến của các nước (nhưng phải có chọn lọc)*”. Trong kế thừa di sản quý báu của văn hoá dân tộc phải có thái độ nghiêm túc, nghiên cứu, chọn lọc. “*Khôi phục cái gì tốt còn cái gì không tốt phải loại dần ra*”. Cần tránh “*gieo vừng ra ngô*” và phải “*chèo cho ra chèo*”.

Người cũng chỉ rõ di sản văn hoá truyền thống tuy kết tinh những giá trị cơ bản, độc đáo, đặc sắc của dân tộc, nhưng đó là nền văn hoá xây dựng trên cơ sở nền văn minh nông nghiệp, còn *mang nhiều thiếu hụt, hạn chế*. Trình độ khoa học, kỹ thuật của ta hiện nay còn thấp kém, lệ lối sản xuất chưa được cải tiến nhiều, cách thức làm việc còn nặng nhọc, năng suất lao động còn thấp kém, phong tục tập quán lạc hậu còn nhiều.

Do đó, phải nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật, phải xây dựng đời sống mới, nền văn hoá mới, con người mới, và tự tay Người đã viết tác phẩm *Đời sống mới* để hướng dẫn cho cán bộ, nhân dân.

Đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật, Người cũng có những ý kiến rất sâu sắc về chức năng, về đối tượng phục vụ, về yêu cầu chất lượng nghệ thuật, về tính chất sáng tạo, đa dạng, nhiều màu sắc của văn hoá nghệ thuật, về bài trừ ảnh hưởng hủ bại, xấu, độc của văn hoá phong kiến, thực dân, tư sản, v.v..

Những quan điểm, tư tưởng của Người về văn hoá nói chung và về văn hoá, nghệ thuật đã có tác dụng rất lớn trong xây dựng nền văn hoá mới, con người mới Việt Nam. Không chỉ vậy, mà còn có ý nghĩa cơ bản, sâu sắc như những chân lý vĩnh cửu.

Mặt khác, đề cập đến Hồ Chí Minh, nhà văn hoá kiệt xuất và đề cập đến tư tưởng văn hoá của Người, không thể không nhắc đến những thành tựu, những đóng góp của Người trong lĩnh vực sáng tác văn học, nghệ thuật. Tuy không phải là văn nghệ sĩ chuyên nghiệp, nhưng nhiều bài ký, bài văn, bài thơ của Người, tiêu biểu là các tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Nhật ký trong tù*, *bản Tuyên ngôn độc lập*, v.v.. là những sáng tác vừa mang tính chiến đấu cao, vừa gần gũi quần chúng, vừa đạt đến giá trị cao về nghệ thuật, thẩm mỹ.

\*

\* \*

*Tóm lại*, dựa vào những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh đã đề cập ở trên, chúng ta thấy rõ ở Hồ Chí Minh *nhà chính trị* (bao gồm cả nhà chiến lược, nhà tổ chức, nhà quân sự) *hoà quyện với nhà nhân văn, nhà đạo đức, nhà văn hoá, hình thành một diện mạo, một nhân cách riêng của Hồ Chí Minh*. Một nhân cách vừa gần gũi vừa siêu phàm, vừa dân dã vừa bác học, vừa truyền thống vừa hiện đại. Nổi bật hơn cả là sự kết hợp giữa nhân cách người lãnh tụ tối cao với nhân cách người bác, người cha, người thầy.

Chúng ta cũng thấy rõ *hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh là sự gắn bó thống nhất của những quan điểm tư tưởng chính trị* (về cách mạng dân tộc dân chủ, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về tổ chức lực lượng, về

quân sự...) với tư tưởng nhân văn, tư tưởng đạo đức, tư tưởng văn hoá được hình thành và phát triển trên cơ sở kế thừa, tiếp thu truyền thống tư tưởng văn hoá dân tộc, tinh hoa văn hoá phương Đông, phương Tây mà đỉnh cao là học thuyết Mác-Lênin, được vận dụng sáng tạo và phát triển từ thực tiễn của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của dân tộc Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống tư tưởng khoa học - cách mạng - nhân văn của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, là ngọn cờ chỉ đạo - nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam, đã đưa cách mạng Việt Nam đến những thắng lợi to lớn và tiếp tục soi sáng sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Bản sao lưu trữ

## GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC VÀ PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH\*

*Đào Duy Tùng*

Trên thế giới đã có biết bao lời ngợi ca tốt đẹp về Bác Hồ, có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về thân thế và sự nghiệp của Người. Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất phong phú, bao quát nhiều lĩnh vực: triết học, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, đạo đức, v.v. Việc nghiên cứu để hiểu rõ hơn tầm vóc, quy mô, chiều sâu của những di sản quý báu mà Người để lại là công việc rộng lớn, lâu dài, đòi hỏi công phu nghiên cứu của nhiều người, nhiều thế hệ.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở trong nước cũng như ở ngoài nước, là *vì dân, vì nước, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người*. Điều đó được thể hiện rất cô đọng trong câu nói của Người: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Đó là *lý tưởng, là mục tiêu chiến đấu rất kiên định trong suốt cuộc đời cách mạng của Người*.

Lý tưởng ấy, mục tiêu ấy được hình thành không phải ngẫu nhiên, mà trong những điều kiện lịch sử nhất định: truyền thống của gia đình, của quê hương, của dân tộc; thực trạng của đất nước và của thế giới Người đã sống; lý tưởng của Người được hình thành đầy đủ, có cơ sở khoa học khi Người từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, nghĩa là đến với khoa học cách mạng của thời đại. Điều quan trọng là Người đã đưa lý tưởng vào nhân dân, dẫn dắt nhân dân đi theo lý tưởng ấy. Làm sáng tỏ mục tiêu, lý tưởng mà Người đã lựa chọn là điều rất quan trọng, nhất là trong tình hình các nước xã hội chủ nghĩa đang diễn

---

\* Trích bài phát biểu khai mạc tại Hội thảo “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người chiến sĩ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản quốc tế”.

ra cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, chủ nghĩa đế quốc đang tiến công quyết liệt vào chủ nghĩa xã hội.

Qua quá trình hoạt động gian khổ, Người đã tìm ra con đường để thực hiện mục tiêu lý tưởng nói trên. Đó là *gắn chặt độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội mà sau này Đảng ta gọi là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Người đã giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo. Để làm sáng tỏ một cách sâu sắc tư tưởng về giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải nghiên cứu nhiều luận điểm của Người: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “Con đường cứu nước duy nhất đúng đắn là con đường cách mạng vô sản”, quan hệ giữa cách mạng ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở các nước tư bản với hình ảnh con chim hai cánh và hình ảnh con đĩa hai vò khi nói đến chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung của nhân dân lao động các nước tư bản và nhân dân thuộc địa.

Những vấn đề trên chứa đựng nội dung lý luận sáng tạo của Người. Khi nêu ra tư tưởng: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, một câu rất ngắn gọn, dễ hiểu nhưng lại chứa đựng nội dung rất phong phú, một chân lý vĩ đại, sản phẩm của quá trình tư duy khoa học lâu dài. Đây không chỉ là sự đúc kết những ước mơ, nguyện vọng, yêu cầu lớn nhất và sâu xa nhất và cả những thành công, thất bại, những bài học đấu tranh giành quyền làm chủ đất nước trong hàng nghìn năm lịch sử của dân tộc ta. “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” không chỉ là mục tiêu, phương châm chỉ đạo cuộc đấu tranh giành độc lập, mà còn là tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, động viên nhân dân ta quyết tâm đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Tiếng gọi thiêng liêng ấy nảy sinh trên đất nước Việt Nam có truyền thống chống ngoại xâm oanh liệt. Ý nghĩa và tầm vóc của khẩu hiệu: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” đã vượt ra khỏi không gian nước ta, và được nhiều dân tộc coi như chân lý của thời đại.

Đảng ta rất coi trọng *những giá trị tư tưởng của Người về xây dựng chủ nghĩa xã hội*, nhất là trong tình hình đổi mới hiện nay. Người không đưa ra những định nghĩa cao xa về chủ nghĩa xã hội. Qua những khái



niệm rất dễ hiểu, chúng ta thấy toát lên quan niệm của Người về xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng đất nước giàu mạnh, sự công bằng cho xã hội, nhân dân lao động là người chủ đất nước, mọi người có cuộc sống *tự do, ấm no, hạnh phúc*. Để đạt được mục tiêu ấy phải tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất, kiến trúc thượng tầng. Đảng vừa là người lãnh đạo vừa là người đày tớ của nhân dân, nên Đảng phải vững mạnh và trong sạch; Nhà nước là của dân, do dân, vì dân; muốn có chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa; sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của nhân dân, v.v.

Nói đến giá trị tư tưởng, giá trị tư duy lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không thể không nói đến *sự sáng tạo vĩ đại của Người về phương pháp cách mạng*. Đó là phương pháp cách mạng tổng hợp. Với phương pháp đó, Đảng ta đã khơi dậy được mọi tiềm năng, mọi lực lượng đủ sức đánh thắng quân thù. Phương pháp cách mạng tổng hợp không chỉ có giá trị trong chiến tranh, nó còn được vận dụng phù hợp với điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Giá trị tư tưởng của Người còn được thể hiện rõ nét ở *sự chỉ đạo chiến lược, sách lược* tài tình. Trong quá trình cách mạng nước ta nảy sinh rất nhiều vấn đề về chỉ đạo chiến lược phải xử lý: mối quan hệ giữa nhiệm vụ chống thực dân và chống phong kiến trong cách mạng dân tộc dân chủ; quan hệ giữa cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam; quan hệ giữa mục tiêu cơ bản và mục tiêu trước mắt; vấn đề tạo thời cơ và nắm thời cơ; vấn đề lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù; vấn đề giành thắng lợi từng bước tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn,... Chỉ đạo chiến lược để giải quyết đúng đắn những vấn đề trên là vấn đề khó khăn và phức tạp, đòi hỏi sự nhạy cảm về chính trị, óc thông minh, sáng tạo, sự dày dặn kinh nghiệm, khả năng đánh giá chính xác tình hình, tính quyết đoán. Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta là người tiêu biểu cho những phẩm chất đó, là người thầy về nghệ thuật chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng. Hội nghị Trung ương lần thứ tám, năm 1941, do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đi tới những quyết định lớn về điều chỉnh chiến lược, trong đó có việc tạm thời gác khẩu hiệu ruộng đất; chủ trương tạo ra thời cơ và nắm thời cơ để tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945; Hiệp

định Sơ bộ 6-3, v.v... là những chứng minh cụ thể về thiên tài chỉ đạo chiến lược, sách lược của Người - những quyết định lịch sử ở những bước ngoặt lịch sử.

Không những là nhà tư tưởng lớn, nhà chiến lược thiên tài mà Người còn là *nhà tổ chức vĩ đại*. Suốt đời làm công tác tổ chức, khi hoạt động ở nước ngoài cũng như khi hoạt động ở trong nước, Người đã sáng lập và rèn luyện Đảng ta, thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất, lực lượng vũ trang nhân dân, sáng lập chính quyền nhân dân. Những quan điểm lý luận trên lĩnh vực tổ chức giữ vị trí rất quan trọng trong những giá trị tư tưởng của Người. Điều đó được thể hiện ở những phương châm, những chủ trương, những biện pháp xây dựng các tổ chức cách mạng, điều hành việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Người khẳng định: Đảng ta là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Người đề ra quan điểm chiến tranh nhân dân, quan điểm nhân dân là người chủ đất nước được nêu ra từ rất sớm: “Chính quyền từ cơ sở đến Trung ương đều do nhân dân bầu ra, vì nhân dân mà phục vụ”; cán bộ nhà nước là dày tớ của nhân dân chứ không phải là ông quan cách mạng, v.v... là tư tưởng chỉ đạo xây dựng nhà nước của nhân dân; “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công” là tư tưởng vĩ đại chỉ đạo việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, một nhân tố quyết định những thắng lợi của cách mạng; trong việc tổ chức các lực lượng cách mạng, toát lên tư tưởng bao trùm: “nước lấy dân làm gốc”, mọi việc đều do dân và vì dân, nhân dân là lực lượng quyết định thắng lợi của cách mạng.

Cái tạo nên con người Hồ Chí Minh vĩ đại không chỉ ở tư duy lý luận sáng tạo, ở những quyết định chiến lược thiên tài, ở những hoạt động tổ chức kiên trì, bền bỉ rất có hiệu quả, mà còn ở *đạo đức, phong cách hoạt động cách mạng của Người*. Người là một hình mẫu cao đẹp của con người mới. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã nói: Bác Hồ của chúng ta là con người mà “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy quyền không thể khuất phục”, con người “cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư”. Toàn bộ cuộc đời của Người toát lên chủ nghĩa nhân văn cao đẹp, chủ nghĩa nhân văn cộng sản.

Đối với người Việt Nam, mỗi khi nói đến Bác Hồ, lòng chúng ta kính yêu và đầy tự hào. Càng tự hào, chúng ta càng thấy rõ trách nhiệm của chúng ta đối với đất nước.

Ngày nay, toàn Đảng, toàn dân ta đang tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội lần thứ VI. Trong quá trình đổi mới, Đảng ta luôn luôn kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, những giá trị tư tưởng, đạo đức và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết kịp thời và đúng đắn những đòi hỏi mà thực tiễn cách mạng nước ta đặt ra.

Bản sao lưu trữ

**ĐẨY MẠNH HƠN NỮA VIỆC NGHIÊN CỨU,  
GIẢNG DẠY, HỌC TẬP TƯ TƯỞNG VÀ ĐẠO ĐỨC  
HỒ CHÍ MINH\***

*GS. Nguyễn Đức Bình*

(...)

*Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của Đảng ta và dân tộc ta, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Nghiên cứu và giảng dạy về Hồ Chí Minh phải góp phần nâng cao và làm sâu sắc hơn nữa nhận thức này trong toàn Đảng và toàn dân ta.*

Như các đồng chí đã biết, cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã chứng tỏ sự bất lực của các hệ tư tưởng phong kiến và tư sản trước sự tồn vong của dân tộc. Lịch sử đặt ra nhu cầu bức thiết phải có một hệ tư tưởng mới đủ sức soi sáng, dẫn dắt con đường đấu tranh cứu nước, giải phóng dân tộc đi tới thắng lợi.

Bằng thiên tài trí tuệ, lòng yêu nước thương dân mãnh liệt, ý chí và đạo đức cách mạng vô song, Hồ Chí Minh đã đáp ứng yêu cầu đó của lịch sử. Sau mười năm bôn ba tìm đường, từ chủ nghĩa yêu nước, Người đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo quỹ đạo cách mạng vô sản, đã chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối, đồng thời đem đến cho dân tộc ta một hệ tư tưởng mới, hệ tư tưởng khoa học và cách mạng nhất của thời đại - hệ tư tưởng Mác-Lênin.

Chính trên cơ sở nắm vững bản chất cách mạng, khoa học và tinh thần biện chứng của học thuyết Mác-Lênin, vận dụng sáng tạo học thuyết ấy phù hợp với thực tế Việt Nam, đồng thời kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc kết hợp với tinh hoa văn hóa của nhân loại mà tư tưởng Hồ Chí Minh đã từng bước hình thành. Cùng với chủ

---

\* Trích bài phát biểu tại Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Viện Nghiên cứu Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng và 5 năm thành lập Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh.

nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã soi sáng con đường cách mạng Việt Nam. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám, của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã đưa Việt Nam lên hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới, đồng thời cũng chứng minh tính khoa học đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có giá trị trong đấu tranh giải phóng dân tộc mà còn có giá trị bền vững lâu dài đối với sự phát triển của đất nước trong hiện tại và tương lai. Những năm qua, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và nhiều khó khăn trong nước, nhờ nắm vững và vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, vượt qua khủng hoảng, đưa đất nước tiếp tục vững bước tiến lên.

Sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, sự tồn tại và tiếp tục phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã chứng tỏ thắng lợi của cách mạng Việt Nam là nhờ có chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời cũng là nhờ có tư tưởng Hồ Chí Minh. Một đại biểu của Đảng Cộng sản Nêpan đã phát biểu với Đảng ta: “Các đồng chí đứng vững, các đồng chí đổi mới thành công là nhờ các đồng chí có tư tưởng Hồ Chí Minh mà các nơi khác không có”.

Chính vì vậy mà tư tưởng Hồ Chí Minh đang làm cho các thế lực đen tối lo sợ. Hằng ngày, hằng giờ chúng đang đẩy mạnh những hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc nhằm hạ thấp tư tưởng Hồ Chí Minh, hòng làm lung lay nền tảng tư tưởng của chúng ta, hòng đẩy chúng ta đi chệch hướng trong quá trình đổi mới. Vì vậy, Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị “Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay”, đã vạch rõ: Đấu tranh để bảo vệ, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề quan trọng, trở thành nhiệm vụ hàng đầu trong công tác chính trị, tư tưởng và lý luận của toàn Đảng, toàn quân ta.

Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và của cách mạng Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng chiến lược và sách lược của Hồ Chí Minh đưa Đảng ta và nhân dân ta vượt qua bao khó khăn của một sự nghiệp cách mạng hầu như

chưa có tiền lệ cả về lý luận và thực tiễn. Đạo đức cách mạng cao cả của Hồ Chí Minh đang là tấm gương sáng ngời, một sức mạnh tinh thần to lớn giúp cho cán bộ, đảng viên ta chống lại ma lực của đồng tiền, để giữ vững phẩm chất, khí tiết của người cách mạng trước thách thức từ mặt trái của cơ chế thị trường. Phương pháp cách mạng linh hoạt, uyển chuyển của Hồ Chí Minh đang được Đảng ta vận dụng sáng tạo trong bối cảnh quốc tế mới, theo phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, hợp tác cùng có lợi.

Vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta là phải góp phần đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân để vận dụng thiết thực, có hiệu quả vào đời sống, công tác của mỗi người, mỗi ngành, mỗi địa phương, đơn vị.

Thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong gần bảy thập kỷ qua, từ những chiến công hiển hách trong cách mạng và kháng chiến cho đến sự nghiệp đổi mới hiện nay, làm cho tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng được loài người biết đến và ca ngợi một cách rộng rãi. Vì sao thế giới nhắc tên Người? Vì sao giữa cuộc khủng hoảng sâu sắc về giá trị hiện nay, Hồ Chí Minh hầu như là lãnh tụ cộng sản duy nhất và trước sau được kính nể trọn vẹn? Nói như một nhà nghiên cứu Nhật Bản: “Hồ Chí Minh là một lãnh tụ chính trị duy nhất của thế kỷ XX đã đạt được điều mà không lãnh tụ nào đạt được là từ lúc người ta biết Người đến nay, lòng ngưỡng mộ đối với Người không hề thay đổi”.

Sở dĩ các nhà văn, nhà báo, chính khách nước ngoài thuộc nhiều xu hướng, chính kiến khác nhau đều nhất trí ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh vì đã tìm thấy trong cuộc đời và những cống hiến của Người những giá trị có ý nghĩa toàn nhân loại.

Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập, tự do và phẩm giá của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập, tự do và phẩm giá của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới, đã nói lên khát vọng chung của đại đa số nhân loại, “vì thế mà cuộc cách mạng do Người phát động mang tầm cỡ thế giới”<sup>1</sup>. Hồ Chí Minh không chỉ là biểu tượng của khát vọng tự do, độc lập mà còn là biểu tượng cao cả của hòa bình, hữu nghị,

---

1. Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Angiêri tại Việt Nam - Môhamét Lamari. Hội thảo khoa học quốc tế Hồ Chí Minh: *Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr.39.

dân chủ và lý tưởng nhân văn của thời đại chúng ta. Trong đối thoại, dù với bạn hữu hay kẻ thù, Người đều xuất phát từ những tuyên ngôn bất hủ, “những chân lý không bao giờ thay đổi”, “những lẽ phải không ai chối cãi được”. Đó là lý tưởng “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”, là “quyền bình đẳng, quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” của tất cả các dân tộc. Đó là châm ngôn “chớ làm cho người những điều không muốn người khác làm cho mình”, v.v.. Vì vậy, những tư tưởng của Người được UNESCO coi là “hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”.

Đồng chí W.E. Gônlan, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Ôxtrâylia nhận định: “Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa sáng tạo vĩ đại và là một người hành động. Chủ nghĩa xã hội của Người không bè phái cũng không giáo điều, mà mang tính nhân đạo và nhân loại”.

Mặc dầu ngày nay, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội đã có những thay đổi so với sinh thời Hồ Chí Minh, nhưng như Viện sĩ Nga V.M.Xôn-xép nhận định: “... Vẫn có một số điều quan trọng không hề thay đổi. Đó là lý tưởng xã hội chủ nghĩa, các tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa, tự do, dân chủ, công bằng xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, người theo chủ nghĩa quốc tế cộng hiến trọn đời mình cho những lý tưởng đó”.

Sự thừa nhận rộng rãi của bạn bè các châu lục về giá trị và ảnh hưởng của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với nhân loại trong thế kỷ XX này đem lại cho chúng ta niềm tự hào vô hạn về lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại của Đảng ta và dân tộc ta.

...

Công tác nghiên cứu Hồ Chí Minh cũng như công tác lý luận nói chung của Đảng, như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đã chỉ rõ: “Trước hết hướng vào những vấn đề do cuộc sống đặt ra, làm rõ căn cứ khoa học của các giải pháp, dự báo các xu hướng phát triển, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối của Đảng, làm cho ngày càng sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.140.

*Vì vậy cần tập trung vào mấy phương hướng chính sau đây:*

1. *Nghiên cứu Hồ Chí Minh trên bình diện nhà tư tưởng, nhà mácxít - leninnít sáng tạo, cần đi sâu làm rõ một cách có căn cứ khoa học với luận cứ, luận chứng đầy đủ, những cống hiến sáng tạo của Hồ Chí Minh vào việc phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam.*

Đây là cả một vấn đề không đơn giản. Muốn giải quyết sáng tỏ mỗi vấn đề, cần biết Mác, Ăngghen, Lênin đã đề xuất những tư tưởng gì, đã giải quyết vấn đề đến đâu trong thực tiễn; cái gì là chân lý phổ biến đối với toàn thế giới, cái gì đúng với thực tiễn châu Âu, cái gì chưa phù hợp với tình hình các thuộc địa phương Đông, v.v., tức là phải *khám phá lại chủ nghĩa Mác-Lênin* để từ đó tìm ra quan điểm và cách làm mới, sáng tạo của Hồ Chí Minh trong điều kiện cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến còn rất lạc hậu.

Cơ sở sáng tạo của Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đứng vững trên lập trường thế giới quan Mác-Lênin và luôn xuất phát từ mảnh đất thực tiễn Việt Nam, truyền thống và bản sắc văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam, phong cách tư duy Việt Nam, v.v.. Từ đó đòi hỏi chúng ta cũng phải *khám phá lại Việt Nam*, một vấn đề tưởng chừng như đơn giản mà thực ra ta hiểu ta chưa đầy đủ lắm đâu, thậm chí có khi có mặt chưa bằng người nước ngoài hiểu ta.

Trước mắt, cần tập trung nghiên cứu làm rõ quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, về những đặc điểm, những mâu thuẫn, các mục tiêu, các nguồn động lực của chủ nghĩa xã hội, bước đi và cách làm chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp, chậm phát triển, bỏ qua chế độ tư bản, quá độ từng bước lên chủ nghĩa xã hội như thế nào? Đó là cách thiết thực đóng góp vào việc làm sáng tỏ vấn đề lý luận quan trọng nhất đặt ra trước Đảng ta hiện nay.

2. *Nghiên cứu Hồ Chí Minh trên bình diện nhà văn hóa kiệt xuất* đang là một hướng nghiên cứu đầy triển vọng. Hội nghị Trung ương 5 vừa ra Nghị quyết về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”<sup>1</sup>.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết của Trung ương Đảng 1996 - 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.167.



Chủ tịch Hồ Chí Minh trong khi lãnh đạo toàn dân giành lại độc lập cho dân tộc cũng đã trả lại địa vị xứng đáng cho văn hóa Việt Nam, mở ra một thời đại mới cho văn hóa Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh đi vào nhân dân không chỉ tồn tại một cách trừu tượng trên lĩnh vực ý thức - tư tưởng mà đã thâm nhập mọi lĩnh vực đời sống xã hội của dân tộc, đã trở thành văn hóa dân tộc. Hồ Chí Minh - tư tưởng của Người, đạo đức của Người, phong cách của Người, thiên tài và toàn bộ sự nghiệp của Người trở thành biểu tượng cao đẹp và sáng ngời của văn hóa dân tộc Việt Nam trong thời đại mới. Đó là dấu hiệu trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh, bởi cái gì đã đi vào văn hóa thì sẽ sống mãi với dân tộc, với loài người.

Chính vì vậy, người ta đã có thể nói đến văn hóa chính trị Hồ Chí Minh, văn hóa đạo đức Hồ Chí Minh, văn hóa ứng xử Hồ Chí Minh, văn hóa khoan dung Hồ Chí Minh, văn hóa lao động, văn hóa sống Hồ Chí Minh, v.v.. Từ đó, người ta đang muốn bàn rộng ra: văn hóa lãnh đạo, văn hóa Đảng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là như thế nào, cần thể hiện được những đặc trưng và phẩm chất gì? Nghiên cứu, làm sáng tỏ những điều đó chắc chắn sẽ là một đóng góp không nhỏ vào việc xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

*3. Nghiên cứu Hồ Chí Minh trên bình diện nhà đạo đức và nhà đạo đức học vĩ đại* vẫn đang là một lĩnh vực nóng hổi tính thời sự. Tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống trong xã hội, đặc biệt trong một bộ phận cán bộ có chức, có quyền, đang nổi lên như một nguy cơ đáng lo ngại, nó làm xói mòn niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ. Một số nơi, tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống của cán bộ đã thực sự trở thành vấn đề chính trị.

Có nhiều nguyên nhân, nhưng không thể quy tất cả cho nguyên nhân khách quan: mặt trái của cơ chế thị trường, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch,... mà phải thấy hết những yếu kém chủ quan trong lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, sự buông lỏng giáo dục đạo đức, việc coi nhẹ tu dưỡng và rèn luyện đạo đức trong cán bộ, đảng viên.

Để giải quyết vấn đề, phải có biện pháp đồng bộ: tư tưởng, tổ chức, hành chính, pháp luật, trong đó thường xuyên coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng, đẩy mạnh phê bình, tự phê bình trong Đảng là biện pháp quan trọng hàng đầu. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, mọi thắng lợi

hay sai lầm đều không thể tách rời sự lãnh đạo của Đảng, tách rời phẩm chất, năng lực của người đảng viên. Ta hiểu vì sao suốt đời Bác Hồ kiên trì giáo dục đạo đức, đề lên hàng đầu “tư cách người cách mạng”, coi đạo đức là cái gốc của người cán bộ, nêu cao đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, khiêm tốn, giản dị, nhắc nhở người cách mạng phải “ít lòng tham muốn về vật chất”. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, Người đã chỉ rõ phải thường xuyên chống tham ô, lãng phí, quan liêu, những căn bệnh bắt nguồn từ chủ nghĩa cá nhân vị kỷ đó là những thứ “giặc nội xâm”, là đồng minh của giặc ngoại xâm, có thể làm đổ vỡ sự nghiệp cách mạng.

Với chức năng của mình, chúng ta phải làm quán triệt trong toàn Đảng và các tầng lớp nhân dân những tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, tấm gương đạo đức và lối sống cao đẹp, trong sáng tuyệt vời của Người, cùng những phương hướng, biện pháp Người đề ra để ngăn ngừa nguy cơ một đảng cầm quyền có thể suy thoái, sa vào quan liêu, xa rời quần chúng, lạm dụng chức quyền ức hiếp nhân dân, cầu danh trục lợi... Phải chuẩn bị tích cực để tham gia có hiệu quả vào sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình về tư tưởng, đạo đức, lối sống sẽ được tiến hành trong toàn Đảng, từ Trung ương đến cơ sở trong thời gian tới. Đó là một cách thiết thực đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống.

Ngoài ra, cần phấn đấu từng bước giới thiệu tư tưởng Hồ Chí Minh ra thế giới, mở rộng việc hợp tác quốc tế nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Môn Việt Nam học đã thu hút giới khoa học các nước, trong đó không thể không có phần quan trọng nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Càng hiểu Hồ Chí Minh, bạn bè ta càng hiểu Việt Nam và có thêm đồng tình, thiện chí với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước chúng ta.

*4. Cùng với các giáo trình quốc gia về khoa học Mác-Lênin và Lịch sử Đảng, giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời gian tới cũng được biên soạn xong và đưa vào giảng dạy ở các trường Đảng và các trường đại học. Viện Hồ Chí Minh phải là lực lượng nòng cốt làm tốt nhiệm vụ không chỉ nghiên cứu mà cả giảng dạy về tư tưởng Hồ Chí Minh ở trong và ngoài Học viện. Một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác nghiên cứu và giảng dạy về tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho các phân viện của Học viện, các trường chính trị tỉnh, các trường đại học, trường các đoàn thể, trường các lực lượng vũ trang.*

Cũng phải nghĩ đến việc kết hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn những tài liệu thích hợp về tư tưởng Hồ Chí Minh và từng bước đưa vào giảng dạy ở bậc tiểu học và trung học, những tài liệu giảng dạy cho các bậc cao học, nghiên cứu sinh.

... Viện cần căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, cấu tạo đội ngũ và năng lực cán bộ để xây dựng chương trình hành động ngắn hạn, trung hạn của mình sao cho phù hợp. Về phần mình, Ban Cán sự Đảng và Ban Giám đốc Học viện sẽ hết sức tạo những điều kiện và phương tiện làm việc cần thiết để Viện hoàn thành nhiệm vụ.

Để hoàn thành được những mục tiêu, phương hướng nói trên, chúng ta phải làm gì?

Chúng ta đều biết, chất lượng mỗi công trình, bài giảng, bài viết phụ thuộc vào những yếu tố chính như: chất liệu, tài năng, công phu, tình cảm, đạo đức của nhà nghiên cứu truyền thụ.

Chất liệu, đối với chúng ta, những người nghiên cứu và giảng dạy về Hồ Chí Minh, chính là toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, lối sống, cách ứng xử, ... của Hồ Chí Minh, một đối tượng nghiên cứu có thể nói là “vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ”, tiềm ẩn trong đó những giá trị trường tồn đối với dân tộc và nhân loại, và việc đi sâu nghiên cứu, khám phá những giá trị tiềm ẩn ấy là công việc của nhiều thế hệ hôm nay và mai sau.

Muốn tìm ra cái mới, phải có những kiến thức và phương pháp tiếp cận mới. Điều này phụ thuộc vào tầm văn hoá của người nghiên cứu. Nghiên cứu Hồ Chí Minh phải có vốn tri thức rộng rãi, đa ngành, nếu không muốn nói là phải có hiểu biết Đông - Tây, kim cổ như Hồ Chí Minh đã có; phải hiểu biết về lịch sử và thực tiễn Việt Nam cùng những vấn đề mới của thế giới. Phải vươn lên tầm cao tư duy của Đảng mới hiểu được tâm vóc của Hồ Chí Minh, mới nhận ra được cái mới mẻ, cái sâu sắc, cái cao đẹp, hấp dẫn hàm ẩn bên dưới những cái tưởng như rất giản dị, bình thường.

Vì vậy một trong những công tác trọng điểm của Viện là phải không ngừng nâng cao trình độ của mình về các mặt chính trị, lý luận, tư tưởng, về lịch sử, văn hóa, về ngoại ngữ... Phải tham khảo, học tập kinh nghiệm, thành tựu nghiên cứu về các vĩ nhân trên thế giới để làm tốt công việc của mình.

Chất liệu, học vấn và hiểu biết lại phải đi liền với công phu, tức là phải có đầu tư công sức, tâm huyết tương xứng cho mỗi công trình, bài viết, bài giảng. Để đạt tới tầm cao của nghiên cứu, giảng dạy, phải qua nhiều quá trình trăn trở, tìm tòi.

Hơn ở bất cứ chuyên ngành, lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội nào, ngoài vốn chính trị, vốn lý luận, vốn sống, vốn văn hóa ra, nghiên cứu về Hồ Chí Minh còn đòi hỏi ở chúng ta một tình cảm cách mạng thật dồi dào, phải có đạo đức cách mạng thật trong sáng, thể hiện ở lòng kính yêu vô bờ bến đối với cuộc đời và sự nghiệp vĩ đại của lãnh tụ, ở niềm tự hào và say mê vô hạn với cái đẹp, cái cao quý trong tư tưởng, đạo đức, lý tưởng trong cuộc sống hằng ngày. Chỉ có như vậy chúng ta mới truyền được những rung cảm chân thành và quyết tâm của mình tới người nghe, người đọc qua mỗi bài giảng và bài viết của mình, mới thuyết phục được người nghe, người đọc bằng chân lý khoa học trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ở Việt Nam chúng ta, tư tưởng Hồ Chí Minh được quán triệt, được truyền thụ qua tất cả bộ môn khoa học xã hội và nhân văn. Đối với đội ngũ những cán bộ được phân công chuyên nghiên cứu giảng dạy về Hồ Chí Minh thì đây là một hạnh phúc, bởi vì mỗi ngày, mỗi giờ chúng ta luôn luôn được sống với những lý tưởng cao đẹp, những tình cảm cách mạng trong sáng, những bài học đạo đức sâu sắc ở Người, điều đó góp phần nâng cao tâm hồn chúng ta, làm cho chúng ta mỗi ngày càng trở nên hoàn thiện hơn.

## ĐẨY MẠNH VIỆC NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH\*

*GS, TS Nguyễn Phú Trọng*

Toàn Đảng, toàn dân ta đang triển khai thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) về đẩy mạnh việc nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là việc làm hết sức có ý nghĩa không chỉ nhân dịp kỷ niệm 113 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà mãi mãi về sau.

Cứ mỗi lần nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta lại không khỏi bồi hồi xúc động thương nhớ Bác, càng thấm thía và biết ơn công lao trời biển của Bác - người anh hùng giải phóng dân tộc; danh nhân văn hóa thế giới; người chiến sĩ cộng sản quốc tế kiên cường; người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Nhà nước ta; người tượng trưng cho tinh hoa trí tuệ và khí phách Việt Nam; người làm rạng danh non sông nước Việt.

Sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, thanh bạch, từng chịu nhiều vất vả, gian truân; sống gần gũi giữa nhân dân lao động ở một vùng đất giàu truyền thống văn hóa và anh hùng; vốn là một người thông minh, lại được gia đình chăm sóc chu đáo, Bác Hồ đã sớm tiếp thu và rèn đúc cho mình tính cần cù, chịu khó, đức hy sinh và lòng nhân ái, căm ghét mọi sự áp bức bóc lột, có ý thức tìm tòi, học hỏi cái mới và có chí lớn cứu dân, cứu nước.

Lớn lên trong thời kỳ nóng bỏng tiếng súng chống ngoại xâm cũng như các phong trào yêu nước sôi nổi từ Bắc chí Nam với những ngọn cờ tiêu biểu như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Trương Công Định...; đặc biệt được tầm mắt trong không khí sôi động của các cuộc vận động Đông Du, Duy Tân, của phong

---

\* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 19 (7-2003).

trào chống thuế ở Trung Kỳ những năm 1905 - 1908, Bác Hồ đã sớm nhận ra sức mạnh của nhân dân, cũng như sự bế tắc về đường lối của các cuộc vận động yêu nước.

Vào một ngày hè tháng 6-1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm đường cứu nước. Hành trang của Người là những tri thức của tinh hoa văn hóa Việt Nam cùng trái tim yêu nước cháy bỏng, thương dân sâu sắc. Trên con đường bốn ba khắp năm châu bốn biển, vừa lao động, vừa học tập, quan sát, nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm các cuộc cách mạng trên thế giới, tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp, sau đó gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, Người đã từng bước rút ra nhiều bài học quý báu và bỏ ích cho sự lựa chọn con đường cách mạng của dân tộc, cũng là con đường đi của bản thân mình. Tháng 12-1920, Người trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

Cuộc hành trình vạn dặm ấy cũng đã giúp Người tìm ra cội nguồn những khổ đau của nhân loại là ở sự áp bức, bóc lột của các nước tư bản, đế quốc, và đã hình thành ý thức giai cấp rõ rệt. Người đến với chủ nghĩa Mác-Lênin một cách tự nhiên, như một tất yếu lịch sử, nên khi đọc *Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy những vấn đề cơ bản của đường lối giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; giai cấp vô sản phải nắm lấy ngọn cờ dân tộc, gắn cách mạng dân tộc từng nước với phong trào cách mạng vô sản thế giới... để tiến lên.

Tháng 12-1924, thực hiện chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) trực tiếp chỉ đạo việc chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại đây, Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về nước, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cốt cán, tiếp tục chuẩn bị về mặt tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng. Tài liệu tuyên truyền của Nguyễn Ái Quốc được giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam đón nhận như *người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn*, có sức lôi cuốn những người yêu nước Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản, làm dấy lên cao trào đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi khắp cả nước. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhiều tầng lớp nhân dân phát triển mạnh mẽ.

Mùa xuân năm 1930, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam khi đó (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) đã hợp nhất thành một Đảng thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã thảo luận và thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt* của Đảng do chính Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Các văn kiện này có ý nghĩa như Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, là sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác-Lênin và kinh nghiệm quốc tế vào điều kiện Việt Nam, là sự gắn kết độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, sự hoà quyện chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế chân chính, sự phát triển của cách mạng Việt Nam với trào lưu cách mạng thế giới. Đến đây, đường lối cách mạng Việt Nam cơ bản đã được hình thành; con đường cứu nước của Việt Nam cơ bản đã được xác định.

Sự đúng đắn ngay từ đầu của tư tưởng Hồ Chí Minh đã được thực tiễn cách mạng khảo nghiệm, khẳng định; và chính trong quá trình vận động của cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn thiện dần, để cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin trở thành ngọn đuốc soi đường cho cách mạng Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà hoạt động cách mạng thực tiễn vĩ đại, nhà tổ chức kiệt xuất, đồng thời là nhà lý luận, nhà chiến lược thiên tài của cách mạng Việt Nam. Nét đặc sắc ở Hồ Chí Minh là lý luận nhưng không giáo điều, sách vở, trái lại gắn bó chặt chẽ, nhuần nhuyễn với thực tiễn; lý luận mà không cao xa, cầu kỳ, trái lại rất mộc mạc, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, thiết thực. Nói cách khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà lý luận cách mạng giàu thực tiễn và kinh nghiệm đấu tranh, đồng thời là một nhà thực tiễn giàu lý luận khoa học. Ở Người có sự thực tiễn hoá lý luận và lý luận hoá thực tiễn. Từ Đại hội II của Đảng (năm 1951), Đảng ta đã khẳng định vai trò, ý nghĩa, tác dụng to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đến Đại hội VII của Đảng (năm 1991), Đảng ta đã khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã trình bày cô đọng và toàn diện những cơ sở hình thành, những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: *Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu*

*tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm bắt sâu sắc bản chất cách mạng và khoa học, tinh thần biện chứng và nhân đạo của học thuyết Mác-Lênin, vận dụng một cách sáng tạo học thuyết ấy phù hợp với thực tế Việt Nam; đồng thời Người đã kế thừa và phát huy chủ nghĩa yêu nước, truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong khi giải quyết các vấn đề của cách mạng Việt Nam, Người đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở một nước thuộc địa và phụ thuộc. Tư tưởng của Người đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, trở thành giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam và lan toả ra thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vĩ nhân đã in đậm dấu ấn vào lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại trong thế kỷ XX. Đạo đức và tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng chúng ta, soi đường dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi đến mọi thắng lợi. Tư tưởng đó không những có giá trị lớn lao trong thế kỷ XX mà còn toả sáng trong thế kỷ XXI và mãi mãi sau này.

\*

\* \*

Dưới ngọn cờ của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, cả nước bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.



Công cuộc đổi mới gần 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. Thế hệ con cháu của Bác Hồ đã và đang tích cực thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Người là: *“Phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”*.

Với thắng lợi của công cuộc đổi mới, đất nước ta đã chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thế và lực của ta đã khác trước rất nhiều. Tuy nhiên, hiện nay nước ta vẫn là một trong những nước nghèo, trong khi cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển với tốc độ thần kỳ; một số nước phát triển đã từ thời đại kinh tế công nghiệp chuyển sang thời đại kinh tế tri thức và xã hội thông tin toàn cầu. Cục diện thế giới đang có những biến đổi nhanh chóng, sâu sắc và phức tạp. Chủ nghĩa xã hội thế giới và phong trào công nhân quốc tế gặp nhiều khó khăn; cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc trên phạm vi thế giới đang tiếp tục diễn ra gay gắt; các thế lực thù địch đang tìm mọi cách tiến công, phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Bối cảnh đó đang đặt đất nước ta trước những thời cơ vận hội và nguy cơ thách thức mới, đòi hỏi Đảng ta hơn bao giờ hết, phải thật sự vững vàng về chính trị, tư tưởng, thống nhất về ý chí và hành động, trong sạch về đạo đức, lối sống, chặt chẽ về tổ chức và cán bộ.

Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng hiện nay là chúng ta phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết về xây dựng Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 (khoá IX), đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tập trung làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tệ tham nhũng, quan liêu lãng phí; phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương; đổi mới phương thức lãnh đạo; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ thật sự vững vàng, bảo đảm kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp vẻ vang của Đảng. Trên cơ sở kiên định, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, chúng ta cần đẩy mạnh việc nghiên cứu, học tập, quán triệt và phổ biến rộng rãi tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta quyết tâm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ

phát triển kinh tế - xã hội, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa. Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, tăng cường tình đoàn kết quốc tế vì hoà bình, ổn định và phát triển. Khẳng định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta. Đấu tranh có hiệu quả chống các luận điệu thù địch, bác bỏ những quan điểm sai trái xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ lý tưởng, mục tiêu cách mạng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Từ sau Đại hội VII của Đảng đến nay, công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; hoạt động tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh có những cố gắng, nhờ đó đã góp phần động viên các tầng lớp nhân dân sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại. Tuy vậy, việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh còn chưa có chiều sâu và kết quả còn hạn chế. Nội dung giáo dục chưa thống nhất. Hình thức và phương pháp tuyên truyền thiếu sinh động; chưa gắn việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh với giải quyết những vấn đề cụ thể của cuộc sống; chưa tạo được phong trào học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh sâu rộng. Việc đấu tranh bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật chủ động, kịp thời và sắc bén...

Theo tinh thần Chỉ thị của Ban Bí thư, việc tổ chức nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ rất quan trọng của công tác tư tưởng hiện nay, cần được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng, hiệu quả. Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là học tập những nội dung cơ bản, tinh thần cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cả trên vấn đề chung chiến lược và trên những lĩnh vực cụ thể; cả về nội dung, quan điểm và phương pháp tư tưởng, phương pháp tư duy. Đặc biệt là phải nắm vững, thấu triệt những quan điểm về mục tiêu, lý tưởng cách mạng, những nhiệm vụ, con đường đi lên của nước ta. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, ý chí sắt đá “không có gì quý hơn độc lập tự do”, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng được các dân tộc khỏi mọi ách áp bức, bóc lột. Dù khó khăn gian khổ đến đâu chúng ta cũng phải xây dựng cho bằng được một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ,

văn minh. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có những con người xã hội chủ nghĩa. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Phải thường xuyên xây dựng, đổi mới, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân. Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, đồng thời mở rộng sự đoàn kết, hợp tác quốc tế. Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh còn bao gồm một nội dung rất quan trọng là học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng, lối sống và phong cách Hồ Chí Minh.

Việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh phải tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ, tự giác từ mỗi người, mỗi cấp, mỗi ngành, khơi dậy phong trào hành động cách mạng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, đồng thời không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng theo gương Bác Hồ vĩ đại, đẩy lùi những biểu hiện thoái hoá về đạo đức, lối sống. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự vì Đảng, vì dân, xứng đáng với niềm tin cậy và sự yêu mến của nhân dân.

Việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh phải là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong toàn Đảng, toàn dân, đồng thời là công việc tự giác, thường xuyên hàng ngày, gắn với phong trào thi đua thực hiện *Di chúc* của Bác; thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong việc giải quyết các công việc cụ thể, thiết thực, thúc đẩy kinh tế – xã hội phát triển, đấu tranh chống các tệ quan liêu, tham nhũng, các tệ nạn xã hội. Hàng năm tiến hành sơ kết vào dịp kỷ niệm ngày sinh của Bác. Kịp thời khen thưởng, biểu dương những đơn vị, cá nhân làm tốt, phê bình những nơi làm kém.

Nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh là công việc rất quan trọng và cần thiết. Vào thời điểm hiện nay lại càng quan trọng và cần thiết. Nếu mỗi cấp uỷ và tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên thấm nhuần và quán triệt sâu sắc những tư tưởng, quan điểm của Hồ Chí Minh, thật sự tự giác rèn luyện, tu dưỡng theo những lời dạy của Người, thì nhất định Đảng ta sẽ ngày càng trong sạch, vững mạnh, khắc phục được những nguy cơ của một đảng cầm quyền, giữ gìn được bản chất và truyền thống tốt đẹp của Đảng, tiếp tục được nhân dân tin yêu, ủng hộ. Đảng ta sẽ mãi mãi là Đảng Cộng sản, Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người lãnh đạo sáng suốt và tin cậy của cả dân tộc Việt Nam.

**Phần III**

**CÁC NHÀ KHOA HỌC  
NGHIÊN CỨU VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG,  
PHONG CÁCH TƯ DUY KHOA HỌC  
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**



## VỀ NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

*PGS, TS Thành Duy*

Trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta, tư tưởng đạo đức và đạo đức Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng, đã có tác dụng mạnh mẽ tới sự nghiệp chiến đấu và chiến thắng giành độc lập dân tộc của nhân dân ta. Có thể nói, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là kết quả thử nghiệm thành công trong thực tiễn cuộc sống chiến đấu giành độc lập tự do của một dân tộc còn mang nặng ý thức hệ phong kiến và chưa thoát ra khỏi điều kiện sản xuất nhỏ của một nước nông nghiệp lạc hậu.

Trong điều kiện đặc biệt của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh không thể chỉ vận dụng những mệnh đề đạo đức có sẵn, dù đó là tư tưởng đạo đức của chủ nghĩa Mác-Lênin, mà Người đã có những tìm tòi sáng tạo thực hiện cuộc cách mạng về đạo đức và tư duy đạo đức.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh diễn ra trong thực tiễn cách mạng Việt Nam với bối cảnh cụ thể, mục tiêu rõ ràng. Từng vấn đề tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện trong quá trình hoạt động cách mạng của mình ở thời kỳ Người giữ cương vị Chủ tịch nước và là một lãnh tụ của đảng cầm quyền, không còn là vấn đề lý luận đơn thuần về đạo đức mà trong thực tế lý luận đạo đức đã hòa quyện với thực tế và hành vi đạo đức. Khi Người nói trung với nước, hiếu với dân, không chỉ khái niệm trung hiếu trong hệ thống khái niệm đạo đức Nho giáo đã khác về chất, mà bản thân hành vi đạo đức của Người cũng như của quần chúng cách mạng do Người lãnh đạo đã thể hiện đầy đủ, trọn vẹn tư tưởng đạo đức trung với nước, hiếu với dân do Người đề xướng. Tiêu chuẩn thực tế và kết quả lịch sử đã trở thành chân lý của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Còn nhiều phạm trù đạo đức khác trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đã trải qua những thử thách không phải là tiêu chuẩn lô gích mà là tiêu chuẩn thực tế lịch sử như những tư tưởng về cần, kiệm, liêm, chính, chí

công vô tư, như việc chống chủ nghĩa cá nhân, xây dựng ý thức vì sự nghiệp chung, vì quyền lợi chung, vì dân, vì nước.

Trong hoàn cảnh cuộc chiến đấu quyết liệt giành độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân, những tư tưởng đạo đức nói trên của Hồ Chí Minh sẽ không dễ thực hiện được nếu bản thân Người và Đảng do Người lãnh đạo không nêu cao tấm gương trung với nước, hiếu với dân, những phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và nhất là tinh thần tu dưỡng, rèn luyện trong việc chống chủ nghĩa cá nhân, xây dựng ý thức vì tập thể. Hồ Chí Minh đã vận dụng hầu như tất cả những phạm trù và mệnh đề tư tưởng đạo đức của quá khứ vào việc xây dựng hệ thống tư tưởng đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Trên cơ sở hệ thống tư tưởng đạo đức cũ đã hình thành hàng nghìn năm nay, Người thực hiện một cuộc cách mạng về đạo đức, và từ cuộc cách mạng về đạo đức, Người xây dựng hệ thống đạo đức cách mạng làm biến đổi về căn bản những phạm trù đạo đức quen thuộc trước đây.

Một tư tưởng, nhất là tư tưởng đạo đức, nếu chỉ là kết quả thử nghiệm trong phạm vi hạn hẹp trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của một dân tộc thì thật khó chứng minh được giá trị khoa học của nó. Nhưng với Hồ Chí Minh hoàn toàn không phải như vậy. Tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng đấu tranh cho tự do, cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc khỏi áp bức, bóc lột của chế độ thực dân đã được cả thế giới thừa nhận là có giá trị nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách người sáng tạo văn hóa cũng đã được thế giới thừa nhận có giá trị nhân loại. Cho nên không phải ngẫu nhiên UNESCO đã khẳng định Hồ Chí Minh với tư cách người anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới.

Là nhà văn hóa, đương nhiên Hồ Chí Minh đã có những phẩm chất văn hóa, được cả loài người thừa nhận như những giá trị có tính nhân loại. Nhưng dù sao thì những giá trị ấy chỉ mới được thử nghiệm ở một dân tộc trong hoàn cảnh thế giới chưa có những thay đổi lớn như những năm gần đây. Trong tình hình gần như cả hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa diễn ra những khủng hoảng nghiêm trọng, một số nước xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại nữa, đã khiến cho một số người hoài nghi về tính đúng đắn của những nguyên tắc đạo đức của chủ nghĩa Mác-Lênin, thì tự nhiên người ta cũng suy nghĩ đến cả tư tưởng đạo đức Hồ Chí

Minh chỉ có giá trị trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam, còn đối với thế giới, nhất là thế giới đang đi vào thế kỷ khoa học và công nghệ, nó sẽ không có những đóng góp nhất định.

Với tinh thần khiêm tốn nhất, chúng ta cũng phải nói rằng: Những điều Hồ Chí Minh nói về đạo đức với Đảng Cộng sản Việt Nam, với nhân dân ta và nhất là những phẩm chất cao quý về tấm gương đạo đức của Người, không chỉ có giá trị ở Việt Nam khi Người còn sống mà cũng có giá trị ở nhiều nước trên thế giới khi Người đã qua đời cho đến sau này nữa. Những sự kiện xảy ra ở những nước xã hội chủ nghĩa chỉ chứng minh tính đúng đắn của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh nói về Đảng cầm quyền, về tư tưởng đạo đức trung với nước, hiếu với dân và về những phẩm chất đạo đức tối thiểu của người cộng sản.

Những sự kiện của thế giới đang diễn ra hiện nay có thể xem như những bài học phản diện về quá trình thử nghiệm tư tưởng đạo đức cách mạng mà Hồ Chí Minh đã có những dự báo rất sáng suốt trong nhiều bài viết cũng như trong *Di chúc* mà Người để lại.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh không nên lẫn lộn hai phạm trù: đạo đức và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Nói đến đạo đức Hồ Chí Minh, dù người nghiên cứu không quên bình diện lý luận khi phân tích tấm gương đạo đức của Người trong hoạt động thực tiễn, thì ý nghĩa và phạm vi, đối tượng nghiên cứu cũng khác với việc nghiên cứu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Cũng là nghiên cứu đạo đức Hồ Chí Minh nhưng một khi đã nâng bình diện nghiên cứu không còn dừng ở những phẩm chất và tấm gương của riêng Người mà là hệ thống tư tưởng đạo đức của Người thể hiện trong toàn bộ hoạt động thực tiễn cách mạng do Người lãnh đạo lại là vấn đề khác.

Đạo đức Hồ Chí Minh là sự hiện diện của một tấm gương tuyệt vời và các hành vi ứng xử trong hoạt động thực tiễn của Người. Còn tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, nếu được nghiên cứu và khẳng định rõ ràng thì đó là một khoa học, khoa học đạo đức hay đạo đức học mang tên Hồ Chí Minh. Đó sẽ là một cống hiến có giá trị lý luận vô cùng quan trọng trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Song, đó cũng là một khó khăn không dễ vượt qua nếu không xác định rõ đối tượng nghiên cứu và một phương pháp tiếp cận có tính khoa học. Nói như trong Nghị quyết Đại hội VII của Đảng là hoàn toàn chính xác và đầy đủ: “Đảng lấy chủ



nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”.

Lần đầu tiên Đảng ta nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh không theo ý nghĩa thông thường của khái niệm tư tưởng bên cạnh khái niệm đạo đức và phong cách, mà với ý nghĩa như một học thuyết, một hệ thống khoa học về tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống lớn, bao gồm nhiều hệ thống nhỏ thuộc các lĩnh vực khác nhau, trong đó có tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Vấn đề đặt ra cho chúng ta là cần nghiên cứu nhằm xác định rõ hệ thống tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, vị trí và tác dụng của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trước đây cũng như hiện nay.

Đi tìm một định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh là một việc vô cùng khó, nhưng dù khó vẫn không thể lẩn tránh, và trong thực tế đã có một số nhà nghiên cứu đưa ra những định nghĩa khác nhau về tư tưởng Hồ Chí Minh. Cũng vậy, khi nghiên cứu về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta cũng cần tiếp cận với một định nghĩa, mà trong định nghĩa ấy phải phản ánh được bản chất tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Quả là một việc không đơn giản chút nào, bởi lẽ tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là cả một hệ thống, bao gồm nhiều nội dung được Người lựa chọn từ nhiều hệ thống tư tưởng đạo đức để vận dụng và sáng tạo phù hợp với hiện thực dân tộc và thời đại.

Do hệ thống những vấn đề cần nghiên cứu khá rộng, bao gồm gần như toàn bộ lịch sử tư tưởng đạo đức truyền thống của dân tộc và thế giới, cả cổ kim, Đông Tây, hệ thống các khái niệm chứa đựng những nội dung tư tưởng đạo đức có liên quan đến việc hình thành tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thật bao la, phong phú và cũng rất phức tạp. Trong việc sử dụng các khái niệm đạo đức, cũng như trong cách nói của mình, bản thân Hồ Chí Minh đã có quan hệ với nhiều hệ thống tư tưởng đạo đức khác nhau, và từ những hệ thống tư tưởng đạo đức khác nhau đó Người rút ra và vận dụng phần tinh túy nhất của những truyền thống đạo đức dân tộc và nhân loại theo cách hiểu và cách diễn đạt của Người, nhằm tạo ra cho mình một hệ thống tư tưởng đạo đức riêng.

Nguồn gốc tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không chỉ là những vấn đề thuộc tư tưởng đạo đức truyền thống, cũng không chỉ là thử nghiệm về đạo đức do Hồ Chí Minh tiến hành trong sự nghiệp cách mạng của

nhân dân ta. Cần có tầm nhìn xa hơn, rộng hơn, đặt tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong tiến trình phát triển của khoa học đạo đức từ xưa đến nay ở nước ta và trên toàn thế giới, để rút ra những kết luận có giá trị khoa học về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Nói về học thuyết Khổng Tử, Hồ Chí Minh ca ngợi sự tu dưỡng đạo đức cá nhân, và trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta cũng thấy khá rõ nét về phẩm chất hiếu học cũng như sự tu dưỡng đạo đức cá nhân của Người. Nói về tôn giáo của Giêsu, Hồ Chí Minh ca ngợi lòng nhân ái cao cả, và trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta cũng thấy khá đậm nét truyền thống nhân từ, bác ái, một biểu hiện tư tưởng đạo đức nổi bật của dân tộc ta. Nói về chủ nghĩa Tôn Dật Tiên, Hồ Chí Minh ca ngợi chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta, và trong thực tế Hồ Chí Minh đã sử dụng học thuyết tam dân của Tôn Dật Tiên vào việc mưu cầu hạnh phúc cho dân tộc khi Người sử dụng các khái niệm độc lập - tự do - hạnh phúc làm mục tiêu phấn đấu, mục tiêu xây dựng xã hội mới. Nói về chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh ca ngợi phương pháp làm việc biện chứng cũng có nghĩa là đề cao phần tinh túy nhất, sâu sắc nhất và cũng có thể nói là nhân đạo nhất trong học thuyết Mác-Lênin.

Người viết: "Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo của Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định sống chung với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy"<sup>1</sup>.

Trong thực tế hoạt động cách mạng của mình cũng như quá trình tu dưỡng đạo đức cá nhân, Hồ Chí Minh đã vận dụng nhiều hệ tư tưởng đạo đức khác nhau và đã thể hiện rất thành công phương pháp làm việc

---

1. Theo sách *Hồ Chí Minh truyện*, bản tiếng Trung Quốc, Nxb Tam Liên, Thượng Hải, 1949.

biện chứng của chủ nghĩa Mác trong nhận thức và hành vi đạo đức, trong quan niệm đức trị và pháp trị, đức và tài, trong tu dưỡng và đấu tranh, trong quan hệ giữa dân tộc và quốc tế, trong ý thức làm việc thiện và chống điều ác, trong việc chống chủ nghĩa cá nhân và khẳng định vai trò cá nhân, trong đạo đức đời thường và ý thức chính trị, trong sự ứng xử năng động, linh hoạt, “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, trong việc nhìn xa thấy rộng, tiếp nhận tinh túy đạo đức truyền thống của dân tộc, của phương Đông và cả phương Tây... Hầu như không có lĩnh vực nào chúng ta không thấy phương pháp tư duy và phương pháp làm việc biện chứng mà Hồ Chí Minh tiếp thu được từ chủ nghĩa Mác.

Tất cả những hiện tượng trên nói lên rằng nguồn gốc tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là kết quả hội tụ của rất nhiều học thuyết đạo đức cổ kim, Đông Tây, của Việt Nam và thế giới, nhưng nổi bật nhất vẫn là phương pháp làm việc biện chứng của chủ nghĩa Mác. Có thể nói, chính là xuất phát từ phương pháp làm việc biện chứng của chủ nghĩa Mác mà Hồ Chí Minh tránh được sự giáo điều trong nhận thức và hành vi đạo đức. Quả là ở Hồ Chí Minh đã có sự lựa chọn những tinh hoa tư tưởng đạo đức của nhân loại, nhưng cái chính vẫn là công lao sáng tạo hệ thống tư tưởng đạo đức phù hợp với yêu cầu thực tiễn dân tộc và thời đại. Cho nên, khi nói tới tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là kết quả hội tụ những quan điểm đạo đức tiến bộ nhân loại, không nên hiểu một cách đơn giản về sự cộng sinh của các quan điểm đạo đức khác nhau mà càng thấy vai trò chủ thể sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quá trình sáng tạo văn hóa đạo đức. Chính cái chủ thể sáng tạo ấy đã quyết định bản chất tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Toàn bộ tinh hoa tư tưởng đạo đức nhân loại được hội tụ trong chủ thể Hồ Chí Minh để hình thành một nền tảng tư tưởng đạo đức cơ bản mà hạt nhân của nó là lòng nhân ái truyền thống của dân tộc “thương người như thể thương thân”. Người đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, khiến cho nền tảng tư tưởng đạo đức cơ bản của Hồ Chí Minh là lòng nhân ái truyền thống có điều kiện phát triển, tạo nên hệ thống tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Vậy, bản chất tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là gì? Nhìn chung, có thể thấy tất cả các học thuyết lớn và hệ thống tư tưởng đạo đức thuộc nhiều loại triết học và tôn giáo khác nhau đều tỏ ra rất nhạy cảm với lòng nhân ái và nói chung là với chủ nghĩa nhân đạo. Do đó, có thể nói, chủ nghĩa nhân

đạo là bản chất của mọi hệ thống tư tưởng đạo đức và của văn hóa đạo đức nói chung, dù cho quan niệm về chủ nghĩa nhân đạo còn rất khác nhau. Song, phải thừa nhận rằng đó là mặt tích cực của các giá trị văn hóa đạo đức hay cũng có thể nói đó là tính nhân loại của tư tưởng đạo đức truyền thống. Có người nêu bốn hàm nghĩa về chủ nghĩa nhân đạo: Hàm nghĩa thứ nhất là lòng nhân từ thương xót. Hàm nghĩa thứ hai là lòng thương xót của quân vương hoặc chính phủ với thần dân. Hàm nghĩa thứ ba xuất hiện từ thế kỷ XVIII ở châu Âu lấy nhân quyền làm trung tâm. Hàm nghĩa thứ tư là cách hiểu phổ biến của những người mácxít, lấy nhu cầu cơ bản của con người làm trung tâm<sup>1</sup>. Lại có cách giải thích chủ nghĩa nhân đạo theo kiểu khác. Theo cách giải thích này thì chủ nghĩa nhân đạo có hai hàm nghĩa: Làm điều thiện hoặc chống điều ác. Đó là không nói đến thứ quan niệm về chủ nghĩa nhân đạo, thực chất chẳng có hàm nghĩa nào cả, một thứ chủ nghĩa nhân đạo chung chung, trừu tượng.

Loại trừ thứ chủ nghĩa nhân đạo chung chung, trừu tượng nói trên, chúng ta thấy những quan niệm và cách giải thích về chủ nghĩa nhân đạo đều có cơ sở hiện thực và giá trị lịch sử của nó. Truyền thống đạo đức Nho giáo cho rằng đặc trưng chủ yếu của nhân loại là lòng yêu thương con người, yêu thương đồng loại, cho nên chủ nghĩa nhân đạo được giải thích là tình thương yêu người khác, thương yêu đồng loại. Theo Phật giáo thì chủ nghĩa nhân đạo là làm việc thiện và chỉ hướng tâm vào việc thiện mà thôi. Còn truyền thống nhân đạo trong nhân dân ta cũng thể hiện tình thương, nhưng không phải là thương xót của người trên với kẻ dưới mà là “thương người như thể thương thân”, đó là một tình thương cụ thể, thiết thực trong mối quan hệ giữa mình và người khác. Những quan niệm về chủ nghĩa nhân đạo nói trên dù mang màu sắc khác nhau, song đều thuộc về chân giá trị truyền thống, phản ánh tư tưởng triết học cũ nặng, về phân giải thích thế giới, chưa tỏ rõ ý nghĩa cải tạo thế giới theo triết học mácxít.

Cũng là chủ nghĩa nhân đạo nhưng quan điểm nhân đạo của chủ nghĩa Mác-Lênin mang tính tích cực rõ rệt, phản ánh tư tưởng đạo đức cách mạng phù hợp với thời đại; trong đó con người đã thực sự ý thức

---

1. Xem bài “Đạo đức cảm của nhà Nho, di sản của nó ở Trung Quốc hiện nay” trong cuốn *Khổng học quốc tế thảo luận hội luận văn tập*, Nxb Tê Lỗ thư điểm (Sơn Đông), 1989, tr.1273.

được vị trí của mình, con người vươn tới “lực lượng bản chất của con người xã hội” bao gồm năng lực thể chất và năng lực tinh thần, như Mác đã nói. Chính vì vậy, Mác đã xem hạnh phúc của mình là được đấu tranh cho hạnh phúc của con người, của đồng loại. Còn Lenin thì cho rằng, đạo đức của chúng ta hoàn toàn phụ thuộc vào lợi ích đấu tranh của giai cấp vô sản; đạo đức đó là những gì góp phần phá hủy xã hội cũ của bọn bóc lột và góp phần đoàn kết tất cả những người lao động chung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới của những người cộng sản. Lenin còn nói: Đối với người cộng sản, tất cả đạo đức là nằm trong cái kỷ luật đoàn kết keo sơn đó và trong cuộc đấu tranh tự giác của quần chúng chống bọn bóc lột.

Tiếp thu mặt tích cực của truyền thống nhân đạo của dân tộc và nhân loại, đồng thời vận dụng sáng tạo tư tưởng đạo đức mácxít, Hồ Chí Minh tự tạo cho mình một chủ nghĩa nhân đạo mới có thể tạm gọi là chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu. Gọi như vậy vì ở Hồ Chí Minh có sự tiếp cận với tất cả những hàm nghĩa khác nhau về chủ nghĩa nhân đạo, nhưng vẫn có sự giao kết nhuần nhuyễn giữa hai hành vi đạo đức tưởng như mâu thuẫn nhưng sự thực thì có sự thống nhất biện chứng, đó là hành vi đạo đức hướng thiện, coi trọng việc làm thiện, nhưng đồng thời hướng cả vào việc chống cái ác. Làm điều thiện và chống điều ác có thể xem là hai mặt thống nhất biện chứng trong quan niệm về chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu, mà Hồ Chí Minh là tượng trưng cho sự tiếp nối giữa chủ nghĩa nhân đạo truyền thống và chủ nghĩa nhân đạo hiện đại - chủ nghĩa nhân đạo mácxít. Và, đó chính là bản chất tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh: tư tưởng đạo đức vừa mang đậm truyền thống nhân ái, lòng thương người da diết, vừa thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, chiến đấu kiên trì, không hề nhân nhượng với cái ác, cái xấu. Quả đúng như giáo sư Trần Văn Giàu nói: “Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn giải thoát của những người yếu hèn lao khổ, của các dân tộc bị chà đạp, giải thoát bằng chính ý thức lực lượng của mình; nó lớn, rất lớn là vì vậy”<sup>1</sup>.

Chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu Hồ Chí Minh là biểu hiện tập trung nhất tư tưởng đạo đức mới, đạo đức cách mạng trong sự nghiệp giải

---

1. Xem Trần Văn Giàu, *Vĩ đại một con người*, Nxb Long An, 1990, tr.92.

phóng dân tộc. Hơn thế nữa, chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện trong cách mạng giải phóng dân tộc, trong việc chống kẻ thù xâm lược, mà còn thể hiện nhất quán trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong việc chống những biểu hiện vô đạo đức, những thói hư tật xấu, những tệ tham nhũng, quan liêu mà Người lưu ý từ khi sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc mới bắt đầu. Vì thế, trong nội hàm chủ nghĩa nhân đạo Hồ Chí Minh mang tất cả những giá trị nhân đạo truyền thống của dân tộc và thế giới, nhưng đồng thời vẫn mang những đặc thù trí tuệ và thực tiễn hành vi đạo đức riêng của Hồ Chí Minh. Có thấy rõ được những đặc điểm này chúng ta mới hiểu được nội dung phong phú trong hệ thống tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Tóm lại, chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu là hạt nhân cơ bản của bản chất tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đây không phải là một định nghĩa về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, và chúng tôi cũng không có ý định đi tìm một định nghĩa về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đây chỉ là suy nghĩ bước đầu về đặc điểm tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

## GÓP PHẦN TÌM HIỂU NGUỒN GỐC VÀ ĐẶC TRƯNG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

*GS, TS Nguyễn Văn Huyền*

Thực tế, trên thế giới này có không ít tư tưởng lớn trùng hợp nhau cùng đồng thời nảy sinh do những điều kiện, hoàn cảnh sống, môi trường xã hội, gia đình, cá nhân,... đem lại. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, trước hết phải nói là tư tưởng Hồ Chí Minh. Cội nguồn, bản chất tư tưởng đó được nảy sinh hoàn toàn từ một con người cụ thể ở phương Đông, ở Việt Nam, nơi truyền thống mấy nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước hun đúc nên nền văn hóa nhân văn, tinh thần yêu nước thương người; niềm khát khao cuộc sống tốt đẹp; đồng thời đó cũng hiện là nơi đất nước đang bị thực dân áp bức bóc lột, giày xéo... đã gây nên bao bất công, vô nhân đạo mà Người không thể chấp nhận. Chính xuất phát từ những suy nghĩ nhân đạo: con người sinh ra ai cũng có quyền sống bình đẳng, mưu cầu hạnh phúc; từ tình thương người, yêu đồng loại, đồng bào mình mà Hồ Chí Minh ước mơ: đất nước được tự do, con người được giải phóng, ai cũng được sống bình thường, có cơm ăn áo mặc, được học hành, tiến bộ... Đó là *yếu tố cốt lõi đầu tiên* tạo nên nền tảng tư tưởng đạo đức của Bác Hồ. Về sau, qua sự trưởng thành trong cuộc sống, qua đấu tranh, rèn luyện cùng với sự phát triển tri thức về quá trình hình thành và phát triển của thiên nhiên, xã hội, nhất là quá trình tiến hóa của lịch sử loài người, ở Hồ Chí Minh hình thành thế giới quan khoa học và nhân sinh quan nhân đạo với phương pháp biện chứng về cuộc sống, về cách mạng. Yếu tố cốt lõi đó được phát triển thành một hệ thống tư tưởng riêng có ý nghĩa nhân văn - nhân đạo hoàn chỉnh, lớn lao có tầm nhân loại. Đó là cái nảy sinh từ chính Người. Các yếu tố khởi nguyên đó, rồi những tư tưởng có hệ thống nhân đạo đó, lúc đầu làm gì đã có Mác, làm gì đã có Lênin.

Để thực hiện tư tưởng nhân đạo của mình, Hồ Chí Minh không chỉ dùng nhiệt tình và ý chí như các chí sĩ yêu nước trước đó. Theo Người,

muốn thực hiện được cuộc cách mạng nhân văn, phải có hiểu biết, phải có tri thức cách mạng. Trên con đường gian nan tìm đường cứu nước, cứu người, Hồ Chí Minh đã gặp các tư tưởng nhân văn của nước Anh, nước Pháp, nước Mỹ - những tư tưởng phù hợp với tư tưởng của Người. Khi gặp tư tưởng của Quốc tế III - tổ chức quốc tế cộng sản có cương lĩnh phù hợp với tư tưởng của Người, Người đã lập tức đi theo, ủng hộ và trở thành một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp; thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam nguyện chiến đấu cho lý tưởng nhân văn quốc tế - giải phóng con người, xây dựng con người mới, không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới. Và khi đọc *Luận cương về dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Người sung sướng đến phát khóc: Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta! Vì Người đã bắt gặp được chính bản thân tư tưởng của mình.

Như vậy, rõ ràng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là của riêng Người. Gặp Mác và Lênin, nó như một sự kỳ ngộ của các tư tưởng lớn. Chúng hòa nhập, cộng sinh; tư tưởng của Bác trở nên sáng rõ hơn; và như Bác thừa nhận, qua nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng của Bác trở nên khoa học hơn, nó được hoàn chỉnh và tăng thêm sức sống. Chủ nghĩa yêu nước ở Người từ đó chuyển sang chủ nghĩa cộng sản<sup>1</sup>.

Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, tư tưởng Nho giáo là hệ tư tưởng sâu sắc về lòng nhân ái, đã ăn sâu vào Người từ tấm bé, hình thành nên ở Hồ Chí Minh một trật tự gia phong, một kỷ cương xã hội, một tinh thần thượng quốc. Những tư tưởng: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, Nhân, Dũng; Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công, Vô tư, v.v.. trở thành mục sống của Người. Tinh thần Nho, vì vậy trở thành một bộ phận hết sức trọng yếu trong cấu trúc tư tưởng nói chung và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh nói riêng.

Nhưng dù là trọng yếu, tinh thần Nho cũng chỉ tác động một phần nào trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Người từng nói: “Lý luận của Khổng Tử... là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và về sự trang nhã. Về căn bản, chủ nghĩa Khổng Tử chỉ là sự bình yên trong xã hội không bao giờ thay đổi”<sup>2</sup>.

---

1. “Lúc đầu chính chủ nghĩa yêu nước chứ không phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế III”, *Hồ Chí Minh: Tuyển tập*, Sự thật, Hà Nội, 1960, tr.794.

2. Lời Hồ Chí Minh nói chuyện với Ôxip Mandenxtam, nhà thơ Xôviết, *Tác phẩm mới*, số tháng 5-1970, tr.50.



Đạo Phật cũng là một luồng sinh khí thổi mạnh vào thế giới tinh thần nhân dân Việt Nam từ hàng nghìn năm về trước. Đó là giáo lý chủ trương từ bi, tế độ; nó đi vào cái tâm bện trong để mong đạt tới sự sáng suốt tối cao... Tinh thần đó của đạo Phật là lý tưởng trong một xã hội mà ở đó con người đang bị chà đạp, bị tước mất chính mình. Nó cũng là yếu tố cội nguồn tạo nên cấu trúc tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Bác yêu sự sống, yêu đến từng ngọn cỏ cành cây, thương những con người bất hạnh.

Song, tư tưởng Phật cũng chỉ để lại một mảnh dù là quan trọng, trong cấu trúc tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh mà thôi. Vì Người quan niệm rằng: “Nếu có đạo đức mà không có tài, ví như ông Bụt không làm hại gì, nhưng cũng không có lợi gì cho loài người”<sup>1</sup>.

Ước mơ vươn tới xã hội cao đẹp, con người hoàn thiện với cuộc sống hạnh phúc như Chúa Giêsu mong muốn, chúng ta cũng thường thấy trong tâm tư, nguyện vọng và hành vi của Hồ Chí Minh. Nhưng theo Người, chả lẽ con người thực hiện được ước mơ đó bằng những lời cầu nguyện!

Tư tưởng và khả năng biết nhận ra cái tinh túy quý báu nhất, mạnh mẽ nhất, có ích nhất cho con người ở các học thuyết - trí tuệ loài người - để hội tụ lại thành một “học thuyết” trọn vẹn và tích cực nhất không chỉ thể hiện tư chất thiên tài của Hồ Chí Minh. Điều quan trọng hơn là chính việc làm đó, tự nó thể hiện một tinh thần, một bản chất nhân đạo lớn lao và cao cả - vì cuộc sống hiện thực của con người.

Người đã chất lọc các ưu điểm của Khổng Tử ở sức mạnh phát triển đạo đức cá nhân; của Phật ở lòng từ thiện; của Giêsu ở ước mơ hoàn thiện con người; của Tôn Dật Tiên ở các ý tưởng độc lập, tự do, hạnh phúc; và đặc biệt của Mác, Lênin ở phép biện chứng duy vật, phương pháp luận khoa học và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, v.v.. Vì tất cả những tư tưởng đó hợp với Người là đều mưu cầu hạnh phúc cho con người.

Cái khác biệt của Hồ Chí Minh với tất cả các tư tưởng trên là ở chỗ, theo Người, đạo đức lớn lao độc đáo nhất là phải *hành động* để giành lấy hạnh phúc. Chủ nghĩa *hành động* ở Hồ Chí Minh vượt lên trên tất cả các tư tưởng đạo đức khác. Chỉ có hành động mới cải tạo được thế giới (tự nhiên, xã hội, con người) chính là tư tưởng đạo đức có ý nghĩa lớn lao

---

1. Huấn thị tại Đại hội sinh viên lần thứ 2 năm 1958, *Hồ Chí Minh với thanh niên và thiếu nhi*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961, tr.38.

nhất, là chủ nghĩa nhân đạo cao cả nhất mà Hồ Chí Minh đã kết hợp được với tinh thần cải tạo thế giới của chủ nghĩa Mác-Lênin. Song, cái sáng tạo không ai có được, nâng chất nhân văn trong tư tưởng của Người lên tầm cao mới là chủ nghĩa đó được biến vào trong sự thực hành độc đáo của Hồ Chí Minh.

Tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin như là ánh sáng kỳ diệu cho tư tưởng và hành động nhằm thực hiện chủ nghĩa nhân đạo của mình, Hồ Chí Minh không bắt chước nguyên xi, lệ thuộc. Cốt lõi thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa mácxít - leninnít thâm nhập vào Hồ Chí Minh, chúng trở thành một tổ hợp tư tưởng Mác - Lênin - Hồ Chí Minh; và không dừng lại ở đó, chúng được thăng hoa, biến hóa tài tình thành một loại tư tưởng riêng. Ở đó hòa quyện sinh khí lý luận với cuộc sống - *tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh*.

Để thực hiện được lý thuyết hành động, Người không dừng lại ở nguyên lý, sách vở, mà trước hết là Người thể hiện tư tưởng đạo đức cách mạng của mình thành hành động trong sinh hoạt và lối sống. Người thường biến chúng thành những lời nói bằng cách nói dân gian, bằng những khẩu hiệu dễ hiểu, dễ nhớ, thiết thực để mọi người cùng làm, cùng thực hiện nhiệm vụ.

Bản chất chủ nghĩa nhân đạo Hồ Chí Minh, cái quan trọng nhất đối với con người là độc lập và hạnh phúc của nhân dân được Người khái quát thành khẩu hiệu bất tử không chỉ đối với nhân dân Việt Nam, mà như là chân lý của cả loài người: *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Đối với nhân dân Việt Nam, yêu cầu đạo đức đầu tiên của con người là thực hiện lý tưởng đó, là giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Giải phóng dân tộc* là mục tiêu số một khi đất nước đang nô lệ. “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do...”. Độc lập và tự do trở thành một bản chất tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh, trở thành ngọn cờ chiến đấu và mục tiêu suốt đời hy sinh cống hiến của Người, vì đó là cái tiên quyết đem lại cuộc sống hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam và nhân loại tiến bộ.

Đất nước giành được độc lập rồi, dân tộc giành được tự do rồi thì nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng Việt Nam và yêu cầu đạo đức là *xây dựng chủ nghĩa xã hội*. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội do Hồ Chí Minh

tiến hành không phải là một thứ chủ nghĩa xã hội cục bộ, cục đọan, hẹp hòi, vị kỷ của một giai cấp. Chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh “là một xã hội mới, công bằng, nhân đạo và tốt đẹp nhằm mục tiêu cụ thể là dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh, con người hạnh phúc”<sup>1</sup>.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội do Hồ Chí Minh thực hiện thực sự là một cuộc cách mạng *giải phóng* và *phát triển* mọi tiềm năng dân tộc và xã hội, cụ thể là giải phóng và phát triển con người. Người đã từng nói: Đất nước độc lập tự do mà con người không được hạnh phúc và phát triển thì độc lập và tự do đó cũng chẳng có ý nghĩa gì. Con người không chỉ phải được giải phóng về mặt xã hội, mà chủ yếu, cuối cùng là giải phóng và phát triển toàn bộ bản chất và bản tính tốt đẹp của mình. Bản chất sâu xa, lớn lao trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là tất cả và cuối cùng đều vì sự phát triển con người. Xóa bỏ sự tha hóa, trả lại cho con người phẩm chất con người, giải phóng toàn bộ tiềm năng thể chất, trí tuệ, tài năng sáng tạo; tạo mọi điều kiện cho con người phát triển toàn diện - hài hòa, vươn tới hoàn thiện. Và chính vì thế mà Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến thanh thiếu niên – tương lai của đất nước, mùa xuân của nhân loại. Nhà nước phải “chú ý đặc biệt việc giáo dục thanh niên về thể dục, đức dục và trí dục”<sup>2</sup>, “phải làm phát triển toàn bộ năng lực sẵn có của các cháu”<sup>3</sup>.

Trong hoàn cảnh đất nước còn khó khăn về đời sống vật chất, Người vẫn hết sức quan tâm đến mặt trận văn hóa, khoa học - kỹ thuật, đặc biệt quan tâm đến thế giới tinh thần và bằng mọi cách phát triển thế giới tinh thần cho nhân dân. Vì theo Người, giá trị cao quý nhất của con người là giá trị tinh thần.

Thật hiếm thấy một “học thuyết” cách mạng nào của các vị lãnh tụ quốc gia mà phân quan tâm đến con người lại được đặt lên tầm lớn lao, sâu sắc, cụ thể và cập nhật như ở tư tưởng Hồ Chí Minh. Có thể nói, tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh là “đặt nhân dân lên trên hết”, cán bộ phải là dày tớ của nhân dân, “vì nước quên thân, vì dân quên mình”;... Nhân dân ở Hồ Chí Minh không phải là khái niệm chung chung, mà đó là cộng đồng Việt Nam, là từng cán bộ, từng người dân, từng cuộc đời, từng hoàn

---

1. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, t.8, tr.568.

2. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, *Sđd*, t.9, tr.444.

3. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.10.

cảnh cụ thể. Cho đến lúc sắp đi xa, Người vẫn dành muôn vàn tình thương yêu cho mọi người.

Tình thương yêu con người, yêu đất nước đã đưa Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa cộng sản ở Hồ Chí Minh lấy hạt nhân nhân văn - vì hạnh phúc và tiến bộ của con người - làm mục tiêu phấn đấu. Ở tư tưởng Hồ Chí Minh, tinh thần nhân văn là tất cả, nó là cái cho mọi người và của mọi người. Cái làm nên sức mạnh và niềm tin của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là ở đó. Chính vì vậy, khi thời đại đi lên, học thuyết này, học thuyết kia có bị thời gian vượt qua, nhưng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vẫn được con người nâng niu như sự sống của chính mình, nó sống mãi với từng cá nhân và với sự nghiệp vì tiến bộ chung của nhân loại.

Bản sao lưu trữ

## VĂN HÓA DÂN TỘC VÀ TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

*PGS Trường Lưu*

Hồ Chí Minh là một trong số ít các nhân vật vĩ đại được thế giới đặc biệt quan tâm, thể hiện qua các cơ quan ngôn luận và các công trình nghiên cứu liên tục được công bố từ nhiều năm nay. Mặc dầu vậy, nhiều học giả vẫn tỏ ra băn khoăn khi truy tìm nguồn gốc tư tưởng nào đã tạo ra vóc dáng Hồ Chí Minh. Chẳng hạn như nhà nghiên cứu khoa học nhân văn Cộng hòa Ả-rập thống nhất, Masdifamie đã phát biểu: “Bất cứ ai muốn viết về Hồ Chí Minh, nhất định sẽ cảm thấy lúng túng: cần phải bắt đầu từ đâu và viết như thế nào về một nhân vật... đã sống nhiều giai đoạn khác nhau của lịch sử hiện đại và nhận rõ những đặc điểm của từng giai đoạn để rồi thể hiện các giai đoạn đó một cách tuyệt diệu”<sup>1</sup>.

Nhưng với chúng ta, Hồ Chí Minh đã đau nỗi đau của một dân tộc mất nước và bôn ba nhiều châu lục để tìm cho dân tộc một hướng đi và hướng đến, cuối cùng đã giải phóng dân tộc thành công, nhân dân được thoát khỏi ách nô lệ thì dĩ nhiên, chủ nghĩa yêu nước với ý thức dân tộc như một lẽ sống còn, đã là nguồn gốc, là động lực tạo thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Rải rác đó đây, trong nhiều bài viết, bài nói của mình, Hồ Chí Minh có nói đến cái tốt, cái hay, cái tiên tiến của các trào lưu tư tưởng tiến bộ bên ngoài Tổ quốc mà Người thấy cần gạn đục khơi trong để tiếp thu và học tập. Như các thuyết về tu thân của Khổng Tử, dân vi quý của Mạnh Tử, phép dùng binh và dùng người của Tôn Tử, khẩu hiệu dân tộc - dân quyền - dân sinh của Tôn Trung Sơn, tinh thần duy lý của phương Tây, tư tưởng dân quyền trong *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng Pháp (1791), tư tưởng nhân quyền của cách mạng Hoa Kỳ (1776), tình nhân ái và từ bi bác ái của Giêsu, Thích Ca, chủ nghĩa

---

1. Trích lại trong *Le nouvelles de Moscou* ngày 5-9-1969.

nhân đạo giai cấp và phương pháp biện chứng của Mác, luận cương giải phóng dân tộc thuộc địa của Lênin... Dù hình thái tư tưởng có khác nhau, nặng về ý thức cải cách hay cách mạng, đề cao đạo lý cộng đồng hay đẳng cấp xã hội..., những trào lưu tư tưởng ấy đều được nhào nặn một cách nhuần nhị trong tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh. Chúng ta gọi đó là sự kết hợp “từ truyền thống hay từ hiện đại, từ phương Đông hay từ phương Tây, từ dân tộc hay từ quốc tế, bất cứ từ góc độ nào, nhân cách của Người cũng nổi lên như một biểu tượng đẹp đẽ và hoàn chỉnh”<sup>1</sup>.

Thật ra, đây không phải là hiện tượng mới mẻ trong lịch sử nhiều nền văn hóa văn minh, nhưng đạt được hiệu quả kết hợp nhiều kiểu dạng tinh hoa, phải là người lịch lãm, từng trải, có đầu óc kinh bang tế thế, biết phân biệt vàng thau, có nghị lực và hoài bão lớn về một lý tưởng nhân văn sâu rộng. Học thuyết Mác mà Hồ Chí Minh quan tâm, tìm hiểu cũng không phải từ đâu bay đến mà là một sự tích tụ nhiều hệ tư tưởng, rút ra vấn đề theo một phương pháp luận khoa học và nhân đạo, cuối cùng tạo thành hệ thống chủ nghĩa Mác, với phương pháp, biện pháp ưu việt. Ông cha ta trước đây cũng thế, phải trải qua bao thời đại giao lưu, tiếp thu và chọn lọc các hệ tư tưởng, các dòng văn hóa, rồi bằng bản lĩnh, sức sống tự thân và sự sáng tạo kiên trì để tạo thành bản sắc dân tộc và một hệ giá trị Việt Nam...

Khác hẳn với các chiến sĩ yêu nước trước đây và có lẽ cả với các lãnh tụ cách mạng trên thế giới, ở Hồ Chí Minh tư tưởng giải phóng dân tộc hầu như đồng nhất với tư tưởng đạo đức; cả hai đều hòa quyện trong một chỉnh thể giải phóng dân tộc và con người. Nếu tư tưởng mang tính định hướng thì đạo đức là vũ khí, là phương tiện và cũng là cứu cánh cho định hướng đạt đến hiệu quả cao.

Giữa những kinh thành hoa lệ, Người không chút ngả nghiêng chí hướng; trái lại thấy cảnh bần hàn của người dân khổ sai, nô lệ diễn ra trên các bến cảng, đồn điền, khu nhà ổ chuột ở nhiều châu lục. Người động lòng thương cảm và liên hệ đến tình cảnh đồng bào mình đang sống trong gọng kìm của chủ nghĩa thực dân, càng thôi thúc Người kháng nghị, viết báo, viết sách, viết truyện, ký tố cáo tội ác của kẻ thù và đòi quyền sống, quyền làm người cho dân tộc. Người bồi hồi, xúc động

---

1. Xem Vũ Khiêu: *Hồ Chí Minh và văn hoá Việt Nam*, Viện Văn hoá, 1990.

khi về đến biên giới Tổ quốc, sau mấy mươi năm ly hương, bôn tẩu theo chí hướng cách mạng. Nếu tư tưởng và tình cảm dân tộc không thành lẽ sống tự thân từ máu thịt, thì dễ gì Hồ Chí Minh hòa tan ngay vào đời sống dân tộc với tất cả cái chân chất, bình dị từ lời ăn tiếng nói đến phong tục tập quán cố hữu của bản làng, đồng ruộng Việt Nam; dễ gì thuộc lòng từng khóm chuối, mảnh vườn và câu hát dân ca của quê hương từ xưa từ xưa.

Hồ Chí Minh đã hiểu một cách sâu sắc rằng, tình cảm yêu nước bắt nguồn từ yêu dân tộc, đất nước, mà lịch sử dân tộc ta là một chuỗi dài những thế kỷ liên tục chống ngoại xâm, chẳng những bảo vệ độc lập cho Tổ quốc mà còn nuôi dưỡng ý thức tự hào, tự tôn dân tộc. Do đó, một trong những nguyên tắc vận động cứu quốc đầu tiên của Người khi Mặt trận Việt Minh ra đời và làm cho mọi người am hiểu lịch sử Việt Nam, từ thời đại Hồng Bàng “tổ tiên rực rỡ, anh em thuận hòa”, đến những cuộc chiến đấu bất khuất hàng nghìn năm sau đó. Bản *Lịch sử diễn ca* của Người (Việt Bắc, 1942) đâu phải chỉ là một sáng tác văn học thông thường. Cái chính là tinh thần dân tộc, là chủ nghĩa yêu nước được kết tụ nhiều tinh hoa, là đạo đức cách mạng được nhân lên nhiều lần bởi một tầm nhìn mới, một niềm tin vững chãi vào hai tiếng “đồng bào”, vào tiền đồ cách mạng Việt Nam.

Khi nguồn gốc tư tưởng chịu sự chi phối của ý thức dân tộc thì đi vào góc cạnh nào trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta cũng thấy nổi lên những tinh hoa trong di sản quá khứ của dân tộc được bảo vệ và nâng cao, phù hợp với tình thế và giai đoạn cách mạng mới. Tư tưởng yêu nước, đạo đức thương dân, thủy chung và sâu sắc của các nhân vật tiêu biểu qua các triều đại, hầu như đều có mặt trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Không một chút gượng ép khi cho rằng, nếu Nguyễn Trãi là khuôn mặt tiêu biểu cho tư tưởng nhân nghĩa thời văn minh Đại Việt, thì Hồ Chí Minh là nhà đạo đức có một không hai trong nền văn hóa - văn minh hiện đại Việt Nam. Nhân nghĩa, nhân ái, nhân văn, nhân đức, hay đạo đức, tuy rộng hẹp có khác nhau về khái niệm, nhưng đều mang tính “humain” tạo thành chủ nghĩa nhân đạo “humamsme”. Với tinh thần nhân đạo ấy, Nguyễn Trãi lúc nào cũng dốc lòng xây dựng một xã hội lý tưởng vua “thương yêu dân chúng”, “làm những việc khoan dung”, không “thưởng bầy vì tư ân”, không “phạt bừa

vì tư nô”; quan lại thì “làm việc cần mẫn, thờ vua hết trung, đối với dân hết hòa, bỏ thói tham ô, trừ tệ lười biếng”, “coi công việc của quốc gia làm công việc của mình”, “thấy điều lo của dân làm điều lo của chính mình”. Với Hồ Chí Minh, nội dung trên đã chuyển hóa thành phương châm hành động: “Trung với nước, hiếu với dân” và “Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công, Vô tư”, vì mục tiêu giải phóng dân tộc đi đôi với giải phóng con người thoát khỏi bất công và áp bức. Không một chút ngẫu nhiên khi cả Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh đều được tổ chức UNESCO phong danh hiệu danh nhân văn hóa, riêng với Hồ Chí Minh còn có thêm danh hiệu anh hùng giải phóng dân tộc. Tất cả đều xuất phát từ hai giá trị văn hóa và chủ nghĩa nhân văn.

Ông cha ta ngày xưa vốn tiếp thu những giá trị nhân bản trong học thuyết Nho giáo để mở rộng quan niệm nhân sinh và xây dựng cho mình ý thức tự hào dân tộc. Truyền thống dân tộc trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không thể thoát ly các khung cảnh ấy. Có điều, Hồ Chí Minh đã vận dụng tinh thần biện chứng trong cách nhìn truyền thống, nên những lời kêu gọi, huấn thị, chỉ giáo của Người trong vận động cứu quốc và kiến quốc, tuy có đưa ra nhiều khái niệm có nguồn gốc ngôn từ trong học thuyết Nho giáo nhưng mang theo nội hàm và ngữ nghĩa mới, vừa mang tính kế thừa, vừa mang tính hiện đại. Hồ Chí Minh đã nói rõ quan điểm đó của mình: Tuy Khổng Tử là phong kiến, học thuyết của ông có nhiều điều không đúng, song những điều hay trong đó chúng ta nên học. Đó là lời phát biểu của Người tại Hội nghị huấn luyện toàn quốc lần thứ nhất ở chiến khu Việt Bắc năm 1950. Cũng như trước đó bốn năm, tại Hội nghị Fontainebleau, trong diễn văn của mình Hồ Chí Minh đã nói với các viên chức cao cấp của Pháp: Triết lý của đạo Khổng và triết lý phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: “Điều gì mình không muốn thì đừng bắt người khác phải theo” (Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân). Nội hàm của câu triết lý ở đây là không ai muốn sống dưới ách đô hộ của nước ngoài, cả Pháp đối với phátxít Đức và cả Việt Nam đối với thực dân Pháp.

Cũng có người căn cứ vào một số câu trích dẫn có nguồn gốc ngôn từ Nho giáo, đã cho rằng, cốt lõi của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là Nho giáo! Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng cái tinh túy của Nho giáo thì hiển nhiên rồi, nhưng gọi đó là cốt lõi trong tư tưởng đạo đức của Người, thì



hiển nhiên cũng là sai. Nho giáo của Khổng Tử làm gì có khái niệm “Quốc gia”, “Tổ quốc” vì sinh ra trong thời đại Xuân Thu - Chiến Quốc, các chư hầu luôn luôn xâu xé nhau. Học thuyết của ông lại chỉ có quan niệm nhân sinh mà không có thể giới quan, làm sao có thể phù hợp với tư tưởng yêu nước và lý thuyết về giải phóng dân tộc - con người của Hồ Chí Minh? Vả lại, như các bậc túc nho trước đây thường nói, từ đời Hán trở đi, tư tưởng Khổng giáo “bị chính thể uốn nắn một phần, bị nhà Nho mấy đời sửa đổi một phần” (Huỳnh Thúc Kháng) để thích nghi với đường lối chính trị đương thời và theo sở thích quân vương, nên đã sai lạc đi nhiều cái học thuyết cơ bản vốn có của nó. Trích dẫn Nho giáo không thể không thận trọng.

Hồ Chí Minh thường căn dặn cán bộ ta: “Các chú phải biết rút kinh nghiệm, học tập cách giáo dục của ông cha. Các chú có thể làm tốt hơn, vì đạo đức ngày nay rộng hơn... ai cũng có thể vươn tới đỉnh cao của đạo đức cách mạng”<sup>1</sup>.

Người quan tâm tới các yếu tố tích cực trong đạo đức truyền thống và muốn nâng lên thành đạo đức cách mạng, mà đạo đức cách mạng là vũ khí, là công cụ và là cứu cánh trong sự nghiệp cứu dân, cứu nước do Người mở đường và chỉ dẫn.

Ngay khi Đảng Cộng sản Đông Dương chưa ra đời, trong những năm 1925-1927, tại các lớp huấn luyện chính trị tổ chức ở Quảng Châu (Trung Quốc) cho những thanh niên Việt Nam yêu nước học tập, Nguyễn Ái Quốc đã đặc biệt dành nhiều thời gian để giảng về đạo đức cách mạng, bên cạnh những bài học về phong trào cách mạng thế giới và lịch sử tiến hóa nhân loại, lịch sử Việt Nam, tội ác của thực dân Pháp và tình hình cách mạng trong nước, cách mạng Nga, phong trào Cộng sản quốc tế và các tổ chức Công hội, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ, Cứu tế đỏ, so sánh chủ nghĩa Mác-Lênin với chủ nghĩa “tam dân” của Tôn Trung Sơn, với chủ nghĩa “tam bất” (bất hợp tác, bất bạo động, bất nộp tô thuế) của Găngđi... Tập sách *Đường cách mệnh* được xuất bản sau đó (1927), Nguyễn Ái Quốc đã dành hẳn một trang để nói 23 điều về đạo đức cách mạng, đạo lý làm người, trước khi đề cập đến những vấn đề thuộc thể giới quan, nhận thức thời cuộc và đường lối, chủ trương của cách mạng Việt Nam.

---

1. Xem *Về công tác văn hoá văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977.

Với sự nhạy cảm đặc biệt của một bộ óc thông tuệ và nhìn xa trông rộng, Hồ Chí Minh hết sức cảnh giác với ma lực đồng tiền và quyền lực để làm tha hóa cán bộ khi Đảng đã nắm chính quyền, nên một phần rất quan trọng trong những bài nói, bài viết của Người là thuộc về đạo đức, về phẩm chất cán bộ, đảng viên. Người thấu hiểu rằng, một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sự hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân. Đọc lại những dòng chữ trên chúng ta càng thêm kính trọng một tầm nhìn vĩ đại của Người, sự thâm trầm và thâm thía toát ra từ mỗi ý mỗi lời, từ sau khi Hồ Chí Minh qua đời.

Là lãnh tụ một đảng cầm quyền, nguyên thủ một quốc gia, nhưng Hồ Chí Minh không muốn đứng cao hơn mọi người mà hòa mình vào cuộc sống của một nhân dân còn chịu nhiều vất vả, gieo neo. Trong tình cảm yêu thương và hết lòng vì dân tộc, Người đặc biệt quan tâm đến các cụ già theo phong tục trọng lão; đến lứa tuổi thanh thiếu niên là lực lượng nòng cốt của Tổ quốc trong tương lai; đến phụ nữ là tầng lớp chịu nhiều bất công trong xã hội cũ; đến đồng bào các sắc tộc thiểu số là những cộng đồng người bị bỏ rơi giữa núi rừng heo hút; đến đồng bào miền Nam sống dưới ách chiếm đóng của chủ nghĩa thực dân mới.

Hồ Chí Minh đã từng trả lời một nhà báo sau Cách mạng Tháng Tám 1945 rằng: “Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh, phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh vác chức Chủ tịch nước, là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận”.

Bao giờ ham muốn tột bậc của Người được thực hiện là “nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành” thì nguyện vọng duy nhất của Hồ Chí Minh là “làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc để câu cá, trồng rau, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì đến vòng danh lợi”<sup>1</sup>. Người không chịu nhận về mình bất cứ một danh lợi nào, cả huân chương *Sao vàng* mà Quốc hội và Nhà nước ta trao cho Người.

---

1. Paul Mus – Ho Chi Minh – Vietnam – Asie; Ed. Seuil, Paris, 1971.

Kiểu nhân văn ấy, như một học giả phương Tây đã nhận xét: “Cái làm nên sự vĩ đại của Hồ Chí Minh, có lẽ là cái bình thường nhất của Cụ. Bất chấp những dáng nét có tính cách huyền thoại và đôi khi kỳ lạ của một cuộc đời toàn tâm toàn ý hiến dâng cho cách mạng, cho những người mà Cụ xem là bình đẳng chứ không phải là thần dân của mình”. Sau này, khi chuẩn bị từ giã cuộc đời, Hồ Chí Minh tha thiết xây dựng một Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh, to lớn và đàng hoàng hơn xưa nhiều lần, nhưng phong cách, đức độ và đời sống giản dị thì vẫn trọn vẹn với Người cho đến khi nhắm mắt. Với đạo đức, ý chí và tài năng trên nhiều lĩnh vực của Hồ Chí Minh, chúng ta có thể ví Người như bậc trượng phu, người quân tử, nhà hiền triết hiện đại và vĩ đại.

Ngoài tư tưởng chiến lược và thiên tài giải phóng dân tộc, đóng góp lớn nhất của Hồ Chí Minh đối với dân tộc và nhân loại là đạo đức của Người đã trở thành một chủ nghĩa nhân văn kiểu mới, mẫu mực và trong sáng. Nhiều nhà nghiên cứu có uy tín, với tinh thần trách nhiệm và lương tâm, đã cho rằng, khi chúng ta khẳng định tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh cũng có nghĩa là gắn bó máu thịt với nó, trở về với tên nước, tên Đảng do Người dẫn đo cân nhắc và đặt ra, trở về với phương pháp nhận thức và biện pháp thiết thực mục tiêu công bằng, dân chủ và đạo lý làm người, do Người luôn luôn tự biểu hiện. Chủ nghĩa xã hội là ước mơ của loài người tiến bộ, là định hướng phấn đấu của chúng ta, nó chỉ có thể mang lại hiệu quả khi nào xuất phát từ thực tiễn dân tộc và gắn liền với những bước đi của thời đại, thật sự phục vụ con người, phục vụ nhân dân.

Tư tưởng và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đang vận động, nó phải vượt qua những gì không còn thích ứng, vận dụng và phát triển những gì là bản chất tinh hoa, có sức sống lâu dài với thời gian, kích thích phát triển.

Hồ Chí Minh nói nhiều về đạo đức và nhiều câu đã trở thành triết lý, phương châm hành động, nhưng bằng cách nào thực hiện phương châm ấy. Dù đất nước ổn định đến đâu, xã hội không bao giờ là một sự thuần nhất con người, không bao giờ là mặt hồ phẳng lặng, bên cạnh sự tuyên truyền, giáo dục, con người phải được sống trong pháp luật để bảo vệ kỷ cương đất nước theo một Nhà nước pháp quyền.

Hồ Chí Minh sống một cuộc đời thanh cao và giản dị, điều ấy vừa là bản chất vốn có của Người, đồng thời đó cũng là sống khắc khổ của các

hiên nhân, quân tử thãm nhuần triết lý nhân bản phương Đông. Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Trãi, v.v.. và các bậc danh nho xưa kia đều có lối sống như thế. Chúng ta kính trọng lối sống cao đẹp của Hồ Chí Minh.

Nhưng điều đau xót trước mắt hiện giờ là quá nhiều cán bộ phản lại tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh bằng một lối sống đạo đức giả và giả danh cách mạng vì quyền lực và đồng tiền lời kéo. Đã đến lúc phải thanh lọc loại cán bộ ấy mới có thể đưa đất nước đến giàu, đẹp và văn minh như Bác Hồ hằng mong.

Bản sao lưu trữ

# HỒ CHÍ MINH VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẠO ĐỨC DÂN TỘC

*PGS Vũ Ngọc Khánh*

## 1. Hồ Chí Minh và bối cảnh truyền thống đạo đức Việt Nam

Tìm hiểu mối tương quan giữa tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và tư tưởng đạo đức cổ truyền của dân tộc, có lẽ việc đầu tiên là phải xác định xem tư tưởng *đạo đức cổ truyền của dân tộc là thế nào?*. Thật ra, vấn đề này, nếu đi sâu còn đòi hỏi nhiều công phu nghiêm túc. Có nhiều câu hỏi phải đặt ra như vấn đề tư duy người Việt, nhân văn Việt Nam, phong cách Việt Nam. Trong phạm vi yêu cầu tìm hiểu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, liên hệ với cội nguồn, chúng tôi cho rằng có thể xét vấn đề qua cách đặt Hồ Chí Minh vào bối cảnh truyền thống đạo đức Việt Nam thì sự tiếp cận có phần thuận lợi hơn. Có thể thấy:

- Đạo đức cổ truyền của dân tộc ta là do thực tế hoàn cảnh lịch sử, hoàn cảnh đấu tranh của nhân dân ta trong trường kỳ lịch sử: đấu tranh thiên nhiên, đấu tranh xã hội. Điều này đã được nói đến nhiều lần, nên không cần thiết phải lặp lại.

Trên những nét đại thể, khái quát lịch sử Việt Nam cho thấy dân ta suốt bao nhiêu thế hệ đều hướng vào mấy nhiệm vụ to lớn, bao trùm: *làm người, dựng làng, giữ nước* - truyền thống đạo đức Việt Nam là truyền thống giáo dục con người phải tu dưỡng trọn đời để nên người, dựng làng và giữ nước. Chính từ truyền thống đạo đức này mà có lòng yêu nước, lòng nhân ái và những đức tính cần cù, giản dị, v.v..

Cần nhận rõ điểm này thì mới đi vào bản sắc Việt Nam được, bởi lẽ những đức tính như yêu nước, cần cù, thương người,... thì trên thế giới, dân tộc nào cũng có. Cái riêng của Việt Nam là ở lý tưởng: dạy cho con nên người, là sống ở làng, sang ở nước, là nhiều điều phủ lấy giá gương,

là sự lo lắng nước mất nhà tan, v.v.. Lịch sử ta, hoàn cảnh ta quy định nên bối cảnh truyền thống đạo đức ấy. Chính từ bối cảnh này, mà Hồ Chí Minh mới luôn luôn có sự kêu gọi “Học để làm người”<sup>1</sup>, mới có câu nói bất hủ: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”...

- Trong thực tế, đạo đức cổ truyền của dân tộc cũng không phải là nhất thành bất biến, không phải chỉ toàn là ưu điểm. Bên cạnh những đức tính cao đẹp, trong truyền thống cũng có những thói quen lạc hậu, những sức ỳ, sức cản, nhiều khi bị lầm lẫn là tính cách dân tộc. Nhiều năm tháng trôi qua, các thế hệ Việt Nam đã phát hiện ra cái ưu, cái khuyết của mình, và cố gắng khắc phục (ta gặp rất nhiều ý phê phán trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam). Lịch sử nước ta có nhiều cuộc vận động văn hóa, có tác dụng tô đậm thêm tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam. Sẽ cần một cuốn sách riêng về các cuộc vận động văn hóa này, nhưng đã có thể ghi nhận những nét lớn: thời Lý – Trần, thời Lê sơ, và các giai đoạn sau nữa. Có những giai đoạn chưa được nghiên cứu kỹ như ở thế kỷ XVII hay đầu thế kỷ XIX, v.v.. Những cuộc vận động này cho thấy sự phát triển của lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, v.v.. Sang đầu thế kỷ XX, có cuộc vận động Duy Tân, một số quan niệm truyền thống được thay đổi. Mẫu đạo đức của con người cũng đổi mới do sự tiếp cận với văn hóa khu vực và văn hóa thế giới. Chính trên bối cảnh đạo đức này, mà Hồ Chí Minh xuất hiện.

- Một bối cảnh văn hóa nữa, có nhiều tác động thiết thực đến nhân vật lịch sử là hoàn cảnh quê hương và gia đình. Hồ Chí Minh là con người Nghệ Tĩnh, là gia đình nhà Nho. Tư tưởng đạo đức của quê hương (nét đất) và của gia đình (nét nhà) nhất định có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng bản thân Hồ Chí Minh. Tính cách xứ Nghệ với các đặc điểm: lý tưởng trong tâm hồn, trung kiên trong bản chất, khắc khổ trong sinh hoạt, cứng cỏi trong giao lưu, v.v.. đều là những tính cách có ý nghĩa đạo đức. Đặc biệt nổi lên ở đại đa số con người đạo đức ở Nghệ Tĩnh trong các thế kỷ trước, là gương hy sinh vì độc lập tự do của đất nước (từ Mai Hắc Đế đến Phan Đình Phùng), là tinh thần khắc kỷ phục lễ. Những tấm gương gia đình Nghệ Tĩnh và riêng gia đình Hồ Chí Minh, chắc chắn đã

---

1. Bút tích ghi ở Sổ vàng trường Nguyễn Ái Quốc năm 1949.

có ảnh hưởng sâu sắc đến tâm hồn, lý tưởng cậu bé Nguyễn Sinh Cung, của chàng trai Nguyễn Tất Thành. Đa số là những *gia đình nghĩa khí*<sup>1</sup>.

Bản thân gia đình Hồ Chí Minh cũng là một gia đình văn hóa đạo đức, vừa có chất Nho phong, vừa chịu ảnh hưởng Duy tân. Có thể nghĩ rằng, không có bối cảnh văn hóa trên đây thì không có tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Tất nhiên, Hồ Chí Minh không lặp lại truyền thống một cách giản đơn và cũng không chỉ khai thác ở truyền thống đạo đức dân tộc, cũng không chỉ tự hạn định trong phạm vi cổ truyền. Để có phần sáng tạo của mình, Hồ Chí Minh đã tiếp cận cả ba nguồn văn hóa: văn hóa dân tộc, văn hóa khu vực và văn hóa thế giới. Ngay trong văn hóa dân tộc, từ những giai đoạn lịch sử xa xôi, cũng không phải không có những ảnh hưởng khu vực (Nho, Phật, Lão, v.v.). Ở đây, chúng ta chỉ tập trung trong phạm vi liên quan với tư tưởng đạo đức cổ truyền dân tộc.

## 2. Sự tiếp cận tư tưởng đạo đức truyền thống ở Hồ Chí Minh

Khái quát được nội dung tư tưởng đạo đức cổ truyền của dân tộc ta là một vấn đề lớn. Lâu nay chúng ta chỉ mới rút ra một vài nhận xét qua nhiều bình diện riêng rẽ, chứ chưa có công trình nào tổng hợp. Qua một số sự kiện lịch sử, một số lớn tấm gương những người con hiếu, tôi trung của các thời đại, hoặc một số câu ca dao, tục ngữ, một số bài gia huấn, v.v.. ta có thể quy kết thành những phương châm chính trong nền đạo đức cổ truyền. Chỉ mới là phương châm, là chuẩn mực chứ chưa phải là những nguyên lý nhìn theo giác độ triết học. Tư tưởng đạo đức cổ truyền Việt Nam có tính cách triết lý, người dân Việt Nam có triết lý sống (cả vũ trụ quan và nhân sinh quan), nhưng lại là một thứ triết lý vô ngôn. Cách bộc lộ triết lý này là ở ba lối biểu hiện:

- Đúc kết những kinh nghiệm tu dưỡng, kinh nghiệm ứng xử (trong thiên nhiên và trong xã hội), nói gọn trong những câu tục ngữ, ca dao, hoặc khi cần thì trong những bài gia huấn (một số nhà Nho đã sáng tác

---

1. Đây là tám gương của một gia đình:

*Ông xưa khởi nghĩa cầm quân  
Bỏ mình bên trận đánh gần Ốc Giang  
Bác nổi chí hiên ngang xóc tới  
Giặc chém đầu bên dưới Tùng Sơn  
Cha nơi gió đập sóng dồn  
Chú nơi tù ngục hao mòn mình ve!*

loại bài này, nhưng nhân dân chỉ chấp nhận và lưu hành những bài nào hợp với triết lý bình dân của họ).

- Xây dựng những hình ảnh nhân vật, những hiện tượng đạo đức trong các câu chuyện cổ tích thần kỳ và cổ tích thế sự. Thừa nhận những nhân vật trong các truyện nôm, các kịch bản chèo tuồng và diễn xướng dân gian, khi mà tư tưởng và hành vi đạo đức của những nhân vật này phản ánh được lý tưởng đạo đức của đại chúng.

- Trân trọng, đề cao và lưu hành rộng rãi, sâu sắc những tấm gương người thực, việc thực trong lịch sử quá khứ và trong đời sống thường ngày. Đồng thời phê phán, châm biếm hoặc đả kích gay gắt, chua cay những nhân vật hay những hành động mà nhân dân xem là trái đạo đức. Nhiều bài về, nhiều mẫu giai thoại cho ta thấy rõ sự đánh giá này của quần chúng.

Phải đi vào những cách biểu hiện này, rút ra ý nghĩa sâu xa của từng hiện tượng, từng cách làm, cách nghĩ thì mới có thể nhận ra những nguyên lý có ý nghĩa triết học của đạo đức cổ truyền. Một điểm quan trọng cần được rút ra là: tư tưởng đạo đức cổ truyền Việt Nam không có tính cách kinh viện, không phải là một thứ định lý nhất thành bất biến, buộc mọi người phải tuân theo bất chấp thời gian và không gian. Nguyên lý đạo đức cổ truyền Việt Nam vừa có ý nghĩa thực tiễn, vừa có ý nghĩa phát triển. Lâu nay, chúng ta thường không để ý đến đặc điểm này, trong khi nhà tư tưởng Hồ Chí Minh lại nắm bắt vấn đề một cách tinh vi và khẩn trương. Chúng tôi sẽ trình bày kỹ ở một đoạn sau.

Còn một phạm vi quan trọng nữa trong quan niệm đạo đức cổ truyền Việt Nam, đó là sự thực hành đạo đức. Người Việt Nam biết trân trọng những lý thuyết cao xa, biết đúc kết những vấn đề kinh nghiệm và cả lý luận, thành những chuẩn mực có tính cách lý thuyết, rất kính phục những bậc bề trên hay những người danh tiếng, nhưng họ luôn luôn muốn được thấy những hành động cụ thể có thể minh chứng và thuyết phục hùng hồn cho những chuẩn mực. Họ rất chú trọng đến sự thực hành đạo đức của những ai thường nhân danh đạo đức để đóng vai trò hướng dẫn. Ta thường nói đến nguyên tắc: nói và làm đi đôi (ngôn hành hợp nhất), nhắc ra để làm một lời khuyên bảo hay chỉ dẫn. Quần chúng Việt Nam không xem đó là một sự chỉ dẫn, một sự nhắc nhở mà xem là một nội dung đạo đức hẳn hoi. Những lý thuyết đạo đức nêu lên, dẫn



chúng thường không bàn bạc, tranh cãi xem giá trị lý luận của nó như thế nào (họ không có trình độ và cũng không quen làm việc đó). Nhưng họ cần thấy lý thuyết ấy đã được cụ thể hóa ra sao trong hành vi, trong tư cách của con người. Có thể đó là một dạng thực chứng trong triết học chẳng. Chỉ biết, sự quan tâm đến hiện tượng là một nếp tư duy của người Việt, đặc biệt trong lĩnh vực đạo đức. Vậy là ở đây thực hành đạo đức đã có tầm quan trọng ngang hoặc còn có phần đậm hơn nguyên lý đạo đức.

Tiếp thu tư tưởng đạo đức cổ truyền của dân tộc, Hồ Chí Minh đã mặc nhiên thấm nhuần những điểm trên đây. Cũng như nhân dân bao đời nay, ông ít phân tích, không đề xướng thành hệ thống lý thuyết, cũng không tranh cãi, lý luận. Ông cũng cô đúc các lý luận, chuẩn mực đạo đức, dùng lại những tục ngữ, ca dao - trường hợp kho tàng văn học dân gian cổ truyền không có sẵn để ứng dụng cho hoàn cảnh mới, thì ông tạo thêm ra - ông cũng chú ý đến các hiện tượng đạo đức - bên cạnh những hiện tượng, sự kiện cổ truyền còn dồi dào sức sống, ông đặc biệt khai thác những chuyện người thật, việc thật, người tốt, việc tốt, rất phong phú trong cuộc đời thường. Ông cũng quan tâm đến ý nghĩa thực tiễn và ý nghĩa phát triển của các nguyên lý đạo đức. Điều này thấy rõ ở cách ông giải thích những câu ca dao cổ truyền, nhiều trường hợp thật là mới lạ, không sai với truyền thống nhưng lại nâng được truyền thống trong hoàn cảnh mới. Ngoài ra, và đây lại là điều cốt yếu, Hồ Chí Minh đã thực hành đạo đức, nêu một tấm gương sinh hoạt chính tâm, khắc kỷ rất cao, hiếm thấy trong các đạo đức gia và nhất là trong những người thuộc giới cầm quyền. Phải hiểu không phải là ông dụng ý nêu gương, mà thực sự ông hiểu nội dung đạo đức theo quan niệm truyền thống. Tôi đã có dịp đề nghị nên xem “cuộc đời Hồ Chí Minh là một bộ phận cấu thành học thuyết của ông. Bộ phận cấu thành chứ không phải là hình tượng độc lập để minh họa”<sup>1</sup>.

- Chúng ta vẫn thường nói rằng dân ta có *một đạo lý làm người*. Đạo lý ấy thể hiện rất rõ ràng trong quá trình con người tự bồi dưỡng, trong tổ chức cộng đồng và trong đấu tranh dựng nước, giữ nước. Những

---

1. Xem Vũ Ngọc Phan: *Hồ Chí Minh và tâm thức folklore Việt Nam*, Nxb Thanh Hoá, 1990, tr.41.

phẩm chất và đức tính thường được nhắc đến là lòng yêu nước, là lao động cần cù, sinh hoạt giản dị như đã nói ở trên. Cách nhìn nhận như vậy là trên đại thể, theo chiều hữu thức của nội dung tư tưởng. Có thể đi vào bản chất, vào phần sâu lắng của tâm hồn, tính cách người Việt để xác định rõ hơn những điểm minh triết (sagesse) trong đạo đức cổ truyền. Cái minh triết này có thể khám phá ở hai mặt. Về mặt lý trí, người Việt không ưa lý luận, không hay tìm sâu những gì uyên bác trong lĩnh vực siêu hình, mà luôn luôn thường trực một lương tri nhạy bén. Sự tiếp nhận ngoại vật để thấy ngay cái đúng, cái sai, cái hợp lý và không hợp lý, cái thích hợp và cái ngõ ngàng, cái thuận tình và cái không thỏa đáng, v.v... là điều hầu như người Việt Nam nào cũng sở trường. Bằng lương tri, họ phản ứng rất nhanh nhạy với mọi biến cố sinh hoạt để đề ra phương cách ứng xử. Những thái độ phê phán thói hư tật xấu, những sự tán thành hay phản đối chủ trương, chính sách, ở đại đa số người Việt đều là xuất phát từ cái *lương tri* này. Tất nhiên trong trường hợp nào đó, có ảnh hưởng của những lý thuyết hay quan điểm nào đấy, nhưng chỉ ở một thiểu số nhất định chứ không phải ở cả số đông. Lương tri này là lương tri của con người, của cộng đồng và của cả dân tộc. Nó không phải là một cái gì duy tâm, siêu hình mà là kết quả của kinh nghiệm đấu tranh, tồn tại, của ý thức hướng theo lẽ phải, theo cái lý tự nhiên của cuộc sống đúng mực, sống hữu ích và sống xứng đáng với quá khứ, hiện tại, tương lai của nước nhà. Lương tri của người dân Việt Nam cũng không phải là một cái gì bảo thủ, trì trệ. Con người và dân tộc theo cuộc sống mà tiến lên, đến một chặng thời gian nào đó phải thích ứng với hoàn cảnh thì cuộc sống mới tiếp nhận con người ấy được. Sự thích ứng ấy phải được chỉ đạo bằng lương tri thời đại. Điều đáng nói là do một sự mâu nhiệm nào đó, lương tri thời đại thường là rất hòa hợp với lương tri cộng đồng và lương tri cá nhân. Và đó là bí quyết của sự tồn tại và phát triển của người Việt mà Hồ Chí Minh đã nắm được bí quyết ấy.

Điều đặc biệt và kỳ diệu nữa ở Hồ Chí Minh là Người đã có sự xâm nhập sâu sắc lương tri của dân tộc, đồng thời lại có được cái miễn cảm của lương tri thời đại, trong việc tiếp thu và xử lý tư tưởng đạo đức cổ truyền. Tất cả những chuẩn mực ông đề ra cho sự tu dưỡng của con người, và cả những chủ trương, chính sách ông đề ra cho quân dân trong các cuộc vận động cách mạng, đều phù hợp với lương tri của dân tộc.

Người dân đều thấy Cụ Hồ *nói phải, làm đúng*, hợp với điều phải, điều đúng mà họ quan niệm, đồng thời cũng *đúng*, cũng *phải* như cha ông đã từng dạy dỗ con cháu hàng trăm năm trước đây. Nhưng thực ra, cái phải, cái đúng ấy có hoàn toàn là minh triết ngày xưa đâu. Nó đã mang tầm thời đại. Lương tri của cộng đồng, của dân tộc từ xưa, nay có thêm chất mới chẳng hạn như mất hẳn cái chất phong kiến mà đậm đà tinh thần dân chủ mà không thấy có sự ngõ ngàng hay đột biến gì quan trọng. Bởi vì, Hồ Chí Minh đã biết được về bản chất, lương tri cổ truyền có thể tiếp nhận và biến hóa thành lương tri thời đại. Lương tri thời đại không cự tuyệt lương tri cổ truyền, đó là điều mà nhiều nhà cải cách - không riêng gì ở Việt Nam - đã không nhận thức được như Hồ Chí Minh.

Một đặc điểm cơ bản khác trong minh triết đạo đức Việt Nam là *bản chất nhân văn* trong tư tưởng đạo đức cổ truyền. Đề cập đến vấn đề này cũng dễ rơi vào một sự trùng lặp hay công thức. Ở nơi nào, thời đại nào, và nhà tư tưởng nào lại không thấy con người là trung tâm của mọi sự chú ý. Lịch sử triết học và lịch sử văn học thế giới bàn nhiều về tư tưởng nhân văn. Ở nước ta không diễn ra cuộc trao đổi nào với tư cách là những cuộc vận động đấu tranh tư tưởng (tất nhiên cũng có những nhận xét khi đánh giá các tác phẩm văn học dân gian, truyện nôm và tác phẩm văn học sân khấu cổ). Bản chất nhân văn của tư tưởng đạo đức Việt Nam thể hiện ngay trong tâm lý cộng đồng và ngay trong yêu cầu ứng xử của mọi thành viên. Dân Việt Nam trọng tình, trọng nghĩa, đặc biệt là chú ý đến *tình thương*. Câu ca dao mặc dù không đủ chứng cứ vẫn được xem là có từ thời Bà Trưng, là câu ca dao nói đến tình thương, mà là tình thương dân tộc: *Người trong một nước phải thương nhau cùng*. Con người có nhân là con người đạo đức nhất: *Ở lâu mới biết con người có nhân*. Tiêu chuẩn sống của con người là *ở cho có đức, có nhân*. Tình thương, thực sự là tình thương không phải là một sự ban phát mà là một sự hòa nhập: nhất thể: *Thương người như thể thương thân*. Lòng nhân có tác dụng vượt thời gian, tạo nên kết quả: *Trồng cây đức để con ăn*. Giá trị của tình thương không tính theo kết quả vật chất mà là ở ý nghĩa tinh thần: *Của tuy tơ tóc, nghĩa so nghìn trùng*, v.v.. Có thể tìm thấy nhiều câu tương tự trong kho tàng ca dao tục ngữ. Và ở ngay trong những biểu hiện đạo đức được thể hiện ở những nhân vật trong kho chèo, tuồng, diễn xướng và truyện nôm Việt Nam. Truyện dã sử hay hư

cấu không phải là điều quan trọng, nhưng nhân vật quả đã sống cuộc sống thực trong tình cảm của mọi người Việt Nam. Có những giai đoạn, nhu cầu thưởng thức nghệ thuật thay đổi, nhưng là đối với giới chuyên nghiệp hay giới trí thức mà thôi, còn đại đa số quần chúng miền xuôi, miền núi Việt Nam vẫn cứ thấm thía với những Trương Viên, Phương Hoa, Xúy Vân, Tôn Mạnh Tôn Trọng và Hồ Liêu, Út Lót, Hai Mối, Hùy Nga. Chưa có một hình tượng nhân vật nước ngoài nào, cả trong lĩnh vực tôn giáo, những tôn giáo với lý tưởng từ bi cứu khổ đi vào lòng người dân Việt Nam như những hình tượng đạo đức trên đây cả. Có lẽ phải khai thác theo hướng đó mới thấy đúng bản sắc lòng nhân ái Việt Nam.

Tiếp thu chất nhân văn trong tư tưởng đạo đức Việt Nam, Hồ Chí Minh đã có cách riêng để thể hiện mình cả trong nhận thức quan niệm và trong sinh hoạt ứng xử. Không phải nhắc đến những lời *Di chúc* mà ông nói thẳng ra vấn đề quan tâm trước nhất là *vấn đề con người*, hoặc lời trối trăng để lại *muôn vàn tình thương yêu* cho hậu thế. Đường lối chính trị cơ bản và quán triệt của ông là đường lối đại đoàn kết, mà là sự đoàn kết theo tình nghĩa đồng bào, bao gồm cả 54 dân tộc - nét mới chưa có trong lịch sử Việt Nam, đồng thời cũng là sự đoàn kết liên hiệp những con người bị áp bức trên thế giới. Ông đã có tình thương thật sự vì dân tộc và vì nhân loại, vì tình nghĩa và vì yêu cầu giải phóng con người.

Mở rộng lòng nhân ái từ tương quan cá nhân, tương quan dân tộc đến tương quan đồng loại bị áp bức là điểm mới cơ bản mà Hồ Chí Minh đã đóng góp vào chất nhân văn Việt Nam - cái mới này còn mang một sắc thái nữa, liên quan với cái lương tri đã nói trên kia. Lòng nhân là cần thiết, bao trùm, không vụ lợi. Nhưng lòng nhân không phải vô điều kiện, mà phải đặt trên cơ sở lương tri. Hồ Chí Minh đã rất tôn trọng phương châm đạo đức cổ truyền ấy. Ông đã đề ra nguyên tắc: "*có lý có tình*" trong chủ trương đoàn kết nội bộ và cả trong quan hệ quốc tế. Ông đã thực hiện nguyên tắc ấy trong ngoại giao cả với bạn bè, đồng minh và đối phương. Đây là một tư tưởng đạo đức hơn là một đường lối chính trị - hình như không thấy một nhà chính trị nào đã đề ra nguyên tắc này, hay chí ít nguyên tắc này chỉ được diễn đạt một cách trọn vẹn, súc tích nhất bằng ngôn ngữ Việt Nam.

Vẫn có một thực tế lịch sử là, tư tưởng đạo đức cổ truyền của dân tộc ta, trong quá trình được hình thành và bồi đắp là có phần đóng góp của các nguồn tư tưởng lớn của nhân loại. Sự giáo dục theo Nho giáo

suốt từ thời xưa tới nay, có ảnh hưởng sâu sắc, lâu dài, bền vững đã củng cố cho đạo đức của nhân dân nhiều thế hệ, dầu có nặng về lý luận phong kiến, nhưng không phải không có nhiều ưu điểm trong những phương pháp tu thân, tề gia, trị quốc. Nhiều chuẩn mực đạo đức của Nho gia được các nhà trí thức chân chính tuân thủ, mà đại chúng cũng chấp hành, xem đó là mẫu mực cho mình, không ai phân biệt là bản địa hay ngoại lai. Giáo lý nhà Phật, giáo lý của Chúa cũng đã có ảnh hưởng phổ biến sâu đậm khi ở mức toàn dân, khi ở những tín đồ hay thiện nam, tín nữ. Đạo đức cổ truyền Việt Nam đã tiếp thu đại bộ phận hoặc từng phần tinh hoa của các giáo lý ấy. Đạo đức cộng đồng về căn bản là từ cộng đồng mà ra, do nhu cầu tu dưỡng và ứng xử mà có, được bồi bổ thêm bằng lý thuyết kinh viện của các giáo lý, là chuyện tất nhiên, và dù giáo lý có uy quyền đến đâu, người dân vẫn tiếp nhận nó theo cách của mình. Những lý thuyết trung tín, hiếu nghĩa ở các sách Nho, kinh Phật, hay lời rao giảng truyền về đến các cơ sở gia đình, nông thôn sẽ được hòa nhập một khi nó thích hợp. Sự tiếp thu và biến hóa chính ở chỗ này. Những thầy đồ chẳng hạn là những người chuyển tải Nho giáo vào cho lớp trẻ. Nhưng lớp thầy đồ và cả nhiều nhà Nho uyên bác ở nước ta không thiên về sự tiếp thu phân hình nhi thượng trong Nho giáo. Họ chỉ chú trọng nhiều về chuẩn mực đạo đức mà thôi. Họ có thể có trình độ cao thấp để trình bày chính xác hay hời hợt, thậm chí có thể sai lầm. Nhưng có một điều là cái lương tri và lòng nhân ái trong bản chất Việt Nam (đã nói trên kia) sẽ vô hình trung góp phần điều chỉnh cho họ. Cạnh đó, thực tế Việt Nam, cái thực tế dựng làng, giữ nước liên tục trong trường kỳ lịch sử lại có thể có tác dụng bổ sung. Nội dung tư tưởng đạo đức cổ truyền cứ ngày ngày được bù đắp một cách mặc nhiên, thâm lặng mà thấm thía với cổ tích, ca dao qua miệng người già bên bếp lửa, với giai thoại văn chương, lịch sử, với nghi lễ diễn xướng thờ thành hoàng và anh hùng dân tộc.

Lịch sử Việt Nam này lại là lịch sử của cả một chuỗi cuộc đương đầu với giặc ngoại xâm. Cứ mỗi cuộc đương đầu lại có thêm một bài thơ, bài hịch, bài cáo, một số truyền thuyết, một loạt hội hè hoặc một loạt đền đài. Kiến thức sách vở Tứ Thư, Ngũ Kinh, hay của Phật giáo, Cơ đốc giáo làm sao lấn át được nội dung ấy, chỉ có bổ sung và tăng cường cho nó mà thôi. Đồng thời, những thứ gì quá gò ép, lai căng, không hợp với

lương tri thì nếu không bị đào thải, sẽ bị phê phán. Thuần phong mỹ tục do đó mà được hình thành và trở nên niềm tự hào cố hữu. Cái thao tác tiếp biến này của tâm hồn Việt Nam thật là kỳ diệu. Trong quá trình lịch sử, nó diễn ra mặc nhiên, hồn nhiên, được chỉ đạo bằng lương tri nhiều hơn bằng ý thức.

Đến Hồ Chí Minh, ông tỏ ra có ý thức chủ động trong sự tiếp biến này. Có thể hiểu vấn đề như thế để giải thích hiện tượng Hồ Chí Minh sử dụng rất nhiều châm ngôn, thuật ngữ và thành ngữ Nho giáo. Không phải ông vay mượn, tiếp thu, truyền bá, mà ông *tiếp biến tinh hoa*. Không phải chỉ với Nho giáo, mà các học thuyết khác, Hồ Chí Minh cũng đã làm như vậy. Ông thường nhắc đến lời dạy của Mác-Lênin nhưng không trích dẫn nguyên văn (trừ một số trường hợp có lẽ đã nhờ thư ký đối chiếu), và hình như đôi khi chỉ là tinh thần Mác-Lênin được ông tiếp nhận. Các châm ngôn Nho giáo cũng vậy thôi. Cứ xem cách định nghĩa, giải thích những từ ngữ, ý tứ trong Nho giáo của Cụ Hồ thì sẽ thấy không hoàn toàn như kinh điển, nhưng lại vẫn được lớp nhà Nho nông thôn còn lại chấp nhận và lại vẫn rất hợp thời.

Còn có một thực tế này, thường khi đề cập đến, có lẽ có nhiều người ngần ngại. Nhưng ở Hồ Chí Minh, lại là một sự hồn nhiên, rất bình thường mà rất hợp với tâm thức Việt Nam. Dân ta không có một tôn giáo bản địa nào. Chúng ta chỉ có tín ngưỡng thành hoàng và tổ tiên. Trong cảm quan sâu xa, người Việt Nam có lẽ ai cũng tin rằng có một thế giới gồm các anh hùng danh sĩ, nối theo ông Tổ Hùng Vương, vẫn ngự trị ở một cõi vô hình nào đấy, vẫn luôn luôn động viên con người hiện tại phải làm cho được những gì xứng đáng với công lao của tiên tổ giống nòi. Có một niềm tin hay có một sự tưởng tượng như vậy không phải là có hại, nhất là trong những giai đoạn cần lấy đó làm một động cơ hậu thuẫn cho sự bồi dưỡng những đức tính, những chuẩn mực đạo đức của con người. Có một số trường hợp cho ta cái cảm tưởng là Hồ Chí Minh chấp nhận khuynh hướng tâm lý này của đại chúng. Có lẽ ở phần sâu kín nhất của tâm tư, Bác Hồ chấp nhận một thế giới biểu tượng - thế giới biểu tượng chứ không phải thế giới thần linh. Cho nên trước khi từ biệt thế giới này, ông đã tuyên bố là ông đi sang thế giới người hiền, không xa lạ gì với cảm quan của dân tộc. Chúng ta đang ở trong giai đoạn văn minh nông nghiệp, có tư duy huyền thoại là một điều tất nhiên, không nên

cuỡng lại mà phải biết uốn nắn bằng cách duy trì sự liên tục, giữ điểm bảo tồn lành mạnh để giúp cho tư tưởng đạo đức mới phát huy không ngõ ngàng, không đột ngột. Vả chẳng ai cũng đều thấy rõ chỉ có số ít người mộ đạo một cách mù quáng mới thoát ly cuộc sống, chứ bản chất chúng ta là luôn luôn có sự hòa hợp lòng đạo với sự đời. Sự hòa hợp ấy có thể có giá trị là một động lực nếu biết khai thác đúng chỗ, đúng lúc, và biết dè chừng những phản tác dụng. Tìm về thế giới biểu tượng chứ không phải là thế giới tâm linh, là nắm bắt được sự cộng thông của nhiều thế hệ. Dè chừng những phản tác dụng là phải thấy trong niềm cộng thông ấy, có cả ý thức, lương tri và cả tâm tư, tình cảm. Nắm bắt được sự cộng thông này, đáp ứng và phát huy (có phần uốn nắn) là chiếm lĩnh được lòng dân. Hơn nhiều nhà tư tưởng xưa nay ở nước ta, Bác Hồ có một sự mẫn cảm đặc biệt, nên đã có những việc làm rất mới mà lại rất gắn bó với truyền thống. Một buổi chiều, tự mình đóng vai trò pháp sư hay thầy mo, một loạt bài thơ chúc tết, một số chuẩn mực dùng toàn thuật ngữ cổ truyền, một phong cách ứng xử vừa khắc kỷ, vừa vị tha, một bữa ăn cơm nắm cà trường, một lá thư gửi người già hơn tuổi, gửi em bé giao liên, một câu tập Kiều hay một bài vè, một ý thơ hay câu thơ mượn lại của các tác giả cũ một vật kỷ niệm của người thân, của bạn bè từ mấy chục năm xưa, v.v.. Tất cả đều không xa lạ với những gì cố hữu, ẩn kín trong ý thức, trong tâm tư quần chúng. Nắm bắt được những điểm ấy là có sự cộng thông với quần chúng, là đi sâu vào tâm thức của họ, một thứ tâm thức hướng thượng, có ý nghĩa đạo đức dồi dào. Cũng từ tâm thức ấy, người dân chấp nhận Cụ Hồ, sẽ bắt chước làm theo để cho cuộc đời thêm đẹp. Điều đặc sắc là trong khi liên hệ với truyền thống như thế, Hồ Chí Minh không để một chỗ hở nào cho những tư tưởng lạc hậu có cơ khai thác. Ông Hồ biết chọn, và chỉ chọn những gì tốt đẹp trong tâm thức folklore để phát huy và nâng cao. Những điểm khác - không phải là ít - có thể ăn sâu vào tâm thức, nhưng là lạc hậu với bước tiến của thời đại, của cách mạng thì ông gạt ra. Tiếp nhận cái gì, chối bỏ cái gì, sự mẫn cảm chính trị của ông phân biệt thật là chính xác, và rõ ràng chỉ hướng vào một hệ tư tưởng đạo đức mới. Đó là đạo đức cách mạng, đúng theo chữ dùng của Bác Hồ.

## TRUYỀN THÔNG ĐẠO ĐỨC DÂN TỘC Ở NGUYỄN TRÃI VÀ HỒ CHÍ MINH

*PGS Phan Ngọc*

Vô số công trình trong nước và ngoài nước đã nói đến Hồ Chí Minh. Nhưng cách bàn đến cái bản chất Việt Nam của Người vẫn còn chung chung. Dưới đây tôi chỉ bàn đến quan hệ giữa Hồ Chí Minh với một người, một người cụ thể với những bằng chứng rõ ràng để cho sự khảo sát giá trị tư tưởng của Hồ Chí Minh mang tính thao tác. Người đó là Nguyễn Trãi.

Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh có một điểm giống nhau cực kỳ quan trọng. Với tư cách con người thể hiện cao nhất nguyện vọng, tư tưởng, dân tộc, cả hai - đều đứng trước một điều phi lý không thể giải quyết, nhưng lại có thực, đòi hỏi phải giải quyết ngay: Cảnh mất nước.

Năm 938 sau trận Bạch Đằng, thực tế nền độc lập của đất nước là hiển nhiên. Nó kéo dài 469 năm đến năm 1407 khi cha con Hồ Quý Ly bị bắt và nước nhà bị nội thuộc nhà Minh. Câu hỏi đặt ra cho chàng thanh niên 27 tuổi Nguyễn Trãi là: vì cớ gì một đất nước anh hùng sau non 500 năm độc lập, đánh bại đạo quân xâm lược mạnh nhất thế giới ba lần liên tiếp mà lần này lại thua quá dễ dàng, nhục nhã. Cũng vậy, câu hỏi này lại đặt lại với Nguyễn Tất Thành, 21 tuổi khi rời khỏi Tổ quốc sau khi đất nước đã bị mất 24 năm: vì cớ gì sau 453 năm độc lập kể từ ngày ban bố *Bình Ngô đại cáo* (1428) Việt Nam lại mất nước và mất rất dễ dàng? Dựa vào đâu để giải phóng dân tộc? Nguyễn Trãi dâng *Bình Ngô sách* cho Lê Lợi năm 36 tuổi (1436), Hồ Chí Minh vào Đảng Cộng sản năm 31 tuổi (1921). Sự chênh lệch về thời gian, tuổi tác, thực không to lớn. Hai tâm hồn đồng điệu đến mức có thể nói là sinh đôi.

Đặc biệt giải pháp đưa ra giống nhau đến mức khó mà hình dung nổi. Ta phải nắm chắc điểm này để hiểu thế nào là vĩ nhân. Một vĩ nhân không suy luận dựa trên sách vở, dù đó là sách vở của thánh hiền hay



của Mác, Lênin mà dựa trên sự gắn bó với tình cảm, nguyện vọng của nhân dân.

Một so sánh giữa *Bình Ngô đại cáo* với *Hịch tướng sĩ* sẽ nêu rõ sự khác nhau giữa hai cách nhìn. Trần Hưng Đạo chỉ nhắc đến quyền lợi của tầng lớp quý tộc, không một chữ nào nhắc đến dân đen: “Như vậy, chẳng những thái ấp *của ta* mãi mãi được vững bền, mà bổng lộc *các người* cũng đời đời hưởng thụ. Chẳng những gia quyến *ta* được êm ấm gối chăn, mà vợ con *các người* cũng được bách niên giai lão. Chẳng những tông miếu *của ta* sẽ được muôn đời tế lễ, mà tổ tông *các người* cũng được thờ cúng quanh năm. Chẳng những thân *ta* kiếp này đắc chí mà đến *các người* trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền. Không những thụ hiệu *ta* không bị mai một, mà tên họ *các người* cũng sử sách lưu thơm. *Lúc bấy giờ dẫu các người không muốn vui chơi phông có được không?*”.

Ở đây không bàn về tính tư tưởng của bài Hịch này. Dĩ nhiên, Trần Hưng Đạo, trong khi là anh hùng dân tộc đồng thời còn đại diện quyền lợi một tầng lớp. Chúng ta không bàn tính hạn chế của cách nhìn. Người thao tác nhận xét không căn cứ vào tinh thần mà căn cứ vào kết quả thực tế. Kết quả thực tế thì ai cũng thấy và Trần Hưng Đạo vẫn vĩ đại ở chỗ là người đầu tiên ở Việt Nam biết sử dụng quyền lợi vật chất làm động lực cho cuộc kháng chiến và nhờ vậy đã kháng chiến thắng lợi.

Với Nguyễn Trãi, cũng như với Hồ Chí Minh, chỗ dựa để cứu nước là “quần chúng công nông” theo cách nói của Hồ Chí Minh và “bốn phương manh lệ” theo cách nói của Nguyễn Trãi. Cũng như Hồ Chí Minh sẽ mật sát cuộc sống ăn chơi của Khải Định, không nề nang gì đối với các vua chúa quan lại đã theo giặc, Nguyễn Trãi chẳng mấy may thương xót nhà Trần đã mất. Dù là cháu ngoại Trần Nguyên Đán tướng công, có quan hệ máu mủ với nhà Trần, ông không hề mấy may thương xót nhà Trần, không hề tham gia cuộc khởi nghĩa của vua tôi nhà Trần. Tại sao? Bởi vì đối với ông cái quan trọng là bọn khố rách áo ôm có được xơ múi gì không chứ không phải vua này, chúa nọ. Trong bài *Chiếu cấm các quan đại thần, tổng quản, cùng các quan ở sảnh, cục, tham lam lười biếng* (1430) ông thay mặt nhà vua (Lê Lợi) phớt bầy không chút nề nang tội lỗi của nhà Trần, như điều Nguyễn Ái Quốc sẽ làm đối với chính quyền nhà Nguyễn: “Trước kia họ Trình (tức là Trần, vì tránh húy

mà đổi) cậy mình mạnh giàu, *nhân dân khốn khổ*, chỉ ham vui chơi, đắm đuối tử sắc. Những việc vô ích bày ra hàng ngày: nào là đánh bạc, vây cờ, chọi gà, thả chim, nào là cá vàng nuôi chậu, chim rừng nhốt lồng. *Khoa tốt tài năng nhỏ mọn giành lấy hơn thua, quên hẳn thiên hạ lớn lao chẳng hề đoái nghĩ*. Kẻ oan uổng bị khổ ở chốn câu giam, hai ba năm không được xét hỏi, người thân sơ phải khuất ở tay nội gián, hai ba tháng mà việc vẫn chưa xong. Khanh tướng lập đảng riêng tây, triều đình thiếu người can gián. Cho đến nỗi con vua cháu chúa bị hại bởi kẻ gian thần, quyền lớn việc to đều lọt vào tay xiểm nịnh. *Nhân dân oán ghét mà không biết*, lòng trời khiển trách mà chẳng kinh. Chính giáo do đó mà suy đồi, kỷ cương do đó mà rối loạn. Dẫu rằng, họ Hồ là bất trung, nhưng cũng bởi lòng trời chán ghét họ Trình *bất đức* mà mượn tay người khác vậy”.

Công lao của nhà Trần trong việc đánh quân Nguyên có thể nói là cực kỳ vĩ đại. Nhưng trận Bạch Đằng kết thúc năm 1288 thì năm 1400 Hồ Quý Ly lật đổ ngôi nhà Trần, tức là chỉ sau 118 năm. Lý do đơn giản, nhân dân không được bù đắp công lao, còn quý tộc thì như Trần Quốc Tuấn nói: “Dẫu không muốn vui chơi phông có được không” tức là lao vào hưởng lạc. Những lời nói như vậy khác hẳn với những điều Bác vẫn dạy mỗi cán bộ. Vào cuối đời mình chính Bác nói: “Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất thiết hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi nếu lòng dạ không trong sáng nữa!...”.

Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh đều tự khẳng định mình là con người có một bản lĩnh kiên cường không một sức mạnh nào, không một cám dỗ nào thay đổi nổi. Cách nói gần như nhau. Hồ Chí Minh nói: “*Tôi vẫn là tôi ngày trước, một người yêu nước*”. Nguyễn Trãi nói: “*Nam châu cựu thức như tương vấn, Bảo đạo kinh ngô diệc cố ngô*” (bạn bè cũ đất Nam nếu có hỏi, Nhờ bảo giúp cái tôi hôm nay vẫn là cái tôi ngày xưa). Và Nguyễn Trãi cũng khẳng định dứt khoát cái chí của mình:

*Bụi có một lòng trung lẫn hiếu*

*Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen.*

Khái niệm trung hiếu này, về thực chất rất gần với “niềm mong muốn tốt bậc” của Bác Hồ: “Đánh thắng giặc Mỹ rồi thì những việc của cách mạng là làm thế nào giải quyết càng tốt hơn các vấn đề ăn, mặc, ở,

đi lại, học hành, phòng và chữa bệnh... Tóm lại là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”.

Nguyễn Trãi nói trong bài Mừng trở về Lam Sơn: *Quyên mưu bản thị dụng trừ gian, Nhân nghĩa duy trì quốc thể an* (Quyên mưu vốn dĩ để trừ gian, Nhân nghĩa duy trì quốc thể nước an). Thì Hồ Chí Minh còn nói quyết liệt hơn: “Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình, có nghĩa. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn trở thành tình nghĩa đồng bào đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Biết chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. *Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình nghĩa, thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin được*”. Lấy tình nghĩa làm bản chất của chủ nghĩa Mác-Lênin quả thực là một điều rất mới lạ.

Tôi có nói đến *khái niệm khúc xạ* mà theo tôi là một khái niệm cơ bản của văn hóa học. Đây là độ khúc xạ của tư tưởng Mác-Lênin qua tâm hồn Việt Nam, cũng như có một độ khúc xạ của đạo Khổng qua Nguyễn Trãi. Đây cũng là độ khúc xạ chung của hai tâm hồn vĩ đại. Hồ Chí Minh nói: “Trừ bọn Việt gian bán nước, trừ bọn phát-xít thực dân là những ác quỷ mà ta phải kiên quyết đánh đổ; *đối với tất cả những người khác thì phải kính trọng, giúp đỡ. Phải thực hành bác ái.*”

“*Lam Sơn thực lục*” chép lại khi Lê Lợi sau khi chiến thắng cũng theo cái tinh thần bác ái mà sau này Hồ Chí Minh nói đến: “*Thà người phụ ta chứ ta không phụ người*. Phàm người bất bình về việc nhỏ mà bồng sinh chí khác, *thì trăm thường khoan thứ, trăm vẫn tin dùng như lòng dạ; nếu biết sửa lỗi thì thôi vốn không có ý cầu toàn trách bị*. Ấy cũng là bởi trăm trải nhiều hoạn nạn, nếm đủ gian nan, cho nên hay động lòng nhịn tức, *không lấy việc nhỏ mà hại việc lớn, không lấy nhìn gần mà lãng nhìn xa*”. Điều này cho thấy chính sách bác ái của Bác là xuất phát từ cơ sở dân tộc, không phải là xuất phát từ giai cấp đấu tranh, từ lý thuyết bạo lực cách mạng. Và như 500 năm trước, nó đã đem đến thành công rực rỡ.

Một đường lối khác do Nguyễn Trãi đề ra đã được Lê Lợi thực hiện cũng đã được Hồ Chí Minh áp dụng, tuy một bên nói “*tâm công*”, một bên nói “*đánh bại ý chí xâm lược*”. Để đối phó với một đạo quân xâm lược hùng mạnh, Lê Lợi và Hồ Chí Minh đều sử dụng một biện pháp như nhau: lấy chính nghĩa làm nền tảng cho cuộc kháng chiến. Trên cơ sở

chính nghĩa kết hợp đánh và đàm. Về đánh kéo địch vào cái thiên la địa võng của chiến tranh nhân dân, bao vây, cắt đường viện trợ và cuối cùng bắt địch đầu hàng. Về đàm, kiên nhẫn lần này lượt khác sử dụng chính những nguyên lý đạo đức chính nghĩa mà đối phương cũng phải chấp nhận để cuối cùng, do kết hợp với chiến thắng bất quân địch phải về nước khi ý chí chinh phục đã bị bẻ gãy. Có nhiều điểm rất giống nhau giữa hai cuộc kháng chiến cách nhau 500 năm.

Hồ Chí Minh cũng như Nguyễn Trãi đều nuôi dưỡng một ý chí “*Lo trước mọi người, vui sau mọi người*”. Cũng như Hồ Chí Minh, Nguyễn Trãi viết trong bài “*Đêm đậu thuyền ở cửa biển*”:

*Bình sinh dốc bão tiên ưu chí  
Tọa ủng hàn khân dạ bất miên  
(Bình sinh ta độc ôm lo trước  
Chấn lạnh ngồi ôm chẳng ngủ đêm).*

Năm trăm năm sau Nguyễn Ái Quốc cũng một mình ôm hòn gạch nung trong bầu trời Pari giá lạnh, thao thức, cô đơn trong cái chí lo trước này.

Cũng như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh không bán khoán về điểm nhân dân Việt Nam có đầy đủ dũng khí để giành lại độc lập không. Điều bán khoán là ở chỗ tìm cho ra con đường lãnh đạo để đạt đến thắng lợi. Đây không phải con đường “sát thân thành nhân” của nhà Hậu Trần hay của sĩ phu yêu nước, tuy oanh liệt nhưng không đạt được kết quả. Phải tìm cho được con đường nhất định thắng lợi.

Về phương pháp làm việc, con đường Hồ Chí Minh phát hiện có nhiều điểm rất gần với con đường 500 năm trước Nguyễn Trãi đã phát hiện. Con đường ấy Hồ Chí Minh định nghĩa là “*những lẽ phải không ai chối cãi được*”, không phải chỉ nhân dân Việt Nam thấy là đúng, mà ngay kẻ thù cũng phải công nhận là đúng. Nguyễn Trãi gọi con đường ấy là con đường “*nhân nghĩa*” tức là chính con đường mà Trung Hoa vẫn tự hào. Tức là đằng sau cuộc giao chiến bằng xương máu, có một cuộc đối đầu về lý luận xuất phát từ những nguyên lý chung. Phải có nguyên lý chung, hai bên đều chấp nhận thì sau đó mới có thể vừa đánh vừa đàm. Nếu không, chỉ có súng đạn lên tiếng và thù chồng lên thù, trận kéo theo trận, chỉ có một bên gục xuống, một bên giẫm lên xác thù mới kết thúc. Cho nên, nếu Hồ Chí Minh tiến hành cuộc kháng chiến dựa trên

những nguyên lý của cách mạng Pháp “độc lập dân tộc, tự do, bình đẳng, bác ái” thì Nguyễn Trãi cũng dựa trên nhân nghĩa, nền tảng của đạo lý Trung Hoa. *Bức thư trả lời Phương Chính* viết thay Lê Lợi nói: “*Phàm mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu. Chỉ nhân nghĩa có gồm đủ thì công việc mới xong xuôi. Nước mà nhân dịp họ Hồ lỗi đạo, mượn tiếng điếu dân phạt tội, kỳ thực làm việc bạo tàn, lấn cướp đất nước ta, bóc lột nhân dân ta, thuế nặng hình phiền, vợ vét của quý, dân mọn, xóm làng không sống được yên, nhân nghĩa mà lại thế ư?*”. Muốn thuyết phục ai thì phải từ những tiền đề chung, nếu không sẽ là cuộc đối thoại giữa những người điếc. Khi Nguyễn Trãi bóc trần những tội ác của giặc Minh, cũng như khi Nguyễn Ái Quốc vạch trần bản án thực dân Pháp cả hai đều xuất phát từ những nguyên lý mà bất cứ người Trung Hoa, người Pháp trung thực nào cũng phải chấp nhận.

Sau khi đã khẳng định những nguyên lý chung, Nguyễn Trãi và sau này là Hồ Chí Minh đều dùng những nguyên lý ấy thuyết phục đối phương. Và cả hai đều đạt những kết quả phi thường. Hồ Chí Minh đã giành được sự ủng hộ không phải chỉ của Đảng Cộng sản Pháp mà cả của nhân dân Pháp và sau này của cả nhân dân Mỹ. Vô số những người tham dự các đạo quân viễn chinh đã trở thành những chiến sĩ tiên phong của thế kỷ này trong cái cao trào rộng lớn lật đổ hai chủ nghĩa đế quốc. Nguyễn Trãi và Lê Lợi đã kéo về phía mình không những binh sĩ Trung Hoa mà ngay cả những viên tướng Trung Hoa, Thái Phúc là một ví dụ. Chính Thái Phúc đã vâng theo chính nghĩa đi dụ hàng nhiều nơi quân Minh đóng quân rồi sau đó khẳng khái về nước để chết theo chính nghĩa chứ không ở lại Việt Nam theo yêu cầu của Lê Lợi. Tiếng nói của chính nghĩa mạnh đến như vậy.

Nhưng muốn đạt đến cái kết quả to lớn ấy phải thực hiện nghiêm chỉnh ba điều:

*Một là*, tách nhân dân ra khỏi bộ máy xâm lược. Tức là nhân dân Việt Nam chỉ chống lại chính quyền đô hộ mà không chống lại nhân dân Trung Hoa. Trái lại nước Việt Nam rất quý trọng nhân dân Trung Hoa và sau này là nhân dân Pháp và Mỹ, hết sức biết ơn những nền văn hóa cao hơn văn hóa mình và luôn luôn học tập các nền văn hóa ấy. Có những người Trung Hoa chân chính, những người Pháp, Mỹ chân chính

và những nguyên lý bất tử của tinh thần nhân đạo đã được nhân dân các nước ấy tôn sùng và nhân dân Việt Nam cũng tôn sùng các nguyên lý ấy.

*Hai là*, thực hiện cực kỳ nghiêm chỉnh những nguyên lý nhân đạo chủ nghĩa mà mình đã nêu lên. Trường hợp Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm những gì đối với người Pháp, người Mỹ thì ai cũng thấy. Nhưng cái điều ít ai chú ý là cách đây 500 năm Việt Nam đã làm đúng như vậy. *Bức thư dụ thành Bắc Giang* viết: “*Hiện nay vệ quân các xứ Thanh Hoá, Diễn Châu đều đã nhất tề đến đây rồi, phạm vợ con, tài sản quân nhân, đều may mắn không bị vi phạm*”. *Lam Sơn thực lục* viết: “Tướng sĩ ta cùng người trong nước, không kể gái trai già trẻ, khổ vì giặc tàn bạo đã lâu, bị chúng giết hại cha mẹ bà con, liền đem nhau cố xin vua giết để nguôi mối giận của trời đất, thần người, để an ủi những linh hồn vô tội oan uổng, để rửa sạch xỉ nhục vô cùng của nước nhà, để hả tấm lòng của trung thân nghĩa sĩ. Vua gọi hết các tướng và người nước mà bảo rằng: “Phục thù báo oán đó là thường tình của người ta, *không thích giết người đó là bản tính của kẻ nhân giả*. Và người ta đã hàng mà lại giết thì không còn gì không lành hơn nữa. Để hả mối giận một sớm mà mang tiếng giết hàng muôn đời, thì *sao bằng để sống ức vạn người mà hết mối chiến tranh cho hậu thế, khiến sử xanh ghi chép, nghìn thuở lưu thơm, như thế chẳng là lớn sao?*”.

*Ba là*, phải có một nhận thức cụ thể, tránh những mơ ước cao xa, nhận thức đúng cương vị của mình. Cái mà nay ta hiểu là bệnh “lãng mạn cách mạng” và thấy cái nguy hại của nó. Nguyễn Trãi đã nhận thức từ lâu. Cho nên trong quan hệ với Trung Hoa, Lê Lợi, qua văn Nguyễn Trãi bao giờ cũng nêu rõ: Một là, nước Việt Nam là một nước nhỏ không hề có ý muốn làm tổn hại đến uy tín của Trung Hoa, bao giờ cũng giữ địa vị một chư hầu; Hai là, cuộc kháng chiến là bất đắc dĩ vì không có con đường nào khác; Ba là, chính việc rút quân về là có lợi cho Trung Hoa do chỗ tình hình Trung Hoa hiện nay gặp những khó khăn thực tế.

Toàn bộ thơ văn Nguyễn Trãi biểu lộ sự minh triết của con người biết mình biết người, biết tiến, biết dừng, nhất là biết dừng. Bác Hồ cũng đúng là một bậc minh triết như vậy. Bác hoãn tổng khởi nghĩa, đổi Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam, bỏ chủ trương Liên bang Đông Dương, luôn luôn nhắc nhở: “*Nước Việt Nam là một nước nhỏ*”, bảo vệ hữu nghị giữa Việt Nam với Pháp và Mỹ, bao giờ

cũng khẳng định tính chất bất đắc dĩ của cuộc kháng chiến. Thời gian cách xa 500 năm, hoàn cảnh quốc tế trong nước khác nhau xa nhưng tinh thần vẫn là một.

Trong cư xử đối với mình và với người khác, Hồ Chí Minh giống Nguyễn Trãi đến mức lạ lùng. Một cuộc sống bình dị: *"Bữa ăn dầu có dưa muối / Áo mặc nài chỉ gấm là"* (bài III); một tấm lòng chung thủy trọn đời với nhân dân: *"Bụi có một niềm chắng nở trể / Đạo làm con liền đạo làm tôi"* (Bài I. Ngôn chí); một tâm hồn thanh cao: *"Một phút thanh nhàn trong thuở ấy / Nghìn vàng ước đổi được hay không?"*. Những câu thơ của Nguyễn Trãi rất gần những câu thơ của Hồ Chí Minh mà mọi người đều biết.

Điều mà Hồ Chí Minh lo lắng nhất mà chính Nguyễn Trãi cũng quan tâm nhất là nhân dân có được sống yên ổn, thái bình để bù lại những hy sinh to lớn mà họ đã chịu đựng không. Bác để lại *Di chúc*. Đây là một thứ di chúc Nguyễn Trãi viết nhân danh Lê Lợi cho con trai nối nghiệp. Bản "di chúc" này đến nay vẫn mang tính thời sự: *"Chớ biến đổi thành pháp của tiên vương. Đừng lãng quên cách ngôn của tiên triết. Chớ gân thanh sắc mà ham của tiền, chớ ham chơi sẵn mà thích dâm dật, chớ nghe lời sàm nịnh mà bỏ lời trung thực, chớ dùng tân tiến mà bỏ kẻ cựu thân. Bảo rằng trời khó tin, mệnh không thường, nghĩ sửa trị ở khi chưa loạn. Bảo rằng công khó thành, việc dễ hỏng, nghĩ giữ nước từ lúc chưa nguy. Ở cảnh yên vui, nghĩ đến việc gian nan từ ngày trước, hưởng điều sung sướng, nghĩ đến công tích lũy của tổ tông. Phải cẩn thận lúc trước để tính lúc sau, phải làm nên việc lớn từ ở việc nhỏ. Phải hiểu chí trước mới giữ được nghiệp trước; phải thuận lòng trời mới hợp được lòng người"*.

Điều Bác dạy ta cũng không ngoài những nguyên lý ấy.

Tôi chỉ nhắc đến một người giống Bác. Thực ra, không phải chỉ có một người mà có cả một truyền thống. Từng người một, ít nhiều đều đã thấm nhuần truyền thống ấy. Nếu ta nhắc đến Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Trường Tộ, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Trường Chinh, v.v.. chẳng qua là nhắc đến những con người tiêu biểu. Cái sôi sục trong lòng từng bà mẹ, từng đứa con Việt Nam chính là cái truyền thống ấy. Nhưng việc tập trung vào một so sánh giữa hai người trong hai hoàn cảnh, hai cương vị hết sức khác nhau sẽ giúp

chúng ta thấy chính cái điều mà cuộc sống hôm nay đặt ra là bắt buộc phải giải đáp.

Phải chăng Hồ Chí Minh chỉ là một người cộng sản nhưng biết áp dụng nhuần nhuyễn những nguyên lý cộng sản vào thực tế Việt Nam nên đã thành công? Theo tôi nghĩ đây là cách nhìn quen thuộc. Hay ngược lại, Hồ Chí Minh chính là một người Việt Nam và sở dĩ người thành công to lớn như vậy chính là nhờ biết tận dụng những yếu tố mới mẻ của chủ nghĩa Mác-Lênin làm cho nó phù hợp với tâm thức Việt Nam? Và câu chuyện quy lại là trong kho tàng lý luận Mác-Lênin, những yếu tố nào đã được Việt Nam hóa, và những yếu tố nào vẫn cứ là xa lạ dù cho người ta đã cố gắng bằng đủ mọi cách để biến nó thành hệ tư tưởng duy nhất? Trước đây chẳng có ai dám nêu lên câu hỏi này. Nhưng hiện nay nó là câu hỏi nóng bỏng của mọi người Việt Nam yêu nước. Tự thân cách đặt vấn đề của tôi đã là một thái độ.

Bản sao lưu



## HỒ CHÍ MINH VÀ VIỆC KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN TRUYỀN THỐNG ĐẠO ĐỨC DÂN TỘC

*PGS Bùi Khắc Việt*

Trong việc kế thừa truyền thống đạo đức dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn lọc để phát huy những mặt tốt, từ bỏ những mặt tiêu cực, đồng thời cách tân, bổ sung những nhân tố mới phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, của thời đại.

Trong tư tưởng, tình cảm, hành động, chủ trương chính sách của Người, hiện lên rất rõ dấu ấn sâu sắc của tinh thần tập thể cộng đồng và lòng nhân ái Việt Nam.

1. Tinh thần tập thể cộng đồng là nét nổi bật trong tư tưởng, nét đặc sắc trong đạo đức truyền thống Việt Nam. Nó là nguồn gốc của nhiều thuần phong mỹ tục của nhân dân ta. Tinh thần này biểu hiện ở sự gắn bó thường xuyên và bền vững, sự quan tâm sâu sắc của cá nhân đối với cộng đồng. Trong quan hệ với cộng đồng, người ta không nhấn mạnh quyền lợi cá nhân mà nhấn mạnh nghĩa vụ cá nhân đối với cộng đồng.

Ý thức tập thể cộng đồng thể hiện trước hết trong gia đình, cái nôi, trong đó con người sinh ra và lớn lên, vì quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân mà thương yêu gắn bó với nhau, sẵn sàng có tinh thần hy sinh cao cả vì những người thân của mình. Trong nhà rồi đến ngoài làng. Người dân coi làng xã là gia đình lớn. Nhà và làng gắn liền với nước: sống ở làng, sang ở nước, nước mất thì nhà tan. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm quê hương gắn liền với lòng yêu nước, với tinh thần cộng đồng dân tộc, cộng đồng quốc gia.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu tình cảm cổ truyền trên đây của dân tộc và kết hợp nhuần nhuyễn với ý thức cách mạng.

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Người đã phát huy đến cao độ tinh thần đoàn kết kiểu gia tộc trong cộng đồng. Người ôm ấp cả một

gia đình rộng lớn là dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam. Người sống bằng tâm hồn của cộng đồng dân tộc, của đất nước, đau nỗi đau của dân, buồn cái buồn của dân, hòa mình vào niềm vui chung của dân, chịu khổ trước dân, hưởng thụ sau dân.

Ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, trước cảnh nạn đói đe dọa hàng triệu đồng bào, nhân danh Chủ tịch nước, Người đề nghị lấy việc chống nạn đói làm nhiệm vụ số một trong các nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước dân chủ cộng hòa. Người hô hào nhân dân và bản thân Người gương mẫu thực hành: cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, đem gạo đó, mỗi bữa một bò để cứu giúp dân nghèo. Sự hưởng ứng nhiệt liệt của toàn dân đối với chủ trương cứu đói, do Người đề xuất là biểu hiện tốt đẹp của tinh thần tập thể cộng đồng, của truyền thống đùm bọc tương trợ nhau trong hoàn cảnh lịch sử mới.

Bác sĩ Vũ Đình Tụng, một nhân sĩ công giáo, có con hy sinh trong chiến đấu, nhận được thư thăm hỏi của Người, trong đó Người giải bày tâm sự: “Nước Việt Nam là đại gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu tôi. Mất một thanh niên thì hình như tôi đứt một đoạn ruột”<sup>1</sup>.

Người giáo dục nông dân ý thức coi làng xã là nhà, hợp tác xã là nhà. Người luôn luôn nhắc nhở thầy thuốc phải như mẹ hiền, cô giáo dạy trẻ phải như mẹ hiền, người chỉ huy, người chính trị viên phải thương yêu chiến sĩ như anh em ruột thịt.

Trước âm mưu chia cắt đất nước của kẻ thù, Người nói những lời thấm thía, sâu sắc, khiến cả nước hướng về miền Nam, cùng một lòng đấu tranh cho thống nhất Tổ quốc “Nam Bắc là một nhà, Bắc Nam là ruột thịt”.

Nước Việt Nam có hơn 50 dân tộc, mỗi dân tộc có tiếng nói riêng, phong tục tập quán riêng. Chính sách của Nhà nước ta do Người lãnh đạo luôn luôn tôn trọng văn hóa của từng dân tộc, coi các dân tộc là anh em trong đại gia đình Tổ quốc Việt Nam.

Người quan tâm đặc biệt vấn đề đoàn kết tôn giáo. Trong quá trình xâm lược và thống trị Việt Nam, chủ nghĩa thực dân và đế quốc đã lợi dụng đạo Thiên chúa như một công cụ để xâm lược, để chia rẽ dân tộc. Không ít giáo sĩ đã trực tiếp phục vụ chủ nghĩa thực dân và lôi kéo một số giáo dân xa rời hàng ngũ dân tộc.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, t.4, tr.264.

Để đối phó lại âm mưu đó, trong các thế kỷ XVII, XVIII và nhất là XIX, chính quyền phong kiến đương thời đã thi hành chính sách cấm đạo, diệt đạo, tạo nên cảnh nổi da nẫu thịt đau thương.

Xuất phát từ thực tiễn, từ đạo lý của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh có cách xử lý hoàn toàn khác: Người biểu lộ một tình cảm đặc biệt, rất chân thành và thân thương với đồng bào các tôn giáo. Người coi những người lầm đường lạc lối là nạn nhân của chủ nghĩa đế quốc nên có chính sách khoan dung, độ lượng, lấy tinh thần thân ái mà cảm hóa giúp đỡ họ quay về với dân tộc. Chính sách tự do tín ngưỡng của Hồ Chủ tịch, Đảng và Nhà nước ta từng bước đi vào lòng giáo dân, khơi dậy lòng yêu nước của đồng bào, làm cho đồng bào giáo dân ngày càng gắn bó với dân tộc, với vận mệnh của đất nước.

Chính sách đó làm sống lại và phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc sâu sắc, thái độ khoan dung rộng mở trong giao lưu văn hóa tư tưởng, tinh thần bao dung, tôn trọng các tôn giáo, vốn đã có từ lâu trong lịch sử dân tộc.

Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh thần cộng đồng thân ái không còn giới hạn trong phạm vi “người trong một nước” như trước kia. Quan hệ tình nghĩa gia đình không phải chỉ thể hiện trong phạm vi quốc gia mà còn thể hiện trong phạm vi thế giới.

Trong nước Việt Nam truyền thống, tinh thần cộng đồng mang tính chất đẳng cấp, thứ bậc còn trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tinh thần tập thể gắn liền với tinh thần dân chủ, bình đẳng. Bản thân Người là Chủ tịch nước cũng chỉ tự coi mình “như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận”<sup>1</sup>. Người xác định cán bộ các cấp đều là “công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân” và nhấn mạnh “việc gì lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì hại cho dân ta phải hết sức tránh”<sup>2</sup>.

2. Tinh thần tập thể cộng đồng gắn liền với tinh thần nhân ái. Dân tộc Việt Nam vốn yêu quý con người, coi “người ta là hoa đất”. Người và người ràng buộc với nhau trước hết bằng tình người: tình cha mẹ đối với con, tình vợ chồng, tình anh em, tình bạn bè, tình thầy trò, tình đồng hương, tình đồng bào... Vì tình mà sinh ra nghĩa: tình trước nghĩa sau, tình sâu nghĩa nặng...

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, t.4, tr.100, 36.

Do giàu lòng nhân ái nên khi con người bị chà đạp phải đứng lên đấu tranh giành quyền sống cho con người. Trải qua hàng nghìn năm chống xâm lược, nhân dân Việt Nam hiểu quyền sống của mình trước hết là quyền được làm dân một nước độc lập, tự do, độc lập dân tộc và quyền làm người gắn bó chặt chẽ với nhau: Đất nước bị đô hộ thì người dân chỉ là những kẻ nô lệ. Do đó, đạo làm người ở Việt Nam trước hết là yêu nước, trừ giặc để cứu nước cứu dân. Con người yêu nước và con người thương dân gần như là một.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu truyền thống đạo đức dân tộc, lòng nhân ái, lòng yêu thương quý mến con người và nâng nó lên thành chủ nghĩa nhân văn cách mạng.

Lòng nhân ái bao la của Người dành cho tất cả đồng bào, cho mọi tầng lớp trong xã hội, đặc biệt cho những người nghèo, người bất hạnh và bị áp bức. Người kính trọng các cụ già, yêu quý các em nhỏ. Người gửi gắm ở thế hệ trẻ niềm tin tưởng vô hạn và tình yêu bao la của mình. Người lên án mọi sự bất công, thô bạo đối với phụ nữ và không ngừng đấu tranh để giải phóng phụ nữ.

Trong lịch sử Việt Nam, có những anh hùng dân tộc là phụ nữ, có những nhà thơ thông cảm sâu sắc với cái phận đau đớn của đàn bà nhưng chưa có một nhà chính trị nào, như Hồ Chí Minh, lên tiếng về vấn đề giải phóng phụ nữ. Các lãnh tụ chính trị nổi tiếng trên thế giới trong thời cận hiện đại quan tâm đến công lý xã hội cho toàn xã hội, nhưng chưa có ai luôn luôn quan tâm đấu tranh và có biện pháp thiết thực để thực hiện quyền bình đẳng cho phụ nữ về chính trị, kinh tế, giáo dục như Hồ Chí Minh.

Không những chỉ quan tâm chung đến toàn xã hội, đến các tầng lớp, Người còn trực tiếp chăm sóc, bồi dưỡng tỉ mỉ cho từng con người mà Người tiếp xúc, từ người cấp dưỡng, người bảo vệ, người nông dân, người chiến sĩ ngoài mặt trận đến người cán bộ cao cấp, để mỗi người có thể phát huy tài năng, phẩm chất, tinh thần chủ động, sáng tạo của mình.

Dù phải tiến hành chiến tranh với Pháp và Mỹ, Người luôn luôn kính trọng, yêu quý nhân dân Pháp, nhân dân Mỹ... Người kêu gọi giai cấp công nhân và người cách mạng Pháp tố cáo chủ nghĩa thực dân và góp phần vào sự nghiệp giải phóng nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa.

Đối với kẻ thù của nhân dân, Người bao giờ cũng xuất phát từ lẽ phải, từ chính nghĩa để đấu tranh bằng việc quy vào các giá trị văn hóa tốt đẹp, đấu tranh vũ trang là việc cực chẳng đã.

Trong Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945, Người đã trích dẫn Tuyên ngôn độc lập 1776 của nước Mỹ, khẳng định quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của mọi người. Người cũng đã trích dẫn Tuyên ngôn nhân quyền năm 1791 của cách mạng Pháp, khẳng định quyền tự do và bình đẳng về quyền lợi của mọi người. Phát triển tinh thần của hai bản Tuyên ngôn của Mỹ và Pháp, Người khẳng định những quyền pháp lý về độc lập dân tộc, gắn liền quyền dân tộc với quyền cơ bản của con người.

Mục tiêu chiến đấu suốt đời của Người chống lại ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, đem lại độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, góp phần vào công cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ trên thế giới, mục tiêu đó xuất phát từ chủ nghĩa nhân văn chân chính.

Toàn bộ suy nghĩ và hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh bao giờ cũng hướng về con người, nhằm mục tiêu giải phóng con người, xây dựng cuộc sống hạnh phúc cho con người. Le Paria số 1 nói đến “giải phóng con người”. Trong *Di chúc* đề cập đến những công việc sau ngày đánh thắng Mỹ, Người viết: “Đầu tiên là công việc đối với con người”. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người là trung tâm của sự chú ý, là đối tượng phục vụ của sự phát triển kinh tế xã hội. Con người cũng là chủ thể tạo nên sự phát triển đó.

Lòng nhân ái bao la ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, niềm tin mãnh liệt của Người vào con người, vào nhân dân, ý chí và quyết tâm vững chắc đấu tranh để đạt tới lý tưởng ca cả độc lập cho Tổ quốc, tự do hạnh phúc cho nhân dân, hòa bình và tiến bộ xã hội, những tư tưởng đó có nguồn gốc sâu xa từ lòng nhân ái Việt Nam.

## VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC, TÁC PHONG, LỀ LỐI LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC HIỆN NAY

*Tô Tử Hạ*

Mỗi giai đoạn cách mạng đều có nhiệm vụ lịch sử cụ thể, có yêu cầu cụ thể về xây dựng đội ngũ cán bộ để đảm đương sứ mệnh của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nắm bắt một cách chính xác những yêu cầu đó. Người đã chủ động đề ra các nội dung và biện pháp phù hợp như mở lớp huấn luyện, viết thành sách tuyên truyền, giáo dục để xây dựng đội ngũ cán bộ, bồi dưỡng, giáo dục đội ngũ cán bộ trong quá trình công tác, chiến đấu và sản xuất đáp ứng các yêu cầu và là yếu tố đảm bảo cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* là một trong những tác phẩm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giáo dục, rèn luyện và xây dựng đội ngũ cán bộ. Giữa lúc toàn Đảng, toàn dân ta đang thực hiện đưa Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII “Về chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” vào cuộc sống; chúng ta long trọng kỷ niệm 50 năm tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* bằng việc tổ chức cuộc Hội thảo khoa học về tác phẩm quan trọng này. Đây là cuốn sách giáo khoa có nội dung sâu sắc, toàn diện về giáo dục, rèn luyện xây dựng đội ngũ cán bộ cách mạng của Việt Nam. Tuy tác phẩm ra đời trong thời kỳ “kháng chiến, kiến quốc” nhưng tới nay vẫn còn nguyên giá trị. Khai thác và vận dụng những nội dung tư tưởng của Hồ Chí Minh trong tác phẩm có ý nghĩa rất quan trọng và thiết thực để góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước vượt qua thử thách giành những thành tựu to lớn hơn nữa trong công cuộc đổi mới. Cuộc Hội thảo với chủ đề “Đạo đức và lối làm việc của cán bộ, công chức”, nhân kỷ niệm 50 năm tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* do Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ chủ trì không chỉ mang ý

ngĩa lịch sử sự ra đời của tác phẩm. Điều quan trọng hơn và mục đích của cuộc Hội thảo này là thông qua việc nghiên cứu một cách nghiêm túc, toàn diện, sâu sắc, chúng ta rút ra được những vấn đề về nội dung, phương pháp... giải đáp cho những yêu cầu, những câu hỏi lớn rất bức xúc, nóng bỏng: làm gì và làm như thế nào để rèn luyện củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước của dân, do dân, vì dân? Vận dụng những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh để đổi mới công tác cán bộ, thực hiện việc xây dựng chiến lược cán bộ. Làm gì và làm như thế nào để khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay?...

Lịch sử cách mạng Việt Nam ghi nhận trong lĩnh vực huấn luyện, đào tạo cán bộ có hai tác phẩm nổi bật ở hai thời kỳ khác nhau:

Đó là tác phẩm *Đường cách mệnh* với các lớp huấn luyện do Hồ Chí Minh tổ chức, chỉ đạo ở nước ngoài (Quảng Châu, Trung Quốc), sau đó là mở lớp ở trong nước, đào tạo nên đội ngũ cán bộ tiên bối của Đảng. Đội ngũ này trưởng thành và phát triển trong đấu tranh cách mạng, thành lực lượng đủ sức lãnh đạo cuộc vận động giải phóng dân tộc, kết thúc bằng cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

Đó là tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, với những nội dung được Hồ Chí Minh bổ sung, làm sáng tỏ thêm trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hết lòng hết sức chi viện cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam. Đó là những năm tháng đào luyện nên đội ngũ cán bộ cho sự nghiệp kháng chiến chín năm thắng lợi, giải phóng miền Bắc và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Những bài viết, bài nói, những lời căn dặn của Bác Hồ tới lúc Người sắp đi xa về công tác cán bộ, về “nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” (6-1969) vẫn liên mạch của nội dung tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*. Các thế hệ cán bộ được đào luyện trong những năm tháng gian khổ “một mất một còn” đấu tranh giải phóng đất nước đã hoàn thành sứ mệnh mà lịch sử giao phó.

Bước vào thời kỳ hòa bình xây dựng và nhất là trong công cuộc đổi mới, đội ngũ cán bộ công chức đã vươn lên, năng động, sáng tạo góp phần xứng đáng vào thành tựu to lớn của đất nước. Song, trong hoàn cảnh mới, sự tác động của cơ chế thị trường đã làm bộc lộ nhiều yếu

kém, khuyết điểm của đội ngũ cán bộ, công chức. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã nhận định: “Nhìn chung, đội ngũ cán bộ hiện nay, cả về chất lượng, số lượng và cơ cấu đều có nhiều mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”<sup>1</sup>.

Đánh giá về công tác cán bộ vừa qua bên cạnh những ưu điểm rất cơ bản, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII còn chỉ ra những khuyết điểm:

- Việc đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ nhiều khi còn chủ quan, chưa thật công tâm, chưa hợp lý, thiếu dân chủ hoặc dân chủ hình thức.

- Chính sách đối với cán bộ còn nhiều bất hợp lý, thiếu công bằng, thực hiện không thống nhất và đồng bộ, chưa phát huy được tài năng.

- Công tác đào tạo chưa gắn với yêu cầu, tiêu chuẩn và quy hoạch, sử dụng, chất lượng, hiệu quả thấp.

- Nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được cụ thể hóa. Công tác kiểm tra, quản lý cán bộ nhiều nơi bị buông lỏng...<sup>2</sup>

Những khuyết điểm trên đây đã hạn chế tới kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị ở các địa phương, đơn vị. Có nơi mắc khuyết điểm đã để lại hậu quả xấu, gây tác hại lớn. Những khuyết điểm trên đây đã được Hồ Chí Minh đề cập khá đầy đủ và sâu sắc trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* cách đây 50 năm. Vì vậy, việc nghiên cứu học tập và vận dụng những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về *Sửa đổi lối làm việc* có ý nghĩa thời sự to lớn. Trên các *tạp chí*, các *báo* đã có nhiều bài viết về tác phẩm này. Sự hưởng ứng nhiệt thành của các cơ quan, các nhà khoa học đối với Hội thảo về đạo đức cán bộ công chức, *sửa đổi lề lối làm việc* theo phong cách Hồ Chí Minh đã nói lên ý nghĩa thời sự, chính trị nóng hổi hiện nay. Cùng với các hoạt động của các cơ quan, địa phương cả nước, chúng ta cố gắng đi sâu nghiên cứu, gắn nội dung, kết quả cuộc Hội thảo với yêu cầu nhiệm vụ hiện nay, đưa những tư tưởng về công tác cán bộ của Hồ Chí Minh và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vào cuộc sống.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.24.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, tr.27-34.



Điểm lại nội dung, chúng ta thấy tác phẩm có sáu phần được Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày chặt chẽ và súc tích.

### **I- Phê bình và sửa chữa:**

Hồ Chí Minh nêu lên yêu cầu: “Phải sửa đổi lối làm việc của Đảng”<sup>1</sup>, phải chữa ngay “bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi”. Cách sửa chữa các căn bệnh ấy là phê bình và tự phê bình, phải tổ chức học tập, rèn luyện. Người nêu lên: “Cách phê bình. Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ”<sup>2</sup>, “phê bình việc làm chứ không phê bình người”. Hồ Chí Minh đã chỉ bảo chân tình cho chúng ta thấy rằng: Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt.

### **II- Mấy điều kinh nghiệm:**

Người đã nêu chân lý: “Có cán bộ tốt, việc gì cũng xong. Muôn việc thành công hay thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”<sup>3</sup>, Người nêu lên nhiều kinh nghiệm, bài học về phương pháp, tác phong làm việc của cán bộ, đảng viên. Đó là phải biết nghiên cứu kinh nghiệm đến gốc, phải nâng cao sáng kiến và lòng hăng hái của cán bộ, đảng viên. Phải giáo dục về trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và luôn luôn “sát quần chúng”<sup>4</sup>. Phải thực hiện “*Từ trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng*”, sửa chữa thái độ xa quần chúng, khắc phục bệnh chủ quan.

### **III- Tư cách và đạo đức cách mạng:**

Vấn đề đầu tiên là việc xác định “tư cách của đảng chân chính cách mạng với 12 điều rất cụ thể rõ ràng, hàm chứa đầy đủ những tiêu chuẩn của một đảng cách mạng, một đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác-Lênin, đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của đất nước và cả dân tộc. Hồ Chí Minh đã khái quát thành hai câu thơ lục bát:

*“Muốn cho Đảng được vững bền,  
Mười hai điều ấy chớ quên điều nào”<sup>5</sup>.*

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.232.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.232.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.240.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.248.

5. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.250.

Tiếp đó, Người còn nêu lên phạm sự của đảng viên, cán bộ. Người đi sâu, phân tích về “đạo đức cách mạng” được khái quát thành năm chữ “*Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm*”. Vấn đề kỷ luật của Đảng, kỷ luật tự giác. Bởi vì “Không ai bắt buộc ai vào Đảng làm chiến sĩ xung phong”<sup>1</sup>. Đó là “tự giác”, “lòng hăng hái của mỗi người mà tình nguyện làm đảng viên, làm chiến sĩ xung phong”<sup>2</sup>.

Đặc biệt Hồ Chí Minh đã phân tích kỹ “những khuyết điểm, sai lầm” là những “căn bệnh” mà cán bộ, đảng viên phải phòng tránh, phải sửa chữa. Người vạch rõ chủ nghĩa cá nhân là loại vi trùng rất độc, sinh ra nhiều thứ bệnh nguy hiểm như: bệnh tham lam, bệnh lười biếng, bệnh kiêu ngạo, bệnh hiếu danh, thiếu kỷ luật, óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh tụ, v.v.. Hồ Chí Minh đã lý giải một cách biện chứng về những khuyết điểm, những căn bệnh mà cán bộ, đảng viên đã mắc phải. Thái độ của Người rất tự tin “nhưng không vì thế mà kính sợ. Ta thấy rõ những bệnh ấy thì ta tìm được cách chữa”. Người chỉ ra cách chữa: “Thang thuốc hay nhất là *thiết thực tự phê bình và phê bình*”<sup>3</sup>, là “*luôn luôn dùng và khéo dùng cách phê bình và tự phê bình*”<sup>4</sup>.

#### IV- Vấn đề cán bộ:

Hồ Chí Minh khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>5</sup>. Người lần lượt chỉ dẫn về: “huấn luyện cán bộ”, “dạy cán bộ và dùng cán bộ”, “lựa chọn cán bộ”, “cách đối với cán bộ”, “chính sách cán bộ”. Người chỉ ra cách xử thế trong công tác cán bộ rất toàn diện: phải biết rõ cán bộ, phải cất nhắc cán bộ cho đúng, phải dùng cán bộ, phải giữ gìn cán bộ... phải “khiến cho cán bộ *cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến*”<sup>6</sup>, “khiến cho cán bộ có *gan phụ trách, có gan làm việc*”<sup>7</sup>, “không tự tôn, tự đại, phải nghe, phải hỏi ý kiến cấp dưới”, “phải có gan cất nhắc cán bộ”, “phải yêu thương cán bộ”. Và, cách “đối với những cán bộ sai lầm” vừa chan chứa tấm lòng nhân đạo cộng sản vừa giữ vững nguyên tắc kỷ luật của Đảng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, 253.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, 253.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, 262.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, 265.

5. Hồ Chí Minh: *Sđd*, 269.

6. Hồ Chí Minh: *Sđd*, 280.

7. Hồ Chí Minh: *Sđd*, 280.

## V - Cách lãnh đạo:

Hồ Chí Minh đã nêu lên những nguyên lý rất sâu sắc biểu đạt cả nguyên tắc và cách thức lãnh đạo của Đảng, của người cán bộ. Đó là những khái niệm, định nghĩa về các công việc rất rõ ràng, cụ thể: lãnh đạo và kiểm soát, cách lãnh đạo thế nào, “học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng”<sup>1</sup>. Những câu, những chữ bình dị của Người nhưng sâu sắc vô cùng: phải đưa “chính trị vào giữa dân gian”.

## VI - Chống thói ba hoa:

Đây là phần cuối cùng của tác phẩm. Hồ Chí Minh đã dành những trang cuối của tác phẩm để nói về thói xấu, một căn bệnh rất dễ mắc phải. Nếu không sửa chữa căn bệnh này cũng nguy hiểm vô cùng. Sau khi chỉ ra các biểu hiện, “triệu chứng” của thói ba hoa: dài dòng, rỗng tuếch, thói cầu kỳ, khô khan, lúng túng, cầu thả, bệnh “sáo cũ”, Hồ Chí Minh đã nêu lên “cách chữa thói ba hoa”:

“1. Phải học cách nói của quần chúng... mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng.

2. Phải luôn luôn dùng những lời lẽ, những thí dụ giản đơn, thiết thực và dễ hiểu.

3. Khi viết, khi nói, phải luôn luôn làm thế nào cho ai cũng hiểu được... Bao giờ cũng phải tự hỏi: “Ta viết cho ai xem? Nói cho ai nghe?”.

4. Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ nói, chớ viết.

5. Trước khi nói, phải nghĩ cho chín, phải sắp đặt cẩn thận... Sau khi viết rồi, phải xem đi xem lại ba bốn lần. Nếu là một tài liệu quan trọng phải xem đi xem lại chín, mười lần”<sup>2</sup>.

Chỉ trong phạm vi gần 30.000 từ, tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* đã hàm chứa nhiều nội dung, toàn diện và sâu sắc. Giá trị của tác phẩm đã vượt qua giới hạn của thời gian và vẫn giữ nguyên tính thời sự đối với hôm nay.

Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* chắc chắn còn được tiếp tục nghiên cứu công phu hơn. Song, chúng ta hy vọng và tin tưởng, Hội thảo của

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, 293.

2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, 306.

chúng ta với tinh thần và thái độ khoa học, nghiêm túc sẽ có đóng góp thiết thực vào việc đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức vững mạnh, phục vụ tích cực công cuộc cải cách nền hành chính Nhà nước; góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Bản sao lưu trữ

## ĐẠO ĐỨC CÁN BỘ VÀ NÂNG CAO PHẨM CHẤT CỦA CÁN BỘ

*Tạ Ngọc Hải*

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, ở giai đoạn nào, trên lĩnh vực nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đều quan tâm đến vấn đề đạo đức cán bộ. Bởi vì, theo Người: “Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”<sup>1</sup>. Đạo đức cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xướng không vì danh lợi cá nhân mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc: “Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ ngày càng ít, mà những tính tốt như sau ngày càng thêm”<sup>2</sup>. Những tính tốt đó được Người giải nghĩa:

- *Nhân* là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân.

- *Nghĩa* là ngay thẳng, không có tư tâm. Lúc Đảng giao việc, thì bất kỳ to nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận, thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn đúng đắn.

- *Trí* là đầu óc trong sạch sáng suốt, biết xem người, biết xét việc. Vì vậy, biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người tốt, đề phòng người gian.

- *Dũng* là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ khó khăn có gan chịu đựng... Nếu cần, thì có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.252-253.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.251.

- Liêm là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không ham người tâng bốc mình. Quang minh chính đại không bao giờ hủ hóa. “Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ”<sup>1</sup>.

Những nội dung, tư tưởng đạo đức cán bộ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xướng, thể hiện sự bao quát các mối quan hệ xã hội của mỗi người, từ mối quan hệ với Tổ quốc, với nhân dân đến mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân. Nó cũng phản ánh con đường biện chứng của quá trình rèn luyện cách mạng của mỗi người, từ tình cảm đến nhận thức trách nhiệm và tiến lên xây dựng ý chí cách mạng đến hành động cách mạng. Cùng với những nội dung tư tưởng về đạo đức của người cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ ra những khuyết điểm, sai lầm của cán bộ đó là “chứng chủ nghĩa cá nhân”. Chủ nghĩa cá nhân là một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm, như: tham lam, kiêu ngạo, hiếu danh và những bệnh khác như hữu danh vô thực, cá nhân, lười biếng,...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên những đặc trưng của các căn bệnh trên và các phương hướng cơ bản để khắc phục các nhược điểm đó:

*Tóm lại*, đạo đức cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện ở mấy khía cạnh sau đây:

- Đạo đức là “cái gốc”, cái nền tảng của người cán bộ cách mạng. Đạo đức gắn liền với năng lực, nhờ có đạo đức cách mạng mà mỗi người tự phấn đấu để hoàn thiện mình, hình thành năng lực để hoàn thành nhiệm vụ. Tư tưởng về đạo đức cán bộ cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện nhất quán, xuyên suốt từ những ngày đầu hoạt động cách mạng cho đến lúc vĩnh biệt nhân dân ta.

- Nội dung cơ bản của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh được thể hiện ở mấy điểm chính như: Trung với nước, hiếu với dân, người cán bộ phải là đầy tớ của nhân dân. Dũng cảm hy sinh, không sợ khó khăn, gian khổ, gạt bỏ lợi ích cá nhân để phục tùng lợi ích tập thể. Khiêm tốn học hỏi, không tự cao tự đại, cần kiệm liêm chính và tinh thần đoàn kết hữu nghị.

- Cốt lõi trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng là động cơ cách mạng và ý chí cách mạng. Động cơ cách mạng và ý chí cách mạng đó là những phẩm chất quan trọng nhất của nhân cách

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.252.

con người, đạo đức cách mạng phải được thể hiện qua hành động và qua giá trị xã hội của hành động có ý chí đó.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến cũng như những kết quả rất đáng tự hào qua hơn mười năm đổi mới đã nói lên sự đúng đắn của đường lối cách mạng và sự bảo đảm về phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ. Cách mạng càng tiến lên đòi hỏi cán bộ cách mạng cũng phải tiến lên, phẩm chất và năng lực của cán bộ cũng cần phải được nâng cao cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng ở giai đoạn mới. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, phẩm chất của cán bộ trước hết là phẩm chất chính trị, đó là lòng trung thành với sự nghiệp của Đảng, của giai cấp công nhân và của dân tộc. Phẩm chất chính trị được biểu hiện đầy đủ nhất trong tính tư tưởng cộng sản chủ nghĩa, nó là sự kết hợp hài hòa giữa kiến thức, niềm tin và hành động thực tế. Để có được điều này, người cán bộ phải nắm vững lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Chỉ trên cơ sở nắm vững học thuyết đó, người cán bộ mới đạt đến sự nhất trí về kiến thức, niềm tin, hành động.

Chất lượng của cán bộ còn được biểu hiện ở đạo đức. Đạo đức cách mạng là cái gốc của người cán bộ, vì lẽ đó trong tất cả các lớp huấn luyện do Người tổ chức trước ngày thành lập Đảng và trước Cách mạng Tháng Tám, trong chương trình giảng dạy có phần học về đạo đức cách mạng.

Chất lượng của cán bộ còn được xem xét trong sự thống nhất giữa phẩm chất và năng lực. Người chỉ rõ rằng, ngày nay Đảng yêu cầu cán bộ và đảng viên chẳng những thành thạo về chính trị mà còn giỏi về chuyên môn, không thể lãnh đạo chung chung... Ai lãnh đạo trong ngành hoạt động nào thì phải biết chuyên môn về ngành ấy. Trình độ văn hóa, kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội là cơ sở của sự thành thạo công việc. Năng lực công tác của cán bộ còn thể hiện cả trong sự hiểu biết về công việc cụ thể được giao phó, biết cách tiến hành công việc với lượng thời gian nhất định nhưng năng suất và hiệu quả cao, có nghĩa là nắm vững chuyên môn kỹ thuật, hình thức và phương pháp hoạt động đáp ứng đòi hỏi ở trình độ hiện đại của sự quản lý để lãnh đạo cấp dưới và quần chúng thực hiện công việc đạt hiệu quả cao. Phẩm chất và năng lực là những khái niệm đa dạng nhưng cụ thể. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, phẩm chất và

năng lực của cán bộ được hình thành trên cơ sở trình độ văn hóa, sự giác ngộ về chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đặc điểm, quy mô, tính chất của công việc mà họ đảm nhiệm. Như vậy, mỗi giai đoạn của cách mạng, yêu cầu về phẩm chất và năng lực của cán bộ có sự kế thừa và phát triển. Bởi vậy, việc nắm vững tình hình, nhiệm vụ của mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn cách mạng để từ đó đưa ra những kế hoạch, quy hoạch, đào tạo nhằm nâng cao phẩm chất và năng lực của cán bộ là nhiệm vụ hết sức quan trọng, bởi lẽ vô luận việc gì cũng đều do con người làm ra cả.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ không ngừng nâng cao lý luận, trên cơ sở đó, nắm vững phương pháp tìm ra cái chủ yếu trong tính đa dạng của các vấn đề do cuộc sống đặt ra, xác định được con đường tối ưu để khắc phục khó khăn và loại trừ thiếu sót. Có phẩm chất chính trị cao, hiểu biết sâu rộng các vấn đề, có phẩm chất đạo đức trong sáng, đầy không chỉ là cơ sở tạo nên uy tín mà còn là những tiêu chí để mỗi cán bộ phấn đấu vươn lên ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng giao phó. Do đó, mỗi cán bộ phải rèn luyện, phấn đấu nâng cao phẩm chất và năng lực của mình.



## HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA DÂN TỘC

*PGS, TS Đỗ Huy*

Khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, gần đây có người nói rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh nói riêng là tư tưởng Mác-Lênin. Có người thì dè dặt hơn nói rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng Mác-Lênin ở Việt Nam. Chúng tôi nghĩ rằng nói như vậy không những không đúng, không đầy đủ mà thực chất là phủ định tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh nói riêng bằng một hình thức khác.

Tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh nói riêng có nhiều nguồn gốc. Có thể Hồ Chí Minh đã tiếp thu các tư tưởng đạo đức Nho giáo, các tư tưởng đạo đức tư sản, các tư tưởng đạo đức của nhiều nhà chính trị và hiền triết ở phương Đông, và nổi trội hơn cả có thể là những tư tưởng đạo đức của chủ nghĩa Mác, đặc biệt là chủ nghĩa Lenin; song tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh; chứ quyết không thể nói tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là tư tưởng đạo đức Nho giáo, Tôn Văn, tư sản hay Mác-Lênin.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh người ta thấy rất rõ nền tảng tinh thần sâu sắc, nhất là những giá trị nhân văn truyền thống định hướng nội dung cũng như phương thức hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa nhân văn này không phải là đạo đức Nho giáo, tư sản, Tôn Văn hay Mác-Lênin. Đó là một chủ nghĩa nhân văn kết tụ từ ngàn đời của quá trình sinh sống, giữ nước và dựng nước của cả một cộng đồng người từng gắn bó máu thịt với nhau từ đời này qua đời khác, từ thế hệ nọ đến thế hệ kia cùng nhau giải quyết những nhiệm vụ lịch sử để tồn tại. Nó khác với các tư tưởng đạo đức phân biệt giới tính, phân biệt thế hệ, phân biệt tầng lớp, phân biệt dân tộc của Nho giáo. Nó cũng không giống với đạo đức cá nhân, vị kỷ kiểu tư sản, nó cũng không phải là đạo đức đấu tranh quyết liệt giữa vô sản và tư sản của chủ nghĩa Mác.

Nền tảng của chủ nghĩa nhân văn, giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc ta là sự hòa đồng, hòa mục, sự đoàn kết dân tộc. Hồ Chí Minh là hiện thân sâu rộng của chủ nghĩa nhân văn truyền thống khi Người kêu gọi đoàn kết - đoàn kết - đại đoàn kết. Thành công - thành công - đại thành công. Và chính từ tư tưởng hòa đồng dân tộc này mà Hồ Chí Minh không chỉ tập hợp được sức mạnh to lớn của toàn dân tộc trong quá trình giải phóng dân tộc mà còn thu hút được sự ủng hộ to lớn quốc tế đối với cách mạng Việt Nam.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội có cội nguồn từ những tư tưởng đạo đức sâu sắc này. Với chủ nghĩa nhân văn Việt Nam, tinh thần vị tha truyền thống, Hồ Chí Minh đã thống nhất cả dân tộc thành một khối đoàn kết sắt thép và phân hóa kẻ thù thành những người lương thiện, chính nghĩa và những kẻ phi nghĩa phản bội lại chính dân tộc họ trong suốt quá trình đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta.

Trên ý tưởng đạo đức hòa đồng, đối với Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc bao gồm cả *cộng đồng dân tộc* sống trên dải đất này. Hồ Chí Minh không phân biệt, không duy nhất hóa sự giải phóng dân tộc là giải phóng đồng bào miền xuôi, mà nó bao gồm cả đồng bào miền ngược, miền Bắc, miền Nam.

Chúng ta thường nói Hồ Chí Minh là một người Việt Nam nhất trong những người Việt Nam vì, trước hết Hồ Chí Minh là sự hiện thân đầy đủ các giá trị tinh thần Việt Nam truyền thống mà biểu hiện tập trung của nó là *khả năng thích ứng*. Người Việt trong sức sống bất diệt của mình luôn luôn thích ứng với môi trường, với hệ sinh thái, với cộng đồng. Đó là niềm tin, là khả năng sáng tạo, là nghị lực phi thường trong mọi hoàn cảnh, luôn luôn biến khó khăn thành thuận lợi, vượt mọi trở ngại để thành công. Hồ Chí Minh là hiện thân sinh động của phong cách thích ứng ấy trong quá trình sống, hoạt động cách mạng và lãnh đạo dân tộc.

Hồ Chí Minh là hiện thân của *chủ nghĩa yêu nước* truyền thống Việt Nam. Không những trong hành động, trong lời nói mà còn trong mọi lĩnh vực giao tiếp văn hóa, ở đâu Hồ Chí Minh cũng phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước truyền thống. Người thường nói: “Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước”... ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước... tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của

quý... Bốn phận chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày”<sup>1</sup>.

Cùng với ý tưởng lớn về hòa đồng dân tộc, về khả năng thích ứng, về chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh là hiện thân tuyệt vời của những giá trị đạo đức truyền thống như *đức tính tiết kiệm, tinh thần hiếu học, sống khiêm tốn, giản dị...*

Song, nếu Hồ Chí Minh chỉ là hiện thân của những giá trị đạo đức truyền thống thì Hồ Chí Minh, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh cũng không vượt qua được chủ nghĩa dân tộc chật hẹp. Chính là Hồ Chí Minh đã cởi được chiếc dây ràng buộc trong khuôn khổ truyền thống mà cả ngàn năm xưa các anh hùng, chí sĩ, những người yêu nước nồng nàn nhất trong lịch sử trước kia không làm được là: *Hồ Chí Minh đã cơ cấu lại, đã phát huy cao độ những giá trị đạo đức truyền thống trong chuyển biến mới của dân tộc trong thời đại cách mạng khoa học - kỹ thuật và các phong trào lớn đang dựng lên cuốn cuộn ở thế kỷ XX: phong trào dân chủ, phong trào giải phóng dân tộc và phong trào xã hội chủ nghĩa.*

Trước hết là Hồ Chí Minh đã vượt được chiếc áo chật của chủ nghĩa yêu nước cũ, xác lập trong ý thức xã hội một chủ nghĩa yêu nước mới. Hồ Chí Minh nói rằng: tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần “vị quốc”... Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế... Chính do tinh thần yêu nước (này) mà quân đội và nhân dân ta đã... kiên quyết xây dựng nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới”<sup>2</sup>.

Nhờ tinh thần yêu nước mới mà Hồ Chí Minh đã đặt cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong khuôn khổ của phong trào giải phóng dân tộc chung trong thời đại bọn đế quốc dùng các thành tựu mới của khoa học - kỹ thuật quốc tế hóa sự bóc lột giá trị thặng dư ở các nước có trình độ khoa học - kỹ thuật thấp hơn. Hồ Chí Minh đã thành công trong việc lựa chọn con đường mới để giải phóng dân tộc mà các văn thân, chí sĩ trước đây không thành công vì chưa kết hợp được một cách đúng đắn các năng lượng giải phóng của dân tộc với các năng lượng giải phóng quốc tế trong thời đại mới.

---

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, 1960, tr.366-367

2. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập, Sđd*, tr.367

Sự đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực đạo đức còn ở chỗ Hồ Chí Minh có một kịch bản rõ ràng *cơ cấu lại các chuẩn mực giá trị xã hội*. Hồ Chí Minh nhận thức rõ rằng xã hội truyền thống có sự phát triển ưu trội về mặt đạo đức mà ở đó có cả các phong tục tập quán lạc hậu, có Nho giáo, lễ giáo phong kiến, nhà nước quyền uy thiết chế rất nhiều phản giá trị trong xã hội. Người nói rằng đạo đức cũ như người đi lộn đầu xuống đất và chân chống lên trời. Thực chất của nền đạo đức truyền thống được xây dựng trong sự thông cảm và thừa nhận. Hồ Chí Minh đã đưa vào ý thức xã hội những định chuẩn đạo đức mới, đó là đạo đức trên *nền tảng của cái đúng*.

Ngay từ 1946 Hồ Chí Minh đã tham gia soạn thảo Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước đó, trong *Tuyên ngôn độc lập*, Người đã dẫn ra các bản Tuyên ngôn nhân quyền, dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791 và Tuyên ngôn độc lập của cách mạng Mỹ năm 1776 để khẳng định nền tảng chính trị - đạo đức mới là quyền con người mà nền đạo đức truyền thống chưa chú ý đầy đủ. Đạo đức mới là đạo đức vì con người được thiết lập trên cơ sở của cái đúng. Đó là đạo đức được chi phối từ nền tảng luật pháp mới. Đây là một đóng góp rất to lớn của Hồ Chí Minh làm cho các giá trị truyền thống được nâng lên một chất lượng mới.

Để thực hiện được ý tưởng này phải có một kết cấu giai cấp và tầng lớp xã hội mới. Xã hội cũ đã ưu tiên cho tầng lớp thượng lưu trong bộ máy quan triều, học sĩ và địa chủ, tạo nên sự đối trọng to lớn về mặt đạo đức giữa tầng lớp, giai cấp trên và tầng lớp, giai cấp dưới. Sự cơ cấu lại, sự đảo lộn này dựa trên một nền tảng cơ cấu mới giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Hồ Chí Minh nói rằng: “Công - nông - trí đoàn kết chặt chẽ thành một khối”<sup>1</sup>.

Để thực hiện được sự đảo lộn này, Hồ Chí Minh đã thiết lập một kịch bản mới về các quan hệ giữa đạo đức và chính trị mà trước đó trong nền đạo đức truyền thống chưa hề xuất hiện. Hồ Chí Minh nhận thức sâu rộng rằng sự tha hóa của quyền lực chính trị, sự đam mê quyền lực chính trị rất dễ đưa người cầm quyền tới lạm dụng quyền lực. Ngay những dòng mở đầu của cuốn “Đường kách mệnh” viết trước khi thành

---

1. Hồ Chí Minh: *Những lời kêu gọi*, tập III, 1956, tr.301.

lập Đảng cộng sản để giáo dục lớp thanh niên yếu nước sau này có thể trở thành những người cầm quyền của chế độ mới, Hồ Chí Minh đã viết về việc tu dưỡng đạo đức cách mạng. Trong khi chính quyền còn trứng nước, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mới ở giai đoạn đầu tiên, Hồ Chí Minh trong hàng loạt tác phẩm: Sửa đổi lề lối làm việc, Thuốc đắng dã tật... đã nêu lên những hiện tượng quan liêu, hách dịch, của quyền có nguy cơ làm băng hoại những giá trị đạo đức dân tộc.

Cuộc đấu tranh rất quyết liệt của Hồ Chí Minh trong việc lạm dụng quyền lực chính trị và sự tu dưỡng đạo đức cách mạng ở Hồ Chí Minh để xác lập những giá trị đạo đức mới có một ý nghĩa trọng đại cho cả sự tồn tại và diệt vong của nền đạo đức mới.

Tập trung những đóng góp cơ bản của Hồ Chí Minh với việc gìn giữ, phát huy và xác lập diện mạo mới của nền đạo đức là *làm xuất hiện một nhân cách kiểu mới*. Đó là một nhân cách có sự phát triển về cả hai mặt đức và tài. Một nhân cách sống và làm việc theo khoa học và pháp luật. Một nhân cách biết kết hợp giữa lợi ích của cộng đồng và lợi ích của cá nhân một cách hợp lý và hài hòa.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần nói rằng: “Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và gia đình mình”<sup>1</sup>, “cần làm cho món ăn tinh thần được phong phú, không nên bắt mọi người chỉ được ăn một món thôi. Cũng như vào vườn hoa, cần cho mọi người được thấy nhiều loại hoa đẹp. Xây dựng con người cũng phải có ý định rõ ràng như nhà kiến trúc”<sup>2</sup>. Người đòi hỏi nền văn hóa mới Việt Nam phải trở thành “cái nền không bờ bến cho sự phát triển tài năng mọi người”<sup>3</sup>.

Có thể nói rằng những tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh kết thành diện mạo đạo đức của thời đại mang tên Người là những tư tưởng đã cơ cấu lại các giá trị đạo đức truyền thống hòa quyện với tinh hoa đạo đức nhân loại và được nâng lên một tầm cao mới.

---

1, 2. *Văn hóa, nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb Văn học 1981, tr.242, 411  
3. *Công điện số 550*. Ngày 4-1-1948.

## PHÒNG NGỪA VÀ CHỮA TRỊ CÁC BỆNH NGUY HIỂM ĐỐI VỚI NGƯỜI CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

*PGS, TS Trần Xuân Sâm*

Có nhiều điều có thể rút ra từ những tư tưởng, quan điểm, phương pháp trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* giúp chúng ta suy nghĩ, rèn luyện trong công việc của ngày hôm nay. Song, ở đây chỉ đề cập đến một vấn đề tuy không xa lạ gì về ngôn từ nhưng lại rất dễ bị nhiễm phải ở mỗi con người như tác giả của cuốn sách đã chỉ ra, đó là những căn bệnh nguy hiểm rất có thể mắc phải ở mỗi con người cán bộ, đảng viên. Cần phải có biện pháp phòng ngừa, khắc phục, chữa trị nếu như họ không muốn trở thành hư hỏng, biến chất, vô dụng...

Trước khi chỉ ra các bệnh nguy hiểm của người cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh cho rằng: “Trong Đảng ta còn có những người chưa học được, chưa làm được 4 chữ “chí công vô tư” cho nên mắc phải chứng *chủ nghĩa cá nhân*”<sup>1</sup>. Người ví “chủ nghĩa cá nhân là một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm”<sup>2</sup>.

Người nêu một số bệnh do chủ nghĩa cá nhân sinh ra, đó là:

### **1. Bệnh tham lam:**

Theo Hồ Chí Minh “người mắc phải bệnh này thì đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của Đảng, của dân tộc, do đó mà chỉ “tự tư, tự lợi”. Dùng của công làm việc tư. Dựa vào thế lực của Đảng để theo đuổi mục đích riêng của mình”<sup>3</sup>. Biểu hiện của bệnh tham lam là người ta chỉ lo vun vén cá nhân, ý nghĩ và hành động của họ luôn luôn nghĩ lợi cho mình, bất chấp và thậm chí chà đạp lên lợi ích của dân tộc, của nhân dân một khi đụng chạm đến quyền lợi của bản thân hay gia đình họ.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.254.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.255.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.255.

Bệnh tham lam này là tham lam của những người có chức, có quyền trong bộ máy, khác với tham lam của người bình thường. Loại tham lam này thường dùng uy quyền của mình để lấy của công làm của tư, nhân danh tổ chức, nhân danh Nhà nước để thực hiện mục đích của mình. Thực tế hiện nay một số người có chức, có quyền đã lợi dụng chức vụ của mình để đục khoét, tham nhũng, hối lộ, hà lạm của công. Do bòn rút được công quỹ nên sinh hoạt của họ rất xa hoa, phung phí tiền của Nhà nước, của dân, sống một cuộc sống vương giả. Hồ Chí Minh đã đặt câu hỏi “tiền bạc đó ở đâu ra?” và tự trả lời là tiền bạc đó không phải do mồ hôi nước mắt, bằng sức lao động của họ làm ra mà là “không xoay của Đảng thì xoay của đồng bào. Thậm chí làm chợ đen buôn lậu”<sup>1</sup>. Qua các vụ án tham nhũng như Tamexcô hoặc buôn lậu như vụ Vũ Xuân Trường... đủ chứng cứ về những điều Hồ Chí Minh cảnh báo cách đây 50 năm còn giữ nguyên tính thời sự của nó; có khác chăng là ở những nội dung vụ việc, con người cụ thể mà thôi. Có thể khẳng định được rằng, nếu là những đồng tiền bằng lao động chính đáng, do mồ hôi, nước mắt làm ra thì không ai có thể ăn tiêu xa xỉ như vậy. Tiếc thay đây là “của chùa”, “của chung”. Những vụ việc này hầu như rơi vào những người cán bộ đảng viên giữ chức trách trong bộ máy, cả những người nhân danh bảo vệ pháp luật.

Hiện nay căn bệnh này đang phát triển, chỉ có khác trước đây, Hồ Chí Minh gọi là bệnh tham lam còn bây giờ chúng ta gọi là tham nhũng, và ngày nay tính chất và mức độ căn bệnh trầm trọng hơn nhiều, nó đã lây lan, thâm nhập vào “một bộ phận cán bộ thoái hóa biến chất về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, lãng phí của công...”<sup>2</sup>. Điều đáng quan tâm là chúng ta chưa có phong trào đủ mạnh để phòng ngừa bệnh dịch này và hơn thế nữa chưa có loại thuốc công hiệu cũng như thuốc chưa đủ liều lượng nên vi trùng tham nhũng đang có hiện tượng “nhờn thuốc”.

Muốn chữa triệt được bệnh này phải có “thầy thuốc nhân dân” (tức quần chúng nhân dân là tai mắt), còn dao mổ là pháp luật, dám chịu đau để cắt bỏ những ung nhọt trong cơ thể.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.255.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.68.

## **2. Bệnh lười biếng:**

Triệu chứng và biểu hiện của bệnh này không rõ như bệnh tham lam nhưng tác hại không kém - loại “vi rút” này “âm thầm” len lỏi vào trong cơ thể rất “êm dịu”, nhiều khi không gây đau đớn nhưng đến khi phát hiện ra thì đã quá muộn, khó phương cứu chữa. Biểu hiện của nó là “tự cho mình là cái gì cũng giỏi, việc gì cũng biết. Làm biếng học hỏi, làm biếng suy nghĩ”<sup>1</sup>.

Tự cho mình là giỏi, không chịu học hỏi, lười suy nghĩ, tất nhiên lâu ngày trình độ của họ thấp dần không đáp ứng công việc được giao. Như vậy, họ đã trở thành “tàn phế” không giúp ích được cho xã hội. Bệnh này hiện nay cũng khá phổ biến, “nhiều cán bộ lười học, lười nghiên cứu, một số học lướt chỉ cốt để lấy được bằng cấp”<sup>2</sup>. Thời đại ngày nay là thời đại tin học, hàng ngày có tới 20.000 công trình được công bố trên thế giới. Nếu cán bộ lười học, lười nghiên cứu, hoặc học tập nghiên cứu đại khái hình thức, “trọng danh hơn trọng thực” thì chắc chắn sẽ không đủ sức để lãnh đạo quản lý công việc được giao.

## **3. Bệnh kiêu ngạo:**

Theo Hồ Chí Minh những người mắc bệnh kiêu ngạo là những người tự cao, tự đại, ham địa vị, hay lên mặt; ưa người ta tâng bốc mình, khen ngợi mình; ưa sai khiến người khác..., khoe khoang, cho ai cũng không bằng mình, không thêm học hỏi quần chúng, không muốn cho người ta phê bình. Việc gì cũng muốn làm thầy người khác. Đây là bệnh cố hữu của nhiều người khi họ không khách quan, tự đánh giá không đúng mình. Người mắc bệnh kiêu ngạo rất thích nịnh và khen ngợi, rất sợ người ta phê bình mình, nhất là khi đã là lãnh đạo, là thủ trưởng, dù to dù nhỏ. Chính vì thích người khác khen và nịnh, nên đã tạo ra xung quanh những kẻ phỉnh nịnh. Khi đã có địa vị mà mắc bệnh này rất ưa sai khiến người khác, “làm oai”, “làm bộ”, nặng hình thức và rất vênh váo tự đắc khi làm được việc gì. Những người này luôn tự cho mình hơn mọi người nên không chịu học hỏi ai, tự cho mình luôn luôn là bề trên để răn dạy người khác. Bệnh này thường phát triển ở người có chức, có quyền trong một tổ chức yếu. Bệnh trạng này hiện nay cũng không hiếm, nó thể hiện rõ nhất là nhiều

---

1. Hồ Chí Minh *Sđđ*, tr.255.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.68.



cán bộ lãnh đạo không nghiêm túc tự phê bình và tiếp thu phê bình, tính chiến đấu kém, gia trưởng, độc đoán...

#### **4. Bệnh hiếu danh:**

Bệnh này có triệu chứng gần giống như bệnh kiêu ngạo, tuy nhiên bệnh hiếu danh có điểm khác. Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, người mắc bệnh này “tự cho mình là anh hùng, là vĩ đại. Có khi vì cái tham vọng đó mà việc không đáng làm cũng làm. Đến khi bị công kích, phê bình thì tinh thần lung lay. Những người đó chỉ biết lên mà không biết xuống. Chỉ chịu được sướng mà không chịu được khổ. Chỉ ham làm chủ tịch này, ủy viên nọ, chớ không ham công tác thiết thực”<sup>1</sup>. Họ làm bất cứ công việc gì cũng chỉ vì mục đích gây thanh thế, khoe khoang và hình thức chứ không phải vì công việc, vì sự phát triển của phong trào. Bởi thế, những việc đáng làm nhưng không hoặc ít có dịp để phô trương danh vị thì họ không làm, nhưng có dịp để phô diễn tên tuổi, địa vị gây ảnh hưởng với mọi người thì việc không đáng làm hoặc rất tốn kém họ vẫn cứ làm.

Không phải vì lợi ích chung mà vì “cái danh” của riêng mình nên họ thường bỏ tiền của vào những việc hình thức bề ngoài, hơn là những việc đem lại chất lượng, hiệu quả.

Bệnh này còn có biểu hiện ở chỗ, có nhiều cán bộ không đủ khả năng và điều kiện trên các phương diện, song vẫn tìm mọi cách để đạt địa vị trong xã hội. Họ là người ít biết về mình nhất, không bao giờ tự giác rút khỏi vị trí chức quyền, mặc dù họ không có ích gì cho dân.

#### **5. Bệnh thiếu kỷ luật:**

Hồ Chí Minh cho rằng, bệnh thiếu kỷ luật có căn nguyên là đặt cá nhân lên trên hết, họ là người “muốn thế nào làm thế ấy. Quên cả kỷ luật của Đảng. Phê bình thì cốt công kích những đồng chí mình không ưa. Cát nhắc thì cốt làm ơn với những người mình quen thuộc”<sup>2</sup>. Nguồn gốc sâu xa của bệnh thiếu kỷ luật là nền kinh tế tiểu nông chi phối tác phong, lối sống sinh hoạt, nhưng trực tiếp là không chịu rèn luyện trong tổ chức, không đặt mình trong guồng máy hoạt động của tổ chức, mặt khác tổ chức nơi họ sinh hoạt cũng không mạnh. Họ luôn muốn có ngoại

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.255.

2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.255.

lệ hơn là thông lệ, thường vi phạm quy định, nguyên tắc đã được thống nhất và ban hành, thậm chí còn không tôn trọng kỷ luật của Đảng.

Phê bình người khác không vì mục đích xây dựng chân thành vì sự phát triển tiến bộ của đồng chí, bè bạn mà vì cá nhân nên hay “giương đông kích tây”, công kích người bị phê bình mà họ vốn không ưa.

Ở địa vị lãnh đạo, khi cân nhắc đề bạt người khác cốt là để người ta hàm ơn mình, nhất là người quen thuộc. Hiện nay hiện tượng kém ý thức kỷ luật, làm việc tùy tiện vẫn đang xảy ra ở một bộ phận cán bộ, đảng viên. Chữa trị tốt nhất là đưa họ vào tổ chức, lấy tổ chức để “điều trị” bệnh này.

#### **6. Bệnh óc hẹp hòi:**

Bệnh hẹp hòi thường được biểu hiện là: Ở trong Đảng thì không biết cất nhắc những người tốt, sợ người ta hơn mình. Ở ngoài Đảng thì khinh người, cho ai cũng không cách mạng, không khôn khéo bằng mình<sup>1</sup>, chính vì thế mà họ “không biết liên lạc hợp tác với những người có đạo đức tài năng ở ngoài Đảng”<sup>2</sup>.

Người có óc hẹp hòi thường ích kỷ, chỉ biết mình. Không cố gắng học hỏi, rèn luyện, phấn đấu để nâng trình độ, song thấy người khác có năng lực hơn mình thì tìm cách “nín kéo” người ta bằng mọi thủ đoạn. Họ rất sợ người khác hơn mình (nhất là những người cùng một đơn vị) vì cho rằng, khi người khác hơn mình sẽ có nguy cơ “chiếc ghế” của mình bị lung lay, sợ mất vị trí độc tôn, bởi vậy mà không có tinh thần hợp tác trong công việc. Tác hại của bệnh này là rất nặng, không thu hút, phát hiện đề bạt được người có tài thực sự, không khuyến khích được mọi tài năng. Vì óc hẹp hòi nên không nhìn xa trông rộng mà chỉ quanh quẩn ở tầm hẹp. Người cán bộ lãnh đạo mà mắc bệnh này sẽ làm cho các nhân viên dưới quyền chán nản, vì mọi cố gắng của họ không được khích lệ mà còn bị kìm hãm.

#### **7. Bệnh óc địa phương:**

Hồ Chí Minh đánh giá bệnh này tác hại cũng không nhỏ. Trong quan niệm, suy nghĩ và hành động của người mắc bệnh óc địa phương là “miễn là cơ quan mình, bộ phận mình, địa phương mình được việc. Còn

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.255.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.255.

các cơ quan, bộ phận, địa phương khác ra sao cũng mặc kệ”<sup>1</sup>, “đó là cận thị, không xem xét toàn thể”<sup>2</sup>. Ốc địa phương nếu phát triển sẽ trở thành “địa phương chủ nghĩa”. Sai lầm của những người mắc phải bệnh này là chỉ thấy cục bộ mà không thấy toàn thể. Họ không biết rằng, nếu toàn thể mà không tốt thì cục bộ, địa phương, cơ quan họ cũng bị ảnh hưởng làm sao tốt được. Tình hình phát triển của khoa học và công nghệ hiện nay càng chứng tỏ rằng nếu không lo cái chung, cái toàn thể tốt sẽ không thể có cái bộ phận tốt được, vì nền kinh tế - xã hội hiện nay mang tính chất quốc tế hóa chứ không chỉ còn ở trong mỗi quốc gia, nói gì đến địa phương. Người mắc bệnh địa phương chỉ lo cho địa phương mình nếu là vấn đề nhân sự càng rất nguy hại. Nếu có đầu óc địa phương thì chỉ biết “trâu ta ăn cỏ đồng ta”, dẫn đến tình trạng người ở địa phương khác không thể điều về công tác ở địa phương đó được. Nếu có cũng chỉ được giữ chức phó hoặc nhân viên, hoặc việc không quan trọng, mặc dù là người giỏi hơn, tốt hơn người ở địa phương đó. Họ không thấy rằng, như vậy sẽ hại cho lợi ích chung, cho sự phát triển chung của đất nước. Bệnh này còn có nguyên do là ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến cát cứ. Bệnh này hiện cũng còn khá phổ biến và có chiều hướng phát triển.

Thuốc chữa trị bệnh này phải tập trung, cơ quan trung ương phải kiên quyết điều chỉnh, điều hòa, luân chuyển cán bộ để đâu cũng có người tài, người giỏi, người tốt.

#### **8. Bệnh óc lãnh tụ:**

Hồ Chí Minh chỉ ra người mắc phải bệnh óc lãnh tụ là người “làm được vài việc gì ở địa phương đã cho mình là tài giỏi lắm rồi, anh hùng lắm rồi, đáng làm lãnh tụ rồi”<sup>3</sup>. Họ nên biết rằng “Đảng ta mong cho có nhiều anh hùng, nhiều lãnh tụ được dân tin, dân phục, dân yêu. Những anh hùng và lãnh tụ như thế là của quý của Đảng, của dân tộc. Song, những anh hùng và lãnh tụ như thế đều do tranh đấu và kinh nghiệm rèn luyện ra, đều do dân chúng và đảng viên tin cậy mà cử ra, chứ không phải tự mình muốn làm lãnh tụ, làm anh hùng mà được”<sup>4</sup>, quần chúng không bao giờ tin cậy và yêu mến những kẻ tự cao, tự đại, những

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.256.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.256.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.256.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.256.

kẻ có óc lãnh tụ, tự xưng ta đây là anh hùng, lãnh tụ. Nguyên nhân của bệnh này là tính tự phụ, người mắc bệnh này luôn tự cho mình tài giỏi hơn người khác, tự đặt mình lên trên mọi người, những ý kiến của mình coi như vàng ngọc. Họ không chịu nghe ý kiến của quần chúng, nếu có cũng chỉ giả nghe “để ngoài tai”, còn những quyết định của họ mới là chân lý. Họ không biết rằng, trong mối quan hệ giữa cá nhân và quần chúng thì nếu cá nhân nào đã trở thành vĩ nhân trước hết họ phải là người hoạt động trong phong trào quần chúng và từ phong trào đó mà quần chúng suy tôn họ, không phải họ tự xưng danh mà được.

Trong xã hội chúng ta, nhiều người còn quá nặng về danh vọng, về chức vụ mà ít chú ý đến công việc, đến cống hiến cho xã hội, cho nhân dân. Nhiều khi họ coi trọng danh bậc, cấp bậc hơn là xem mình đã làm được gì có ích cho xã hội, còn ngộ nhận giữa chức vụ, cấp bậc xã hội với cống hiến, chất lượng công việc. Điều đó có, nhưng không hoàn toàn như vậy.

Để chữa trị được căn bệnh trên, trước hết phải tăng cường công tác sinh hoạt, rèn luyện trong tổ chức. Lấy chất lượng, hiệu quả công việc là thước đo giá trị của mỗi con người. Đồng thời cũng phải nâng cao trình độ dân trí để mọi người hiểu được rằng, giá trị cao hay thấp ở mỗi con người không phải hoàn toàn ở chức vụ cao hay thấp mà là ở chất lượng hoàn thành công việc của người đó được đánh giá cao hay thấp. Đó cũng là thước đo chuẩn xác nhất ý thức nghiên cứu tiếp thu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công việc của ngày hôm nay đối với mỗi người cán bộ, đảng viên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC,  
NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO CÁN BỘ,  
ĐẢNG VIÊN, KHẮC PHỤC NHỮNG CĂN BỆNH  
ĐỐI VỚI MỘT ĐẢNG CẦM QUYỀN**

*PGS Cao Văn Lượng*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong suốt quá trình lãnh đạo Cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh không ngừng chăm lo xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Người đã sớm phát hiện thấy những căn bệnh đối với một đảng cầm quyền, đối với những cán bộ nắm quyền lực trong bộ máy nhà nước.

Quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, trước hết được thể hiện cụ thể giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân. Chính vì vậy, ngay sau khi nhân dân ta giành được chính quyền và Đảng ta trở thành đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc giáo dục, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên; nghiêm khắc phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, những căn bệnh của một đảng cầm quyền; giữ vững và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Dưới bút danh *Chiến Thắng*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết một loạt bài, đăng trên báo *Cứu quốc* với các nhan đề: “*Chính phủ là công bộc của dân*”, Báo *Cứu quốc*, 19-9-1945; “*Muốn trở thành cán bộ tốt phải có tinh thần tự chỉ trích*”, Báo *Cứu quốc*, 26-9-1945; “*Sao cho được lòng dân*”, Báo *Cứu quốc*, 13-10-1945...

Thông qua các bài báo đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh phê bình, nhắc nhở các cán bộ phải luôn luôn nhớ rằng “mình là đầy tớ của dân, chứ không phải là những ông quan cách mạng”, rằng, “Muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thầy, phải có một tinh thần chí công vô tư”<sup>1</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.48.

Ngày 17-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng. Người nhắc nhở các cán bộ phải luôn luôn nhận rõ và giữ đúng mối quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân, nhận rõ Nhà nước vừa là người dẫn đường, vừa là đầy tớ của dân, phải chăm lo đời sống của nhân dân. Người viết: “Nhờ dân ta đoàn kết một lòng và Chính phủ lãnh đạo khôn khéo, mà chúng ta bẻ gãy xiềng xích nô lệ, tranh được độc lập tự do.

Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”<sup>1</sup>. Người viết tiếp: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật.

Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh.

Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”<sup>2</sup>. Người đã thẳng thắn vạch ra những sai lầm, khuyết điểm trong một số cán bộ, chỉ rõ phải mau chóng khắc phục các căn bệnh như: *làm ăn trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túi, chia rẽ, kiêu ngạo*. Người cũng đã nghiêm khắc chỉ ra rằng: “Ai đã phạm những lỗi lầm trên này, thì phải hết sức sửa chữa, nếu không tự sửa chữa, thì Chính phủ sẽ không khoan dung”<sup>3</sup>.

Nhờ sự giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng cho các cán bộ trong bộ máy nhà nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên những căn bệnh của một đảng cầm quyền, của những người nắm quyền lực trong bộ máy nhà nước đã sớm bị chặn lại ngay từ khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời. Cũng nhờ đó mà quan hệ giữa nhân dân với Đảng, giữa nhân dân với chính quyền vẫn được duy trì và phát triển. Sự gắn bó chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền, Nhà nước là nhân tố rất quan trọng đảm bảo thắng

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.56.

2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.57.

3. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.58.

lợi của cuộc đấu tranh gian khổ, phức tạp nhằm giữ vững và củng cố chính quyền nhân dân trong năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Từ năm 1947, để đảm đương nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo kháng chiến, Chính phủ ra nhiều sắc lệnh quy định cụ thể việc kiện toàn và củng cố chính quyền các cấp cho phù hợp với tình hình mới. Trong quá trình củng cố, kiện toàn chính quyền các cấp, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên nhà nước. Ngày 1-3-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư gửi các đồng chí Bắc Bộ và tiếp theo đó viết thư gửi các đồng chí Trung Bộ. Người khuyên cán bộ, nhân viên nhà nước, trước hết là đảng viên phải thật thà đoàn kết, thương yêu nhau, phải hết lòng phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân, phải có nhiệt tình cách mạng và phẩm chất đạo đức. Người yêu cầu cán bộ phải gương mẫu về đạo đức, thống nhất về tư tưởng và hành động. Người nhấn mạnh: “Cuộc trường kỳ kháng chiến này tức là dân tộc cách mệnh đến trình độ tối cao. Trong lúc này, tư tưởng và hành động của mỗi một đồng chí rất quan hệ đến toàn quốc. Nếu một người sơ suất, một việc sơ suất là có thể hỏng việc to; sai một ly đi một dặm”<sup>1</sup>. Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải kiên quyết tẩy sạch những khuyết điểm, như: *địa phương chủ nghĩa, óc bè phái, óc quân phiệt, quan liêu, óc hẹp hòi, ham chuộng hình thức, ích kỷ, kiêu ngạo, làm việc lười biếng, vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm*<sup>2</sup>.

Đặc biệt, tháng 10-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết cuốn *Sửa đổi lối làm việc* làm tài liệu tu dưỡng tư tưởng, đạo đức và tác phong cho cán bộ, đảng viên.

Sự ra đời của tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* vừa là kết quả của một quá trình Chủ tịch Hồ Chí Minh chăm lo đến việc giáo dục đạo đức, phong cách, lễ lối làm việc cho cán bộ, nhân viên nhà nước, vừa là nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác kiện toàn, củng cố bộ máy chính quyền các cấp, nâng cao phẩm chất, đạo đức của cán bộ, đảng viên cho phù hợp với điều kiện mới của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cũng như những tác phẩm, những bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được trình bày ở trên, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người vẫn hết sức coi trọng vấn đề giáo dục, nâng cao phẩm chất, đạo

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.5, tr.76.

2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.5, tr.71-75.

đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân...”<sup>1</sup>.

Từ quan điểm “đạo đức là cái gốc của cách mạng”, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* nổi tiếng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cả một phần quan trọng để trình bày về *tư cách và đạo đức cách mạng*. Người đề cập tới: Tư cách của Đảng chân chính cách mạng (gồm 12 điểm); Phận sự của đảng viên và cán bộ; Tư cách và bốn phận đảng viên; Phải rèn luyện tính Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, về Đảng, “phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị đó có đúng hay không. Phải luôn luôn xem xét lại tất cả công tác của Đảng. Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng. Phải đem tinh thần yêu nước và cần, kiệm, liêm, chính mà dạy bảo cán bộ, đảng viên và nhân dân”<sup>2</sup>. Về cán bộ, đảng viên, phải luôn luôn đặt lợi ích của dân tộc, của Đảng lên trên hết; lợi ích của cá nhân phải phục tùng lợi ích của dân tộc, của Đảng. Muốn trở thành người cách mạng chân chính phải thực hiện tốt 5 điều: *Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm*. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ ra rằng, mỗi cán bộ, đảng viên phải ra sức chống chủ nghĩa cá nhân, thực hiện chí công vô tư, khắc phục các bệnh: *bệnh tham lam, bệnh lười biếng, bệnh kiêu ngạo, bệnh hiếu danh, thiếu kỷ luật, óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh tụ, bệnh hữu danh vô thực, bệnh xu nịnh, a dua...*

Để khắc phục những sai lầm, thiếu sót những căn bệnh kể trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ phải đẩy mạnh phê bình và tự phê bình. Người nhấn mạnh: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”<sup>3</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.252-253.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.219.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.261.



Như vậy, có thể nói, cùng với những tác phẩm, những bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1945-1947, tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* đã giáng một đòn mạnh mẽ vào chủ nghĩa cá nhân, vào những căn bệnh của một đảng cầm quyền, góp phần vào việc giáo dục, nâng cao phẩm chất, đạo đức cán bộ, đảng viên; xây dựng, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân; chấn chỉnh, củng cố và tăng cường hiệu lực của bộ máy nhà nước. Qua đó góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Từ năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chuyển sang giai đoạn mới, yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc đòi hỏi phải không ngừng củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chấn chỉnh, kiện toàn và tăng cường hiệu lực của bộ máy nhà nước, nâng cao phẩm chất, đạo đức và năng lực của cán bộ, đảng viên. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, các cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập lý luận, khắc phục các căn bệnh *chủ quan, quan liêu, mệnh lệnh, hẹp hòi và bệnh công thân*. Người còn chỉ rõ phải thực hiện dân chủ trong Đảng, phê bình và tự phê bình; phát triển lối làm việc tập thể, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng.

Phát triển tư tưởng, quan điểm trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, từ 1950-1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết một loạt bài về *thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*, làm cho bộ máy chính quyền trong sạch, thật sự là chính quyền của dân, do dân, vì dân. Người xác định tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là *kẻ thù của nhân dân, bộ đội và Chính phủ*; chống tham ô, lãng phí, quan liêu là *cách mạng*, là *dân chủ*<sup>1</sup>.

Sức mạnh của Đảng, của Nhà nước ta bắt nguồn ở phẩm chất, năng lực của mỗi cán bộ, đảng viên, ở sự gắn bó chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, cũng như trong các tác phẩm khác của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày ở trên, chúng ta thấy rõ Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến hai nhân tố quan trọng này. Nâng cao năng lực, phẩm chất cho cán bộ, đảng viên đi đôi với củng cố, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân là

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.6, tr.490-495.

những nhân tố rất quan trọng đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, khắc phục những căn bệnh đối với một đảng cầm quyền. Trong *Di chúc* viết ngày 10-5-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã căn dặn: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Rõ ràng, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sớm phát hiện và sớm đề ra những biện pháp nhằm khắc phục những căn bệnh đối với một đảng cầm quyền. Người đã luôn luôn chăm lo đến công tác cán bộ, giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất, năng lực cho cán bộ, đảng viên. Người nghiêm khắc lên án, phê phán chủ nghĩa cá nhân, yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thực hành tiết kiệm “chí công vô tư”, chống tham ô, lãng phí, quan liêu và ra sức khắc phục các căn bệnh: quan liêu, mệnh lệnh, hẹp hòi, công thần, tham lam, lười biếng, óc địa phương, bệnh xu nịnh...

Những tư tưởng và những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác cán bộ nói chung, về vấn đề giáo dục, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, khắc phục những căn bệnh của một đảng cầm quyền vẫn soi sáng cho công cuộc cải cách bộ máy hành chính, đổi mới công tác cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

## BẢN CHẤT PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH

*TS Trần Văn Phòng*

Phong cách Hồ Chí Minh nói chung, phong cách tư duy Hồ Chí Minh nói riêng còn ít được nghiên cứu. Cho tới nay, chưa có một công trình nghiên cứu riêng về phong cách tư duy Hồ Chí Minh. Trước đây, ta thường dùng khái niệm tác phong Hồ Chí Minh. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, khái niệm phong cách mới được đặt ra khi yêu cầu xây dựng phong cách làm việc leninist. Đến Đại hội VI của Đảng, khái niệm phong cách gần như đã thay cho khái niệm tác phong. Phong cách tư duy Hồ Chí Minh là một bộ phận trong hệ thống chỉnh thể phong cách của Người và là một trong những di sản vô giá mà Người để lại cho chúng ta.

Nghiên cứu phong cách tư duy Hồ Chí Minh sẽ góp phần làm rõ hơn tâm vóc vĩ đại của Người; đồng thời, từng bước hình thành, xây dựng phong cách tư duy khoa học cho cán bộ đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta nói riêng.

Khái niệm phong cách có nguồn gốc từ tiếng Latinh là *stylus*, tiếng Hy Lạp là *stylos*. Ở phương Tây, khái niệm phong cách đã đề cập từ lâu và thường được hiểu như một hiện tượng độc đáo, cá biệt trong văn học, nghệ thuật. Theo *Từ điển tiếng Nga*, do nhà xuất bản Tiếng Nga ấn hành bằng tiếng Nga năm 1984, phong cách được hiểu với năm nghĩa sau:

1. Là tổng thể các dấu hiệu đặc trưng nghệ thuật của một thời đại, một xu hướng hoặc một bút pháp cá nhân của người nghệ sĩ; hoặc tổng thể các dấu hiệu đặc trưng, đặc biệt, những thuộc tính của riêng ai đó khác với người khác.

2. Là tổng thể các phương pháp sử dụng công cụ ngôn ngữ đặc trưng của một nhà văn, một tác phẩm nào đó.

3. Thể hiện nét đặc sắc có tính chất chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật.

4. Là cách thức thực hiện những biện pháp riêng của mình.

5. Là cách thể hiện mình như cách nói, cách mặc...<sup>1</sup>.

Theo *Từ điển triết học* do Nhà xuất bản Tiến bộ Mátxcova ấn hành năm 1975, khái niệm phong cách cũng chỉ được hiểu chủ yếu trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật<sup>2</sup>.

Trong *Đại từ điển tiếng Việt*, do Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin ấn hành năm 1999, khái niệm phong cách được hiểu theo bốn nghĩa sau:

1. Là vẻ riêng trong lối sống, làm việc của một người hay một hạng người nào đó.

2. Là phiên dạng của ngôn ngữ có những đặc điểm trong lựa chọn, kết hợp và tổ chức các phương pháp ngôn ngữ liên quan tới giao tiếp.

3. Là toàn bộ các thủ pháp sử dụng phương tiện ngôn ngữ đặc trưng cho từng nhà văn, tác phẩm, thể loại.

4. Là việc lựa chọn các phương tiện ngôn ngữ theo nguyên tắc tu từ<sup>3</sup>.

Các tác giả của cuốn *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh* cho rằng, phong cách không chỉ được hiểu theo nghĩa hẹp, giới hạn trong văn học nghệ thuật, mà “còn được hiểu theo nghĩa rộng tức là lễ lối, cung cách, cách thức, phong thái, phong độ và phẩm cách đã trở thành nề nếp ổn định của một người hay một lớp người, được thể hiện trong tất cả các mặt hoạt động như lao động, học tập, sinh hoạt, ứng xử, diễn đạt (nói và viết)... tạo nên những giá trị, những nét riêng biệt của chủ thể đó”<sup>4</sup>.

Như vậy phong cách có thể được hiểu theo nghĩa hẹp chỉ giới hạn trong văn học, nghệ thuật và theo nghĩa rộng được thể hiện trong tất cả các mặt hoạt động của con người. Tác phong làm việc, tác phong công tác chỉ là một bộ phận của phong cách con người nói chung. Bởi lẽ, tác phong nhìn chung, đều được hiểu là lối làm việc và cách sống riêng của mỗi người hay sinh hoạt của một số nghề nghiệp, tổ chức<sup>5</sup>. Rõ ràng, nói

---

1. Xem *Từ điển tiếng Nga*. Nxb Tiếng Nga, Mátxcova, 1984, t.4, tr.266.

2. Xem *Từ điển triết học*. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1975, tr.449.

3. Xem Nguyễn Như Ý (chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.1337.

4. Xem Đặng Xuân Kỳ (chủ biên): *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.154.

5. Xem Nguyễn Như Ý (chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.1480.

*Từ điển tiếng Việt tường giải và liên, tương*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.732.

tới tác phong chủ yếu là nói tới cách sống, đặc trưng sinh hoạt, lối làm việc; còn phong cách là nét riêng được thể hiện trong tất cả các mặt hoạt động của con người. Như vậy, phong cách của cán bộ lãnh đạo, quản lý sẽ bao hàm nhiều nội dung khác nhau chứ không chỉ là phong cách làm việc, phong cách công tác.

Nhưng dù được hiểu theo nghĩa hẹp hay rộng, thì phong cách luôn là cái riêng, độc đáo có tính hệ thống, ổn định và đặc trưng của chủ thể đó. Tất nhiên, phong cách của một người luôn bị ảnh hưởng bởi các nhân tố như truyền thống văn hoá, lối sống, thói quen, điều kiện sống, sự trải nghiệm thực tiễn, dấu ấn cá nhân... Phong cách không mang tính bẩm sinh, mà nó được hình thành bởi sự phấn đấu, rèn luyện, trau dồi không ngừng của chủ thể.

Vậy phong cách tư duy là gì? *Phong cách tư duy là những đặc điểm riêng, có tính hệ thống, ổn định trên cơ sở của một hình thức thực hiện phương pháp tư duy của riêng cá nhân nào đó.* Cho nên, trong phong cách tư duy có sự thống nhất giữa cách thức thực hiện phương pháp tư duy và nội dung, kết quả của tư duy, cũng vì vậy phong cách tư duy bao giờ cũng được thể hiện ra thành những đặc trưng cụ thể. Như vậy phong cách tư duy có quan hệ mật thiết với phương pháp tư duy nhưng rõ ràng là không đồng nhất với nó. Bởi lẽ, phương pháp tư duy khác phong cách tư duy, nó là một hệ thống các nguyên tắc xuất phát từ các qui luật tồn tại, vận động của bản thân sự vật, hiện tượng được con người nhận thức, vận dụng để định hướng, điều chỉnh hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn của mình, nhằm biến đổi sự vật hiện tượng theo mục đích đã định. Phương pháp biện chứng duy vật là phương pháp phổ biến nhất, khoa học nhất, hiện chưa có phương pháp khoa học nào vượt qua phương pháp này. Bởi lẽ, cho tới giờ, phương pháp biện chứng duy vật vẫn là phương pháp duy nhất giúp con người hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn có hiệu quả nhất. Chính *cách vận dụng* phương pháp tư duy để định hướng, điều chỉnh hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn sẽ là cơ sở để tạo nên phong cách tư duy. Cho nên, có thể có nhiều phong cách tư duy khác nhau ở những người khác nhau, mặc dù ở họ có chung cùng một phương pháp tư duy. Cũng vì vậy mà nói tới phong cách tư duy là nói tới nét độc đáo, nét cá nhân, nét riêng tư duy của ai đó.

Đúng như các tác giả cuốn *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, nghiên cứu phong cách Hồ Chí Minh là nghiên cứu theo nghĩa rộng của khái niệm phong cách. Như vậy, phong cách Hồ Chí Minh sẽ là sự tổng hợp của phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diện đạt, phong cách ứng xử, phong cách sinh hoạt của Người. Ở đây, chỉ đi sâu tìm hiểu phong cách tư duy của Người.

Phong cách tư duy Hồ Chí Minh là một bộ phận quan trọng trong di sản tư tưởng của Người nhưng còn ít được nghiên cứu. Cao Thái trong bài *Những nét đặc sắc trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh*<sup>1</sup> đã bước đầu phác thảo những nét lớn của phong cách tư duy Hồ Chí Minh: Tư duy Hồ Chí Minh vượt lên mọi thành kiến tư tưởng; có sự thống nhất giữa tình cảm cách mạng và lý trí khoa học; gắn lý luận với thực tiễn; tổng kết kinh nghiệm để làm giàu tri thức. Cố vấn Phạm Văn Đồng trong *Hồ Chí Minh một con người, một dân tộc, một thời đại* đã đề cập phong cách tư duy Hồ Chí Minh ở những nét sau: gắn lý luận cách mạng với thực tiễn cách mạng; tính hệ thống; diễn đạt giản đơn, sáng tỏ, dễ hiểu, dễ nhớ, có sự thuyết phục mạnh mẽ. Tác giả Song Thành trong *Theo phong cách Hồ Chí Minh*<sup>2</sup> và các tác giả cuốn *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh* đều thống nhất cho rằng, nét đặc trưng của phong cách tư duy Hồ Chí Minh: độc lập, tự chủ, sáng tạo.

Chúng tôi cho rằng, phong cách tư duy Hồ Chí Minh là phong cách tư duy *độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn đất nước và thời đại*. Chính nét đặc sắc này đã làm cho phong cách tư duy của Người vừa có tính thời đại vừa có tính dân tộc; vừa có giá trị phổ biến bền vững, vừa có tính độc đáo rất riêng Hồ Chí Minh.

Tinh thần độc lập, tự chủ trong tư duy Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ ở chỗ không bắt chước, không phụ thuộc, không theo đuôi, không an phận trong suy nghĩ và trong hành động.

Ngay từ khi mới 16 tuổi (năm 1906) Hồ Chí Minh vào Huế học Trường Quốc học, nhưng Người sớm nhận rõ nhà trường này chỉ đào tạo ra những mẫu người “ngoan ngoan” thừa hành mệnh lệnh của thực dân phong kiến, Người liền bỏ học vào Phan Thiết dạy học ở một trường tư.

---

1. Tạp chí Triết học số 2-1980.

2. Tạp chí Cộng sản số 6-1987.

Không bao lâu sau, Người thôi dạy học vào Sài Gòn tìm chỗ học nghề. Rõ ràng, có nhiều nguyên nhân, nhưng trong đó phải có nguyên nhân quan trọng đó là tư duy độc lập, tự chủ mới vượt được lên trên những thành kiến, những quan niệm thời bấy giờ để giúp Người quyết định như vậy. Bởi lẽ, khi ấy nghề dạy học vẫn là nghề cao quý, lao động chân tay vẫn bị coi là hèn kém. Trong lòng xã hội thực dân phong kiến khép kín, lạc hậu như vậy mà Hồ Chí Minh đã sớm nghĩ đến việc phải sang các nước Tây Âu “xem họ làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào” mình. Rõ ràng là cùng với sự ham hiểu biết muốn đi biết đó đây, cùng với lòng yêu nước..., ở Người khi đó đã sớm thể hiện một lối tư duy độc lập, tự chủ. Cho nên, dễ hiểu là tại sao Người không đi theo con đường Đông du sang Nhật. Chỉ có tư duy độc lập, tự chủ mới giúp Người, khi đó đã hiểu được theo Lương Khải Siêu là nửa vời, là cái lương, chưa phải là cách mạng; dựa vào Nhật khác nào “rước ác vào nhà”. Trước Người, chưa có một ai (kể cả Trương Công Định, Phan Bội Châu, Tống Duy Tân, Phan Chu Trinh) phân biệt được sự khác nhau giữa thực dân Pháp với nhân dân lao động Pháp. Cho nên, với họ, cách mạng là chống lại người Pháp nói chung. Hồ Chí Minh với tư duy độc lập, tự chủ khi đó đã biết vượt lên trên lập trường của tất cả các giai tầng: giai cấp phong kiến thất thế (như cụ Phan Đình Phùng), giai cấp nông dân (như cụ Hoàng Hoa Thám), giai cấp tư sản dân tộc (như Nguyễn Thái Học) để đứng trên lập trường của giai cấp công nhân mà nhìn nhận vấn đề. Phan Bội Châu chỉ nhìn thấy mâu thuẫn màu da, giữa châu Á và châu Âu; Phan Chu Trinh lại muốn “nhờ Pháp” giúp đánh phong kiến. Còn Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với tư duy độc lập, tự chủ đã sớm nhận rõ, chính chủ nghĩa thực dân đế quốc là kẻ thù chung của các dân tộc bị áp bức của giai cấp vô sản toàn thế giới “... dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”<sup>1</sup>.

Cũng từ nhận thức sâu sắc như vậy mà ngay từ năm 1921, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã hiểu rõ mối quan hệ biện chứng giữa phong trào cách mạng ở châu Á với phong trào cách mạng ở châu Âu: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1, tr.266.

bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”<sup>1</sup>.

*Nhờ có tư duy độc lập, tự chủ đã làm cơ sở cho tư duy của Người trở nên sáng tạo. Nhưng sáng tạo trong tư duy Hồ Chí Minh là sáng tạo trên nền thực tiễn cách mạng. Cho nên, cùng với tính sáng tạo thì tư duy của Người luôn thiết thực, gắn với thực tiễn đất nước và thời đại. Hồ Chí Minh không chỉ độc lập, tự chủ trong tư duy mà còn rất sáng tạo. Trong “Những luận cương” về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Lênin đã chỉ rõ, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản, và những người cộng sản phải có nhiệm vụ giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu, vận dụng mà còn phát triển sáng tạo luận điểm: cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động và có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc và bằng thắng lợi đó, tác động mạnh mẽ tới cách mạng vô sản ở chính quốc. Cho nên trong bài phát biểu tại phiên họp thứ tám Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản ngày 23-6-1924, Hồ Chí Minh đã “phê phán” một số đảng viên chưa thấm nhuần quan hệ sâu sắc giữa vô sản chính quốc và vô sản ở các nước thuộc địa. Đồng thời, Người còn chỉ rõ: “... hiện nay nạn độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc”<sup>2</sup>. Mặc dù vậy, ngay cả khi đó Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vẫn thể hiện rõ tính độc lập, tự chủ trong nhận thức và đặc biệt là trong hoạt động cách mạng: “và muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”<sup>3</sup>. Với tư duy độc lập, tự chủ, Hồ Chí Minh đã thấy rõ tính chủ động tích cực, sự tự lập của các dân tộc thuộc địa trong việc lật đổ chủ nghĩa thực dân để tự giải phóng mình, tất nhiên phải biết tranh thủ thời cơ và sự giúp đỡ quốc tế. Vì vậy, trong *Tuyên ngôn của hội liên hiệp thuộc địa*, Người viết: “Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin*

---

1. *Sđd*, tr.36.

2. *Sđd*, tr.274.

3. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.31.



nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”<sup>1</sup>.

Độc lập, tự chủ, sáng tạo không chỉ trong tư duy mà cả trong hành động cách mạng, trong kháng chiến chống xâm lược và trong xây dựng đất nước - đây là nét đặc trưng rất Hồ Chí Minh. Năm 1949, khi trả lời các phóng viên nước ngoài về vấn đề: Việt Nam có nhận được sự giúp đỡ từ bên ngoài không? Có sợ bị nước ngoài thống trị không? Hồ Chí Minh đã nói: “Thắng lợi của Việt Nam sẽ là độc lập và thống nhất thực sự. Chúng tôi bao giờ cũng trông ở sức mình. Chúng tôi không sợ ai cả. Không nước nào có thể thống trị được chúng tôi”<sup>2</sup>. Đặc biệt, chính tư duy độc lập tự chủ, sáng tạo đã giúp Hồ Chí Minh cùng Đảng ta chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đi giữa hai ngọn sóng Xô - Trung trong thập kỷ 60.

Tính thiết thực trong tư duy Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ ở chỗ, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Người đã tìm mọi cách để ngăn chặn một cuộc chiến tranh có thể xảy ra.

Người “đã sử dụng đến mức tối đa sự mềm dẻo xung quanh tấm thảm xanh để thăm dò những khả năng cho một giải pháp hoà bình có thể thực hiện được bằng thoả hiệp”<sup>3</sup>. Người đã tham dự và chỉ đạo ký Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946, Hoà đàm Phôngtennơblô từ 4-7 đến 4-9-1946. Người đã sẵn sàng đi tới một giải pháp không bạo lực, đến một nền hoà bình thương lượng. Nhưng khi thực dân Pháp gây hấn ở Hải Phòng thì Người đã có thái độ kiên quyết: “Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”<sup>4</sup>.

Tính thiết thực không loại trừ tính sáng tạo, không loại trừ sự nhìn xa, trông rộng ở Hồ Chí Minh.

Bởi lẽ, ngay cả trong đấu tranh chống thực dân Pháp, hay đế quốc Mỹ, Người vẫn tìm cách duy trì quan hệ hữu nghị với nhân dân Pháp và nhân

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.128.

2. *Sđd*, t.5, tr.67.

3. Xem: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.94.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.480.

dân Mỹ. Rõ ràng, đứng trước những vấn đề cấp bách cần giải quyết, Người vẫn nhìn rõ là sau chiến tranh cần có sự hợp tác, quan hệ hữu nghị để phát triển kinh tế, chính trị, khắc phục hậu quả chiến tranh.

Phong cách tư duy thiết thực gắn với thực tiễn đất nước đã giúp Hồ Chí Minh rất sáng tạo trong vận dụng và phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin. Mọi suy nghĩ của Người luôn xuất phát từ những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Cho nên, khi đề cập việc phát triển phong trào cách mạng ở phương Đông, Người luôn lưu ý Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản rằng: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”<sup>1</sup>. *Tính thiết thực, gắn với thực tiễn* là nét đặc trưng nội tại của phong cách tư duy độc lập, sáng tạo của Hồ Chí Minh. Điều này thể hiện rất rõ trong toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Khi đề cập việc các Đảng Cộng sản giúp đỡ phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, Hồ Chí Minh đã lưu ý rằng: “Đề ra những luận cương dài dằng dặc và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng như từ trước vẫn làm thì chưa đủ. Chúng ta cần có biện pháp cụ thể”<sup>2</sup>.

Tính thiết thực, luôn gắn với thực tiễn đất nước và thời đại trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh còn thể hiện rõ ở chỗ, Người luôn luôn đứng trên “mảnh đất thực tiễn” cách mạng Việt Nam, trên nền của văn hoá dân tộc nói riêng, văn hoá phương Đông nói chung để vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin. Cho nên, ngay từ khi còn đang hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã từng viết: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”. “Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”. “Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”<sup>3</sup>. Nhưng điều quan trọng là Người đã khẳng định “... chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng cả ở đó” (ở phương Đông-TG). Cuộc đấu tranh giai cấp ở các nước phương

---

1. *Sđd*, t.1, tr.263.

2. *Sđd*, tr.281.

3. *Sđd*, tr.465.

Đông không diễn ra giống như ở phương Tây. Ở phương Đông, chủ nghĩa dân tộc sẽ là động lực lớn của đất nước<sup>1</sup>.

Rõ ràng, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, không muốn dựng lên bức hàng rào Đông - Tây mà với phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực, gắn với thực tiễn đất nước và thời đại đã đem lại “nội dung và hình thức dân tộc cho chủ nghĩa Mác-Lênin” như V.I. Lênin đã từng căn dặn những người cộng sản ở phương Đông vào năm 1919<sup>2</sup>. Vì vậy, Hồ Chí Minh luôn luôn căn dặn cán bộ, đảng viên phải biết xuất phát từ thực tiễn nước ta để đề ra chủ trương, đường lối đúng, tránh giáo điều, rập khuôn, máy móc. Người phê phán những người “thấy người ta làm thế nào mình cũng một mực bắt chước làm theo thế ấy. Thí dụ: nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng”<sup>3</sup>.

Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực, gắn với thực tiễn đất nước và thời đại của Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ ở chỗ, Người luôn luôn biết đề xuất ý kiến mới, dám từ bỏ lối mòn quen thuộc trong cách nghĩ, cách nhìn và dám nhận lấy trách nhiệm khai phá con đường nhận thức mới. Chẳng hạn, Người đã thẳng thắn phê bình Đảng Cộng sản Pháp và các Đảng Cộng sản khác ở châu Âu chưa thực hiện tốt *Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa*, chưa giúp được nhiều cho phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa<sup>4</sup>. Cũng vì vậy mà thái độ của Người đối với cái cũ và cái mới cũng rất rõ ràng, đúng đắn, dứt khoát. Đối với cái cũ, nếu thực tiễn chỉ ra là sai thì Người sẵn sàng vứt bỏ. Cái cũ, nếu còn phù hợp thì Người kiên quyết kế thừa, bổ sung, phát triển: “Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ... Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý”<sup>5</sup>.

Cho nên, Người đã từng viết: “Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học”<sup>6</sup>. Chính phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn đất nước và thời đại

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.465.

2. Xem Phạm Như Cương: *Đổi mới phong cách tư duy*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999, tr.165.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.272.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.1, 278.

5. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.94.

6. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.46.

giúp Người biết tìm ra cái mới phù hợp với thực tiễn, biết phát triển những luận điểm, những tư tưởng cũ trong điều kiện mới.

Chẳng hạn, Người đã kế thừa, phát triển, nâng cao những luận điểm tiến bộ về quyền tự do bình đẳng của con người trong triết học phương Tây cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Trong lời mở đầu của *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh đã trích luận điểm bất hủ của Tô-mát Giép-phéc-xơn - nhà Khai sáng nổi tiếng trong lịch sử đấu tranh của nhân dân Mỹ: *Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*<sup>1</sup>. Nhưng Hồ Chí Minh không chỉ dừng ở đó Người phát triển thêm: “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>2</sup>.

Nhờ tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực, gắn với thực tiễn đất nước và thời đại mà Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại; giữa kế thừa và đổi mới. Hồ Chí Minh cũng không chỉ dừng lại ở đó mà còn luôn nhạy bén với cái mới và ủng hộ cái mới. Cho nên, Người đã chủ động phát động phong trào “người tốt, việc tốt”, đồng thời viết báo phổ biến gương người tốt, việc tốt... Tính thiết thực gắn với thực tiễn đất nước và thời đại trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh còn thể hiện rõ ở chỗ, Người luôn luôn tổng kết kinh nghiệm để làm giàu tri thức của mình, để bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

Ngay từ những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên: “... Công việc gì bất kỳ thành công hoặc thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tích thật rõ ràng rồi kết luận.

Kết luận đó sẽ là *cái chìa khoá phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới*”<sup>3</sup>.

Khi nói chuyện với cán bộ, đảng viên học tập lý luận, Người luôn căn dặn rằng, học tập lý luận thì phải biết dùng lý luận đã học được để phân tích những thắng lợi và thất bại trong công tác, những mặt đúng,

---

1, 2. *Sđđ*, t.4, tr.1.

3. *Sđđ*, t.4, tr.243.

mặt sai trong tư tưởng, phân tích một cách toàn diện để tìm ra nguyên nhân đúng - sai về lập trường, quan điểm và phương pháp của mình. Theo Người, “làm như thế là tổng kết để làm cho nhận thức của chúng ta đối với các vấn đề đó được nâng cao hơn và công tác có kết quả hơn”<sup>1</sup>. Người còn nhấn mạnh, cán bộ “... cần phải nghiên cứu kinh nghiệm cũ để giúp cho thực hành mới lại đem thực hành mới để phát triển kinh nghiệm cũ: làm cho nó đầy đủ dồi dào thêm”<sup>2</sup>. Rõ ràng, đây không chỉ thể hiện tính thiết thực, gắn với thực tiễn của phong cách tư duy Hồ Chí Minh mà còn thể hiện sự kế thừa có chọn lọc, có phát triển những tư tưởng, quan điểm, kinh nghiệm cũ nhằm làm giàu trí tuệ của mình. Tính thiết thực, gắn với thực tiễn trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh còn thể hiện ở chỗ, tư duy của Người luôn hướng tới việc xây dựng một xã hội mới.

Với phong cách tư duy như vậy, ngay từ những ngày còn ở châu Âu tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tích cực tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp; Hội liên hiệp thuộc địa; hoạt động tích cực trong Quốc tế cộng sản. Ở Trung Quốc, Người thành lập “Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở châu Á”. Tại Quảng Châu - Trung Quốc, Người đã mở nhiều lớp huấn luyện thanh niên, sáng lập tổ chức “Thanh niên cách mạng đồng chí hội”. Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau này Người sáng lập ra Mặt trận dân tộc thống nhất; Quân đội nhân dân; Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và luôn luôn chăm lo củng cố các tổ chức đó về mọi mặt. Cũng xuất phát từ mục đích xây dựng xã hội mới, Hồ Chí Minh chú trọng xây dựng các loại hình tổ chức để tập hợp quần chúng nhằm phát huy tính sáng tạo của quần chúng trong cách mạng.

Đó là tổ chức của thanh niên; tổ chức của công nhân; tổ chức của nông dân; tổ chức của phụ nữ và nhiều tổ chức khác tùy thuộc vào yêu cầu của cuộc đấu tranh cách mạng và lợi ích của quần chúng.

Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn đất nước đã được hình thành rất sớm ở Hồ Chí Minh. Nhưng khi bắt gặp chủ nghĩa Mác-Lênin, thì phong cách ấy ngày càng được củng cố, phát

---

1. *Sđd*, t.8, tr.498.

2. *Sđd*, t.5, tr.417.

triển. Thông qua quá trình rèn luyện, trau dồi, qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, tư duy *độc lập tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn đất nước đã trở thành đặc điểm bản chất, thuộc tính bền vững của phong cách tư duy Hồ Chí Minh*. Có tư duy độc lập, tự chủ, nên tránh được sự ảnh hưởng bởi những thành kiến, những quan niệm, những uy tín đang thịnh hành, Người đến với tư duy sáng tạo. Nhưng tư duy sáng tạo của Hồ Chí Minh được đặt trên nền thực tiễn cách mạng Việt Nam và thời đại, vì vậy nó không bị rơi vào ảo tưởng, chủ nghĩa chủ quan, giáo điều xơ cứng, cơ hội, xét lại. Vì vậy, làm cho tư duy đó trở nên rất thiết thực. Nếu trung tâm tư tưởng Hồ Chí Minh là “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, là “không có gì quý hơn độc lập tự do”; là giải phóng dân tộc, giải phóng người lao động, thì tư duy Hồ Chí Minh là nhằm phục vụ cho những mục đích cao cả ấy. Cho nên, *tư duy Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất giữa tình cảm cách mạng và lý trí khoa học; luôn hướng tới xây dựng một xã hội mới; luôn được làm giàu tri thức bằng tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của đất nước và thời đại, lại được diễn đạt bằng một văn phong đơn giản, trong sáng, rõ ràng nhưng không thô thiển*.

Những thuộc tính độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn đất nước và thời đại đã hoà quyện với nhau, bổ sung, hỗ trợ cho nhau để cùng nhau tạo nên nét độc đáo riêng phong cách tư duy Hồ Chí Minh. Thực tế lịch sử cho thấy, có những nhà hoạt động cách mạng quốc tế, cũng có được lối tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo nhưng không thiết thực và không gắn với thực tiễn đất nước họ cũng như thời đại cho nên, cuối cùng họ lại rơi vào ảo tưởng, chủ quan, nóng vội. Ngược lại, có người, có tư duy thiết thực, gắn với thực tiễn đất nước nhưng lại không độc lập, tự chủ, sáng tạo nên cuối cùng rơi vào hoặc là chủ nghĩa xét lại, hoặc là chủ nghĩa thực dụng, thiển cận.

Giáo sư Bécna Đam trường Đại học Pát-san Cộng hoà Liên bang Đức, hoàn toàn có lý khi chỉ ra rằng: so với Tan Malaka (nhà quốc tế chủ nghĩa Indônêxia), Hồ Chí Minh thiết thực hơn, gắn với thực tiễn hơn, hướng về hành động hơn và nhận thức sâu sắc hơn về thời cơ cách mạng. Nếu Xucác-nô là người truyền giáo khi tiến hành Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Indônêxia thì Hồ Chí Minh là người tổ chức, lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. So với Aung Xan (nhà cách mạng Miến Điện) thì

Hồ Chí Minh khôn ngoan nhưng hành động thận trọng hơn<sup>1</sup>. Phải chăng, một trong những yếu tố làm cho Hồ Chí Minh hơn hẳn các nhà cách mạng đương thời ở Đông Nam Á, chính là phong cách tư duy độc lập tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn đất nước và thời đại của Người?

Nhờ có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo mà Hồ Chí Minh không xa rời phương pháp biện chứng duy vật, không xa rời chủ nghĩa Mác-Lênin. Với tư duy lý luận luôn gắn với thực tiễn đất nước và thời đại, Người không rơi vào xét lại, không rơi vào chủ nghĩa dân tộc, không sa vào chủ nghĩa thực dụng. Vì vậy, phong cách tư duy Hồ Chí Minh thấm đượm phong cách tư duy Việt Nam, tư duy phương Đông cũng rất hiện đại. Nó vừa có giá trị độc đáo riêng nhưng lại vừa có giá trị bền vững, phổ biến.

Chính Hồ Chí Minh và Đảng ta cùng những học trò xuất sắc của Người đã làm giàu chủ nghĩa Mác-Lênin bằng những nội dung và hình thức rất Việt Nam. Vì vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự diu dắt của Người, cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm nên những chiến công có một không hai trong lịch sử loài người.

\*

\* \*

Phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn đất nước và thời đại của Hồ Chí Minh có những *cơ sở nào*. Đó chính là phong cách tư duy Việt Nam nói riêng, phong cách tư duy phương Đông nói chung; là chủ nghĩa Mác-Lênin mà đặc biệt là phương pháp biện chứng duy vật; là bản sắc cá nhân của chính tư duy Hồ Chí Minh.

Đúng như nhà nghiên cứu Song Thành khẳng định, một trong những đặc điểm của tư duy Việt Nam và phương Đông là thường thiên về suy nghĩ và diễn đạt bằng hình ảnh hơn là bằng khái niệm. Hơn nữa, quảng đại quần chúng nhân dân lao động Việt Nam trước cách mạng mù chữ, thất học, nếu diễn đạt bằng những lý luận cao siêu họ sẽ không hiểu. Căn cứ vào tình hình thực tiễn đất nước, vào trình độ dân trí cũng như ưu thế của lối tư duy bằng hình ảnh phương Đông, Hồ Chí Minh thường hay dùng phương pháp so sánh

---

1. Xem *Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.75-81.

bằng hình ảnh khi diễn đạt lý luận. Chẳng hạn, khi đề cập bản chất ăn bám, bóc lột của chủ nghĩa thực dân đế quốc đối với người lao động ở cả chính quốc và thuộc địa, Hồ Chí Minh đã dùng hình ảnh con đĩa hai vôi: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi”. Với cách so sánh giản đơn điển hình này, Hồ Chí Minh đã diễn đạt một cách dễ hiểu mối quan hệ giữa cách mạng ở chính quốc và cách mạng ở thuộc địa. Với hình ảnh con đĩa hút máu, bất cứ người Việt Nam bình thường nào cũng có thể hiểu và cảm nhận được bản chất bóc lột, ăn bám của chủ nghĩa thực dân đế quốc.

Để giải thích cho đồng bào thiếu số về công tác bảo vệ cán bộ và khu căn cứ cách mạng, Hồ Chí Minh đã dùng phương pháp so sánh rất gần gũi với bà con: “Đồng bạc trắng quý thật, muốn giữ kín chôn giấu ở đâu cũng được. Nếu mất có thể tìm hoặc làm ra được. Nhưng cán bộ, bộ đội cứu quốc quân về bản hoạt động còn quý hơn cả bạc trắng. Nếu có họ thì ta có tất cả. Họ cùng ta đánh Tây, đuổi Nhật, họ là tô tử của dân. Nếu nước nhà được độc lập, dân có tự do thì nhà cửa, trâu bò, tiền bạc đều có. Vậy ta phải giấu họ cho kín đáo”<sup>1</sup>.

Khi luận giải nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn cũng như tầm quan trọng của việc quán triệt nguyên tắc này, cũng như về vai trò của lý luận, Hồ Chí Minh đã dùng hình ảnh so sánh: “Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên”<sup>2</sup>. “Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là *lý luận suông*. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách”<sup>3</sup>. “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”<sup>4</sup>. “Làm mà không có lý luận thì không khác gì đi mò trong đêm tối, vừa chậm chạp vừa hay vấp vấp”<sup>5</sup>.

Rõ ràng, Hồ Chí Minh đã kế thừa và vận dụng hết sức tài tình kiểu tư duy bằng hình ảnh của Việt Nam và phương Đông. Cho nên, dù vẫn

---

1. *Chuyện kể về Bác Hồ*, Nxb Nghệ An, 1977, tr.83.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.235, 234.

4. *Sđd*, tr.233-234.

5. *Sđd*, t.6, tr.47.



đề phức tạp, khó hiểu đến mấy khi phải giải thích cho cán bộ, nhân dân, Người đều có thể dùng hình ảnh so sánh để dễ hiểu, dễ nhớ nhưng không thô thiển và làm cho nó trở thành điều đơn giản.

Hồ Chí Minh đã kế thừa và vận dụng sáng tạo các khái niệm “thời”, “thê” trong tư duy biện chứng phương Đông. Khi thời cơ chưa có thì phải “thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến”<sup>1</sup>. Điển hình của sự vận dụng đó là Người đã quyết tâm phát động Tổng khởi nghĩa vào tháng Tám năm 1945; kiên quyết giành và thiết lập chính quyền cách mạng trước khi quân Đồng minh vào nước ta sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Muốn vậy, theo Người, “Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ”<sup>2</sup>. Đồng thời, phải có quan điểm lịch sử cụ thể, toàn diện để xem xét những yếu tố tạo nên thời. Nếu không nắm được thời cơ thì hai xe cũng không bằng một tốt, như trong đánh cờ. Do nắm vững thời, thế, lực của ta, địch, của tình hình trong nước và quốc tế mà Hồ Chí Minh đã có nhiều dự đoán chính xác về tình hình cách mạng - một biểu hiện sâu sắc của phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn: dự đoán nước Nga sẽ phải đấu tranh với chủ nghĩa tư bản vào năm 1920<sup>3</sup>; dự đoán Nhật sẽ phản Pháp và Việt Minh phải chớp cơ hội này vào cuối những năm 1930<sup>4</sup>; dự đoán Đồng minh dân chủ nhất định sẽ thắng trong lúc Đức, Ý, Nhật đang đánh nhau thắng đó<sup>5</sup>. Dự đoán cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ trong vòng một năm hoặc một năm rưỡi nữa vào tháng 10 năm 1944<sup>6</sup>...

Hồ Chí Minh cũng là người đã vận dụng và kế thừa hết sức sáng tạo tư tưởng thiên thời, địa lợi, nhân hoà của triết học phương Đông.

Người quán triệt sâu sắc rằng, thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hoà. Bởi vậy, trong cách mạng, với Người: “Có núi thì dựa vào núi, có sông thì dựa vào sông, không có núi, không có sông thì dựa vào người dân ở đó... ở đâu có dân là ở đó có núi, có sông, có biển. Dân có sức mạnh hơn cả sông núi. Nếu ta biết dựa vào dân thì sẽ thành công”<sup>7</sup>.

---

1. *Sđd*, t.1, tr.28.

2. *Sđd*, t.3, tr.287.

3. Xem *Sđd*, t.1, tr.243-244.

4. Xem *Sđd*, t.5, tr.411-412.

5. Xem *Sđd*, t.5, tr.411-412.

6. Xem *Sđd*, t.3, tr.505-506.

7. *Chuyện kể về Bác Hồ*, Nxb Nghệ An, 1977, tr.79.

Hồ Chí Minh còn là người kế thừa, vận dụng một cách tài tình truyền thống văn hoá phương Đông để phát triển phong cách tư duy riêng của mình. Một trong những nét truyền thống văn hoá phương Đông là “Một tấm gương sống có giá trị hơn một trăm bài diễn thuyết” nên Người thường xuyên chứng minh lý luận bằng thực tiễn, bằng hành động, bằng việc làm. Điều này hoàn toàn phù hợp với phong cách tư duy Việt Nam và tư duy phương Đông. Bởi lẽ, đối với Việt Nam và phương Đông, cũng có khi chẳng cần nói mà làm, thấy làm đúng, làm phải, khắc mọi người làm theo. Nói theo cách nói của nhà nghiên cứu Lê Trí Viễn, đó là phương pháp tư duy kiểu “vô ngôn”. Đó là “nếp” tư duy trực cảm phương Đông, “vô ngôn” nhưng biểu hiện ra hành động và có hiệu lực trong thực tiễn<sup>1</sup>. Chẳng hạn, trong khoảng 10 năm từ 1955 - 1965, Hồ Chí Minh đã thực hiện trên 700 lượt đi xuống thăm, tiếp xúc với cơ sở địa phương, công trường, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị bộ đội... Mỗi năm có hơn 70 lần xuống cơ sở, mỗi tháng có tới 6 lần gặp gỡ, tiếp xúc với quần chúng. Điều này đủ thấy Hồ Chí Minh gắn bó, sâu sát với quần chúng, cơ sở, với thực tiễn như thế nào. Có thể nói cái tinh túy của tư duy Việt Nam, tư duy phương Đông đã được Hồ Chí Minh kế thừa, rèn luyện, trau dồi trở thành cái “thần” rất Hồ Chí Minh. Nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến” đã được Người vận dụng sáng tạo trong hoạt động lý luận cũng như hoạt động cách mạng và cũng là lời căn dặn có tính nguyên tắc mà Người đã để lại cho cụ Huỳnh Thúc Kháng và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước. “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” là sự vận dụng tổng hợp các nguyên lý, qui luật, nguyên tắc của phép biện chứng duy vật và của tư tưởng biện chứng phương Đông.

Hồ Chí Minh không chỉ kế thừa phong cách tư duy Việt Nam, tư duy phương Đông mà còn kế thừa toàn bộ những tinh hoa trí tuệ của tư duy phương Tây, đặc biệt là phương pháp biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chính Người đã từng nói rằng, chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Vì vậy, Hồ Chí Minh cũng luôn căn dặn cán bộ, đảng viên: “... phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác-Lênin... mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân

---

1. Xem Ban Khoa học xã hội Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và thời đại*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr.11.

tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta”<sup>1</sup>. Cho nên, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, đối với Người, là phải học “cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình”<sup>2</sup>.

Để kế thừa và phát huy được những giá trị của tư duy Việt Nam, tư duy phương Đông, tư duy biện chứng duy vật phải có trí thông minh, đầu óc nhạy bén với cái mới, thiết thực, cụ thể. Hồ Chí Minh có kiến thức sâu rộng, được tiếp xúc với nhiều nền văn hoá khác nhau, biết nhiều ngoại ngữ, ham học hỏi. Tất cả những yếu tố đó đã tạo nên bản sắc riêng trong tư tưởng của Người. Chúng ta đều rõ, Hồ Chí Minh không phải là người Việt Nam đầu tiên đến Pháp, cũng không phải là người Việt Nam đầu tiên được đọc Sơ thảo những luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, nhưng chỉ có Người là người Việt Nam đầu tiên, duy nhất biết được đây là cái cần cho Tổ quốc, cho dân tộc, là con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc ta và các dân tộc thuộc địa. Chỉ với tư chất thông minh hơn người, mới giúp cho người thanh niên Nguyễn Ái Quốc lúc đó mới 30 tuổi biết được điều đó. Tất nhiên, chỉ thông minh thôi chưa đủ, Hồ Chí Minh còn là người sống có hoài bão, có tình thương yêu người lao động bao la và sâu sắc, có bản lĩnh kiên định, có khí tiết kiên cường, trong đấu tranh vì lý tưởng, có lòng tin mãnh liệt ở quần chúng nhân dân lao động. “Người là một bậc *đại nhân, đại trí, đại dũng*”<sup>3</sup>. Đúng như Hêlen Tuốc-mê-rơ đã viết: “Hồ Chí Minh là hình ảnh hoàn chỉnh của sự kết hợp: đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học của C.Mác, thiên tài cách mạng của V.I.Lênin và tình cảm của người chủ gia tộc - Tất cả đều hoà hợp trong một dáng dấp tự nhiên”<sup>4</sup>. Hồ Chí Minh đã trở thành một vĩ nhân với một phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo thiết thực, gắn với thực tiễn là bởi vì Người “đã biết làm giàu vốn trí tuệ của mình bằng những di sản quý báu của văn hoá nhân loại. *Người biết kế thừa các học thuyết đó một cách có phê phán, chọn lọc, không bao giờ sao chép máy móc, cũng không bao giờ phủ định một cách giản đơn, mà có sự phân tích một cách sâu sắc để tìm ra*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.8, tr.494.

2. *Sđd*, t.9, tr.292.

3. Võ Nguyên Giáp (chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.55.

4. TS. Nguyễn Khánh Bật (chủ biên): *Những bài giảng về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.43.

*những yếu tố tích cực, làm giàu thêm vốn kiến thức và hành trang tư tưởng của mình”<sup>1</sup>.*

Chính thực tiễn hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh là một trong những cơ sở thực tiễn quan trọng nhất góp phần hình thành, củng cố, phát triển phong cách tư duy của Người. Thực tiễn hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh có thể chia làm ba giai đoạn.

Giai đoạn đầu, Hồ Chí Minh còn ở thời niên thiếu và trưởng thành trong sự giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội. Đây là thời kỳ mà Người tiếp thu, chịu ảnh hưởng từ gia đình, từ các thầy dạy học tình yêu quê hương, đất nước, sự cảm thông sâu sắc với nỗi vất vả, nhọc nhằn của người lao động. Sinh ra và lớn lên trong lòng dân tộc, Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng sâu sắc phong cách tư duy thiên về hình ảnh, mềm dẻo, linh hoạt, uyển chuyển, bình dị, cụ thể, thiết thực của dân tộc và những yếu tố tích cực của tư duy phương Đông.

Giai đoạn hai, là giai đoạn Người ra đi tìm đường cứu nước. Giai đoạn này, Người đi nhiều nước, đọc nhiều, am hiểu sâu sắc lịch sử tư tưởng và thể chế chính trị của nhiều nước Âu, Phi, Mỹ, Á. Thực tiễn sinh động ấy đã mài sắc tư duy của Người, đồng thời tăng thêm tình cảm của Người đối với những người lao động trên thế giới. Ở giai đoạn này, Người đã tiếp thu nhiều giá trị của tư duy chính xác, chặt chẽ về lôgic của tư duy phương Tây. Đặc biệt, Người đã tiếp thu phương pháp tư duy biện chứng duy vật của triết học Mác-Lênin. Chính phương pháp tư duy biện chứng duy vật mác xít này đã góp phần chủ yếu trong việc hình thành và củng cố thêm ở Người phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo và nâng nó lên một tầm cao mới.

Giai đoạn ba, là giai đoạn Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đây chính là giai đoạn xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam và trên cơ sở đó, phong cách tư duy của Người được củng cố, phát triển và hoàn chỉnh. Đây cũng là giai đoạn mà tư duy của Người trở nên thiết thực, gắn với thực tiễn đất nước và thời đại. Đây cũng là giai đoạn mà Hồ Chí Minh gạn đục, khơi trong, thấu hoá những nhân tố tiến bộ của tư duy Việt Nam, tư duy phương Đông, tư duy phương Tây

---

1. Võ Nguyên Giáp (chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.43.

cũng như phương pháp tư duy biện chứng duy vật vào phong cách tư duy của mình, làm cho phong cách tư duy ấy trở nên rất Hồ Chí Minh và cũng rất hiện đại và khoa học.

Những yếu tố trên đã được Hồ Chí Minh kết hợp vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt cùng nhau để hình thành nên phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn đất nước và thời đại của Người. Với phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn đất nước và thời đại đã giúp Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu, vận dụng đúng đắn mà còn phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trên nhiều mặt và đã nâng tư tưởng Việt Nam, trí tuệ Việt Nam lên tầm cao mới.

Bản sao lưu trữ

## NHỮNG NÉT ĐẶC SẮC TRONG PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH

*TS Cao Đức Thái*

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam bắt nguồn từ sự vận dụng và phát triển một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo. Có thể nói, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người kế tục xứng đáng C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đặt nền tảng vững chắc cho lý luận cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh đi từ dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa; đường lối gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội do Người soạn thảo không chỉ soi sáng sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta mà còn góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của các dân tộc bị áp bức, bóc lột khắp năm châu.

Vào những năm cuối của thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX cách mạng Việt Nam rơi vào thế khủng hoảng trầm trọng về phương pháp và hướng đi khi phải đứng trước kẻ thù mới là thực dân Pháp. Lúc bấy giờ đã xuất hiện nhiều nhà yêu nước, nhà cách mạng ra đi tìm lối thoát cho dân tộc nhưng đều thất bại. Sự thức tỉnh ý thức độc lập dân tộc càng trở nên mãnh liệt đó, phản ánh những mâu thuẫn gay gắt trong lòng xã hội Việt Nam, gắn liền với những chuyển biến lịch sử lớn lao trên thế giới mà sự kiện nổi bật nhất là sự thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, mở đầu cho một thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Điều đó chứng tỏ rằng, những điều kiện khách quan và chủ quan đã chín muồi để xuất hiện lãnh tụ của dân tộc - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - Bác Hồ vĩ đại của chúng ta. Với những phẩm chất siêu việt, Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, sáng lập ra Đảng ta đáp ứng yêu cầu của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng

vĩ đại. Cuộc đời và sự nghiệp của Người đã để lại cho dân tộc ta nhiều di sản quý báu. *Thiên tài của Người trước hết biểu hiện trong phong cách tư duy. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn độc lập suy nghĩ vượt lên trên mọi thành kiến tư tưởng, gắn liền tình cảm với lý trí, bao giờ cũng hướng mọi suy nghĩ tới hành động, nắm vững điều kiện khách quan, phát huy nỗ lực chủ quan và luôn luôn dựa trên tổng kết kinh nghiệm để tiến lên nắm lấy những tri thức mới.* Những nét đặc sắc trong phong cách tư duy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là những biểu hiện đặc thù - nói đúng hơn là những biểu hiện sinh động của phương pháp tư duy biện chứng của triết học mác xít.

### **1. Luôn luôn vượt lên trên mọi thành kiến tư tưởng**

Lịch sử đã chứng minh rằng, năng lực xuất chúng của tất cả các vĩ nhân bao giờ cũng biểu hiện trên hai mặt: *một là, kế thừa những tinh hoa trí tuệ của nhân loại; hai là, khả năng vượt qua những thành kiến tư tưởng, đang là những xiềng xích vô hình trói buộc con người để khai phá một lối đi mới cho nhân loại.*

Thành kiến tư tưởng là một sản phẩm lịch sử, có một sức bền vững đặc biệt. Đối với một con người, thì vượt qua được những thành kiến lối mòn tư tưởng cũ là một cuộc đấu tranh bản thân thâm lặng, nhưng không kém phần mãnh liệt. Khác với tất cả những nhà yêu nước đương thời, Hồ Chí Minh có một tinh thần độc lập và một năng lực làm chủ bản thân rất cao.

Nhưng anh Nguyễn đã khước từ đề nghị của các vị tiền bối muốn đưa anh đi theo con đường Đông du. Anh tự chọn đường đi cho mình. Anh quyết định sang châu Âu, tới đất nước của chính kẻ thù đang giày xéo lên Tổ quốc mình. Anh muốn tìm hiểu xem đằng sau những từ ngữ rất đẹp - “tự do”, “bình đẳng”, “bác ái” là gì?

Trả lời câu hỏi “vì sao anh sang châu Âu?”, của phóng viên báo Đoàn Kết, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Ý (năm 1921), anh nói: “Ở Việt Nam có những người lính lê dương do Poăngcarê gửi sang để cải huấn. Những người lính lê dương này đọc đủ thứ. Họ là những kẻ chống đối về bản chất (TG).

Họ cho tôi đọc các báo Pháp. Vì thế tôi nảy ra ý định sang xem “Mẫu quốc” ra sao và tôi đã tới Pari”<sup>1</sup>. Câu trả lời trên đã hé mở cho

---

1. Báo Nhân dân ngày 18-5-1973.

chúng ta thấy khuynh hướng chống áp bức, chống thực dân của anh Nguyễn lúc đó như thế nào. Để thực hiện mục tiêu, lý tưởng của mình, anh đã ra đi và không có một trở lực nào có thể ngăn cản nổi. Chúng ta còn nhớ, vào thời kỳ này, nhân dân ta chưa phân biệt được thực dân Pháp. Họ gọi chung tất cả những người Pháp là bọn “bạch quỷ hôi tanh”, thậm chí không thèm dùng cả hàng hoá của Pháp! Nhưng những thành kiến dân tộc và dư luận xã hội đó đã không ngăn được bước chân anh.

Khi chưa có ánh sáng của lý luận Mác-Lênin soi đường, lại sống trong một xã hội thuộc địa nửa phong kiến rất lạc hậu, nhưng Hồ Chí Minh đã có một cách nghĩ, một việc làm mạnh dạn như thế thật là hiếm có.

Hồ Chí Minh ngay từ năm 1921 đã phủ nhận ý kiến cho rằng, vì giai cấp vô sản Đông Dương chưa phát triển nên Đông Dương chưa thể tiếp thu chủ nghĩa cộng sản. Người đã tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo về lý luận cách mạng vô sản của Lênin và kiên quyết đấu tranh cho tư tưởng này được thực hiện trên thực tế. Người đề nghị: “Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa”<sup>1</sup>. Trên cơ sở phân tích những điều kiện lịch sử - xã hội của phương Đông, Hồ Chí Minh đã khẳng định chế độ cộng sản hoàn toàn có thể thực hiện được ở châu Á và điều đó còn dễ hơn ở châu Âu. Người viết: “do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu”<sup>2</sup>.

Sinh thời, V.I.Lênin đã từng nói: “Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền Xô viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các thợ-rót ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc + + ÷ Σ = chủ nghĩa xã hội”<sup>3</sup>.

Trong *Tuyên ngôn độc lập 1945*, Hồ Chí Minh đã không ngần ngại, trích dẫn bản *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ (1766), bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng dân chủ tư sản Pháp (1791). Tuy nhiên, Người không dừng lại đó mà đã “suy ra”, khẳng định quyền độc lập tự do và quyền bình đẳng của các dân tộc.

Trên phương diện tư tưởng - lý luận, khắc phục những thành kiến trong tư duy thực chất là chống chủ nghĩa giáo điều, giáo điều sách vở, giáo điều trong việc học tập kinh nghiệm của người khác. Học tập phong

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.35.

3. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t.36, tr.684.



cách tư duy Hồ Chí Minh có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đặc biệt quan trọng. Có thể nói, đồng thời với chủ nghĩa cơ hội phản bội, một nguyên nhân quan trọng khiến cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế dẫn đến khủng hoảng, làm cho một bộ phận của chủ nghĩa xã hội sụp đổ, là do chủ nghĩa giáo điều. Vượt lên trên những thành kiến, không lệ thuộc vào tập quán cũ và biết tiếp thu một cách chọn lọc những tư tưởng truyền thống là điều kiện để sáng kiến cách mạng xuất hiện.

## **2. Lý trí luôn gắn liền với những tình cảm trong sáng**

Tri thức cách mạng không phải chỉ tuân theo các qui luật đã xác định của tư duy, mà còn là một quá trình tư tưởng hết sức sinh động, trong đó có sự tác động mạnh mẽ của yếu tố tình cảm. Tư duy của chiến sĩ cách mạng không phải là khô khan, trái lại, họ là người giàu tình cảm nhất đối với nhân dân, giai cấp, Tổ quốc, dân tộc.

Ngay từ khi còn nhỏ, Hồ Chí Minh đã xúc động trước cảnh đau ốm, chết chóc của những người dân bị Pháp bắt đi phu đắp đường Cửa Rào trên quê hương mình. Ở Đaca, Người không cầm nổi nước mắt khi thấy những công nhân khuôn vác bị nước cuốn trôi. Người đã khóc khi nhớ tới cảnh đau lòng đó cũng diễn ra ở cảng Phan Rang. Tới Mỹ, Người vô cùng đau xót trước cảnh cơ cực của những người da đen sống ở Háclem. Người phần nộ trước hành động cực kỳ dã man của bọn phân biệt chủng tộc đã hành hình những người da đen và cả những người da trắng tiến bộ, theo kiểu Lynxơ... Tiếp thu truyền thống nhân nghĩa bao la như trời biển của dân tộc đi tới đâu Bác cũng chú ý tới hai cảnh sống trái ngược, giữa nhân dân lao động với bọn thống trị.

Như ngọn đèn pha soi sáng, tình cảm trong sáng đối với con người đã giúp Người quan sát và suy nghĩ đúng đắn trên con đường tìm đến với chủ nghĩa Mác-Lênin; lòng yêu thương đồng bào, Tổ quốc mình đã được nâng lên từng bước, trở thành lòng yêu thương đối với tất cả những con người đau khổ trên thế giới. Những tri thức và tình cảm đó đã giúp Người nhanh chóng và chủ động tiếp thu lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Nếu lòng yêu thương đồng bào, Tổ quốc đã đưa Bác đến với chủ nghĩa Lênin, thì trái lại, chính lý luận cách mạng đó lại nâng cao thêm những tình cảm của Người, giúp Người thêm nghị lực để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong một bài báo viết về Đông Dương năm 1921, Bác đã diễn tả

niềm tin đó bằng một hình ảnh rất sinh động: "Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi... Người Đông Dương tiến bộ một cách rất mau nhiệm và khi thời cơ cho phép họ sẽ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy của họ"<sup>1</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có một cách hiểu độc đáo về chủ nghĩa Mác-Lênin. Với Người, lý luận đó không chỉ bao gồm các âm luật, phạm trù, khái niệm trừu tượng, và chỉ thuộc về nhận thức lý trí. Với Người, học thuyết đó còn bao hàm cả tình nghĩa, Người nói: "Hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin"<sup>2</sup>.

*Chủ nghĩa Mác-Lênin là chủ nghĩa nhân đạo cao cả nhất, là khoa học về con người.* Lịch sử chứng minh rằng, những kẻ nào đến với khoa học chỉ bằng lý trí thôi thì trước sau họ cũng sẽ rời bỏ con đường mình đã chọn. Chúng ta thấy không ít người vì thiếu một tình yêu trong sáng và mãnh liệt, nên họ đã bị những lạc thú của cuộc sống cá nhân kéo ra khỏi con đường cách mạng, trở thành những kẻ đào ngũ đê hèn, thậm chí có khi trở thành những kẻ phản bội nguy hại nhất cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc và giai cấp.

*Cốt lõi của tình cảm cách mạng là đạo đức cách mạng.* Thấy rõ tầm quan trọng của đạo đức cách mạng, cho nên trong chương trình huấn luyện những hạt nhân tích cực để đi đến thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam, Người đã đánh giá cao vấn đề "tư cách người cách mạng". Người khuyên cán bộ phải "giữ chủ nghĩa cho vững", .. phải "hy sinh", phải "ít lòng tham muốn về vật chất", đối "với từng người thì khoan thứ" còn bản thân "đối với đoàn thể thì nghiêm"<sup>3</sup> và Người thường khuyên mỗi cán bộ đảng viên phải rèn luyện mình để xứng đáng là người dày tớ thật trung thành của nhân dân.

Thực tiễn cuộc sống đã chứng minh rằng: không có tình cảm cách mạng thì không thể có sáng kiến cách mạng. Khi tình cảm đã giá lạnh thì trí tuệ cũng sẽ khô cạn. Tình cảm sai lạc thì lý trí sẽ mất phương hướng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.28.

2. *Sđđ*, t.12, tr.554.

3. *Sđđ*, t.2, tr.260.

Thấy những nguy cơ của một đảng cầm quyền, cũng như Lênin, Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ phải đề phòng chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa công thần. Người nói: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”<sup>1</sup>.

Tình cảm có những qui luật riêng của mình, nó thường đi đôi với nhận thức cảm tính, bùng bột, nhất thời và thiếu bền vững. Song ở Người, những tình cảm rất mãnh liệt bao giờ cũng chịu sự điều chỉnh, hướng dẫn chặt chẽ của lý trí. Sau sự kiện Phạm Hồng Thái ném bom ở Sa Diện định giết tên toàn quyền Đông Dương Mécclanh và sự kiện một sinh viên bắn chết tên Badanh, Bác đã phê phán:

“Căm phẫn nhưng không tìm thấy một con đường đúng đắn, chỉ nghe theo tình cảm mà làm như người không biết bơi nhảy xuống bể để hòng vớt kẻ chết đuối là một việc ngây thơ...”<sup>2</sup>. Và “để giải phóng Tổ quốc, để thay đổi một chế độ, những hành động cá nhân dù anh hùng đến đâu cũng không thể đi đến kết quả. Chỉ có lực lượng của toàn dân mới có thể giải phóng được dân tộc”<sup>3</sup>.

Rơi *những giọt nước mắt* khi tìm thấy con đường giải phóng cho dân tộc từ Luận cương của Lênin, để lại *muôn vàn tình thương yêu* trong *Di chúc* lịch sử trước lúc Người đi xa, đã nói lên cả cuộc đời của Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng, về sự thống nhất giữa lý trí và tình cảm.

### 3. Mỗi suy nghĩ đều hướng tới hành động cải tạo và xây dựng xã hội

Tư duy lành mạnh tự nó bao giờ cũng hướng tới hành động cải tạo hiện thực. Chính Mác đã từng chỉ rõ một trong những hạn chế lớn của tất cả các nhà triết học trước kia là chỉ biết giải thích thế giới bằng cách này hay cách khác mà không chú ý tới một vấn đề quan trọng hơn là cải tạo thế giới. Đành rằng, tư tưởng không thể trực tiếp cải tạo được hiện thực, muốn cải tạo hiện thực phải có con người sử dụng những lực lượng vật chất. Nhưng tư tưởng có một vai trò rất quan trọng trong việc cải tạo

---

1. *Sđd*, t.12, tr.557-558.

2, 3. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.76.

hiện thực, nếu những tư tưởng đó hướng dẫn người ta hành động phù hợp với những qui luật phát triển khách quan của lịch sử. Hồ Chí Minh bao giờ cũng dựa trên thực tiễn sinh động của cuộc sống để suy nghĩ và hướng mọi suy nghĩ tới hành động cải tạo và xây dựng xã hội.

Trong bản tham luận về vấn đề dân tộc và thuộc địa tại Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản (năm 1924), Bác đã phân tích một cách hết sức sinh động những thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc đã lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng thế giới; đồng thời, Người đã nêu lên những nhiệm vụ cấp bách của các đảng cộng sản. Người nói: “Thưa các đồng chí, qua báo chí của mình, giai cấp tư sản Pháp hiểu rằng vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa không tách rời nhau. Tôi cho rằng Đảng chúng tôi chưa hiểu hết điều đó. Những bài học ở miền Ruy-a, nơi mà binh lính bản xứ được phái đến trấn an những công nhân Đức bị đói, đã vây chặt những trung đoàn lính Pháp... trong đội quân phương Đông, trong đó binh lính bản xứ được giao súng máy để “động viên tinh thần” binh lính Pháp đã mệt mỏi, vì chiến tranh kéo dài và gian khổ...”<sup>1</sup>, và Người nhấn mạnh: “Đề ra những luận cương dài dằng dặc và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng như từ trước vẫn làm thì chưa đủ. Chúng ta cần có biện pháp cụ thể...”<sup>2</sup>. Sau đó Người đã nêu ra năm biện pháp thiết thực để nghị Đại hội thông qua.

Muốn vận dụng có hiệu quả lý luận cách mạng, phải biết phân tích một cách cụ thể hoàn cảnh lịch sử, thấy rõ tính phổ biến và tính đặc thù của mỗi dân tộc. Trong bài *Mấy ý nghĩa về vấn đề thuộc địa*, Người viết: “Tuy người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa đều là những người bị áp bức và bóc lột như nhau, nhưng trình độ văn hoá, kinh tế và chính trị giữa xứ này với xứ khác lại rất khác nhau. Giữa An Nam với Cônggô, Máctiních hay Tân Đảo, hoàn toàn không giống nhau chút nào, trừ sự cùng khổ...”

Tiếc thay, một số đông chiến sĩ vẫn còn tưởng rằng, một thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ dưới đây cát và trên là mặt trời, vài cây dừa xanh với mấy người khác màu da, thế thôi...”<sup>3</sup>.

Khác với chủ nghĩa thực dụng thiển cận và vô nguyên tắc, khác với luận điểm cơ hội “phong trào là tất cả, mục đích là con số không”, suy

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.280.

2. *Sđd*, tr.281.

3. *Sđd*, tr.62-63.

nghĩ của người mác xít bao giờ cũng hướng tới mục đích cuối cùng của cách mạng, ý thức được những chặng đường quanh co khúc khuỷu mà mình phải vượt qua, lựa chọn một lối đi thích hợp, biết bắt đầu công việc một cách khoa học. Nói cách khác, là luôn nắm vững mục tiêu chiến lược đồng thời phải biết vận dụng sách lược một cách khôn khéo để đưa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn. Trong bức thư để lại cho các đồng chí trong ban biên tập báo *Người cùng khổ*, Bác viết, Chúng ta phải làm gì?

Chúng ta không thể đặt vấn đề này một cách máy móc. Điều đó tùy hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta. Đối với tôi câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập.

Người đã giải quyết một cách sáng tạo vấn đề truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào các nước lạc hậu như thế nào qua báo *Người cùng khổ* và Tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, hoặc sáng kiến phát triển tổ chức của mặt trận Việt Minh theo phương pháp từ điểm nhân thành diện, hoặc vấn đề nắm thời cơ, chỉ đạo khởi nghĩa, tới việc mở đầu và kết thúc chiến tranh một cách chính xác (1954). Những điều đó chứng tỏ rằng, Hồ Chí Minh luôn nắm vững những qui luật khách quan của lịch sử, và Người đã áp dụng trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng một cách sắc bén, linh hoạt đạt tới trình độ điêu luyện, nâng thành khoa học, nghệ thuật lãnh đạo.

Một tư tưởng khoa học chân chính bao giờ cũng là sự thống nhất chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn. Ở đây cần nhấn mạnh rằng, những tư tưởng sâu sắc và phong phú của Chủ tịch Hồ Chí Minh được chứa đựng bằng hình thức ngôn ngữ hết sức cô đọng, giản dị và được thể hiện trong những chủ trương, kế hoạch, biện pháp cụ thể. Nghiên cứu các tác phẩm của Người phải đi từ những hình thức ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, từ những chủ trương, biện pháp, chương trình hành động cụ thể để nắm lấy những tư tưởng sâu sắc và phong phú của Người chứa đựng trong đó.

#### **4. Luôn luôn coi trọng điều kiện khách quan, phát huy tối đa nỗ lực chủ quan và tính tự giác cách mạng**

Nắm vững và xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa qui luật khách quan và hoạt động có ý thức; giữa điều kiện khách quan với hành động cách mạng là một trong những vấn đề đặc biệt quan trọng trong phương pháp luận mác xít. Trong thư gửi cho Đanienson, một nhà cách mạng Nga (1893), Ph.Ăngghen đã chỉ ra rằng với những điều kiện quốc tế và trình độ phát triển trong nước

rất thấp lúc đó (công xã nông nghiệp) thì nước Nga không có khả năng nào khác ngoài sự phát triển tư bản chủ nghĩa”<sup>1</sup>. Điều đó có nghĩa, theo ông, mọi nỗ lực chủ quan chỉ có thể đạt được kết quả với những điều kiện khách quan nhất định. V.I.Lênin đã từng phê phán nghiêm khắc bệnh ấu trĩ “tả khuynh” trong phong trào cộng sản châu Âu vào những năm đầu thế kỷ XX. Người cũng đã phê phán chủ nghĩa giáo điều “bất chước quá khứ một cách nô lệ”.

Lênin còn chỉ ra rằng, tư duy lý luận không chỉ thừa nhận tính qui luật chung của sự phát triển lịch sử mà còn phải biết phát huy tính tích cực, năng động cách mạng. Là học trò xuất sắc của Mác, Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn xem những điều kiện khách quan của cách mạng, đồng thời phát huy tính tích cực của nhân tố chủ quan để đề ra cương lĩnh chiến lược cách mạng một cách phù hợp.

Chánh cương vắn tắt của Đảng (1930) do Người soạn thảo đã ghi: Cách mạng Việt Nam đi từ “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng đi tới xã hội cộng sản”. Sau này, các văn kiện của Đảng đã ghi là: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến thẳng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, không qua chủ nghĩa tư bản.

Nắm vững điều kiện của một quốc gia thuộc địa nửa phong kiến, làm cách mạng theo con đường Cách mạng Tháng Mười, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta phải trải qua hai giai đoạn - giai đoạn đầu, tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và thực hiện một số nhiệm vụ dân chủ, giai đoạn sau tiến lên xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Giữa hai giai đoạn này không có một hàng rào chính trị ngăn cách.

Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhận định về tình hình đất nước và xác định con đường đưa cách mạng tiến lên, Người khái quát: “Miền Bắc nhất định phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mà *đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ* là từ một nước nông nghiệp lạc hậu *tiến thẳng* lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”<sup>2</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “*trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ở một nước thuộc địa nhỏ, với sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng của nó,*

---

1. *Một số thư về chủ nghĩa duy vật lịch sử*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.124-125.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.10, tr.13.

dựa vào quần chúng nhân dân rộng rãi... với sự đồng tình và ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới, trước hết là của phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, nhân dân nước đó nhất định thắng lợi”<sup>1</sup>.

Khi giải quyết một vấn đề, Người luôn thực hiện một nếp suy nghĩ dựa trên những nguyên tắc sau: 1) *Xác định mục tiêu và ý chí cách mạng*; 2) *Xác định các điều kiện (khách quan và chủ quan)*; 3) *Vạch ra phương hướng (chủ trương chính sách) giải quyết vấn đề*.

Nét đặc sắc trong phong cách tư duy của Người ở đây là *xem trọng nhân tố tự giác*, bao gồm: sự hiểu biết lý luận, đạo đức cách mạng của Đảng. Người nhấn mạnh, thắng lợi của chủ nghĩa xã hội tất yếu phải dựa trên thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ diệt “chủ nghĩa cá nhân”, dựa trên một đảng lấy lợi ích của giai cấp và của dân tộc làm mục tiêu duy nhất; dựa trên một đảng tiêu biểu về “trí tuệ”, “đạo đức”, “văn minh” và lương tâm” của dân tộc. Đó là một nét độc đáo trong tư duy chính trị của Người.

### **5. Thường xuyên tổng kết kinh nghiệm lịch sử, tiến lên nắm lấy những tri thức mới**

Quá trình tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh là quá trình không ngừng học tập, rèn luyện và hoạt động cách mạng. Trong quá trình đó, Người thường xuyên tổng kết kinh nghiệm lịch sử để tiến lên nắm lấy những tri thức mới.

Vốn là một người rất nhạy cảm về chính trị, Người đã không đồng tình với con đường dân chủ tư sản của các nhà cách mạng tiền bối Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Chín năm sau (1919), với sự kiện đưa yêu sách của dân tộc Việt Nam tới Hội nghị Vécxây (Pháp), cái bánh vẽ chính trị mà chủ nghĩa đế quốc Mỹ đưa ra để gạ gẫm các dân tộc đã bị Người vứt bỏ sọt rác, Người nói: “Chủ nghĩa Uynxon chỉ là một trò bịp bợm lớn” và “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”<sup>2</sup>.

Kết luận quan trọng đó chính là tiền đề tư tưởng của phương châm chiến lược “dựa vào sức mình là chính” của Đảng ta, do Người sáng lập chỉ đạo cách mạng Việt Nam trong suốt hơn bảy thập kỷ qua.

Từ những năm 1919-1920, đoạn tuyệt dứt khoát với quan điểm dựa vào nước ngoài để giải phóng dân tộc, tin tưởng mãnh liệt vào khả năng

---

1. *Sđd*, t.9, tr.315-316.

2. Trần Dân Tiên: *Sđd*, tr.23.

của nhân dân, Hồ Chí Minh đã thực sự đứng ở đỉnh cao của tinh thần dân tộc, của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam.

Vào năm 1919, bọn mật thám Pháp chuyên theo dõi Bác đã nhận xét: “gần đây có dấu hiệu cho thấy tư tưởng của Phan Chu Trinh khác xa tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc... Nguyễn Ái Quốc nổi lên là người lãnh đạo có uy tín với người Việt tại Pháp, trong khi vai trò của Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường lu mờ dần”<sup>1</sup>.

Năm 1920, sau khi được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Hồ Chí Minh đứng hẳn về Quốc tế III, về phía Lênin, kiên quyết đấu tranh chống khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong nội bộ Đảng Xã hội Pháp và đã trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Đối với Người, mỗi một lần phê phán cái sai lầm là một lần tổng kết kinh nghiệm nghiêm túc và qua mỗi lần đó Người lớn lên vượt bậc. Không bằng lòng với tri thức thu lượm được ở đất Pháp, Người đi khắp châu Âu, châu Á, đến châu Phi, châu Mỹ, Đaca, Máctinich... chứng kiến kiếp sống của những người nô lệ ở Việt Nam, Trung Quốc... Người chứng kiến cuộc sống khổ nhục của những người dân mất nước dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Ở Anh, Pháp, Mỹ, Người phần nộ lên án chế độ tự xưng là “văn minh” nhất nhân loại. Khi qua sách báo và những người cộng sản Pháp, Người vui mừng thấy cuộc sống mới trên quê hương Cách mạng Tháng Mười.

Đi đến đâu Người cũng quan sát và suy nghĩ. Bằng sự nghiên cứu nghiêm túc nhất, với tinh thần trách nhiệm cao nhất trước dân tộc và giai cấp. Người đã rút ra kết luận, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản. Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.

Và như vậy, vào đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã đứng ở đỉnh cao nhất của tinh thần dân tộc. Từ đỉnh cao đó, Người tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, tinh hoa của tư tưởng loài người, đưa cách mạng Việt Nam vào quỹ đạo cách mạng vô sản.

---

1. Hồng Hà: *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr.51.



Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng lớn của Việt Nam và của các dân tộc bị áp bức. Người đã tượng trưng cho tất cả những gì cao đẹp nhất của dân tộc, là một trong các vĩ nhân của thời đại và của lịch sử nhân loại.

Hiện nay, đứng trước những nhiệm vụ cách mạng mới mẻ, để giải quyết những vấn đề sinh động của cuộc sống đặt ra, chúng ta không có con đường nào khác ngoài con đường nâng cao phương pháp tư duy lý luận - mà phương pháp tư duy của Hồ Chí Minh là một mẫu mực.

Bản sao lưu trữ

**PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH  
VỚI VIỆC KHẮC PHỤC BỆNH GIÁO ĐIỀU,  
KINH NGHIỆM CHỦ NGHĨA TRONG CÁN BỘ  
LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ Ở NƯỚC TA**

*TS Trần Thành*

Giáo điều, kinh nghiệm là những lối tư duy không khoa học. Đó là lối tư duy siêu hình, kinh viện, tư duy của người sản xuất nhỏ. Lối tư duy đó từng ngự trị trong cán bộ chúng ta hàng chục năm và nay đang là một trong những trở lực của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa kinh nghiệm mang những màu sắc khác nhau đã xuất hiện trong lịch sử triết học, khoa học. Chủ nghĩa giáo điều là phương pháp tư duy vận dụng những quan điểm, nguyên lý “bất biến” không tính đến những tài liệu mới của thực tiễn, những điều kiện lịch sử - cụ thể của chân lý. Sự xuất hiện chủ nghĩa giáo điều về mặt lịch sử gắn liền với sự phát triển của những quan niệm tôn giáo, đức tin tôn giáo. Trong triết học hiện đại, chủ nghĩa giáo điều gắn liền với quan niệm phản biện chứng, phủ nhận sự biến đổi và phát triển của thế giới, cũng như sự biến đổi của nhận thức theo sự phát triển của trình độ tư duy nhân loại. Trong chính trị, chủ nghĩa giáo điều dẫn tới chủ nghĩa bè phái.

Một cực đoan khác trong học thuyết về nhận thức là chủ nghĩa kinh nghiệm. Có chủ nghĩa kinh nghiệm duy tâm, có chủ nghĩa kinh nghiệm duy vật. Tính chất hạn chế của chủ nghĩa kinh nghiệm là ở chỗ: phóng đại theo quan điểm siêu hình về vai trò của nhận thức cảm tính, của kinh nghiệm; không đánh giá đúng mức vai trò của những trừu tượng hoá, khái quát hoá trong khoa học và do đó phủ nhận tính tích cực chủ động, sáng tạo của tư duy lý luận.

Bệnh giáo điều và bệnh kinh nghiệm trong cán bộ ta (có những biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa kinh nghiệm) xuất hiện và tồn

tại không phải do ảnh hưởng trực tiếp của hai thứ chủ nghĩa đó trong triết học. Cán bộ ta mắc phải hai căn bệnh này một cách tự phát, do chưa thoát khỏi được trình độ tư duy kinh nghiệm, trình độ lý luận, khoa học còn thấp kém và hạn chế.

Do chưa có truyền thống làm lý luận, nghiên cứu khoa học nên giáo điều trong cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa đạt tới kiểu “hàn lâm viện”, mà phổ biến ở tình trạng sách vở, xa rời thực tiễn, thoát ly thực tế. Sách vở ở đây không có nghĩa là đọc quá nhiều, “thiên kinh vạn quyển”, mà là sự lạm dụng sách vở. Nghiên cứu lý luận, học lý luận, đọc sách lý luận quá ít hoặc không đến nơi đến chốn. Nghiên cứu, học, đọc sách lý luận nhưng không “thoát” sách, không tiêu hoá được kiến thức sách vở; không nắm được thực chất khoa học của lý luận.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm phát hiện ra biểu hiện giáo điều này trong cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta. Người đã chỉ trích, phê phán lối tiếp thu lý luận “thuộc sách lâu lâu, cụ Mác nói thế này, cụ Lênin nói thế kia” rồi biến một số câu chữ trong nguyên tác áp đặt vào trong cuộc sống; hoặc những người nghiên cứu, học tập lý luận chỉ để “biết đăm câu, ba chữ” dùng làm “trang sức” để loè người khác, để sau này “đưa ra mặc cả với Đảng”. Nghiên cứu, học tập lý luận theo kiểu đó dần dần hình thành trong tư duy một hình thức cực đoan: đó là “chủ nghĩa trích dẫn”, “tầm chương trích cú”. “Trích dẫn” đã được thay thế cho sự suy nghĩ, sự lập luận lôgic. Hậu quả là những bài nói, những bài viết thoạt nhìn có vẻ như là lý luận, nhưng thực chất chỉ là tổng số những trích dẫn, sao chép sách vở, suy nghĩ của người khác. Hoặc lý luận chỉ biểu hiện ra như là tổng số những công thức cứng đờ, máy móc, đơn điệu, phiến diện, khiến cho lý luận chỉ còn là một “màu xám” không có sức sống, thoát ly thực tế, xa rời thực tiễn. Lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin là một khoa học, phải được đối xử như một khoa học. Việc nghiên cứu, học tập còn chứa đựng nhiều nhược điểm, thiếu sót như trên, đã làm mất đi sức sống, sự hấp dẫn của một học thuyết vốn có giá trị nhận thức và cải tạo cao đó.

Cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn là những người hàng ngày, hàng giờ phải tiếp xúc, lý giải, chỉ đạo thực tiễn. Thực tiễn cuộc sống đa dạng, phong phú, trong lúc đó lý luận - do tư duy giáo điều chi phối - nên có một khoảng cách xa với thực tiễn, “vênh” với thực tiễn, không giúp ích gì

cho thực tiễn. Từ đó xuất hiện tư tưởng coi khinh lý luận, hoặc nói một đằng, làm một nẻo. Nói chỉ là “lý luận suông”, chỉ đạo thực tiễn lại dựa trên kinh nghiệm vụn vặt. Bệnh kinh nghiệm là hậu quả tất yếu của tình trạng thiếu lý luận, kém lý luận, tiếp thu lý luận một cách giáo điều. Trong lãnh đạo, quản lý, kinh nghiệm rất cần, rất quý. Không có kinh nghiệm, thiếu kinh nghiệm lý luận không thể đi vào cuộc sống. Nhưng nếu không có kiến thức lý luận thì lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn chỉ bằng kinh nghiệm, hơn nữa chỉ là những kinh nghiệm mảnh đoạn, vụn vặt rất kém hiệu quả, thậm chí phải trả những giá đắt trong thực tiễn.

Bệnh giáo điều và bệnh kinh nghiệm là nguyên nhân và kết quả của nhau trong tư duy của người cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta. Do giáo điều về lý luận nên cảm thấy chỉ đạo thực tiễn bằng kinh nghiệm hiệu quả hơn. Ngược lại, thoả mãn với vốn liếng kinh nghiệm, quen chỉ đạo thực tiễn bằng kinh nghiệm, coi lý luận là cái gì cao xa, không thiết thực nên nghiên cứu, học tập lý luận chỉ “vì lý luận”, không phải để vận dụng. Từ đó hình thành lối tư duy với một cực là sách vở giáo điều và cực kia là kinh nghiệm vụn vặt. Tư duy giáo điều và kinh nghiệm là sản phẩm của nền sản xuất nhỏ. Nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu không cần lý luận, khoa học. Thực tiễn cuộc sống lặp đi, lặp lại ít có sự biến đổi, từ đó in vào trong ý thức con người lối tư duy không khoa học, kinh nghiệm vụn vặt, nhận thức bị đóng đinh, cột chặt vào những quan niệm, những kinh nghiệm đã có, coi đó như những “khuôn vàng thước ngọc”. Lối tư duy đó lại được “củng cố” trong cơ chế quan liêu bao cấp, mệnh lệnh hành chính - một cơ chế trói buộc con người, làm thui chột tính năng động sáng tạo của tư duy độc lập và tự do trong tiếp thu lý luận, nghiên cứu khoa học.

Lối tư duy lạc hậu đó đã ngự trị trong đầu óc cán bộ ta hàng chục năm và đã gây ra nhiều hậu quả tai hại trong thực tế. Lý luận trở nên lạc hậu, thực tiễn kém hiệu quả, thậm chí phải trả những giá đắt. Chính vì vậy không phải ngẫu nhiên mà trong đường lối đổi mới, Đảng ta lại đặt vấn đề đổi mới mà trước hết là đổi mới tư duy, trước hết là tư duy lý luận.

Qua hơn 15 năm đổi mới, tư duy của đội ngũ cán bộ nói chung và của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng đã có sự khởi sắc nhất định (về trình độ, cũng như phương pháp tư duy). Tuy nhiên, trước những đòi hỏi của sự phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ

nghĩa trong điều kiện trên thế giới có những biến động lớn dưới sự tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, thì sự chuyển mình đó còn rất nhỏ bé. Do đó, hiện nay chúng ta vẫn đang đứng trước yêu cầu của sự đổi mới tư duy, khắc phục lối tư duy giáo điều và kinh nghiệm cơ bản hơn, triệt để hơn. Có như vậy cán bộ lãnh đạo, quản lý mới đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn cách mạng, của yêu cầu phát triển đất nước trong thời đại văn minh trí tuệ.

Để có một sự đột phá lớn trong tư duy và hành động, đoạn tuyệt với lối sống tư duy giáo điều, kinh nghiệm, người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải tự giác tiếp thu và rèn luyện phương pháp tư duy biện chứng mác xít, phương pháp tư duy khoa học nhất trong thời đại hiện nay. Tư duy của Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về phong cách tư duy đó. Tư duy Hồ Chí Minh là biểu hiện đặc thù của tư duy biện chứng mác xít trên nền văn hoá và mảnh đất thực tiễn cách mạng Việt Nam. Vì vậy, nghiên cứu, học tập phong cách, phương pháp tư duy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một giải pháp cơ bản nâng cao trình độ văn hoá tư duy, khắc phục có hiệu quả bệnh giáo điều, kinh nghiệm của cán bộ ta trong điều kiện hiện nay.

1. Nói đến tư duy Hồ Chí Minh, trước hết phải nói đến phong cách tư duy *độc lập, tự chủ, sáng tạo*. Đó là phong cách tư duy khoa học. Phong cách ấy xa lạ với mọi khuôn sáo, khước từ sự sao chép, rập khuôn, giáo điều cứng nhắc. Phong cách ấy từ bỏ các định đề “tuyệt đối”, “vĩnh cửu” của lối tư duy siêu hình sẵn sàng vượt qua những lối suy nghĩ quen thuộc, nhưng lại cứng nhắc của các quan niệm bất biến vĩnh cửu trên con đường truy tìm bản chất của sự vật. Phong cách ấy giúp con người luôn có một cách nhìn mới mẻ, trong sáng, một cách suy nghĩ độc lập tự chủ, vững vàng.

Chính nhờ phong cách tư duy khoa học đó, Hồ Chí Minh đã vượt lên trên mọi thành kiến tư tưởng, những quan niệm thịnh hành, “chính thống” đương thời đang là những xiềng xích vô hình trói buộc con người để khám phá con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Tìm được con đường cứu nước, đề ra được một đường lối đúng đắn, lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi là kết quả của phong cách tư duy khoa học, độc đáo của Hồ Chí Minh.

“Chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo” điều đó không chỉ đúng với cách mạng Việt Nam trước đây, mà còn là đòi hỏi bức thiết của cách

mạng đang ở vào thời điểm có tính chất bước ngoặt mà chúng ta đang trải qua hiện nay. Thực tiễn cách mạng nước ta hiện nay đang hàng ngày, hàng giờ làm nảy sinh những “tình huống có vấn đề”, những câu hỏi mà không phải khi nào cũng tìm được lời giải đáp từ sách vở, từ lý luận mà chúng ta đã có. Thực tiễn cách mạng hiện nay cũng không cho phép chúng ta chờ đợi phải có lý luận rồi mới hành động. Vì vậy, hơn bao giờ hết, đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn phải có tư duy năng động, độc lập và sáng tạo.

Để rèn luyện được phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, người cán bộ lãnh đạo, quản lý không những phải có một tầm trí tuệ, mà còn phải có *cả dũng khí và một niềm tin sắt đá*. Không có con đường vương giả, thênh thang trong khoa học, trước ngưỡng cửa của khoa học cũng như đứng trước ngưỡng cửa của địa ngục, nên tinh thần phải vững vàng (C.Mác). Do đó, phong cách tư duy khoa học đòi hỏi không những phải có năng lực khám phá, sáng tạo, mà còn phải có sự dũng cảm dám đấu tranh bảo vệ chân lý, dám vượt qua những thiên kiến và những ký ức về những cái đã qua.

Trong đào tạo, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ cách mạng nói chung và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn nói riêng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn kích thích tinh thần “dám nghĩ, dám làm”. Người nói: “Bao nhiêu cách tổ chức và cách làm việc, đều vì lợi ích của quần chúng, vì cần cho quần chúng. Vì vậy, cách tổ chức và cách làm việc nào không hợp với quần chúng thì ta phải có gan đề nghị lên cấp trên để bỏ đi hoặc sửa lại. Cách nào hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị lên cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc”<sup>1</sup>. Người chỉ trích gay gắt những cán bộ “chỉ biết khư khư giữ nếp cũ. Cái không hợp cũng không dám sửa bỏ, cái cần thiết cũng không dám đặt mới”<sup>2</sup>. Trong công tác cán bộ, Người luôn nhấn mạnh Đảng phải đào tạo được một đội ngũ cán bộ *cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến ... có gan phụ trách, có gan làm việc*<sup>3</sup>. Người cho rằng “Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, dễ bảo “đạp đi, hò đứng”, không dám phụ trách. Như thế là một việc thất bại cho Đảng”<sup>4</sup>.

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.246.

3, 4. *Sđđ*, tr.280, 281.

Dĩ nhiên, để nâng cao tính độc lập, tự chủ, sáng tạo trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, phải tạo ra môi trường thuận lợi phát huy tinh thần đó. Mà điều cốt yếu ở nước ta hiện nay là phải tạo ra được *một bầu không khí dân chủ trong xã hội, tự do tư tưởng trong nghiên cứu thảo luận, tranh luận.*

Cơ chế quan liêu bao cấp, mệnh lệnh hành chính đã “khuôn” suy nghĩ, hành động của con người vào những quan điểm lý luận bị “chính trị hoá”, vào những bậc thang đẳng cấp xã hội. Mọi suy nghĩ hành động sáng tạo vượt ngoài “khuôn mẫu” đó được coi là “xa lạ” với chủ nghĩa Mác-Lênin. Nói gì hơi khác với lãnh đạo, với nghị quyết, là coi như sai phạm chính trị, có thể bị quy chụp đủ thứ ... Cơ chế đó triệt tiêu bầu không khí dân chủ, triệt tiêu môi trường sống của tư duy khoa học, lối tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo. Cơ chế đó hướng con người vào tính ổn định và bất biến - một trật tự đã được “an bài”, có sẵn và vào sự kiểm soát tối đa của cấp trên, nghĩa là hướng vào việc loại trừ mạo hiểm và bất định.

Sống lâu trong cơ chế đó, người cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn trở nên thụ động trong suy nghĩ và hành động. Suy nghĩ thì dựa dẫm vào cấp trên, dựa vào sự “bao cấp” tư duy của cấp trên, việc gì cũng phải xin ý kiến của cấp trên. Trong hành động thì coi việc làm từ trên ban xuống là “bổn phận” của mình. Trong hội họp, sinh hoạt, thảo luận, thấy sai không dám đấu tranh, thấy đúng không bảo vệ, nếu như những điều đó là trái “ý” của cấp trên. Cơ chế đó dần dần tạo thành một thói quen, một tâm lý chỉ thích nghe những điều “thuận tai” mình. Nói với cấp trên phải biết lựa chiều, nói những điều cấp trên muốn nghe, chứ không phải những cái họ cần nghe. Bản thân mình cũng không muốn nghe những điều “trái tai” dù đó là sự thật. Thói quen, tâm lý đó trói buộc tự do, sáng tạo, làm thui chột tính năng động sáng tạo trong ý thức của con người.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý đại bộ phận là tốt, có năng lực. Nếu họ “không nói năng, không đề ý kiến ... không phải họ không có gì để nói”, nhưng “*vì họ không dám nói, họ sợ*”<sup>1</sup>. Vì vậy rèn luyện phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, không những phải khuyến khích người cán bộ tìm tòi, khám phá, sáng tạo, mà còn phải tạo ra một bầu không khí dân

---

1. *Sđd*, tr.280.

chủ để họ “dám nói”, dám đề xuất những ý kiến táo bạo. Chính vì lẽ đó, trong đường lối đổi mới, Đảng đã hết sức quan tâm “tạo những điều kiện xã hội thuận lợi cho quá trình đổi mới tư duy: bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt đảng, trong nghiên cứu khoa học”<sup>1</sup>.

Bầu không khí dân chủ trong sinh hoạt tư tưởng, trong nghiên cứu khoa học là môi trường sống của tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo. Nó khuyến khích con người tìm tòi, khám phá những điều mới mẻ: nhìn thấy những cái không bình thường trong những cái tưởng chừng là hợp lý; dám đề xuất những ý kiến táo bạo vượt lên những “khuôn sáo”, những “giáo điều” cũ kỹ về cách quản lý, cách làm ăn, thậm chí những vấn đề được coi là “lý luận”. Trong sinh hoạt tư tưởng, trong thảo luận, tranh luận, việc xuất hiện những ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau được coi là bình thường. Qua tranh luận, cọ xát nhiều ý kiến khác nhau, quan điểm khác nhau đã giúp ta tiếp cận chân lý. Sự độc quyền về chân lý, áp đặt quan điểm của mình cho người khác, cho cấp dưới được từng bước khắc phục. Tình trạng qui chụp đối với những quan điểm, ý kiến “khác lạ” được ngăn chặn. Các quan điểm, các ý kiến khác nhau trong tranh luận, thảo luận đều được bình đẳng trước chân lý.

Như vậy, học tập phong cách tư duy tự chủ, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cán bộ phải có bản lĩnh, phải tích cực rèn luyện, học hỏi. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, việc tạo ra những điều kiện xã hội thuận lợi cho việc học hỏi, rèn luyện có ý nghĩa hết sức cốt yếu. Thực tiễn cách mạng nước ta trước đây, thực tiễn hơn mười năm đổi mới vừa qua đã chứng minh điều đó.

## **2. Nét đặc sắc trong tư duy Hồ Chí Minh là phong cách tư duy hướng tới thực tiễn, gắn bó nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn**

Cái gì thúc giục Hồ Chí Minh mới 20 tuổi đã bôn ba khắp các châu lục? Đó chính là nhu cầu thực tiễn cách mạng của đất nước. Vào những năm đầu của thế kỷ XX, phong trào yêu nước của nhân dân ta rất sôi động nhưng đang lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối. Hồ Chí Minh hơn ai hết đã nhận rõ sự bất lực của đường lối cứu nước theo hệ tư

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.126.



tưởng phong kiến, tư sản của những sĩ phu yêu nước lúc bấy giờ. Nhu cầu thực tiễn cách mạng Việt Nam đang đòi hỏi phải có lý luận soi sáng. Nhu cầu bức bách đó đã thôi thúc Hồ Chí Minh phải rời bỏ quê hương đất nước với một mục đích xuyên suốt tìm đường cứu nước.

Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác-Lênin chính vì lý luận đó đáp ứng với nhu cầu thực tiễn cách mạng của đất nước. Trong vòng 10 năm, Người bôn ba qua nhiều nước đế quốc và thuộc địa, khắp châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, tiếp xúc với nhiều nhà văn hoá, chính trị, triết học, với những tư tưởng và học thuyết của họ. Nhưng chỉ đến khi được đọc Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Người mới “vui mừng đến phát khóc lên ... Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”<sup>1</sup>.

Như vậy, sức hấp dẫn của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với Hồ Chí Minh, thoát đầu chưa phải là tầm vóc lý luận mà là mục đích, tác dụng thực tiễn của nó.

Chủ nghĩa Mác-Lênin vào được Việt Nam, tỏ rõ được tác dụng và sức sống mãnh liệt trong cách mạng Việt Nam, được bổ sung và phát triển lên tầm cao thời đại, cũng là kết quả của phong cách tư duy kết hợp một cách nhuần nhuyễn lý luận với thực tiễn của Hồ Chí Minh. Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, Người đã nhận thức được rằng: “Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin”<sup>2</sup>. Nghiên cứu, vận dụng, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cách mạng Việt Nam, Người luôn đứng vững trên nguyên tắc cơ bản đó.

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường cách mạng Việt Nam, là tấm gương sáng ngời về phong cách tư duy kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn. Phong cách đó không dung hợp với bất kỳ một biểu hiện nào của bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều. Học tập và rèn luyện phong cách tư duy đó có ý nghĩa rất lớn trong việc khắc phục những căn bệnh “nan y” đó trong cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta.

Phần đông cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn ở nước ta trưởng thành trong phong trào thực tiễn, ít có điều kiện được đào tạo một cách

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.10, tr.127.

2. *Sđd*, t.8, tr.496.

có hệ thống về lý luận. Chính vì vậy, họ thường thoả mãn với những vốn liếng kinh nghiệm, chưa thấy vai trò của lý luận. Họ coi lý luận là việc của lãnh đạo cấp cao, của các nhà lý luận, thậm chí không ít người mắc bệnh “coi khinh lý luận”, cho rằng lý luận “bó buộc” tư tưởng, gò bó trong hành động.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm phát hiện ra những lệch lạc đó của cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn. Trong những bài nói, bài viết, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chỉ trích những người “mắc phải cái bệnh *khinh lý luận*”<sup>1</sup>, những người “chỉ bo bo giữ lấy những kinh nghiệm lẻ tẻ ... cứ cầm đầu nhắm mắt mà làm, không hiểu rõ toàn cục của cách mạng”<sup>2</sup>. Kinh nghiệm, theo Người, rất cần, rất quý trong lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn, nhưng chỉ dừng lại ở kinh nghiệm, chỉ: “Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ”<sup>3</sup>. “Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”<sup>4</sup>. Không có lý luận hoặc lý luận còn non nớt, chỉ đạo thực tiễn không những kém hiệu quả, mà nhiều khi còn dẫn tới “những khuynh hướng sai lầm hoặc “tả” hoặc “hữu” ... không đảm bảo được việc thi hành chính sách của Đảng và của Chính phủ”<sup>5</sup>.

Nhận thức vai trò to lớn của lý luận trong cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã hết sức quan tâm công tác giáo dục lý luận, nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, trong điều kiện cách mạng trước đây do phải tập trung vào giải quyết những vấn đề bức xúc của đất nước, khiến chúng ta phải tổ chức học tập theo lối cần gì học nấy, học gấp rút để kịp làm việc ngay, nên hiểu biết của phần đông cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn còn ở trình độ “chấp vá”, thiếu tính hệ thống. Bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là khi thực hiện nhiệm vụ đổi mới một cách căn bản và toàn diện đất nước, trình độ lý luận của cán bộ tỏ ra không tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng mới. Một số cán bộ quản lý dao động, giảm sút niềm tin, nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội, hoài nghi đường lối của Đảng. Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới, nhất là quản lý kinh tế thị trường, quản lý xã hội, pháp luật. Cũng không ít cán bộ còn lười học,

---

1, 3, 4. *Sđd*, t.5, tr.234.

2, 5. *Sđd*, t.6, tr.247, 166-167.

lười nghiên cứu lý luận, coi thường việc học tập và nghiên cứu lý luận. Chính vì vậy tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Đảng đã khẳng định: “Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên và phải được quy định thành chế độ”<sup>1</sup>. Việc nâng cao trình độ lý luận về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận chính trị nói chung cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn có tầm quan trọng đặc biệt. Vấn đề đặt ra hiện nay là giáo dục, học tập, nghiên cứu như thế nào cho có hiệu quả. Học tập không phải để gán cái “mác”, để có cái “bằng”, học tập cũng không phải để nói cho “có vẻ” lý luận, mà là để nâng cao trình độ lý luận, nâng cao trình độ tư duy lên tầm lý luận, giải thích và chỉ đạo, hướng dẫn thực tiễn bằng lý luận.

Để đạt mục đích đó, trước hết, *bản thân lý luận phải gắn liền với thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn*. Do lối tư duy giáo điều ngự trị trong đầu óc những người làm công tác lý luận trong một thời gian dài, nên lý luận của chúng ta, nhất là trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, có một khoảng cách xa so với cuộc sống, với thực tiễn. Lý luận một đường, cuộc sống một nẻo. Lý luận không đủ sức lý giải những vấn đề do cuộc sống, thực tiễn đặt ra. Lý luận xa rời thực tiễn không đi vào cuộc sống, hoặc gây ra những hậu quả không nhỏ trong thực tiễn. Trong tình trạng đó rất dễ nảy sinh tư tưởng coi khinh lý luận, coi lý luận là giáo điều, cứng nhắc, là chủ quan duy ý chí, coi việc học tập lý luận như là một nghĩa vụ bắt buộc, như một gánh nặng “học cho xong”.

Lý luận chỉ có sức sống, có sức hấp dẫn khi nó gắn liền với thực tiễn: soi sáng thực tiễn, đi vào cuộc sống thực tiễn, luôn được sửa đổi, bổ sung và phát triển trên cơ sở những kinh nghiệm thực tiễn mới. Từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, công tác lý luận ở nước ta đang được đổi mới theo hướng đó. Được cổ vũ và chỉ đạo bởi tư duy mới của Đại hội VI, nhiều cán bộ lý luận và khoa học xã hội hăng hái thâm nhập vào cuộc sống, đi vào những vấn đề nhận thức và thực tiễn gai góc, tham gia tích

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.140-141.

cực vào quá trình đổi mới tư duy lý luận. Công tác tổng kết thực tiễn được tăng cường và được coi là nhiệm vụ trọng tâm của công tác lý luận. Lý luận đã có những bước phát triển đáng kể, khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn càng ngày càng được thu hẹp dần. Lý luận đã dần dần tạo ra được sức hấp dẫn đối với người nghiên cứu, học tập.

Học lý luận, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “để làm việc, làm người, làm cán bộ”. Nếu việc giáo dục lý luận đạt được mục đích chân chính đó, thì việc học không còn là một gánh nặng, mà trở thành nhu cầu nội tâm của người cán bộ. Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn hiện nay, người cán bộ lãnh đạo, quản lý hàng ngày, hàng giờ vấp phải những vấn đề buộc phải suy nghĩ trăn trở. Nên, nếu lý luận thực sự là “cái cẩm nang thần kỳ” cung cấp cho họ những kiến thức, hiểu biết, những phương pháp để tư duy, suy nghĩ giải quyết công việc thì việc học tập lý luận, nghiên cứu lý luận sẽ trở thành một việc tự nguyện, tự giác.

Không có lý luận cách mạng, thì không có phong trào cách mạng, người cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn ngày nay hơn bao giờ hết phải tư duy ở tầm lý luận. Nhưng cái lý luận cần thiết là lý luận chân chính, “lý luận ứng dụng”, lý luận mà thực tiễn đang đòi hỏi.

Thứ nữa, nghiên cứu học tập lý luận phải *xác định đúng mục đích và có phương pháp đúng đắn*.

Để khắc phục bệnh kinh nghiệm, nâng trình độ tư duy kinh nghiệm lên trình độ tư duy lý luận, đòi hỏi người cán bộ phải được trang bị những kiến thức khoa học, kiến thức lý luận. Đó là những vốn kiến thức cần thiết để con người có thể tư duy ở trình độ lý luận, khoa học. Luẩn quẩn trong vòng kinh nghiệm, những kinh nghiệm vụn vặt, tư duy không thể nắm bắt được bản chất của sự vật, hiện tượng và do đó sẽ không cải tạo sự vật có kết quả. Nói về sự cần thiết này, Hồ Chí Minh viết: “Muốn biết mùi quả cam, phải bỏ quả cam mà nếm. Muốn biết tính chất quả cam thế nào thì phải dùng vật lý học và hoá học mà xét, rồi mới có thể thay đổi tính chất của quả cam”<sup>1</sup>. Như vậy, muốn thay đổi bản chất của sự vật phải nắm được bản chất của nó, muốn biết bản chất của nó thì phải có kiến thức khoa học, lý luận.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.251.

Do đó nghiên cứu lý luận, học lý luận không phải “vì lý luận”, mà nhằm mục đích vận dụng. Vận dụng ở đây không đơn giản dùng những kiến thức lý luận để áp dụng vào thực tế, thực tiễn mà quan trọng hơn là để phân tích, mổ xẻ thực tiễn, “lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động”<sup>1</sup>. Nghiên cứu, học tập lý luận không phải để cho “biết”, cho “hay”, mà cốt để vận dụng. Học mà không vận dụng, học không đi đôi với hành thì dù có đọc “thiên kinh vạn quyển”, thì cũng chỉ đơn giản là “cái hòm đựng sách”. Do đó không xác định đúng mục đích nghiên cứu, học tập lý luận không những không khắc phục được bệnh kinh nghiệm, mà còn làm nảy sinh cực đoan khác: lý luận suông hoặc vận dụng lý luận vào thực tiễn một cách rập khuôn, máy móc, giáo điều.

Ngoài ra, nghiên cứu, học tập lý luận phải có phương pháp đúng đắn. Việc nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin và vận dụng lý luận đó một cách sáng tạo vào cách mạng Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng ngời về phương pháp nghiên cứu và học tập lý luận. Trong Diễn văn khai mạc khoá I Trường Nguyễn Ái Quốc, Người đã căn dặn cán bộ, đảng viên: học lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin là “phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta”<sup>2</sup>. Chính nhờ nắm được thực chất khoa học, nắm được lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin và trên cơ sở xông pha, lặn lội, khám phá, tìm tòi trong thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra con đường cách mạng Việt Nam, một con đường chưa hề có tiền lệ trong lịch sử.

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi chủ nghĩa Mác-Lênin là “cái cẩm nang thần kỳ” nhưng không phải đơn giản hiểu theo nghĩa trong đó chứa đựng những công thức có sẵn, những khuôn mẫu cứng nhắc, những đơn thuốc đã kê sẵn... mà là nó chứa đựng tinh thần, lập trường, quan điểm và phương pháp giúp con người nhận thức được vấn đề, xử lý được công việc.

Do đó, học lý luận không phải để thuộc lòng từng câu, từng chữ rồi đem áp dụng một cách máy móc trong thực tiễn. Học lý luận là phải nắm

---

1, 2. *Sđđ*, t.8, tr.496, 497.

bất được thực chất khoa học của nó để phân tích, nhận thức đúng đắn thực tiễn, lý giải được những vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn, trong công việc tìm tòi những giải pháp để giải quyết có hiệu quả. Hồ Chí Minh cho rằng, học thuộc lòng một số sách vở chủ nghĩa Mác-Lênin, song khi gặp thực tế thì hoặc là “máy móc” hoặc là “lúng túng”, như vậy không phải “hiểu biết chủ nghĩa Mác-Lênin”. Học như vậy là học “để trang sức” chứ không phải học để vận dụng vào công việc cách mạng<sup>1</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về phong cách tư duy khoa học, phong cách tư duy đó không dung hợp với bệnh giáo điều và kinh nghiệm. Vì vậy, tiếp tục khai thác, học tập, rèn luyện phong cách tư duy của Người có ý nghĩa cực kỳ quan trọng là phải khắc phục những căn bệnh “nan y” đó trong chúng ta.

---

1. Xem *Sđd*, t.9, tr.292.

# MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG NHẪM TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG PHONG CÁCH TƯ DUY CHO CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THEO PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH

*ThS Lương Thu Hiền*

Xây dựng phong cách tư duy cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh là quá trình phấn đấu đầy khó khăn, lâu dài và bằng nhiều biện pháp, hình thức phong phú. Nhưng trước mắt phải thực hiện tốt một số phương hướng và giải pháp chủ yếu sau:

1. Học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh, trước hết là *học tập phương pháp biện chứng trong tư duy của Người. Tức là học tập nghệ thuật vận dụng linh hoạt, mềm dẻo, uyển chuyển những nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh* vào điều kiện đổi mới vì chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, *phải biết học tập nghệ thuật phân tích và giải quyết mâu thuẫn* biện chứng trong tư duy của Hồ Chí Minh. Bởi lẽ, đối với người cán bộ lãnh đạo, quản lý, điều quan trọng là luôn phải biết phát hiện những tình huống có vấn đề (tức mâu thuẫn) và giải quyết chúng một cách đúng đắn, kịp thời. Hồ Chí Minh luôn căn dặn cán bộ, đảng viên: “Khi việc gì có mâu thuẫn, khi phải tìm cách giải quyết, tức là có vấn đề. Khi đã có vấn đề, ta phải nghiên cứu cho rõ cái gốc mâu thuẫn trong vấn đề đó là gì. Phải điều tra, phải nghiên cứu cái mâu thuẫn đó. Phải phân tách rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ. Phải đề ra cách giải quyết”<sup>1</sup>.

Một trong những nguyên nhân thất bại của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh trên con đường cứu nước là hai ông đã không xác định

---

1. *Sđd*, t.5, tr.302.

được đâu là mâu thuẫn chính (cơ bản) ở nước ta khi đó. Phan Bội Châu coi mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa châu Âu và châu Á, giữa người da trắng và người da vàng. Phan Chu Trinh chỉ nhìn thấy mâu thuẫn giữa phong kiến thối nát với nhân dân lao động. Hồ Chí Minh đã vượt lên trên những người đương thời, phát hiện đúng mâu thuẫn cơ bản không chỉ của nước ta mà còn của cả nhân loại khi ấy - mâu thuẫn giữa những kẻ bóc lột và những người bị bóc lột - không phụ thuộc vào màu da, dân tộc, châu lục: "... dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột"<sup>1</sup>. Do nhận biết rõ mâu thuẫn, phân tích đúng các mặt đối lập của nó nên bao giờ Hồ Chí Minh cũng chỉ chính xác kẻ thù của cách mạng. Cũng vì vậy, Người luôn luôn biết phân biệt rõ bạn - thù. Ngay từ khi mới đặt chân lên đất Pháp, Người đã phân biệt được bọn thực dân Pháp và nhân dân Pháp...<sup>2</sup>

Hồ Chí Minh không chỉ nhạy cảm trong phát hiện, chỉ rõ mâu thuẫn mà còn có tài độc đáo trong giải quyết mâu thuẫn, nâng nó lên thành một nghệ thuật giải quyết mâu thuẫn. Người luôn chú ý tới những yếu tố thống nhất, biết khai thác, kết hợp giữa chúng để "loại bỏ" sự khác biệt, sự đối lập. Vì vậy, ngay cả giữa Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên, Hồ Chí Minh cũng biết tìm ra điểm tương đồng chung giữa họ: mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội. Và Người còn nguyện làm học trò nhỏ của các vị ấy<sup>3</sup>! Tất nhiên, khi nhấn mạnh tới những yếu tố thống nhất, điểm tương đồng chung trong mâu thuẫn, Người không hề bỏ qua hay coi nhẹ những yếu tố khác biệt, mặt đối lập trong mâu thuẫn. Vì vậy, Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, coi nhẹ việc tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ được, đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết mà không có đấu tranh.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý khi học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh còn phải biết học tập tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong cách tư duy, suy nghĩ của Người. Học tập tinh thần độc lập trong tư duy Hồ Chí Minh là học tập cách tư duy, cách suy nghĩ độc lập, không lệ thuộc,

---

1. *Sđd*, t.1, tr.266.

2. *Sđd*, t.4, tr.65.

3. Xem thêm Viện Hồ Chí Minh: *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*. Hà Nội, 1993, t.2, tr.134.



không phụ thuộc, không bắt chước, không rập khuôn. Học tập tinh thần tự chủ trong tư duy của Hồ Chí Minh là học tập cách làm chủ suy nghĩ, làm chủ việc phân tích, so sánh, đối chiếu, xử lý thông tin ... để rút ra những kết luận trung thực, đúng đắn. Học tập tinh thần sáng tạo trong tư duy Hồ Chí Minh, là học tập tinh thần dám từ bỏ cái cũ đã bị thực tiễn vượt qua; dám sửa chữa, bổ sung những cái cũ nhưng còn phù hợp; dám tìm tòi, đề xuất những cách trả lời mới cho những vấn đề đang đặt ra của ngày hôm nay...

Học tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong tư duy Hồ Chí Minh nhưng phải trung thành với những nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, chúng ta phải kiên quyết đấu tranh chống lại thứ “sáng tạo” xa rời thực tiễn và chống cả bệnh “sách vở”, “tâm chương trích cứ” - điều mà Hồ Chí Minh khi còn sống đã phê phán “học sách vở Mác-Lênin nhưng không học tinh thần Mác-Lênin”<sup>1</sup>.

*Học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh cũng là học tập việc quán triệt sự thống nhất giữa ý chí, tình cảm cách mạng và tri thức khoa học.* Trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh bao giờ cũng có sự kết hợp thống nhất, hài hoà giữa vốn tri thức uyên thâm, tình cảm cách mạng trong sáng và ý chí cách mạng kiên cường.

Rõ ràng, phải là người có sự nhạy cảm cao về chính trị, thông tuệ về tri thức khoa học Hồ Chí Minh mới thấy được giá trị, chân lý của thời đại có trong Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Nhưng cũng phải là người có lòng nhân ái, yêu nước thương dân bao la, có một tình cảm trong sáng, một ý chí cách mạng kiên cường cao độ mới làm cho Hồ Chí Minh sung sướng phát khóc và hô to: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!” khi đọc Luận cương của Lênin.

Học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh, cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng phải không ngừng học tập, nâng cao tri thức về mọi mặt; đồng thời phải tu dưỡng nâng cao cả ý chí, tình cảm cách mạng. Bởi lẽ, thiếu tri thức khoa học hoặc thiếu ý chí, tình cảm cách mạng hoặc thiếu cả hai, chúng ta sẽ không bao giờ xây

---

1. *Sđd*, t.9, tr.292.

dựng được phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn. Để từng bước hình thành được phong cách tư duy cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, chúng ta phải khắc phục sự thiếu hụt về tri thức, cả tri thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn, cả lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và cả kinh nghiệm thực tiễn. Nhưng lại chỉ tập trung vào học tập, trau dồi vốn tri thức khoa học không thôi thì chưa đủ, mà phải đồng thời với quá trình đó chúng ta phải chăm lo rèn luyện tu dưỡng về ý chí, tình cảm cách mạng. Bởi lẽ, ý chí, tình cảm của chủ thể tư duy góp phần quyết định xu hướng lợi ích của họ. Mà xu hướng lợi ích lại tác động trực tiếp đến khả năng nhận thức, tới phương pháp tư duy và phong cách tư duy. Thực tế lịch sử cho thấy, nhiều phần tử cơ hội, xét lại về chính trị không phải là do họ thiếu tri thức mà chủ yếu là thiếu phẩm chất đạo đức, ý chí, nghị lực, tình cảm cách mạng. Cho nên, Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở: “Người làm cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng”.

*Học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh là học tập phong cách gắn lý luận với thực tiễn.* Cả cuộc đời hoạt động cách mạng cũng như tư tưởng và phong cách tư duy của Người luôn gắn liền với sự nghiệp cách mạng, phục vụ cách mạng phục vụ nhân dân. Cho nên làm gì, suy nghĩ gì ở Người đều hướng một mục đích duy nhất: phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chính vì vậy, mà tư duy của Người luôn gắn với thực tiễn cách mạng. Vì thế, với Người không phải là Quốc tế II hay III mà “Cái quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa?”. Khi viết gì, Người cũng luôn tâm niệm viết cho ai? Viết để làm gì? ... Phong cách tư duy của Người cũng là phong cách tư duy hướng tới thực tiễn, gắn với thực tiễn, hoà vào phong trào thực tiễn để phục vụ cách mạng, phục vụ quần chúng nhân dân lao động được nhiều hơn. Có thể nói, “mọi suy nghĩ của Hồ Chí Minh đều xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, mọi trăn trở trong quá trình tư duy của Người đều có mục tiêu là tìm cho được con đường cứu dân, cứu nước, con đường xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh”<sup>1</sup>. Cho nên, tư duy của Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở chỗ tìm thấy *con đường cứu*

---

1. Đặng Xuân Kỳ (chủ biên): *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.173.

nước mà còn chỉ ra cách *thực hiện thắng lợi con đường* đã chọn. Qua học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh, cán bộ lãnh đạo, quản lý phải biết hướng tư duy của mình vào những vấn đề của cuộc sống, của sự nghiệp đổi mới. Mọi suy tư trăn trở phải hướng vào việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý mà mình đảm nhiệm. Đó chính là gắn với thực tiễn, đó chính là tư duy thiết thực. *Học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh là học tập phong cách diễn đạt suy nghĩ, tư duy của Người*. Đó là cách diễn đạt tư duy rất giản dị, rõ ràng, trong sáng, dễ hiểu, dễ nghe, dễ nhớ, dễ vận dụng.

Trong cách diễn đạt tư duy của Hồ Chí Minh, người ta luôn thấy toát lên những vấn đề rất gần gũi và bức thiết, rất dễ hiểu và dễ nhớ, rất có lý và có tình từ những vấn đề lý luận hết sức trừu tượng và tất nhiên không phải vì vậy làm cho nó trở nên thông tục hoá lý luận, mà là ngược lại. Trong cách diễn đạt tư duy của mình, Hồ Chí Minh rất ít khi sử dụng các phạm trù, khái niệm mang tính lý luận, học thuật cao siêu. Người thường sử dụng những khái niệm, phạm trù mà quần chúng nhân dân đã quen dùng nhưng đem lại cho chúng những nội dung rất đổi mới mẻ, rất phong phú, như: trung, hiếu, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Cách diễn đạt tư duy của Hồ Chí Minh rất sinh động, phong phú, giàu hình ảnh: chủ nghĩa đế quốc như con đĩa hai vôi, cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc như hai cánh cửa con chim; những sai lầm như những bóng mây bay trôi qua, còn chân lý của chủ nghĩa Mác-Lênin như mặt trời sáng mãi; dân chủ như cửa cải, chuyên chính như cái khoá để giữ cửa... Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn cán bộ lãnh đạo, quản lý phải biết học cách nói của quần chúng; học cách diễn đạt sao cho quần chúng dễ nhớ, dễ hiểu, dễ làm theo. Đây chính là một biện pháp quan trọng để xây dựng phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn.

2. Để có thể xây dựng được phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn, trau dồi phương pháp tư duy khoa học, biết sử dụng và vận dụng các khái niệm như nghệ thuật tư duy biện chứng duy vật của Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, chúng ta phải tăng cường học tập lý luận Mác-Lênin.

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, việc học tập, trau dồi phương pháp tư duy biện chứng duy vật có thể bằng nhiều hình thức, phương thức

nhưng cơ bản nhất là qua đào tạo ở trường lớp và qua thực tiễn hoạt động lãnh đạo, quản lý cũng như tổng kết thực tiễn.

Trường học là môi trường thuận lợi nhất cho việc học tập, rèn luyện, trau dồi phương pháp tư duy biện chứng duy vật, tạo điều kiện thuận lợi cung cấp những kiến thức nền tảng, cơ sở cho người học tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ tư duy của mình. Học tập để nắm vững bản chất phương pháp tư duy biện chứng duy vật tức là “học tập lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng...”<sup>1</sup>.

Bản chất của phương pháp tư duy biện chứng duy vật là khoa học, sáng tạo, biện chứng, cho nên học tập trau dồi những phương pháp tư duy đó cũng phải khoa học, sáng tạo và biện chứng. Theo cách nói của Hồ Chí Minh, là phải “học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình”<sup>2</sup>.

Người cán bộ lãnh đạo, quản lý có thể học tập, trau dồi phương pháp tư duy biện chứng duy vật thông qua thực tiễn lãnh đạo, quản lý. Đây là một biện pháp rất quan trọng để nắm được thực chất, hiểu thấu đáo phương pháp tư duy biện chứng duy vật đối với người lãnh đạo, quản lý. Bởi vì bản thân chân lý khoa học là xuất phát từ thực tiễn khái quát nên soi sáng thực tiễn và được kiểm nghiệm qua thực tiễn. Vận dụng những nguyên lý lý luận vào thực tiễn; phát hiện những tình huống có vấn đề trong thực tiễn; nêu ra các giải pháp để giải quyết các tình huống đó để soi sáng những quan điểm lý luận và từ đó đưa ra các quyết định và tổ chức thực hiện chúng có hiệu quả hơn chính là hình thức học tập tốt nhất. Về cơ bản, lao động của người cán bộ lãnh đạo, quản lý là lao động tổ chức thực hiện. Đối với người cán bộ lãnh đạo, quản lý, sản phẩm của quá trình lao động sáng tạo của họ trước hết là các quyết định. Muốn ra được các quyết định đúng, họ phải bám sát thực tiễn, thâm nhập vào thực tiễn, hoà mình vào cuộc sống; phải biết thu thập, xử lý thông tin một cách chính xác, kịp thời, đúng đắn; phải biết đưa ra nhiều phương án khác nhau... Như vậy, thông qua thực tiễn lãnh

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.8, tr.497.

2. *Sđđ*, t.9, tr. 292.

đạo, quản lý, người cán bộ lãnh đạo, quản lý hàng ngày, hàng giờ phải đối mặt, cọ xát với nhiều vấn đề do thực tiễn sôi động đặt ra khiến họ rút ra được nhiều vấn đề lý luận phong phú. Họ phải vận dụng tổng hợp các tri thức, phương pháp tư duy đã được học ở trường, ở sách báo, phải luôn luôn thực hiện các thao tác tư duy... vì vậy mà khả năng vận dụng khái niệm các hình thức tư duy ở họ không ngừng được rèn luyện, mài sắc và trau dồi.

3. Tổng kết thực tiễn là quá trình phân tích đánh giá thực tiễn nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo hoạt động của con người đạt hiệu quả cao hơn. Cho nên, tổng kết thực tiễn là biện pháp quan trọng, góp phần trực tiếp vào việc rèn luyện, nâng cao không ngừng phương pháp tư duy khoa học, đồng thời khắc phục những yếu kém trong tư duy của cán bộ ta. Cán bộ lãnh đạo, quản lý muốn tổng kết thực tiễn có kết quả, phải biết vận dụng tổng hợp phương pháp biện chứng duy vật để phân tích, đánh giá khái quát những vấn đề của thực tiễn; phải xác định đúng và trúng vấn đề cần tổng kết. Đồng thời, họ cần phải biết lập phương trình, kế hoạch, tổ chức động viên, tập hợp lực lượng để tổng kết thực tiễn và hướng dẫn vận dụng. Như vậy, quá trình tổng kết thực tiễn là quá trình thực hiện các thao tác tư duy một cách liên tục, không ngừng nên bắt buộc các cán bộ lãnh đạo, quản lý phải động não, phải tăng cường hoạt động trí tuệ để tiến hành các thao tác tư duy. Trên cơ sở đó, năng lực tư duy lý luận cũng như trình độ tư duy lý luận của họ sẽ được nâng cao.

Một trong những yêu cầu quan trọng cơ bản của tổng kết thực tiễn là phải có tính khái quát cao. Tức là khi tổng kết thực tiễn phải rút ra được những kết luận có tính quy luật nhằm chỉ đạo hoạt động thực tiễn và hoạt động lý luận tiếp theo. Để những kết luận được rút ra có tính khái quát cao, thì người tổng kết thực tiễn phải nắm được những nội dung của phép biện chứng duy vật; phải vận dụng một cách sáng tạo phương pháp biện chứng duy vật. Đây là một biện pháp rất quan trọng để giúp họ trau dồi rèn luyện, phát triển hơn nữa phương pháp tư duy. Trên cơ sở đó, mới có thể từng bước hình thành được phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn cho họ.

Mỗi lần tổng kết thực tiễn là một lần phải nhận thức và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh. Điều này đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo,

quản lý phải cố gắng vận dụng hết năng lực, khả năng tư duy lý luận của bản thân. Đây cũng là dịp để họ có điều kiện kiểm tra khả năng, năng lực tư duy lý luận của mình, để kịp thời bù đắp những “lỗ hổng” kiến thức và phương pháp tư duy... Như vậy, cũng là góp phần rèn luyện năng lực và trình độ tư duy lý luận của họ.

*Để góp phần khắc phục những yếu kém trong tư duy của cán bộ lãnh đạo, quản lý thì cần phải coi trọng công tác tổng kết thực tiễn.* Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh tổng kết thực tiễn cốt yếu là phải bảo đảm tính khách quan, yêu cầu này đòi hỏi xem xét sự việc một cách khách quan, không giản đơn chỉ là căn cứ vào chính sự kiện có thật. Bởi lẽ một sự thật đơn thuần tự nó chưa nói lên gì cả, mà nó phải được xem xét trong mối liên hệ với các mặt cấu thành nên nó, cũng như những điều kiện tới nó. Nguyên tắc khách quan trong tổng thể thực tiễn còn đòi hỏi phải có tấm lòng trung thực, dám nhìn thẳng, đánh giá đúng sự thật. Có như vậy chúng ta mới khắc phục được bệnh chủ quan duy ý chí, bệnh giáo điều xa rời thực tiễn.

Tổng kết thực tiễn giúp cho cán bộ lãnh đạo, quản lý phát hiện những “khoảng trống” giữa lý luận và thực tiễn, giữa những tri thức được học và cuộc sống. Trên cơ sở đó, giúp họ điều chỉnh, bổ sung những hiểu biết của mình sao cho sát với thực tiễn, phù hợp với thực tiễn. Như vậy mới không mắc vào “bệnh giáo điều”. Như trên chúng ta đã phân tích, nếu tổng kết thực tiễn có tính khái quát cao thì “bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa” cũng không có cơ sở để tồn tại. Nhìn chung, tổng kết thực tiễn góp phần “mài sắc” tư duy lý luận, làm cho nó năng động, mềm dẻo, phản ánh kịp thời và sáng tạo sự vận động biến đổi của thực tiễn.

Tổng kết thực tiễn không chỉ góp phần rèn luyện, trau dồi phương pháp tư duy biện chứng duy vật, khắc phục những yếu kém trong tư duy của cán bộ mà còn *góp phần trực tiếp hình thành phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo thiết thực, gắn với thực tiễn.* Bởi lẽ, tổng kết thực tiễn có vai trò rất quan trọng trong việc *hướng đích của tư duy, giúp cho tư duy gắn với thực tiễn hơn, sát thực tiễn hơn.* Khi tổng kết thực tiễn, người ta sẽ làm giàu, làm phong phú thêm tri thức của mình, đồng thời lọc bỏ những tri thức không còn phù hợp với thực tiễn nữa. Đó chính là quá trình làm cho lý luận phù hợp với thực tiễn hơn; đồng thời cũng là quá trình làm cho tính hướng đích của tư duy rõ nét hơn - phải quay trở

về thực tiễn, phục vụ thực tiễn. Đây chính là biện pháp quan trọng để từng bước hình thành phong cách tư duy thiết thực, gắn với thực tiễn cho cán bộ lãnh đạo, quản lý. Hơn nữa, tổng kết thực tiễn còn góp phần làm xuất hiện tư duy sáng tạo. Bởi lẽ, thực tiễn hết sức đa dạng, phong phú, qua tổng kết thực tiễn, cán bộ lãnh đạo, quản lý sẽ phát hiện được những vấn đề mới chưa từng có trong sách vở, trong các bài học ở trường, lớp vận dụng toàn bộ năng lực trí tuệ, khả năng tư duy nhanh, nhạy, chính xác... để giải quyết. Đó chính là con đường tốt nhất cho phép ta trau dồi, rèn luyện, phát triển tư duy sáng tạo không lệ thuộc vào những khuôn mẫu có sẵn nào.

Bản sao lưu trữ

# VỀ XÂY DỰNG PHONG CÁCH TƯ DUY THEO PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

*TS Nguyễn Thị Phi Yến*

## 1. Về phương hướng

### *a. Nâng cao văn hoá chính trị cho cán bộ lãnh đạo và quản lý*

Thực tế chứng minh rằng, không thể trở thành nhà lãnh đạo chính trị nếu không được trang bị những tri thức phong phú của kho tàng văn hoá nói chung và nhất là về văn hoá chính trị nói riêng, không nắm được những thành quả tri thức quý báu của văn hoá chính trị hiện đại.

Lãnh đạo chính trị là lãnh đạo những tổ chức chính trị - xã hội với những con người cá nhân có *tâm lý, tình cảm phong phú, nhu cầu chính trị khác nhau*, đôi khi đối lập nhau. Điều đó đòi hỏi cán bộ lãnh đạo chính trị phải có *sự tinh tế về chính trị*; có khả năng *đàm thoại chính trị*; có *sáng kiến* và khả năng tìm tòi phát hiện những vấn đề chính trị vốn đa dạng và phức tạp; *biết đặt ra những mục tiêu trước mắt và mục tiêu triển vọng* cũng như biết quyết định và giải quyết các nhiệm vụ chính trị đặt ra; chú ý tới *tương quan các lực lượng xã hội*, những *điều kiện hiện thực*; biết tìm kiếm *những phương pháp, những phương tiện có hiệu quả*, những *hình thức tổ chức* thích hợp để đạt mục tiêu chính trị đặt ra; biết *lựa chọn, sắp xếp cán bộ* thích ứng với nhu cầu công việc; biết *tin tưởng vào con người*, vào năng lực sáng tạo của nhân dân.

Trong hơn 15 năm đổi mới vừa qua, nhờ nỗ lực vượt bậc của công tác cán bộ, nhờ sự tự ý thức sâu sắc về đòi hỏi của cuộc đổi mới đối với phẩm chất và năng lực tư duy chính trị mà đội ngũ cán bộ cần phải có và sự tự phấn đấu vươn lên của từng cán bộ nhằm đáp ứng đòi hỏi đó, chúng ta đã từng bước hình thành được một đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tự chủ, tự lực tự cường, năng động và sáng tạo; có kiến thức, trình độ và năng lực hoạt



động thực tiễn... thích nghi dần với cơ chế mới. Mặt khác, công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu, càng làm bộc lộ sự chưa *ngang tầm* trong năng lực tư duy của người lãnh đạo và quản lý so với yêu cầu mà công cuộc đổi mới đang đặt ra. Ở đây, có sự yếu kém trong tư duy lý luận của đội ngũ cán bộ lãnh đạo; kỹ năng, kỹ xảo cũng như công nghệ quản lý các quá trình chính trị - xã hội của cán bộ chưa năng động; sự nhạy bén những tình huống chính trị - xã hội xuất hiện trong cuộc sống sôi động hàng ngày còn rất hạn chế, đáng lo ngại hơn là chưa đưa ra được *những giải pháp tình thế* để xử lý kịp thời những vấn đề đó.

Những bất cập về năng lực nhận thức và tổ chức các quá trình hoạt động thực tiễn của cán bộ có nhiều nguyên nhân, song cái chủ yếu là ở họ còn thiếu những kiến thức về văn hoá, chính trị. Bởi vậy, khắc phục những yếu kém về năng lực tư duy sẽ được thực hiện bằng nhiều phương hướng khác nhau, trong đó, việc nâng cao văn hoá chính trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo chính trị có tầm quan trọng đặc biệt.

Văn hoá chính trị là một phương diện của văn hoá trong xã hội có giai cấp; nó nói lên những giá trị có được do tri thức, năng lực sáng tạo trong hoạt động chính trị đem lại dựa trên sự nhận thức sâu sắc các quan hệ chính trị hiện thực cùng những thiết chế chính trị tiến bộ được lập ra để thực hiện lợi ích chính trị cơ bản của giai cấp hay của nhân dân nói chung (trong chủ nghĩa xã hội) phù hợp với sự phát triển lịch sử. Văn hoá chính trị nói lên phẩm chất và hình thức hoạt động chính trị của con người cùng những thiết chế chính trị mà họ lập ra để hiện thực hoá lợi ích cơ bản của chủ thể chính trị tương ứng.

Văn hoá chính trị được tạo thành từ một loạt yếu tố: tri thức chính trị; niềm tin và ý chí chính trị; các truyền thống chính trị đã được tích lũy; các lý tưởng chính trị cao đẹp mà con người đang theo đuổi; những chuẩn mực chính trị tiến bộ; những phương tiện, phương thức tổ chức và hoạt động chính trị; hệ tư tưởng chính trị (bộ phận cốt lõi nhất của văn hoá chính trị)... ở từng cá nhân cũng như ở cả cộng đồng xã hội, văn hoá chính trị được xác lập thông qua tích hợp các yếu tố tri thức chính trị được tích lũy biến thành niềm tin chính trị vững chắc trở thành có sức thuyết phục trước quần chúng nhân dân. Từ đó nó biến thành hành động chính trị thực tiễn tích cực tạo nên những kết quả là hình thành những chuẩn mực chính trị, thành truyền thống, thành nếp sống, thành

thói quen trong việc ứng xử trước các tình huống chính trị, thành quy tắc đối nhân xử thế trong chính trị...

Văn hoá chính trị có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy, điều chỉnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động chính trị cũng như hiệu quả tổ chức và vận hành hệ thống chính trị. Văn hoá chính trị góp phần điều chỉnh các quan hệ chính trị - xã hội; nó còn có khả năng làm “mềm hoá”, làm dịu những căng thẳng chính trị - xã hội không cần thiết. Văn hoá chính trị góp phần củng cố niềm tin của con người vào các giá trị lý tưởng đã lựa chọn; góp phần đẩy mạnh xã hội hoá về chính trị. Văn hoá chính trị đưa con người tới sự sáng tạo và nhạy bén với cái mới trong chính trị; nó nâng kinh nghiệm, sự nếm trải chính trị lên thành quy tắc đối nhân xử thế trong chính trị. Văn hoá chính trị có vai trò to lớn trong việc khắc phục bệnh quan liêu của thiết chế chính trị cũng như phong cách hoạt động chính trị...

Với vị thế như vậy của văn hoá chính trị, chúng ta dễ nhận ra rằng, chỉ khi nào cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức và vận dụng nhuần nhuyễn những giá trị văn hoá chính trị tiên tiến của giai cấp công nhân, tạo ra khả năng hoạt động thực tiễn đích thực đem lại lợi ích phục vụ nhân dân, mới được dân tin tưởng. Do vậy, nếu người cán bộ lãnh đạo, quản lý không đứng ở tầm cao của văn hoá chính trị thì nhất định không thể đảm đương nổi trọng trách lãnh đạo, quản lý.

Xuất phát từ thực tiễn chính trị của đất nước, từ khi có Đảng lãnh đạo, lãnh đạo chính trị luôn là bộ phận cấu thành cực kỳ quan trọng của văn hoá chính trị. Sự lãnh đạo và quản lý của cán bộ trở thành một khoa học và nghệ thuật, vừa là thước đo, vừa là kết quả của một trình độ văn hoá chính trị cao mà cán bộ đó có được.

Trình độ văn hoá chính trị của người lãnh đạo biểu hiện ở khả năng nắm bắt kịp thời ý nguyện chính đáng của quần chúng; ở khả năng nghe, biết nghe và biết xử lý đúng đắn ý kiến khác với mình; ở năng lực kết hợp hài hoà giữa dân chủ trong quá trình ra quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định. Phát huy cao độ vai trò của người lãnh đạo chính trị, đồng nghĩa với việc không ngừng bồi dưỡng, nâng cao những tri thức văn hoá chính trị cho họ.

Thái độ chân thành, cởi mở, tác phong quần chúng tốt, gắn bó với quần chúng... là những tư chất không thể thiếu trong văn hoá chính trị

của người lãnh đạo và quản lý. Nhờ đó, người lãnh đạo, quản lý chia sẻ kịp thời với mỗi thành công mà quần chúng đạt được; chia sẻ với quần chúng mọi lo âu, trần trở mà họ đang trải qua, và cùng họ tìm ra giải pháp hữu hiệu để giải toả kịp thời những mối băn khoăn, trần trở đó.

Luôn luôn lắng nghe ý kiến quần chúng, nắm được ý kiến của quần chúng đã là quan trọng, song "*giải thích*" cho quần chúng hiểu để thực hiện đúng còn quan trọng hơn nhiều. Nghe và biết nghe không phải là một. Quần chúng là một số đông, khác nhau về trình độ nhận thức, ý chí, năng lực, chính kiến là tất yếu. Trong họ không chỉ có sự đồng nhất mà còn có sự khác biệt, thậm chí có cả mâu thuẫn. Cán bộ lãnh đạo biết lắng nghe cả cái đúng, cái sai để tìm ra cái bản chất của vấn đề đang thuyết phục họ, tổ chức họ thành một khối thống nhất để giải quyết vấn đề là yêu cầu quan trọng của công tác chính trị. Các quyết định của người lãnh đạo được dựa trên đó sẽ là tiền đề cần thiết bảo đảm tính đúng đắn của quyết định. Song nên lưu ý rằng, lắng nghe quần chúng, *đáp ứng nhu cầu của quần chúng*, tuyệt đối không được theo đuôi quần chúng. Lãnh đạo quần chúng chuyển sang chủ nghĩa theo đuôi thì vị trí lãnh đạo sẽ không còn. Đẩy phong trào quần chúng vào tính tự phát tiêu cực.

Trong quá trình thực hiện dân chủ hoá trong xã hội ta hiện nay, người lãnh đạo và quản lý phải biết lắng nghe ý kiến quần chúng, để quần chúng nói hết ý kiến cho Đảng; cần học cách ra quyết định một cách thực sự dân chủ. Trong trường hợp biết rõ chân lý tạm thời thuộc về thiểu số đi ngược lại nguyện vọng của đa số quần chúng thì người lãnh đạo vẫn phải quyết định theo thiểu số đó. Đây là lúc thể hiện rõ nhất bản lĩnh chính trị, tinh thần dám chịu trách nhiệm trước sự lựa chọn phức tạp mà cuộc sống đặt ra. Dần dần, bằng việc tổ chức thực hiện có hiệu quả quyết định đúng đắn đó, người lãnh đạo sẽ nhất định thuyết phục được quần chúng nghe theo, nhận được sự đồng tình của quảng đại quần chúng.

Trình độ văn hoá chính trị của người lãnh đạo và quản lý còn được đo bằng khả năng kết hợp hài hoà giữa *lãnh đạo tập thể* và *cá nhân phụ trách*, xác định rõ *vai trò của thủ trưởng*. Có thời kỳ, do nhiều nguyên nhân mà ở nơi này nơi khác, cấp này cấp kia, người ta thường tuyệt đối hoá vai trò lãnh đạo tập thể, ít chú ý tới vị trí cá nhân người phụ trách chủ chốt. Nhất nhất mọi công việc đều dựa vào ý kiến tập thể, cho nên ở đó chưa

hình thành và hoàn thiện quy trình tuyển chọn nhân tài, lựa chọn người đứng đầu có tài năng... mà thường chọn cử những người hiền lành, tốt bụng, ít góc cạnh, được nhiều người quý mến vào cương vị đó. Trong trường hợp như vậy, người lãnh đạo dễ trở thành vật cản của quá trình đổi mới.

V.I.Lênin viết: “Tôi nghĩ rằng... việc ưa chuộng chế độ tập thể lãnh đạo nhiều khi đã chứng tỏ sự nhận thức không đầy đủ về những nhiệm vụ trước mắt của nước cộng hoà, thậm chí còn hơn thế nữa, thường chứng tỏ rằng trình độ giác ngộ giai cấp chưa đầy đủ”<sup>1</sup>. Lênin xem những ai đồng nhất chế độ thủ trưởng với chế độ quản lý tư sản là dấu hiệu chứng tỏ sự chưa chín muồi về ý thức giai cấp, là bằng chứng nói lên rằng “ý thức giai cấp của chúng ta... không được rõ ràng bằng ý thức giai cấp của các ngài tư sản”<sup>2</sup>. Từ đó, V.I.Lênin kêu gọi: thảo luận thì cứ thảo luận, càng công khai, càng rộng rãi càng tốt, nhưng *quyết định phải là thủ trưởng*. Thực tế chỉ ra rằng, không hiểu đúng nguyên tắc lãnh đạo tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách dễ sinh ra thói quen ỷ lại vào tập thể: khi đại đa số tán thành, thủ trưởng mới quyết. Nếu đó là một quyết định sai lầm thì *tất cả chúng ta phải chịu trách nhiệm*, cũng có nghĩa *chẳng ai chịu trách nhiệm cả*. Thực chất đó là biểu hiện của thói vô trách nhiệm và như vậy trình độ văn hoá chính trị của cán bộ lãnh đạo, quản lý rất thấp kém.

#### ***b. Nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh***

Người lãnh đạo và quản lý được coi có năng lực tư duy biện chứng, có đầy đủ phẩm chất đạo đức, có trình độ văn hoá, có ý thức chính trị cao, năng lực hoạt động thực tiễn tích cực, lối sống lành mạnh cần phải không ngừng học tập lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Làm nghề gì cũng phải học, vậy làm cách mạng cũng phải học. Nếu không giáo dục cho đảng viên làm cách mạng mà cứ yêu cầu họ làm cách mạng thì họ không làm tròn được nhiệm vụ”<sup>3</sup>. Trong điều kiện hoàn cảnh mới, phạm vi lãnh đạo của Đảng ngày càng mở rộng, trách nhiệm lãnh đạo, năng lực trí tuệ của toàn Đảng nói chung và của từng đảng viên nói riêng phải ngang tầm với yêu cầu

---

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t.40, tr.245.

2. *Sđđ*, tr.247.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.224.

nhệm vụ mới. “Công việc ngày càng nhiều và càng phức tạp. Xã hội ngày càng tiến lên. Vì vậy, trình độ của đảng viên và cán bộ cũng phải tiến lên mới làm trọn được nhiệm vụ”<sup>1</sup>. Trong những loại tri thức mà người cán bộ cách mạng cần có, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học tập chủ nghĩa Mác-Lênin.

Theo Người, nâng cao trình độ lý luận về chủ nghĩa Mác-Lênin không những sẽ giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên củng cố vững chắc thêm lập trường giai cấp và tinh thần hoạt động cách mạng vì lý tưởng cộng sản, mà còn giúp Đảng vượt qua mọi thử thách cam go trong cuộc đấu tranh giành và giữ chính quyền.

Nhược điểm lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên của ta là sự yếu kém về trình độ lý luận do ngại học tập lý luận. Với những thắng lợi to lớn đã giành được, trong một bộ phận cán bộ, đảng viên thường nảy sinh tư tưởng chủ quan, tự mãn, không thấy rằng, vì trình độ lý luận thấp kém cho nên đứng trước nhiệm vụ cách mạng ngày càng mới và phức tạp thường lúng túng, phạm phải sai lầm khuyết điểm. Hồ Chí Minh dạy rằng, lười biếng học lý luận cũng có nghĩa là thiếu trách nhiệm, thiếu nhiệt tình cách mạng đối với việc hoàn thành sứ mệnh lịch sử của Đảng.

Học tập lý luận Mác-Lênin là điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực trí tuệ của đảng viên. Song chưa đủ, mà phải học tập, nghiên cứu một cách nghiêm túc cả những “chỉ thị, nghị quyết, luật, lệnh của đoàn thể và Chính phủ”<sup>2</sup>. Vì Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng, đường lối; chính sách của Đảng và Nhà nước ta là kết quả vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, đó là biện chứng chủ quan phản ánh biện chứng khách quan của cách mạng nước ta. Có nắm vững đường lối của Đảng mới thực hiện tốt, mới lãnh đạo quần chúng biến đường lối thành hiện thực sinh động.

### ***c. Thực hiện dân chủ hoá hơn nữa công tác lý luận nói riêng, đời sống tinh thần nói chung***

Cùng với việc dân chủ hoá kinh tế, chính trị..., việc đẩy mạnh dân chủ hoá trên lĩnh vực tinh thần, đặc biệt, trong công tác lý luận có tác

---

1. *Sđd*, t.2, tr.155.

2. *Sđd*, t.6, tr.50.

động rất to lớn tới việc hình thành và nâng cao tư duy biện chứng của cán bộ lãnh đạo và quản lý. Dân chủ hoá công tác lý luận, dân chủ hoá đời sống tinh thần sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho mọi suy nghĩ sáng tạo, phát huy sáng kiến, đề xuất những ý tưởng mới trong hoạt động thực tiễn đạt hiệu quả, chân lý vì vậy được thực hiện. Bởi vì, chân lý không chỉ được phát hiện từ thực tiễn, nó còn được phát hiện ngay từ trong tranh luận, trong thảo luận. Tiền đề cơ bản để có tranh luận, có thảo luận là phải có ý kiến khác nhau.

Dương nhiên, cũng như việc đẩy mạnh dân chủ hoá trên các lĩnh vực khác, dân chủ hoá trên lĩnh vực công tác lý luận, trên lĩnh vực tinh thần nói chung phải đi liền với kỷ cương, khuôn phép và được định hướng vào việc góp phần củng cố, tăng cường sức mạnh của các tổ chức Đảng các cấp, nâng cao tính xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của đất nước. Mọi mưu đồ lợi dụng dân chủ hoá trên lĩnh vực này để tuyên truyền những quan điểm thù địch có hại cho mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đã lựa chọn phải được loại trừ.

Một trong những yêu cầu của việc dân chủ hoá lý luận là quyền được thông tin. Đa dạng hoá thông tin, thông tin kịp thời, chính xác vừa là cơ sở để có “nguyên liệu” cho tư duy, vừa tạo ra sự cọ xát, hình thành phong cách tư duy năng động, tích cực, chủ động hơn. Nhờ vậy, cán bộ ta mới tránh được tình trạng phiến diện, một chiều trong tư duy, độc đoán chuyên quyền trong chỉ đạo.

#### ***d. Nâng cao kiến thức khoa học - kỹ thuật cho cán bộ lãnh đạo quản lý***

Năng lực tư duy của cán bộ, đảng viên chịu ảnh hưởng một cách quyết định của trình độ học vấn, năng lực nắm bắt những tri thức khoa học, kỹ thuật. Nâng cao trình độ học vấn, trình độ khoa học tự nhiên - kỹ thuật và công nghệ sẽ tạo nền tảng để hình thành và phát triển năng lực tư duy biện chứng. Điều đó càng trở thành vấn đề cấp bách, khi nhân loại nói chung, nước ta nói riêng đang chuyển mạnh sang nền kinh tế tri thức.

Ngày nay, khoa học - kỹ thuật đang phát triển như vũ bão. Những thành tựu kỳ diệu nhất của khoa học - kỹ thuật thế kỷ XX đem lại chủ yếu diễn ra trong thập kỷ 90, chúng tỏ trí tuệ loài người đang có khả năng làm chủ được nhiều quá trình của giới tự nhiên, của vũ trụ bao la. Phần lớn các chiến lược, quy hoạch phát triển của các quốc gia phải

thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với đà phát triển của khoa học. Có thể nói rằng, chưa có thời kỳ nào trong lịch sử lại có sự thay đổi, đảo lộn nhanh chóng, to lớn và toàn diện như ngày nay. Kinh tế tri thức là một tác nhân quan trọng tạo ra sự thay đổi mau lẹ đó.

Để theo kịp với đà phát triển của trình độ khoa học - kỹ thuật của xã hội, cán bộ lãnh đạo và quản lý phải có trình độ, năng lực và phong cách tư duy tương ứng.

## 2. Một số giải pháp chủ yếu

a) Việc hình thành năng lực tư duy biện chứng và phong cách tư duy khoa học ở người lãnh đạo, quản lý đòi hỏi phải vận dụng tổng thể những giải pháp liên quan tới hầu hết mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Sở dĩ như vậy là do năng lực tư duy cũng như phong cách tư duy chịu tác động của một phức hợp các nhân tố tính chất và trạng thái của thể chế chính trị; tính chất và trình độ phát triển của nền kinh tế, trình độ học vấn, trình độ văn hoá chung; trình độ thông tin; sự trải nghiệm thực tiễn; năng lực cá nhân... Trong tình hình cụ thể hiện nay ở nước ta, việc nâng cao năng lực tư duy biện chứng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, trên cơ sở đó xây dựng phong cách tư duy khoa học cho họ đòi hỏi phải có giải pháp hữu hiệu để *nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Chú ý tới thực tiễn trên lĩnh vực này, cần quan tâm một số biện pháp cấp bách sau đây: *Một là*, quy hoạch lại hệ thống đào tạo và bồi dưỡng lý luận về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như hệ thống bằng cấp trên lĩnh vực này nhằm nâng cao chất lượng mà không rơi vào chủ nghĩa hình thức, thiếu thực chất. Cần khắc phục tình trạng mở lớp tràn lan, xu hướng “cử nhân hoá”, “thạc sĩ hoá” và “tiến sĩ hoá” một cách hình thức đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý. *Hai là*, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự mở rộng quá nhanh quy mô đào tạo cử nhân, trên đại học trong lĩnh vực này khiến cho việc chuẩn bị đội ngũ cán bộ nghiên cứu và giảng dạy cho các loại đối tượng đó vốn đã bất cập càng trở nên bất cập hơn. Thêm vào đó, công tác quản lý giáo dục, đặc biệt là quản lý chương trình đào tạo, phương thức học tại chức còn nhiều thiếu sót, cán bộ giáo dục mảng này còn bất cập về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tế. Trong những năm gần đây, dư luận lên án

khá gay gắt các tiêu cực trên lĩnh vực này, song chúng không giảm mà có xu hướng gia tăng, đặc biệt, có thể lại còn lộ liễu công khai hơn.

Đẩy mạnh học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là rất quan trọng, song, để học tập có kết quả “phải có thái độ đúng và phương pháp đúng”<sup>1</sup>. Đó là “thái độ khiêm tốn, càng cao càng giỏi, càng khiêm tốn, phải có lòng cầu tiến bộ”<sup>2</sup>. Học tập là một nghĩa vụ của mỗi đảng viên đối với Đảng, đối với nhân dân, cho nên nếu không cố gắng học tập, tự kiêu, tự mãn, tự phụ, không cầu tiến bộ thì cũng có nghĩa không hoàn thành nhiệm vụ của người đảng viên. Hồ Chí Minh luôn căn dặn rằng, mỗi đảng viên phải “tích cực, tự động hoàn thành kế hoạch học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng, không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập”<sup>3</sup>.

Hồ Chí Minh cho rằng, khi học tập, nghiên cứu bất cứ một vấn đề gì như “nghiên cứu về xã hội, con người và sự vật thì phải xem xét toàn diện, xem quá khứ, nhất là xem hiện tại để hiểu biết và suy đoán tương lai. Có như thế mới nhận định tình hình, mới nhận xét sự việc xảy ra được đúng đắn”<sup>4</sup>. Nhưng, phương pháp học thuộc về nhân tố chủ quan, nó đòi hỏi ở người học một tinh thần tích cực và sáng tạo trong học tập, “học trong xã hội”, “học nơi công tác thực tế”, “học nhân dân”, “học ở trường”, “học trong sách báo”...

Muốn cho việc học tập - học tập chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, học tập văn hoá kỹ thuật và nghiệp vụ... như là một phương thức cơ bản để nâng cao năng lực tư duy biện chứng của cán bộ lãnh đạo và quản lý thì phương châm “học đi đôi với hành”, “lý luận liên hệ với thực tiễn” phải được đặc biệt chú trọng.

Hồ Chí Minh dạy rằng, “học đi đôi với hành” hay “lý luận liên hệ với thực tiễn” thì học lý luận không có mục đích tự thân, “không phải học lý luận vì lý luận, không phải học để trang sức” hay vì tạo cho mình một cái vốn lý luận để sau này đưa ra mặc cả với Đảng. Đó là những động cơ học tập sai lầm phải được “tẩy trừ cho sạch”. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: học phải hướng vào việc sửa chữa tư tưởng, tu dưỡng đạo đức cách mạng, học để xây dựng chủ nghĩa xã hội...

---

1. *Sđd*, t.12, tr.94.

2. *Sđd*, t.5, tr.78.

3. *Sđd*, t.8, tr.499.

4. *Sđd*, t.9, tr. 307.



b) Cùng với những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng phải có giải pháp *tạo điều kiện để cán bộ lãnh đạo tầm mình trong thực tiễn chính trị của đất nước, nắm được thực tiễn thời đại.*

Từ đó, *một mặt*, tiếp thu được những nhân tố có giá trị trong truyền thống văn hoá, chính trị của dân tộc và thời đại; *mặt khác*, tự mình tích lũy được những tri thức và kinh nghiệm, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho hoạt động chính trị.

c) Tư duy biện chứng về các vấn đề chính trị - xã hội mang bản chất giai cấp sâu sắc trong nội dung cơ bản của mình. Do vậy, việc nâng cao năng lực tư duy chính trị của người cán bộ lãnh đạo và quản lý cũng đòi hỏi phải tham gia *tiến hành cuộc đấu tranh kiên quyết đối với những quan điểm lệch lạc, sai lầm, phản động, trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận chính trị.*

d) Để nâng cao năng lực tư duy, trên cơ sở đó từng bước xây dựng phong cách tư duy khoa học cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, chúng ta cần phải *đổi mới công tác cán bộ.*

Một trong những việc cần làm trước tiên là hoàn thiện cơ chế sử dụng cán bộ theo hướng tạo ra trong họ *tính tích cực, chủ động hơn, nhạy bén và sáng tạo hơn* trong công việc cũng như trong cuộc sống nói chung.

Để có thể thực hiện được chủ trương đổi mới công tác cán bộ, trước hết, cần phải hoàn thiện và thực hiện tốt “Quy chế công tác cán bộ” của Đảng. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII mới chỉ nêu ra thời hạn đảm đương một chức vụ không quá hai nhiệm kỳ ở cùng một đơn vị một địa phương *đối với cán bộ do bầu cử.* Cần mở rộng vấn đề này sang cả cán bộ do bổ nhiệm, trừ thẩm phán toà án nhân dân các cấp. Hơn nữa, độ dài một nhiệm kỳ không nên nhất loại như nhau. Trong *Quyết định về việc ban hành quy chế bổ nhiệm cán bộ* (số 51-QĐ/TW ngày 3-5-1999) viết:

Thời hạn mỗi lần bổ nhiệm chức vụ là 5 năm đối với cán bộ cấp trưởng, cấp phó ở cơ quan, đơn vị trong bộ máy tổ chức của Đảng, Nhà nước, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp từ cấp huyện trở lên... Ở đó không xác định số lần được tái bổ nhiệm trên cùng một cương vị, ở cùng một cơ quan và quy định nhất loạt mỗi nhiệm kỳ là 5 năm.

Thực tế cho thấy, ở một số cơ quan đã có quy định cụ thể và tiến bộ hơn. Chẳng hạn, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia quy

định cấp trưởng các viện, trung tâm là 4 năm; các trường đại học thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng quy định như vậy. Trường Đại học Kinh tế quốc dân còn quy định tất cả mọi cán bộ khi bổ nhiệm không quá 56 tuổi đối với nam, 51 tuổi đối với nữ để đủ tuổi làm việc hết nhiệm kỳ và nghỉ quản lý theo tuổi quy định nghỉ hưu của Nhà nước.

Để nâng cao tính năng động của cán bộ, việc tái bổ nhiệm trên cùng cương vị và ở cùng cơ quan không nên quá 1 lần (tức là tổng số không quá hai nhiệm kỳ); tùy theo cương vị mà có độ dài nhiệm kỳ khác nhau. Chẳng hạn, bộ trưởng một nhiệm kỳ là 5 năm, nhưng đối với thứ trưởng nhiệm kỳ chỉ nên 2,5 năm, vụ trưởng có thể là 2 năm, trưởng phòng 1 năm.

Ngoài ra, việc luân chuyển cán bộ không nên giới hạn chỉ ở cán bộ cao cấp, mà cần mở rộng ra mọi cán bộ lãnh đạo và quản lý. Ngoài những cái lợi như đã nêu trên, việc luân chuyển đó còn tạo cơ hội để các cán bộ khác khẳng định vị thế của mình.

Bản sao lưu trữ

# PHÁT HIỆN VÀ GIẢI QUYẾT MÂU THUẦN – MỘT GIẢI PHÁP ĐỂ RÈN LUYỆN PHONG CÁCH TƯ DUY KHOA HỌC CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

*GS, TS Phạm Ngọc Quang Sơn Hải*

## 1. Thực chất của quá trình xây dựng các quyết định lãnh đạo và quản lý - nhìn từ giác độ lý luận mâu thuẫn

Khi trở thành người lãnh đạo và quản lý, các quyết định của cán bộ Đảng và Nhà nước đều tác động trực tiếp tới đời sống của nhân dân, tới tương lai hạnh phúc của họ. Lenin nhấn mạnh rằng: Đảng không được sai lầm về chính trị. Muốn vậy, trong quá trình đưa ra các quyết định, người lãnh đạo phải tính đến *biện chứng khách quan của sự vật*. Lenin viết tiếp: “Ở từng giai đoạn phát triển, trong từng lúc, sách lược của giai cấp vô sản phải tính đến biện chứng khách quan”<sup>1</sup> của xã hội.

Sự phát triển biện chứng của mọi sự vật và hiện tượng (trong đó có sự phát triển của xã hội) “diễn ra trong mâu thuẫn và thông qua các mâu thuẫn”<sup>2</sup>.

Nhận thức được những mâu thuẫn của xã hội ta hiện nay, tìm ra những phương hướng đúng đắn để giải quyết mâu thuẫn một cách thực tế là nhiệm vụ cơ bản của mọi quyết định lãnh đạo và quản lý trong quá trình đổi mới ở nước ta hiện nay.

Xây dựng được các quyết định đúng đắn và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quyết định là công việc thường xuyên của người lãnh đạo và quản lý. Thực hiện có hiệu quả công việc đó sẽ cho phép chúng ta chuyển “trạng thái hiện có” sang “trạng thái cần có” theo quy luật phát triển nội tại của xã hội. Mâu thuẫn biện chứng lại là nguồn gốc của mọi vận động và phát triển, cho nên, việc biến trạng thái đang có thành

---

1. V.I.Lenin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.26, tr.92.

2. *Sđđ*, t.20, tr.77-78.

“trạng thái cần phải có” sẽ không thể thực hiện được, nếu không phát hiện đúng những mâu thuẫn khách quan hiện đang tồn tại cũng như lực lượng, biện pháp và phương tiện để giải quyết các mâu thuẫn đó.

Xét dưới góc độ tổng quát, mọi quyết định lãnh đạo và quản lý đều được bắt đầu bằng việc khái quát tình hình thực tế trên lĩnh vực mà quyết định đó quan tâm. Nội dung chủ yếu của quá trình này là nêu lên những thành tựu cơ bản, những hạn chế chủ yếu trên lĩnh vực đó, làm rõ những vấn đề nảy sinh đòi hỏi phải giải quyết. Thực chất, quyết định đó chỉ ra những mâu thuẫn đã và đang nảy sinh, đang tồn tại mà việc giải quyết chúng sẽ cho phép nâng trình độ phát triển của lĩnh vực, của vấn đề đó lên một trình độ mới. Khi đề cập vấn đề này, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: khi việc gì có mâu thuẫn, khi phải tìm cách giải quyết, tức là có vấn đề.

Khi đã có vấn đề, ta phải nghiên cứu cho rõ cái gốc mâu thuẫn trong vấn đề đó là gì. Phải điều tra, phải nghiên cứu cái mâu thuẫn đó. Phải phân tách rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ. Phải đề ra cách giải quyết”<sup>1</sup>.

Trên cơ sở phát hiện ra “tình huống có vấn đề” (có mâu thuẫn), quyết định đi vào phân tích chúng, xác định tính chất của vấn đề (tức là tính chất của mâu thuẫn), mức độ gay gắt, trình độ chín muồi của vấn đề đó (cũng tức là của mâu thuẫn đó). Tiếp theo, quyết định làm rõ phương hướng, biện pháp giải quyết vấn đề (cũng tức là phương hướng, biện pháp giải quyết mâu thuẫn). Cuối cùng, quyết định đề cập vấn đề “tổ chức thực hiện” - đó cũng là việc xác định trách nhiệm của từng loại chủ thể, loại thiết chế... trong việc giải quyết mâu thuẫn.

Có thể khẳng định rằng, dù có nói tới mâu thuẫn hay không, nhưng thực chất toàn bộ quá trình xây dựng các quyết định là quá trình phát hiện mâu thuẫn; xác định tính chất, trạng thái chín muồi của mâu thuẫn; tìm ra những phương thức, biện pháp, phương tiện, lực lượng để giải quyết mâu thuẫn. Do vậy, việc nắm vững và vận dụng nhuần nhuyễn lý luận về mâu thuẫn là một nhân tố có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng các quyết định lãnh đạo và quản lý; nó trở thành một nhân tố bảo đảm tính đúng đắn, tính khoa học và tính hiệu quả của quyết định.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.302.

Mọi quyết định lãnh đạo và quản lý đều liên quan tới phạm trù tư tưởng, lý luận, nhận thức, ý muốn và nguyện vọng của chủ thể. Dù đúng đắn đến đâu, tự bản thân nó cũng không thể thay đổi được hiện thực. Để góp phần cải biến hiện thực, các quyết định đó phải được đưa vào cuộc sống, thấm vào triệu triệu người dân, làm cho chúng có được sức mạnh của nhân tố hoạt động thực tiễn của chính nhân dân. Điều đó liên quan tới quá trình tổ chức thực hiện các quyết định - một chức năng không thể thiếu đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý.

Nhìn nhận vấn đề này từ giác độ mâu thuẫn, có thể thấy quá trình tổ chức thực hiện các quyết định cũng là quá trình phải giải quyết hàng loạt mâu thuẫn nhằm đi tới giải quyết được những mâu thuẫn (“tình huống có vấn đề”) mà quyết định đã phát hiện ra. Muốn vậy, việc tổ chức thực hiện quyết định đòi hỏi sự nghiên cứu khoa học công phu, sáng tạo... nhằm huy động các lực lượng xã hội tương ứng; nhằm vận dụng những điều kiện và những nhân tố vật chất khách quan theo một cơ chế, một trình độ nhất định. Từ đó, việc giải quyết mâu thuẫn đạt kết quả phù hợp với mục tiêu đã đề ra trong quyết định của người lãnh đạo và quản lý. Ở cấp độ vĩ mô, mọi quyết định đều mới chỉ nêu ra được những mục tiêu cơ bản, những phương thức chủ yếu để cải tạo hiện thực. Để thực hiện được trong thực tế, khâu đầu tiên của quá trình tổ chức thực hiện là cụ thể hoá quyết định đó thành những chủ trương, biện pháp, những chỉ tiêu, bước đi cụ thể phù hợp với ngành, địa phương và cơ sở.

Để việc cụ thể hoá diễn ra đúng hướng, cần nắm vững nội dung cơ bản của đường lối, nghị quyết chung; hiểu đầy đủ tính đặc thù của ngành, của địa phương; chú ý năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ và trình độ chín muồi của nhân dân. Song, không vì những đặc thù đó mà “cái là cụ thể hoá” lại hoàn toàn khác, thậm chí ngược lại với “cái được cụ thể hoá”. Ở đây, việc chú ý sự thống nhất và mâu thuẫn giữa “cái là cụ thể hoá” và “cái được cụ thể hoá” là hết sức quan trọng. Liên quan tới vấn đề này, việc bảo đảm vai trò chi phối của đường lối, nghị quyết chung trong khi có tính toán đầy đủ tính đặc thù của ngành, địa phương và cơ sở vẫn là vấn đề có tính nguyên tắc.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Mọi quyết định lãnh đạo và quản lý được thực hiện không phải chỉ bằng nỗ lực của bản thân người ra quyết định, mà trước hết bằng sức mạnh của quần chúng

dưới quyền. Muốn vậy, cần làm cho mọi quyết định thực sự cũng là *quyết định của chính quần chúng* - khâu then chốt nâng cao tính đúng đắn, nâng cao tính tích cực, chủ động của họ trong việc thực hiện quyết định. Phân tích và giải quyết mối quan hệ biện chứng đó là vấn đề không đơn giản.

Bất kỳ quyết định nào, dù đúng đắn đến mấy cũng không thể được tất cả mọi người chấp nhận ngay. Điều đó liên quan tới các điều kiện chính trị - xã hội cụ thể khác nhau, liên quan đến cơ cấu dân cư, sự khác nhau về lợi ích... của quần chúng. Do đó, để bảo đảm cho mọi quyết định được thực hiện, phải không ngừng đấu tranh khắc phục sự cản trở không thi hành hoặc xuyên tạc quyết định. Buông lời cuộc đấu tranh đó là dung dưỡng thói vô trách nhiệm, tính vô tổ chức và kỷ luật, làm suy giảm lòng tin, làm mất khả năng thực hiện các quyết định. Chính sự kiên quyết đó giúp ta sửa chữa những sai lầm của quyết định, bổ sung những nội dung đúng để quyết định trở nên ngày càng hoàn thiện.

Quán triệt những tư tưởng biện chứng về mâu thuẫn trên đây vào việc hoạch định và tổ chức thực hiện quyết định lãnh đạo và quản lý là cái bảo đảm nâng cao tính hiệu quả của cán bộ lãnh đạo và quản lý hiện nay.

## **2. Chú ý tới vấn đề phát hiện và giải quyết mâu thuẫn của chính sự vật - giải pháp có hiệu quả nhất để rèn luyện tư duy biện chứng**

Để phát hiện và giải quyết được mâu thuẫn, cần có quan niệm đúng về nó. Trong tác phẩm: *Các vấn đề phép biện chứng của chủ nghĩa xã hội chín muồi*, các giáo sư Đuden và Kadrolóski đưa ra quan niệm khá đầy đủ về mâu thuẫn biện chứng:

“Mâu thuẫn biện chứng là mối quan hệ căn bản - khách quan của sự thống nhất và đấu tranh, đòi hỏi có nhau, loại trừ lẫn nhau và thâm nhập lẫn nhau của các mặt đối lập biện chứng (những mặt này không có giá trị như nhau) trong các sự vật, các quá trình, các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Mâu thuẫn biện chứng được nhận thức không phải bằng tư duy thông thường mà bằng tư duy khoa học (không phải bằng logic hình thức mà bằng logic biện chứng), trong cùng một mối quan hệ chứ không phải trong những mối quan hệ khác nhau, trong tính động của sự xuất hiện và triển khai và được giải quyết, được khắc phục (mà không phải bằng

tiêu diệt hay điều hoà). Mâu thuẫn biện chứng là nguồn gốc, động lực của sự phát triển. Việc giải quyết nó có nghĩa là dứt đoạn của tính liên tục, là sự nhảy vọt trong quá trình phát triển, là sự chuyển hoá thành trạng thái mới về chất với nội dung mới”<sup>1</sup>.

Tuy không đáp ứng được tính ngắn gọn của một định nghĩa, nhưng trong rất nhiều định nghĩa khác nhau về mâu thuẫn biện chứng, quan niệm trên đã nói lên được bản chất, kết cấu của mâu thuẫn biện chứng, phương thức và quá trình nhận thức nó - tức là đã đề cập được quan niệm duy vật biện chứng về mâu thuẫn. Đoạn vừa nêu cho ta biết cả kết cấu, bản chất, chức năng, các giai đoạn phát triển và giải quyết mâu thuẫn biện chứng.

Không phải mọi đối lập trong hiện thực đều là đối lập biện chứng. Những mặt đối lập tạo thành mâu thuẫn biện chứng phải là những mặt mà sự tác động qua lại giữa chúng tạo thành nguồn gốc của sự vận động và phát triển.

Với tư cách là phạm trù triết học, sự thống nhất của các mặt đối lập mang một nội dung quan trọng, đặc biệt là *tính không thể tách rời, là sự đòi hỏi có nhau, làm điều kiện tiền đề tồn tại cho nhau*. Diễn đạt tư tưởng đó, Mác cho rằng, giai cấp vô sản và sự giàu có là những mặt đối lập; hai mặt đó cấu thành một chỉnh thể thống nhất nào đó...; chế độ tư hữu với tư cách là chế độ tư hữu... bắt buộc phải duy trì sự tồn tại của bản thân nó và do đó, duy trì cả sự tồn tại của cái đối lập với nó, giai cấp vô sản...

Ngoài ra, sự thống nhất của các mặt đối lập còn bao hàm trong đó nội dung về sự phù hợp, sự giống nhau, sự thống nhất - thậm chí có sự đồng nhất với nhau về bản chất - khi xét về một vài phương diện nào đó. Đề cập vấn đề này, Mác viết: “Cực Bắc và cực Nam là những cực như nhau, bản chất của chúng là đồng nhất”<sup>2</sup>.

“Đồng nhất” biểu hiện rõ nhất khi có sự chuyển hoá lẫn nhau của các mặt đối lập. Đó là điểm nút trong sự phát triển của cuộc đấu tranh giữa các mặt đối lập và được đánh dấu bằng việc giải quyết mâu thuẫn.

---

1. Xem X.P.Duden - V.E.Kadlópki: *Các vấn đề phép biện chứng của chủ nghĩa xã hội chín mươi*, Nxb Tư tưởng, Mátxcova, tr.38 (tiếng Nga).

2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.1, tr.321 (tiếng Nga).

Khi chú ý tới tầm quan trọng của trạng thái đó, Lênin xem phép biện chứng như là học thuyết về sự đồng nhất của các mặt đối lập.

“Đấu tranh giữa các mặt đối lập” cũng là một phạm trù có nội dung phức tạp. Có đấu tranh kích thích lẫn nhau cùng phát triển, có đấu tranh dẫn tới sự thủ tiêu của một mặt và mặt kia cũng thay đổi... Đấu tranh giữa các mặt đối lập cũng diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Tính đa dạng của hình thức đấu tranh phụ thuộc vào bản chất của mâu thuẫn, trạng thái của mâu thuẫn và điều kiện trong đó diễn ra cuộc đấu tranh của các mặt đối lập. Do vậy, bất kỳ sự tuyệt đối hoá nào một trong những hình thức đấu tranh, dù là tiêu biểu nhất, trong một lĩnh vực nào đó thành hình thức mang tính phổ biến đều bóp chết nội dung biện chứng của phạm trù “đấu tranh giữa các mặt đối lập”.

Nội dung quan trọng nhất của học thuyết về mâu thuẫn biện chứng là vai trò của nó đối với sự vận động và phát triển. Nhưng ngày nay trong vấn đề cơ bản này, cũng có những ý kiến rất khác nhau. Một số người cho rằng, không phải trong mọi giai đoạn tồn tại của mình, mâu thuẫn đều là nguồn gốc của sự vận động và phát triển. Theo các tác giả đó, mâu thuẫn ở giai đoạn đầu là nguồn gốc phát triển, ở giai đoạn sau (tức là khi đã gay gắt) thì biến thành cái kìm hãm. Ở giai đoạn này, mâu thuẫn đòi hỏi phải được giải quyết ngay.

Số người khác lại cho rằng, trong hai mặt đối lập tạo thành mâu thuẫn biện chứng, chỉ có một mặt đóng vai trò thúc đẩy sự vật phát triển, còn mặt kia kìm hãm nó. Thí dụ, trong mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, giai cấp vô sản thì thúc đẩy, giai cấp tư sản thì kìm hãm việc giải quyết mâu thuẫn.

Một số tác giả khác lại cho rằng, không phải mâu thuẫn nói chung, mà chỉ có sự đấu tranh giữa các mặt đối lập mới là nguồn gốc của sự vận động và phát triển...

Theo chúng tôi, quan điểm xem *mâu thuẫn nói chung là nguồn gốc của sự vận động và phát triển* là hợp lý hơn cả, vì:

+ Sự vận động và phát triển bao giờ cũng là sự thống nhất giữa tính liên tục (do sự thống nhất giữa các mặt đối lập tạo ra) và tính gián đoạn (do đấu tranh giữa các mặt đối lập tạo thành).

+ Theo quan điểm duy vật biện chứng, “nguyên nhân chính và cuối cùng của mọi sự vật là sự tác động qua lại” (Ăngghen). Tác động qua lại



giữa các mặt đối lập chính là đấu tranh giữa các mặt đối lập đó. Tất nhiên, nguyên nhân của sự vận động và phát triển trong khuôn khổ một sự vật và nguyên nhân của sự chuyển hoá từ sự vật này sang sự vật khác có hình thức, nội dung cụ thể không hoàn toàn như nhau. Trong giai đoạn thứ nhất, đó là do sự triển khai của các loại mâu thuẫn trong lòng sự vật đang vận động và phát triển. Trong giai đoạn thứ hai, sự chuyển hoá của sự vật thành cái khác là do mâu thuẫn được giải quyết hoàn toàn. Từ những điều trình bày trên đây, có thể nêu ra một số đặc trưng phổ biến của mâu thuẫn biện chứng như sau:

Mâu thuẫn biện chứng tồn tại khách quan trong các sự vật, hiện tượng (cả trong tự nhiên, xã hội, lẫn tư duy).

- Mâu thuẫn biện chứng mang tính phổ biến. Điều đó không chỉ được hiểu là trong mọi sự vật đều có mâu thuẫn, mà cần phải được hiểu là trong mọi giai đoạn phát triển của sự vật đều có mâu thuẫn, thậm chí, có nhiều mâu thuẫn.

- Mâu thuẫn biện chứng là sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập biện chứng. Sự thống nhất của các mặt đối lập là tương đối, đấu tranh là tuyệt đối.

- Mâu thuẫn biện chứng tạo thành nguồn gốc của sự vận động và phát triển của tự nhiên, của xã hội và của tư duy.

- Mâu thuẫn biện chứng cũng là một thực thể vận động và phát triển. Trong các giai đoạn khác nhau, chúng có thể có hình thức đấu tranh khác nhau, có vai trò khác nhau đối với sự vận động và phát triển.

Cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng và thông qua cái riêng. Những đặc điểm trên đây chắc chắn sẽ có sự biểu hiện cụ thể không hoàn toàn như nhau trong mâu thuẫn của giới tự nhiên, của xã hội và của tư duy. Do vậy, việc nghiên cứu *đặc điểm mâu thuẫn biện chứng trong đời sống xã hội* trở thành vấn đề cần thiết.

Mác, Ăngghen, Lênin đã nghiên cứu mâu thuẫn trong sự phát triển xã hội, trực tiếp là mâu thuẫn trong chủ nghĩa tư bản, nhưng các ông chưa xây dựng học thuyết riêng tương đối hoàn chỉnh về mâu thuẫn xã hội. Chỉ trong vòng 20-30 năm lại đây, do nhu cầu thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, do nhu cầu của cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản nhằm mang lại thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, các nhà triết học mác xít mới thấy sự cần thiết phải xây dựng học thuyết

riêng về phép biện chứng của sự phát triển xã hội (mà thường nói gọn là phép biện chứng xã hội), trong đó có vấn đề mâu thuẫn xã hội.

Việc hình thành học thuyết tương đối hoàn chỉnh về phép biện chứng xã hội nói chung và mâu thuẫn xã hội nói riêng gặp rất nhiều khó khăn, vì trong xã hội thì lợi ích căn bản của các cộng đồng người được phản ánh một cách trực tiếp. Các lực lượng tiến bộ luôn luôn vạch trần bản chất của mâu thuẫn, ngược lại, các lực lượng lạc hậu mưu toan xoá nhòa mâu thuẫn hoặc xuyên tạc nhằm gây khó khăn cho việc khắc phục mâu thuẫn.

Bản thân sự nhận thức mâu thuẫn xã hội cũng không đơn giản. Ở đây, ta thường thấy những thiếu sót ngay trong lĩnh vực nhận thức luận: không ít người đồng nhất mâu thuẫn với những khó khăn, những cản trở; lại có người cho rằng trong xã hội xã hội chủ nghĩa không có mâu thuẫn. Mặt khác, do hoàn cảnh đòi hỏi mà trong quá trình hoạt động cách mạng, nhiều khi phải nhấn mạnh vấn đề thống nhất, ít nói (hoặc không nói) đến mâu thuẫn...

Cho đến nay, ngay trên một khía cạnh quan trọng nhất của lý luận, mâu thuẫn xã hội cũng còn có ý kiến khác nhau. Khác với biện chứng tự nhiên, biện chứng của các quá trình phát triển xã hội (biện chứng xã hội) là biện chứng của chính hoạt động con người, được thực hiện thông qua các hoạt động của con người. Chính vì vậy, những mâu thuẫn của đời sống xã hội chỉ có thể được hiểu đúng, khi xem chúng như là điều kiện và kết quả hoạt động của con người; phải nghiên cứu chúng gắn liền với tình hình xã hội và lợi ích xã hội của con người, của các giai cấp (trong xã hội có giai cấp). Xuất phát từ tiền đề phương pháp luận đó, có người cho rằng: mâu thuẫn xã hội - đó là tiền đề và kết quả hoạt động của chủ thể xã hội. Định nghĩa đó về cơ bản là đúng, nhưng quá chung. Hơn nữa, quan niệm đó cũng có thể vận dụng để hiểu quy luật xã hội và một loạt phạm trù khác của biện chứng xã hội. Xuất phát từ mối quan hệ giữa cái phổ biến và cái đặc thù, định nghĩa mâu thuẫn xã hội cũng cần dựa trên định nghĩa mâu thuẫn biện chứng chung với một số dấu hiệu bổ sung để nói lên nó là mâu thuẫn xã hội. Một kiểu định nghĩa như thế mới đáp ứng được đòi hỏi của phương pháp định nghĩa mà lôgic hình thức nêu ra: chúng bằng loài cộng với những khác nhau về chúng.

Trong quan niệm về mâu thuẫn biện chứng, mâu thuẫn biện chứng được coi là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, tạo thành

nguồn gốc của mọi sự vận động và phát triển. Từ đó có thể định nghĩa như sau về mâu thuẫn xã hội: mâu thuẫn xã hội là sự thống nhất và đấu tranh giữa những con người (tồn tại dưới nhiều cấp độ khác nhau), giữa những khuynh hướng, các lực lượng và các thực thể - thiết chế xã hội tương ứng có lợi ích đối lập nhau tạo thành nguồn gốc phát triển của xã hội.

Định nghĩa đó nêu lên được:

- Nhân tố thực thể cơ bản tạo thành mâu thuẫn xã hội là con người. Nhân tố người này có thể tồn tại dưới nhiều cấp độ: con người - cá nhân, con người - nhóm nhỏ; con người - tập đoàn; con người - giai cấp; con người - xã hội... Ngoài ra, mâu thuẫn xã hội còn được tạo thành từ hai khuynh hướng đối lập hình thành do sự vận động của các yếu tố thực thể - vật chất của xã hội.

- Hai quan hệ quan trọng nhất của mâu thuẫn xã hội là sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập.

- Cái làm nảy sinh mâu thuẫn xã hội là sự đối lập về lợi ích. Ở đây, lợi ích là một phạm trù khái quát, bao hàm lợi ích vật chất và lợi ích tư tưởng - tinh thần, lợi ích cá nhân, lợi ích giai cấp, lợi ích xã hội...

- Vai trò của mâu thuẫn xã hội: nguồn gốc phát triển xã hội.

Mâu thuẫn xã hội là mâu thuẫn biện chứng diễn ra trong sự vận động và phát triển của xã hội, do đó còn phải kể thêm một số điểm:

+ Mâu thuẫn xã hội thực chất là mâu thuẫn giữa các lợi ích. Chính những lợi ích đối lập nhau quy định sự nảy sinh và tồn tại của mâu thuẫn xã hội.

Do vậy, việc phân tích mâu thuẫn xã hội đòi hỏi phải phát hiện ra những lực lượng xã hội nào đứng đằng sau (hay nằm ngay trong) mâu thuẫn của xã hội đó, và quan hệ lợi ích nào qui định tính chất, nội dung của mâu thuẫn.

+ Mâu thuẫn xã hội là mâu thuẫn giữa các lợi ích, cho nên đấu tranh giải quyết các mâu thuẫn xã hội thực chất là đấu tranh giữa những con người đang theo đuổi những lợi ích đối lập nhau.

+ Do gắn liền với những quan hệ lợi ích, cho nên trong giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử, khi xã hội phân chia ra thành những giai cấp đối kháng, thì trong hệ thống mâu thuẫn xã hội thường có hai loại mâu thuẫn có bản chất đối lập nhau: đối kháng và không đối kháng.

+ Mâu thuẫn biện chứng xã hội tồn tại một cách khách quan, nhưng nó, *một mặt*, là cơ sở hoạt động có ý thức của con người; *mặt khác*,

lại là kết quả hoạt động của chính con người. Về điều này, có thể thấy rõ qua việc Mác nói về sự xuất hiện mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất - mâu thuẫn cơ bản của toàn bộ quá trình phát triển của lịch sử loài người: sự xung đột giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong phương thức sản xuất được tạo ra bởi hoạt động của con người, dù rằng trong thực tế nó tồn tại không phụ thuộc vào ý chí của con người. Nhưng, cần lưu ý rằng, mâu thuẫn xã hội là kết quả khách quan của chính hoạt động của con người mà không phải là sự tạo lập tùy tiện chủ quan.

Các mâu thuẫn xã hội được giải quyết nhờ hoạt động của con người. Việc xác định phương pháp giải quyết đúng đắn là tiền đề khắc phục có hiệu quả các mâu thuẫn xã hội.

Phương pháp giải quyết mâu thuẫn được xem là đúng, nếu phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và thực tế khách quan. Những nội dung sau đây của mâu thuẫn quy định nội dung của phương pháp giải quyết nó:

- Bản chất khách quan của mâu thuẫn.

- Trạng thái chín muồi của mâu thuẫn (bao hàm trạng thái phát triển của các mặt đối lập tạo thành mâu thuẫn cũng như trạng thái tác động qua lại giữa các mặt đó).

Điều kiện khách quan (bao hàm cả trong nước và quốc tế) và nhân tố chủ quan trong đó diễn ra việc giải quyết mâu thuẫn.

- Thời điểm giải quyết mâu thuẫn.

- Phương pháp giải quyết mâu thuẫn còn tùy thuộc vào phạm vi tác động của các mâu thuẫn.

Không chú ý tới những chế định khách quan trên đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới sai lầm chủ quan duy ý chí "tả" khuynh cũng như hữu khuynh của phương pháp giải quyết mâu thuẫn, và tất nhiên, khi đó sẽ không thể giải quyết mâu thuẫn có kết quả.

Trong quá trình giải quyết mâu thuẫn xã hội, đối với một số mâu thuẫn hay ở giai đoạn nhất định của việc giải quyết mâu thuẫn (khi xem quá trình ra đời, vận động của mâu thuẫn cũng chính là quá trình giải quyết nó), cần và có thể phải sử dụng sự "kết hợp các mặt đối lập".

Lênin là người đầu tiên vận dụng tư tưởng ấy vào thực tiễn. Ông viết: "dù sao chúng ta đã học được ít nhiều chủ nghĩa Mác, đã học được rằng làm thế nào và khi nào có thể cần phải thống nhất các mặt đối lập, và

điều chủ yếu là trong thời gian ba năm rưỡi của cuộc cách mạng của chúng ta, trong thực tiễn chúng ta đã nhiều lần *thống nhất các mặt đối lập*"<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, không thể áp dụng sự kết hợp các mặt đối lập này một cách máy móc, Lênin cho rằng: "Có thể kết hợp các khái niệm đối lập... lại với nhau thành một điệu nhạc chối tai, mà cũng có thể kết hợp chúng lại thành một điệu nhạc êm tai"<sup>2</sup>.

Trong điều kiện những năm đầu của thời kỳ quá độ ở nước Nga Xôviết, Lênin đã xem xét "sự kết hợp các mặt đối lập một cách có nguyên tắc" trên ba phương diện sau đây:

- Tìm những bạn đồng minh tạm thời để đấu tranh chống kẻ thù chung.

- Kết hợp những nhân tố của chất cũ (tư bản chủ nghĩa) và những nhân tố của chất mới (xã hội chủ nghĩa) trong thời kỳ quá độ vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Đối với một số mâu thuẫn *phát sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Lênin đề cập sự kết hợp giữa chính sách dần đều và chính sách có trọng điểm; giữa nhiệt tình cộng sản và hạch toán kinh tế, giữa thuyết phục và cưỡng bức; giữa quy luật chiến tranh và quy luật xây dựng hoà bình...

Trong quá trình giải quyết mâu thuẫn, mặt đối lập (hoặc những yếu tố nào đó của mặt đối lập đó) chỉ mất đi, khi tiềm năng phát triển của nó đã cạn kiệt; ở hầu hết mọi trường hợp, nó sẽ "tự tiêu vong" dưới tác động của cả nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan phù hợp với quy luật, mà không phải là sự "xoá bỏ" một cách duy ý chí.

Việc nắm được một số nội dung cơ bản nêu trên về mâu thuẫn biện chứng nói chung, mâu thuẫn xã hội nói riêng giúp cho cán bộ lãnh đạo và quản lý có quan điểm biện chứng về mâu thuẫn, nó góp phần khắc phục những quan niệm giản đơn, siêu hình về vấn đề này. Song, dừng lại ở đó là chưa đủ. Từ những luận điểm mang tính bản thể luận nêu trên về mâu thuẫn, để nhận được nó, chúng ta cần dịch chuyển các luận điểm đó sang giác độ nhận thức luận. Liên quan tới vấn đề này, Lênin đã đưa ra một khái quát sau đây: "Sự phân đôi của cái thống nhất và sự

---

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t.42, tr.259.

2. *Sđd*, tr.260.

nhận thức các bộ phận mâu thuẫn của nó (...), đó là thực chất (...) của phép biện chứng”<sup>1</sup>. Trước đó, khi nêu lên tư tưởng của Hêghen về quá trình phát triển của mâu thuẫn, Lênin đã đưa ra sơ đồ như sau:

Đồng nhất - khác nhau - mâu thuẫn  
(đặc biệt là sự đối lập) (căn cứ)

Nếu chúng ta lưu ý rằng, quan niệm đó của Hêghen được đưa ra trong phần “Lôgíc học” thì, trên quan điểm duy vật biện chứng, cần hiểu rằng đó chính là tiến trình nhận thức của con người về mâu thuẫn. Nói cách khác, để nhận thức được mâu thuẫn của sự vật, trước hết chúng ta xem xét nó như một cái toàn vẹn, đồng nhất. Phân tích sâu hơn chúng ta thấy sự vật đó được tạo thành từ nhiều yếu tố bộ phận khác nhau, nó có nhiều đặc trưng, thuộc tính khác nhau. Phân tích các bộ phận, các đặc trưng hay các thuộc tính đó, con người phát hiện ra trong số đó những bộ phận, thuộc tính đối lập nhau. Nghiên cứu sự liên hệ, tác động lẫn nhau của những đối lập đó, con người biết được bản chất của sự vật, cái quy định sự vận động và phát triển của nó.

---

1. *Sđd*, t.29, tr.378.

## GÓP PHẦN TÌM HIỂU PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH

*TS Trần Sĩ Phán*

Về bản chất, tư duy hoạt động mang tính biện chứng, độc lập sáng tạo, lôgic, nhất quán, uyển chuyển, giàu trí tưởng tượng nhưng lại thiết thực, cụ thể... Phong cách tư duy ấy được xây dựng trên cơ sở phong cách tư duy phương Đông kết hợp với tư duy biện chứng duy vật mác xít và tinh hoa văn hoá châu Âu dựa trên cơ sở những tố chất di truyền - sinh học đặc biệt ở Hồ Chí Minh.

Một trong những đặc điểm của tư duy phương Đông là sự hợp nhất, hoà đồng giữa con người với tự nhiên, với vũ trụ bao la. Âm - Dương giao cảm với nhau tạo nên vạn vật, biểu tượng tối cao của hai khí Âm - Dương là Đất - Trời. Đất - Trời giao cảm là cội nguồn của mọi hiện tượng tự nhiên và xã hội.

Người Trung Hoa cổ đại còn cho rằng: Đất, Trời, Người là ba kho báu của vũ trụ. Nằm giữa Trời - Đất là con người. Do đó người ta coi “con người” là con của Trời và Đất, là lực lượng trung gian nối Trời Đất lại với nhau.

Quan niệm thiên-nhân hợp nhất, hoà đồng ấy được biểu hiện trong tâm tưởng Hồ Chí Minh bằng sự gắn cuộc sống của mình với cỏ, cây, sông, núi, con người tự nhiên hoà đồng với con người xã hội rồi cùng hoà nhập vào vũ trụ bao la. Có thể nói: mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông... đã chiếm một phần rất quan trọng trong tâm tưởng của Người từ thuở thiếu thời cho đến lúc đi xa. Tư duy, niềm tin, tình cảm, tâm hồn của Người luôn luôn gắn với tự nhiên, với vũ trụ bao la.

Sức mạnh của phương Tây là tư duy *duy lý*, là hệ thống khái niệm, phạm trù...; ngược lại người phương Đông lại thiên về tư duy kinh nghiệm, nặng về tình cảm, coi trọng tình nghĩa, xem tình nặng hơn lý. Sự kết hợp một cách nhuần nhuyễn, tài tình, rất tự nhiên giữa sức mạnh tư duy phương Đông với phong cách tư duy, văn hoá phương Tây là một

trong những cơ sở quan trọng để cất nghĩa về sự thống nhất giữa tình cảm cách mạng trong sáng với lý trí khoa học trong tư duy của Người.

Có thể nói, Hồ Chí Minh là một trong những lãnh tụ chính trị đi nhiều (khoảng 25 nước), đọc nhiều, am hiểu sâu sắc lịch sử tư tưởng và thể chế chính trị của nhiều nước, nhiều dân tộc trên nhiều châu lục với nhiều màu da khác nhau.

Thực tiễn sinh động ấy đã mài sắc tư duy của Người, đồng thời tăng thêm tình cảm đối với nhân dân lao động, bị áp bức trên toàn thế giới. Theo Người: “Lịch sử việc người dân châu Âu xâm chiếm châu Phi cũng như bất cứ lịch sử xâm lược thuộc địa nào thì từ đầu đến cuối được viết bằng máu của những người bản xứ”<sup>1</sup>.

Tiếp thu tính linh hoạt, uyển chuyển, mềm dẻo của tư duy phương Đông, trong cuộc sống thường nhật, cũng như trước vận mệnh của dân tộc, Hồ Chí Minh luôn luôn bình tĩnh, sáng suốt và linh hoạt để giải quyết các “tình huống có vấn đề”, Luận điểm nổi tiếng mà Người đã nói với cụ Huỳnh Thúc Kháng, rằng: “Đĩ bất biến, ứng vạn biến” được coi là một nguyên tắc xử sự của Người.

Sinh ra ở một vùng quê “Nắng hạn, mưa rào”, Nguyễn Sinh Cung đã biết cảm thông sâu sắc với nỗi vất vả nhọc nhằn của người dân xứ Nghệ - Lam Hồng. Lớn lên, cậu lại được những người thầy danh tiếng có tầm quốc gia cả về bản lĩnh học thuật vững vàng lẫn đời sống đạo đức trong sáng dạy dỗ. Tất cả đã góp phần không nhỏ tạo nên một Hồ Chí Minh, từ suy nghĩ đến hành động một dáng dấp giản dị, cần kiệm của người lao động, nhưng lại có cái phong thái ung dung, nho nhã, thanh cao của “một nhà hiền triết phương Đông”.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu, chịu ảnh hưởng của Nho giáo theo một cách riêng, một sự tiếp thu có chọn lọc, đúc ra đây là *một sự tiếp biến sáng tạo*. Đúng như đồng chí Trường Chinh nói trong dịp kỷ niệm ngày sinh lần thứ 70 của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Người đã phát huy truyền thống đạo đức phương Đông là Trí, Nhân, Dũng thêm một cơ sở hoàn toàn mới”.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, sự tiếp thu Nho giáo ở Hồ Chí Minh giống như Mác tiếp thu phép biện chứng của Hêghen, dường như ở đây có một phần chân lý.

---

1. Xem Đỗ Long: *Hồ Chí Minh: những vấn đề tâm lý học*. Viện tâm lý học, Hà Nội, 1995, tr.251.



Có rất nhiều khái niệm của Nho giáo đã được Người sử dụng (như: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, dũng, liêm...) nhưng nhìn chung các khái niệm này đã được “Việt hoá”, “hiện đại”...

Hồ Chí Minh đã vận dụng câu nói của Quán Trọng trong sách Quán Tử để phát biểu tại lớp học chính trị của các giáo viên cấp II và cấp III toàn miền Bắc (ngày 13 tháng 9 năm 1958) rằng:

“Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”<sup>1</sup>.

Chính Hồ Chí Minh cũng thừa nhận rằng, “tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học”<sup>2</sup>. Người nói: “Khẩu hiệu *Học không biết chán, dạy không biết mỏi*” treo trong phòng học chính là của Khổng Tử...<sup>3</sup>. Có thể nói, trong tư tưởng Khổng Tử, tư tưởng đạo đức là cái có ảnh hưởng lớn nhất, trực tiếp nhất đến tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng đạo đức của Người nói riêng. Hồ Chí Minh coi đạo đức cách mạng là cái gốc của người cách mạng, cho nên chúng ta phải vun xới, chăm sóc, bảo vệ và phát triển nó. Người nói: cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn, cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân.

Hồ Chí Minh cũng còn chịu ảnh hưởng trực tiếp phong cách tư duy phương Tây (đề cao các giá trị tư tưởng và năng lực trí tuệ, nặng về tư duy - duy lý...). Người đi nhiều nước, biết nhiều thứ tiếng, đọc nhiều sách, làm nhiều nghề, tiếp xúc với nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, nhất là nhân dân lao động và giới trí thức. Thực tiễn phong phú và sinh động đó đã góp phần không nhỏ trong việc hình thành phong cách tư duy sáng tạo vừa duy lý vừa duy nghiệm ở Hồ Chí Minh. Trong các nhân tố ảnh hưởng đến phong cách tư duy Hồ Chí Minh, phương pháp biện chứng duy vật mác xít là trực tiếp và sâu sắc nhất.

Tiếp thu và nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa Mác-Lênin, chọn con đường như Lenin đã vạch, Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng một cách sáng tạo học thuyết ấy vào hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.9, tr.222.

2,3. *Sđd*, t.6, tr.46.

Tuy không để lại cho chúng ta một “tác phẩm triết học” hoàn chỉnh nào, nhưng qua những tác phẩm của Người, chúng ta thấy tư duy biện chứng và quan niệm duy vật được thể hiện một cách hết sức rõ nét. Đây là kết quả, là sản phẩm của một quá trình tìm tòi, học tập, nghiên cứu, tiếp biến một cách sáng tạo tinh hoa văn hoá nhân loại. Có thể nói, trong hầu hết các tác phẩm mà Hồ Chí Minh đã để lại, tư duy biện chứng luôn chiếm phần nổi trội. Chẳng hạn, từ mối quan hệ giữa cái chung với cái riêng, Người đã vận dụng để giải quyết quan hệ giữa cái bộ phận và cái toàn thể “cá nhân càng không thể đứng riêng lẻ mà càng phải hoà mình trong tập thể, trong xã hội”<sup>1</sup>; hoặc “Lợi ích chung của nước nhà và lợi ích riêng của người dân là nhất trí; quyền lợi của công dân và nghĩa vụ của công dân là nhất trí”<sup>2</sup>. Về quan điểm toàn diện, Người dạy chúng ta rằng, khi xem xét, đánh giá con người, cán bộ phải có quan điểm lịch sử cụ thể và toàn diện. Trong *Sửa đổi lối làm việc*, Người viết: “Xem xét cán bộ, không chỉ xem ngoài mặt mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ”<sup>3</sup>.

Phát triển là một nguyên lý của phép biện chứng, nguyên lý này được Hồ Chí Minh vận dụng một cách khá thành công trong cuộc sống thông qua những lời nói mộc mạc, đơn sơ, nhưng thể hiện tư duy biện chứng sâu sắc. Tại lớp nghiên cứu chính trị khoá I, trường Đại học nhân dân Việt Nam (21-7-1956) Người nói: “Thời gian các bạn đến nghiên cứu ở trường này tương đối ngắn ngủi... Những điều các bạn nghiên cứu được ở đây có thể ví như một hạt nhân bé nhỏ. Sau này, cái bạn sẽ tiếp tục sản sóc, vun xới, làm cho hạt nhân ấy mọc thành cây và dần dần nở hoa, kết quả”<sup>4</sup>; hoặc trong *Thư gửi các bạn thanh niên (17-8-1947)*, Người viết: “việc gì cũng phải từ nhỏ dần dần đến to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao...”<sup>5</sup> cứ như thế mà phát triển mãi không ngừng. Về mặt đối lập, Người viết: “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta

---

1. *Sđd*, t.9, tr.282.

2. *Sđd*, t.7, tr.453.

3. *Sđd*, t.5, tr.278.

4. *Sđd*, t.9, tr.215.

5. *Sđd*, t.5, tr.186.

phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng”<sup>1</sup>.

Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng sâu sắc phép duy vật mác xít, đã vận dụng thành công phép biện chứng đó và hơn thế nữa, Người còn dạy cho chúng ta cách tiếp thu chủ nghĩa Mác một cách khoa học. Người nói: “Học tập chủ nghĩa Mác-Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn”<sup>2</sup>.

Ngoài những yếu tố trên, đặc điểm tâm lý dân tộc, phong cách tư duy con người Việt Nam... cũng ảnh hưởng rất lớn đến phong cách tư duy Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã nghiên cứu và hiểu sâu sắc văn hoá Việt Nam, truyền thống dân tộc Việt Nam và chịu ảnh hưởng của phong cách tư duy sáng tạo trong tư duy người Việt Nam. Người kể lại rằng: “Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi: ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp, người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy cần phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”<sup>3</sup>.

Hồ Chí Minh không chỉ sáng tạo trong việc tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội - nghĩa là trong lĩnh vực hoạt động cách mạng, tư duy sáng tạo của Người còn được thể hiện trong thi, ca, nhạc, hoạ. *Nhật ký trong tù*, một tác phẩm văn học xuất sắc, một sự tiếp biến Đường thi đầy sáng tạo. Ngoài ra, Người còn vận dụng một cách tài tình ca dao, dân ca vào công tác tuyên truyền cách mạng. Người vận dụng khá nhuần nhuyễn, thành công *Truyện Kiều* trong các cuộc gặp gỡ đồng bào và cả khách quốc tế đã làm cho không khí các buổi gặp đó trở nên vui tươi, thân thiết. Những câu phỏng Kiều của Người đều chứa đựng một nội dung tư tưởng, tình cảm sâu sắc với một kết cấu mới mẻ nhưng vẫn đậm đà ý vị dân tộc, mang bản sắc Việt Nam rõ nét. Chẳng hạn, trong *Di chúc*, Người viết:

---

1. *Sđd*, t.12, tr.558.

2. *Sđd*, t.9, tr.292.

3. *Ba lần nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Báo Nhân Dân, ngày 18-5-1963.

Còn non, còn nước, còn người  
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay  
Làm cho chúng ta liên tưởng đến câu Kiều:  
Còn non, còn nước, còn dài  
Còn về, còn nhớ đến ngày hôm nay.

Tư duy người Việt Nam không chỉ sáng tạo mà còn mang tính triết lý bình dân, cụ thể, thiết thực. Triết lý về cái bình dị để nuôi lớn nhân cách con người. Chính Hồ Chí Minh đã tiếp thu được cái “minh triết” ấy. Đọc các tác phẩm của Người, chúng ta thấy Người không bận tâm nhiều đến các lý thuyết, luận điểm phức tạp, Người thường diễn đạt một cách đơn giản, hồn nhiên như mọi người dân quan niệm. Độc lập, tự do, cơm ăn, áo mặc, học hành... là những gì thiết thực nhất, cụ thể nhất đối với đời sống dung dị của con người. Với quan niệm như vậy, Hồ Chí Minh đã phê phán những cán bộ tuyên truyền sính chữ nghĩa, không thiết thực, thiếu hiểu biết đối tượng, họ đưa “thặng dư giá trị” nhồi sọ cho thanh niên và phụ nữ nông dân. Họ đã đưa “tân dân chủ nghĩa” nhồi sọ các em nhi đồng. Họ đã đưa “biện chứng pháp” nhồi sọ công nhân đang học quốc ngữ<sup>1</sup>.

Ngoài những đặc điểm nêu trên, tư duy người Việt Nam còn là tư duy hình ảnh, giàu trí tưởng tượng, mang màu sắc huyền thoại, luôn luôn lạc quan yêu đời.

Sự tích bánh chưng, bánh dày thể hiện quan niệm về vũ trụ của người Việt. Hình tượng vuông - tròn biểu tượng cho trời, đất, cha, mẹ, tổ tiên... Hình tượng Thánh Gióng, Sơn Tinh, Thủy Tinh mang màu sắc huyền thoại với trí tưởng tượng phong phú.

Khác với nhiều dân tộc khác, người Việt Nam ưa chuộng những giai điệu dịu dàng, êm ái, thích những âm thanh, âm sắc gần gũi với tự nhiên, cỏ cây, hoa lá. Ngôn ngữ Việt - cái vỏ vật chất tư duy - giàu tính nhạc bởi 6 thanh đã tạo nên những từ tổ gợi cảm. Chỉ người Việt mới cảm thụ hết cái hay, cái đẹp, cái nên thơ của nó.

Sinh ra và lớn lên trong lòng dân tộc, Hồ Chí Minh đã chịu ảnh hưởng sâu sắc phong cách tư duy hình tượng Việt Nam. Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1925), Hồ Chí Minh dùng hình tượng “con đũa hai vôi” để nói lên sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản đối với giai cấp vô

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.303.

sản ở chính quốc và giai cấp vô sản ở thuộc địa. Muốn tiêu diệt con đỉa chúng ta phải chặt đứt cả hai vòi. Người còn ví cách mạng vô sản ở các nước phương Tây với phong trào chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch giống như hai cánh của một con chim, con chim muốn bay phải giương cao đôi cánh.

Là nhà văn hoá lớn, Hồ Chí Minh thường hay sử dụng ca dao, hò, vè, để động viên mọi tầng lớp nhân dân ta tham gia chiến đấu, tích cực sản xuất, và thực tế những bài thơ của Người, nhất là những bài thơ xuân đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu được của nhân dân ta vào dịp đầu xuân năm mới. Súng và đàn, gươm và sách, nhà quân sự và nhà thơ, người anh hùng và người nghệ sĩ, những mặt ấy hoà quyện trong nhân cách Hồ Chí Minh, tạo nên bản sắc Hồ Chí Minh độc đáo.

Nghiên cứu sự hình thành và phát triển của tư duy, chúng ta thấy yếu tố sinh học và sự tiến hoá của nó đóng vai trò hết sức quan trọng, song cái quyết định tính cách sáng tạo của tư duy phải là các quan hệ xã hội.

Tất nhiên, cùng sống trong một môi trường lịch sử - xã hội như nhau, song, sự khác nhau về năng lực, năng khiếu cá nhân, về sự tham gia và hoạt động của các tế bào thần kinh ở não khác nhau mà tư duy ở mỗi chủ thể phát triển theo những hướng khác nhau, ở những trình độ khác nhau (có người phát triển mạnh hình thái tư duy khoa học, có người phát triển theo hướng tư duy nghệ thuật, người khác lại tư duy đạo đức...). Chắc chắn ở đây có sự khác nhau trong quá trình phối hợp các gen cũng như sự tác động của môi trường lên chúng. Chính đây là cơ sở tự nhiên từ đó hình thành nên mặt khí chất, mặt tính cách, mặt bản ngã.

Những năm gần đây, người ta đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sự di truyền (phương pháp lập phả hệ; phương pháp phân tích vật liệu di truyền; phương pháp lập bản đồ gen của người...) để theo dõi sự hình thành tính trạng (trong đó có sự hình thành trí tuệ) trong trạng thái bình thường và một số tính trạng ở trạng thái không bình thường, cho thấy yếu tố sinh học và sự tiến hoá của nó đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển tư duy, trí tuệ con người.

Nhiều người vẫn tự đặt câu hỏi: tại sao trong khi Nhật Bản vừa đánh bại Sa Hoàng, uy tín của Nhật Bản trên trường quốc tế đang lên cao, Phan Bội Châu cùng lớp lớp thanh niên Việt Nam hướng về Nhật Bản với hy vọng cùng người da vàng, Nhật Bản sẽ giúp Việt Nam đánh

thực dân Pháp... thì Nguyễn Tất Thành lại chọn cho mình một hướng đi khác, về phương Tây, sang “mẫu quốc” và một số nước khác xem họ làm như thế nào để về giúp đồng bào. Sau này, Người kể lại: vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên Người nghe những từ Pháp: “tự do, bình đẳng, bác ái”. Thế là Người muốn làm quen với nền văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy. Vì thế mà Người nảy ra ý muốn sang xem “mẫu quốc” ra sao và Người tới Paris<sup>1</sup>.

Có thể nói, với sự lựa chọn này chúng tỏ, vào giai đoạn đó tư duy của Nguyễn Tất Thành đã phát triển đến trình độ chín chắn, độc lập và sáng tạo, không hề bị bối cảnh xung quanh chi phối, thể hiện một bản sắc, một nhân cách riêng của vị lãnh tụ tương lai.

---

1. Xem Nguyễn Bá Linh: *Tư tưởng Hồ Chí Minh - một số nội dung cơ bản*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.37

## THỰC TRẠNG TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ NƯỚC TA HIỆN NAY

*TS Nguyễn Thế Kiệt*

Việc chống căn bệnh kinh nghiệm, giáo điều, chủ quan duy ý chí đang là yêu cầu cấp bách của công cuộc đổi mới nói chung, đổi mới tư duy lý luận nói riêng. Yêu cầu này, đã được chúng ta cảm thấy từ nhiều năm nay. Đổi mới tư duy cũng có nghĩa là cách mạng trong sự suy nghĩ. Những trở lực cho quá trình này là bảo thủ, trì trệ, giáo điều, lạc hậu... của chính bản thân con người. Nó có một sức ỳ ghê gớm, ăn sâu bám rễ nhiều năm nay và không chỉ nằm trong tư duy mà được vật chất hoá và cố định trong thể chế, lề lối, phong cách, thói quen gần như đến mức người ta tưởng như không thể tư duy, quan niệm và làm khác được. Mặt khác, tư duy không có mục đích tự thân, mà hướng vào thực tiễn để hiện thực hoá mình. Tư duy hoạt động theo hướng chuyển thành hành động, tìm biện pháp để làm cho sự sáng tạo ý thức thành sự sáng tạo trong thực tiễn. Mà thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam lại vô cùng phong phú, đa dạng và sinh động, nhiều vấn đề mới đang nảy sinh, và *Không phải mọi vấn đề về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã hoàn toàn sáng tỏ*. Trên thế giới, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ chưa từng thấy, đem lại cho loài người những thành tựu vô cùng to lớn. Những thành tựu này vừa là kết quả của hoạt động tư duy, vừa tác động trở lại đến tư duy con người. Như vậy, sự lạc hậu, sự bất cập tư duy của cán bộ ta so với thực tiễn đã và đang kìm hãm thực tiễn phát triển. Đây là tình huống có vấn đề mà trong quá trình đi lên chúng ta phải từng bước khắc phục.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý bao gồm cán bộ chủ chốt (cấp trưởng, cấp phó) ở các cơ quan Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, đoàn thể, ban ngành, tổ chức chính trị quần chúng từ cấp phường, xã trở lên, các cơ quan, trường học, cơ quan nghiên cứu, bệnh viện và các doanh

nghiệp nhà nước lớn. Đây là đội ngũ có cấu trúc đa dạng, bao gồm những cán bộ khác nhau về cương vị, trách nhiệm, quyền hạn, phẩm chất, học vấn, khả năng, sở trường, chuyên môn..., nhưng ở họ có đặc điểm chung: là người lao động lãnh đạo, quản lý. Nhấn mạnh vai trò của cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi cán bộ là “gốc” của mọi công việc, công việc thành công hay thất bại đều do năng lực cán bộ cao hay thấp mà ra. Trải qua những hoạt động thực tiễn sôi động trong công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tiếp tục có bước phát triển và trưởng thành trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời cũng có những vấn đề mới nảy sinh rất đáng quan tâm. Về lĩnh vực tư duy lý luận, cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta đã có sự năng động, sáng tạo hơn, thích ứng dần với cơ chế mới, trình độ kiến thức và năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội ngày càng được nâng cao. Điều đó được thể hiện rõ ở các mặt sau:

- Đa số cán bộ trưởng thành trong kháng chiến, trong hoạt động sản xuất và quản lý lãnh đạo, có những thành công nhất định. Vì thế họ có thể mạnh về tư duy kinh nghiệm phong phú. Họ từng bước được trí thức hoá, trình độ, kiến thức và năng lực quản lý kinh tế - xã hội ngày càng được nâng cao, xứng đáng đi đầu trong công cuộc đổi mới.

- Một số có sự nhạy cảm về chính trị bước đầu làm quen với cơ chế mới, mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, nghĩ đúng, làm đúng, tư duy ngày càng năng động, nhạy bén hơn (nhất là tư duy kinh tế).

- Khả năng cụ thể hoá, tổ chức thực hiện đường lối của Đảng và Nhà nước ở cán bộ ta đã được nâng lên rõ rệt. Điều đó thể hiện ở tính sáng tạo, tính chủ động, mạnh dạn suy nghĩ phát hiện những vướng mắc, những vấn đề trong cuộc sống hàng ngày trong hoạt động thực tiễn được phát huy; tính ỷ lại, thụ động một chiều trước kia được ngăn chặn, khắc phục một bước. Đồng chí Đỗ Mười đã từng nhấn mạnh, *đội ngũ cán bộ trước hết là cán bộ lãnh đạo quản lý đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tự chủ, tự lực tự cường, năng động, sáng tạo, có kiến thức, trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn, trưởng thành trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội, thích nghi dần với cơ chế mới*. Có thể nói, trong cơ chế thị trường hiện nay, đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý đã trưởng thành và nắm được phương pháp tư duy khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ở mức độ nhất định. Tuy nhiên, bên



cạnh những cái đạt được của tư duy mới, thì nói chung trình độ tư duy lý luận của đội ngũ này còn nhiều hạn chế, chưa thật sự ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. *Trong đội ngũ cán bộ hiện đang có nhiều vấn đề đáng lo ngại cả về phẩm chất và năng lực, kiến thức, trình độ hiểu biết về lý luận và thực tiễn của nhiều cán bộ chưa theo kịp yêu cầu chuyển sang cơ chế mới trong tình hình hiện nay.* Sự yếu kém trong lĩnh vực tư duy lý luận của đội ngũ này thể hiện cả ở nội dung tư duy và phương pháp tư duy.

Đã có không ít tác giả lý giải thực trạng của sự yếu kém này, cụ thể là:

- *Thứ nhất*, sự thấp kém trong việc nắm bắt nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Người có trình độ tư duy hạn chế không tránh khỏi khó khăn, lúng túng trong việc tiếp thu bản chất cách mạng và khoa học của học thuyết này. Thời gian qua, không ít cán bộ do trình độ lý luận thấp, đã tuyệt đối hoá các nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, coi đó là những chân lý bất di bất dịch, làm khuôn thước cho tư duy và hành động của mình một cách cứng nhắc. Như vậy, họ đã rơi vào bệnh giáo điều một cách không tự giác, trái với bản chất cách mạng của học thuyết này. Bản thân các nhà kinh điển đã từng chỉ rõ, học thuyết của các ông không phải là những tín điều cứng nhắc bất di, bất dịch, mà là học thuyết hướng dẫn tư duy hành động, là một học thuyết khoa học và đòi hỏi phải đối xử với nó như một khoa học. *Hơn nữa*, ở cán bộ ta nhìn chung cũng bộc lộ rõ sự thấp kém về tri thức khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn...) và hiểu biết về kho tàng trí tuệ của nhân loại, dân tộc. Lênin thường xuyên nhắc nhở rằng, không thể xây dựng chủ nghĩa cộng sản nếu không biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra.

Nếu không nắm vững bản chất cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thiếu những tri thức khoa học và hiểu biết nhất định về kho tàng trí tuệ nhân loại trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, tư tưởng, lịch sử thì không thể rút ra những cái cần thiết cho xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng như phát triển năng lực tư duy lý luận cho cán bộ.

Ngày nay, việc tiếp tục phát triển một cách sáng tạo học thuyết Mác-Lênin vừa đòi hỏi phải phân tích khoa học và khái quát sự phát triển xã hội, kinh nghiệm đấu tranh giai cấp vừa đòi hỏi phải tổng hợp

trên phương diện lý luận các kiến thức khoa học cụ thể. Việc phát triển tư duy không thể có được nếu không có trình độ thu thập và xử lý thông tin, không có khả năng khái quát thành lý luận từ các tài liệu khoa học, tài liệu kinh nghiệm của cá nhân và xã hội. Bởi vì, tri thức là cơ sở để tư duy. Không thể có sự đổi mới tư duy, nếu như không có cơ sở để tư duy đổi mới.

- *Thứ hai*, sự thấp kém về phương pháp tư duy khoa học. Phương pháp tư duy khoa học có vai trò rất quan trọng với quá trình nhận thức, nhờ nó tư duy phản ánh tái hiện một cách đúng đắn bản chất và quy luật vận động của đối tượng nghiên cứu vào trong tư duy. Cho nên, trong phương pháp tư duy khoa học, quy luật khách quan được nhận thức biến thành các quy luật, quy tắc, cách thức của tư duy. Sự yếu kém trong phương pháp tư duy của cán bộ lãnh đạo quản lý thường thể hiện ở những mặt sau:

+ Sự yếu kém trong nắm bắt, vận dụng phương pháp biện chứng duy vật và những phương pháp tiếp cận xã hội cụ thể, đúng đắn khác. Tư duy lý luận khoa học đòi hỏi sự luận chứng và lập luận một cách khoa học với việc sử dụng những hình thức, thao tác, phương pháp có tính quy luật dựa trên nền tảng của phép biện chứng duy vật. Điều đó có nghĩa là, trong nhận thức chân lý, một khái niệm, luận điểm đều phải được lý giải chứng minh và được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Kiến thức, bản thân nó không phải là quan niệm, không phải là thế giới quan, nó chỉ là chất liệu cần phải được làm giàu thêm bằng kinh nghiệm sống, bằng tính tích cực tư duy của con người.

Trên thực tế nhiều người có thể trích dẫn Mác, nhưng lại không thể trở thành nhà mác xít, có thể học thuộc 10 nguyên tắc của Bộ luật Moran của người xây dựng chủ nghĩa cộng sản, nhưng lại không thể trở thành người có đạo đức tốt. Lênin nhấn mạnh: “Chủ nghĩa cộng sản sẽ trở thành trống rỗng, sẽ chỉ là một cái chiêu bài rỗng tuếch, người cộng sản sẽ chỉ là một anh khoe khoang khoác lác tầm thường, nếu như tất cả các kiến thức đã thu nhận không được nghiền ngẫm trong ý thức của anh ta”<sup>1</sup>. Chỉ có tư duy lý luận đúng đắn mới thực sự giúp cho chúng ta hiểu được quy luật khách quan, bởi vì, tất cả những sự trừu tượng khoa

---

1. *Sđd*, tr.362.

học (đúng đắn, nghiêm túc, không tùy tiện), sẽ phản ánh giới tự nhiên sâu sắc hơn, chính xác hơn, đầy đủ hơn. Song, nhiều cán bộ thường chỉ dừng ở sự thừa nhận những nguyên lý lý luận Mác-Lênin, thiếu sự luận giải sâu sắc để hiểu nó. Không ít cán bộ, lối tư duy còn nặng tính chung chung, hời hợt, sơ lược, giáo điều lấy cái trừu tượng làm cái cụ thể trực tiếp, lấy những nguyên lý, quy luật phổ biến có tính xu hướng chung làm mô hình hoạt động trực tiếp, lấy cái lôgic thay cho cái lịch sử trong thực tiễn. Và như Lenin chỉ rõ: “Lấy trừu tượng mà thay thế cho cụ thể, đó là một trong những lỗi lầm lớn nhất và nguy hại nhất trong cách mạng”<sup>1</sup>. Từ sự yếu kém này dẫn đến trong suy nghĩ và hành động luôn thụ động, sao chép chỉ thị, nghị quyết, thiếu sự phân tích, luận giải và cụ thể hoá thành những biện pháp thiết thực khả thi trong cuộc sống.

+ Trong phương pháp tư duy, không ít cán bộ còn mang nặng tính cục đọan, phiến diện và chủ quan duy ý chí, chưa phản ánh được tính phức tạp vốn có của hiện thực, né tránh mâu thuẫn. Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ: đó là lối suy nghĩ giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan... Lối tư duy này dễ dẫn đến ảo tưởng.

+ *Tư duy* ở cán bộ ta, nhìn chung còn yếu về tính lôgic khoa học và tính hệ thống, khả năng phân tích, tổng hợp, khái quát, tổng kết thực tiễn còn hạn chế, tách rời lý luận với thực tiễn. Nhiều vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đòi hỏi phải được lý giải song còn bị thiếu vắng. Nhiều cái mới nảy sinh trong phong trào quần chúng đã không được tổng kết kịp thời, chức năng dự báo khoa học có căn cứ thực tiễn còn yếu. Điều đó cũng cho thấy sự yếu kém về năng lực tư duy độc lập, sáng tạo của đội ngũ cán bộ. Vì còn yếu kém về tri thức và phương pháp tư duy.

*Thứ ba*, sự yếu kém về tư duy lý luận của cán bộ ta còn thể hiện ở tính phê phán, tính chiến đấu, sự hoài nghi khoa học còn yếu. Trong hoạt động lý luận, nhiều cán bộ có khuynh hướng ngại đấu tranh, né tránh, dung hoà, hoặc giản đơn, áng chừng đại khái. Việc tranh luận và biện luận khoa học, nói chung chưa trở thành thói quen ở cán bộ ta. Tư duy mang nặng tính xuôi chiều, do thiếu sự hoài nghi khoa học.

Sự yếu kém trình độ tư duy lý luận là một trong những nguyên nhân sâu xa góp phần làm nảy sinh các căn bệnh: chủ quan duy ý chí,

---

1. *Sđd*, t.34, tr.24.

giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa ở đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *Vì trình độ lý luận thấp kém cho nên đứng trước nhiệm vụ cách mạng ngày càng mới và phức tạp, trong việc lãnh đạo, Đảng ta không tránh khỏi lúng túng, không tránh khỏi sai lầm, khuyết điểm.*

Sự yếu kém về tư duy lý luận, bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa, giáo điều, chủ quan duy ý chí ở đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta, do nhiều nguyên nhân. Ở đây có thể nêu ra mấy nguyên nhân chủ yếu sau:

- *Một là*, ảnh hưởng của nền kinh tế - nông nghiệp lạc hậu, bên cạnh đó là ý thức hệ phong kiến thống trị đời sống tinh thần xã hội lâu dài, văn hoá truyền thống làng xã, những tập tục truyền thống lạc hậu hình thành như một cốt cách bền vững trong tâm lý làng xã, trong suy nghĩ của mỗi con người Việt Nam bao đời nay để lại. Đây là môi trường khách quan tạo ra sức ỳ lớn của những yếu kém về tư duy lý luận của cán bộ ta.

Đối với giai cấp công nhân đại công nghiệp có khả năng vượt qua tình trạng đó dễ dàng hơn, còn đối với Việt Nam, việc đó khó khăn hơn nhiều. Chế độ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm, tôn ty trật tự theo tinh thần Nho giáo quá khắt khe đã bóp chết bản tính tự nhiên và sáng tạo của con người.

Nền sản xuất nhỏ kinh tế nông dân gia trưởng đã củng cố vững chắc kiểu tư duy kinh nghiệm cảm tính, thiếu yếu tố duy lý. Trong hoàn cảnh ấy, người ta dễ sa vào chủ nghĩa tình cảm, suy nghĩ giản đơn, tùy tiện, cứng nhắc, dập khuôn, giáo điều.

- *Hai là*, ảnh hưởng của cơ chế hành chính tập trung quan liêu, bao cấp kéo dài. Hạn chế khá nặng nề trong tư duy và hành động do cơ chế quản lý cũ đem lại cho cán bộ ta không những có nguyên nhân từ trong điều kiện kinh tế - xã hội, từ hoàn cảnh chiến tranh kéo dài, mà còn có nguyên nhân chủ quan do chúng ta không tích cực ngăn ngừa và chậm khắc phục. Nó đã bắt rễ khá sâu trong cơ cấu tổ chức, thể chế, lề lối làm việc, thói quen, sở trường, tập quán làm ăn, tập quán sống, trong tiềm thức và trong quan niệm đạo đức của mọi người. Mặt khác, hành chính tập trung quan liêu, bao cấp lấy cơ chế xin cho làm cơ sở làm xuất hiện bệnh nói dối phổ biến và chủ nghĩa hình thức trong các mô hình tổ chức, trong các quan hệ kinh tế, và các quan hệ xã hội khác. Khi chủ nghĩa

hình thức đã thấm sâu, đã thành tổ chức và cơ chế thì dù muốn làm thật rồi cũng hoá giả, lấy giả làm thật. Người ta không chỉ lừa dối lẫn nhau mà còn tự lừa dối mình. Và cứ thế, sự giả dối ngày càng được nhân lên, khiến càng ở tầng cao của hệ thống, càng cách xa sự thật. Đây là môi trường dung dưỡng tính thụ động ý lại, làm thui chột sự năng động sáng tạo của con người.

Ngày nay, trong quá trình chuyển đổi cơ chế, đã từng bước tạo ra tiền đề mới cho sự tự do sáng tạo, năng động và nhạy bén trong tư duy cũng như trong hành động ở mỗi con người. Song, cơ chế thị trường lại dễ dẫn con người tới cực đoan đối lập chỉ mưu cầu lợi nhuận, lối sống cá nhân vị kỷ, cơ hội... Mặt khác, trong quản lý nhà nước, phong cách làm việc theo kiểu hành chính quan liêu, mệnh lệnh, giấy tờ chưa được khắc phục triệt để nên tạo ra sức ỳ cả trong tư duy lý luận, phong cách tư duy với những biến dạng mới. Trong khi đó, tinh thần dân chủ bị hạn chế bởi những biểu hiện bệnh quan liêu, độc đoán. *Một bộ phận cán bộ thoái hoá, biến chất... lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu... quan liêu, ức hiếp dân, gia trưởng độc đoán, có tham vọng cá nhân, cục bộ, kèn cựa địa vị, cơ hội.* Trong một bộ phận xã hội hình thành tâm lý vị nể những người có chức quyền, ngại đấu tranh, “giấu mình”, không dám tỏ ra trội hơn người khác. Ý thức “vâng chịu” nhiều khi được đánh giá cao hơn tinh thần chủ động và tháo vát. Thái độ của quyền áp đặt thiếu dân chủ, hoặc dân chủ giả hiệu, lên mặt “quan cách mạng” của một số cán bộ cấp trên đối với cấp dưới, làm cho cấp dưới thiếu ý chí trong việc lựa chọn giá trị, nhiều người tìm đường đi ít bị va chạm nhất. Ở đây, nhiều phát ngôn của lãnh đạo đều được tuyệt đối hoá, mọi biểu hiện khác trong tư duy và hành động của cấp dưới, như là sự không trung thành, phạm thượng “đôi với bề trên”.

Ba là, công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước còn nhiều hạn chế, công tác quản lý, kiểm tra giáo dục, rèn luyện cán bộ nhiều nơi còn yếu, chưa có một cơ chế đầy đủ bảo đảm quyền thực sự của nhân dân trong việc giám sát, bãi miễn đối với cán bộ. *Việc đánh giá bố trí, sử dụng cán bộ nhiều khi còn chủ quan, chưa thật công tâm, chưa hợp lý, thiếu dân chủ hoặc dân chủ hình thức.* Hiện tượng lấy những chuẩn giá trị chung một cách cứng nhắc làm cơ sở để đánh giá cá nhân, khiến nhiều người e ngại, thể hiện nhân cách cá nhân, sống theo lối “gọt chân cho vừa giày”, tròn trĩnh “bất lợi, vô hại” không cá tính.

Hiện tượng thiếu dân chủ trong tư tưởng, trong công tác lý luận là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trì trệ xuôi chiều, ỷ lại, giáo điều, trung bình chủ nghĩa. Bên cạnh đó, công tác đào tạo bồi dưỡng chưa gắn với yêu cầu tiêu chuẩn và qui hoạch sử dụng cán bộ, chất lượng và hiệu quả đào tạo còn thấp, nhiều chính sách đối với cán bộ còn bất hợp lý thiếu công bằng: chính sách tiền lương, nhà ở, phương tiện đi lại, điều kiện làm việc... chưa tạo được động lực và phát huy tài năng của cán bộ say mê nghiên cứu khoa học, thiếu hoài bão lớn.

- *Bốn là*, sự yếu kém về công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận. Công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận là nhiệm vụ hàng đầu trong sự nghiệp lãnh đạo đất nước của Đảng. Nó góp phần xây dựng những con người vừa “*hồng*” vừa “*chuyên*”, có đủ năng lực và phẩm chất đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đòi hỏi. Tuy nhiên, trong thời gian qua, “*chất lượng và hiệu quả đào tạo còn thấp*”, thể hiện:

+ Việc học tập lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin nhiều nơi còn mang tính chấp vá, thiếu hệ thống, thiếu đào sâu suy nghĩ, chưa có sự phân tích luận giải đến nơi đến chốn. “*Hoạt động của không ít cơ quan lý luận của chúng ta thường chỉ dựa vào những nguyên lý phổ biến sẵn có trong sách vở, còn nghiên cứu, đề xuất từ cuộc sống hiện thực thì quá ít*”<sup>1</sup>.

Tình trạng đó dẫn đến công tác lý luận nghèo nàn, khô cứng, nặng tính kinh nghiệm. Hiện tượng *đeo gọt* thực tiễn, làm cho thực tiễn vừa khuôn lý luận là cách hiểu sai lệch bản chất lý luận, hạ thấp vai trò của lý luận.

+ Nội dung chương trình và chất lượng đào tạo cán bộ chậm đổi mới, buông lỏng giáo dục, rèn luyện lập trường giai cấp và đạo đức cách mạng. Hơn nữa, “*Hệ thống trường đào tạo chưa hợp lý, việc chiêu sinh thi tuyển, công nhận tốt nghiệp, quản lý văn bằng, chứng chỉ, học hàm, học vị thiếu chặt chẽ*”<sup>2</sup>.

+ Sự thấp kém cả trong nội dung và hình thức giáo dục lý luận, hạn chế tính sáng tạo của người học, hạn chế phát triển tư duy biện chứng. Tính thực tiễn và tính phê phán trong giáo dục còn yếu. Đây là một

---

1. Nguyễn Văn Linh: *Bài nói tại lễ khai giảng lớp nâng cao trình độ Khoá 8 nghiên cứu Nghị quyết Đại hội VI tại Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 3, 1987, tr.7.

2. *Sđd*, tr.18.

trong những nguyên nhân dẫn đến đội ngũ cán bộ lý luận và cán bộ khoa học nói chung còn nặng về số lượng, thiếu cán bộ quản lý giỏi, thiếu chuyên gia đầu ngành, nhất là về lý luận và khoa học công nghệ.

- *Năm là*, sự yếu kém về trình độ tư duy lý luận còn do nguyên nhân chính bản thân đội ngũ cán bộ. Như Ăngghen đã chỉ rõ, *tư duy lý luận chỉ là một đặc tính bẩm sinh do năng lực của người ta mà thôi. Năng lực ấy cần phải được phát triển và rèn luyện*. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nói: *"Năng lực của con người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có, mà một phần lớn do công tác, do tập luyện mà có"*<sup>1</sup>. Trong khi đó, không ít cán bộ thiếu ý thức tự tu dưỡng rèn luyện phương pháp tư duy độc lập, sáng tạo. Họ bằng lòng thoả mãn, dừng lại, ngại học tập, lười suy nghĩ *"Nhiều cán bộ lười học, lười nghiên cứu, một số học lướt chỉ cốt để lấy bằng"*<sup>2</sup>. Năng lực tư duy của con người, nếu không được rèn luyện, bồi dưỡng thường xuyên, nếu không tự giác rèn luyện hệ thống các thao tác cần thiết của lao động trí tuệ như: phân tích, so sánh, tổng hợp, luận chứng, suy luận thì sẽ dần dần bị mai một. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch lợi dụng sự mở cửa về kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế... nhằm chống phá chế độ bằng cách mua chuộc, dụ dỗ, đe dọa, khống chế, lôi kéo cán bộ vào con đường sa đọa về đạo đức, lối sống, phai nhạt lý tưởng để chúng dễ bề thực hiện chiến lược *diễn biến hoà bình*, phá hoại Đảng ta từ bên trong.

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hạn chế trong lĩnh vực tư duy lý luận ở một bộ phận đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta. Những nguyên nhân đó không tách rời nhau mà quan hệ tác động qua lại nhau, cùng tạo ra những điều kiện, môi trường dung dưỡng cho những căn bệnh giáo điều, kinh nghiệm, chủ quan duy ý chí phát sinh, phát triển. Khắc phục chúng, phải thực hiện đồng bộ những giải pháp, đó là: đổi mới công tác giáo dục lý luận, nâng cao trình độ tư duy lý luận; tăng cường công tác tổng kết thực tiễn; tiếp tục đổi mới công tác cán bộ theo hướng vừa *"hồng"*, vừa *"chuyên"*, đẩy mạnh dân chủ hoá trong lĩnh vực lý luận và trong toàn xã hội... Tất nhiên, đổi mới nâng cao trình độ tư duy lý luận phải được tiến hành một cách hữu cơ với quá trình đổi mới kinh tế - xã hội.

---

1. Hồ Chí Minh: *Về xây dựng Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1981, tr.134.

2. *Sđd*, tr.15.

## NÊU CAO CHỮ “ĐỒNG” - MỘT KHÍA CẠNH ĐẶC SẮC TRONG TƯ DUY BIỆN CHỨNG CỦA HỒ CHÍ MINH

*GS, TS Phạm Ngọc Quang*

Từ thực tế lịch sử dân tộc, Hồ Chí Minh đã khái quát: “Sử ta dạy cho ta bài học này:

Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do.

Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”<sup>1</sup>.

Suy cho cùng, khả năng mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc tuy thuộc một cách quyết định vào việc giải quyết một loạt các mối quan hệ xã hội: cá nhân và tập thể, gia đình và xã hội, bộ phận và toàn thể, giai cấp và dân tộc, vô thần và hữu thần, dân tộc đa số và dân tộc thiểu số, quá khứ và hiện tại, quốc gia và quốc tế... Giữa những cặp quan hệ trên đây, bên cạnh yếu tố khác biệt và mâu thuẫn, luôn chứa đựng những yếu tố đồng nhất. Một vấn đề mang tính nguyên tắc trong tư tưởng biện chứng của Hồ Chí Minh trong phần có liên quan tới xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân - một tư tưởng chiến lược lớn của Người - là *phát huy những yếu tố tương đồng, dùng cái tương đồng để loại bỏ sự dị biệt, cố gắng tìm ra mẫu số chung của toàn dân tộc* thay vì khoét sâu *sự khác biệt*, đặt tiến trình xoáy tròn ốc đi lên của lịch sử đất nước trong thời hiện đại trên cơ sở *quy tụ sức mạnh toàn dân tộc thay vì sự loại trừ lẫn nhau giữa các bộ phận cấu thành cộng đồng* ấy. Nét đặc sắc trong tư tưởng biện chứng đó của Hồ Chí Minh không xa lạ, mà là sự phát triển hợp quy luật những di sản căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về phép biện chứng nói chung, lý luận về mâu thuẫn nói riêng trong sự vận dụng vào thực tiễn chính trị ở Việt Nam.

\*

\* \*

---

1. *Sđd*, t.3, tr.217.



Khi giải thích vì sao C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa ra được những đường lối chiến lược cách mạng đúng đắn cho phong trào vô sản quốc tế, V.I.Lênin luận chứng rằng, chính hai ông đã đặc biệt chú ý *vận dụng phép biện chứng duy vật vào chính sách và sách lược* của giai cấp công nhân. Lênin xem đó là *cống hiến căn bản nhất và mới nhất của hai ông*. Nói cách khác, vận dụng đầy đủ những yêu cầu của phép biện chứng duy vật là cơ sở để có đường lối, chủ trương, chính sách đúng. Đề cập vấn đề này, Lênin viết: “Ở từng giai đoạn phát triển, trong từng lúc, sách lược của giai cấp vô sản phải tính đến biện chứng khách quan tất nhiên ấy”<sup>1</sup> của xã hội.

Trong phép biện chứng, *lý luận về sự thống nhất của các mặt đối lập là hạt nhân* của nó. Sự phát triển biện chứng của mọi sự vật và hiện tượng (trong đó có sự phát triển của xã hội) “diễn ra trong mâu thuẫn và thông qua các mâu thuẫn”<sup>2</sup>. Nhận thức được những mâu thuẫn trong hiện thực của xã hội, tìm ra những phương hướng đúng đắn để giải quyết mâu thuẫn cũng như tổ chức hoạt động để giải quyết các mâu thuẫn một cách thực tế tạo thành thực chất của mọi quyết định chính trị và quá trình tổ chức thực hiện chúng trong quá trình cách mạng.

Xét dưới giác độ tổng quát, mọi quyết định chính trị của Đảng\* đều được bắt đầu bằng việc khái quát tình hình thực tế (thực trạng tình hình...) trên lĩnh vực hay vấn đề mà quyết định chính trị đó quan tâm. Ở đây, nội dung chủ yếu là nêu lên những thành tựu cơ bản, những hạn chế chủ yếu trên là lĩnh vực hay vấn đề đó. Tiếp theo, quyết định chính trị làm rõ “*tình huống có vấn đề*”, tức là những mâu thuẫn đòi hỏi phải giải quyết. Đề cập vấn đề này, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Khi việc gì có mâu thuẫn, khi phải tìm cách giải quyết, tức là có vấn đề. Khi đã có vấn đề, ta phải nghiên cứu cho rõ cái gốc mâu thuẫn trong vấn đề đó là gì. Phải điều tra, phải nghiên cứu cái mâu thuẫn đó. Phải phân tách rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ. Phải đề ra cách giải quyết”<sup>3</sup>.

---

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.26, tr.92.

2. *Sđd*, t.20, tr.77-78.

\*. Khái niệm “quyết định chính trị của Đảng” chỉ tất cả những chủ trương, nghị quyết của Đảng nói chung.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.302.

Trên cơ sở phát hiện ra những mâu thuẫn, quyết định chính trị đi vào phân tích chúng xác định tính chất của mâu thuẫn, làm rõ phương hướng, biện pháp giải quyết mâu thuẫn. Cuối cùng, nghị quyết đề cập vấn đề “tổ chức thực hiện” - đó cũng là việc xác định trách nhiệm của từng loại chủ thể, loại thiết chế... trong việc giải quyết mâu thuẫn. Giải quyết mâu thuẫn không phải bao giờ cũng là dùng mặt này để tiêu diệt mặt kia, mà là quá trình *chuyển hoá của các mặt đối lập*. Cơ sở của sự chuyển hoá đó bắt nguồn từ chỗ, xét về một số phương diện nào đó, trong một số quan hệ nhất định, giữa các mặt đối lập có một số yếu tố giống nhau, yếu tố đồng nhất. Liên quan tới vấn đề này, chúng ta lưu ý rằng, chính Mác đã chỉ ra *sự đồng nhất về bản chất* giữa hai cực đối lập của thanh nam châm, của giới nam và giới nữ; Lênin cũng xem “sự đồng nhất của các mặt đối lập” là “bản chất của phép biện chứng”<sup>1</sup>.

Thấm nhuần sâu sắc và phát triển tư tưởng về sự “đồng nhất của các mặt đối lập” trong sự vận dụng cụ thể vào quá trình xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng để đưa cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta tới thắng lợi, đưa cuộc kháng chiến để giữ vững thành quả cách mạng tới thành công, Hồ Chí Minh, *một mặt*, không xem nhẹ đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc; *mặt khác*, đặt trọng tâm chú ý của mình vào việc tìm ra sự tương đồng, sự nhất trí giữa các tầng lớp, các giai cấp xã hội nhằm làm cho họ ngày càng xích lại gần nhau để hoạt động vì lợi ích chung.

Cơ sở tạo thành sự tương đồng, sự nhất trí đó mang tính lịch sử; trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, sự tương đồng đó được xuất phát từ những nhu cầu, lợi ích chung không như nhau. Trước khi Cách mạng Tháng Tám nổ ra, lợi ích chung lớn nhất của cả cộng đồng dân tộc Việt Nam (trừ bọn Việt gian bán nước câu kết chặt chẽ với chủ nghĩa đế quốc Pháp xâm lược) là *độc lập dân tộc*. Chính lợi ích chung đó là cơ sở khách quan cố kết các giai cấp, tầng lớp khác nhau thành một chỉnh thể thống nhất, những khác biệt tạm thời trở thành cái thứ yếu. Biết phát huy cái đồng nhất ấy là tiêu chí nói lên tính nhạy bén, sự sắc sảo về chính trị của chủ thể cách mạng. Chính vì vậy, nhân dịp Mặt trận Việt Minh được thành lập (19-5-1941), trong thư *Kính cáo đồng bào*, Hồ Chí Minh nêu

---

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1980, t.29, tr.275.

rõ: “Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”<sup>1</sup>.

Chính xuất phát từ quan điểm xem khi đất nước còn nằm trong tay của ngoại bang, lợi ích dân tộc với nghĩa làm cho đất nước được hoàn toàn độc lập - tự do là cao hơn hết, Hồ Chí Minh đã khẳng định, chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Đề cao lợi ích dân tộc với nội dung nêu trên thành “chủ nghĩa dân tộc” không có nghĩa là hữu khuynh, xem nhẹ lợi ích giai cấp công nhân, lợi ích của nhân dân lao động. Trái lại, không đấu tranh giành được độc lập dân tộc thì mọi lợi ích khác của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động hàng ngàn vạn năm cũng không đạt được. Xét trên ý nghĩa đó, tư tưởng nêu trên của Hồ Chí Minh có liên quan chặt chẽ với tư tưởng sau đây của C.Mác và Ph.Ăngghen trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: giai cấp vô sản mỗi nước trước hết “phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc phải tự mình trở thành dân tộc”<sup>2</sup>. Để tránh sự hiểu lầm tư tưởng đó của mình, hai ông nhấn mạnh thêm điều đó. Chúng ta không thể hiểu “chủ nghĩa dân tộc” trong luận điểm: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước” của Hồ Chí Minh theo nghĩa tiêu cực (dân tộc cực đoan, bỏ qua vấn đề giai cấp...).

Trong những ngày đầu tiên sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, trong lúc chúng ta phải đối phó với đủ thứ thù trong, giặc ngoài nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ mang tầm chiến lược lúc này là giữ vững chính quyền cách mạng trong tay nhân dân, Hồ Chí Minh đã đề ra nhiều chủ trương và biện pháp nêu cao chữ “đồng” nhằm đoàn kết dân tộc, thu phục nhân tài, sử dụng nhân sĩ, trí thức phục vụ kháng chiến kiến quốc. Nhiều nhân sĩ, trí thức được Hồ Chí Minh mời tham gia vào bộ máy hành chính và các cơ quan chuyên môn các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương. Cựu hoàng Bảo Đại vừa mới tuyên bố thoái vị, giao nộp ấn, kiếm của nhà vua cho Chính phủ cách mạng lâm thời được Hồ Chí Minh cử làm cố vấn Chính phủ theo Sắc lệnh số 23/SL ngày 10-9-1945. Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Hồ Chí Minh sáng lập đã thu hút một số nhà tư sản lớn như Nguyễn Sơn Hà...

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.3, tr.198.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.624.

những chức sắc cao trong một số tôn giáo như Linh mục Phạm Bá Trục, Thượng tọa Thích Mật Thế, đại biểu trong quan lại cao cấp của chế độ cũ như Bảo Đại, Bùi Bằng Đoàn...

Năm 1945-1946, trên đất nước ta có nhiều đảng phái chính trị chống đối quyết liệt cách mạng Việt Nam. Các đảng Việt Quốc, Việt Cách dựa vào lực lượng của Tưởng Giới Thạch để chống Việt Minh, chống Đảng Cộng sản hòng lật đổ Chính phủ cách mạng do Hồ Chí Minh đứng đầu. Vấn đề sống còn lúc này là loại trừ sự chia rẽ, nêu cao chữ “đồng” để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Do vậy, Hồ Chí Minh đã nhiều lần gặp gỡ, bàn bạc với Tiêu Văn về việc các đảng nói trên phải đoàn kết với Việt Minh, với Chính phủ cách mạng lâm thời, đình chỉ việc công kích nhau, cùng tham gia tổng tuyển cử để lập nên một nhà nước hợp hiến. Chính phủ liên hiệp lâm thời được thành lập vào ngày 1-1-1946. Cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 đã lập nên Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Quốc hội khoá I đã dành cho Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế đại biểu *không qua bầu cử*, trong đó, Nguyễn Hải Thần (Việt Cách) giữ chức Phó chủ tịch, Trương Đình Chi (Việt Cách) giữ chức Bộ trưởng Y tế, Nguyễn Tường Long (Việt Quốc) giữ chức Bộ trưởng Bộ Kinh tế quốc dân. Ngày 2-3-1946, tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khoá I, theo đề nghị của Hồ Chí Minh, Quốc hội đã chấp nhận thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến, trong đó, Nguyễn Hải Thần (Việt Cách) giữ chức Phó chủ tịch, Nguyễn Tường Tam (Việt Quốc) giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Chu Bá Phượng (Việt Quốc) giữ chức Bộ trưởng Bộ Kinh tế, Trương Đình Chi (Việt Cách) giữ chức Bộ trưởng Bộ Xã hội kiêm Y tế - cứu tế và lao động; cố vấn đoàn do Cố vấn tối cao Nguyễn Vĩnh Thụy (Bảo Đại) đảm nhiệm; Vũ Hồng Khanh (Việt Quốc) được cử là Phó chủ tịch Kháng chiến ủy viên hội. Sau khi được nghe Hồ Chí Minh báo cáo trước Hội nghị của Hội đồng Chính phủ, Trưởng ban Thường trực Quốc hội, Cố vấn tối cao, Chủ tịch và Phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến về việc ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và đã nhận được sự nhất trí cao, Nghiêm Kế Tổ - người thuộc Đảng Việt Quốc, một trong số 70 đại biểu Quốc hội không qua bầu cử - đã nhận xét: “Mọi phản ứng, mọi bất mãn của các lực lượng đối lập đều bị dẹp sau khi Hồ Chí Minh đã thực hiện các chủ trương sách lược nhân nhượng, hoà giải. Đang từ tư tưởng phản đối hoàn toàn, các đảng phái đối lập bỗng nhiên chịu nửa phần trách

nhiệm về việc ký kết với người Pháp... Chính trị khôn khéo của Việt Minh thật là vô bờ bến khiến cho đang phản đối chuyển ra đồng tình”<sup>1</sup>.

Khi đất nước tạm thời bị chia làm hai miền, nhiệm vụ chính trị số một và cũng là niềm mong ước chung của mọi người Việt Nam yêu nước là đất nước được hoà bình, thống nhất, độc lập. Đề cao chữ “đồng” đó, Hồ Chí Minh viết: “Từ Nam đến Bắc, ai là người tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì chúng ta sẵn sàng đoàn kết với họ, thật thà hợp tác với họ, dù từ trước tới nay họ đã theo phe phái nào”<sup>2</sup>.

Đối với các tầng lớp trung gian, việc nêu cao chữ “đồng” đã khiến Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc loại bỏ mọi thành kiến, mặc cảm; khơi gợi, cổ vũ ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước, chân thành hợp tác và trọng dụng. Người nhiều lần tha thiết kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đứng về phe nào thật thà cộng tác vì dân, vì nước.

Trong xử lý những quan hệ hàng ngày giữa người với người, Hồ Chí Minh cũng luôn nhắc nhở cán bộ phải tìm ra những cái chung, cái đồng nhất giữa những cá nhân để cố kết họ lại vì lợi ích của đại cục.

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, chỉ tính riêng 6 tôn giáo lớn, số người đi theo đã chiếm gần 1/3 dân số. Từ thực tế cách mạng Cuba đã đưa Phiden Cátxtơrô tới quan niệm cho rằng, chủ nghĩa xã hội là một bức tranh hoành tráng, nhưng bức tranh hoành tráng đó sẽ không hoàn thiện, khi trong xã hội còn có một người bị phân biệt đối xử bởi lý do tôn giáo. Từ thực tế phát triển của xã hội Việt Nam hàng ngàn năm cũng mang lại cơ sở cho Hồ Chí Minh thấy rõ rằng xã hội Việt Nam nói chung, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta nói riêng sẽ không thể tiến lên được, nếu không quy tụ được sức mạnh của cả dân tộc, dù là lương hay giáo. Muốn vậy mấu chốt của vấn đề vẫn là tìm thấy sự tương đồng giữa mục tiêu, lý tưởng của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta với những niềm tin, lý tưởng lành mạnh của tôn giáo, kiên quyết loại trừ mọi sự đối đầu giữa hai loại đó. Bởi vậy, ngay từ năm 1947, trong một bức thư gửi cho Giám mục Lê Hữu Từ, Hồ Chí Minh viết: “Chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật là ngược nhau, rõ ràng là

---

1. Nghiêm Kế Tổ: *Việt Nam máu lửa*, Mai Lĩnh xuất bản, Sài Gòn, 1954, tr. 56-57.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.8, tr.49.

thế, nhưng cũng không phải vì vậy mà bài xích, nghi kỵ, đối đầu nhau”<sup>1</sup>. Giữa lý thuyết tôn giáo và chủ nghĩa cộng sản không chỉ có sự đối lập về thế giới quan, mà trong chừng mực nhất định còn có sự đối lập về bản chất giai cấp. Chúng ta thấy rõ điều đó, khi Hồ Chí Minh chỉ ra bản chất giai cấp của Nho giáo: “Khổng Tử đã viết *Kinh Xuân Thu* để chỉ trích “những thần dân nổi loạn” và “những đứa con hư hỏng”, nhưng ông không viết gì để lên án những tội ác của “những người cha tai ác” và “những hoàng tử thiển cận”. Nói tóm lại, ông rõ ràng là người phát ngôn bên vực những người bóc lột chống lại những người bị áp bức”<sup>2</sup>.

Trong khi khẳng định sự đối lập đó, thấm nhuần phép biện chứng về sự *đồng nhất của các đối lập*, Hồ Chí Minh đã nói khá nhiều về tính tương đồng giữa lý tưởng tôn giáo lớn, chân chính, chưa bị *kẻ địch lợi dụng và xuyên tạc* với lý tưởng cộng sản.

Dưới bình diện chung nhất, sự tương đồng đó biểu hiện ở sự thống nhất về cơ bản trong mục tiêu *giải phóng con người* của giai cấp công nhân và của các lý thuyết tôn giáo chân chính. Điều đó biểu hiện ở chỗ cả lý tưởng cộng sản và các học thuyết tôn giáo chân chính đều muốn xoá bỏ mọi tình trạng áp bức, bóc lột, bất công; mọi người được sống trong hoà bình, hữu nghị của một thế giới đại đồng, không có chế độ người bóc lột người. Cả học thuyết tôn giáo chân chính và học thuyết cách mạng thực sự trong thời đại ngày nay đều có vai trò to lớn trong việc hoàn thiện con người. Trên tinh thần đó, nhiều người trong chúng ta từ lâu đã biết tới tư tưởng sau đây của Hồ Chí Minh:

“Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân.

Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó, chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có *những điểm chung* đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên cõi đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định *chung sống với nhau rất hoàn mỹ như*

---

1. Trần Tam Tỉnh: *Thiên chúa và Hoàng đế*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, tr.5.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.453

những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người *học trò nhỏ* của các vị ấy”<sup>1</sup>. Để thấy sự tương đồng nào đó có thể có giữa lý tưởng cộng sản và ước nguyện của các tôn giáo lớn, chân chính, chưa bị các lực lượng phản động lợi dụng và xuyên tạc, chúng ta có thể lưu ý một số điểm so sánh sơ bộ sau đây:

- Khi nói về học thuyết Thiên Chúa giáo và Phật giáo, Hồ Chí Minh đã có khái quát ngắn gọn, súc tích và phản ánh đúng thực chất tư tưởng của các tôn giáo lớn đó. Người đã viết: “Thích Ca và Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng”<sup>2</sup>.

Về phía người cộng sản mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những người tiêu biểu, Người đã viết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>3</sup>.

Trong điều kiện cụ thể ở nước ta, khi nhiệm vụ chính trị trọng đại là đấu tranh *cho độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Hồ Chí Minh thấy sự tương đồng giữa lý tưởng cách mạng của chúng ta với mục tiêu của tôn giáo chân chính được thể hiện ở chỗ:

Đất nước không được độc lập, tôn giáo nói chung, các tín đồ tôn giáo nói riêng cũng không có tự do. Đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc là nguyện vọng thiết tha của mọi người dân, kể cả các tín đồ. Bởi vì, giành được độc lập dân tộc là điều kiện để có độc lập, tự do cho tôn giáo, cho mọi giáo dân.

Đề cập tới mối quan hệ tương đồng đó, tháng 1-1946, lúc Việt Nam lị thực dân Pháp xâm lược lần nữa, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Nước không độc lập thì tôn giáo không được tự do, nên chúng ta phải làm cho nước độc lập đã”<sup>4</sup>. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không tách rời với vận mệnh dân tộc, vận mệnh đất nước, cho nên mọi người Việt Nam dù có tín ngưỡng hay không đều phải góp phần mình để giành và giữ vững nền độc lập nước nhà.

---

1. Viện Nghiên cứu tôn giáo: *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.152.

2. Báo *Nhân dân*, ngày 27-12-1951.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.161.

4. Báo *Cứu quốc*, ngày 14-1-1946.

- Đấu tranh cho độc lập dân tộc cũng chính là đấu tranh cho quyền độc lập của các tôn giáo, của giáo dân. Tôn giáo tồn tại trên mảnh đất dân tộc, nên giải phóng Tổ quốc cũng chính là giải phóng đất thánh - giải phóng miếng đất mà trên đó các tôn giáo tồn tại.

Liên quan tới vấn đề thứ nhất, chúng ta lưu ý thực tế sau đây đã được Hồ Chí Minh rất quan tâm: thực dân Pháp không những gây ra sự chia rẽ lương - giáo, tạo nên mối thù hằn giữa các tôn giáo để dễ bề cai trị, mà chúng còn *phân biệt giữa các giáo sĩ phương Tây với các giáo sĩ, linh mục người bản xứ*. Các giáo sĩ, linh mục người Việt bị miệt đãi, đối xử rất tàn tệ, họ chỉ là tôi tớ của giáo sĩ phương Tây, bị coi như những kẻ nô lệ. Người khẳng định rằng, dưới chế độ phong kiến, “Đạo Thiên chúa ở nước ta có rất nhiều giám mục người Pháp và người châu Âu, mà rất ít giám mục người Việt Nam. Cách đối đãi với linh mục và bà phước người châu Âu hơn linh mục và bà phước người Việt Nam. Như thế có phải là không phân biệt nòi giống không?”<sup>1</sup>.

Liên quan tới vấn đề thứ hai (giải phóng Tổ quốc cũng có nghĩa là giải phóng đất Chúa - nơi tôn giáo tồn tại), khi chúng ta giải phóng Bùi Chu, Phát Diệm, Hồ Chí Minh khẳng định, giải phóng Bùi Chu, Phát Diệm cũng tức là giải phóng đất thánh.

Khi thực dân Pháp một lần nữa quay lại xâm lược nước ta, để giữ vững nền độc lập giành được bằng bao hy sinh xương máu của dân tộc, chúng ta phải tiến hành cuộc kháng chiến. Hồ Chí Minh thấy rằng, kháng chiến, kiến quốc để giữ vững độc lập dân tộc cũng là phù hợp ý Chúa. “Chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế là những việc Chính phủ và nhân dân ta làm, đều hợp với tinh thần Phúc âm. Cho nên tôi chúc đồng bào Công giáo làm trọn chính sách của Chính phủ cũng là làm trọn tinh thần của Đức Chúa Cơ đốc”<sup>2</sup>. Bởi vậy, đồng bào ta “lương cũng như giáo, đoàn kết kháng chiến, ủng hộ chính sách ruộng đất, tức là làm đúng lời dạy của Chúa Giêsu, tức là thật thà tôn kính Chúa Giêsu”<sup>3</sup>.

---

1. Báo *Nhân dân*, số 38, 27-12-1951.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.7, tr.197.

3. Báo *Nhân dân*, số ra từ ngày 21 - 25-12-1953.



Như vậy, “đồng nhất” với nhau trong mục tiêu đấu tranh cho *độc lập dân tộc* là cơ sở đoàn kết lương - giáo.

- Để quốc dùng thủ đoạn chia để trị. Muốn thoát khỏi sự phân chia đó, toàn dân - dù là lương hay giáo - phải hợp sức lại. Bởi vậy, trong cuộc họp Hội đồng Chính phủ lâm thời ngày 3 tháng 9 năm 1945, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh:

“Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và Lương Giáo đoàn kết”<sup>1</sup>.

Sau Hiệp nghị Giơnevơ 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh thấy rõ sự tương đồng giữa mục tiêu của cách mạng và ý tưởng của Chúa ngay trong cuộc đấu tranh cho sự thống nhất đất nước. Trong thư gửi đồng bào Công giáo nhân dịp lễ giáng sinh 25-12-1956, Người viết:

“Nhân dịp lễ sinh nhật này, tôi mong các hàng giáo sĩ và đồng bào, đã đoàn kết nay càng đoàn kết hơn, đoàn kết giữa nhân dân và cán bộ, giữa đồng bào giáo và đồng bào lương để mau thống nhất nước nhà, cho Bắc Nam sum họp như lời cầu nguyện của Chúa Kirixitô: “Nguyện cho hết thấy đồng bào hoàn toàn hợp nhất với nhau”<sup>2</sup>.

Bằng tài năng, đức độ và nhân cách của mình, nhờ việc đề cao chữ “đồng” giữa lý tưởng cộng sản và mục tiêu của các tôn giáo lành mạnh, chưa bị địch lợi dụng và xuyên tạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được đồng bào Phật giáo Việt Nam tôn vinh như một vị Bồ Tát sống. Thượng tọa Thích Thanh Từ và Ni sư Thích Nữ Như Ngọc đã viết: “Những tư tưởng, đạo đức, tác phong và việc làm của Bác Hồ thì hoàn toàn phù hợp với giáo lý của Đạo Phật. Bác Hồ không những là vị anh hùng giải phóng dân tộc, là nhà văn hoá lớn mà Bác Hồ còn là hiện thân của Đạo Phật và là một Bồ Tát hoá thân”<sup>3</sup>.

Qua một số điều trình bày trên có thể thấy tư tưởng biện chứng của Hồ Chí Minh thấm nhuần sâu sắc tư tưởng “Lục hoà” nhằm tạo ra sự hoà hợp từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm của chúng sinh

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.9.

2. *Sđd*, t.8, tr.285.

3. *Hồ Chí Minh với Phật giáo*, Nội san Nghiên cứu Phật học, số đặc biệt, tr.29-30 và tr.16-17.

nhằm đạt tới mục đích chung, cao đẹp: thân hoà đồng trụ; ngôn hoà đồng nghiệp; giới hoà đồng tu; kiến hoà đồng giải; lợi hoà đồng quân. Hồ Chí Minh đã tiếp thu, cải biến tư tưởng đó để thành những nguyên tắc, phương pháp xây dựng lực lượng cách mạng hết sức khoa học.

Nhận xét chiều sâu và sức mạnh của việc đề cao chữ “đồng” trong tư tưởng biện chứng Hồ Chí Minh, giáo sư người Đức - Wilfried Lulei của Trường đại học Humboldt - đã viết: “Ở đây tôi thấy lý do chính là sự định hướng trọn đời của ông cho độc lập, dân chủ, hoà bình và thống nhất. Sự định hướng đó không bao giờ là sách lược tạm thời mà là sự biểu hiện của một tư tưởng nhân văn sâu sắc. Đó là lý do giải thích vì sao đối với ông, thống nhất không chỉ có ý nghĩa lãnh thổ. Mục đích của ông là sự chung lưng đấu cật của mọi người tự đáy lòng yêu thiết tha quê hương mình, không dành riêng hay thiên vị sắc tộc, hay vùng quê, không phân biệt địa vị xã hội, tín ngưỡng, xu hướng chính trị, gạt sang bên những gì họ đã vấp phải trong quá khứ”<sup>1</sup>.

Song, cần lưu ý rằng, trong khi nhấn mạnh chữ “đồng”, Hồ Chí Minh cũng không xem nhẹ việc loại trừ sự khác biệt và đối lập; Người kiên quyết chống cả bệnh “tả” khuynh lẫn bệnh hữu khuynh...

\*

\* \*

Chính nhờ nắm được cái hồn của phép biện chứng về mâu thuẫn để vận dụng cụ thể vào công việc lãnh đạo cách mạng nước ta, Hồ Chí Minh đã hoà giải một cách khôn ngoan những đối kháng về quyền lợi bộ phận trong những hoàn cảnh nhất định, nêu cao sự tương đồng để tập trung cao nhất mọi lực lượng, mọi trí tuệ cho lợi ích toàn cục. Phát huy chữ “đồng” để tăng cường khối đại đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, các giai cấp tạo ra động lực mạnh mẽ cho cách mạng trở thành tư tưởng thường trực và là bí quyết thành công của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sớm tiên lượng được điều đó, Hồ Chí Minh đã viết:

---

1. Wilfried Lulei. *Ho Chi Minh and question of paper for conference on Ho Chi Minh and the Communism Vietnam*, Passau University, 21-29 Junne 1990.

“Biết đồng sức,  
Biết đồng lòng,  
Việc gì khó,  
Làm cũng xong”<sup>1</sup>.

Chúng ta đang tiến hành sự nghiệp đổi mới vì chủ nghĩa xã hội với những thắng lợi ban đầu rất quan trọng, nhưng cũng đang đứng trước không ít nguy cơ và thách thức. Để tiếp tục đưa công cuộc đổi mới tiến lên, chỉ bằng sự nỗ lực của bản thân Đảng ta, của giai cấp công nhân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng là hoàn toàn không đủ. Sự nghiệp mới mẻ, đầy khó khăn và thử thách đó chỉ đi tới thành công, khi huy động được sức mạnh của cả dân tộc, mọi giai cấp, tầng lớp trong nhân dân; huy động được sức mạnh trong nước và cộng đồng người Việt ở nước ngoài; phát huy nội lực là chính, chúng ta cũng cần tận dụng những nhân tố thuận lợi của thời đại - dù chúng được tạo ra trong thể chế nào; cần chủ động hội nhập vào tiến trình khu vực hoá, toàn cầu hoá - dẫu biết rằng các thứ “hoá” đó hiện nay đang chịu sự chi phối của chủ nghĩa tư bản. Tìm ra và phát huy mặt tương đồng giữa các thành phần kinh tế, các giai cấp và tầng lớp xã hội trong nước, giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của phía đối tác bên ngoài vẫn là một bài học quan trọng cho sự thành công của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

“Dân ta xin nhớ chữ đồng:

Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!”<sup>2</sup>.

Nhận thức sâu sắc hơn nữa lời căn dặn đó của Hồ Chí Minh vẫn là vấn đề thời sự về lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

---

1, 2. *Sđd*, t.3, tr.232, 229.

## ĐỔI MỚI PHONG CÁCH TƯ DUY CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ NƯỚC TA HIỆN NAY

*TS Phạm Văn Thạch*

Để từng bước hình thành được phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh thì phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ và toàn diện. Một trong những giải pháp quan trọng là phải khắc phục được những yếu kém trong phong cách tư duy của đội ngũ cán bộ hiện nay; là phải nâng cao trình độ tư duy biện chứng duy vật và xây dựng phong cách tư duy khoa học.

Lao động lãnh đạo, quản lý ảnh hưởng tới nhiều mặt kinh tế, chính trị, xã hội... của xã hội. Vì vậy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có vai trò hết sức quan trọng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta được rèn luyện, thử thách trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn; năng động, sáng tạo, hăng hái thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trình độ, kiến thức, năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội ngày càng được nâng cao. Số đông cán bộ giữ được đạo đức, phẩm chất cách mạng, lối sống lành mạnh, giản dị, gắn bó với nhân dân<sup>1</sup>. Về mặt tư duy, đội ngũ cán bộ này có trình độ tư duy lý luận nhất định, đáp ứng yêu cầu cơ bản của sự nghiệp cách mạng. Có thể nói, *đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta ở mức độ nhất định đã có phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực và gắn với thực tiễn*. Điều này thể hiện ở một số điểm sau:

---

1. Xem Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.67.

**1. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta nhìn chung đều có năng lực lao động lãnh đạo, quản lý.**

Đại đa số cán bộ lãnh đạo, quản lý có năng lực cụ thể hoá sự nhận thức, vận dụng trí tuệ của mình trong công tác lãnh đạo, quản lý. Họ biết vận dụng tổng hợp các nguyên lý, quy luật, phạm trù... của phép biện chứng duy vật cho việc chuẩn bị và ra quyết định; tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ thực hiện quyết định; kiểm tra việc thực hiện quyết định và tổng kết kinh nghiệm việc thực hiện quyết định. Vì vậy, quá trình triển khai, tổ chức thực hiện của họ khá quy củ, có nền nếp và đạt hiệu quả tương đối tốt. Họ biết triển khai, vận dụng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn trên địa bàn, cương vị, phạm vi mà họ lãnh đạo, quản lý.

**2. Tư duy kinh nghiệm phong phú và mang tính thiết thực.**

Đại bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta trưởng thành từ cơ sở, thường trực tiếp lãnh đạo, quản lý các cấp các ngành, các đoàn thể khác nhau. Vì vậy, tư duy của họ có thể mạnh là: tư duy kinh nghiệm phong phú và thiết thực. Tư duy kinh nghiệm, mặc dù có những hạn chế song cũng có những thế mạnh nhất định giúp cho công tác lãnh đạo, quản lý đạt hiệu quả thiết thực, đặc biệt, trong việc xử lý những tình huống thực tiễn cụ thể. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta có nhiều kinh nghiệm trong việc tập hợp nhân lực, tổ chức, bố trí, sắp xếp, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quyết định lãnh đạo, quản lý. Họ có nhiều kinh nghiệm làm việc với con người - đối tượng của lãnh đạo, quản lý nhưng lại là chủ thể của hoạt động thực tiễn - xã hội.

Có thể nói, đại bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý đã kế thừa được tư duy kinh nghiệm của dân tộc trong việc đối nhân, xử thế, thu hút nhân tâm và phép dùng người. Nhờ vậy đã góp phần hình thành ở họ, ở mức độ nhất định, tính khoa học và tính nghệ thuật trong lãnh đạo, quản lý. Cùng với tư duy kinh nghiệm phong phú thì đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta còn có thế mạnh về tư duy thiết thực và cụ thể. Thế mạnh này, một phần bắt nguồn từ điều kiện, môi trường kinh tế - xã hội nước ta: chiến tranh, lũ lụt, hạn hán... Trong điều kiện, hoàn cảnh như vậy, dần dần ở họ hình thành nếp tư duy thiết thực, cụ thể gắn liền với lợi ích thiết thực, cụ thể trước mắt. Để lãnh đạo, quản lý đạt hiệu quả họ không thể tư duy "viển vông" để đưa ra những quyết định xa xôi không

nhìn rõ đích. Nếp tư duy này cũng có hạn chế nhất định, nhưng cũng rất cần đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta hiện nay - trong điều kiện kinh tế thị trường luôn luôn có biến động khôn lường - không thể mạo hiểm, liều lĩnh. Tính thiết thực, cụ thể trong tư duy của họ cũng thể hiện ở chỗ, những quyết định, những chủ trương, những kế hoạch... của các cán bộ lãnh đạo, quản lý đã mang nhiều tính khả thi hơn so với thời kỳ trước đổi mới.

### **3. Tư duy của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta đã nâng lên phù hợp dần với cơ chế kinh tế thị trường**

Mặc dù sự nghiệp đổi mới đầy khó khăn, phức tạp, chưa có tiền lệ trong lịch sử đã và đang đặt ra rất nhiều vấn đề khác nhau, nhưng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta, về cơ bản vẫn biết thu nhận và xử lý thông tin kịp thời; biết đưa ra những quyết định đúng, kịp thời; biết tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định một cách có hiệu quả.

Phần nào, tư duy của đội ngũ cán bộ này đã sáng tạo, năng động, nhạy bén hơn trước, bước đầu thích ứng được với cơ chế kinh tế thị trường. Điều này thể hiện rõ nhất là dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta đã biết tiến hành chỉ đạo quá trình chuyển đổi từ cơ chế kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả. Đội ngũ này đã góp phần thắng lợi vào việc tập trung đổi mới kinh tế trước, làm nền tảng, cơ sở vững chắc cho đổi mới chính trị, sau đó từng bước, có trọng tâm, trọng điểm đổi mới hệ thống chính trị... Nhìn lại hơn 15 năm đổi mới cho thấy, kinh tế liên tục tăng trưởng, những vấn đề an ninh, quốc phòng, những vấn đề xã hội được chỉ đạo giải quyết kịp thời; những vấn đề văn hoá, đạo đức, môi trường, giáo dục, y tế... được quan tâm đúng mức. Nhiều vấn đề mới nảy sinh đã và đang được tập trung giải quyết dứt điểm có hiệu quả cao. Điều đó phần nào chứng tỏ, tư duy của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý về cơ bản đã thích ứng, phù hợp hơn với cơ chế kinh tế mới.

Những ưu điểm, thế mạnh trên trong phong cách tư duy của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta hiện nay là thành tựu quý báu của sự kế thừa những thế mạnh của tư duy truyền thống dân tộc; là thành

quả hiện thực của quá trình truyền bá, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là kết quả của sự nỗ lực, cố gắng, phấn đấu không mệt mỏi vươn lên của chính đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của toàn Đảng, toàn dân.

Cùng với những mặt mạnh, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta cũng còn những hạn chế. Đánh giá những hạn chế của cán bộ nước ta nói chung, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII đã chỉ rõ: “Đội ngũ cán bộ tuy đông nhưng không đồng bộ, vẫn còn tình trạng “vừa thừa vừa thiếu”. Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới, nhất là về quản lý kinh tế thị trường, quản lý xã hội, luật pháp... Nhiều cán bộ lười học, lười nghiên cứu, một số học lướt chỉ cốt để lấy được bằng cấp.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ hiện nay, xét về chất lượng, số lượng và cơ cấu có nhiều mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”<sup>1</sup>. Về mặt phong cách tư duy, cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta còn có một số những biểu hiện của lối tư duy khuôn sáo, sao chép máy móc những công thức lý luận sẵn có, không dựa trên cơ sở thực tiễn đổi mới; lối tư duy giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan vẫn còn tồn tại ở một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý; phong cách tư duy áng chừng, đại khái, yếu về lôgic, thiếu tính hệ thống vẫn chưa được khắc phục triệt để. Đặc biệt, trong điều kiện kinh tế thị trường, đã có những biểu hiện của sự tách rời giữa tình cảm, đạo đức cách mạng và lý trí khoa học ở một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý... Điều này được thể hiện ở những điểm sau:

- *Năng lực tư duy lý luận, tư duy lôgic còn yếu.*

Chúng ta đều rõ, năng lực tư duy lý luận là tổng hợp các phẩm chất trí tuệ của chủ thể đáp ứng yêu cầu phát hiện, nhận thức nhanh, nhạy, đúng đắn đối với hiện thực; nhờ vậy, có những đề xuất sắc bén, sáng tạo, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. Năng lực tư duy lý luận được cấu thành từ những yếu tố cơ bản như: năng lực ghi nhớ - tái hiện; năng lực trừu tượng - khái quát hoá; năng lực liên tưởng và suy luận. Trong đó, năng lực trừu tượng hoá - khái quát hoá là năng lực trí tuệ cơ bản nhất. Đó là khả năng tiến hành

---

1. *Sđd*, tr.68-69.

các thao tác tư duy để tìm hiểu bản chất sự vật, hiện tượng. Tất nhiên, các yếu tố cấu thành năng lực tư duy có tác động, quan hệ qua lại lẫn nhau.

Sự yếu kém về năng lực tư duy lý luận của cán bộ lãnh đạo quản lý thể hiện ở chỗ, trong chỉ đạo tổ chức thực tiễn, một số cán bộ còn lúng túng, bị động trong việc nhận thức và xử lý một số hiện tượng, vấn đề mới nảy sinh trong quản lý kinh tế - xã hội. Cho nên, có chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã được cán bộ lãnh đạo, quản lý ở những ngành khác nhau, địa phương khác nhau, nhận thức và vận dụng, triển khai vào thực tiễn rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau.

Cùng với sự yếu kém về năng lực tư duy lý luận thì tư duy lôgic (đặc biệt là tư duy lôgic biện chứng) của cán bộ lãnh đạo quản lý còn yếu kém. Điều này thể hiện ở chỗ, còn có cán bộ lãnh đạo, quản lý suy nghĩ giản đơn, ấu trĩ, một chiều về những vấn đề kinh tế - xã hội, những vấn đề quốc tế, khu vực, những vấn đề về an ninh, quốc phòng... Tư duy của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý còn dừng lại ở trình độ kinh nghiệm cảm tính, nặng về tổng hợp, suy diễn giản đơn, khái quát vội vàng, còn coi nhẹ lập luận, chứng minh. Vì thế đôi khi một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý còn dao động, nửa vời, thậm chí rơi vào cực đoan. Trong lãnh đạo, quản lý đôi khi mất đi sự tự tin, sự quyết đoán để ra được những quyết định kịp thời, chính xác, đúng đắn. Tư duy lý luận, tư duy lôgic yếu kém làm cho một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý kém xử lý thông tin, không biết phân tích tình hình. Từ đó, không có khả năng phán đoán, dự báo tình hình một cách chính xác. Vì vậy, chưa thấy hết xu hướng biến động của nền kinh tế nhiều thành phần, của thay đổi giá trị đạo đức, của tâm lý xã hội, của nhu cầu... của quần chúng. Vì thế, có chỗ, có lúc, có nơi, có cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa tập hợp được quần chúng để triển khai, tổ chức thực hiện các quyết định một cách có hiệu quả.

*- Còn biểu hiện của tư duy siêu hình ở đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý.*

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, cùng với sự nghiệp đổi mới, Đảng ta đã tiến hành "đổi mới tư duy", những yếu kém với những căn bệnh như chủ quan duy ý chí, giáo điều kinh nghiệm chủ nghĩa, phiến diện một chiều... trong tư duy của cán bộ ta nói chung đã từng bước được hạn chế và khắc phục. Song, ít, nhiều những căn bệnh này vẫn tồn tại trong tư duy của không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý. Điều



này thể hiện rõ ở chỗ, cán bộ lãnh đạo, quản lý ngành này không nắm được, không hiểu được tình hình của ngành khác, cấp khác, địa phương khác. Cho nên, có những quyết định được đưa ra còn thiếu quan điểm toàn diện, đồng bộ. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý mới thấy được lợi ích trước mắt, chưa thấy được lợi ích lâu dài; mới thấy được lợi ích cục bộ của ngành mình, địa phương mình, không thấy được lợi ích toàn cục của ngành khác, địa phương khác, của cả quốc gia. Không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý còn lãnh đạo, quản lý thuần túy chỉ bằng những kinh nghiệm cá nhân, còn rập khuôn cách làm cũng như kinh nghiệm của cấp khác, ngành khác; còn có biểu hiện nôn nóng trong việc triển khai, thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội; có những quyết định lúc quá "tả", lúc quá hữu, lúc thì xiết chặt quản lý, lúc thì buông lỏng quản lý. Có lúc, có nơi, có cán bộ lãnh đạo, quản lý đã quá đề cao đơn thuần sự phát triển kinh tế, không chú ý tới vấn đề an ninh, quốc phòng, môi trường, đạo đức, văn hoá, giáo dục, y tế... Tất nhiên, sự biểu hiện của những căn bệnh này ở cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp khác nhau, các ngành khác nhau cũng có sự khác nhau, mức độ cũng khác nhau. Song, nhìn chung, trong tư duy của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta còn biểu hiện của tư duy siêu hình. Các căn bệnh giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa, chủ quan duy ý chí, phiến diện một chiều... vẫn chưa được khắc phục một cách căn bản và triệt để.

Thực trạng yếu kém trong tư duy của cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta do nhiều nguyên nhân khác nhau. Mặc dù Đảng ta đã chủ động đổi mới tư duy, tích cực, chủ động khắc phục những yếu kém trong tư duy của cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng, song nâng cao trình độ tư duy biện chứng duy vật, trình độ lý luận là một quá trình khó khăn, phức tạp, lâu dài. Trước yêu cầu của thời kỳ cách mạng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phải tiếp tục không ngừng nâng cao trình độ tư duy biện chứng duy vật cho đội ngũ cán bộ này. Chúng ta vừa từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp chuyển sang kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là cơ chế kinh tế hết sức mới mẻ, luôn có những biến động phức tạp. Vì thế, trong thời gian ngắn, dù tích cực học tập, rèn luyện, chúng ta cũng khó mà hoà nhập ngay và cũng chưa thể đáp ứng ngay lập tức yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

Cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta nói riêng phần nào vẫn còn bị ảnh hưởng của một số tư tưởng phong kiến, tư tưởng tiểu tư sản - những yếu tố mà ít nhiều ảnh hưởng tới việc học tập, rèn luyện, tu dưỡng của họ về mọi mặt, trong đó có việc học tập nâng cao trình độ tư duy biện chứng duy vật. Chẳng hạn, tư tưởng gia trưởng, địa vị, đẳng cấp ảnh hưởng trực tiếp tới việc gia tăng bệnh giáo điều, quan liêu, kinh nghiệm chủ nghĩa. Chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa thành tích, chủ nghĩa cá nhân... đã làm cho những yếu kém trong tư duy của họ thêm trầm trọng và khó khắc phục hơn...

Tuy nhiên, vẫn có nhiều khả năng khắc phục những hạn chế trong phong cách tư duy của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta. Muốn vậy, chúng ta phải thực hiện tốt một hệ giải pháp toàn diện, đồng bộ với sự nỗ lực cố gắng của toàn Đảng, toàn dân và của chính đội ngũ cán bộ. Nhưng trước hết, chúng ta cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

### ***1. Từng bước nâng cao năng lực tư duy lý luận cho cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng***

Cơ sở xã hội mới đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao năng lực tư duy lý luận. Vì vậy, *học tập và tích cực rèn luyện trong hoạt động thực tiễn lao động, quản lý là một biện pháp quan trọng nhất để nâng cao năng lực tư duy lý luận cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.*

Nâng cao năng lực tư duy lý luận là một quá trình lâu dài, phải qua nhiều bước đi và bằng nhiều biện pháp khác nhau như kết hợp giữa đào tạo, bồi dưỡng ở trường và rèn luyện học hỏi trong thực tiễn; kết hợp giữa nỗ lực chủ quan của mỗi cán bộ với cơ chế, chính sách cán bộ hợp lý... Nhưng, quan trọng nhất vẫn là sự kết hợp chặt chẽ giữa quá trình học tập và rèn luyện trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ. Vì vậy, phải có cơ chế để họ thường xuyên được đào tạo, đào tạo lại bồi dưỡng kiến thức lý luận chính trị, tri thức khoa học và tích cực tham gia tổng kết thực tiễn.

### ***2. Học tập và rèn luyện phương pháp tư duy biện chứng duy vật mác xít***

Có thể nói, chính vì chưa nắm chắc và chưa vận dụng đúng đắn, nhuần nhuyễn phương pháp tư duy biện chứng duy vật mác xít, nên trong tư duy của cán bộ ta còn biểu hiện của tính siêu hình, rơi vào các căn bệnh giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa, chủ quan, phiến diện một

chiều... Vì vậy, muốn khắc phục một cách căn bản, triệt để những yếu kém đó trong tư duy của cán bộ lãnh đạo, quản lý, xây dựng cho họ phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực, gắn với thực tiễn cần phải không ngừng học tập, rèn luyện phương pháp tư duy biện chứng duy vật mác xít. Phương pháp tư duy biện chứng duy vật mác xít là công cụ sắc bén nhất giúp cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức được hiện thực khách quan, đi sâu vào bản chất sự vật, hiện tượng để đề ra được những quyết định kịp thời, chính xác, đúng đắn và tổ chức thực hiện các quyết định một cách tối ưu nhất.

Quá trình nâng cao năng lực tư duy biện chứng duy vật cũng là quá trình khắc phục lôgic tư duy siêu hình. Học tập, rèn luyện phương pháp tư duy biện chứng duy vật mác xít, cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng cần phải thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là học tập tinh thần chủ nghĩa Mác-Lênin, học lập trường quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin để áp dụng vào giải quyết nhuần nhuyễn những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta. Học tập là nhằm mục đích để vận dụng chứ không phải học để mà học. Khi vận dụng thì bổ sung làm phong phú thêm lý luận bằng những kết luận mới rút ra từ thực tiễn cách mạng của ta<sup>1</sup>. Khi học tập phương pháp tư duy biện chứng duy vật mác xít là chúng ta phải học phương pháp tư duy, học “phong cách” tư duy biện chứng đó chứ không đơn thuần là học thuộc lòng những nguyên lý, những khái niệm, những phạm trù của phương pháp tư duy này. Vấn đề đặt ra là phải học để nắm được bản chất, linh hồn sống của phương pháp tư duy biện chứng duy vật chứ không phải học vẹt. Tất nhiên, không học vẹt nhưng phải hiểu thấu đáo, phải nắm chắc những nguyên lý quy luật phạm trù của phép biện chứng duy vật mác xít, vì chúng là công cụ của tư duy lý luận.

Cùng với việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin phải học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh; đặc biệt phải học tập phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn của Người. Đây chính là phương hướng và biện pháp quan trọng giúp cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng trau dồi, rèn luyện, phát triển tư duy biện chứng, khắc phục những yếu kém trong tư duy của mình.

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.8, tr.497.

### **3. Tăng cường tổng kết thực tiễn**

Tổng kết thực tiễn có vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển lý luận, chỉ đạo thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn, khắc phục các căn bệnh giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa, chủ quan... Để tổng kết thực tiễn mang lại hiệu quả, giúp khắc phục yếu kém trong tư duy và rèn luyện phương pháp tư duy biện chứng duy vật, thì tổng kết thực tiễn phải bảo đảm: *Thứ nhất: tính khách quan*, tránh “tô hồng” hoặc “bôi đen” khi tổng kết thực tiễn. Có như vậy, những kết luận được rút ra mới bảo đảm thực sự khách quan, trung thực. *Thứ hai: tính khái quát cao* bảo đảm cho những kết luận được rút ra từ tổng kết thực tiễn có tính phổ biến, tính điển hình. Có như vậy, những kết luận đó mới có giá trị để đối chiếu, so sánh, bổ sung, phát triển lý luận. Lý luận đó mới trở nên có giá trị để chỉ đạo tốt thực tiễn, khắc phục bệnh giáo điều, chủ quan, kinh nghiệm. *Thứ ba: tính mục đích đúng đắn* trong quá trình tổng kết thực tiễn giúp ta không những kịp gạt bỏ, sửa chữa những sai lầm trong lãnh đạo, quản lý mà còn khắc phục động cơ cơ hội, cá nhân chủ nghĩa, đi chệch hướng. Muốn vậy, chúng ta phải thực hiện tốt qui trình tổng kết thực tiễn:

- Xác định đúng mục đích và lựa chọn đúng vấn đề tổng kết.
- Lập chương trình, kế hoạch, tổ chức lực lượng.
- Kiểm tra, thu thập, khảo sát.
- Xử lý thông tin để rút ra kết luận.
- Hướng dẫn vận dụng.

Nếu quán triệt tốt những yêu cầu và qui trình trên thì tổng kết thực tiễn sẽ đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển lý luận, phát triển tư duy biện chứng duy vật, khắc phục các căn bệnh giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa, chủ quan duy ý chí, phiến diện một chiều trong tư duy của cán bộ ta.

### **4. Khắc phục ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến, tư tưởng tiểu tư sản, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý**

Tư tưởng gia trưởng, độc đoán, cửa quyền, xa rời thực tiễn, xa rời quần chúng, cũng như chuộng hình thức, chủ nghĩa thành tích, chủ nghĩa cá nhân... là những căn bệnh mà cán bộ đảng viên chúng ta dễ mắc phải, cần phải phòng ngừa, đấu tranh phê bình thẳng thắn. Những

tư tưởng này dễ làm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý không chỉ thoái hoá biến chất, mà còn mắc bệnh lười học, học chỉ cốt lấy bằng cấp, lấy danh, vì cá nhân... Khắc phục được những tư tưởng phong kiến, tiểu tư sản đó mới có thể hình thành được đội ngũ cán bộ sâu sát, gắn bó với quần chúng, am hiểu thực tiễn, tránh được bệnh chủ quan, giáo điều, sách vở, hình thành được ở họ sự ham mê học tập vì công việc, phục vụ công việc, tích cực, chủ động, sáng tạo trong hoạt động thực tiễn.

Để làm được điều này, *trước hết*, các tổ chức, đảng viên phải khơi dậy ở họ lòng nhiệt tình, sự hăng say, nhiệt huyết cũng như tình cảm cách mạng, tinh thần vượt khó, không ngại gian khổ... *Thứ hai*, cần đổi mới cơ chế chính sách cán bộ cho phù hợp để tạo ra tính tích cực, chủ động hơn, nhạy bén hơn và sáng tạo hơn trong công việc cũng như trong học tập của cán bộ lãnh đạo. Đặc biệt, thường xuyên thực hiện cơ chế bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ để “bắt” họ không ngừng phấn đấu vươn lên về mọi mặt. *Thứ ba*, nâng cao dân trí, tri thức khoa học kỹ thuật và kiến thức lý luận, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước để tạo ra lực lượng đối trọng, thúc đẩy, gây áp lực đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý phải tự rèn luyện nâng cao trình độ.

## XÂY DỰNG PHONG CÁCH TƯ DUY CHO CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THEO PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH

*TS Nguyễn Quang Du*

Có ý kiến cho rằng, phong cách là cái độc đáo riêng, mang đậm dấu ấn cá nhân cho nên không thể nhân rộng được, nếu nhân rộng được thì không còn là phong cách nữa. Nhưng chúng ta hoàn toàn có thể chủ động từng bước xây dựng được phong cách tư duy cho cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh. Bởi lẽ, *thứ nhất*: phong cách tư duy không phải là bẩm sinh, có sẵn mà chủ yếu là kết quả của sự phấn đấu, rèn luyện tự giác của chủ thể tư duy. *Thứ hai*: như chúng ta đã rõ, phong cách tư duy Hồ Chí Minh vừa mang tính độc đáo rất riêng Hồ Chí Minh, vừa mang tính phổ biến. Vì vậy, chúng ta hoàn toàn có thể nhân rộng được những giá trị độc đáo nhưng lại phổ biến ấy cho cán bộ lãnh đạo, quản lý - những người tinh tuý nhất trong số cán bộ, đảng viên. *Thứ ba*: một đặc trưng rất Hồ Chí Minh là phong cách tư duy của Người hàm chứa những yếu tố rất đại chúng, rất giản dị chứ không phải “cao siêu” đến mức chúng ta không hiểu và không thể học được. *Thứ tư*: xây dựng phong cách tư duy cho cán bộ lãnh đạo, quản lý theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh có nghĩa là, chúng ta chủ động từng bước hình thành ở đội ngũ này một phong cách tư duy theo *tinh thần, tư tưởng, quan điểm, lập trường, thái độ của Người* chứ không phải “rập khuôn” tư duy của Người. Muốn vậy chúng ta phải nắm vững một số nguyên tắc và thực hiện tất cả giải pháp chủ yếu sau:

***a) Một số nguyên tắc cần quán triệt trong việc xây dựng phong cách tư duy cho cán bộ lãnh đạo, quản lý theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh***

*- Xây dựng phong cách tư duy cho cán bộ lãnh đạo, quản lý theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh phải gắn liền với việc khắc phục những*

*yếu kém trong tư duy của họ. Vì đây là tiền đề cho việc hình thành phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn. Đến lượt mình, phong cách tư duy này lại góp phần khắc phục căn bản, triệt để hơn những yếu kém trong tư duy của họ.*

*- Xây dựng phong cách tư duy cho cán bộ lãnh đạo, quản lý là một quá trình lâu dài, phải từng bước, phải có giải pháp đồng bộ. Phong cách tư duy không phải tự nhiên mà có, nó là kết quả của sự phấn đấu nỗ lực, bền bỉ, lâu dài, gian khổ; nó có quan hệ chặt chẽ với truyền thống văn hoá, với hoàn cảnh sống, công tác của mỗi người. Vì vậy, hình thành phong cách mác xít, ở đây không có nghĩa là học thuộc lòng câu chữ các nguyên lý, qui luật, phạm trù, khái niệm mà phải hiểu chúng và biến chúng thành cái của riêng mình. Cần quán triệt lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh học chủ nghĩa Mác-Lênin (trong đó có phương pháp biện chứng duy vật) là học tinh thần xử trí mọi việc, học lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm, phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề trong công việc. Vấn đề đặt ra là tại sao cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý được học tập nhiều về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà chưa nắm vững trên thực chất phương pháp tư duy biện chứng duy vật. Rõ ràng, nếu chỉ học ở trường, lớp, ở sách vở không thôi thì chưa đủ, mà còn phải học ở bạn bè, đồng nghiệp, ở báo, đài, ở công việc, ở nhân dân... Đặc biệt, phải học phương pháp tư duy biện chứng duy vật thông qua công tác thực tiễn. Đây là con đường quan trọng để nắm vững và trau dồi phương pháp tư duy biện chứng duy vật.*

*Thực tiễn đa dạng, phong phú, muôn màu muôn vẻ luôn đặt ra những tình huống, những vấn đề không có tiền lệ trong lịch sử, không có trong sách vở, đòi hỏi phải được giải quyết. Để giải quyết những vấn đề thực tiễn nảy sinh này, cán bộ lãnh đạo, quản lý phải vận dụng tổng hợp các nguyên lý quy luật, phạm trù, khái niệm, nguyên tắc... của phương pháp tư duy biện chứng duy vật. Đây là điều kiện, cơ sở quan trọng cho tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo thiết thực, gắn với thực tiễn được nảy sinh, củng cố và phát triển. Cho nên, *giải quyết những vấn đề thực tiễn kết hợp với học tập, đào tạo ở trường, lớp, sách vở, đồng nghiệp, quần chúng... là biện pháp quan trọng nhất để nắm vững, trau dồi phương pháp tư duy biện chứng duy vật. Để nắm vững những phương pháp tư**

duy biện chứng, có thể thông qua học tập, nghiên cứu lý luận, hoặc thông qua thực tiễn. Rõ ràng, biện pháp tốt nhất là phải kết hợp cả hai, vì nếu thuần túy bằng con đường lý luận dễ dẫn đến giáo điều, sách vở; nếu thuần túy bằng thực tiễn dễ dẫn đến kinh nghiệm chủ nghĩa, xét lại.

Thực tế cho thấy, Hồ Chí Minh là người đến với chủ nghĩa Mác-Lênin từ hoạt động thực tiễn cách mạng kết hợp với học tập nghiên cứu lý luận. Nhưng khi có lý luận rồi, Người lại đem lý luận ấy vào phong trào cách mạng, đồng thời bổ sung lý luận bằng thực tiễn cách mạng mới sinh động. Vì vậy Người đã nắm vững, và vận dụng lý luận Mác-Lênin hết sức nhuần nhuyễn và sáng tạo.

### ***b) Học tập cách thức vận dụng phương pháp tư duy biện chứng duy vật của Hồ Chí Minh***

Chính cách thức vận dụng phương pháp tư duy để định hướng điều chỉnh hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn là nền tảng tạo nên phong cách tư duy. Cho nên, muốn học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh thì phải học tập cách thức vận dụng phương pháp tư duy biện chứng của Người. Cách thức vận dụng phương pháp tư duy biện chứng của Hồ Chí Minh rất linh hoạt, uyển chuyển, nhạy bén và phong phú về hình thức. Trên nền của phương pháp tư duy biện chứng duy vật, Hồ Chí Minh đã vận dụng những cách thức diễn đạt, suy nghĩ, tư duy rất tinh tế, sắc sảo để biểu đạt những nguyên lý lý luận. Chẳng hạn, để diễn đạt mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng vô sản ở thuộc địa, cũng như bản chất ăn bám, bóc lột của chủ nghĩa thực dân đế quốc, Hồ Chí Minh đã vận dụng phương pháp so sánh bằng hình ảnh con đĩa hai vôi: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi”<sup>1</sup>. Điều này cũng chứng tỏ Bác rất am hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin, rất hiểu nét độc đáo riêng của phong cách tư duy Việt Nam - hay tư duy bằng hình ảnh, nắm vững phương pháp tư duy biện chứng duy vật, hiểu quần chúng nhân dân lao động. Cách vận dụng phương pháp tư duy này của Hồ Chí Minh, cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị. Cán bộ, đảng viên, đặc biệt cán bộ lãnh đạo, quản lý cần phải học tập cách vận dụng phương pháp tư duy này của Người.

---

1. *Sđđ*, t.1, tr.298.



Hồ Chí Minh cũng có cách vận dụng phương pháp giải quyết mâu thuẫn rất độc đáo. Đó là tư tưởng nêu cao chữ “đồng” trong giải quyết mâu thuẫn. Cách giải quyết mâu thuẫn này đã trở thành một tư tưởng chiến lược của Người. Đó là *phát huy những yếu tố tương đồng, dùng cái tương đồng để loại bỏ cái khác biệt*. Người thấm nhuần sâu sắc tư tưởng về “sự đồng nhất của các mặt đối lập” và đã vận dụng nó một cách rất độc đáo vào quá trình cách mạng Việt Nam. Chẳng hạn, *một mặt*, Người không xem nhẹ đấu tranh giai cấp đấu tranh dân tộc; *mặt khác*, Người đặt trọng tâm chú ý vào những yếu tố tương đồng, những yếu tố có thể nhất trí, những điểm chung có ở các giai tầng xã hội khác nhau nhằm mục đích cho họ xích lại gần nhau vì lợi ích chung: “Từ Nam đến Bắc, ai là người tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì chúng ta sẵn sàng đoàn kết với họ, thật thà hợp tác với họ, dù từ trước tới nay họ đã theo phe phái nào”<sup>1</sup>. Trong đời thường, Hồ Chí Minh cũng biết cách tìm ra những cái chung, những điểm tương đồng giữa các cá nhân để thống nhất họ lại vì lợi ích chung của dân tộc.

Để học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh, chúng ta còn phải *học tập cách diễn đạt giản dị, trong sáng, rõ ràng của Người*. Mặc dù là nhà lý luận, am hiểu nhiều ngoại ngữ, nhiều nền văn hoá của các dân tộc khác nhau, nhưng tư duy của Người bao giờ cũng diễn đạt một cách giản dị, trong sáng, rõ ràng nhưng không thô thiển. Người hiểu quần chúng nhân dân hơn ai hết và nắm được “hồn” của lý luận, của vấn đề. Cho nên, cách diễn đạt của Người bao giờ cũng dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện. Chẳng hạn, khi đề cập tới nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, Người đã để lại *cách diễn đạt rất phong phú, sinh động* về nguyên tắc này, nhằm giúp mọi người dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng: “Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên”<sup>2</sup>. “Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là *lý luận suông*. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách”<sup>3</sup>. Khi diễn đạt suy nghĩ, tư duy, Hồ Chí Minh rất ít dùng các phạm

---

1. *Sđd*, t.8, tr.49.

2. *Sđd*, t.5, tr.235.

3. *Sđd*, t.5, tr.234.

trừ, khái niệm, các nguyên lý, qui luật ở dạng lý luận thuần túy. Nhưng tư duy giản dị, rõ ràng, trong sáng của Người bừng sáng ở mọi khía cạnh cuộc sống, từ tư duy về việc tăng gia sản xuất, tiết kiệm, chống giặc đói, giặc dốt, trồng cây đến tư duy về những vấn đề chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam. Thiên tài của Hồ Chí Minh là ở chỗ, khi đề cập những vấn đề, dù rất đời thường hay những vấn đề lý luận cao siêu, bao giờ Người cũng diễn đạt được bản chất vấn đề một cách giản dị, rõ ràng, trong sáng nhưng không thô thiển.

**c) Học tập việc quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn ở Hồ Chí Minh**

Như đã biết, bản chất phong cách tư duy Hồ Chí Minh không chỉ là độc lập, tự chủ, sáng tạo mà còn thiết thực, gắn với thực tiễn. Chính việc quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một trong những điều kiện quan trọng nhất để hình thành phong cách tư duy thiết thực, gắn với thực tiễn của Người. Vì vậy, để học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh, chúng ta phải học tập cả tinh thần, quan điểm, thái độ quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của Người. Để gắn lý luận với thực tiễn, theo Hồ Chí Minh, biết lý luận mà không có thực tiễn là lý luận suông, thực tiễn không có lý luận là thực tiễn mù quáng. Người còn luôn luôn sâu sát cơ sở, gắn bó với quần chúng nhân dân. Chẳng hạn, trong khoảng 10 năm từ 1955 đến 1965, Hồ Chí Minh đã thực hiện trên 700 lần xuống cơ sở thăm các địa phương, các ngành, các đơn vị, trường học, bộ đội, cơ quan, nhân dân...

Như vậy, mỗi năm có tới hơn 70 lần Người xuống cơ sở, mỗi tháng có tới 6 lần gặp gỡ, tiếp xúc với dân, với cơ sở. Điều này, phần nào đủ thấy Hồ Chí Minh gắn bó, sâu sát cơ sở, quần chúng nhân dân như thế nào. Bên cạnh đó, Người còn luôn luôn biết tổng kết kinh nghiệm thực tiễn một cách có lý luận để bổ sung cho lý luận những kết luận mới. Đó chính là một trong những biện pháp quan trọng để quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của Người. Vì vậy, Người luôn luôn nhắc nhở, căn dặn cán bộ, đảng viên: "... công việc gì bất kỳ thành công hoặc thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tách thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó sẽ là cái *thìa khoá phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới*"<sup>1</sup>. Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, theo Người

---

1. *Sđd*, t.5, tr.243.

không phải là việc không thể làm được, mà là việc mỗi cán bộ, đảng viên đều có thể thực hiện một cách có kết quả. Quan trọng là biết “dùng lý luận đã học được để phân tích những thắng lợi và thất bại trong công tác, những mặt đúng mặt sai trong tư tưởng ... để làm cho nhận thức của chúng ta đối với các vấn đề đó được nâng cao hơn và công tác có kết quả hơn”<sup>1</sup>.

Học tập việc quán triệt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh không chỉ là học tập phong cách quần chúng, sâu sát, gần bó với quần chúng, với cơ sở; không chỉ là việc học tập tổng kết kinh nghiệm thực tiễn mà còn phải học cả phong cách lời nói đi đôi với việc làm của Người. Bởi lẽ, lời nói và việc làm không nhất trí với nhau là một trong những biểu hiện cụ thể của việc học lý luận không liên hệ với thực tiễn, lý luận một đằng thực tiễn làm một nẻo. Ở Hồ Chí Minh nói và làm luôn luôn nhất trí, gắn liền với nhau. Thậm chí, đôi khi Người chỉ làm mà không nói, thấy làm đúng, làm phải mọi người sẽ làm theo. Chính vì gần bó, sâu sát, am hiểu thực tiễn như vậy nên tư duy của Người luôn thiết thực phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân, vì chủ nghĩa xã hội.

#### ***d) Học tập tinh thần học tập không mệt mỏi của Hồ Chí Minh***

Hồ Chí Minh không chỉ là tấm gương về phong cách diễn đạt, ứng xử, làm việc mà còn là một tấm gương sáng về tinh thần học tập không biết mệt mỏi. Như chúng ta đã rõ, phong cách tư duy không phải là bẩm sinh, có sẵn, phần nhiều do học tập, rèn luyện, trau dồi mà thành. Vì vậy, không chịu khó học tập, rèn luyện, trau dồi sẽ không thể xây dựng được phong cách tư duy khoa học. Một trong những biện pháp nhằm học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh có hiệu quả là phải học tinh thần học tập không ngừng, không mệt mỏi của Người. Khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã phải tự học tập trong những điều kiện cực kỳ khó khăn, gian khổ: không có thầy dạy, không có phương tiện và không có thời gian. Ấy vậy mà Người vẫn luôn luôn cần mẫn, chăm chỉ tự học. Những năm tháng đi làm thuê trên những con tàu viễn dương, hay đi quét tuyết, đốt lò, phụ bếp... ở bất kỳ nơi đâu: Lơ Havơ, Niu Oóc hay Luân Đôn, ... Người luôn tranh thủ thời gian rảnh rỗi hiếm hoi tự học tập để biết ngoại ngữ, văn hoá châu Âu. Người đã kể lại, để nắm vững

---

1. *Sđd*, t.8, tr.498.

ngoại ngữ, Người đã viết lên cánh tay để vừa đi, vừa xem, vừa làm vừa học, đến cuối ngày chữ bay dần hết cũng là lúc Người đã nhớ toàn bộ. Trong cuộc sống náo nhiệt, xa hoa ở Pari, trong khi người khác đến quán rượu, sòng bạc, Người ngồi để học.

Nguyên tắc, *phải học thêm mãi* mới làm được việc đã thấm vào máu của Người. Vì vậy, Người rất tâm đắc với lời của Khổng Tử: “học không biết chán, dạy không biết mỏi”<sup>1</sup>. Người căn dặn cán bộ, đảng viên phải khiêm tốn học hỏi, trong học tập phải tự học là chính. Điều gì biết thì nói biết, điều gì không biết thì nói không biết. *Kieu ngạo, tư phụ, tư mãn*, theo Người là *kẻ thù số một của học tập*. Cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong học tập. Khi học luôn phải đặt câu hỏi “vì sao”; phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có hợp với thực tế không, có thật là đúng không, tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều.

Hồ Chí Minh là người suốt đời phấn đấu, học tập không biết mệt mỏi. Khi trở thành người đứng đầu Đảng và Nhà nước, dù bận trăm công nghìn việc Người vẫn sắp xếp thời gian để đọc, học. Đối với Người, phải học ở trong xã hội, ở sách, báo, ở công việc, ở thực tế, ở quần chúng...

Để học tập được phong cách tư duy Hồ Chí Minh, cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng phải biết tự mình *học thêm mãi, học không biết chán* theo tinh thần của Hồ Chí Minh. Có như vậy, chúng ta mới có thể làm giàu được trí tuệ của mình bằng kho tàng tri thức nhân loại. Trên cơ sở ấy, chúng ta mới có thể học tập, rèn luyện, trau dồi được phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, thiết thực gắn với thực tiễn của Hồ Chí Minh.

---

1. *Sđd*, t.6, tr.46.

## CHỮ ĐỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI NGƯỜI CÁN BỘ VIỆT NAM

*TS Hoàng Trang*

Sinh thời, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới vấn đề đạo đức, nhất là đạo đức của người cán bộ cách mạng. Khi cả dân tộc ta phải sống dưới ách đô hộ của thực dân đế quốc Pháp, Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng, trong hoàn cảnh đó, dân ta muốn sống, muốn phát triển được không có cách nào khác là phải làm cách mạng. Vào những năm 20 của thế kỷ XX, khi khảo cứu lịch sử đấu tranh đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập của dân tộc ta, Hồ Chí Minh nhận xét: Dân ta làm cách mạng nhiều lần rồi nhưng chưa thành công. Và, Người chỉ ra rằng, trong thời đại mới muốn có cách mạng thắng lợi thì “Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”<sup>1</sup>. Luận điểm tổng kết này của Hồ Chí Minh chỉ rõ điều kiện tiên quyết cần có của cách mạng là phải có Đảng cách mạng lãnh đạo nhằm khắc phục thiếu sót của các phong trào cách mạng trước đó là chưa có đường lối của một giai cấp tiên tiến, đồng thời Hồ Chí Minh cũng chỉ ra sứ mệnh lịch sử của Đảng cách mạng là xây dựng cho được một lực lượng cách mạng hùng hậu, gồm sức mạnh của toàn dân và kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh của nhân loại. Chỉ như vậy, sự nghiệp của Đảng mới thành công, dân tộc mới có độc lập, nhân dân mới được sống tự do, hạnh phúc.

Nhưng làm thế nào để vận động, tổ chức dân chúng lại thành một lực lượng thống nhất, làm thế nào để đường lối của Đảng đi vào dân chúng, gắn bó Đảng với dân chúng, biến đường lối của Đảng thành hiện thực cách mạng sinh động? Để giải quyết vấn đề này, theo Hồ Chí Minh, Đảng phải có một đội ngũ cán bộ đông đảo. Đội ngũ cán bộ này tạo thành

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.2, tr.267-268.

sợi dây chuyên nối liền Đảng với dân. Sợi dây chuyên này tốt, vững thì cỗ máy cách mạng sẽ vận hành tốt và dân ta nhanh đi đến độc lập, tự do. Với ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh khẳng định rằng, cán bộ là cái gốc của mọi công việc và việc đào tạo cán bộ là việc gốc của Đảng.

Một vấn đề được đặt ra là cán bộ muốn hoàn thành vị trí cái gốc của mọi công việc cách mạng thì người cán bộ phải được đào tạo và rèn luyện theo những nội dung chuẩn mực nào? Ngay từ đầu, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, người cán bộ cách mạng phải là người có đức, đồng thời phải là người có tài. Hai chuẩn mực đó không thể thiếu được ở một người cán bộ cách mạng, nó gắn bó mật thiết với nhau và trong đó chữ “đức” phải là gốc. Xuất phát từ nhận thức đúng đắn đó mà sau 15 năm đi khắp thế giới tìm con đường giải phóng cho dân tộc, Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản, chiến sĩ quốc tế kiên cường. Năm 1925, Người về tới Quảng Châu (Trung Quốc) tập hợp và mở nhiều lớp huấn luyện cho những thanh niên yêu nước Việt Nam để chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản và xây dựng lực lượng cách mạng trong các giai tầng dân chúng Việt Nam. Trong đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ lớp đầu tiên của Việt Nam vào những năm 1925-1927 tại Quảng Châu, Hồ Chí Minh đã chú ý đến hai nội dung đức và tài. Và Người luôn luôn lưu ý đức là gốc. Do vậy, bài giảng đầu tiên trong tập bài giảng cho các lớp huấn luyện này của Hồ Chí Minh là bài *Tư cách một người cách mệnh* với 23 điều cụ thể. Với tinh thần đó, cuối năm 1940, sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, trước khi về nước trực tiếp lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Hồ Chí Minh đã mở nhiều lớp huấn luyện các thanh niên yêu nước của tỉnh Cao Bằng tại Tỉnh Tây (Trung Quốc) để đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt cho việc xây dựng Mặt trận Việt Minh. Bài giảng đầu tiên của Hồ Chí Minh cho các thanh niên yêu nước của Cao Bằng là bài *Tư cách người cán bộ*.

Nội dung và cách thức huấn luyện cán bộ của Hồ Chí Minh được Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp thu và phát triển. Và nó là cơ sở để các lớp đội ngũ cán bộ cách mạng Việt Nam rèn luyện, phấn đấu. Nhờ vậy khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ vắn vắn có mấy chục chiến sĩ cộng sản, sau 15 năm đã phát triển thành 5.000 đảng viên cộng sản kiên cường là nòng cốt của Đảng cùng hàng triệu người giác ngộ cách mạng, tạo thành sợi dây liên kết giữa Đảng và toàn dân tộc. Sự liên kết này tạo ra sức

mạnh to lớn, biến lời kêu gọi của Hồ Chí Minh là “Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”<sup>1</sup> trở thành hiện thực vào tháng Tám năm 1945. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, “dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”<sup>2</sup>, mở ra kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội cho dân tộc. Thắng lợi đó một phần là nhờ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam dày công giáo dục, tổ chức, rèn luyện đội ngũ cán bộ để họ một lòng vì dân vì nước, vì độc lập của dân tộc, tự do hạnh phúc của nhân dân - một đội ngũ cán bộ có đạo đức cách mạng.

Năm 1947, sau hai năm Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh viết cuốn *Sửa đổi lối làm việc* với nội dung phong phú, có giá trị to lớn về lý luận và thực tiễn. Cuốn sách đã thành tài liệu cho nhiều tổ chức và thế hệ cán bộ nghiên cứu, học tập, rèn luyện. *Sửa đổi lối làm việc* đã chỉ ra ưu điểm và những nhược điểm của Đảng, của cán bộ, cũng như nguyên nhân của nó và đặc biệt chỉ ra phương hướng sửa chữa những khuyết điểm. Nội dung bao trùm mà Hồ Chí Minh bàn tới trong *Sửa đổi lối làm việc* là vấn đề đạo đức của người cán bộ. Đặc biệt, Người bàn về những sai trái trong đạo đức, phong cách của người cán bộ mà những vấn đề đó nảy sinh phát triển từ khi Đảng cầm quyền. Khuyết điểm lớn nhất, bao trùm nhất là *chủ nghĩa cá nhân*, nó là “một thứ vi trùng rất độc do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm”<sup>3</sup> như bệnh tham lam, bệnh lười biếng, bệnh kiêu ngạo, bệnh hiếu danh, thiếu kỷ luật, hẹp hòi, địa phương chủ nghĩa, óc lãnh tụ, kéo bè, kéo cánh, v.v.. “Những tật bệnh đó khiến cho Đảng xệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bê trễ. Chính sách không thi hành được triệt để. Đảng xa rời quần chúng”<sup>4</sup>. Những khuyết điểm, sai lầm này là hết sức nguy hiểm, ảnh hưởng đến sự tồn vong của Đảng, của sự nghiệp cách mạng vì nó làm cho quần chúng hoang mang, những kẻ cơ hội lợi dụng để đạt mục đích tự tư tự lợi, bọn phản động thì lợi dụng những khuyết điểm đó

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.3, tr.554.

2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.557.

3. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.255.

4. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.258.

và tô vẽ thêm để phá hoại Đảng ta, phá hoại mối đoàn kết gắn bó giữa Đảng và nhân dân.

Nhìn rõ căn nguyên sâu xa những khuyết điểm, sai lầm của cán bộ, đảng viên và tìm ra phương sách sửa chữa sai lầm là cực kỳ quan trọng. Hồ Chí Minh nhìn nhận căn nguyên của những khuyết điểm sai lầm trên rất khoa học và xác đáng. Người cho rằng: “Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra. Vì vậy, tuy nói chung, thì đảng viên phần nhiều là những phần tử tốt, nhưng vẫn có một số chưa bỏ hết những thói xấu tự tư tự lợi, kiêu ngạo, xa hoa, v.v.. Những thói xấu đó có đã lâu, nhất là trong 80 năm nô lệ. Những thói xấu đó, họ mang từ xã hội vào Đảng”<sup>1</sup>. Trong điều kiện đó, “nếu trong Đảng ta, một Đảng mới từ trong xã hội cũ bước ra, nếu nó hoàn toàn không có những người xấu, việc xấu như thế mới là kỳ quái chứ? Cố nhiên nói thế không phải là để tự bào chữa”<sup>2</sup>. Do vậy, Hồ Chí Minh đặt vấn đề Đảng “phải giáo dục đảng viên và cán bộ kiên quyết cảm hóa những phần tử xấu, sửa chữa những thói xấu còn lại. Phải cố sửa chữa cho tiệt nọc các chứng bệnh”<sup>3</sup>. Còn “các đảng viên, các cán bộ, cần phải luôn luôn tự hỏi mình, tự kiểm điểm mình và đồng chí mình. *Luôn luôn dùng và khéo dùng* cách phê bình và tự phê bình, thì khuyết điểm nhất định hết dần, ưu điểm nhất định thêm lên và Đảng ta nhất định thắng lợi”<sup>4</sup>.

Đảng cầm quyền mới được hai năm, lại trong hoàn cảnh vừa kháng chiến vừa kiến quốc với tư cách và trách nhiệm của một người đứng đầu Đảng và Nhà nước, bận trăm công ngàn việc, song Hồ Chí Minh đã nhận rõ tính chất nghiêm trọng và nguy hiểm của những khuyết điểm, sai lầm ở một số cán bộ, đảng viên. Những khuyết điểm đó không được nhìn nhận đúng đắn và kiên quyết sửa chữa, nó sẽ phá hoại ngay sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc của Đảng và dân tộc. Thái độ của Hồ Chí Minh với những khuyết điểm, sai lầm đó là hết sức bình tĩnh, khoa học, kiên quyết và triệt để, nhưng cũng đầy tình nhân ái. Hơn thế nữa, Hồ Chí Minh cùng Đảng ta đã kiên trì giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên quét sạch chủ nghĩa cá nhân, xây dựng đạo đức cách mạng. Nhờ vậy, cái dây chuyên

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.262-263.

2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.263.

3. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.263.

4. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.265.



nổi Đảng với dân được tạo nên bằng chất liệu cực bền “đạo đức và tài năng của người cán bộ Cụ Hồ”, làm cho cỗ máy cách mạng Việt Nam chạy đều, chạy nhanh đưa sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc đến bến bờ thắng lợi.

Rõ ràng, yếu tố đạo đức được Hồ Chí Minh ngay từ buổi đầu cách mạng đánh giá là “cái nền”, “cái gốc” của người cán bộ cách mạng là hoàn toàn chuẩn xác. Việc Hồ Chí Minh và Đảng ta dày công rèn luyện đội ngũ cán bộ cách mạng Việt Nam vừa “hồng” vừa “chuyên” là phương hướng đúng đắn và là yếu tố trọng yếu bảo đảm cho cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi vẻ vang.

Những nội dung về đạo đức của người cán bộ, đảng viên được Hồ Chí Minh bàn tới trong *Sửa đổi lối làm việc* cả mặt ưu điểm và khuyết điểm, cả cách nhìn nhận và thái độ, nhất là với những khuyết điểm sai lầm còn nguyên giá trị trong sự nghiệp đổi mới hiện nay của Đảng và dân tộc ta. Sự nghiệp đổi mới thực chất là thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh. Do vậy, nghiên cứu sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh là đòi hỏi không thể thiếu được đối với mỗi cán bộ, đảng viên, với Đảng và toàn dân tộc ta. Trên cơ sở nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta sẽ có phương pháp, cách thức nhìn nhận, đánh giá và giải quyết thực tế tốt hơn. Vì chính tư tưởng Hồ Chí Minh là sự phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin.

Những thập niên khủng hoảng kinh tế - xã hội và đổi mới đã một lần nữa khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn của lịch sử. Để củng cố nền độc lập và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và lực lượng toàn dân đoàn kết vẫn là những yếu tố tiên quyết. Và cán bộ vẫn là cái gốc của mọi công việc, là sợi dây chuyên nối Đảng với nhân dân, vì “cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”<sup>1</sup>. Do vậy, trong đổi mới, “muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”<sup>2</sup>. Xuất phát từ thực tiễn những năm đổi mới và nhận thức trên, Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo toàn dân thực

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.269.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.240.

hiện sự nghiệp đổi mới đã không ngừng chăm lo giáo dục đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành. Đúng trước bước phát triển của sự nghiệp đổi mới, tháng 6-1997, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ ba và ra Nghị quyết “Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Sau mười năm đổi mới, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và có những bước tiến đáng mừng. Song, mặt trái của kinh tế thị trường cộng với việc tổ chức chỉ đạo nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội với Đảng và Nhà nước ta còn mới mẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm, do vậy thập niên đầu tiên của sự nghiệp đổi mới cũng còn không ít những khuyết điểm. Có những khuyết điểm trầm trọng về đạo đức của đội ngũ cán bộ, làm nhức nhối xã hội. Nạn tham nhũng, buôn lậu diễn ra dưới nhiều hình thức: trực tiếp, gián tiếp. Tệ nạn này đã phá hoại, làm thất thoát hàng nghìn tỷ đồng của nhân dân. Tệ nạn này đã trở thành phổ biến. Những con sâu mọt của tệ nạn này đã cố tình quên đi lời dạy của Hồ Chí Minh là cán bộ phải “cần, kiệm, liêm, chính”. Nếu thiếu một trong bốn điều kiện đó không thành người. Hồ Chí Minh còn dạy “liêm” là thước đo bản chất con người. Người cán bộ “liêm” là không tư tâm, biết làm những việc trong sáng, việc có hại cho nhân dân, cho dân tộc thì dù nhỏ mấy cũng không làm, ngược lại những việc có lợi cho dân, cho nước thì dù nhỏ mấy, khó khăn mấy cũng làm. Những năm qua những con sâu mọt tham nhũng, buôn lậu vì “tự tư tự lợi” đã cố tình đi ngược lại những lời dạy của Hồ Chí Minh, đi ngược lại những truyền thống và lợi ích của dân tộc. Vì có lợi cho riêng mình, họ sẵn sàng ký những hợp đồng với đối tác làm hại đến văn hóa, môi trường và kinh tế của nước nhà; họ sẵn sàng mua những thiết bị cũ với giá cao của nước ngoài về để Nhà nước và nhân dân phải è cổ trả nợ; và họ sẵn sàng tìm trăm phương ngàn kế để ăn bớt ăn xén tiền của của dân, họ lợi dụng chức quyền để mưu cầu lợi ích riêng. Hồ Chí Minh đã chỉ ra những hạng người đó là loại “bất liêm” và đã “bất liêm” thì họ “không bằng con vật”. Những tật bệnh của họ được Hồ Chí Minh chỉ rõ từ lâu, đó là *chủ nghĩa cá nhân*. Nhưng hiện nay, khác là ở chỗ, nó phát triển trong điều kiện cơ chế kinh tế thị trường, ở thời kỳ mở cửa, tranh thủ huy động nguồn lực bên ngoài phát triển đất nước. Lợi dụng những mặt trái của cơ chế kinh tế, những

sơ hở của Nhà nước và lòng tin của nhân dân, họ đã bán rẻ lương tâm mình, nuôi béo con sâu “cá nhân chủ nghĩa”, gây nên tình trạng hoang mang trong xã hội. Đúng như Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (tháng 6-1997) đã nhận định: “Một bộ phận cán bộ thoái hóa biến chất về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, lãng phí của công; quan liêu, ức hiếp dân, gia trưởng độc đoán; có tham vọng cá nhân, cục bộ, kèn cựa địa vị, cơ hội, kém ý thức tổ chức kỷ luật, phát ngôn và làm việc tùy tiện, gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng. Đáng chú ý là những biểu hiện tiêu cực này đang có chiều hướng phát triển, làm xói mòn bản chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, làm suy giảm uy tín của Đảng, suy giảm niềm tin của nhân dân đối với chế độ”<sup>1</sup>. Đó là những căn bệnh mà cách đây 50 năm Hồ Chí Minh đã cảnh báo khi cách mạng giành được chính quyền về tay nhân dân vừa hai năm. Cái mới hiện nay là quy mô, mức độ trầm trọng và tác hại lớn hơn nhiều. Thái độ của Đảng, Nhà nước ta đối với căn bệnh này như thế nào? Có thể nói, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII của Đảng, các văn kiện của Quốc hội, của Chính phủ thể hiện khá đầy đủ ở tầm vĩ mô về chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ hiện nay phải “coi trọng cả đức và tài, đức là gốc”<sup>2</sup>. Nhưng để có “đức là gốc” thì đối với một bộ phận cán bộ thoái hóa biến chất về đạo đức ta xử trí như thế nào? Biện pháp cụ thể có thể rất phong phú, nhưng phải quán triệt lời dạy của Hồ Chí Minh là phải cố sửa chữa cho *tiệt nọc* các chứng bệnh đó. Chỉ trên cơ sở đó mới xây dựng được đội ngũ cán bộ vừa có đức, vừa có tài và đạo đức cách mạng là gốc. Đó cũng là đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Con người là chủ thể của cộng đồng xã hội, con người vừa là nhân vừa là quả của cộng đồng xã hội mà họ tồn tại. Để đấu tranh cho *tiệt nọc* các chứng bệnh phi đạo đức và xây dựng được một xã hội có đạo đức mới vẫn phải thực hiện tốt những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh: phối hợp đồng bộ giữa cá nhân và cộng đồng trong nhận thức và thực hành đạo đức. Hồ Chí Minh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.68.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, tr.80.

dạy rằng, trong mỗi con người đều có cái thiện, cái ác, cái đúng, cái sai, mỗi con người phải biết nhận rõ đúng, sai, và biết hành động cho cái đúng và chống lại cái sai. Nhưng cái đúng, cái sai đó bao giờ cũng xuất phát từ quyền lợi của cộng đồng mà xây dựng nên. Do vậy, trong công tác, trong tranh đấu, trong huấn luyện, các đảng viên, các cán bộ, cần phải luôn luôn tự hỏi mình, tự kiểm điểm mình xem cái gì mình đã làm đúng, cái gì mình chưa làm đúng, đó là điều quyết định để ở mỗi con người “cái thiện”, “cái tốt” ngày càng nhiều, “cái xấu”, “cái ác” bị quét sạch đi. Nhưng “cái thiện”, “cái đúng” phải là chuẩn mực của cộng đồng. Do vậy, Nhà nước - người đại diện của cộng đồng - phải xây dựng được những chuẩn mực đạo đức cho cộng đồng và phải có công cụ để bảo vệ chuẩn mực đạo đức, đó là pháp luật. Và pháp luật chính là đạo đức được luật pháp hóa để giúp cho cộng đồng xã hội vươn tới xã hội có đạo đức, có trật tự, kỷ cương. Nhưng theo Hồ Chí Minh, không phải cứ có luật là xã hội răm rắp tuân theo, xã hội có kỷ cương ngay, mà phải qua quá trình nhận thức, mỗi người tự giác nhận ra cái đúng, cái sai, tự giác chấp hành luật pháp. Do đó, trách nhiệm của xã hội (Nhà nước) là phải tuyên truyền, giáo dục cho mọi người về đạo đức, về pháp luật.

Đạo đức đối với xã hội nói chung, với cán bộ nói riêng là điều không thể thiếu được. Việc xây dựng những chuẩn mực đạo đức và hệ thống pháp luật phải là việc làm thường xuyên của Nhà nước. Hơn thế, việc giáo dục đạo đức và pháp luật một cách có hệ thống và thường xuyên từ trường học đến xã hội với nội dung và phương pháp thích hợp có vị trí quan trọng trong việc nhận thức và hành động theo đạo đức và pháp luật của mọi đối tượng trong toàn xã hội. Mỗi thành viên của xã hội, của mọi tổ chức nhà nước phải sống theo pháp luật và rèn luyện theo những chuẩn mực đạo đức xã hội. Hiện nay những người vi phạm pháp luật, suy thoái về đạo đức, tham nhũng, buôn lậu mà là cán bộ nhà nước, không phải họ không biết những chuẩn mực đạo đức cần có của người cán bộ mà có thể nói họ là những người am hiểu tường tận về pháp luật, nhưng vì lợi ích cá nhân nên họ bán rẻ nhân phẩm, bất chấp pháp luật, bất chấp lợi ích của dân tộc, của nhân dân. Những loại người này pháp luật phải thẳng tay trừng trị. Đó cũng là một việc làm có ý nghĩa giáo dục sâu sắc và mang tính nhân đạo cao. Không “quét sạch chủ nghĩa cá nhân” thì cũng không thể xây dựng đạo đức cách mạng” được. Việc làm này như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy phải được làm thường xuyên ở mọi thế hệ, ở mỗi con người và trong toàn xã hội.

## YÊU CẦU VỀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ TRÍ TUỆ CỦA CÁN BỘ

*GS, TS Phạm Ngọc Quang*

Những thành tựu to lớn đạt được trong hơn mười năm đổi mới vừa qua trước hết nhờ đường lối đúng đắn của Đảng, sự nhiệt tình hưởng ứng của nhân dân. Nhưng có đường lối đúng, được nhân dân đồng tình mà không có đội ngũ cán bộ *đủ năng lực* để triển khai, có *đủ khả năng quy tụ* sức mạnh của quần chúng để tổ chức thực hiện... thì đường lối đó cũng không dẫn tới những thay đổi tích cực như chúng ta đã thấy. Sớm nhận thức được vấn đề này, Bác Hồ đã nêu ra tư tưởng: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”<sup>1</sup>. Ngày nay, Đảng ta cũng sớm xem việc chăm lo đào tạo cán bộ quản lý nhà nước, quản lý sản xuất kinh doanh, cán bộ khoa học và công nghệ... là “bài học kinh nghiệm lớn thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng về công tác cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng”<sup>2</sup>.

Nhờ quán triệt sâu sắc tư tưởng và bài học kinh nghiệm đó, chúng ta đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ đông đảo, trung thành với sự nghiệp cách mạng, hăng hái, nhiệt tình, năng động và sáng tạo, có năng lực trí tuệ cao. Đó là một nguồn vốn quý của Đảng và nhân dân ta.

Trong khi đánh giá cao thành quả trên lĩnh vực này, chúng ta cũng không thể không thấy một thực tế khác là: “Kiến thức, trình độ hiểu biết về lý luận và thực tế của nhiều cán bộ chưa theo kịp yêu cầu của tình hình hiện nay”<sup>3</sup>.

Dường như sớm đoán định được khả năng hẫng hụt đó, ngay từ năm 1947, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Bác Hồ đã nêu ra nhiều tư tưởng quý giá về sự cần thiết phải nâng cao năng lực trí tuệ của cán

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.269.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.23.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, tr.26.

bộ mà việc nhận thức, vận dụng đúng đắn những tư tưởng đó của Người đã trở thành một cơ sở đáng tin cậy để góp phần khắc phục dần những hạn chế của cán bộ ta hiện nay.

Cán bộ, theo Hồ Chí Minh, “là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”<sup>1</sup>. Để hoàn thành chức năng đó, người cán bộ không chỉ cần có tư cách, đạo đức trong sáng, lòng nhiệt tình hăng hái hy sinh, mà còn cần có năng lực trí tuệ cao, biết nhận thức và vận dụng đúng đắn những quy luật tự nhiên và xã hội vào hoạt động của mình. Hoàn toàn có lý khi nói rằng: “Lòng nhiệt tình hăng hái hy sinh + sự dốt nát = phá hoại”. Không chỉ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở thời kỳ trước đổi mới, có cả không ít trường hợp ngay trong quá trình đổi mới, do trình độ trí tuệ thấp kém của một bộ phận cán bộ, có nơi, có lúc đã gây lãng phí, thất thoát hàng nhiều tỷ đồng. Một số công trình đầu tư bao công sức nhưng không mang lại hiệu quả tương xứng, thậm chí bỏ xó, trong khi nguồn đầu tư còn rất hạn chế. Những thiếu sót do kém cỏi về trí tuệ như vậy đã gây những cản trở không nhỏ cho sự phát triển của đất nước, cho việc cải thiện đời sống của nhân dân...

Cán bộ không chỉ là người tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, đem ý kiến của nhân dân biến thành chủ trương của các cơ quan của Đảng và Nhà nước tương ứng; cán bộ còn là, và trước hết là, người biết *lãnh đạo đúng đắn* để quần chúng thực hiện các chủ trương đó của Đảng và Nhà nước. Lãnh đạo đúng, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng...
2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng...
3. Phải tổ chức sự kiểm soát...”<sup>2</sup>.

Ngày nay có cả một khoa học về việc ra các quyết định. Cán bộ có đủ năng lực trí tuệ nắm vững và vận dụng khoa học đó là điều kiện không thể thiếu để ra quyết định đúng. Mọi quyết định đều là kết quả của quá trình xử lý thông tin. Để ra đời một quyết định, chúng ta phải

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.269.  
2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.285.

trải qua một loạt giai đoạn: thu thập thông tin, xử lý thông tin, hình thành các phương án, lựa chọn phương án, quyết định.

Trong chuỗi dây xích đó, để có quyết định đúng, trước hết “đầu vào” (thu thập thông tin) phải đạt ít ra ba yêu cầu: đầy đủ, đúng đắn, kịp thời. Muốn vậy, *cán bộ phải có năng lực* nắm bắt thông tin, *xác định đúng* phạm vi thông tin cần thu thập, có bản lĩnh nhìn thẳng vào sự thật, khắc phục bệnh cơ hội, lựa chiều khi thu thập thông tin.

Để xử lý thông tin có kết quả, *cán bộ cần có khả năng phân biệt chính xác* đâu là thông tin thật, đâu là thông tin “nhiều” để từ đó phát hiện đúng thực chất của vấn đề. Chúng ta chỉ có được kết luận chuẩn xác, khi đã có một thông tin đầy đủ, chính xác về các vấn đề có liên quan tới lĩnh vực này. Khi đã phát hiện ra vấn đề, người cán bộ còn có nhiệm vụ đưa ra các phương án giải quyết thích hợp, ở đó có sự kết hợp chặt chẽ giữa đòi hỏi khách quan với năng lực thực tế của nhân tố chủ quan.

Để đi tới kết quả, có thể có nhiều phương án khác nhau. Việc lựa chọn được phương án tối ưu khó có thể đạt tới, nếu người cán bộ không biết dựa vào chuyên gia, vào sự sáng tạo của quần chúng. Khi đề cập tới phương diện thứ nhất của vấn đề vừa nêu, Hồ Chí Minh không ít lần nhấn mạnh sự cần thiết phải biết sử dụng nhân tài. Hồ Chí Minh cho rằng: “Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra”<sup>1</sup>.

Khi đã có quyết định đúng, cán bộ phải có đủ năng lực thuyết phục để quần chúng thấy rõ tính đúng đắn của quyết định đó, thấy được những lợi ích thiết thực nào của họ được thực hiện, một khi biến quyết định đó thành hiện thực. Sự thiếu sót, thô bạo trong công nghệ đưa quyết định vào nhân dân khó tránh khỏi tình trạng như Hồ Chí Minh đã nhắc nhở: “Bánh ngọt là một thức ngon lành, nhưng đem bánh ngọt *bắt người ta ăn*, nhét vào miệng người ta thì ai cũng chán”<sup>2</sup>. Liên quan tới vấn đề này, tầm cao trong năng lực của cán bộ biểu hiện ở chỗ họ có đủ khả năng biến cái vốn là *quyết định của người lãnh đạo, của cơ quan lãnh đạo* thành *sự tự quyết định* của chính nhân dân.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.295.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.246.

Nâng cao năng lực trí tuệ, có đủ khả năng nắm bắt và vận dụng những quy luật khách quan còn là con đường có hiệu quả nhất để chống bệnh chủ quan, duy ý chí. Về vấn đề này, Hồ Chí Minh viết: “Vì kém lý luận, cho nên gặp mọi công việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử lý cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại”<sup>1</sup>

Cách mạng là sáng tạo. Điều đó cần được hiểu theo đúng nghĩa: *một là*, cách mạng là quá trình sáng tạo ra cái mới hợp quy luật của sự tiến bộ; *hai là*, để cái mới mang tính tiến bộ đó biến thành hiện thực cần có sáng tạo trong cách thức, phương thức thực hiện phù hợp với bản chất của quá trình chuyển biến mang tính cách mạng đó; *ba là*, để có hai điều trên cần một tư duy sáng tạo, nó đối lập với sự giáo điều bảo thủ định kiến tuyệt đối hóa cách nghĩ, cách làm đã có như một giới hạn không thể vượt qua.

Tương ứng với cách làm mới, cách nghĩ mới với giải pháp mới, người ta nói tới “sáng kiến” trong tư duy và hành động. Như vậy, để đưa cách mạng tiến lên, cán bộ cần có sáng kiến. Như Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “Sáng kiến không phải cái gì kỳ lạ. Nó chỉ là kết quả của sự nghiên cứu, suy nghĩ trong những hoàn cảnh, trong những điều kiện rất tầm thường, rất phổ thông, rất thiết thực”<sup>2</sup>.

Việc phát huy sự tìm tòi sáng tạo, việc phát huy “sáng kiến” đang đặt ra trước mắt chúng ta như là một vấn đề bức xúc. Điều đó trước hết liên quan tới việc tìm ra mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đành rằng nhờ đổi mới tư duy lý luận mà “con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn”<sup>3</sup> như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta đã nêu ra. Nhưng điều đó không có nghĩa là đến nay mọi vấn đề về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đều đã rõ ràng. Điều đó càng đúng, khi chúng ta nói tới một số vấn đề lý luận của quá trình đổi mới. Chẳng hạn, về nguyên tắc, chúng ta đã khẳng định rằng xét về kinh tế: để tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, chúng ta phải sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.234.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.244.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.68.



nước; rằng để có dân chủ xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; rằng, để mở rộng dân chủ nhằm phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân, cùng với việc phát huy dân chủ đại diện, phải không ngừng mở rộng dân chủ trực tiếp của nhân dân; rằng, để giữ vững tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, bộ phận kinh tế nhà nước phải đóng vai trò chủ đạo... Nhưng, mặt khác, chúng ta cũng biết rằng chủ nghĩa tư bản nhà nước vừa có mặt thống nhất, vừa có mặt mâu thuẫn với chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh những yếu tố tích cực không thể chối cãi, và chính vì thế mà chúng ta sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước cũng phát sinh không ít những tiêu cực, bệnh hoạn không chỉ trong kinh tế mà trong cả văn hóa, tư tưởng và tinh thần. Sự phân hóa giàu nghèo, cạnh tranh, một bộ phận người còn bị bóc lột... là những yếu tố không tách rời chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức khác nhau. Làm thế nào để hạn chế tối đa những tác động tiêu cực do những thuộc tính đó sinh ra mà không làm mất đi chủ nghĩa tư bản nhà nước trong kinh tế.

Đã nói tới xây dựng Nhà nước pháp quyền thì một trong những nguyên tắc không thể thiếu trong tổ chức và vận hành của nó là pháp luật cần được xem là tối thượng. Trong khi đó, cũng chính là để có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của dân, do dân, vì dân lại cần giữ vững và tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Không phải mối tương quan giữa hai nguyên tắc này đã được mọi người nhận thức một cách sáng tỏ.

Trong khi khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước được thực hiện trước hết và chủ yếu bằng năng suất, chất lượng, hiệu quả của nó thì không ít doanh nghiệp nhà nước lại thua lỗ. Đây đang là vấn đề xã hội cần quan tâm.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mà *dân chủ trên lĩnh vực kinh tế là tiên đề*, trong đó, quyền sở hữu là yếu tố cực kỳ quan trọng. Làm sao trong giới hạn của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu, người lao động lại cảm nhận một cách thực tế quyền làm chủ của mình trên lĩnh vực chủ chốt này.

Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, các cơ quan nhà nước không tự có quyền; mọi quyền lực mà Nhà

nước có được đều do nhân dân ủy quyền. Từ đó, một vấn đề lớn được đặt ra: trong khi hoàn thiện dân chủ đại diện và nâng cao dân chủ trực tiếp phải hình thành một cơ chế như thế nào để ngăn chặn tình trạng *nhân dân ủy quyền rồi mất quyền*?

Liên quan tới công nghệ thực hiện dân chủ, một vấn đề không kém bức xúc là mở rộng dân chủ trực tiếp của nhân dân nhưng làm sao để không dẫn tới tình trạng vô tổ chức, vô kỷ cương?...

Nói cách khác, chúng ta đang sống trong một thời kỳ câu hỏi đặt ra thì nhiều, nhưng những lời giải đáp đúng đắn và kịp thời cho những câu hỏi đó còn chưa tương xứng với đòi hỏi của cuộc sống. Đó cũng là dấu hiệu nói lên sự chưa ngang tầm trong năng lực trí tuệ của đội ngũ cán bộ trước yêu cầu của giai đoạn mới.

Trong bối cảnh đó, chúng ta càng thấy rõ tính đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quan niệm của Người về “tư cách của đảng viên chân chính cách mạng” mà một trong những số đó là: “phải hiểu biết lý luận”<sup>1</sup>. Hơn nữa, Người còn xem: “Cố gắng học tập chính trị, quân sự, văn hóa”<sup>2</sup> là một trong sáu “bốn phận” của người đảng viên.

Để nâng cao năng lực trí tuệ của mình, *một mặt*, cán bộ phải thường xuyên tích lũy kinh nghiệm qua hoạt động thực tiễn; *mặt khác*, phải không ngừng học tập qua trường lớp, qua sách vở, qua tiếp thu kinh nghiệm của người khác và nước khác. Từ hai tiền đề đó mà rút ra lý luận cho cách mạng nước ta. Liên quan tới vấn đề này, chúng ta cần hết sức lưu ý cách đặt vấn đề sau đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Lý luận do kinh nghiệm cách mạng ở các nước và trong nước ta, do kinh nghiệm từ trước và kinh nghiệm hiện nay gom góp phân tích và kết luận những kinh nghiệm đó thành ra lý luận”<sup>3</sup>.

Khi nhấn mạnh sự cần thiết phải đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Từ nay, công việc gì bất kỳ thành công hay thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tách thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó sẽ là cái *thìa khóa phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới*. Có như thế thì người mới có tài, tài mới có

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.249.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.266.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.272.

dụng”<sup>1</sup>. Kết luận được rút ra từ tổng kết thực tiễn ở tầm khái quát, tầm bản chất, đó không gì khác hơn chính là lý luận.

Nêu lên tư tưởng đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh cốt để chúng ta lưu ý rằng, muốn xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, chúng ta phải nắm vững phương pháp luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà tổng kết thực tiễn đất nước và thời đại để rút ra những luận điểm lý luận cần thiết cho ngày hôm nay. Mọi sự giáo điều, rập khuôn máy móc lý luận và kinh nghiệm nước khác, hoàn cảnh khác đều dẫn tới thất bại.

Ngay trong hoàn cảnh phức tạp của những năm đầu mới giành được chính quyền, Bác Hồ đã thấy tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ: “Mỗi cơ quan,..., đoàn thể phải tổ chức một ủy ban học tập, do cán bộ cao cấp lãnh đạo”<sup>2</sup>. Ngày nay chúng ta có cả một hệ thống trường lớp từ Trung ương đến địa phương để đào tạo cán bộ về văn hóa, khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ và lý luận với nhiều trình độ khác nhau. Hệ thống đó thực sự đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao trình độ của cán bộ các ngành, các cấp.

Trong khi nhấn mạnh những cống hiến to lớn của hệ thống trường lớp vào việc nâng cao trình độ cho cán bộ, Đảng ta cũng chỉ ra rằng: “Công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa gắn với yêu cầu, tiêu chuẩn và quy hoạch sử dụng cán bộ. Chất lượng và hiệu quả đào tạo còn thấp. Nội dung chương trình và phương pháp đào tạo cán bộ chậm đổi mới...”<sup>3</sup>. Sau thời gian xem quá trình hoạt động thực tiễn là tất cả, thì giờ đây, ở nơi này hay nơi khác, lại chuyển sang thái cực xem bằng cấp là tất cả. Trong học tập, một số cán bộ chạy theo bằng cấp một cách thiếu thực chất đã ảnh hưởng không tốt tới tất cả những ai học hành một cách nghiêm túc. Đây đó đã diễn ra hiện tượng “học trường, thi quán” gây nhiều tai tiếng trong xã hội.

Từ một số luận điểm có liên quan tới yêu cầu nâng cao năng lực trí tuệ của cán bộ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* và yêu cầu bức thiết của việc vận dụng những luận

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.243.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.231.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.71.

điểm đó vào công tác cán bộ hiện nay, chúng ta thấy rằng để chính trị thực sự vừa là một khoa học, vừa là một nghệ thuật, không thể không nâng cao năng lực trí tuệ của mọi cán bộ cả trong bộ máy Đảng lẫn bộ máy Nhà nước. Chỉ như vậy, người cán bộ mới đủ tầm hiểu biết mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là những tri thức về quản lý kinh tế, quản lý xã hội; mới có khả năng phát huy cao độ vai trò yếu tố con người - cái được xem là nguồn lực của mọi nguồn lực, là giá trị cao nhất của mọi giá trị, sự phát triển tự do và toàn diện của con người được xem là mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội nói chung, của quá trình đổi mới ở nước ta nói riêng.

Bản sao lưu trữ

## TƯ TƯỞNG VỀ CÁN BỘ VÀ ĐÀO TẠO HUẤN LUYỆN CÁN BỘ

*TS Hà Quang Ngọc*

Tháng 10-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hoàn thành tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*. Một tác phẩm không dày, dưới một cái tên giản dị, “nhưng mỗi câu, mỗi chữ có một ý nghĩa, một mục đích” đối với việc xây dựng một chính đảng chân chính cách mạng, củng cố và hoàn thiện chính quyền Nhà nước dân chủ nhân dân non trẻ, xây dựng đội ngũ cán bộ cách mạng ngày càng vững mạnh để đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đi tới thắng lợi. Những suy nghĩ trăn trở được Người viết ra trong tác phẩm, do bản chất của vấn đề, do cách thức giải quyết của Người, đã tồn tại với thời gian, tiếp tục có ý nghĩa chỉ đạo to lớn đối với mọi công việc của chúng ta trong tình hình hiện nay.

Một trong những trọng tâm lớn của tác phẩm là vấn đề cán bộ và đào tạo cán bộ. Ngoài một chương nguyên vẹn “Vấn đề cán bộ”, thì hầu như trong toàn bộ cuốn sách, Người đều bàn tới vấn đề cán bộ một cách trực tiếp hay gián tiếp, dưới các phương diện này hay khác như: vấn đề đạo đức, phương pháp cách thức làm việc của cán bộ, những thói hư tật xấu cần tránh, v.v.. càng cho thấy tầm quan trọng, sự rộng lớn của vấn đề và mối quan tâm của Người.

Ngay những dòng đầu của chương “Vấn đề cán bộ”, phân tích mối quan hệ cụ thể giữa cán bộ với công việc, Người chỉ rõ: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành; đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”<sup>1</sup>. Từ sự thực hiện nhiên ấy, Người đã đi đến một kết luận hết sức ngắn gọn,

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.269.

rõ ràng và sâu sắc: “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>. Tư tưởng đó có nghĩa là không có cán bộ, thiếu cán bộ, không có cán bộ tốt, thì không thể tiến hành bất cứ công việc gì, không thể đạt được bất cứ kết quả mong muốn nào. Tư tưởng ấy không chỉ đúng với hoàn cảnh khi tác phẩm ra đời, khi Đảng ta đang phải tiến hành xây dựng nhà nước cách mạng non trẻ và kháng chiến chống giặc ngoại xâm, mà còn đúng cả trong hoàn cảnh hiện nay. Sự chuyển đổi nhiệm vụ cách mạng từ giải phóng dân tộc sang xây dựng đất nước, từ nền kinh tế - xã hội phục vụ chiến tranh, tập trung bao cấp, sang nền kinh tế - xã hội văn hoạt động theo cơ chế thị trường cũng làm cho vấn đề cán bộ trở nên hết sức quan trọng và cấp bách. Một đội ngũ có đủ năng lực, thích ứng và đảm nhận được những nhiệm vụ lớn trong tình hình mới, có đủ bản lĩnh, phẩm chất đạo đức trước những cám dỗ của hoàn cảnh mới đang là một công việc lớn của toàn Đảng. Nếu trước kia trong cuộc tranh đấu thường hao tổn một số cán bộ quý báu, “chúng ta càng phải quý cán bộ, phải bổ sung cán bộ, giữ gìn cán bộ cũ và đào tạo cán bộ mới” thì trong điều kiện xây dựng cuộc sống mới, “Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc của chúng ta”.

Trong công tác cán bộ, Người yêu cầu Đảng phải có phương thức thực hiện đúng đắn. Đảng “phải biết rõ cán bộ” để “tìm thấy những nhân tài mới”, để “những người hủ hóa cũng lòi ra”<sup>2</sup>; “phải cất nhắc cán bộ một cách cho đúng” để công việc thành công, “phải khéo dùng cán bộ”<sup>3</sup> để công việc đạt hiệu quả; “phải phân phối cán bộ cho đúng” để chỗ nào, lĩnh vực nào cũng có người làm việc, có người chịu trách nhiệm trước công việc, trước nhân dân; “phải giúp cán bộ cho đúng” để họ có thể yên tâm, tận tâm, tận lực vì công việc; “phải giữ gìn cán bộ” để đội ngũ cán bộ không bị hao mòn đi. Những phương châm hành động trong công tác cán bộ ấy luôn đúng trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào và càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thời kỳ đổi mới và phát triển đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội. Sự đổi mới và phát triển toàn diện cả bề rộng lẫn bề sâu, có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn,

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.269.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.274.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.277.

những khả năng, khuynh hướng tích cực rất nhiều nhưng cũng có cả những yếu tố tiêu cực. Tất cả những điều đó đang tác động mạnh mẽ tới đội ngũ cán bộ, một mặt thúc đẩy và tạo điều kiện cho cán bộ có ý chí, nghị lực, hy sinh tận tụy phấn đấu để trưởng thành, nhưng mặt khác cũng có thể làm cho một số cán bộ biến chất, trở nên hủ bại biến thành sâu mọt của dân, làm hỏng mình, làm hại tới công việc xã hội. Vì vậy hơn lúc nào hết, thực hiện đúng các phương châm về cán bộ của Người sẽ không chỉ quản lý, sử dụng có hiệu quả lực lượng cán bộ hiện có mà còn làm cho đội ngũ cán bộ không ngừng lớn mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cùng với việc vạch ra những phương châm chỉ đạo chung, đối với người lãnh đạo quản lý, Hồ Chí Minh cũng chỉ ra những trách nhiệm và việc làm cụ thể để xây dựng và phát huy hết khả năng của đội ngũ cán bộ, hạn chế những thiếu sót, sai lầm. Bởi chính họ, không phải ai khác sẽ là người trực tiếp thực hiện công tác cán bộ của Đảng. Người còn vạch rõ cán bộ quản lý lãnh đạo phải biết “chỉ đạo”, “nâng cao” năng lực cán bộ, “kiểm tra”, “cải tạo”, “giúp đỡ” cán bộ, với anh em đồng chí “phải hiểu hết cán bộ”, “khéo dùng cán bộ”, “cất nhắc cán bộ”, “yêu thương cán bộ”, “phê bình cán bộ”. Thực hiện được các nội dung yêu cầu đó sẽ làm cho việc sử dụng, bố trí cán bộ hợp lý, có hiệu quả. Trong công việc hiện nay, do sự chuyển đổi nhiệm vụ cách mạng, ở các cấp, các ngành, trong nhiều lĩnh vực, đang thiếu những cán bộ có khả năng đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ mới, đó là một thực tế trong mỗi quá trình phát triển. Đòi hỏi phải dày công đào tạo, huấn luyện, xây dựng mới có được một đội ngũ cán bộ trung thành, tận tụy, có đủ năng lực, phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ. Nhưng nếu người lãnh đạo quản lý biết khéo dùng, biết tùy tài mà dùng người, “biết dùng người đúng chỗ, đúng việc”, lãnh đạo khéo như Bác đã chỉ dẫn thì “tài nhỏ, hóa ra tài to”<sup>1</sup> sẽ làm giảm bớt những thiếu hụt cán bộ. Nhưng nếu như mắc vào những “chứng bệnh”- “ham dùng người bà con anh em quen biết, bầu bạn”, “ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình”, “ham dùng những người tính tình hợp với mình” - một chứng bệnh rất dễ mắc và lãnh đạo không khéo thì “tài to cũng hóa ra tài nhỏ”, dẫu có trong tay cả một “mớ cán bộ” thì cũng vẫn cứ thiếu,

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.280.

mở nhiều trường lớp, đào tạo thật nhiều cũng vẫn không đủ, cán bộ thì làm bậy, làm “hổng cả công việc của Đảng”. Như thế, sự thiếu đủ cán bộ, không chỉ nằm trong chính đội ngũ cán bộ, mà còn phụ thuộc vào sự lãnh đạo khéo hay không khéo của người quản lý, chỉ đạo, vào sự lành mạnh ở họ. Qua bao cố gắng xây dựng, hiện chúng ta có một đội ngũ cán bộ được đào tạo cơ bản, có trình độ, với một số lượng không nhỏ, nhưng để cho công việc thiếu cán bộ là phần trách nhiệm của những người lãnh đạo, quản lý.

Như vậy, vấn đề cán bộ vừa là vấn đề chung của toàn Đảng, nhưng cũng sẽ là vấn đề cụ thể trực tiếp của mỗi cán bộ quản lý. Đội ngũ cán bộ có lớn mạnh hay không, có đủ sức đảm nhiệm các nhiệm vụ mới hay không, vừa phụ thuộc vào những chủ trương, đường lối chung, vừa phụ thuộc rất nhiều vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Vì vậy, cùng với việc đổi mới các chủ trương, biện pháp, chính sách trong đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ đã được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII của Đảng xác định, những hoạt động tích cực chủ động của các cấp lãnh đạo quản lý là một việc làm hết sức quan trọng để thực hiện thành công các chủ trương biện pháp, chính sách của Đảng về cán bộ, làm cho đội ngũ cán bộ thực sự ngày càng lớn mạnh và phát triển.

Vấn đề đào tạo cán bộ được Bác hết sức quan tâm. Người từng chỉ rõ: “Công việc thành công hay thất bại, đều do cán bộ tốt hay kém”<sup>1</sup>, “có cán bộ tốt, việc gì cũng xong”<sup>2</sup>. Vì vậy, Người yêu cầu phải rất chú trọng tới việc “huấn luyện cán bộ”. Phải “đào tạo một mớ cán bộ phụ trách có gan làm việc, ham làm việc”, “có thế Đảng mới thành công”, không được chỉ biết dùng cán bộ, có sao sử dụng vậy, hoặc “đào tạo một mớ cán bộ nhát gan dễ bảo”, “đập đi, hò dứng”<sup>3</sup>, không dám phụ trách. Theo Bác, “như thế là một việc thất bại cho Đảng”. Chính vì vậy Bác chỉ thị: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”. Ý nghĩa của công việc gốc là ở chỗ cần phải đào tạo cán bộ cho công việc và phải chú ý tới nguyên tắc huấn luyện đào tạo ngay từ đầu để cán bộ được đào tạo ra có thể làm được việc.

Việc đào tạo huấn luyện thường rất tốn kém, mất nhiều thời gian dài, đó là một vấn đề hết sức nan giải trong hoàn cảnh kinh tế có nhiều

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.273.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.242.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.273.



khó khăn. Nhưng Bác vẫn chỉ thị “không nên bủn xỉn về các khoản chi tiêu trong việc huấn luyện”<sup>1</sup>. Đầu tư cho đào tạo huấn luyện tuy không thu lợi trực tiếp và tức thời, nhưng hiệu quả của nó lại hết sức to lớn và lâu dài. Những bài học về việc đầu tư cho đào tạo, giáo dục của các nước phát triển và trong khu vực đã chứng minh cho việc làm đúng đắn này và cũng là minh chứng về sự chỉ đạo sáng suốt, đi trước thời gian của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà ngày nay cần được tiếp tục nắm vững và thực hiện. Sẽ là đáng tiếc và đáng trách khi nhiều cơ quan, nhiều cán bộ lãnh đạo chi rất nhiều cho những việc làm có tính chất hình thức và lãng phí, hạn chế chi cho việc huấn luyện đào tạo cán bộ. Đó là một sự lãng phí hai lần mà rất cần ngăn chặn và sửa đổi.

Công việc đào tạo huấn luyện không phải chỉ là do các cơ quan chức năng mà trước hết là nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi cơ quan và mỗi người lãnh đạo. Không phải chỉ chú ý tới các trường lớp chính quy mà tới cả các hình thức đào tạo tập huấn linh hoạt, không phải chỉ học ở trường mà còn phải tổ chức học tại chỗ. Việc nhiều người chỉ muốn đi học ở trường để có bằng cấp, nhiều người lãnh đạo chỉ muốn gửi cán bộ đi đào tạo cho nhẹ mình là việc làm không đúng. Nâng cao trình độ, năng lực cán bộ là một việc làm liên tục. Việc mở trường lớp, cử cán bộ đi học chỉ là những bước khởi đầu trang bị phần lý luận và kiến thức cơ bản. Các kiến thức thực tiễn, kỹ năng làm việc phải được đào tạo tại chỗ và qua công việc. Vì vậy, người lãnh đạo cần luôn tìm cách cho họ học hỏi thêm lý luận và cách làm việc. Không chú ý đầy đủ tới các hình thức đào tạo khác nhau, chỉ tập trung vào một số phương thức, hình thức được ưa chuộng, dễ thực hiện sẽ làm hạn chế năng lực đội ngũ cán bộ.

Các phương thức đào tạo huấn luyện cũng cần phải hết sức cụ thể. Cần phải căn cứ vào đặc điểm yêu cầu của nghề nghiệp, trình độ cán bộ để tiến hành. Người luôn dạy làm việc gì học việc ấy, cán bộ môn nào phải theo môn ấy. Không được tiến hành đào tạo huấn luyện theo khả năng của thầy, của trường lớp thiếu thiết thực kiểu: “huấn luyện cán bộ trong các cơ quan hành chính mà không đụng đến công việc hành chính”, hoặc “dạy chính trị mênh mông mà không thiết thực, học rồi không dùng được”. Điều mà Bác nhắc nhở tưởng chỉ có ở trong quá khứ,

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.273.

vậy mà hiện nay vẫn chưa được hoàn toàn chấm dứt trong nhiều chương trình, nhiều cơ sở đào tạo. Đó là một điều cần chấn chỉnh.

Hơn nữa, việc học tập là để nâng cao trình độ, để làm việc, nó không phải là đặc quyền, đặc lợi của một số người, không phải là chỗ để thể hiện vị trí, vai trò, chức vụ, cho nên đã đi học, đã tổ chức lớp học thì phải theo trình độ văn hóa cao thấp mà không phải theo cấp bậc cán bộ cao thấp, cũng như không thể có tình trạng cán bộ đi học thì được nường nhẹ, chằm chước vẫn còn thấy ở nhiều lớp đào tạo huấn luyện cán bộ hiện nay. Một tình trạng như thế sẽ vừa tạo ra sự bất bình đẳng và cả những hiện tượng tiêu cực không đáng có và không nên có trong việc dạy và học, trong công tác đào tạo cán bộ.

Cùng với việc làm rõ những nội dung đào tạo cụ thể trong các lĩnh vực nghề nghiệp, chính trị, văn hóa, Người luôn nhấn mạnh tới việc đào tạo, huấn luyện lý luận cho cán bộ. Phân tích vai trò lý luận, Người chỉ rõ: “Lý luận như kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế”<sup>1</sup>. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi. Việc một số không nhỏ cán bộ xưa cũng như nay, qua công việc cụ thể có chút ít kinh nghiệm, tự mãn với những hiểu biết của mình, không đánh giá đúng vai trò của lý luận, chỉ thấy kinh nghiệm của mình là nhất, những người đó cần nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh rằng “có kinh nghiệm mà không có lý luận như một mắt sáng, một mắt mờ”. Hơn nữa lý luận không ngừng phát triển, những lý luận sắc bén ngày hôm qua có thể trở thành lạc hậu vào ngày hôm nay. Thỏa mãn với cái hiện có sẽ làm cho trình độ lý luận trở nên yếu kém. Việc đây đó, có một số người, có một chút ít kiến thức đã tự mãn, đã tự cho mình đủ lý luận. Những người như thế sớm muộn cũng trở thành người thiếu lý luận, kém lý luận. Với họ, trong công việc vì kém lý luận cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử lý cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện, hoàn cảnh khách quan, ý nghĩ thế nào làm thế ấy, kết quả thường thất bại. Những anh em đó - như Người nhắc nhở, cần phải nghiên cứu thêm lý luận, mới trở thành người cán bộ hoàn toàn. Tuy nhiên, Người cũng phê bình các biểu hiện sai lầm khác nhau trong cách học lý luận mà ở thời nào cũng có. Việc học lý luận không phải chỉ ở sự

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.233.

cố gắng xem nhiều sách, thu thập nhiều kiến thức, vì như thế, như cách nói của Bác mới chỉ là “một cái hòm đựng sách”, là lý luận suông, mà cần phải biết áp dụng vào thực tế, khi đó “thế mới là lý luận thiết thực, có ích”, cũng như học lý luận học thuộc lòng đem loè thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích.

Vấn đề cán bộ và đào tạo huấn luyện cán bộ được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết nhiều trong tác phẩm, nhưng chỉ điểm lại một số nội dung cơ bản trong sự so sánh với tình hình hiện tại cho thấy, những điều mà Bác đã nói, đã viết cho đến nay chúng ta vẫn chưa thực hiện được đầy đủ. Điều đó một mặt đã chứng tỏ sự sáng suốt, nhìn xa trông rộng của Người, nhưng mặt khác cũng là điều nhắc nhở chúng ta cần phải nghiêm túc xem xét lại công việc, xem xét lại mình, *sửa đổi lối làm việc* để công việc ngày càng một phát triển tốt hơn. Xin làm đúng theo di huấn của Người: “Đảng ta hy sinh tranh đấu, đoàn kết, lãnh đạo nhân dân, tranh lại thống nhất và độc lập. Công việc đã có kết quả vẻ vang. Nhưng nếu mỗi cán bộ, mỗi đảng viên làm việc đúng hơn, khéo hơn thì thành tích của Đảng ta còn cao hơn nữa...”.

## VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

*TS Nguyễn Hữu Ngà*

Khi nhà nước cách mạng của chúng ta ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt công tác cán bộ gắn liền với tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước. Người khẳng định: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính Phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng. Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ, ngày nay Đảng ta xác định: “Xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh gắn liền với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới, coi trọng cả đức và tài, với đức là gốc như Bác Hồ đã dạy. Đó là đội ngũ cán bộ, công chức từ Trung ương đến cơ sở có phẩm chất tốt, có lòng yêu nước nồng nàn, có tinh thần trách nhiệm cao, có đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ; đội ngũ phải đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo sự chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ cán bộ, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững độc lập tự chủ, đi lên chủ nghĩa xã hội”<sup>2</sup>. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương khoá VIII của Đảng cũng xác định rõ: “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”<sup>3</sup>.

Đào tạo là một khâu có ý nghĩa quyết định tới chất lượng của đội ngũ cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”<sup>4</sup>. Người lưu ý phải gắn lý luận với thực tiễn; kết hợp

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.269.

2. Báo *Nhân dân*, ngày 21-9-1997, tr.2.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.66.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.269.

học lý luận với nghiên cứu kinh nghiệm thực tế, tránh đào tạo chung chung, học thuộc lòng, học rồi không dùng được. Thực tiễn không ngừng biến đổi, lý luận cũng không ngừng được bổ sung và phát triển; đòi hỏi cán bộ phải không ngừng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ ngang tầm với nhiệm vụ.

Trước đây, do điều kiện kinh tế còn khó khăn, giáo dục chưa phát triển, ta phải áp dụng nhiều hình thức đào tạo như bổ túc văn hoá, học tại chức, học truyền miệng, học qua thực tế... Nhờ học thầy, học bạn mà nhiều cán bộ đã trưởng thành qua thực tiễn.

Thời kỳ kháng chiến, Bác đã chỉ ra những cái được và chưa được trong đào tạo. Bác đã nêu những biện pháp cần thiết để khắc phục những hạn chế trong đào tạo cán bộ:

- Đào tạo cán bộ phải gắn với công việc cụ thể; làm việc gì học việc ấy.

- Huấn luyện lý luận phải gắn với thực tiễn.

- Huấn luyện chính trị cần phải có, song tùy từng loại cán bộ mà định chương trình cho phù hợp.

- Các lớp học phải tổ chức theo trình độ văn hoá, chứ không theo cấp bậc cán bộ cao hay thấp.

- Phải chú trọng tới đội ngũ giáo viên...

Ngày nay, những lời dạy của Bác không những có ý nghĩa lịch sử, mà còn có ý nghĩa thực tiễn giúp chúng ta có được cái nhìn đầy đủ, toàn diện về việc dạy và học, về việc đào tạo cán bộ. Người cán bộ không những cần được đào tạo cơ bản trong nhà trường, mà còn phải học hỏi, nghiên cứu trong hoạt động thực tiễn; học hỏi ở đồng chí, bạn bè trong và ngoài nước. Kết hợp học và hành giúp cán bộ gắn được lý luận với thực tiễn, dùng kiến thức được trang bị góp phần cải tạo xã hội, xây dựng đất nước.

Trong giai đoạn vừa qua, do thiếu cán bộ, ta đã áp dụng nhiều hình thức đào tạo, đào tạo tràn lan; việc đào tạo chưa có quy hoạch nên thực tế chưa đảm bảo chất lượng. Có cán bộ trong vài năm được cấp vài ba chứng chỉ đại học; có cán bộ kê khai học tới 3, 4 ngoại ngữ nhưng không sử dụng được. Có những lớp đào tạo lý luận cho cán bộ đã xếp các loại trình độ văn hoá khác nhau ở cùng một lớp, học cùng một chương trình; nội dung chương trình mênh mông, gắn với thực tiễn chưa nhiều. Tình trạng cán bộ học cốt để hợp lý hoá bằng cấp, để giữ ghế hoặc để được

thăng chức vẫn còn; nhiều sinh viên tốt nghiệp ra trường không có việc làm, trong khi đó nhiều cơ quan, địa phương vẫn thiếu cán bộ... Hiện nay chúng ta đang áp dụng nhiều loại hình đào tạo khác nhau; nội dung chương trình ở các hệ, lớp không thống nhất; có hệ lớp áp dụng chương trình vượt quá khả năng của học sinh, không phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam.

Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi việc đào tạo cán bộ phải đáp ứng các yêu cầu:

- Góp phần làm cho bộ máy của Đảng, Nhà nước hoạt động lành mạnh.

- Thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Góp phần thúc đẩy sự hội nhập của nước ta với các nước trong khu vực và thế giới.

Những yêu cầu đó đặt ra những nhiệm vụ rất nặng nề đối với việc đào tạo cán bộ trong thời kỳ mới.

Việc đào tạo cán bộ cũng nên tham khảo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước gần chúng ta. Ví dụ Trung Quốc đã tiến hành đào tạo lớp cán bộ xuyên thế kỷ (lớp cán bộ được đào tạo để gánh vác nhiệm vụ ở giai đoạn đầu thế kỷ XXI) với những tiêu chuẩn rất cụ thể như cán bộ có trình độ từ đại học trở lên phải thông thạo từ 1 tới 2 ngoại ngữ, biết sử dụng thành thạo máy vi tính và các phương tiện cần thiết cho nghiệp vụ chuyên môn.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII đã xác định những tiêu chuẩn cán bộ chung nhất như: Phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ... Đó là những tiêu chuẩn cho cán bộ nói chung. Trên cơ sở đó từng ngành, từng lĩnh vực phải xác định được những tiêu chuẩn cụ thể về trình độ học vấn, chuyên môn và điều kiện cần thiết để đảm đương nhiệm vụ được giao. Việc xác định các tiêu chuẩn cụ thể phải gắn với quy trình đào tạo. Như vậy, các trường đào tạo cán bộ với các lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội... có quan hệ rất chặt chẽ với nhau, phải được thể hiện qua quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ.

Để công tác đào tạo cán bộ đáp ứng các yêu cầu đặt ra, cần phải nghiên cứu và cụ thể một số điểm cơ bản sau:

- Xác định rõ tiêu chuẩn với từng loại cán bộ làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức đoàn thể để có chương trình đào tạo phù hợp.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ trình độ đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo trong giai đoạn mới.

- Có kế hoạch cụ thể cho chương trình đào tạo lớp cán bộ trong giai đoạn đầu của thế kỷ XXI.

Để có được đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu mới cần phải có các giải pháp đồng bộ; không chỉ khắc phục những hạn chế, tiêu cực trong công tác đào tạo hiện nay mà phải nhằm đáp ứng yêu cầu có tính chiến lược. Vì vậy cần tập trung vào một số giải pháp cơ bản:

*Một là*, Đảng, Nhà nước có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất trong toàn bộ công tác đào tạo cán bộ. Phải có sự chỉ đạo thống nhất trong toàn bộ hệ thống giáo dục - đào tạo (từ phổ thông tới trung học, cao đẳng, đại học, trên đại học). Có thể nói, thời kỳ đào tạo cán bộ có tính chắp vá đã qua (do điều kiện chiến tranh), nay chúng ta đã có hệ thống giáo dục - đào tạo tương đối hoàn chỉnh, bởi vậy cán bộ phải được đào tạo cơ bản, có hệ thống. Việc đào tạo cán bộ phải thực hiện theo một quy trình chặt chẽ từ khâu thi tuyển, học tập, nghiên cứu theo nội dung chương trình quy định của Nhà nước đến kiểm tra, đánh giá đúng chất lượng khi ra trường.

Hiện nay ở một số trường việc giảng dạy vẫn còn sự trùng lặp giữa một số bộ môn mà nhiều năm nay vẫn chưa khắc phục được. Vì thế, Nhà nước cần thành lập Hội đồng quốc gia để xác định giáo trình chuẩn cho các bộ môn này.

*Hai là*, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ từng ngành, từng lĩnh vực để xây dựng chương trình đào tạo cho sát hợp. Bác Hồ đã từng viết: “Phải thực hành khẩu hiệu: làm việc gì học việc ấy”<sup>1</sup>, “huấn luyện chính trị, môn nào cũng phải có. Nhưng phải tùy theo mỗi môn mà định nhiều hay ít”<sup>2</sup>.

Trong điều kiện hiện nay chúng ta vẫn phải kết hợp nhiều hình thức đào tạo:

---

1. *Sđd*, tr.270.

2. *Sđd*, tr.271.

- + Đào tạo dài hạn đối với cán bộ trong diện quy hoạch lâu dài.
- + Bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ đương chức.
- + Tập huấn ngắn ngày, tham quan, học tập kinh nghiệm có thể áp dụng cho tất cả các loại cán bộ nhằm trang bị những kiến thức mới, thiết thực.

*Ba là*, phải gắn đào tạo với bố trí sử dụng. Công tác đào tạo chỉ đạt được hiệu quả cao khi cán bộ được bố trí, sử dụng hợp lý.

Công tác đào tạo phải đáp ứng yêu cầu của xã hội, của các ngành trung ương và địa phương. Cần phải có quy chế đảm bảo việc đánh giá đúng chất lượng cán bộ qua đào tạo, để cơ quan tiếp nhận cán bộ hoàn toàn yên tâm với nhận xét, đánh giá của nơi đào tạo.

Việc đào tạo là khâu cơ bản trong toàn bộ công tác cán bộ; nó gắn liền với tổ chức và hoạt động của Đảng, của Nhà nước. Đây là điều kiện hết sức quan trọng để tạo ra đội ngũ cán bộ đủ sức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, biến mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nguyện vọng của nhân dân ta thành hiện thực; bởi vậy cần có sự quan tâm đầy đủ, toàn diện, chỉ đạo thống nhất của Đảng và Nhà nước.



# TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ SỬ DỤNG, ĐÀO TẠO CÁN BỘ CÔNG CHỨC NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

*TS Nguyễn Hữu Khiển*

Vấn đề cán bộ và chính sách cán bộ là một trong những nội dung quan trọng trong kho tàng tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta đã biết chủ nghĩa Mác-Lênin đề cập nhiều về vai trò của cá nhân, lãnh tụ trong mọi cuộc cách mạng, trong các phong trào quần chúng. Nếu những nội dung trong học thuyết Mác-Lênin có giá trị như hệ thống phương pháp luận để tiếp cận vấn đề, thì tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ là sự tiếp thu trên cơ sở cách mạng - thực tiễn, diễn ra trong một quốc gia cụ thể. Nếu học thuyết Mác-Lênin nói: Không có lãnh tụ cách mạng thì không có phong trào cách mạng, thì Hồ Chí Minh đã biến nó thành vấn đề đơn giản hơn: “Muôn việc thành công hay thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”<sup>1</sup>.

Với sự am hiểu sâu sắc những vấn đề lý luận và kinh nghiệm có được từ thực tiễn dẫn dắt, lãnh đạo cách mạng nước nhà, Hồ Chí Minh đã nêu ra những “căn bệnh” mà người cán bộ thường mắc phải. Đồng thời, Người không quên “kê đơn” cho những căn bệnh đó. Chẳng hạn, có người cán bộ không những mắc bệnh “kiêu ngạo” do nắm giữ quyền lực mà họ thường cho rằng, những ý kiến, lời nói và quyết định của mình là luôn luôn đúng, vì thế họ phớt lờ, hoặc bỏ qua ý kiến của người khác, nhất là những người dưới quyền, có người cán bộ lười biếng dẫn đến ấu trĩ, lạc hậu về nhận thức. Kết quả, khi lãnh đạo, điều hành chỉ nặng về kinh nghiệm, rập khuôn, không nhận thức được cái mới. Hậu quả đó thường làm “vô hiệu hóa” những kiến thức của cán bộ cấp dưới khi họ đưa ra những ý kiến có tính chất cải cách, khuyến nghị đối với cấp trên.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.240.

Sự tài tình của Hồ Chí Minh khi nêu lên những khuyết điểm, thiếu sót của cán bộ thể hiện ở chỗ: Người vạch ra các loại hình của khuyết điểm, các mức độ của thiếu sót rất đa dạng, đồng thời có sự tương phản, có quan hệ, liên hệ như những “cặp bệnh” thường đi với nhau. Chẳng hạn người kiêu ngạo cũng thường hiếu danh; óc hẹp hòi thường có ở người ích kỷ; người thiếu ngăn nắp thường cầu thả trong cách làm việc...

Những thiếu sót của người cán bộ mà Người nhắc đến là những căn bệnh của một thời. Tuy nhiên, ngày nay cuộc sống đã thay đổi, những thiếu sót đó cũng vẫn chưa hoàn toàn mất đi mà nó được khoác bằng chiếc áo mới cho phù hợp với hoàn cảnh.

Chính vì vậy, học tập đạo đức của Hồ Chí Minh không những là việc làm của thế hệ trước, mà còn là nhiệm vụ hàng đầu trong việc rèn luyện đạo đức cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Hồ Chí Minh cũng đã chỉ ra phương sách để khắc phục: sửa chữa những khuyết tật tưởng như cố hữu ở người lãnh đạo. Người cho rằng, nếu biết nhìn thẳng vào sự thật thì nhất định có thể khắc phục được sai lầm, khuyết điểm. Chẳng hạn, một trong những cách thức khắc phục khuyết điểm là “mỗi người, mỗi ngày phải *thiết thực tự kiểm điểm..., tự sửa chữa và giúp đồng chí mình sửa chữa*”<sup>1</sup>.

Khi đề cập những nội dung sửa đổi lối làm việc, phạm trù cán bộ được Hồ Chí Minh dùng để chỉ toàn bộ những người có một chức vụ lãnh đạo nhất định trong hệ thống Đảng, Nhà nước và đoàn thể (trong hệ thống các tổ chức của hệ thống chính trị như cách tiếp cận của chúng ta ngày nay). Đó cũng là một thực tế diễn ra ở các mối quan hệ công tác trong các tổ chức cho dù đặc điểm hình thành, phương thức lãnh đạo, điều hành và phương tiện cần thiết của mỗi tổ chức là không giống nhau.

Để khắc phục những khuyết điểm, hạn chế trong *sử dụng và đào tạo công chức trong bộ máy nhà nước*, cần phải dựa vào các di huấn của Hồ Chí Minh. Việc vận dụng các di huấn của Người vào hoàn thiện hệ thống công chức (đúng hơn là đội ngũ quan chức hành chính), cần hướng trọng tâm vào một số điểm sau:

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.233.

*Một là*, nói về cán bộ thì công chức lãnh đạo ở các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến cơ sở ở các ngành, các lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước chiếm số lượng đông đảo nhất. Trong lãnh đạo, điều hành của cán bộ trong hệ thống hành chính nhà nước dễ nảy sinh những loại hình của khuyết điểm mà Hồ Chí Minh đã đề cập. *Thứ nhất*, các quyết định thường có tính chất mệnh lệnh, đơn phương khi cấp trên giao nhiệm vụ cho cấp dưới. Đặc điểm đó thường dẫn tới bệnh kiêu ngạo và “óc lãnh tụ”... *Thứ hai*, trong hành chính có quan hệ thứ bậc trong điều hành, nhưng khi những quan hệ phân cấp không rành mạch thì dễ rơi vào bệnh “lười biếng”, né tránh, “đẩy” cho cấp dưới, hoặc “đùn” lên cấp trên dẫn đến kết quả là công việc thì nhiều, quyết định cũng lắm nhưng việc không chạy. Ví dụ như việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo hiện nay.

*Hai là*, trong quá trình cải cách và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vấn đề cải cách nền hành chính, trong đó có nguồn nhân lực hành chính vẫn là một trong những vấn đề trọng tâm, vì nó đụng chạm tới hầu hết các vấn đề bức xúc của công cuộc đổi mới, chẳng hạn như vấn đề thủ tục hành chính ở hầu hết các lĩnh vực hiện nay.

*Ba là*, trong các loại quyết định quản lý, quyết định hành chính có đặc điểm là nó có thể làm phát sinh lợi ích hoặc gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức và xã hội. Vì vậy, các quyết định thường bị lợi dụng và dễ nảy sinh những khuyết tật như “bệnh tham lam”, “kiêu ngạo” và “óc địa phương”. Biến tướng của bệnh này dẫn tới tình trạng đáng báo động hiện nay là tệ tham nhũng trong bộ máy nhà nước.

*Bốn là*, chúng ta đang trong giai đoạn chuyển đổi cơ chế. Quan điểm về sự chuyển đổi là không thể đảo ngược. Nhưng quá trình của sự chuyển đổi (từ cơ chế tập trung sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước) mới đi được những bước đi đầu tiên. Cơ chế chuyển đổi thì nhiều vấn đề liên quan cũng phải chuyển biến theo: đó là phương pháp quản lý, kỹ thuật điều hành, kiến thức cần thiết, ngôn ngữ sử dụng... Tất cả những vấn đề đó đụng chạm tới một vấn đề rất cơ bản là đội ngũ công chức lãnh đạo của cơ chế quản lý mới cần được học tập, bồi dưỡng để thích ứng. Nếu không nhận biết để kịp thời khắc phục những bệnh như “kinh nghiệm chủ nghĩa”, óc hẹp hòi, thủ cựu và nhất là sự đố kỵ thì chính nó sẽ là những cản trở lớn của công cuộc đổi mới.

Đào tạo cán bộ trong hệ thống hành chính nhà nước là một việc làm thuộc chức năng của quản lý nhà nước ở mọi thời đại. Ngay ở nước ta trong thời phong kiến, người đi học đã nuôi dưỡng một mục đích, hoài bão lớn là học để “làm quan”, là để có một chức vụ xã hội. Học hành, thi cử không còn nằm trong phạm trù của giáo dục văn hóa, mà nó “cô đọng” lại trong nội dung của “quan trường”. Nhưng, trên thực tế, nếu chỉ xét ở yêu cầu của một chức vụ, một công việc thì phải học, phải thi mới được làm. Đó là điểm chung của mọi chế độ, mọi thời đại.

Ngày nay, nếu xét trong hệ thống hành chính nhà nước của ta và nhìn từ giác độ của hệ thống các cán bộ lãnh đạo (từ chủ tịch xã đến chủ tịch tỉnh, từ trưởng ban, trưởng phòng đến vụ trưởng, thứ trưởng), chúng ta đều có một quan điểm thống nhất là: cần phải được đào tạo, bồi dưỡng và rất nhiều người đã có những bằng cấp ở bậc cao. Chính phủ hiện đã yêu cầu các vị thứ trưởng và chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố phải tham dự khóa bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước tại Học viện Hành chính quốc gia. Nhưng nếu xét từ quan điểm hệ thống, đồng bộ thì vẫn có những vấn đề cần phải nghiên cứu. Chẳng hạn, chúng ta chưa có quy định thống nhất về thi cử cho các chức vụ chủ tịch ủy ban nhân dân, hay các chức vụ trưởng phòng, trưởng ban, vụ phó, vụ trưởng... Tuy nhiên, ai cũng biết mỗi chức vụ đòi hỏi một loại kiến thức, trình độ và những phẩm chất cá nhân cần thiết. Tình hình khá phổ biến hiện nay là: đa số các trường hợp mỗi người được đào tạo một chuyên môn nhất định, gắn với một công việc cụ thể, có thể được bầu vào một chức vụ lãnh đạo hoặc bổ nhiệm giữ một chức vụ trong bộ máy hành chính nhà nước. Nếu trở thành cán bộ quản lý, dù ở cấp bậc nào cũng phải đụng chạm tới những vấn đề do chức vụ đòi hỏi (mà trước đây người đó không nhất thiết phải có): tính chuyên môn, năng lực tập hợp, điều hành những người có kiến thức chuyên môn có thể còn cao hơn mình, điều hành những con người với những tính cách, tâm lý và hoàn cảnh khác nhau, v.v.. Những năng lực đó ở một trường đại học thông thường không có trong chương trình đào tạo. Những nội dung đó ở nước ta hiện nay chỉ được đào tạo hoặc bồi dưỡng trong hệ thống các trường chính trị và hành chính ở Trung ương và các địa phương.

Vì vậy, khi một công chức trở thành người cán bộ lãnh đạo trong điều kiện hiện nay thường mắc phải một số bệnh sau:

*Thứ nhất*, bệnh lười biếng và chủ quan. Như trên đã nêu, cán bộ phải thường xuyên được đào tạo và đào tạo lại. Đó là một yêu cầu của khoa học, nhất là khoa học quản lý. Nhưng việc đào tạo, bồi dưỡng hiện vẫn chỉ là yêu cầu của khoa học mà chưa phải là yêu cầu của pháp lý vì vậy có nhiều người trước khi được bầu làm chủ tịch họ đã là giám đốc kinh doanh, kỹ sư, chuyên viên... Nếu họ đi học một lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước thì rất tốt, nhưng nếu không đi cũng không có gì sai, bởi vì pháp luật điều chỉnh công chức hiện cũng chưa có quy định nào về việc đào tạo, bồi dưỡng đối với những công chức được đề bạt. Vì thế, ở một số cán bộ lãnh đạo dễ nảy sinh tư tưởng “lười biếng” về ý thức học tập.

*Thứ hai*, nếu không đi học mà vẫn làm việc sẽ phát sinh tính bảo thủ, chủ quan, cho rằng: đủ năng lực giữ chức vụ tất nhiên đủ điều kiện để điều hành. Nhân đây cần bàn thêm một số vấn đề về mối liên hệ giữa tổ chức và cá nhân, giữa trách nhiệm và pháp lý. Đó là hiện tượng: *Một là*, nếu việc đào tạo và đào tạo lại (bồi dưỡng) là cần thiết và đã là yêu cầu của Chính phủ thì việc tổ chức các khóa bồi dưỡng cần phải đồng đều ở các địa phương và các ngành. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”<sup>1</sup>, Đảng nói “xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ... lấy tiêu chuẩn cán bộ làm căn cứ,..., bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước,... chuyên môn nghiệp vụ, phong cách lãnh đạo”<sup>2</sup>. Thủ tướng Chính phủ chỉ thị rằng mỗi năm các cơ quan phải bồi dưỡng 20% số cán bộ trong diện phải đào tạo, bồi dưỡng. Nhưng thực tế còn rất nhiều vấn đề bất cập. *Hai là*, bệnh hình thức chủ nghĩa trong một số các khóa bồi dưỡng. Bệnh này thường có trong ý thức của một số cán bộ có vị trí lãnh đạo một cơ quan hành chính nhà nước. Sở dĩ xuất hiện “bệnh” này, là vì trong ý thức của người lãnh đạo có hai mâu thuẫn. Một mặt, do nội dung bồi dưỡng, hay đào tạo không phải sở trường của cơ quan, không mang lại cái lợi trước mắt (như các khóa bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ chủ chốt, cán bộ trẻ là một yêu cầu bức thiết, nhưng lại là một việc làm rất khó khăn hiện nay). Mặt khác, do yêu cầu của cải cách mà không thể bỏ qua các khóa bồi dưỡng. Vậy làm theo cách đối phó là “vẹn cả đôi đường”. Vì thế, có cơ quan năm nào cũng có chương trình bồi

---

1. Hồ Chí Minh: *Sổ đ*, t.5, tr.269.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.83-84.

dưỡng ngoại ngữ, kêu gọi học tập, nhưng các bước chuẩn bị thiếu nghiêm túc, không chú ý sơ kết, tổng kết hàng năm để rút kinh nghiệm, công việc đã khó, lại tổ chức cho qua chuyện thì kết quả không thể tốt được.

Về nhược điểm này, Hồ Chí Minh vạch ra nguyên nhân trực tiếp là do người cán bộ lãnh đạo làm việc không thiết thực, không từ *chỗ gốc, chỗ chính của vấn đề*, làm được ít xít ra nhiều. Ý kiến của Người về vấn đề này cho tới nay vẫn hoàn toàn có tính thời sự và thực tiễn. Hiện nay, việc học tập, đào tạo cán bộ có nhiều hình thức mới như: vừa học vừa công tác; học trong nước, học ngoài nước có học bổng. Vì vậy, cũng nảy sinh một số “bệnh” ở người lãnh đạo như bệnh “thiên vị”, “hẹp hòi”. Việc đó thường không có những hậu quả nghiêm trọng về mặt pháp lý, nhưng cũng trở thành dị nghị, hoài nghi, làm mất lòng tin về sự công minh của người phụ trách.

Trong quá trình đổi mới hiện nay, công tác đào tạo bồi dưỡng không đơn giản chỉ dừng lại ở những vấn đề đào tạo trên cơ sở thay đổi người học (các cơ quan thay nhau đi học), mà còn có những nội dung học ở nước ta hầu như chưa áp dụng bao giờ. Chẳng hạn như vấn đề phương pháp tình huống trong đào tạo hành chính, các kiến thức về hoạch định chính sách công, về quản lý dự án... Nếu đã là vấn đề mới thì phải có sự hợp tác của cả tập thể các cán bộ khoa học có kinh nghiệm và ngoại ngữ để nghiên cứu.

Nhưng thực tế hiện nay ở một số nơi còn có quan niệm nhầm lẫn giữa lãnh đạo và thực hành, giữa quyền lực và khoa học. Họ cho rằng, lãnh đạo là hơn hẳn mọi chuyên gia, cán bộ trong cơ quan, cái gì lãnh đạo không trực tiếp làm thì không xong. Có nhiều vấn đề mới với chúng ta nhưng không mới với các quốc gia phát triển; có những vấn đề chúng ta chưa biết, nhưng sách báo của họ viết khá nhiều. Nhưng vì không tin cấp dưới, cộng với thói tự cao, ích kỷ nên không tập trung được trí tuệ của các cán bộ khoa học để nghiên cứu khai thác, tiếp thu cái đã có của thế giới. Vì vậy, không phát huy được năng lực của cán bộ, không buộc họ phải động não với cái mới thì không thể thực hiện việc tự đào tạo của cán bộ trong cơ quan được. Điều đó thuộc về trách nhiệm phát triển nguồn nhân lực của các công chức lãnh đạo trong một bộ, một tỉnh, một cơ quan. Hậu quả này còn dẫn đến khuynh hướng “quan lộ” trong các công chức chuyên môn<sup>1</sup>.

---

1. Xem Công Vũ: Chuyện “quan lộ”, Tạp chí *Cộng sản*, số 18 (9-1997) tr.54.

Hồ Chí Minh nói về hậu quả của việc không phát huy được sáng kiến của tập thể cán bộ trong đơn vị như sau:

- Trên thì tưởng cái gì cũng đẹp, dưới thì không dám nói ra.

- Họ không nói không phải vì họ không có ý kiến, mà vì họ nghĩ có nói ra cấp trên cũng không nghe, không xét, có khi lại bị “trù”.

- Họ không dám nói ra, rồi sinh ra thói “không nói trước mặt, chỉ nói sau lưng”, sinh thói “thậm thà, thậm thụt” và những thói xấu khác.

Sở dĩ có sự nhầm lẫn giữa quyền lực và khoa học như đã nêu trên là vì họ chưa nắm được một nguyên tắc rất rõ ràng trong khoa học quản lý đó là: người lãnh đạo tốt là người lãnh đạo được nhiều người giỏi hơn mình, tập hợp được họ, cho họ những đường hướng, chính sách chứ không phải làm thay cho họ, dẫn đến làm thui chột chuyên môn và ý chí của họ.

Có thể nói, trong những mất mát “thất thu” do sự nhầm lẫn này thì sự dậm chân tại chỗ, sự thui chột về khoa học là rất tai hại. Song, để nhận ra nó và khắc phục nó thì không phải là điều dễ dàng.

Phải chăng bài thuốc “nâng cao sáng kiến và lòng hăng hái” của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể là giải pháp hữu hiệu để vươn lên trong đào tạo và tự đào tạo hiện nay.

Sử dụng cán bộ là yêu cầu của cách mạng, là năng lực đạo đức của người lãnh đạo. Sử dụng cán bộ là một khái niệm vừa có tính khách quan, vừa có tính chủ quan trong quản lý hành chính nhà nước. Khách quan vì không thể không phân chia nguồn nhân lực hành chính những “nhóm”, những “bậc” khác nhau, trong đó có nhóm gồm những người có thẩm quyền điều hành và những người khác có nhiệm vụ chấp hành. Nếu chúng ta nhìn nhận cán bộ trong cơ quan dân cử ở mọi cấp của các cơ quan đại biểu (như Hội đồng nhân dân và Quốc hội ở nước ta) thì không thể phân loại theo nhóm người lãnh đạo và bị lãnh đạo được. Bởi vì địa vị theo pháp lý của họ là như nhau. Các quyết định của cơ quan đại biểu được ban hành bằng thể thức: thiểu số phục tùng đa số. Còn trong hành chính có phục tùng và chỉ huy, có ra lệnh và chấp hành.

Sử dụng cán bộ lại có những biểu hiện chủ quan khá rõ. Nhiều khi bổ nhiệm một người nào đó vào một chức lãnh đạo lại tùy thuộc vào người cán bộ có quyền ra quyết định đó. Để hạn chế những ảnh hưởng “cá nhân” vào yếu tố chủ quan này, trong cơ chế sử dụng cán bộ của Đảng và Nhà nước đã có nhiều quy định. Nhưng xem ra đối với những

người lãnh đạo có “bệnh” thì vẫn tồn tại hiện tượng: cá nhân lấn át yêu cầu của công việc, làm mất đi tính khách quan của khoa học quản lý.

Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh “nêu ra những nội dung có tính kinh nghiệm thực tiễn rất sinh động, rất “đời thường”. Đặc biệt ngày nay, trong công cuộc đổi mới, những kinh nghiệm, bài học, phương pháp “dùng cán bộ”, “chọn cán bộ” có ý nghĩa rất lớn trong chính sách cán bộ của Đảng và Nhà nước ta. Công tác cán bộ là nhiệm vụ của Đảng, của Nhà nước, mọi đảng viên đều phải quán triệt, phải chấp hành. Nhưng liên quan trực tiếp là những cán bộ lãnh đạo được trao quyền theo pháp luật, được bổ nhiệm người này, cách chức người khác.

Những “căn bệnh” xuất hiện ở người “lãnh đạo” khi sử dụng cán bộ trong giai đoạn hiện nay thể hiện như thế nào?

*Thứ nhất*, là ở tài nguy biện để che giấu bệnh địa phương chủ nghĩa, chẳng hạn, nếu muốn bổ nhiệm một người, tuy rằng đã cao tuổi, năng lực kém, nhưng là người địa phương mình thì có thể tổ chức một bộ phận mới, một cơ quan mới và đưa ra ý kiến tìm mãi nhưng chỉ có đồng chí “này” là phù hợp, vậy “xin ý kiến các đồng chí”.

*Thứ hai*, sử dụng cán bộ theo phương pháp “mở cửa” đối với người ăn cánh và “giam” đối với người không ăn cánh. Do đâu mà có tình trạng như vậy, có thể vận dụng những ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh để làm rõ. Đó là các bệnh “kéo bè, kéo cánh”, “bệnh cận thị”, “bệnh thích xu nịnh và thích a dua”. Ngày nay, biến tướng của nó còn kéo thêm cả bệnh cầu lợi và hưởng lạc. Kéo bè, kéo cánh đương nhiên là cất nhắc người cùng quê, người nhà, người chịu ơn. Bệnh cận thị là không để ý đến hậu quả lâu dài, nếu bổ nhiệm không tốt thì người kế cận mình phải gánh chịu những hậu quả nặng nề. Bệnh xu nịnh là nhìn tài năng của kẻ xu nịnh bằng “kính lão”, bé trở thành to, tầm thường trở thành quan trọng, thậm chí nâng lên thành chiến lược. Trái lại, người không biết nịnh, thì năng lực của họ được đánh giá bằng “kính cận”. Bệnh thích a dua có cùng bản chất với bệnh xu nịnh, nhưng có biến tướng khác. Đó là những người khi lãnh đạo chưa nói hết câu, hết ý thì đã trâm trồ khen là thông minh, quyết đoán và sáng tạo...

Nói về việc sử dụng cán bộ, bổ nhiệm cán bộ chưa tốt, cũng có thể sẽ có ý kiến: Vậy quần chúng ở đâu, Đảng ở đâu mà dẫn đến hậu quả đó.



Khách quan mà nói, nhiều khi hậu quả diễn ra từ cả hai phía: bản thân người lãnh đạo và vai trò của quần chúng, của Đảng.

Nếu nói “Đảng”, “chi bộ”, “đảng ủy” thì cần hiểu rằng đó là những phạm trù về tổ chức với con người cụ thể, có vai trò, năng lực, nhu cầu nhất định. Một tổ chức đảng mạnh hay yếu phụ thuộc rất nhiều vào các thành viên cụ thể của tổ chức đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng, Đảng ta gồm đủ các thành phần, tầng lớp trong xã hội. Vì vậy, trong những tổ chức đảng không những có “nhiều tính cách rất trung thành, rất kiên quyết và rất vĩ đại. Song cũng không tránh khỏi những tập tục, những tính nết, những khuyết điểm...”<sup>1</sup> do chỗ mỗi người “có thói quen, tính nết, trình độ tư tưởng, nhận xét khác nhau”<sup>2</sup>.

Trong hệ thống cơ quan nhà nước, mỗi người trong Đảng là một đảng viên nhưng cũng là một công chức. Đã là công chức thì ai cũng có nhu cầu làm việc, học tập và thăng tiến. Đó là một điều bình thường, rất đáng trân trọng, khích lệ. Nhưng nếu vì nó mà không dám đấu tranh, phê bình, nhất là không muốn trái ý lãnh đạo thì sức mạnh của Đảng nhất định bị ảnh hưởng. Có trường hợp, cán bộ lãnh đạo nêu ý kiến tổ chức một bộ phận, bổ nhiệm, cất nhắc một cán bộ có hỏi ý kiến đảng ủy, ban cán sự. Trong cuộc họp thì không ai có ý kiến đóng góp hoặc phản đối. Nhưng bên ngoài cuộc họp lại có những ý kiến trái ngược, cho rằng bổ nhiệm người đó là chưa thỏa đáng, chưa đủ trình độ, phẩm chất,...

Nhược điểm nếu chỉ ở một phía thì nó chỉ dừng lại nhược điểm, khó trở thành sai lầm. Nhưng nếu nó xuất phát từ hai phía (chủ nghĩa cá nhân từ phía lãnh đạo và cả nể, dễ dãi, thậm chí vụ lợi từ một vài cá nhân trong tổ chức chẳng hạn) thì khuyết điểm sẽ được “chấp cánh”, được “lắp động cơ” để trở thành sai lầm. Nếu coi đó là những nhược điểm thì có thể thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra mười sai lầm xuất phát từ bệnh mà người gọi là bệnh “cá nhân”. Chẳng hạn: Khi khai hội thì không nói, lúc khai rồi mới nói sau lưng; ai nói sao, ai làm gì cũng mặc; thấy việc có hại cho dân chúng (có thể nói bổ nhiệm người kém năng lực và đạo đức là có hại cho dân chúng - TG) cũng mặc, không khuyên răn,

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.261.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.263.

không giải thích. Những sai lầm đó thường có ở các cá nhân trong tổ chức chính quyền và tổ chức đảng.

Trong phương pháp sử dụng cán bộ, Hồ Chí Minh nêu ra chủ trương: “Phải có gan cất nhắc cán bộ”. Đương nhiên, mạnh dạn phải có căn cứ, nghĩa là: “Trước khi cất nhắc cán bộ, phải nhận xét rõ ràng. Chẳng những xem xét công tác của họ, mà còn phải xét cách sinh hoạt của họ”. Chẳng những xem xét cách viết, cách nói của họ, mà còn phải xem xét việc làm của họ”<sup>1</sup>.

Phương pháp đó trong điều kiện hiện nay càng cần phải quán triệt, xuất phát từ những lý do khách quan của công cuộc đổi mới. Trong đổi mới, cán bộ trẻ có ưu điểm là họ rất năng động, nhiệt tình, dễ thích ứng với cái mới, cơ chế mới vì trong đầu họ chưa có “cơ chế cũ”.

Hơn nữa, cất nhắc cán bộ trẻ không phải là “thanh lọc”, “cách mạng” đối với cán bộ từng trải, mà là tạo ra các thế hệ theo hướng trẻ hóa đội ngũ cán bộ để có lực lượng kế cận. Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII chủ trương trong tạo nguồn cán bộ cần chú trọng những cán bộ “dưới 45 ở các quận, huyện, tỉnh thành, các bộ,... các sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, các nhà khoa học trẻ tuổi thuộc các lĩnh vực”<sup>2</sup>.

Lại có trường hợp thiếu trách nhiệm đến mức, khi đề cập tới vấn đề tại sao một người có năng lực lại không được bổ nhiệm vào một công việc, chức vụ phù hợp, có cán bộ làm tổ chức, làm lãnh đạo trả lời một cách “tự nhiên”: Trông cậu ta mới chỉ độ 39, 40 tuổi trong khi anh ta đã gần 50 tuổi. Nhưng yêu cầu của công tác cán bộ là lãnh đạo cần dựa vào cán bộ tổ chức. Vậy cán bộ tổ chức là gì? Họ là những người có rất nhiều việc liên quan đến nhân sự, trong đó có một việc không thể bỏ qua, đó là phải hiểu được nhân thân của mọi cán bộ trong cơ quan và phải trả lời được câu hỏi đó trong bất kỳ hoàn cảnh nào đối với lãnh đạo của mình. Hiện nay một số cơ quan công tác cán bộ ngay từ khâu tổ chức vẫn còn trì trệ, chậm đổi mới. Bởi vì:

*Thứ nhất*, lớp cán bộ lớn tuổi ở một số đơn vị thường có tâm lý ngại chuyển giao thế hệ. Số cán bộ trẻ thì không được chú ý, bồi dưỡng và tạo

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.283.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.83.

nguồn kế cận. Về vấn đề này, Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII nêu ra quan điểm phải “chú trọng tạo được nguồn cán bộ dồi dào, đủ tiêu chuẩn để kịp thời đáp ứng yêu cầu”<sup>1</sup>, “cán bộ đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm... đào tạo, bồi dưỡng người kế nhiệm”<sup>2</sup>.

*Thứ hai*, trong một số cơ quan có hiện tượng “chảy chất xám” ra bên ngoài. Tức là số cán bộ trẻ, có năng lực biết ngoại ngữ, luôn muốn tìm con đường phát triển ở các liên doanh, các doanh nghiệp nước ngoài. Họ chưa thỏa mãn với đồng lương công chức và đôi khi còn nghi ngờ về việc dùng cán bộ của cơ quan.

*Thứ ba*, có lệch lạc, thái quá ở một số cán bộ trẻ. Một số cán bộ trẻ, có ngoại ngữ, khi được tuyển vào cơ quan, chỉ chăm lo học để thi đi nước ngoài hơn là để nâng cao nghiệp vụ. Trên thực tế, ham muốn đi học ở bất cứ trường hợp nào đều không phải là xấu. Nhưng vấn đề đòi hỏi ở cả hai phía cán bộ và phía tổ chức: phía cán bộ, cần ý thức được việc đào tạo vừa là một quá trình học tập, nhưng nó vừa thể hiện ở việc vận dụng, sử dụng những kiến thức đã học vào nhiệm vụ mới được giao. Làm như vậy đúng với lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Học thì phải hành” và cũng cần thiết như quá trình tự đào tạo của bản thân công chức. Phía tổ chức, cần phải có quy hoạch, kế hoạch phát triển cán bộ ở các thế hệ. Học như thế nào, bồi dưỡng như thế nào đối với cán bộ đứng tuổi nhưng đang giữ trọng trách, với cán bộ trẻ đang còn sức học và đang học việc. Yêu cầu quan trọng trong vấn đề này là phải: kế hoạch hóa, không “ăn đong”, công khai, khách quan và chống các bệnh: hẹp hòi, ích kỷ, địa phương chủ nghĩa, kéo bè kéo cánh.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.82.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.88.

## XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO VỚI NHÂN DÂN

*TS Nguyễn Khánh Bật*

Hồ Chí Minh đã từng khẳng định rằng Đảng “phải liên hệ mật thiết với dân chúng, không được rời xa dân chúng”<sup>1</sup>. Quan hệ đó cần chặt chẽ đến mức như Hồ Chí Minh giải thích: “Nghĩa là một giây, một phút cũng không thể giảm bớt mối liên hệ giữa ta và dân chúng”<sup>2</sup>. Theo Hồ Chí Minh, việc xây dựng mối quan hệ giữa cán bộ với nhân dân có thể được xem xét theo một số nội dung cơ bản sau đây:

1. Hồ Chí Minh cho rằng, muốn cho sự nghiệp cách mạng thành công, cần có sự kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước với lực lượng của đông đảo nhân dân. Để có đường lối, chính sách đúng, người cán bộ lãnh đạo không thể “cứ ngồi trong bàn giấy, chờ người ta đến báo cáo, mà phải đi tận nơi, xem tận chỗ”. Nghĩa là phải gắn bó với nhân dân, lắng nghe ý kiến nhân dân”. Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc và đúng đắn về mối quan hệ mật thiết giữa cán bộ và nhân dân. Điều đó có được không chỉ từ sự thấm nhuần những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin và qua nghiên cứu sách vở. Cả cuộc đời Người là sự gắn bó máu thịt với nhân dân, đến mức, không dễ gì phân biệt một cách rạch ròi giữa vị lãnh đạo của Đảng, Nhà nước với các tầng lớp nhân dân. Qua quá trình hoạt động phong phú và sáng tạo, Hồ Chí Minh nhận xét “có lực lượng dân chúng, việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có thì việc gì làm cũng không xong”<sup>3</sup>.

Theo Hồ Chí Minh, lãnh đạo không chỉ là việc đề ra đường lối, chính sách, mà còn phải tổ chức thi hành và kiểm tra, kiểm soát. Tất cả đều cần phải liên hệ với nhân dân.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.238, 285.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.238, 285.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.295, 286.

Do tính phức tạp của công việc và cuộc sống mỗi con người, cho nên dù là người lãnh đạo cũng không thể thấy được tất cả. Người dân nhìn công việc, nhìn cuộc sống theo cách của mình: “trông từ dưới lên”. Do đó, họ có thể thấy những điều mà cách lãnh đạo “trông từ trên xuống”, không thấy hết. Từ đó, Hồ Chí Minh yêu cầu có sự kết hợp “kinh nghiệm của hai bên lại”, “người lãnh đạo ắt phải có mối liên hệ chặt chẽ giữa mình với các tầng lớp người, với dân chúng”<sup>1</sup>. Thật có ý nghĩa khi ta thấy trong *Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh đã ba lần nhắc lại luận điểm “người lãnh đạo liên hợp với quần chúng”. Hồ Chí Minh khẳng định công việc càng nhiều, càng khó khăn, phức tạp thì lãnh đạo càng phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng và nền tảng, lực lượng, thắng lợi của cách mạng phụ thuộc vào mối liên hệ với dân chúng. Nếu cán bộ xa rời, không liên hệ chặt chẽ với nhân dân sẽ rơi vào tình trạng “đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại”. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thực trạng mối quan hệ giữa cán bộ và nhân dân hiện nay, đòi hỏi mỗi người cán bộ cần quán triệt và thực hiện nghiêm túc những lời căn dặn trên của Hồ Chí Minh.

2. Với Hồ Chí Minh, việc cán bộ lãnh đạo liên hệ chặt chẽ với nhân dân không chỉ để có lực lượng và nắm vững tâm tư, nguyện vọng mà còn để học hỏi nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng, nhân dân Việt Nam không chỉ cần cù, chịu khó mà còn thông minh, sáng tạo. Nếu có ý thức tìm hiểu nghiêm túc với tinh thần cầu thị thì qua phong trào quần chúng và các cuộc tiếp xúc của nhân dân, mỗi cán bộ sẽ có thêm kinh nghiệm và sự hiểu biết. Quan điểm của Hồ Chí Minh là: “Nếu ta chịu khó, chịu suy nghĩ, bất kỳ nói chuyện với ai cũng có ích cho tư tưởng của ta”<sup>2</sup>. Hồ Chí Minh yêu cầu qua mỗi cuộc tiếp xúc cán bộ phải biết gom góp ý kiến, kinh nghiệm của quần chúng, “phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng”<sup>3</sup>.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”<sup>4</sup>. Vậy cần làm theo cách của quần chúng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.295, 286.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.296.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.293.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.295.

Một trong những thuận lợi, cũng có thể coi là một nguyên nhân để cán bộ có thể và cần phải xây dựng mối liên hệ mật thiết với nhân dân là dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, “dân rất tốt”. Đây là cơ sở để Hồ Chí Minh đòi hỏi chúng ta phải đi đúng đường lối quần chúng, phải dựa vào lực lượng quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng, cần phải nâng cao và mở rộng dân chủ.

Vấn đề dân chủ với nhân dân, cách đây hơn nửa thế kỷ, Hồ Chí Minh đã nêu: Việc gì cũng cần hỏi ý kiến dân chúng, cần dân chúng bàn bạc, giải thích cho dân chúng rõ, được dân chúng đồng tình và vui lòng ra sức làm, để tránh tình trạng những nghị quyết, chỉ thị của Đảng hóa ra lời nói suông... hại đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Người yêu cầu, *một mặt*, Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết, chỉ thị ấy, *mặt khác* nếu nghị quyết gì mà dân chúng cho rằng không phù hợp thì để họ đề nghị sửa chữa, đây là biện pháp “đưa chính trị vào giữa nhân gian” và là cách làm không phải “từ trên dội xuống” mà là “từ dưới lên”. Với một niềm tin sâu sắc vào nhân dân, năm 1962, Hồ Chí Minh viết: “Nếu quần chúng nói mười điều mà chỉ có một vài điều xây dựng như thế vẫn là quý báu và bổ ích. Uy tín của người lãnh đạo là ở chỗ... biết học hỏi quần chúng”. Để học hỏi được dân chúng, Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ không được kiêu ngạo, lên mặt làm “quan cách mạng” mà phải khiêm tốn, thành tâm, chịu khó. Nếu làm khác đi “dân chúng sẽ không tin chúng ta. Biết, họ cũng không nói. Nói, họ cũng không nói hết lời”<sup>1</sup>. Hồ Chí Minh nghiêm khắc phê phán những ai cho rằng dân là dốt không biết gì, vì vậy không thêm học hỏi dân chúng. Người cảnh báo rằng, đó là một sai lầm rất nguy hiểm, là nguy cơ của sự thất bại.

Điều cần lưu ý, Hồ Chí Minh luôn đòi hỏi cán bộ lãnh đạo phải coi trọng học hỏi, lắng nghe ý kiến nhân dân nhưng không quên vai trò lãnh đạo của mình. Theo Người, học hỏi nhân dân, không có nghĩa là “dân chúng nói gì, ta cũng cứ nhắm mắt theo”. Học hỏi quần chúng nhưng “không theo đuôi quần chúng”<sup>2</sup>. Cũng như vậy, sẽ là phiến diện khi dẫn lời Hồ Chí Minh về trách nhiệm, nghĩa vụ của Đảng và cán bộ đối với

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.293.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.297, 293.

nhân dân mà chỉ dừng lại ở chỗ coi cán bộ là đầy tớ, công bộc trung thành của dân. Thực tế trước đó, Hồ Chí Minh đã xác định, Đảng, cán bộ là người lãnh đạo nhân dân. Do đó, khi phê phán bệnh quan liêu, xa rời quần chúng, không nên chỉ nhấn mạnh, trích dẫn về sau.

3. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc xây dựng quan hệ mật thiết giữa cán bộ lãnh đạo với quần chúng, Hồ Chí Minh cho rằng, tiêu chuẩn hàng đầu khi đề bạt, bố trí, sử dụng cán bộ là xem xét mối liên hệ của người đó với quần chúng.

Theo Người, việc lựa chọn cán bộ, trước hết phải chú trọng những người “trong quần chúng mà ra, có sáng kiến, tinh thần chắc chắn, chí khí vững vàng”. Vì chỉ những người liên hệ mật thiết với dân chúng, hiểu biết, chú trọng đến lợi ích dân chúng thì dân chúng mới tin cậy và thừa nhận đó là người lãnh đạo của họ.

Tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh càng có ý nghĩa khi đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, một trong những quan điểm về công tác cán bộ mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII nêu lên là phải dựa vào dân để phát hiện, kiểm tra, giám sát cán bộ, có cơ chế để dân xem xét, tiến cử những cán bộ có đức, có tài cho Đảng, cho Nhà nước và các đoàn thể.

Để xây dựng mối quan hệ mật thiết với nhân dân, Hồ Chí Minh nêu quan điểm: “Đảng không phải là một tổ chức làm quan để phát tài”. Đối với Hồ Chí Minh, việc thành lập Đảng, các tổ chức khác do Đảng lập ra và mọi hoạt động của các tổ chức ấy đều vì lợi ích của dân, vì cần cho dân chúng. Từ đây, Người xác định cho cán bộ quan niệm đúng đắn về thái độ, trách nhiệm của mình trước dân, trước Đảng và Chính phủ. Hồ Chí Minh đặt vấn đề, nếu hỏi cán bộ “vì ai mà làm?”, “đối ai phụ trách?” thì số đông sẽ trả lời làm việc cho Đảng và Chính phủ, phụ trách trước cấp trên. Theo Hồ Chí Minh, câu trả lời trên mới chỉ đúng một nửa. Bởi vì, nếu cán bộ không phụ trách trước nhân dân tức là không phụ trách trước Đảng và Chính phủ. Câu trả lời đúng là phụ trách, làm việc vì Đảng, Chính phủ và trước cấp trên, đồng thời cũng vì dân mà làm, mà phụ trách, hơn nữa phải vì dân nhiều hơn. Với Hồ Chí Minh, những người không vì dân thì cũng chẳng vì Đảng và Chính phủ. Người vạch rõ việc chia cán bộ, Chính phủ và Đảng ra làm một phía, quần chúng ra

làm một phía là “làm thành một bức tường tách rời Đảng và Chính phủ với nhân dân, tách rời lợi ích của nhân dân với chính sách của Đảng và Chính phủ”<sup>1</sup>. Nghĩa là đưa nhân dân đối lập với Đảng và Chính phủ.

Điều rất đặc biệt là Hồ Chí Minh trở đi trở lại với luận điểm: cách làm việc, tổ chức, nói chuyện, tuyên truyền, khẩu hiệu... của cán bộ đều phải lấy câu này làm khuôn phép: “Từ trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng”. Hiện nay hơn lúc nào hết, mỗi cán bộ chúng ta cần quán triệt tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh.

Bản sao lưu trữ

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.248.



## TƯ TƯỞNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI DÂN

*TS Thanh Tuyên*

Suốt 24 năm trên cương vị đứng đầu Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành toàn tâm, toàn trí cho công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân. Do vậy, dù bận trăm công ngàn việc, kể cả khi sức khoẻ giảm sút, đau yếu, Người vẫn luôn luôn quan tâm theo dõi, kịp thời cổ vũ những tấm gương tốt, lấy đó làm bài học giáo dục cán bộ, đảng viên. Đồng thời, Người cũng sớm phát hiện những cán bộ, đảng viên có tác phong lễ lối làm việc quan liêu, hách dịch, xa dân và vi phạm quyền làm chủ của dân để kịp thời chấn chỉnh, ngăn chặn những gì không tốt có thể xảy ra. Người đã nêu tấm gương sáng về lễ lối, tác phong làm việc trong mối quan hệ với nhân dân. Cụ thể là:

*Thứ nhất:* Xác định rõ vai trò của Đảng đối với dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan, phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”<sup>1</sup>.

Với vai trò, vị trí như trên, nên “mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng”<sup>2</sup>, cán bộ, đảng viên phải liên hệ mật thiết với quần chúng. Đây là điều có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Vì hơn ai hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu hết sức sâu sắc rằng: “Đẩy thuyền cũng là dân và lật thuyền cũng là dân”. Lịch sử nhân loại cũng như lịch sử cách mạng Việt Nam trước khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo đều cho thấy rất rõ điều đó: đã từng có chính đảng yêu nước được thành lập và hoạt động nhưng cuối cùng thất bại, nguyên nhân chính cũng là vì chưa

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.249.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.249.

xác định rõ được vai trò đối với dân nên chưa lôi kéo được dân đồng tình ủng hộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rằng, so với nhân dân thì đảng viên chỉ là tối thiểu nên nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì. Nhưng nếu muốn dân giúp sức thì phải có đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện và giải thích để dân biết, dân hiểu. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng, chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái chân lý này: Dân rất tốt, lúc họ đã hiểu thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ. Nhưng trước hết cần phải chịu khó tìm đủ cách giải thích cho họ hiểu rằng: những việc đó là vì lợi ích cho họ mà phải làm. Giải thích để dân biết, dân hiểu đường lối, chính sách của Đảng còn là việc làm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm tăng cường chặt chẽ mối quan hệ Đảng - dân. Bởi vì, chỉ có hiểu chính sách, đường lối của Đảng thì dân mới phát huy được quyền làm chủ của mình để thực hiện, để giám sát đưa chủ trương, đường lối của Đảng thành hiện thực. Đây chính là việc làm thiết thực của dân trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Vấn đề đặt ra ở đây theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn là ở chỗ làm sao để dân phải được bàn bạc, phải thông, phải hiểu chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phải coi công việc xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước là trách nhiệm của mình. Có như vậy mới đảm bảo để Nhà nước ta là một nhà nước dân chủ, trong đó nhân dân thực sự làm chủ vận mệnh đất nước.

Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng ta luôn luôn quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc vào việc tăng cường xây dựng mối quan hệ Đảng - dân. Điều đó được thể hiện rõ trong việc hoạch định chiến lược xây dựng đất nước và trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Quan điểm "bao nhiêu cách tổ chức và cách làm việc đều vì lợi ích của quần chúng, vì cần cho quần chúng"<sup>1</sup>, lợi ích và quyền lực đều thuộc về nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát triển và cụ thể hóa trong Hiến pháp và các quan điểm "lấy dân làm gốc", "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", "con người là mục tiêu và động lực chính của sự phát triển kinh tế - xã hội" của Đảng và Nhà nước ta.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.246.

*Thứ hai:* Muốn tăng cường và giữ vững mối quan hệ với dân phải có lối làm việc dân chủ. Thực tiễn cho thấy đây là vấn đề nói thì dễ nhưng làm lại rất khó. Bởi vì, không ít cán bộ, đảng viên (kể cả cán bộ, đảng viên giữ cương vị lãnh đạo cấp cao) thường hay mắc bệnh chủ quan, hẹp hòi, cá nhân chủ nghĩa, do vậy dẫn đến mất dân chủ với đồng chí, đồng đội và với nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng do mắc bệnh hẹp hòi nên “*Trong*, thì bệnh này ngăn trở Đảng thống nhất và đoàn kết. *Ngoài*, thì nó phá hoại sự đoàn kết toàn dân”<sup>1</sup>. Người viết: “Có những cán bộ chỉ thấy lợi ích bộ phận của mình, không thấy lợi ích toàn thể, muốn đem lợi ích của toàn thể phục tùng lợi ích của bộ phận mình. Họ quên hẳn cái chế độ dân chủ tập trung”<sup>2</sup>.

Do hẹp hòi, ham danh vọng và địa vị nên “khi phụ trách một bộ phận nào, thì lôi người này, kéo người khác, ưa ai thì kéo vào, không ưa thì tìm cách đẩy ra”<sup>3</sup>, gây mất dân chủ nghiêm trọng, làm dân mất lòng tin vào Đảng.

Cũng do hẹp hòi, mất dân chủ nên dẫn đến tình trạng “các đảng viên và các cán bộ dù có ý kiến cũng *không dám nói*, dù muốn phê bình cũng sợ, *không dám phê bình*”<sup>4</sup>. Từ đó dẫn đến “cấp trên với cấp dưới cách biệt nhau. Quần chúng với Đảng rời xa nhau. Trên thì tưởng cái gì cũng tốt đẹp. Dưới thì có gì không dám nói ra”<sup>5</sup>. Tình trạng đó rất nguy hiểm chẳng những làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến mối quan hệ Đảng - dân mà còn làm suy yếu Đảng, mất tính chiến đấu trong Đảng...

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ dân chủ đối với dân phải là dân chủ thực sự, không hình thức mà “cách làm việc, cách tổ chức nói chuyện, tuyên truyền, khẩu hiệu, viết báo, v.v.. của chúng ta đều phải... *Từ trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng*”<sup>6</sup>. Vấn đề này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Thực tiễn cho thấy, trong tất cả các “điểm nóng” đã và đang diễn ra ở trong các nhà máy, xí nghiệp, ở phường xã, v.v.. đều là do cấp ủy đảng, chính quyền ở đó mất dân chủ với dân, tự tư tự lợi. Từ đó chẳng những làm mất ổn định tình hình chính trị - xã hội mà còn làm cho uy tín của Đảng giảm sút, mối quan hệ giữa Đảng và dân bị rạn nứt. Do vậy, hơn lúc nào hết Đảng và Nhà nước ta

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.236.

4, 5, 6. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.243.

cần quán triệt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Việc gì cũng hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc. Giải thích cho dân chúng hiểu rõ. Được dân chúng đồng ý: Do dân chúng vui lòng ra sức làm”<sup>1</sup>. Quán triệt quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười đã nói: “Lực lượng nhân dân đông đảo, có mặt ở khắp mọi nơi, với trăm tai nghìn mắt, nhìn thấu mọi việc, biết được mọi nhẽ, tường tận mọi điều”<sup>2</sup>.

Hơn lúc nào hết, vấn đề dân chủ đang trở thành vấn đề nóng bỏng. Bởi lẽ dưới tác động của mặt trái của cơ chế thị trường đã dẫn đến xuất hiện lối sống phi đạo đức, mất dân chủ. Các tệ nạn tham nhũng, quan liêu bất công đã ảnh hưởng đến lòng tin của dân đối với Đảng và Nhà nước... Tất cả những thực trạng đó đang đặt ra cho cán bộ, đảng viên cần nhìn nhận nghiêm túc và phải sớm sửa đổi lối làm việc sao cho thật dân chủ, sao cho “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”... Nếu không thì chẳng những mối quan hệ Đảng - dân sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng mà toàn bộ mục tiêu do Đảng đề ra khó trở thành hiện thực được. Bài học về xây dựng Nhà nước dân chủ có nhiều nhưng vấn đề cơ bản nhất là phải dựa hẳn vào dân, trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được rời xa quyền lợi của nhân dân, nếu xa rời quyền lợi của nhân dân thì Nhà nước sẽ mất hết sức mạnh, dẫn đến nguy cơ đối với sự tồn tại của bản thân Nhà nước và chính Đảng lãnh đạo của nó. Do vậy, Đảng và Nhà nước phải thường xuyên chú ý giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước và nhân dân ở tất cả các cấp và trên mọi lĩnh vực theo tinh thần dân chủ, đặc biệt là quyền dân chủ chính trị.

*Thứ ba:* Một tư tưởng lớn đảm bảo xây dựng củng cố tốt mối quan hệ Đảng - dân được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ là *vấn đề cán bộ*. Người viết: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”<sup>3</sup>. Đây thực sự là mối quan hệ đặc biệt. Để mối quan hệ đặc biệt này ngày một tăng cường, bền chặt thì không có cách nào khác là phải có cán bộ tốt, vì “cán bộ là cái gốc của mọi việc”, muốn có cán bộ tốt thì phải “huấn luyện cán bộ”. Người chỉ rõ: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.249.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.11.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.269.

Trong cất nhắc đề bạt cán bộ, Chủ tịch Hồ chí Minh đặc biệt quan tâm đến mối quan hệ của người cán bộ được đề bạt với quần chúng. Thực tiễn cho thấy nếu cán bộ được đề bạt cất nhắc không có mối quan hệ mật thiết với quần chúng, không có quan điểm quần chúng thì dễ gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ Đảng - dân, dân không tin cậy. Do vậy trong lựa chọn cán bộ phải tìm những người liên lạc mật thiết với dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng. Như thế thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ đó là người lãnh đạo của họ.

Đối với cán bộ lãnh đạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ phẩm chất hàng đầu là phải giữ gìn mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi. Nếu cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định là sẽ thất bại. Người còn cho ta thấy là muốn dân chúng thành thật bày tỏ ý kiến, cán bộ phải thành tâm, phải chịu khó, phải khéo khơi cho họ nói.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà cách mạng đầu tiên của Việt Nam đề cập một cách toàn diện về tầm quan trọng của sự gắn bó giữa Đảng với dân. Người chỉ ra rằng, không được rời xa dân chúng. Rời xa dân chúng là cô độc. Cô độc thì nhất định thất bại... Tất cả những lời chỉ bảo của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Thực tại cuộc sống đã và đang nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên phải làm sao tiếp tục đưa những tư tưởng đó của Người vào cuộc sống, trở thành hiện thực, thành nguyên tắc và nền nếp hoạt động của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta đi tới thắng lợi.

## HỌC TẬP PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH

*TS Phan Hữu Tích*

Hồ Chí Minh đã nêu lên phương pháp luận gắn với hoạt động thực tiễn phong phú, mẫu mực về tự phê bình và phê bình để nâng cao tư cách, đạo đức cách mạng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; sửa chữa cách lãnh đạo; phòng chống các nguy cơ; chữa trị những căn bệnh của cán bộ, đảng viên khi Đảng giành được chính quyền. Người đã luận giải một cách thấu đáo, sâu sắc và toàn diện, kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc giữ vững nguyên tắc với vận dụng linh hoạt các giải pháp “thấu lý đạt tình” để giáo dục, rèn luyện con người, nâng đỡ và xây dựng con người, để xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước với tinh thần nhân đạo cộng sản, tình nhân ái rộng lớn.

Theo Hồ Chí Minh, trong hoạt động con người mắc khuyết điểm là thường tình, vấn đề cơ bản là phải biết nhận ra và sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm của mình. Trong bài “Tự phê bình” gửi đồng bào cả nước đầu năm 1946, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Người đời không phải thánh thần, không ai tránh khỏi khuyết điểm”<sup>1</sup>. Cát nghĩa những khuyết điểm của cán bộ, đảng viên, Người nêu rõ: “Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra. Vì vậy, tuy nói chung, thì đảng viên phần nhiều là những phần tử tốt, nhưng vẫn có một số chưa bỏ hết những thói xấu tự tư tự lợi, kiêu ngạo, xa hoa... Những thói xấu đó có đã từ lâu, nhất là trong 80 năm nô lệ. Những thói xấu đó, họ mang từ xã hội vào Đảng”<sup>2</sup>. Theo Người, người đời ai cũng có mặt tốt và mặt xấu, mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Vấn đề đặt ra là phải biết rõ cái tốt và cái xấu, khéo nâng cao cái tốt, khéo sửa chữa

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.4, tr.166.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.262-263.

cái xấu cho họ và biết làm cho phần tốt trong mỗi con người ngày càng nhiều và phần xấu bớt dần đi. Thái độ đối với khuyết điểm được Hồ Chí Minh nêu rất rõ ràng, dứt khoát rằng, chúng ta không sợ có khuyết điểm mà sợ không kiên quyết tự kiểm điểm và sửa chữa. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, trong “Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà” và “Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng”, Người đã nhấn mạnh:

“Chúng ta không sợ có khuyết điểm,  
Chúng ta chỉ sợ không có quyết tâm sửa đổi”<sup>1</sup>.

Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Với thái độ “quang minh chính đại”, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”<sup>2</sup>.

Hồ Chí Minh đã thẳng thắn chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm - những căn bệnh phát sinh, lây lan trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong bộ máy, cơ quan nhà nước. Đó là các bệnh: cá nhân chủ nghĩa, chủ quan, hẹp hòi, tham lam, lừa dối, kiêu ngạo, công thân, hiếu danh, thiếu kỷ luật, địa phương chủ nghĩa, bao biện, quan liêu, bần giấy, tệ nạn, xu nịnh, a dua... Đó là những căn bệnh nguy hiểm, chứa chất nhiều loại vi trùng độc hại, nếu không đề phòng, nó sẽ xâm nhập vào tất cả mọi người, không loại trừ ai. Hồ Chí Minh đã nêu lên những biểu hiện muôn hình vạn trạng của căn bệnh đó như: không phục tùng mệnh lệnh; không tuân theo kỷ luật, cứ làm theo ý mình; tự cho mình là “cách mạng già”, “cách mạng cũ”; việc to làm không nổi, việc nhỏ không chịu làm; không dám cất nhắc người tốt, sợ người ta hơn mình; tự cho mình là anh hùng, vĩ đại, chỉ ham làm chủ tịch này, uỷ viên nọ chứ không ham công tác thiết thực; tự cao, tự đại hay lên mặt; ưa người ta tâng bốc mình, khen ngợi mình; ưa sai khiến người khác; hay khoe khoang, vênh vác, cho ai cũng không bằng mình, tự cho mình cái gì cũng giỏi, cái gì cũng biết; lừa học hỏi, biếng suy nghĩ; việc dễ thì tranh lấy cho mình,

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.4, tr.21.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.261.

việc khó thì đùn cho người khác; người thân quen mình không có tài cán gì cũng xếp chức này, chức nọ, ai hợp với mình thì dù người xấu cũng cho là tốt, việc dở cũng cho là hay, rồi che đậy cho nhau, ủng hộ lẫn nhau ai không hợp với mình thì người tốt cũng cho là xấu, việc hay cũng cho là dở, rồi tìm cách gièm pha, nói xấu, dìm họ xuống... Những căn bệnh và triệu chứng biểu hiện mà Hồ Chí Minh chỉ ra cách đây trên nửa thế kỷ vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự. Trong cơ chế thị trường, sự tác động nhiều mặt của hoạt động kinh tế - xã hội làm cho những căn bệnh và biểu hiện của nó phức tạp hơn, tinh vi hơn. Nơi này, nơi kia trở thành vấn đề nhức nhối, gay gắt. Về mặt xã hội, bệnh quan liêu, tham nhũng hoành hành, trở thành vấn đề nóng hổi thường nhật của công luận, thành một trong những chủ đề tập trung ngay cả tại diễn đàn của Quốc hội. Những lời cảnh báo của Hồ Chí Minh luôn luôn thôi thúc, nhắc nhở đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là người có chức, có quyền những người được Đảng và nhân dân giao phó, ủy thác nắm giữ các chức vụ và trách nhiệm quản lý, lãnh đạo.

Nêu lên những sai lầm, khuyết điểm, những căn bệnh đó, Hồ Chí Minh bày tỏ thái độ đối với sai lầm, khuyết điểm đó rất rõ ràng: Không vì những bệnh ấy mà kinh sợ. “Ta đã thấy rõ những bệnh ấy thì ta tìm được cách chữa”<sup>1</sup>, “Nếu không kiên quyết sửa chữa khuyết điểm của ta, thì cũng như giấu bệnh tật trong mình, không dám uống thuốc để bệnh ngày càng nặng thêm, nguy đến tính mệnh”<sup>2</sup>. Người đặt ra yêu cầu mỗi đảng viên, mỗi cán bộ “cần phải thật thà tự xét và xét đồng chí mình, ai có khuyết điểm nào, thì phải thật thà cố gắng tự sửa chữa và giúp sửa chữa lẫn nhau. *“Thang thuốc hay nhất là thiết thực phê bình và tự phê bình”*<sup>3</sup>.

Hồ Chí Minh đã nêu lên một cách mẫu mực về phương pháp, cách thức giáo dục, rèn luyện và sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm cho đảng viên, cán bộ thấm đượm tinh thần nhân đạo và nguyên tắc cộng sản, thể hiện sâu sắc tình nhân ái đó là tự phê bình và phê bình. Người đề ra: *“Luôn luôn dùng và khéo dùng cách phê bình và tự phê bình”*<sup>4</sup>. Theo Hồ Chí Minh, mục đích của phê bình như là uống thuốc, trị bệnh cứu người.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.261.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.233, 261-262, 265.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.233, 261-262, 265.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.233, 261-262, 265.



Phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ, cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn; cốt đoàn kết thống nhất nội bộ. Khéo dùng cách phê bình và tự phê bình là khi phê bình mình cũng như phê bình người khác phải ráo riết, triệt để thật thà không nể nang, không thêm bớt; phải vạch rõ cả ưu điểm và khuyết điểm. Trong lúc phê bình “chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đâm thọc”<sup>1</sup>, chống biểu hiện lợi dụng phê bình là dịp công kích những người mình không ưa. Hồ Chí Minh phê phán thái độ đối với những người có khuyết điểm và sai lầm như “đối với hổ mang, thường luông”<sup>2</sup>, đòi phải đuổi họ ra khỏi Đảng ngay. Người cho đó là thái độ máy móc, là mắc bệnh chủ quan. Người cũng chỉ rõ phải xem xét kỹ sai lầm, khuyết điểm, để dùng kỷ luật xác đáng, không nương nhẹ, cho qua. Tư tưởng đó cũng xa lạ với cách “xử lý nội bộ” của không ít cơ quan đối với cán bộ vi phạm khuyết điểm mà thực chất là bao che cho nhau. Hồ Chí Minh nêu luận điểm quan trọng “phê bình việc chứ không phải phê bình người” là gột rửa các vết bẩn của người, lau đi vết nhọ trên nét mặt con người. Đó là phương pháp giúp cho con người vượt qua cái “tôi” nhỏ nhen, vị kỷ, dẫn dắt con người thoát khỏi vũng bùn của sự thấp hèn, đố kỵ, trả thù, tiêu trừ máu hiếu thắng, tranh giành được thua. Phương pháp phê bình đó tạo điều kiện cho mỗi con người tự hoàn thiện mình để nâng cao tính tích cực của con người, giúp cho con người hướng tới cái đẹp hoàn mỹ.

Hồ Chí Minh yêu cầu: “Các cơ quan, các cán bộ, các đảng viên, mỗi người mỗi ngày phải *thiết thực tự kiểm điểm và kiểm điểm đồng chí mình*. Hễ thấy khuyết điểm *phải kiên quyết tự sửa chữa và giúp đồng chí mình sửa chữa*”. Phê bình phải trên cơ sở tình đồng chí và thương yêu lẫn nhau. Phải ngăn ngừa và kiên quyết chống lại cách để khuyết điểm chồng chất hay kiểu “cộng số” để đưa ra phê bình, lợi dụng phê bình để có dịp “thanh toán” nhau, đánh bặt “ghế” của nhau, đó là thủ đoạn của bọn cơ hội, bè phái vẫn xuất hiện đây đó ở một số cơ quan, đơn vị. “Phê bình” kiểu đó làm cho công việc trì trệ, đơn vị rối loạn, cán bộ, nhân dân chán nản, thực chất là sự phá hoại. Tự phê bình và phê bình thật thà, thành khẩn, chân thành luôn luôn là tiêu chuẩn đánh giá thái độ, động cơ, tư cách và đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên. Muốn thực

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.232, 264.

hiện có kết quả phê bình và tự phê bình, phải phát huy dân chủ, động viên nhân dân góp ý, phê bình cán bộ, cấp dưới góp ý, phê bình cấp trên, không chỉ có cấp trên phê bình, “uốn nắn” cấp dưới. Chỉ có phát huy dân chủ mới bảo đảm cho việc phê bình được thực hiện đầy đủ và có kết quả, mới ngăn chặn được kẻ địch lợi dụng để phá hoại và bọn cơ hội “mượn gió bẻ măng”. Phương pháp khéo dùng tự phê bình và phê bình của Hồ Chí Minh là cách tốt nhất để giải quyết các mối quan hệ con người xã hội. Nó giúp cho con người chủ động, tự tin và tin tưởng vào đồng chí và tổ chức của mình. Phương pháp đó vừa là liều thuốc chữa trị vừa là liều thuốc bồi bổ cho con người. Nó là nguồn lực tiếp thêm cho con người sau một chặng đường để bước tiếp...

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng với quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, nghiêm khắc tự phê bình về những thiếu sót, khuyết điểm trong hơn mười năm lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã mở đầu thời kỳ đổi mới. Trong tình hình hiện nay, những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về sửa đổi lối làm việc nói chung và phê bình, tự phê bình nói riêng vẫn còn nguyên giá trị, tiếp tục soi sáng cho chúng ta. Cần tỉnh táo và ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực, mặt trái của cơ chế thị trường tác động đến đội ngũ cán bộ. Chỉ bằng cách nêu cao tự phê bình (như tăng cường sức tự đề kháng) và khéo sử dụng phê bình (như giúp nhau liều thuốc “vắc xin”, liều thuốc đặc trị) mới phòng chống được những “căn bệnh” như Hồ Chí Minh đã chỉ ra. Tính nguy hiểm của sức mạnh đồng tiền, thao túng quyền lực làm cho người cán bộ hoa mắt trước lợi ích vật chất “há miệng mắc quai” đã và đang là điều đáng lo ngại. Phải củng cố cơ sở đảng, phát huy vai trò của các đoàn thể, nhân dân, phát huy dân chủ thực sự mới chống được thái độ không dám phê bình, tự phê bình và thái độ của những đảng viên, cán bộ uơ hèn, yếu ớt trước những sai lầm, khuyết điểm như Hồ Chí Minh đã chỉ ra. Đồng thời, phải ngăn chặn, thanh toán tình trạng đấu tranh thì “tránh đầu”, người dám phê bình lại bị trừ dập nặng nề, cho “ngồi chơi xơi nước” hoặc thuyên chuyển, điều động lung tung. Song, cũng cần làm rõ và có hình thức kỷ luật thích đáng đối với những người lợi dụng phê bình để kéo bè, kéo cánh, “có bé xé ra to” nhằm “giải quyết”, “thanh toán”, “hạ bệ” nhau gây mất đoàn kết nội bộ. Tình trạng phê bình hình thức, phê bình theo lối xu nịnh đối với cán bộ lãnh đạo cũng

biểu hiện không ít ở các cơ quan, đơn vị cần được phê phán. Theo thống kê của các ngành bảo vệ pháp luật, đa số các vụ vi phạm chính sách, luật pháp, tham nhũng ở các cơ quan địa phương, đơn vị,... không được phát hiện, ngăn chặn từ các cấp ủy, cấp lãnh đạo của nội bộ cơ quan, đơn vị, mà do tố giác của quần chúng, do các cơ quan nghiệp vụ và báo chí “phanh phui”. Biểu hiện đó như là sự cảnh báo về tình trạng tự phê bình và phê bình, về dân chủ bị hạ thấp, thậm chí bỏ ra ngoài sinh hoạt của không ít cơ quan, đơn vị. Tình trạng mất dân chủ, không duy trì và thực hiện nghiêm túc phê bình, tự phê bình để khuyết điểm chông chất; thái độ làm ngơ bất chấp những đòi hỏi chính đáng của quần chúng, xâm phạm các lợi ích của quần chúng, tham ô tiền của của dân đã tạo ra khoảng cách và hố sâu giữa dân với cán bộ, với tổ chức Đảng, chính quyền. Xét cho cùng, các căn nguyên chính là do các cán bộ sa sút tư cách phẩm chất do những sai lầm, khuyết điểm, những “căn bệnh” âm ỷ từ lâu không được chữa trị đến lúc phát ra mà thôi.

Nêu cao dân chủ, chủ động và thường xuyên tự phê bình và phê bình, khéo dùng cách tự phê bình và phê bình là phương sách hữu hiệu để xây dựng cán bộ, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và phát triển mọi mặt của xã hội. Những lời dạy bảo của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn luôn mới mẻ, vẫn tuyệt đối đúng cho hôm nay.

## SỬA ĐỔI CÁCH VIẾT THEO PHONG CÁCH CỦA BÁC HỒ

*TS Văn Tất Thu*

Là một lãnh tụ cách mạng, một danh nhân văn hóa thế giới, nhưng phong cách sống và làm việc của Bác rất bình dị. Cách nói, cách viết của Bác cũng giản dị và dễ hiểu như chính bản thân Người. Bác không những đố kỵ với bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi mà còn đố kỵ với thói “ba hoa” trong cách nói, cách viết. Đương thời Bác kịch liệt phê phán và yêu cầu cán bộ phải chữa bệnh viết dài, viết rộng. Bác nói: “Nhiều anh em hay viết dài. Viết dòng này qua dòng khác, trang này qua trang khác. Nhưng không có ích cho người xem, chỉ làm tốn giấy tốn mực, mất công người xem”<sup>1</sup>. Theo Bác, nếu “viết dài mà rộng, thì không tốt. Viết ngắn mà rộng cũng không hay. Chúng ta phải chống tất cả những thói rộng tuếch. Nhưng trước hết phải chống thói đã rộng lại dài”. Đồng thời, Bác cho rằng, viết dài cũng được, nhưng mỗi câu, mỗi chữ phải có một ý nghĩa. Không nhất thiết phải viết ngắn mới tốt. Bác nhắc câu tục ngữ: “Đo bò làm chuồng, đo người may áo”. Người nhấn mạnh rằng “Làm việc gì cũng phải có chừng mực. Viết và nói cũng vậy”<sup>2</sup>. Và điều quan trọng là viết phải có nội dung. Viết ngắn mà nội dung đầy đủ và súc tích mới khó. Điều này Lenin cũng thường khuyên các cán bộ làm công tác biên tập bằng cách nhắc câu tục ngữ “ngắn gọn là chị của tài năng” để họ chú ý trong cách viết, cách trình bày văn bản. Viết ngắn gọn, có nội dung đầy đủ và súc tích là điều khó. Để đạt được điều đó theo Bác phải chống, phải chữa cho được căn bệnh “nói dài, viết dài”.

Khi phát biểu hay viết, Bác luôn luôn xác định vị trí của mình. Nói hay viết với tư cách nào, lấy danh nghĩa nào, viết cho ai, đối tượng nào.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.299.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.300.

Đó là phong cách của Bác. Đồng thời, Người cũng yêu cầu cán bộ phải làm như thế. Phải chống thói “câu kỳ”, cách viết “khô khan”, “viết lông bông”, “viết không ai hiểu” và căn bệnh hay nói chữ. Bác nhấn mạnh khi viết cần xác định “viết cho ai xem”. Không nên dùng “danh từ lạ”, “viết theo cách tây”, “câu dài dằng dặc”. Theo Bác, nếu xác định viết để quần chúng xem thì không được viết dài, viết câu kỳ và phức tạp. Vì nếu viết dài, viết câu kỳ và phức tạp, quần chúng không thể hiểu được. Đồng thời cũng hết sức tránh cách viết khô khan, chung chung, viết ra những chữ “tích cực, khách quan, chủ quan”, “một xốc danh từ thuộc lòng”. Bác nói: “Muốn tuyên truyền quần chúng, phải học cách nói của quần chúng, mới nói lọt tai quần chúng”<sup>1</sup>. Vì cách nói của quần chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực mà lại rất đơn giản. Theo Bác, do “chưa học được cách nói đó nên khi viết, khi nói khô khan cứng nhắc, không hoạt bát, không thiết thực”<sup>2</sup>. Vì vậy, phải “học ăn, học nói, học gói, học mở” như câu tục ngữ dân ta thường dạy. Bác kịch liệt phê bình cách viết không đảm bảo tính quần chúng, viết cao xa, phô trương hình thức. Bác nhấn mạnh: “Đảng thường kêu gọi khoa học hóa, dân tộc hóa, đại chúng hóa. Khẩu hiệu đó rất đúng”<sup>3</sup>, nhưng rất tiếc “nhiều cán bộ và đảng viên, có “hóa” gì đâu ! Vẫn cứ chúng cũ, nếp cũ đó”<sup>4</sup>. Những bài họ viết đại chúng không xem được, không hiểu được”. Bác nhấn mạnh: “Nhiều tờ truyền đơn, nhiều bản nghị quyết, nhiều khẩu hiệu của Đảng, mục đích và ý nghĩa rất đúng. Nhưng viết một cách cao xa, mầu mè đến nỗi chẳng những quần chúng không hiểu mà cả cán bộ cũng không hiểu”. Yêu cầu của Bác là khi viết “phải làm cho dân chúng hiểu”, “đại chúng” hiểu. Vì theo Bác, nếu không đạt được mục đích đó thì “hàng vạn khẩu hiệu cũng vô ích”. Rõ ràng các câu hỏi viết gì, viết cho ai xem, viết như thế nào để quảng đại quần chúng nhân dân hiểu là các câu hỏi Bác yêu cầu, người viết phải suy nghĩ trước khi viết. Ngoài ra, Bác đặc biệt nhấn mạnh đến việc bảo đảm tính khách quan, chân thực, tính kịp thời (hay tính thời sự) khi viết báo cáo - một loại hình văn bản hành chính quan trọng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.300.

2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.304.

Bác yêu cầu thông tin trong báo cáo phải được phản ánh một cách trung thực và kịp thời. Người chỉ ra tác hại to lớn của việc “báo cáo lỏng lẻo”, báo cáo không trung thực và kịp thời trong việc đặt ra chính sách, trong lãnh đạo điều hành. Bác viết: “Một báo cáo *giả dối*. Thành công ít, thì suýt ra nhiều. Còn khuyết điểm thì giấu đi, không nói đến. Thành thử cấp trên không hiểu rõ tình hình mà đặt chính sách cho đúng”<sup>1</sup>, “hoặc báo cáo chậm trễ. Thành thử khi cấp trên nhận được báo cáo thì việc đã trễ rồi, không đối phó kịp”. Theo Bác, yêu cầu trung thực, phản ánh đúng hiện thực khách quan, và bảo đảm tính thời sự của báo cáo (của văn bản) là cực kỳ quan trọng. Nếu không bảo đảm các yêu cầu này, văn bản viết ra chẳng những không có giá trị mà còn nguy hại đến lãnh đạo và quản lý. Bác là người có vốn sống, vốn từ Việt, Pháp, Nga, Anh giàu có và phong phú, một con người nhạy cảm, tinh tế và có năng lực ngôn ngữ phi thường. Ở Người, chúng ta thấy ngôn ngữ thực sự là vỏ vật chất của tư duy, của sáng tạo. Nhưng Người rất khiêm tốn luôn luôn đề cao ngôn ngữ dân tộc. Người cho rằng, “chúng ta không chống mượn tiếng ngoại quốc để làm cho tiếng ta đầy đủ thêm. Nhưng chúng ta phải chống cách mượn không phải lối, mượn đến nỗi bỏ cả tiếng ta, đến nỗi quần chúng không hiểu”. Bác phê phán nhiều đồng chí khi viết “tiếng ta không dùng, cứ ham dùng chữ Hán”. Bác chỉ ra tác hại của việc vay mượn dùng tiếng nước ngoài không đúng. Theo Bác: “Dùng đúng, đã là cái hại, vì quần chúng không hiểu. Nhiều người biết không rõ, dùng không đúng, mà cũng ham dùng, cái hại lại càng to”<sup>2</sup>. Dùng không đúng chẳng những gây ra “những chuyện cười mà còn gây ra những chuyện đáng đau lòng”.

Ngoài ra, một trong những yêu cầu nghiêm ngặt của Bác là khi viết phải “cẩn thận”, không được “cẩu thả”. Chỉ có cẩn thận mới tránh được các sai sót và khuyết điểm. Bác khuyên: “Không biết rõ, hiểu rõ, chớ nói, chớ viết, khi không có gì cần nói, không có gì cần viết, chớ nói, chớ viết càn”<sup>3</sup>. Bác chỉ ra kinh nghiệm, khi viết xong một bài báo, một bản báo cáo, hoặc thảo một bài diễn văn, “nhất định phải đọc lại vài lần. Mình tự phê bình bài của mình, hỏi ý kiến đồng chí khác. Những câu, những chữ

---

1. *Sđd*, tr.302.

2. *Sđd*, tr.305.

3. *Sđd*, tr.302.

thừa, vô ích bỏ đi”<sup>1</sup>. Bác nói: “Rửa mặt phải kỳ xát vài ba lần mới sạch. Viết văn, diễn thuyết cũng phải như vậy”<sup>2</sup>. Để có được những bài viết hay, có được những từ đất không có cách nào khác là phải viết, viết rồi đưa cho mọi người cùng xem, góp ý và sửa chữa...

Để chữa thói ba hoa và đặc biệt là để sửa chữa cách “viết dài, viết rộng, viết khô khan, viết cầu kỳ, viết lông bông không kịp thời, không đúng sự thật, viết khó hiểu, viết cầu thả, viết theo kiểu tây và sính dùng ngôn ngữ nước ngoài, theo Bác “phải học cách nói của quần chúng...”, mỗi chữ viết, phải tỏ ra cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng. Phải luôn luôn dùng những lời lẽ, những thí dụ giản đơn, thiết thực và dễ hiểu. Khi viết, khi nói phải làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm theo lời kêu gọi của mình. Bao giờ cũng phải tự hỏi: “ta viết cho ai xem”<sup>3</sup>, phải điều tra trước khi viết, “chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ chớ viết”.

Như vậy, trong “chống thói ba hoa” bằng kinh nghiệm và vốn sống của mình, Bác đã đề ra những yêu cầu, những nguyên tắc buộc phải tuân thủ khi viết, khi biên tập hay soạn thảo văn bản. Sự thật, những nguyên tắc đó đã tạo thành phong cách viết độc đáo của Bác. Những yêu cầu, những nguyên tắc Bác đề ra khi viết còn giữ nguyên giá trị khoa học và thực tiễn đến ngày nay.

Sửa đổi cách viết và học tập phong cách viết của Bác để nâng cao chất lượng văn bản quản lý hành chính hiện nay trở thành vấn đề hết sức quan trọng, cần thiết và cấp bách. Bởi vì, hiện nay công tác văn bản trong các cơ quan nhà nước còn bộc lộ nhiều khuyết điểm như ban hành còn lộn xộn, tùy tiện, vừa thiếu, vừa thừa, vừa không đúng thẩm quyền... Chất lượng văn bản hiện nay ban hành ra còn thấp; nhiều văn bản thể thức không bảo đảm, không thống nhất, còn nhiều sai sót, nhầm lẫn, các thành phần thông tin bắt buộc phải có trong thể thức văn bản trình bày không đầy đủ, không chính xác. Thậm chí ngay việc viết số ký hiệu văn bản cũng không thống nhất. Nhiều văn bản quá dài, nội dung chung chung không thiết thực, thông tin trùng lặp hàm lượng thông tin có giá trị ít, không ít trường hợp văn bản nọ mâu thuẫn hoặc phủ định

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.302-303.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.303.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.306.

văn bản kia. Có văn bản nội dung đề cập đến quá nhiều vấn đề, không quy định cấp thi hành và thời hạn thi hành. Nhiều văn bản ra đời không đi vào cuộc sống vì thiếu tính khả thi. Kết cấu và bố cục văn bản không chặt chẽ, không thống nhất, ngôn ngữ, văn phong tự do tùy tiện, không rõ ràng, không theo khuôn mẫu nào cả, cá biệt có trường hợp sai ngữ pháp. Có thể nói hiện nay có quá nhiều công văn giấy tờ, có quá nhiều báo cáo, chỉ thị, nhưng chưa có được nhiều báo cáo có chất lượng hơn, tổng hợp hơn, có phân tích cái mới, có lượng thông tin chọn lọc.

Để nâng cao chất lượng của các loại văn bản trong tình hình hiện nay, cần phải thực hiện và vận dụng một cách sáng tạo các yêu cầu, các nguyên tắc của Bác Hồ trong cách viết hay soạn thảo văn bản. Cụ thể cần bảo đảm các yêu cầu sau:

*Yêu cầu về mặt nội dung:*

- Bảo đảm rõ ràng về chủ đề và nội dung trình bày trong văn bản. Làm rõ yêu cầu, mục tiêu và nội dung thông tin mà văn bản muốn tác động đến đối tượng thi hành. Mỗi văn bản đều nhằm một mục tiêu, nhằm giải quyết một nhiệm vụ nhất định, nó phải phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời thực sự là công cụ để Nhà nước quản lý và điều hành xã hội.

- Phải phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan. Nếu là báo cáo phải phản ánh đúng sự thật, không được báo cáo sai “thành công ít suýt ra nhiều”, “khuyết điểm thì giấu đi không nói đến”. Nếu là nghị quyết, chỉ thị thì chủ trương giải pháp đề ra phải sát với tình hình thực tiễn; thực tiễn cho phép giải quyết đến đâu thì đề ra chủ trương, mục tiêu, giải pháp đến đó. Hết sức tránh tình trạng văn bản ban hành ra mà không đi vào cuộc sống, không đến tới nhân dân.

- Phải bảo đảm tính pháp lý. Văn bản ban hành phải theo đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của cơ quan, không trái với Hiến pháp và pháp luật. Văn bản của cấp dưới không trái với văn bản của cấp trên, văn bản sau thay thế phải ghi rõ. Đặc biệt là văn bản ban hành phải theo đúng thể thức đã được quy định, phải do người có thẩm quyền ký.

- Bảo đảm tính khoa học. Văn bản thực chất là vật mang tin, thông tin đưa vào trong văn bản phải được xử lý phân tích, chất lọc, tổng hợp, tối đa thông tin trong tối thiểu khối lượng. Bảo đảm độ chính xác không trùng lặp, đặc biệt là phải có tính mới, ý tứ trong văn bản phải rõ ràng,



chính xác, không để người đọc, người thi hành có thể hiểu theo nhiều hướng khác nhau. Khác với các hình thể văn khác (như tiểu thuyết, thơ ca, phóng sự, bút ký), văn phong hành chính phải chuẩn mực, quy củ, chặt chẽ, khách quan, tránh sáo rỗng, thô dệt. Bố cục hay kết cấu của văn bản phải chặt chẽ, hợp lý, ý tứ của văn bản phải rõ ràng, trình tự, lôgic, ý trước là cơ sở của ý sau, ý sau nhằm minh họa, phát triển hoặc tiếp nối ý trước, không có ý thừa, ý lạc lõng. Viết ngắn gọn, mạch lạc rõ ràng, trong sáng dễ hiểu, mỗi chữ, mỗi câu đều phải có nghĩa.

- Bảo đảm tính thời sự. Văn bản ban hành phải kịp thời đúng lúc, ban hành sớm quá hoặc muộn quá đều không đi vào được cuộc sống. Văn bản ban hành đúng lúc sẽ thúc đẩy sự phát triển, ban hành chậm sẽ kìm hãm sự phát triển của cơ quan, của ngành, cá biệt làm tổn thất không thể tính và lường trước được. Đối với các quyết định hành chính phải bảo đảm tính thời sự, thời hiệu của nó, không được chậm trễ.

- Bảo đảm tính đại chúng. Văn bản viết ra phải dễ hiểu, không được coi việc ban hành văn bản là mục đích cuối cùng, mà phải xem xét văn bản ấy được thực hiện trong thực tế như thế nào. Người viết, người soạn thảo phải đặt mình vào địa vị người thi hành văn bản. Như Bác Hồ dạy, khi viết phải tự đặt câu hỏi “viết để làm gì, viết cho ai xem, viết như thế nào?” Lênin nói: Chúng ta đề ra các dự án luật, viết không phải bằng ngôn ngữ bàn giấy mà bằng ngôn ngữ cách mạng. Tối đa mácxít là tối đa bình dân, tối đa đơn giản.

- Văn bản soạn thảo phải phù hợp với mục tiêu, mục đích sử dụng. Tên của văn bản phải phù hợp với nội dung với mục đích và chức năng, nhiệm vụ riêng của nó. Không thể đầu là thông tư, ruột lại là quyết định hoặc chỉ thị.

#### *Yêu cầu về mặt hình thức:*

- Mỗi thể loại văn bản có chức năng nhiệm vụ khác nhau, có kết cấu và cách trình bày khác nhau, theo ngôn ngữ và văn phong khác nhau. Viết hoặc soạn thảo văn bản phải tuân thủ và bảo đảm tính thống nhất khuôn mẫu và chuẩn hóa, bảo đảm hiệu lực và tác dụng của văn bản, giúp cho đối tượng thi hành hiểu thống nhất, thuận tiện cho việc quản lý, tra tìm khi cần thiết.

- Ngôn ngữ văn phong phải chuẩn mực chính xác và dễ hiểu đúng với từng loại văn bản. Nội dung và ngôn ngữ phải khăng khít với nhau,

cái này không thể tồn tại ngoài cái kia. “Ngôn ngữ là vỏ vật chất của tư duy”, ngôn ngữ bao giờ cũng chứa một nội dung nhất định, còn nội dung bao giờ cũng phải tồn tại với một ngôn ngữ nào đó. Ngôn ngữ văn phong phải phù hợp với tên gọi của văn bản. Không lấy ngôn ngữ, văn phong của văn bản này thay cho ngôn ngữ, văn phong của văn bản khác (không lấy ngôn ngữ, văn phong của nghị định, quyết định thay cho ngôn ngữ, văn phong của chỉ thị, thông báo...). Kỹ năng viết hay soạn thảo văn bản chủ yếu là vấn đề sử dụng ngôn ngữ, nếu sử dụng ngôn ngữ tốt sẽ có tác dụng trực tiếp đến người đọc. Nếu sử dụng không tốt sẽ làm cho người đọc không hiểu, hoặc hiểu sai vấn đề, có khi làm hỏng việc.

- Khi soạn thảo các văn bản hành chính cần chú ý đến đặc điểm của văn phong hành chính. Văn phong hành chính là một thể văn quy củ, nghiêm túc, khách quan, ảnh hưởng đến người đọc bằng con đường trực tiếp, bằng lý trí. Ngôn ngữ hành chính giàu khái niệm mà ít hình ảnh. Nó giúp người đọc hiểu ngay ý định của tác giả, không quanh co, úp mở. Văn phong hành chính có các đặc tính như tính khuôn mẫu, quy chuẩn, nghiêm túc; tính chính xác, đơn giản, đơn nghĩa; tính thống nhất, chặt chẽ; tính tổng hợp, toàn diện; tính dân tộc và đại chúng. Vì vậy, khi soạn thảo văn bản phải chú ý đến các đặc tính đó. Đặc biệt là phải chú ý đến tính chính xác, đơn giản, dân tộc và đại chúng. Tính dân tộc và đại chúng yêu cầu tránh lạm dụng vay mượn từ nước ngoài khi không cần thiết và cần viết theo phong cách Việt Nam, không diễn đạt cầu kỳ, kiểu cách theo lối nước ngoài, mà cần viết đơn giản và dễ hiểu.

## VỀ PHONG CÁCH LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*TS Lê Văn Yên*

Phong cách làm việc của người cán bộ là tổng hợp những phương pháp, biện pháp, cách thức tiêu biểu, ổn định mà người cán bộ sử dụng để thực hiện nhiệm vụ của mình. Phong cách làm việc giữ vai trò quan trọng trong tất cả các khâu hoạt động và thực thi nhiệm vụ của cán bộ. Nó được quy định bởi chức năng, nhiệm vụ, phẩm chất, tri thức và điều kiện hoạt động của người cán bộ. Với ý nghĩa đó, phương pháp, cách thức làm việc là bộ phận cấu thành phong cách làm việc của cán bộ. Kết quả của việc thực hiện chủ trương, nhiệm vụ phụ thuộc một phần rất quan trọng vào phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ nói chung và của từng cán bộ nói riêng. Phong cách làm việc tuy là cái đời thường, dung dị, được biểu hiện trong hành động, cử chỉ, hành vi thực thi nhiệm vụ, trong cách đối nhân xử thế, giải quyết công việc, nhưng lại phản ánh phẩm chất bên trong, như tấm gương phản chiếu tâm hồn, tư tưởng và phẩm chất cán bộ. Vì vậy, phong cách làm việc với nghĩa đích thực được coi là phẩm chất và năng lực của cán bộ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nêu rõ: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>. Công việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hay kém”. Rõ ràng ở đây, Người đòi hỏi cán bộ phải là người vừa có phẩm chất, đạo đức cách mạng, vừa phải có năng lực mới đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, trong đó *phong cách làm việc là một nhân tố quan trọng cấu thành phẩm chất và năng lực của cán bộ*. Vì thế, người cán bộ với tư cách là những “mưu sĩ” của Đảng và Nhà nước, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, không thể không phấn đấu để có được phong cách làm việc khoa học và có hiệu quả. Yêu cầu đó càng quan

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.269, 273.

trọng và bức thiết khi Đảng và Nhà nước ta đặt ra nhiệm vụ là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Vì như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên làm việc đúng hơn, khéo hơn, thì thành tích của Đảng còn to tát hơn nữa”<sup>1</sup>. Ở đây, “làm việc đúng hơn, khéo hơn” tức là người cán bộ phải có phong cách làm việc khoa học.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, cần phải có tính đảng mới làm được việc. Kém tính đảng, thì việc gì cũng không làm nên”; đồng thời, Người giải thích tính đảng là phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết, việc gì cũng phải điều tra rõ ràng và phải làm đến nơi đến chốn, lý luận và thực hành luôn luôn đi đôi với nhau. Điều đó có nghĩa là *phong cách làm việc của cán bộ cần nêu cao tính đảng*. Đây chính là đặc trưng nổi bật trước nhất phong cách làm việc khoa học của người cán bộ. Như chúng ta đều biết, Hồ Chí Minh suốt đời phấn đấu cho độc lập tự do của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân. Ở Người “chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>2</sup>. Trước lúc đi xa, trong “*Di chúc*”, Người nói rõ là không có điều gì phải hối hận, mà chỉ tiếc có một điều là không được phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Đây là tư tưởng chủ đạo chi phối mọi hoạt động của Người, quy định phong cách làm việc của Người. Vì thế, Người căn dặn cán bộ: “Phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết. Vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc. Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng lên trước, lợi ích của cá nhân lại sau. Đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng. Đó là

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.233.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.4, tr.161.

tính đảng”<sup>1</sup>. Và Người yêu cầu mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phải hiểu rõ, phải thực hành như thế. Yêu cầu này phải được quán xuyên trong mọi hoạt động của người cán bộ; mọi hoạt động của người cán bộ phải đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trước hết; phong cách làm việc của cán bộ đều phải hướng tới mục đích trên. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với việc mở rộng quan hệ với nước ngoài, đa dạng hoá, đa phương hóa quan hệ quốc tế cũng như cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiến như vũ bão và tình hình quốc tế diễn biến nhanh chóng, sự hội nhập, đan xen, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, vừa là nguy cơ, vừa là thời cơ đối với các quốc gia dân tộc đang đặt ra cho cán bộ những vấn đề mới, đòi hỏi phong cách làm việc mới, khoa học, thiết thực và hiệu quả. Đó chính là tính đảng mà Hồ Chí Minh đã yêu cầu; đồng thời cũng là yêu cầu của lịch sử, của thực tiễn cách mạng trong giai đoạn hiện nay và yêu cầu của tương lai đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ *phải có phong cách làm việc dân chủ, tập thể*. Đây là phong cách không thể thiếu được của người cán bộ. Vì người cán bộ bao giờ cũng gắn với tổ chức và có trọng trách trong một tập thể lãnh đạo. Sức mạnh và trí tuệ của cán bộ đều bắt nguồn từ tập thể nhưng người cán bộ phải có phong cách làm việc dân chủ, tập thể mới quy tụ và phát huy được sức mạnh và trí tuệ của tập thể. Bản thân Hồ Chí Minh, trong cuộc sống thường ngày cũng như trong công tác với cương vị là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, Người không bao giờ thực hiện sự áp đặt, độc đoán hoặc gia trưởng, mà Người luôn luôn dùng cách lãnh đạo dân chủ, tập thể bàn bạc để ra quyết định một cách chính xác, nên không chỉ khai thác được trí thông minh, sáng tạo của tập thể, mà còn tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ, tạo ra sự thống nhất ý chí và hành động của tập thể trong các giai đoạn cách mạng nước ta. Người là mẫu mực tuyệt vời về phong cách làm việc dân chủ, tập thể. Người chỉ rõ: “Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi thì những người đó càng thêm hăng hái, và người khác cũng học theo”<sup>2</sup>. Phong cách làm việc dân chủ, tập thể hoàn toàn khác với sử dụng quyền hành, mệnh lệnh, hành chính và

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.251.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.244.

quan liêu. Đây là một điều không hề giản đơn đối với những cán bộ có chức, có quyền. Vì thế, Người đã nhiều lần nhắc nhở cán bộ rằng “cách lãnh đạo của ta không được dân chủ, cách công tác của ta không được tích cực”<sup>1</sup>; rằng “nếu cứ làm theo ý muốn, theo tư tưởng, theo chủ quan của mình, rồi đem cột vào cho quần chúng thì khác nào khoét chân cho vừa giày. Chân là quần chúng. Giày là cách tổ chức, cách làm việc của ta. Ai cũng đóng giày theo chân. Không ai đóng chân theo giày”. Người còn khuyên cán bộ: “Trong lúc thảo luận, mọi người được hoàn toàn tự do phát biểu ý kiến, dù đúng hoặc không đúng cũng vậy. Song không được nói gàn, nói vòng quanh”<sup>2</sup>. Trong giai đoạn hiện nay, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đòi hỏi phải phát huy cao độ tính tự giác và năng lực sáng tạo của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Vì thế, phong cách làm việc dân chủ, tập thể của cán bộ đảng là yêu cầu của thực tiễn cách mạng nước ta. Kinh nghiệm của những năm đổi mới vừa qua cho thấy, ở đâu cán bộ biết khơi dậy và thực hiện tốt phong cách làm việc dân chủ, tập thể, thì ở đấy quần chúng ủng hộ, tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đặt ra, thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển. Ngược lại, nơi nào cán bộ làm mất dân chủ, của quyền, độc đoán, thì ở đó mất đoàn kết, các quyết định không sát thực tế, các nhiệm vụ đặt ra không thực hiện được, đồng thời trở thành miếng đất màu mỡ cho những kẻ cơ hội lợi dụng thực hiện những mưu đồ cá nhân. Đây cũng là nguy cơ dẫn đến mất dân lòng tin và mất dân chủ trong Đảng và chính quyền, và hậu quả tất yếu dẫn đến Đảng, chính quyền mất quyền lãnh đạo. Bởi vậy, trong giai đoạn hiện nay xây dựng phong cách làm việc dân chủ, tập thể là yêu cầu không thể thiếu với mỗi cán bộ lãnh đạo.

Bên cạnh phong cách làm việc dân chủ, tập thể, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng yêu cầu cán bộ *phải có tính quyết đoán và tinh thần trách nhiệm cao*. Người nêu rõ: “Cán bộ phải quyết định mọi vấn đề cho đúng” và “vấn đề cán bộ quyết định mọi việc”<sup>3</sup>. Vì thế, Người đòi hỏi: “Phải khiến cho cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc”, “phải đào tạo một mớ cán bộ phụ trách có gan làm việc, ham làm việc. Có thế Đảng mới

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.243.

2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.232.

3. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.284.

thành công. Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, dễ bảo, “đạp đi, hò đứng”, không dám phụ trách, thế là một việc thất bại của Đảng”<sup>1</sup>. Thật vậy, người cán bộ tuy có ý thức và phong cách làm việc tập thể, biết tạo ra bầu không khí dân chủ, biết lắng nghe ý kiến của tập thể, nhưng lại không có tính quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể thì không thể có những quyết định kịp thời, sáng suốt và đúng đắn, không đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đòi hỏi và công việc cũng không thể tiến lên được. Những hiện tượng cán bộ coi thường tập thể, dựa dẫm, ỷ lại tập thể, không dám quyết đoán, không nêu cao trách nhiệm của mình trước tập thể đều làm yếu năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đơn vị mình, đều dẫn đến sự trì trệ.

Thực tế trong giai đoạn hiện nay, đa số cán bộ có tính năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tuy nhiên cũng còn không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý “nhát gan”, thụ động, không có sáng kiến, sợ phụ trách, sợ khuyết điểm, không dám chịu trách nhiệm, v.v.. Thực chất phong cách của loại cán bộ này là không dám nghĩ, không dám chủ trương, không dám quyết đoán, dù công việc rất nhỏ thuộc phạm vi quyền hạn của mình. Thường thì “âm ừ”, “ba phải”, ỷ lại, dựa dẫm, “nước chảy bèo trôi”, “trung bình chủ nghĩa”, cốt sao cho “tròn trịa”, giữ cái ghế”, hưởng thụ lộc quyền. Trước những sự việc mới nảy sinh hoặc khi tình hình có những khó khăn thì họ thoái thác, không tỏ thái độ rõ ràng, không dám phê phán đúng sai. Nhát gan, sợ phụ trách, không dám chịu trách nhiệm, v.v.. là khuyết điểm không chỉ đơn thuần về cá tính, tác phong, mà thuộc về phong cách, về ý thức tư tưởng, về phẩm chất và năng lực của cán bộ.

Cách mạng là khoa học và sáng tạo. Công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo thật sự là một cuộc cách mạng mới mẻ, khoa học và đầy sáng tạo, đang được thể hiện sinh động trong đời sống xã hội ta. Nó đòi hỏi phong cách làm việc của cán bộ phải khoa học, phải sáng tạo, phải nhạy bén và năng động, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đồng thời nó cũng không chấp nhận những cán bộ quan liêu, hữu danh vô thực, trục lợi, “sâu dân một nước”, nhu nhược, yếu hèn,... và phải được thanh lọc khỏi hàng ngũ cán bộ của chúng ta. Đáp

---

1. *Sđđ*, tr.281.

ứng được đòi hỏi trên thì công cuộc đổi mới đất nước sẽ nhanh đi đến thắng lợi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ còn phải có *phong cách làm việc sâu sát, thận trọng, liên hệ mật thiết với quần chúng*. Phong cách này xuất phát từ mối liên hệ bản chất giữa cán bộ, Đảng, Nhà nước và quần chúng. Nó tưởng chừng đơn giản, nhưng rất khó thực hiện, vì nhiều cán bộ khi đã ở đỉnh cao của quyền lực thường dễ trở nên độc đoán, quan liêu, đại khái, qua loa, xa rời quần chúng. Mọi người đều biết một lẽ đương nhiên của sự lãnh đạo là ở quần chúng. Vai trò của quần chúng sáng tạo ra lịch sử, quyết định tiến trình lịch sử. Quần chúng cần lãnh đạo vì quần chúng có sức mạnh to lớn, là hiệu quả cuối cùng của tác động lịch sử. Kinh nghiệm lịch sử và kinh nghiệm ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu vừa qua cho thấy, khi mất mối dây liên hệ với quần chúng thì cán bộ, đảng và nhà nước trở nên suy yếu, các thế lực phản động lợi dụng phản kích làm tiêu vong chế độ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu một tấm gương mẫu mực về phong cách làm việc sâu sát, thận trọng, nắm sát tình hình quần chúng. Người căn dặn cán bộ: “Vì chúng ta quên một lẽ rất giản đơn: tức là vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều như thế cả”<sup>1</sup> và “sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng”<sup>2</sup>. Người rất ghét phong cách làm việc quan liêu, nên Người căn dặn chỉ dẫn cán bộ: “Nói tóm lại, cách làm việc, cách tổ chức, nói chuyện, tuyên truyền, khẩu hiệu, viết báo v.v. của chúng ta, đều phải lấy câu này làm khuôn phép: từ trong quần chúng ra, về sâu trong quần chúng”<sup>3</sup>. Xưa nay, người cán bộ sáng suốt, tài giỏi đều biết lặn lội sâu sát, thận trọng, tỉ mỉ trong hoạt động thực tiễn và nó trở thành phong cách làm việc khoa học và đạo đức của người cán bộ. Vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở cán bộ “chẳng những phải lãnh đạo quần chúng, mà lại phải học hỏi quần chúng”, đồng thời “tuyệt đối không nên theo đuôi quần chúng”. Nghĩa là, người cán bộ không kiêu ngạo, mà nên hiểu thấu, giữ mối liên hệ bền chặt với quần chúng, biết học hỏi, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Kinh nghiệm cho

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.241.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.290.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.248.



thấy, bệnh mị dân không kém nguy hiểm so với bệnh quan liêu, xa rời quần chúng. Chứng bệnh mị dân là bạn đường của những kẻ xấu lợi dụng, xuyên tạc, kích động, chia rẽ cán bộ và nhân dân, hòng hạ uy tín của Đảng và Nhà nước ta. Không được mị dân, mà phải lãnh đạo dân. Lãnh đạo dân phải ra được những quyết định đúng, tổ chức, thực hiện và kiểm tra cho có hiệu quả. Yêu cầu đó đòi hỏi cán bộ phải sâu sát cơ sở phải thận trọng, tỉ mỉ, phải nắm chắc được yêu cầu, nguyện vọng của dân. Có như vậy mới có được chủ trương, biện pháp đúng đắn và sát hợp với thực tiễn của dân. Về điểm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có chỉ dẫn rất cụ thể:

“1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng, mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng...”

2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng, mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.

3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”<sup>1</sup>.

Rõ ràng ba khâu trong quy trình lãnh đạo của người cán bộ đều phải hết sức sâu sát, đều phải có dân tham gia.

Trong tiến trình cách mạng, trước đây khi chưa giành được chính quyền thì mối dây liên hệ giữa cán bộ và nhân dân diễn ra như một lẽ tự nhiên. Nhưng sau khi giành được chính quyền, mối dây liên hệ này rất dễ bị giảm sút, mà một trong những nguyên nhân là một số cán bộ có xu hướng quan liêu hóa, ngày càng xa rời quần chúng. Thực tế hiện nay, có không ít cán bộ với quyền lực của mình ức hiếp quần chúng, sa ngã, lãng phí, tham nhũng, tự mình tách khỏi mối liên hệ với quần chúng. Thực trạng này đã và đang làm quan liêu hóa bộ máy của Đảng và Nhà nước. Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành thanh lọc khỏi đội ngũ những phần tử thoái hóa biến chất nêu trên. Thực tiễn qua những năm đổi mới đã chứng minh, chỉ có sâu sát cơ sở, liên hệ mật thiết với quần chúng, người cán bộ mới mau chóng trưởng thành, mới kiểm nghiệm được sự sát, đúng của các chủ trương, chính sách đề ra, mới phát hiện được đúng, sai trong việc thực hiện của cơ sở. Cũng chỉ có đi vào quần chúng, thực sự tấm mình trong phong trào quần chúng, cán bộ mới có sáng tạo, năng động,

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.285-286.

mới có cơ sở thực tiễn đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của cuộc sống đặt ra. Bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta chủ trương tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Chủ trương trên chỉ trở thành hiện thực sinh động khi đội ngũ cán bộ trong các cơ quan Đảng và Nhà nước có được phong cách làm việc sâu sát, luôn hướng về cơ sở, thường xuyên liên hệ với quần chúng. Những chỉ dẫn trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh như đang thực sự đi vào cuộc sống bức xúc và nóng hổi đối với chúng ta hôm nay.

Cuối cùng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn yêu cầu cán bộ *phải có phong cách làm việc nhất quán giữa lời nói và việc làm, giữa lý luận và thực tiễn*. Đây cũng là điểm nổi bật trong phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở Người, phong cách này đã trở thành thói quen, nếp sống trong hoạt động cách mạng. Ở đâu, việc gì, lời nói và việc làm của Người cũng hòa đồng làm một, gắn kết với nhau chặt chẽ. Bởi vì, Người đã tiếp thu sâu sắc mối quan hệ thống nhất, biện chứng giữa lý luận và thực tiễn - một nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đối với Người, những vấn đề lý luận trừu tượng được diễn đạt rất giản dị, dễ hiểu. Chúng ta đều biết lý luận được khái quát từ thực tiễn, trên nền tảng thực tiễn, không có thực tiễn cách mạng thì không có lý luận cách mạng; ngược lại không có lý luận cách mạng thì cũng không có phong trào cách mạng. Người đã chỉ rõ rằng, lý luận không có thực tiễn thì chỉ là lý luận suông, thực tiễn không có lý luận là thực tiễn mù quáng. Ở Người, nói đi đôi với làm, nói với làm là một. Trong tất cả các công việc, Người luôn lấy lý luận để soi rọi thực tiễn và từ thực tiễn khái quát thành lý luận. Lý luận mà Người diễn đạt rất trong sáng, giản dị, cô đọng, hàm súc, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm và gắn gũi với thực tiễn lạ kỳ. Ngôn từ của Người đạt tới sự gặp gỡ, gắn gũi giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc, giữa lãnh tụ và quần chúng. Người không viết nhiều, không hay nói dài mà lại làm nên sự nghiệp lớn lao, là vì Người nói ít mà mọi người hiểu nhiều, nói ít mà mọi người nghe nhiều, tin nhiều, chỉ một lời vấn tắt dễ hiểu đã đi vào trái tim, khối óc quần chúng, biến thành sức mạnh phi thường. Phong cách Hồ Chí Minh là đi vào thực tiễn của cách mạng đặt ra.

Người cán bộ trong giai đoạn hiện nay phải là người có trí tuệ, có nhận thức lý luận sâu rộng, có năng lực tư duy khoa học, nắm được tri

thức khoa học hiện đại, nắm được quy luật vận động của tiến trình cách mạng. Đồng thời phải là người am hiểu thực tiễn, có năng lực vận dụng tri thức khoa học vào tổ chức thực tiễn, phân tích thực tiễn, từ đó xác định phương hướng, biện pháp hành động cho phù hợp quy luật và thực tiễn công cuộc cách mạng. Những phẩm chất trên phải được thể hiện trong cuộc sống hàng ngày của người cán bộ. Uy tín của cán bộ chỉ thực sự thấm sâu trong lòng quần chúng khi họ thực sự tiêu biểu trong lời nói và việc làm, lý luận và thực tiễn, thực sự mẫu mực trong công tác và lối sống.

Thực tế mấy năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ về lý luận và thực tiễn công tác. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ đã có một bước trưởng thành vượt bậc, khá đồng đều, thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ của giai đoạn mới. Tuy nhiên, cũng có một bộ phận cán bộ phạm những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng hoặc sa ngã. Phần đông trong số này chưa có ý thức rèn luyện phong cách làm việc khoa học. Bên cạnh những cán bộ miệng nói, tay làm, xông xáo, lăn lộn với công việc, sâu sát thực tiễn, mẫu mực trong lối sống, nêu tấm gương sáng cho quần chúng noi theo, vẫn còn có những cán bộ nói rất hay, nhưng làm lại dở, nói nhiều nhưng làm ít, thậm chí nói mà không làm, hoặc nói một đằng làm một nẻo. Họ làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng và Nhà nước chỉ thật sự xứng đáng là người lãnh đạo và người quản lý xã hội ta, khi xây dựng được phong cách lời nói đi đôi với việc làm, lý luận gắn liền với thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trách nhiệm đó thuộc về Đảng, Nhà nước và cũng là trách nhiệm cá nhân của mỗi cán bộ, đảng viên.

## HỒ CHÍ MINH CẢNH BÁO VỀ TÁC PHONG LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ KHI ĐẢNG CẦM QUYỀN

*TS Trình Mưu - Dương Minh Huệ*

Không phải ngẫu nhiên mà ngay sau ngày chúng ta giành chính quyền từ tay thực dân Pháp và phát xít Nhật, Hồ Chí Minh trên cương vị là Chủ tịch nước, người đứng đầu Đảng, đã viết rất nhiều bài có tính chất định hướng, giáo dục, uốn nắn lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên ở mọi cấp.

Là người có vốn văn hóa và tri thức uyên thâm với tầm nhìn xa trông rộng, khả năng lý luận sắc bén, Hồ Chí Minh đã sớm cảnh báo về một vấn đề mới nảy sinh khi Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, đó là *vấn đề tác phong, lề lối làm việc* của cán bộ.

Hơn ai hết, Hồ Chí Minh là người hiểu rất rõ về vị trí, vai trò của cán bộ đối với sự thành bại của cách mạng, của chế độ. Cán bộ là những con người rất cụ thể với rất nhiều mối quan hệ: với hoàn cảnh, với con người, với địa vị, chức vụ xã hội, như Mác đã chỉ rõ, bản chất con người là sự tổng hòa các quan hệ xã hội. Vì vậy, để đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi, trước hết cần phải hết sức quan tâm đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đặc biệt là trước những bước ngoặt lịch sử. Khi tiếp thu chủ nghĩa Mác, tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, trong cuốn *Đường cách mệnh*, vấn đề đầu tiên Hồ Chí Minh nói đến là cán bộ, tư cách người cách mệnh.

Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, trước những khó khăn chồng chất, những thách thức nghiệt ngã của tình hình đất nước, Hồ Chí Minh đã thấy bóng dáng của những biểu hiện cần cảnh báo, cần chỉnh đốn trong tác phong làm việc của cán bộ, đảng viên khi trở thành những người có quyền lực, có cương vị. Nước nhà được độc lập, từ người nô lệ dân ta trở thành người làm chủ. Chính

quyền cách mạng mới ra đời còn rất non trẻ đã phải đối phó với nhiều khó khăn chồng chất. Câu hỏi đặt ra cho Đảng ta và Hồ Chí Minh là phải làm thế nào để xây dựng được đội ngũ cán bộ đủ tài, đủ đức để vừa xây dựng, vừa giữ vững được chính quyền, làm cho chính quyền là của dân, do dân, vì dân? Tác phong làm việc của người cán bộ có còn giống như người chiến sĩ cách mạng nữa không? Cán bộ phải làm gì để dân mến, dân yêu và trọng trách của họ làm gì và làm như thế nào để khẳng định được tính ưu việt của chế độ mới, khác hẳn với chế độ cai trị của bọn đế quốc và phong kiến?

Hơn 80 năm đất nước bị đô hộ, dân ta chịu đói khổ đã nhiều, nhờ có nhân dân dốc lòng, dốc sức cùng với Đảng cách mạng mới thành công, đất nước được độc lập. Nhưng nước được độc lập thì người dân phải được hưởng hạnh phúc, tự do. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã hứa với dân, sẽ gắng sức làm cho “ai nấy đều có phần hạnh phúc”. Việc mang lại hạnh phúc cho dân có làm được hay không đều do những cán bộ của Chính phủ, người lãnh đạo và là người đẩy tớ của nhân dân thực thi. Để làm được điều đó, Hồ Chí Minh đã đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải biết rằng: “Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”<sup>1</sup>.

Quan điểm cán bộ là công bộc của dân của Hồ Chí Minh đã trở thành nội dung chủ yếu trong xây dựng đội ngũ cán bộ để bảo vệ và giữ vững chính quyền cách mạng. Người luôn răn dạy cán bộ và chính bản thân Người cũng nêu một tấm gương làm việc theo nguyên tắc: Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”<sup>2</sup>. Trong khó khăn gian khổ của thời kỳ chưa giành được chính quyền, người cán bộ phải luôn hòa mình trong quần chúng, phải bám dân, dựa vào dân để dân quý, dân yêu, dân tin, dân đi theo mình, ủng hộ mình làm cách mạng, thì ngày nay “chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”<sup>3</sup>. Những yếu tố này luôn luôn tác động lẫn nhau và bổ sung cho nhau. Trong cách mạng thì cán bộ phải được dân yêu, dân tin và dân che chở, sau cách mạng, khi có chính quyền rồi thì cán bộ

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.56.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.56-57, 57.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.56-57, 57.

lại phải yêu dân, tin dân và che chở cho dân. Chính quyền có trụ vững hay không mấu chốt là ở vấn đề mối quan hệ của chính quyền với dân thông qua đội ngũ cán bộ của Đảng, chính quyền.

Nhận thức được sự chuyển đổi to lớn của đất nước, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ 6 căn bệnh quan trọng mà người cán bộ không được phép vi phạm, phải luôn luôn cảnh giác và tránh xa. Đó là các căn bệnh: *trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo*. Đây có thể xem là những cảnh báo, những lời răn dạy đầu tiên của Hồ Chí Minh cho cán bộ cách mạng. Phẩm chất đạo đức, tư cách, tác phong làm việc của người cán bộ có được hoàn thiện hay không, điều đó phụ thuộc vào việc họ thực hiện những lời răn dạy này như thế nào.

Ở mỗi thời điểm cách mạng, tác phong làm việc của người cán bộ có những yêu cầu cụ thể. Nếu như những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đưa ra những lời cảnh báo để răn dạy cán bộ, thì đến khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, vấn đề cán bộ và tác phong của cán bộ được Người bổ sung thêm nhiều nội dung mới như: tận tụy, khẩn trương, quân sự hóa, tính kỷ luật, giữ vững các nguyên tắc, kỷ cương của tổ chức. Chính trong hoàn cảnh vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*. Tác phẩm này là cẩm nang hành động cho cán bộ toàn Đảng. Sửa đổi tác phong làm việc của người cán bộ lúc này có ý nghĩa hết sức quan trọng. Những nội dung mà Hồ Chí Minh trình bày bao gồm nhiều vấn đề, song trong tình hình xây dựng đội ngũ cán bộ hiện nay cần tập trung nghiên cứu ba vấn đề chính sau:

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức được rằng, chúng ta vừa mới giành được chính quyền, có hòa bình nên rất dễ nảy sinh tư tưởng *thoả mãn, lơ là, chủ quan, khinh địch, tự cao, tự đại*. Thực dân Pháp luôn âm mưu chia rẽ cán bộ và quần chúng. Chúng dùng mọi thủ đoạn tâm lý để nắm bắt cán bộ. Vì vậy, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng cán bộ phải hết sức tránh bệnh chủ quan. Tác phong làm việc đầu tiên của người cán bộ là phải tránh bệnh chủ quan, làm việc gì phải nghiên cứu tỉ mỉ, cân nhắc, thận trọng, không nôn nóng, không khinh địch. Theo Người, nguyên nhân của căn bệnh này là do kém lý luận, khinh lý luận, hoặc lý luận suông. Lý luận có ý nghĩa rất quan trọng, nó là kim chỉ nam cho hành

động, “không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”<sup>1</sup>. Vì vậy mỗi cán bộ phải ra sức học lý luận và đem nó áp dụng vào thực tế là một yêu cầu của Bác trong tình hình hiện tại. Chú ý đến vấn đề nâng cao dân trí nói chung và cho cán bộ nói riêng để nắm bắt lý luận, để hiểu biết và thực hành nhiệm vụ, nên sau khi giành được chính quyền cách mạng, vấn đề diệt giặc dốt được coi là một trong ba nhiệm vụ hàng đầu. Dốt thì dễ bị người ta lừa bịp, người ta cai trị, nên Người đã phát động một phong trào học chữ quốc ngữ rộng rãi trong toàn quốc. Sự học hành, hiểu biết là đòi hỏi không thể thiếu được của một đất nước. Người cán bộ phải được học để trở thành người có tài, có đức, có vốn văn hóa, vốn hiểu biết công việc của mình phải hoàn thành và cách thức để hoàn thành. Hồ Chí Minh cũng gửi thư động viên các thầy cô giáo, các học sinh nỗ lực trong dạy và học. Học là để có tri thức. Nhưng khi có tri thức rồi thì người cán bộ phải khiêm tốn, không kiêu ngạo. Hiểu rõ một thực tế thường hay mắc phải khi người ta có một chút gì đó hơn người khác là dễ mắc phải thói tự kiêu, nên Hồ Chí Minh thường dạy cán bộ “một lần khiêm tốn bằng bốn lần tự kiêu”.

2. Cùng với việc sửa chữa căn bệnh chủ quan vốn dễ mắc của cán bộ, Hồ Chí Minh đề ra việc phải sửa đổi *bệnh hẹp hòi*. Đây là một căn bệnh nguy hiểm, vì “*Trong*, thì bệnh này ngăn trở Đảng thống nhất và đoàn kết. *Ngoài*, thì nó phá hoại sự đoàn kết của toàn dân”<sup>2</sup>.

Cái tài tình của Hồ Chí Minh là đã nắm bắt được trạng thái tâm lý thông thường của cán bộ nói riêng và người dân Việt Nam nói chung. Người hiểu được rằng, ở mỗi giai đoạn, mỗi thời điểm và mỗi đất nước, cán bộ dễ mắc phải những khuyết điểm, những “căn bệnh” khác nhau. Những căn bệnh đó phát sinh và phát triển có những căn nguyên nội sinh xuất phát từ đặc điểm dân tộc, trình độ dân trí, tính cách và hoàn cảnh lịch sử mà người lãnh đạo phải nắm bắt và dự báo được để có biện pháp xử trí thích hợp. Theo Hồ Chí Minh, cội nguồn của nhiều thứ bệnh, như chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa bản vị, chủ nghĩa cá nhân, khuynh hướng tham danh vọng, tham địa vị, bệnh hủ hóa... đều xuất phát từ bệnh hẹp hòi, đặt lợi ích riêng lên trên lợi ích chung. Cán bộ lãnh đạo,

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.234.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.236.

nhất là ở cương vị chủ chốt mà hẹp hòi thì không thể tập hợp được mọi người, bị quần chúng xa lánh, bị cô lập và dễ sinh ra độc đoán.

Một số cán bộ mắc phải bệnh này thường gây ra những tác hại to lớn làm cho Đảng và chính quyền của ta bị tổn thất, mất lòng tin lẫn nhau giữa cán bộ với cán bộ và quần chúng với cán bộ.

Cũng từ bệnh hẹp hòi, mà nhiều cán bộ tự cao, tự đại, khinh thường người khác, không muốn học hỏi người khác. Họ quên mất những nhận thức sơ đẳng rằng, cách mạng muốn thành công, không chỉ thực hiện đoàn kết trong Đảng mà phải đoàn kết quần chúng, không có quần chúng nhân dân giúp sức thì cách mạng không thành công, Đảng không thể tồn tại, chính quyền không đứng vững được.

3. Trong tác phong công tác của cán bộ, Hồ Chí Minh hết sức chú ý đến thái độ phê bình và tự phê bình, vì theo Người, cán bộ muốn làm được tốt, muốn hoàn thiện mình, không có cách nào tốt hơn là phải *thường xuyên tự phê bình*. “Trong lúc phê bình, khuyết điểm phải vạch ra rõ ràng, mà ưu điểm cũng phải nhắc đến. Một mặt là để sửa chữa cho nhau. Một mặt là để khuyến khích nhau, bắt chước nhau. Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt”<sup>1</sup>. Vì sự nghiệp của cách mạng, vì sự phồn vinh của đất nước. Trên cương vị là người lãnh đạo cao nhất, Hồ Chí Minh thường xuyên chú ý sửa đổi tác phong làm việc cho cán bộ. Những thói hư, tật xấu thông thường mà cán bộ mắc phải đều được Người đưa ra và uốn nắn từng bước. Cũng nhờ có sự uốn nắn của Người mà cán bộ ta được rèn rũa, trở thành những người tài đức, họ đã hết sức mình cùng với nhân dân vượt qua mọi khó khăn gian khổ giành lại tự do, độc lập cho đất nước, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Ngày nay khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới với những biến động phức tạp của đời sống xã hội, vấn đề cán bộ lại được đặt ra vừa là vấn đề cập nhật, vừa là vấn đề cơ bản, then chốt, cấp thiết hơn bao giờ hết. Nhìn vào thực tế xã hội hiện nay khi cơ chế thị trường đang rộng mở, mọi quan hệ xã hội bị biến đổi, người cán bộ đang bị chi phối và có nhiều thay đổi. Các căn bệnh mà Hồ Chí Minh đã cảnh báo, đã chữa trị, nay có nguy cơ tái phát.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.239.



Vấn đề đạo đức và tác phong làm việc của người cán bộ lúc này cần phải được đặt ra và xử lý một cách nghiêm túc, bởi vì sự xuống cấp về đạo đức, tư cách đang thể hiện rõ ở một số cán bộ, ở một số lĩnh vực làm xói mòn niềm tin yêu của quần chúng nhân dân, làm triệt tiêu động lực của đông đảo quần chúng.

Sự chuyển đổi cơ chế tuy có mặt tích cực nhưng theo đó có không ít mặt tiêu cực phải điều chỉnh. Hơn nữa các thế lực đế quốc đang dùng mọi thủ đoạn để tiến hành “diễn biến hòa bình”, dùng đồng tiền để mua chuộc cán bộ, kích động quần chúng, dùng các thủ đoạn ký kết hợp đồng kinh tế để từng bước chiếm đoạt tài sản của đất nước ta.

Không ít các công ty liên doanh với nước ngoài bị phá sản, có nguy cơ chệch hướng, chệch mục tiêu không phải chỉ vì do cán bộ còn non nớt, chưa có kinh nghiệm, mà phần lớn vì lợi ích cá nhân họ tạo kẽ hở trong hợp đồng, làm lợi cho tư bản, phá hoại tài sản của đất nước. Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay, việc nâng cao đạo đức cách mạng, sửa đổi lối làm việc của cán bộ, đảng viên, kiên quyết loại trừ khỏi Đảng những cán bộ thiếu tư cách, đạo đức đang trở thành một nhiệm vụ cấp bách. Những bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh đặc biệt là tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* đã trở thành kim chỉ nam cho Đảng và Nhà nước ta trong việc rèn luyện đạo đức, tác phong cho đội ngũ cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những chỉ dẫn, cảnh báo của Người đến nay vẫn còn nguyên giá trị, giúp cho Đảng nhận diện rõ hơn để có biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ mới đủ đức, đủ tài để đưa đất nước vượt qua khó khăn thử thách trên chặng đường đi tới.

## VẤN ĐỀ CÁN BỘ TRONG TÁC PHẨM CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG BÀI HỌC ĐỐI VỚI HIỆN TẠI

*GS Phan Ngọc Liên*

Vấn đề cán bộ là một nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ. Nhằm góp phần vào công việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, một trong những điều quan trọng là nghiên cứu, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ nói chung, trong *Sửa đổi lối làm việc* nói riêng. *Sửa đổi lối làm việc* không chỉ là những lời dạy cụ thể về hoạt động, công tác, mà quan trọng hơn thể hiện những quan điểm tư tưởng của Hồ Chí Minh về cán bộ và có nhiều bài học quý giá đối với việc xây dựng một đội ngũ cán bộ ngang tầm, đáp ứng các nhiệm vụ chiến lược hiện nay.

Lịch sử đã chứng minh sự khủng hoảng của cuộc đấu tranh yêu nước chống Pháp của nhân dân ta vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX một phần không nhỏ bắt nguồn ở sự khủng hoảng về đường lối và người lãnh đạo phong trào. Người lãnh đạo, người cán bộ tốt hội tụ nhiều yếu tố, nổi bật là đức và tài, được thể hiện ở việc kết hợp nhuần nhuyễn, có hiệu quả cao những điều kiện khách quan với trình độ nhận thức và năng lực hành động thực tiễn. Sự kết hợp này mang tính quy luật, quyết định sự thành công của cách mạng, của mỗi cán bộ.

Vì vậy cùng với việc xây dựng đường lối cách mạng đúng đắn, việc xây dựng đội ngũ cán bộ cách mạng có đầy đủ phẩm chất đạo đức, tài năng, trí tuệ là điều vô cùng quan trọng. Hồ Chí Minh là hiện thân cho việc tìm đường cứu nước, xác định đường lối và tu dưỡng bản thân để trở thành một chiến sĩ dân tộc và quốc tế vĩ đại, một lãnh tụ cách mạng. Đồng thời, Người cũng nêu gương cho chúng ta trong việc hoạch định đường lối, chính sách linh hoạt, có nguyên tắc với việc xây dựng đội ngũ cán bộ.

Tác phẩm *Đường cách mệnh* chỉ rõ con đường giải phóng dân tộc Việt Nam đi tới xã hội văn minh, tiến bộ, được mở đầu bằng “Tư cách một người cách mệnh”<sup>1</sup>. Vạch ra đường lối đúng là nhờ nhận thức được quy luật khách quan, song quy luật xã hội phát huy tác dụng thông qua hoạt động của con người có những điều kiện cần thiết trong nhận thức và hành động. Ở đây, Hồ Chí Minh đã quy thành ba vấn đề cơ bản:

- “Tự mình phải” - nêu lên 11 điểm để rèn luyện phẩm chất, đạo đức của bản thân trên các mặt cần, kiệm, chí công, vô tư, kiên trì, ham học, không hiếu danh, không kiêu ngạo, nói đi đôi với làm, trung thành với lý tưởng, hy sinh phấn đấu, không tham lam, biết giữ bí mật.

- “Đối người phải” - nói về quan hệ đối với mọi người, với đoàn thể, thể hiện lòng vị tha, khoan dung, yêu thương, ý thức kỷ luật, trách nhiệm.

- “Làm việc phải” - nói về phương pháp, phong cách công tác, thể hiện những vấn đề có tính nguyên tắc: sát thực tiễn, tinh thần kỷ luật, sự dũng cảm, quyết đoán.

Khi xác định được tư cách như vậy, mới có thể tiếp nhận đường lối và hoạt động cách mạng.

Có thể xem “Tư cách một người cách mệnh” là sự khởi đầu cho việc xây dựng “Đạo đức học Hồ Chí Minh”, việc dự thảo những nét cơ bản cho việc quy định một phần của Điều lệ Đảng, các đoàn thể quần chúng, về tư cách một đảng viên, hội viên. Với đường lối cách mạng đúng đắn, với những cán bộ có đầy đủ tư cách như vậy, cách mạng đã thành công.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh càng chăm lo nhiều đến giáo dục cán bộ và công tác cán bộ. Bởi vì, Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền. Theo Hồ Chí Minh, “Đảng cầm quyền” *một mặt* tiếp tục lãnh đạo quần chúng nhân dân hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội, *mặt khác* bên cạnh phương thức lãnh đạo giáo dục, thuyết phục, tổ chức, vận động quần chúng còn sử dụng bộ máy nhà nước để thực hiện quyền lực của nhân dân và trấn áp bọn phản cách mạng chống lại chế độ mới. Do tính chất của chính quyền là của dân, do dân, vì dân

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.260.

ên tất cả cán bộ, từ “chủ tịch, thứ trưởng, bộ trưởng, ủy viên này khác” đều “làm đầy tớ cho dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”<sup>1</sup>.

Song, trên thực tế, một số không nhỏ cán bộ, đảng viên không nhận thức đầy đủ tính chất của “Đảng cầm quyền” mà còn bị thoái hóa, biến chất, xa rời quần chúng, quan liêu mệnh lệnh. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám, trong lúc chính quyền cách mạng còn non trẻ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần căn dặn cán bộ phải nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Người vạch rõ: “Có những người trong lúc tranh đấu thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là có công với cách mạng. Song đến khi có ít nhiều quyền hạn trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, không tự giác mà biến thành người có tội với cách mạng”<sup>2</sup>.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), yêu cầu đối với cán bộ trong cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện càng nhiều hơn, cao hơn. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết cuốn *Đời sống mới*, (với bút danh Tân Sinh) làm tài liệu tuyên truyền, giáo dục nhân dân, cán bộ tham gia xây dựng nếp sống mới. Trong tác phẩm này, Người dành một phần nói về “những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân”<sup>3</sup>.

Ngày 2-9-1947, trong bài viết trên báo *Sự thật*, Hồ Chí Minh lại đề cập đến vấn đề “Cán bộ và đời sống mới”, căn dặn cán bộ phải tu dưỡng đạo đức để được “dân tin, dân phục, dân yêu, cán bộ phải tự mình làm đúng đời sống mới. Nghĩa là phải *siêng năng, tiết kiệm, trong sạch, chính đáng*”.

Những bài viết, thư, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cán bộ trong điều kiện Đảng cầm quyền và tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cơ sở để Người biên soạn cuốn *Sửa đổi lối làm việc*. Cuốn sách gồm sáu phần:

### ***Phần 1: Phê bình và sửa chữa***

Phần này nêu lên ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên. “Vì có tẩy sạch khuyết điểm, công việc

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.8, tr.375.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.6, tr.494.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.104, 208.

mới có thể tiến bộ”. Người nêu các căn bệnh mà mỗi cán bộ, đảng viên cũng như toàn Đảng phải tiến hành sửa chữa một cách “ráo riết, triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt”. Đó là căn bệnh chủ quan, hẹp hòi. Nguyên nhân của bệnh chủ quan là “kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông”. Người nêu rõ cán bộ “phải *gắng học*, đồng thời học thì phải *hành*”. Bệnh hẹp hòi biểu hiện dưới nhiều hình thức: bệnh địa phương, bè phái,... “rất nguy hiểm”, ảnh hưởng xấu đến “chính sách đại đoàn kết”. Vì vậy, phê bình, tự phê bình là phương thức có hiệu quả “để chữa khỏi những bệnh kia”.

### ***Phần 2: Mấy điều kinh nghiệm***

Phần này nêu lên sáu bài học lớn mà mỗi đảng viên, cán bộ phải ghi nhớ và thực hiện. Đó là:

- Có cán bộ tốt việc gì cũng xong, khẳng định một chân lý là “muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”<sup>1</sup>, cho nên phải bồi dưỡng cán bộ và cất nhắc nhân tài.

- Có chính sách đúng đồng thời phải có cách làm đúng. Vì vậy, phải xây dựng “kiểu mẫu”, làm theo kế hoạch, tránh chủ quan; “phải bắt đầu từ gốc, dần dần đến ngọn, từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, chớ nên tham mau, tham nhiều trong một lúc”<sup>2</sup>.

- Phải biết nghiên cứu kinh nghiệm đến tận gốc thể hiện việc tìm hiểu công việc một cách tỉ mỉ, cẩn thận, toàn diện công việc trước khi tiến hành. Đó là: “*cái thìa khóa phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới*. Có như thế thì người mới có tài, tài mới có dụng”<sup>3</sup>.

- Phải nâng cao sáng kiến và lòng hăng hái, thể hiện tính sáng tạo, nhiệt tình và dân chủ trong công tác, ba mặt này có quan hệ chặt chẽ với nhau: “Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi, thì những người đó càng thêm hăng hái, và người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết điểm lật vạt, cũng tự sửa chữa được nhiều”<sup>4</sup>.

- Làm bất cứ việc gì cũng phải tự hỏi “Vi ai mà làm? Đối ai phụ trách?”, tức là vì lợi ích của nhân dân mà làm và chịu trách nhiệm

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.240, 242, 243.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.240, 242, 243.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.240, 242, 243.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.244, 245.

trước nhân dân. Điều này thể hiện mục tiêu, lý tưởng cách mạng vì nhân dân, xác định quan điểm quân chúng trong công tác như “tìm đủ cách giải thích cho dân hiểu, không “làm theo cách hạ lệnh, cách cưỡng bức”.

- Phải gần gũi quân chúng, mọi việc làm phải “cho hợp với trình độ văn hóa, thói quen sinh hoạt, trình độ giác ngộ, kinh nghiệm tranh đấu, lòng ham, ý muốn, tình hình thiết thực của quân chúng. Do đó mà định cách làm việc, cách tổ chức. Có như thế, mới có thể kéo được quân chúng”.

### ***Phần 3: Tư cách và đạo đức cách mạng***

Phần này gồm bốn mục:

- Tư cách của Đảng chân chính cách mạng.
- Phận sự của đảng viên và cán bộ.
- Tư cách và bốn phận của đảng viên.
- Phải rèn luyện tính đảng.

Đối với một đảng cách mạng chân chính cần phải đảm bảo 12 tiêu chuẩn thể hiện ý thức phục vụ nhân dân, phải nắm lý luận cách mạng, lý luận đi đôi với thực hành, sát thực tế, gần gũi, kết hợp chặt chẽ với quần chúng nhân dân, giữ vững tính cách mạng, có kỷ luật nghiêm minh,...

Đối với đảng viên phải trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng; phải trau dồi đạo đức cách mạng, thể hiện ở 5 điều Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm; phải có tinh thần kỷ luật, tránh các khuyết điểm sai lầm như bệnh tham lam, bệnh lười biếng, bệnh kiêu ngạo, bệnh hiếu danh, thiếu kỷ luật, óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh tụ, bệnh “hữu danh vô thực”, kéo bè, kéo cánh, bệnh cạnh thị, bệnh cá nhân, bệnh lười biếng. Người đã phân tích nguyên nhân, tác hại của các bệnh này và phương pháp sửa chữa, trong đó nhấn mạnh việc “rèn luyện tính đảng”, trau dồi đạo đức cách mạng.

### ***Phần 4: Vấn đề cán bộ***

Phần này trình bày về công tác huấn luyện cán bộ, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ và chính sách cán bộ. Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng chính sách cán bộ “vì đó là một vấn đề rất trọng yếu”. Người tổng hợp việc thực hiện chính sách cán bộ ở mấy điểm:

- “Hiểu biết cán bộ,

- Khéo dùng cán bộ,
- Cất nhắc cán bộ,
- Thương yêu cán bộ,
- Phê bình cán bộ”.

### ***Phần 5: Cách lãnh đạo***

Phần này trình bày một quan điểm quan trọng là kết hợp việc “lãnh đạo quần chúng với học hỏi quần chúng”. Điều này nghĩa là: “người lãnh đạo không nên kiêu ngạo, mà nên hiểu thấu. Sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình cũng chưa đủ cho sự lãnh đạo đúng đắn. Vì vậy, ngoài kinh nghiệm của mình, người lãnh đạo còn phải dùng kinh nghiệm của đảng viên, của dân chúng, để thêm cho kinh nghiệm của mình”<sup>1</sup>.

### ***Phần 6: Chống thói ba hoa***

Bệnh ba hoa gắn với bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi. Khắc phục bệnh ba hoa cần chống việc nói và viết “dài dòng, rỗng tuếch”, chống thói “cầu kỳ”, tránh việc “khô khan, lúng túng”, chống “báo cáo lông bông, “lụp chụp, cầu thả”, bệnh theo “sáo cũ”, “bệnh hay nói chữ”, “nói không ai hiểu”. Để chống thói ba hoa, phải “học cách nói của quần chúng”, “luôn dùng những lời lẽ, những thí dụ đơn giản, thiết thực và dễ hiểu”, làm cho ai cũng hiểu, phải điều tra, nghiên cứu kỹ, “phải nghĩ cho chín” trước khi nói và làm.

Qua nội dung *Sửa đổi lối làm việc* của Hồ Chí Minh, chúng ta nhận thấy tác phẩm tiếp tục nhiều công trình trước đây và đặt cơ sở cho nhiều tác phẩm có giá trị sau này như *Đạo đức cách mạng* (1958). Tất cả những tác phẩm, bài nói, bài viết này đều cùng một chủ đề, thể hiện tập trung một hệ thống, quan điểm tư tưởng về cán bộ và chính sách cán bộ. Ở đây Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở việc hướng dẫn cụ thể phương pháp công tác, “lối” làm việc cho cán bộ, mà là tổng hợp về lý luận, phong cách, phương pháp, đạo đức. Qua đấy, cũng có thể rút ra những khái quát mang tính chất phương pháp luận. Tính cụ thể kết hợp chặt chẽ với tính lý luận, những kinh nghiệm được nâng lên thành khái quát lý luận. Vì vậy, giá trị thực tiễn và lý luận của tác phẩm rất cao. Phương pháp công tác Hồ Chí Minh là nêu cho cán bộ sự thể hiện đường lối, chiến lược, sách lược của Đảng và đi vào hoạt

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.5, tr.285.

động thực tiễn của cán bộ để thực hiện đường lối, chiến lược, sách lược đã đề ra. Phong cách mà Hồ Chí Minh đề ra cho cán bộ bao gồm trong nhiều lĩnh vực về khoa học quản lý, lãnh đạo công tác,... thể hiện nhân cách, phẩm chất, đạo đức con người. Nhân cách, đạo đức, phẩm chất của cán bộ không chỉ thể hiện ở trình độ nhận thức lý luận, trình độ văn hóa, kinh nghiệm công tác mà còn thể hiện quan điểm, lập trường, phẩm chất đạo đức. Do đó, việc rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ phải trải qua một quá trình, trên mọi mặt, thông qua nỗ lực của cá nhân, sự giúp đỡ, giáo dục của tập thể, thông qua việc tuyển lựa, kiểm tra, cất nhắc.

Những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ, công tác, chính sách cán bộ phải được nhận thức, quán triệt trong thực tiễn cách mạng ngày nay. Phần đông cán bộ được rèn luyện, trưởng thành trong kháng chiến chống ngoại xâm, trong lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là một thuận lợi rất lớn để tiếp tục phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy vậy, đội ngũ cán bộ ngày nay có nhiều mặt yếu kém mà Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã chỉ rõ là: “Một số cán bộ dao động, giảm sút niềm tin. Một bộ phận cán bộ thoái hóa biến chất về đạo đức, lối sống lợi dụng chức quyền để tham nhũng”<sup>1</sup>, quan liêu, cửa quyền, xa rời quần chúng. “*Nhìn chung đội ngũ cán bộ hiện nay, xét về chất lượng, số lượng và cơ cấu có nhiều mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”<sup>2</sup>.

Nguyên nhân thì nhiều, song nguyên nhân lớn nhất, có tác động mạnh nhất là những mặt trái, tiêu cực của cơ chế thị trường. Ngoài ra việc kiểm tra, kiểm soát không chặt chẽ, thiếu đồng bộ, thiếu toàn diện, việc nường nhẹ, thiếu nghiêm minh, sự bao che, địa phương cục bộ, việc không gương mẫu của cán bộ, cơ quan cấp trên, việc không tôn trọng lắng nghe ý kiến quần chúng,... đã dẫn tới những yếu kém trên. Đối chiếu thực trạng về đội ngũ cán bộ và chính sách cán bộ hiện nay với nội dung tác phẩm của Hồ Chí Minh, chúng ta nhận thấy rõ sự sáng tạo, việc dự đoán thiên tài của Người trên lĩnh vực này, cũng như nhiều lĩnh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.67-68.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, tr.68-69.



vực khác. Đồng thời, chúng ta cũng thấy rằng, cần phải nghiên cứu và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng về cán bộ và công tác cán bộ nói riêng nhiều hơn nữa, chúng ta càng nhận thức sâu sắc hơn tính chất quan trọng và sự cấp thiết của việc xây dựng đội ngũ cán bộ, khắc phục những sai lầm, khuyết điểm, lệch lạc trong lĩnh vực quan trọng này.

Bản sao lưu trữ

## TÂM NHÌN CỦA LÃNH TỰ TRONG TÁC PHẨM *SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC*

*PGS, TS Nghiêm Đình Vỹ*

Thời điểm mà Hồ Chí Minh viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* là lúc mà Cuộc kháng chiến toàn quốc mới bắt đầu chưa được một năm, thắng lợi của cuộc kháng chiến còn xa vời. Khi xác định cuộc kháng chiến sẽ là *trường kỳ, gian khổ, dựa vào sức mình là chính*, có nghĩa là Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lường trước những khó khăn thử thách vô cùng to lớn trên con đường đi tới thắng lợi của dân tộc. Để có thể vượt qua, đòi hỏi toàn dân ta phải có những cố gắng quyết liệt, những hy sinh lớn lao. Đồng thời cũng đòi hỏi Đảng - Bộ tham mưu của giai cấp và dân tộc - phải có đủ sức mạnh, trí tuệ, đủ khả năng để huy động, lãnh đạo lực lượng toàn dân đưa kháng chiến đến thắng lợi.

Trên thực tế, cho đến lúc đó, qua hơn hai năm giành được chính quyền trong toàn quốc, trở thành “Đảng cầm quyền”, Đảng ta đã thể hiện rõ bản lĩnh chính trị vững vàng qua việc lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng, đưa đất nước ra khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Song, cũng chính qua thực tế lãnh đạo chính quyền các cấp, từ Trung ương đến địa phương, một số cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức có quyền, đã bộc lộ nhiều khuyết, nhược điểm, từ những lệch lạc về tư tưởng, đến những sai sót trong lề lối, cách thức làm việc. Trong đó, có những khuyết điểm mà, nếu chậm chần chĩnh, khắc phục, sẽ làm giảm sút uy tín của Đảng, gây tác hại tới khối đoàn kết toàn dân, làm suy yếu lực lượng kháng chiến, rất nguy hiểm.

Chính vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà đúng vào lúc đang phải từng ngày từng giờ theo dõi tình hình, chỉ đạo việc chuẩn bị đối phó với cuộc tấn công quy mô lớn của quân Pháp lên chiến khu Việt Bắc hòng tiêu diệt đầu não kháng chiến của ta, trong tình thế “nước sôi, lửa bỏng

ấy”, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn lo toan viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* của Đảng.

Mục đích của tác phẩm, đúng như tên gọi của nó, là nhằm sửa chữa những sai sót, lệch lạc, chần chừ đội ngũ cán bộ, đảng viên, chần chừ công tác Đảng theo những chuẩn mực về tư cách đạo đức của người đảng viên, theo những nguyên tắc, cách thức làm việc của một đảng viên cách mạng chân chính.

Toàn bộ nội dung của cuốn sách thể hiện những quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề xây dựng Đảng, trong đó có những vấn đề mang tính nguyên tắc, chỉ đạo về lý luận và thực tiễn cho công tác đảng, nhằm nâng cao sức sống, sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, gắn bó với nhân dân, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng. Trong đó, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý một số vấn đề sau:

*Đó là tinh thần cộng sản, dám nhìn thẳng vào sự thực, nói thẳng và nói rõ sự thực, dám chỉ ra những khuyết điểm, lệch lạc trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên, trong công tác đảng, trong quan hệ với quần chúng.*

Trên cương vị lãnh đạo Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định cho đến thời điểm đó, trong cán bộ, đảng viên, trong công tác của Đảng có rất nhiều khuyết điểm mà theo Người, nếu không chỉ ra và kiên quyết sửa chữa: *“thì cũng như giấu giếm tật bệnh trong mình, không dám uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm, nguy đến tính mệnh...”*.

Với tinh thần đó, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ một cách rất triệt để các loại khuyết điểm từ lớn đến nhỏ của cán bộ, đảng viên trong cả tư tưởng và hành động, trong rèn luyện bản thân, ứng xử trong nội bộ, với quần chúng, trong cách lãnh đạo của Đảng.

Có thể nói, tác phẩm gần như một bản thống kê các khuyết điểm trong công tác Đảng. Ở cả sáu phần của cuốn sách, dù đề cập đến vấn đề gì, Người cũng nêu ra được những khuyết điểm, nguyên nhân và cách khắc phục. Người vừa nêu khái quát các loại khuyết điểm (ba loại: chủ quan, hẹp hòi, ba hoa) lại vừa đi sâu phân tích những biểu hiện cụ thể mà Người gọi là các “căn bệnh”, “chứng bệnh” của từng loại khuyết điểm ấy. Ví dụ: loại khuyết điểm *hẹp hòi* có những biểu hiện như: chủ nghĩa địa phương; chủ nghĩa bản vị; chủ nghĩa cá nhân; khuynh hướng tham danh vọng, tham địa vị, đèm người giỏi, hủ hóa, tự tôn tự đại, ôm đồm

bao biện... Khuyết điểm trong cách lãnh đạo của Đảng gồm có: quan liêu, thiếu dân chủ, trọng hình thức...

Đặc biệt, khi nói đến tư cách đạo đức của người cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng phân tích những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân và nhấn mạnh cần phải hết sức tránh tư tưởng này. Theo Người: "*Chủ nghĩa cá nhân như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm*"<sup>1</sup> như tham lam, lười biếng, kiêu ngạo, hiếu danh, thiếu kỷ luật, "óc địa phương", "óc lãnh tụ"...

Trong số các khuyết điểm nêu trên, đã có những khuyết điểm được Hồ Chí Minh chỉ ra ngay từ thời gian sau khi giành được chính quyền, rải rác trong các bức thư gửi cán bộ chính quyền các cấp ở các địa phương, hoặc trong những lời phát biểu tại hội nghị này hay hội nghị khác. Nhưng ở tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, các khuyết điểm đó được Người nêu ra và phân tích sâu sắc, đầy đủ hơn cả. Có thể nói, hầu như tất cả các loại hình, kiểu dạng sai lầm, khuyết điểm đã mắc hoặc có thể mắc phải trong công tác Đảng đều được Người phác họa bằng những nét đặc sắc trong cuốn sách. Và cũng có thể coi tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* như một tấm gương đặc biệt mà mỗi cán bộ, đảng viên đều có thể rọi vào đó để thấy hiện lên và gọi đích danh những khuyết điểm, thiếu sót của bản thân mình.

Trở lại thời điểm ra đời của tác phẩm, khi Cách mạng Tháng Tám thành công mới được hơn hai năm, Đảng ta trở thành đảng cầm quyền chỉ trong một thời gian ngắn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn nhận, phát hiện, phân tích và cảnh báo trước được những vấn đề nảy sinh trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong cách lãnh đạo của Đảng. Điều đó càng thể hiện rõ sự tỉnh táo và tầm nhìn thấu suốt của Người, với cương vị lãnh tụ của Đảng.

Đánh giá về những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên trong công tác của Đảng, Người chỉ rõ: "Mỗi chứng bệnh là một kẻ địch. Mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra"<sup>2</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.255.

2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.238-239.

Tinh thần cộng sản trong tác phẩm còn thể hiện ở thái độ tích cực: không chỉ tìm ra khuyết điểm, không giấu giếm khuyết điểm mà còn có cách nhìn rất biện chứng đối với các khuyết điểm đó. Hồ Chí Minh đã lý giải nguồn gốc của các khuyết điểm trong Đảng: “Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra. Vì vậy, tuy nói chung, thì đảng viên phần nhiều là những phân tử tốt, nhưng vẫn có một số chưa bỏ hết những thói xấu tự tư, tự lợi, kiêu ngạo, xa hoa, v.v.. Những thói xấu đó, họ mang từ xã hội vào Đảng”<sup>1</sup>. Và Người cũng rất tin tưởng vào khả năng sửa chữa khuyết điểm nếu như mỗi cán bộ, đảng viên thực lòng mong muốn và thực sự phấn đấu vì lợi ích tối cao của Đảng. Vũ khí mạnh mẽ nhất để đấu tranh chống kẻ thù bên trong, phương thuốc chữa bệnh hiệu nghiệm nhất mà Hồ Chí Minh nêu ra, đó là: phê bình và tự phê bình.

Người đã đưa ra một quan niệm đúng đắn về phê bình và tự phê bình: “*Phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người*”<sup>2</sup>. Với quan niệm khuyết điểm giống như bệnh tật thì phát hiện bệnh của bản thân, của đồng chí trong Đảng là để chữa bệnh, loại trừ khuyết điểm, giúp đồng chí mình cũng như bản thân “khỏe mạnh hơn”, công tác tốt hơn. Quan niệm đó hoàn toàn khác với cách gán chặt khuyết điểm với người mắc khuyết điểm, loại trừ “bệnh tật” là loại trừ luôn cả người mang “bệnh”; thậm chí mượn việc loại trừ “bệnh tật” để loại trừ người mang “bệnh”; mượn việc đánh “kẻ địch bên trong” để đánh nhau, phục vụ mục đích cá nhân.

Tiếc thay, cho đến nay, quan niệm đúng đắn, biện chứng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra không phải đã được vận dụng, quán triệt ở tất cả mọi nơi, mọi lúc, mọi cơ sở Đảng. Trong thực tế, có lúc, có nơi vẫn còn làm theo cách thứ hai - cách làm hoàn toàn xa lạ với tinh thần cộng sản Hồ Chí Minh.

Một trong những vấn đề quan trọng vào bậc nhất trong công tác của Đảng là vấn đề cán bộ. Chính vì vậy, ngay trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, ra đời trước *Sửa đổi lối làm việc* tới hai thập kỷ, Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề tư cách của người cách mạng lên hàng đầu. Trong

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.262-263.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.232.

*Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh khẳng định “*Cán bộ là cái gốc của mọi công việc*”<sup>1</sup>. Người đã nêu lên những trách nhiệm quan trọng của người cán bộ, đảng viên, trong đó vấn đề trước tiên và cũng là vấn đề có tính nguyên tắc cao nhất là phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết: “Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau”<sup>2</sup>. Người hướng dẫn cặn kẽ cách lựa chọn, sử dụng và đào tạo cán bộ. Trong tiêu chuẩn để chọn cán bộ, Người chú trọng những yếu tố: trung thành; liên hệ mật thiết với dân chúng, được dân tin cậy; dám chịu trách nhiệm, có sáng kiến, có ý thức kỷ luật. Người hết sức chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho Đảng, cho các cấp chính quyền...

Có thể nói *Sửa đổi lối làm việc* là cuốn sách đề cập đến những vấn đề cốt lõi nhất, quan trọng nhất về xây dựng Đảng. Những nội dung trình bày trong tác phẩm vừa có sức khái quát cao, cô đọng, súc tích, lại vừa cụ thể, chi tiết đến mức cần thiết. Ngày nay, sau hơn nửa thế kỷ, đọc lại cuốn sách, chúng ta càng thấm thía giá trị lý luận và thực tiễn của nó, càng khâm phục trước tầm nhìn sáng suốt của lãnh tụ. Tinh thần cộng sản cũng như những quan điểm, những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh trong tác phẩm vẫn đang còn lấp lánh trong các nghị quyết của Đảng ta, nhất là ở những năm tháng gần đây, trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.269.

2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.251.

# QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ TƯ CÁCH NGƯỜI CÁN BỘ

*TS Ngô Đăng Tri*

## 1. Nội dung tư cách người cách mạng

Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* ra đời năm 1947 đề cập rất nhiều vấn đề về tư cách người cán bộ đảng viên, trong đó có phần III: “*Tư cách và đạo đức cách mạng*”, trực tiếp nói về những vấn đề mà Người đã đề cập sơ lược từ năm 1927 trong tác phẩm *Đường cách mệnh*.

Trong phần III, ở mục B: “*Phận sự của đảng viên và cán bộ*”, Người nêu rõ phận sự của người cán bộ, đảng viên là:

“Trọng lợi ích của Đảng hơn hết... Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau...”

Nhiều khi lợi ích của cá nhân hợp với lợi ích của Đảng. Thí dụ: đảng viên và cán bộ cẩn thận giữ gìn sức khỏe của mình để làm việc. Ham học để nâng cao trình độ của mình. Làm đúng cần, kiệm, liêm, chính để cho dân tin, dân phục, dân yêu. Những lợi ích cá nhân đó rất chính đáng. Đảng mong cho đảng viên và cán bộ như thế. Song ngoài ra, như ham muốn địa vị, tìm cách phát tài, ra mặt anh hùng, tự cao, tự đại, v.v... Đó là điều trái với lợi ích của Đảng”<sup>1</sup>.

Người cho rằng, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng, đó là tính tốt như nhân, nghĩa, trí, tín, dũng, liêm. Tự mình, người cán bộ, đảng viên còn phải giữ kỷ luật phải tránh những khuyết điểm, sai lầm như: bệnh tham lam, bệnh lười biếng, bệnh kiêu ngạo, bệnh hiếu danh, bệnh thiếu kỷ luật, óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh tụ. Hoặc các bệnh khác như bệnh “hữu danh vô thực”, bệnh kéo bè, kéo cánh, bệnh cạnh thị, bệnh “cá nhân”, bệnh tị nạnh, bệnh xu nịnh, a dua...

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, ở mục C: “*Tư cách và bốn phận đảng viên*”, Người lấy quy định về tư cách đảng viên của Điều lệ Đảng

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.250-251.

làm chuẩn mực, người cán bộ đảng phải có trách nhiệm thực hành bốn phận của người đảng viên. Đó là:

- a- Suốt đời tranh đấu cho dân tộc, cho Tổ quốc.
- b- Đặt lợi ích của cách mạng lên trên hết, lên trước hết.
- c- Hết sức giữ kỷ luật và giữ bí mật của Đảng.
- d- Kiên quyết thi hành những nghị quyết của Đảng
- đ- Cố gắng làm kiểu mẫu cho quần chúng trong mọi việc.
- e- Cố gắng học tập chính trị, quân sự, văn hóa. Phải gần gũi quần chúng, học hỏi quần chúng, cũng như phải lãnh đạo quần chúng”<sup>1</sup>.

Ở mục D: “*Phải rèn luyện tính đảng*”, Người nhấn mạnh rằng, mỗi cán bộ, mỗi đảng viên cần phải có tính đảng mới làm được việc. Kém tính đảng thì việc gì cũng không làm nên.

Người khái quát tính đảng gồm có ba điểm:

*Một là:* Phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết.

*Hai là:* Việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và phải đến nơi đến chốn.

*Ba là:* Lý luận và thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau<sup>2</sup>.

Ngoài ra, ở nhiều chỗ khác tuy không thành mục trực tiếp, song Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn đề cập đến nội dung của tư cách, đạo đức người cán bộ, đảng viên. Điều lưu ý là ở các phần I: “*Phê bình và sửa chữa*”, phần II: “*Mấy điều kinh nghiệm*”, phần IV: “*Vấn đề cán bộ*”, phần V: “*Cách lãnh đạo*”, phần VI: “*Chống thói ba hoa*”, trong khi tập trung chủ đích vào việc sửa đổi lối làm việc, Người đã nói nhiều về các thiếu sót, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên trong lối làm việc. Trên khía cạnh nghiên cứu vấn đề tư cách, đó chính là những mặt trái của tư cách cán bộ, đảng viên, là những điều mà người cán bộ, đảng viên phải tránh, phải sửa đổi để có được tư cách đúng đắn.

## **2. Những quan điểm cốt lõi, nhất quán của Hồ Chí Minh về vấn đề tư cách người cán bộ**

Qua những nội dung được nêu lên ở trên, bước đầu có thể rút ra mấy nhận xét như sau:

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.266.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.266-267.



*Thứ nhất:* Do yêu cầu thực tế đặt ra là cách mạng Việt Nam đang ở lúc chuyển đổi tình hình, rất cần có nhiều cán bộ nên phải tập trung vào công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ.

Năm 1947, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cũng đang ở lúc lan rộng và đi vào quyết liệt, nên *một mặt* rất cần cán bộ, đảng viên để thực hiện cuộc kháng chiến kiến quốc toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. *Mặt khác*, cán bộ rất thiếu và yếu về nhiều mặt, cả lý luận và lễ lối, tác phong làm việc, hơn thế lại có tình trạng cán bộ, đảng viên ta vì bận việc hành chính hoặc quân đội mà sao nhãng việc học tập. Vì vậy tác phẩm được Hồ Chí Minh viết có mục đích cụ thể trước hết là dùng làm tài liệu huấn luyện, đào tạo cán bộ, nâng cao phẩm chất và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên để đưa kháng chiến đến thắng lợi. Người viết theo tinh thần thiết thực có phân tích kỹ, phong phú và bài bản.

*Thứ hai:* Những quan điểm của Hồ Chí Minh về tư cách người cách mạng, tư cách đạo đức người cán bộ, đảng viên trước sau cơ bản là nhất quán. Đó là sự thống nhất về mục đích biên soạn, thống nhất về nội dung các khái niệm, nhất quán về hình thức biểu hiện, nhất quán khi trình bày trực tiếp và khi nói mặt trái, khi ứng xử với bản thân, với người khác, với công việc, khi đặt vấn đề sửa đổi tư cách...

Năm 1927, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người viết ngắn gọn, gồm các chuẩn mực tối thiểu, cơ bản, súc tích của tư cách người cách mạng và diễn đạt như kiểu một dàn ý bài giảng chứ không giải thích nội dung. Còn ở tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* năm 1947, Người viết kỹ hơn, hoàn chỉnh, phong phú và sâu sắc hơn, có nhiều ví dụ, nhiều phân tích, lý giải nội dung khái niệm cũng như biểu hiện đúng, sai trong tư cách của cán bộ, đảng viên so với tư cách chuẩn mực.

Những điều kể trên về tư cách người cách mạng, chung quy lại gồm các nội dung chính như:

- Phải trung thành với sự nghiệp của cách mạng, của Đảng, đặt lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc lên trên hết, suốt đời đấu tranh cho dân tộc, cho Tổ quốc.

- Phải có đạo đức cách mạng là “nhân, nghĩa, liêm”, là phải tránh bệnh tham lam, bệnh lười biếng, bệnh kiêu ngạo, bệnh hiếu danh, óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh tụ, bệnh “hữu danh vô thực”, bệnh kéo bè, kéo cánh, bệnh “cá nhân”, bệnh tị nạnh, bệnh xu nịnh, a dua.

- Phải có tính đảng, tính khoa học và ý thức tổ chức kỷ luật cao, như “trí, dũng, tín”, làm việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và phải làm đến nơi, đến chốn. Lý luận và thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau, hết sức giữ kỷ luật và giữ bí mật của Đảng, tránh bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi và bệnh ba hoa.

*Thứ ba:* Trong những nội dung cơ bản trên, Người nhấn mạnh nội dung quan trọng nhất của tư cách người cán bộ là phải có *đạo đức cách mạng*. Người cho rằng: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì”<sup>1</sup>.

Tuy có những vấn đề hiện nay cần được hiểu và lý giải phù hợp hơn do thực tiễn đã có nhiều thay đổi, như vấn đề hoạt động kinh tế của người cán bộ, đảng viên trong cơ chế thị trường, vấn đề quan niệm “chí công vô tư”, vấn đề tham nhũng và chống tham nhũng..., song trên góc độ nghiên cứu tư tưởng chính trị, nghiên cứu đạo đức và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những vấn đề mà Người nêu ra nói trên là rất quan trọng. Những quan điểm đó không chỉ giúp chúng ta hiểu đầy đủ, sâu sắc về đạo đức, phong cách của Người mà còn hiểu được thực tế đội ngũ cán bộ thời đó cũng như tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ và sự quan tâm của Người về công tác cán bộ.

Những vấn đề về tư cách, đạo đức cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* là sự đúc kết, kế thừa và nâng cao tư tưởng, đạo đức chân chính, truyền thống của dân tộc và thời đại. “Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người”. Đội ngũ cán bộ, đảng viên thấm nhuần tư cách, đạo đức đó là một nhân tố có ý nghĩa quyết định làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong mấy chục năm qua. Những quan điểm đó vẫn giữ nguyên giá trị khoa học và thực tiễn trong giai đoạn cách mạng hiện tại của Đảng và nhân dân ta.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.5, tr.252-253.

# VẤN ĐỀ CÁN BỘ TRONG TÁC PHẨM CỦA HỒ CHÍ MINH

*PGS Lê Văn Lý*

Vấn đề cán bộ trong tác phẩm được Hồ Chí Minh chỉ ra ở những khía cạnh sau:

## **1. Vai trò của cán bộ**

Hồ Chí Minh xác định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>, “Công việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hay kém”<sup>2</sup>. Hồ Chí Minh không nói “Cán bộ quyết định tất cả” như một số lãnh tụ cùng thời. Có thể nói cán bộ quyết định trong phạm vi, giới hạn và sự việc nhất định. Song, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin thì trong toàn bộ tiến trình phát triển lịch sử, trong toàn bộ sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân mới quyết định tất cả, cán bộ chỉ là khâu then chốt. Cán bộ không phải muốn gì cũng được: xa dân, độc đoán, lộng hành, gia trưởng.

Ngay trong mối quan hệ với đường lối, với tổ chức và cơ chế, chính sách, cán bộ cũng không thể tự quyết định tất cả. Cán bộ vừa quyết định vừa bị quyết định vừa là nguyên nhân vừa là kết quả.

Hồ Chí Minh xác định vai trò của cán bộ trong mối quan hệ với công việc như vậy là rất sáng tạo, cụ thể, rõ ràng, khoa học.

## **2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ**

Hồ Chí Minh quan tâm trước hết là việc huấn luyện cán bộ. Cán bộ là cái gốc của mọi công việc nên huấn luyện cán bộ phải là công việc gốc của Đảng. Hồ Chí Minh chỉ ra những khuyết điểm huấn luyện cán bộ lúc đó, như:

- Huấn luyện cho cán bộ trong các cơ quan hành chính mà không đung đến công việc hành chính.

---

<sup>1</sup>, <sup>2</sup>. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.269, 273.

- Phần đông cán bộ là công nhân và nông dân văn hóa thấp kém, nhưng Đảng chưa tìm đủ cách để nâng cao trình độ văn hóa của họ.

- Huấn luyện chính trị thì mênh mông mà không thiết thực, học rồi không dùng được.

- Huấn luyện lý luận cho những cán bộ cao cấp lúc đó chưa làm hoặc làm không đúng, lý luận và thực tế không ăn khớp với nhau, dạy theo cách học thuộc lòng.

Từ những nhận xét đó, Hồ Chí Minh chỉ ra *nội dung huấn luyện và cách thức huấn luyện cụ thể*, đó là:

- Huấn luyện nghề nghiệp thì làm việc gì học việc ấy. Cán bộ ở môn (ngành) nào phải học cho thành thạo công việc ở môn ấy. Cán bộ môn nào thì nghiên cứu lý luận của môn ấy.

- Huấn luyện chính trị, chú trọng thời sự và chính sách. Trong đó huấn luyện chính sách là gốc. Huấn luyện chính trị, môn (ngành) nào cũng phải có. Nhưng tùy theo mỗi môn (ngành) mà định nhiều hay ít.

- Huấn luyện văn hóa. Với những cán bộ còn kém văn hóa, thì việc huấn luyện này rất trọng yếu. Người chỉ rõ: “Những cán bộ học trong những lớp này phải theo trình độ văn hóa cao hay thấp mà đặt lớp, chứ không theo cấp bậc cán bộ cao hay thấp”<sup>1</sup>.

- Huấn luyện lý luận. Cần huấn luyện lý luận cho cán bộ. “Chỉ thực hành mà không có lý luận cũng như có một mắt sáng, một mắt mù”<sup>2</sup>.

Hồ Chí Minh nêu hai cách huấn luyện lý luận: lý luận suông, vô ích và lý luận thiết thực, có ích. Tránh cách huấn luyện thứ nhất và làm theo cách huấn luyện thứ hai. Học tập lý luận “theo nguyên tắc: *kinh nghiệm và thực tế phải đi đôi cùng nhau*”<sup>3</sup>. Cách học tập: “Lấy tự học làm cốt”. Việc huấn luyện cán bộ lúc đó phải gắn với việc chống bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi, bệnh ba hoa. Những giờ học tập đều tính như những giờ làm việc. Khi cất nhắc cán bộ, phải xem kết quả học tập cũng như kết quả công tác khác mà định. Người nhắc nhở các cơ quan phải rất chú ý việc huấn luyện cán bộ. Phải lựa chọn thật cẩn thận những nhân viên phụ

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.271, 276.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.271, 276.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.272.

trách việc huấn luyện. Những người lãnh đạo cần phải tham gia việc dạy. “Không nên bủn xỉn về các khoản chi tiêu trong việc huấn luyện<sup>1</sup>.”

### **3. Lựa chọn cán bộ**

Lựa chọn cán bộ là vấn đề rất hệ trọng. Làm sao chọn được những cán bộ có phẩm chất đạo đức và có năng lực, uy tín thật sự, cần loại bỏ những người có động cơ không đúng. Phân biệt và loại bỏ những cán bộ coi địa vị lãnh đạo là chỗ mưu cầu danh lợi. Những người đó thường hay chạy chọt, luồn lọt bằng mọi cách đạt cho được địa vị mặc dù tư cách của họ không xứng với chức danh đó. Có người tỏ ra hăng hái, sốt sắng, tích cực chưa hẳn đã có động cơ đúng và tốt. Người có đức, có tài thường không phô trương ồn ào. Chọn cán bộ cần xem xét họ ở trạng thái động chứ không phải chỉ ở trạng thái tĩnh. Đánh giá họ qua những tình huống gay cấp, khi gặp khó khăn, phức tạp chứ không chỉ lúc thuận lợi.

Hồ Chí Minh đưa ra chuẩn mực để chọn cán bộ, gồm bốn điểm sau:

- Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh.

- Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng, luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng.

- Những người có thể phụ trách các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn. Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải là người lãnh đạo. Người lãnh đạo đúng cần phải: khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo. Khi thi hành các nghị quyết thì phải kiên quyết, gan góc, không sợ khó khăn.

- Những người luôn luôn giữ đúng kỷ luật.

Hồ Chí Minh cho đó là những khuôn khổ để lựa chọn cán bộ. Người lưu ý tránh tình trạng dùng người văn hay, nói khéo nhưng không làm được việc, không dám tranh đấu. Trong lúc đó, những đồng chí viết tuy không hay, nói tuy không thạo nhưng rất trung thành, hăng hái, rất gần gũi quần chúng thì bị trừ úm, vùi dập.

### **4. Chính sách cán bộ**

Hồ Chí Minh chỉ ra mấy điểm lớn trong chính sách cán bộ. Đó là chính sách đoàn kết mọi lực lượng cán bộ, phát huy mọi tiềm năng cán

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.273.

bộ. Trong đó, sĩ, công, nông, thương, binh đều có. Làm sao phải đối xử đúng với mọi người. Người nhắc nhở những việc lớn:

*a) Hiểu biết cán bộ*

Muốn nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu phải có quan điểm, phương pháp đánh giá cán bộ đúng. Hồ Chí Minh chỉ ra những chứng bệnh thường phạm khi đánh giá cán bộ:

*Thứ nhất*, tự cao, tự đại,

*Thứ hai*, ưa người ta nịnh mình,

*Thứ ba*, do lòng yêu ghét của mình mà đối với người,

*Thứ tư*, đem cái khuôn khổ nhất định chặt hẹp mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau.

Hồ Chí Minh cho rằng phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính có màu, không bao giờ thấu rõ cái mặt thật của những cái mình trông thấy. Do đó, muốn biết rõ cán bộ và đối xử đúng đắn với mọi người, trước hết phải sửa những khuyết điểm của mình.

Đánh giá cán bộ phải có quan điểm biện chứng, toàn diện, lịch sử, cụ thể và phát triển. Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Xem xét cán bộ: không chỉ xem ngoài mặt mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem cả lịch sử cả công việc của họ. Ai mà hay khoe công việc, hay a dua, tìm việc nhỏ mà làm, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì trái mệnh lệnh, hay công kích người khác, hay tự tăng bốc mình, những người như thế, tuy họ làm được việc, cũng không phải là cán bộ tốt.

*b) Khéo dùng cán bộ*

Hồ Chí Minh cho rằng không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, phải khéo dùng người, sửa chữa khuyết điểm cho họ, giúp đỡ ưu điểm của họ. Người phê phán tình trạng không biết tùy tài mà dùng người, như: thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo rèn dao. Thành thử cả hai người đều lúng túng. Nếu biết tùy tài mà dùng người, thì hai người đều thành công. Người cũng phê phán những người khi dùng cán bộ phạm những chứng bệnh sau đây:

"1. Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài.

2. Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực.

3. Ham dùng những người tính hợp với mình mà tránh những người tính tình không hợp với mình.

Vì những bệnh đó, kết quả những người kia đã làm bậy, mình cũng cứ bao dung, che chở, bảo hộ, khiến cho chúng càng ngày càng hư hỏng. Đối với những người chính trực thì bối lung tìm vết để trả thù. Như thế, cố nhiên là hỏng cả công việc của Đảng, hỏng cả danh giá của người lãnh đạo”<sup>1</sup>.

Hồ Chí Minh chỉ ra cách dùng cán bộ đúng nghĩa là:

“- Mình phải có độ lượng vĩ đại thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư...

- Phải có tinh thần rộng rãi, mới có thể gần gũi những người mình không ưa.

- Phải có tính chịu khó dạy bảo, mới có thể nâng đỡ những đồng chí còn kém, giúp cho họ tiến bộ.

- Phải sáng suốt, mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây mà cách xa cán bộ tốt.

- Phải có thái độ vui vẻ, thân mật, các đồng chí mới vui lòng gần gũi mình”<sup>2</sup>.

Muốn cán bộ làm được việc, phải khiến cho họ yên tâm làm việc, vui thú làm việc, phải khiến cho cán bộ có gan nói, có gan đề ra ý kiến. Khiến cho cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc. Không nên tự tôn, tự đại, mà phải nghe, phải hỏi ý kiến của cấp dưới.

### *c) Cát nhắc cán bộ*

Hồ Chí Minh nhắc nhở, cát nhắc cán bộ là một công tác cần kíp nhưng phải làm cho đúng. Nếu cát nhắc không cẩn thận, không khỏi đem những người bô lô, bô la, chỉ nói mà không biết làm vào những địa vị lãnh đạo. Như thế rất có hại. Cát nhắc cán bộ phải vì công tác, tài năng, vì cố động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế công việc nhất định chạy.

Cát nhắc cán bộ không nên làm như “giã gạo”. Nghĩa là trước khi cát nhắc không xem xét kỹ. Khi cát nhắc rồi không giúp đỡ họ. Khi họ sai lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá lại cát nhắc lên. Một cán bộ bị nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời. Đối với cán bộ, chẳng

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.279.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.279.

những phải xem xét rõ ràng trước khi cất nhắc. Mà sau khi đã cất nhắc vẫn phải giúp đỡ họ...

Nếu để sai lầm và khuyết điểm trở nên to tát rồi mới đem ra “chỉnh” một lần, thế là “đập” cán bộ. Cán bộ bị “đập” mất cả lòng tự tin, người hăng hái cũng hóa thành nản chí, từ nản chí đi đến vô dụng. Vì vậy hễ thấy cán bộ sai lầm, phải lập tức sửa chữa ngay.

#### *d) Thương yêu cán bộ*

Yêu thương cán bộ không phải là vỗ về, nuông chiều, thả mặc. Hồ Chí Minh nhắc nhở giúp đỡ cán bộ học tập, công tác tiến bộ ngày càng nhiều, quan tâm giúp đỡ cán bộ giải quyết những khó khăn trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày.

#### *đ) Phê bình cán bộ*

Hồ Chí Minh nhắc nhở: Người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có khuyết điểm. “Chúng ta không sợ sai lầm khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Và càng sợ những người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm”<sup>1</sup>. Để cán bộ sửa chữa khuyết điểm phải phê bình cho đúng. Cần phải phân tích rõ ràng cái có sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay việc nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng. Cách đối với cán bộ có khéo, có đúng thì mới thực hiện được nguyên tắc: *Vấn đề cán bộ quyết định mọi việc*.

Những tư tưởng chính của Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ đã được Đảng ta nghiên cứu vận dụng sáng tạo, bổ sung phát triển trong các Nghị quyết. Tuy nhiên, càng nghiên cứu càng thấy sâu sắc hơn những giá trị lý luận và thực tiễn trong tác phẩm của Người.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.283.



## TƯ DUY HỒ CHÍ MINH LUÔN HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG XÃ HỘI MỚI

*ThS Đào Hữu Hải*

Vấn đề học tập tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh lần đầu tiên được đặt ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951). Sau Đại hội, đồng chí Trường Chinh đã viết bài: *Hồ Chí Minh người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta*, đăng trên báo *Nhân dân* ra ngày 11-3-1951. Bài viết là một công trình tổng kết đầu tiên rất có giá trị về tư tưởng, đạo đức, phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh với những phát hiện sâu sắc; là một đóng góp quan trọng vào công tác đào tạo, huấn luyện của Đảng để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thế hệ Hồ Chí Minh.

Một trong những nội dung quan trọng khẳng định giá trị của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đó là phong cách tư duy Hồ Chí Minh.

Phong cách tư duy Hồ Chí Minh được biểu hiện bởi nhiều sắc thái với những nội dung rất đa dạng, phong phú, trong đó có khía cạnh: *Tư duy Hồ Chí Minh luôn hướng tới xây dựng xã hội mới*. Phong cách tư duy đó của Người được thể hiện trong suốt quá trình tìm đường cứu nước và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nó định hướng suy nghĩ và hành động của Người hướng tới quá trình cách mạng làm thay đổi xã hội cũ đã lỗi thời để xây dựng một xã hội mới tốt đẹp, mang lại độc lập tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân lao động.

**1. Tư duy Hồ Chí Minh luôn hướng tới xây dựng một xã hội mới được thể hiện thông qua quá trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.**

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, thế giới chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử trọng đại, phản ánh xu hướng biến động, xu hướng phát triển của xã hội loài người. Những mâu thuẫn của thời đại ngày càng gay gắt: mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ở các nước đế quốc;

mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với bè lũ thực dân; mâu thuẫn giữa quần chúng lao động, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến ở các nước thuộc địa; mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa với giai cấp tư sản bản xứ và tư sản thực dân... Những mâu thuẫn đó tích tụ tạo thành thời kỳ bão táp cách mạng và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Điển hình là sự thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Phong trào đấu tranh đòi giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa đã diễn ra mạnh mẽ và liên tục, nhất là ở các nước thuộc địa phương Đông - nơi tồn tại nhiều năm chế độ thực dân phong kiến. Tuy nhiên, các phong trào đó đều không mang lại thắng lợi. Điều này được Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích rõ ở bài *Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa* của Người. Như vậy, ở các nước thuộc địa, phong trào giải phóng dân tộc ở thời kỳ này đang bị bế tắc về mặt đường lối, thiếu lực lượng lãnh đạo cách mạng.

Việt Nam thời bấy giờ cũng là nơi hội tụ hầu hết những mâu thuẫn lớn của thời đại. Phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam cũng liên tiếp nổ ra như phong trào Cần Vương, phong trào Đông du... nhưng không thành công vì bế tắc về đường lối, khủng hoảng về lực lượng lãnh đạo không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của lịch sử. Nhưng tư tưởng chống Pháp, nguyện vọng giải phóng dân tộc ngày càng trở nên thiết tha và mãnh liệt đối với dân tộc, nhất là đối với những sĩ phu yêu nước, những người trí thức phong kiến có lòng yêu nước nồng nàn. Tuy nhiên, tất cả những con đường giải phóng dân tộc mà họ tìm kiếm vẫn chưa thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn.

Sinh ra và lớn lên vào thời nước mất, nhà tan, dân tộc bị đè nén bởi hai tầng áp bức là thực dân và phong kiến, Hồ Chí Minh đã sớm bộc lộ một phong cách tư duy mới, một ý chí cách mạng tìm đường cứu nước khác với các bậc cách mạng tiền bối.

Xuất thân từ một gia đình nhà Nho yêu nước, Hồ Chí Minh đã được hun đúc truyền thống yêu nước, thương dân, căm ghét sự bất công, tàn bạo của thực dân, phong kiến. Cuộc sống vất vả và gắn bó với người lao động ở quê hương cũng như những nơi đặt chân đến đã nuôi dưỡng tình cảm bao la đối với nhân dân của Hồ Chí Minh. Đó là lòng thương yêu những người lao động; tôn trọng những nghĩa sĩ chống Pháp; căm ghét bọn thực dân Pháp xâm lược và quan lại phong kiến làm tay sai cho giặc.

Ở đâu Người cũng thấy sự bóc lột dã man, tàn bạo của thực dân Pháp, sự thối nát và hèn hạ của triều đình nhà Nguyễn. Ở đâu Người cũng thấy nỗi đau mất nước đầy ắp trong tâm khảm những người Việt Nam yêu nước. Người còn chứng kiến tận mắt sự thất bại của nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp lúc bấy giờ. Trong hoàn cảnh đó đã hun đúc trong Hồ Chí Minh một xu hướng mới trong tư duy và hành động đi tìm đường cứu nước. Người không tán thành con đường “bạo động”, “duy tân”... như những nhà cách mạng đi trước đã làm. Hồ Chí Minh quyết định sang Pháp để thực hiện mục tiêu cứu dân, cứu nước. Đó là quyết định sáng suốt của Người, mở ra một tiền đề mới của lịch sử tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, cho tầm cao mới chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Hồ Chí Minh không chỉ sang Pháp mà còn đến nhiều nước chính quốc và các nước thuộc địa khác ở châu Phi, châu Mỹ, châu Âu, châu Á. Đi đến đâu Người cũng cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, suy nghĩ để tìm ra con đường giải phóng dân tộc phù hợp với điều kiện của nước mình, dân tộc mình.

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, đầu năm 1919 các nước Đồng minh thắng trận họp Hội nghị ở Vécxây (Pháp). Thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Hồ Chí Minh đã gửi tới Hội nghị bản yêu sách gồm 8 điểm, đòi Chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Bản yêu sách đã được công bố trên báo Nhân Đạo, nhưng bọn đế quốc không hề đếm xỉa đến những yêu cầu chính đáng đó. Từ thực tế đó, Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận quan trọng: những tuyên bố về tự do, dân chủ của bọn đế quốc chỉ là những lời đường mật cốt để lừa bịp các dân tộc bị áp bức; muốn có được độc lập và tự do thật sự, các nước thuộc địa, các dân tộc bị áp bức phải làm cách mạng, phải dựa vào lực lượng của bản thân mình, người Việt Nam phải tự giải phóng mình.

*Phải đấu tranh để tự giải phóng* là tư duy, là kết luận rất đúng đắn của Hồ Chí Minh. Nhưng “tự giải phóng” mình bằng cách nào? Vận động cách mạng như thế nào? Thì đến lúc này Người vẫn chưa tìm ra được. Qua thực tế cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp và công nhân các nước châu Âu diễn ra ngày càng gay gắt, Hồ Chí Minh thấy rằng, bản thân giai cấp công nhân và những người lao động khác ở các nước chính quốc cũng bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột và không có quyền tự

do, dân chủ và bình đẳng thực sự. Như vậy, con đường giải phóng dân tộc ở Việt Nam không thể đi theo con đường cách mạng dân chủ tư sản được. Muốn giải phóng triệt để các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa, muốn giải phóng triệt để người lao động khỏi áp bức, bóc lột phải bằng con đường khác. Vì vậy, khát vọng phải tìm cho được con đường cứu nước, cứu dân ở Hồ Chí Minh càng trở nên cháy bỏng. Chính khát vọng ấy đã dẫn Hồ Chí Minh đến với *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Từ bản Luận cương ấy, Người đã tìm thấy ánh sáng và đường lối cách mạng đúng đắn giải phóng dân tộc Việt Nam. Người đã khóc vì sung sướng khi tìm thấy ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin soi đường cho cách mạng Việt Nam. Nhắc lại cảm tưởng của mình, Người viết: “Trong luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”<sup>1</sup>. Người hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế III. Người say mê nghiên cứu các tác phẩm của Mác và Lênin. Có thể nói, từ năm 1920 cho đến cuối đời, Hồ Chí Minh đã dày công nghiên cứu, tiếp thu, kế thừa, bảo vệ và vận dụng thành công những nguyên lý khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin vào quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

**2. Hồ Chí Minh luôn suy nghĩ và hướng tới thực hiện mục tiêu cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta**

Nét đặc sắc trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh là luận hướng tới xây dựng một xã hội mới ở những nội dung chủ yếu nhất, trước hết, đó là quan niệm về lý tưởng, mục tiêu cao đẹp của cuộc sống con người. Lý tưởng và mục tiêu đó là độc lập cho đất nước, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng ấy đã trở thành một hoài bão mãnh liệt, một niềm tin, một niềm say mê tột độ chi phối tư duy và hành động trong suốt cuộc đời cách mạng của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh

---

1. *Sđd*, t.10, tr.127.

viết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>1</sup>. Người ăn không ngon, ngủ không yên vì “lo nổi nước nhà”. Bất kỳ ở đâu và làm việc gì, Hồ Chí Minh đều hướng tới độc lập của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân. Người từng nói: “Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích nước lợi dân”<sup>2</sup>.

Hồ Chí Minh đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin lời giải đáp và con đường cho việc thực hiện mục tiêu, lý tưởng đó. Bởi vì chủ nghĩa Mác-Lênin là “học thuyết đúng đắn nhất, cách mạng nhất”, “đó là cái cần thiết cho chúng ta, là con đường giải phóng chúng ta”. Tìm được con đường cứu nước, tìm được lý luận cách mạng soi đường, Hồ Chí Minh về nước thực hiện cuộc vận động cách mạng trong quần chúng nhân dân lao động. Hồ Chí Minh tổ chức những lực lượng cách mạng nòng cốt, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện họ trở thành những chiến sĩ tiên phong vận động cách mạng trong quần chúng để tiến hành đấu tranh giành tự do, độc lập. Biết rằng, việc thực hiện con đường giải phóng dân tộc để xây dựng một xã hội mới không giản đơn, nhanh chóng, dễ dàng mà là cả một quá trình cách mạng lâu dài, gian khổ, nguy hiểm, hy sinh ngay cả mạng sống của mình. Song, Người luôn quyết tâm hy sinh, phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của đồng bào.

Người đã đưa ra những luận điểm quan trọng: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”; “Con đường cứu nước duy nhất đúng đắn là con đường cách mạng vô sản”; “Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân phải tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa”. Theo Hồ Chí Minh: độc lập dân tộc phải gắn liền với sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Đặc biệt, Người đã phát hiện thấy khả năng to lớn của các dân tộc thuộc địa và đã nêu lên tính chủ động của cách mạng thuộc địa, về khả năng cách mạng thuộc địa có thể giành được thắng lợi trước cách mạng chính quốc. Điều đó cho thấy phong cách tư duy Hồ Chí Minh không phải chỉ dừng lại ở việc tiếp thu những nội dung cơ bản của học thuyết cách mạng Mác-Lênin một cách thụ động, vận dụng một cách dập khuôn mà còn thể hiện một tư duy

---

1, 2. *Sđd*, t.4, tr.161, 240.

sáng tạo khi vận dụng học thuyết vào tình hình cách mạng cụ thể. Trên cơ sở phân tích tình hình thực tiễn cách mạng cụ thể trong nước và quốc tế để rút ra những kết luận mới phù hợp với quá trình cách mạng và chỉ đạo cách mạng Việt Nam tiến đến thành công, Hồ Chí Minh đã được thế giới thừa nhận là “Người khởi xướng cho phong trào giải phóng dân tộc ở thế kỷ XX”, người đầu tiên được UNESCO suy tôn là “Anh hùng giải phóng dân tộc”.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được thể hiện một cách nhất quán trong tư duy và hành động của Người trong quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta. Đó cũng là tư tưởng xuyên suốt trong đường lối cách mạng Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo và thực hiện.

Việt Nam thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế kém phát triển, nông nghiệp lạc hậu, chưa qua chủ nghĩa tư bản. Những luận điểm ấy lại được đề ra và thực hiện trong một hoàn cảnh đặc biệt, trên một đất nước đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược (tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam); một đất nước vừa có chiến tranh, vừa có hoà bình; vừa tiến hành chiến tranh giải phóng, vừa bảo vệ đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có thể nói, đây là một tư duy sáng tạo, tư duy cách mạng chỉ có ở Hồ Chí Minh, một khám phá chưa hề có tiền lệ trong lịch sử.

Để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta thì phải làm cho nhân dân hiểu được chủ nghĩa xã hội là gì. Người nêu mục đích của chủ nghĩa xã hội: “Nói một cách giản đơn và dễ hiểu là: *không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân*, trước hết là nhân dân lao động”<sup>1</sup>. Nói về chủ nghĩa xã hội, Người chỉ nêu ngắn gọn, dễ hiểu, nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống cuộc đời hạnh phúc; nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, và do nhân dân tự xây dựng lấy; nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có

---

1. *Sđd*, t.10, tr.271.

thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xoá bỏ.

Chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh nêu ra để động viên, định hướng cho toàn Đảng, toàn dân tổ chức xây dựng một xã hội mới ở Việt Nam thật ngắn gọn, dễ hiểu nhưng là những nội dung rất cơ bản, cốt lõi mà cách mạng xã hội chủ nghĩa phải thực hiện. Chủ nghĩa xã hội như vậy cũng là mục tiêu phấn đấu của dân tộc ta. Do vậy chủ nghĩa xã hội là một xã hội mới đầy hấp dẫn đối với nhân dân Việt Nam, ai cũng muốn phấn đấu cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng tổ chức và định hướng vươn tới. Phải chăng chính vì thế mà trong tình hình biến động của phe xã hội chủ nghĩa thời gian qua, với lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Việt Nam đã đứng vững trên con đường và mục tiêu cách mạng của mình. Có người nước ngoài đã nhận định: “Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa sáng tạo vĩ đại và là một người hành động. Chủ nghĩa xã hội của Người không bè phái, cũng không giáo điều mà rất nhân đạo và nhân loại”<sup>1</sup>.

Nhận định đó về Hồ Chí Minh hoàn toàn đúng đắn. Tư duy, suy nghĩ của Hồ Chí Minh luôn hướng tới xây dựng một xã hội mới ở Việt Nam, đó là chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong điều kiện thực tế ở Việt Nam. Những nội dung về chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh đưa ra tuy đơn giản, ngắn gọn nhưng nó phù hợp với ý chí và nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Chính vì vậy, nó động viên được toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm phấn đấu và xây dựng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không phải chỉ bằng lời nói, lời huấn thị, trên sách vở mà ở ngay trong quá trình tổ chức và thực hiện. *Một phong cách đặc trưng tư duy Hồ Chí Minh là suy nghĩ gắn liền với hành động, lời nói đi đôi với việc làm, tư duy sáng tạo tìm tòi cái mới gắn liền với tổ chức thực hiện.*

Hồ Chí Minh luôn thực hiện nguyên tắc lý luận liên hệ với thực tiễn, Người đã chỉ ra con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình cách mạng lâu dài. Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải kiên trì phấn đấu, gian

---

1. Ban Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và thời đại*, Tp. Hồ Chí Minh, 1992, tr.29.

khổ hy sinh mới giành được thắng lợi. Trả lời phỏng vấn của một số nhà báo nước ngoài, Hồ Chí Minh đã nói: “chúng tôi xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh một nước vốn là thuộc địa, một nước nông nghiệp lạc hậu, lại bị chiến tranh xâm lược tàn phá. Hoàn cảnh ấy, cố nhiên gây cho chúng tôi rất nhiều khó khăn. Song, những thắng lợi bước đầu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội cho phép chúng tôi tin tưởng chắc chắn ở sự cần thiết và khả năng của một nước như nước Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách thắng lợi không phải qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa”<sup>1</sup>.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình gian khổ, khó khăn, đi từ thấp đến cao không thể có ngay một lúc. Chính vì thế, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần”<sup>2</sup>. Người còn nhấn mạnh: “Tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải muốn là tức khắc có, mà phải làm thế nào cho nó tiến lên, tức là phải lao động, lao động thiết thực”<sup>3</sup>. Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải dựa vào tinh thần tự lực, tự cường, vào sức mạnh của toàn dân; đồng thời tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế để tiến hành sự nghiệp to lớn đó. Hồ Chí Minh cũng chỉ ra rằng: xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp cực kỳ vẻ vang, nhưng phải lâu dài gian khổ, nhân dân ta cần phải có tinh thần phấn đấu bền bỉ, quyết tâm vượt mọi khó khăn để giành lấy những thắng lợi mới rực rỡ hơn nữa.

Để xây dựng thành công xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa phải có Đảng của giai cấp công nhân, là đại biểu lợi ích không phải chỉ của giai cấp công nhân mà còn của cả dân tộc.

Đảng phải đại biểu cho trí tuệ, lương tâm, danh dự của cả giai cấp và dân tộc. Hồ Chí Minh khẳng định sự thành công của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: “Cần có sự lãnh đạo của một *đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân*”<sup>4</sup>. Chỉ có sự lãnh đạo của một Đảng biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.11, tr.312.

2. *Sđđ*, t.8, tr.226.

3. *Sđđ*, tr.338.

4. Hồ Chí Minh: *Về chủ nghĩa Mác-Lênin, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.125.



giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công.

Đảng cầm quyền phải thường xuyên đấu tranh phê và tự phê làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó máu thịt với nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải thực sự là những tấm gương mẫu mực của người công dân, người lãnh đạo, là những người thuộc về nhân dân, đại diện cho dân chủ không phải xa lạ với dân. Có như vậy nhân dân mới là nguồn lực vô tận để theo Đảng thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng thành công xã hội mới. Người khẳng định: “Trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng cần phải mạnh hơn bao giờ hết. Muốn cải tạo xã hội mà đảng viên không tự cải tạo mình, không tự nâng cao mình thì không thể được. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi đảng viên và cán bộ phải có lập trường giai cấp vô sản thật vững chắc, giác ngộ về chủ nghĩa xã hội cao; đòi hỏi cán bộ và đảng viên phải rửa sạch ảnh hưởng của những tư tưởng của giai cấp bóc lột, rửa sạch chủ nghĩa cá nhân, rèn luyện chủ nghĩa tập thể. Nó đòi hỏi cán bộ và đảng viên phải khắc phục các bệnh quan liêu và cô độc hẹp hòi để liên hệ chặt chẽ với quần chúng, do đó mà phát huy được đầy đủ tính sáng tạo của hàng triệu quần chúng nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người”<sup>1</sup>.

Để xây dựng thành công xã hội mới, Hồ Chí Minh luôn chăm lo xây dựng nhà nước kiểu mới ở Việt Nam - nhà nước của dân, do dân, vì dân. Hồ Chí Minh đã giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, bảo đảm sự thống nhất giữa tính giai cấp và tính nhân dân của Nhà nước. Điều đó làm cho Nhà nước cách mạng ở nước ta vừa thể hiện bản chất chính trị của mình, vừa phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Trong Lời nói đầu của Dự thảo Hiến pháp sửa đổi năm 1959 ghi rõ: “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”<sup>2</sup>. Nhà nước của ta là nhà nước mà “nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra

---

1. *Sđd*, tr.248-249.

2. *Sđd*, tr.264.

và chịu trách nhiệm trước nhân dân”. Mục tiêu hành động của Nhà nước ta đều hướng về lợi ích của nhân dân lao động. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đều hướng vào độc lập tự do cho dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu đó, Nhà nước của ta phải bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân không phải chỉ bằng lời tuyên bố mà phải bằng tổ chức trong hiện thực. Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh: “Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ, đó là do tính chất Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân. Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời phải tập trung đến cao độ để thống nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>.

Với Hồ Chí Minh, xây dựng xã hội mới nhiệm vụ then chốt là xây dựng và phát triển một nền kinh tế mới trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Khi nước nhà giành được độc lập, Hồ Chí Minh chỉ đạo thực hiện vấn đề hàng đầu là: ổn định và cải thiện đời sống nhân dân lao động trên cơ sở củng cố và phát triển sản xuất. Người cho rằng: chúng ta đấu tranh giành được tự do độc lập mà dân đói, dân rét thì tự do, độc lập cũng không làm gì.

Dân chỉ biết giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Chính vì vậy khẩu hiệu chúng ta nêu ra sau hoà bình: “diệt giặc đói”, “diệt giặc đói”, “diệt giặc ngoại xâm”. Nhiệm vụ đó xuất phát từ chân lý giản đơn mà Người đã chỉ ra: người ta phải ăn để sống, để lao động, để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người cũng chỉ ra biện pháp để nâng cao đời sống nhân dân là đẩy mạnh và phát triển sản xuất, chống tham ô, lãng phí, thực hành tiết kiệm. Người chỉ rõ: “Muốn xã hội giàu thì mỗi cá nhân, mỗi gia đình cho đến cả nước phải tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm”<sup>2</sup>.

Muốn nâng cao đời sống nhân dân, muốn dân giàu, nước mạnh, chúng ta phải xây dựng nền kinh tế mới của chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải cải tạo xã hội cũ thành một xã hội mới, một xã hội không có người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao

---

1. *Sđd*, tr.270.

2. *Sđd*, tr.282.

động, ai làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng”<sup>1</sup>. Người lao động được hưởng quyền lợi kinh tế dựa trên năng lực và bằng sức lao động của mình. Chính vì vậy, về mặt tổ chức quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm, Người cho rằng: “Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lợi riêng. Công nhân sản xuất ra nhiều vải, cố gắng nhiều, hưởng được nhiều; làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay”<sup>2</sup>.

Người cho rằng, ở Việt Nam thời kỳ đầu phải lấy nông nghiệp làm chính, để ổn định đời sống nhân dân và tạo cơ sở, tạo điều kiện cho sự phát triển công nghiệp. Song để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì phải tiến hành công nghiệp hoá đất nước. Người khẳng định: “Hiện nay, chúng ta lấy sản xuất nông nghiệp làm chính. Vì muốn mở mang công nghiệp thì phải có đủ lương thực, nguyên liệu. Nhưng công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa vẫn là mục tiêu phấn đấu chung, là con đường no ấm thật sự của nhân dân ta”<sup>3</sup>. Từ đó Người đã chỉ ra nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là: phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học - kỹ thuật tiên tiến. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một nền kinh tế mới trong thời kỳ quá độ đến nay vẫn là định hướng đi đúng đắn cho sự nghiệp đổi mới hiện nay ở nước ta.

Xây dựng một xã hội mới đồng thời với xây dựng nền kinh tế nên phải xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Theo Hồ Chí Minh, văn hoá bao gồm những lĩnh vực của kiến trúc thượng tầng: pháp luật, khoa học, giáo dục, đạo đức, văn hoá nghệ thuật, tuyên truyền, bảo vệ môi trường, giữ gìn sức khoẻ. Văn hoá còn bao gồm phong tục, tập quán, lối sống, cách ứng xử giao tiếp của con người, thói quen giúp cho sản xuất phát triển. Để xây dựng một nền văn hoá mới, Hồ Chí Minh coi văn hoá vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng. Người cho rằng: Văn hoá là một mặt trận quan trọng trong công

---

1. *Sđd*, tr.282.

2. *Sđd*, tr.278.

3. *Sđd*, tr.300.

cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, anh chị em làm công tác văn hoá, văn nghệ là một chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Người đề ra nhiệm vụ cho văn hoá nặng nề và vinh quang: văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi. Văn hoá phải phục vụ cho đời sống của nhân dân lao động. Văn hoá phải gắn liền với lao động sản xuất. Người khẳng định: “Văn hoá phải thiết thực phục vụ nhân dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi, lành mạnh của quần chúng. Vì vậy, nội dung văn hoá phải có ý nghĩa giáo dục... Văn hoá phải gắn liền với lao động sản xuất. Văn hoá xa đời sống, xa lao động là văn hoá suông”<sup>1</sup>.

Muốn xây dựng thành công nền văn hoá mới cần giải quyết đúng mối quan hệ giữa truyền thống và đổi mới, dân tộc và quốc tế, giai cấp và nhân dân, kế thừa cái cũ và xây dựng cái mới. Hồ Chí Minh chủ trương: “Khôi phục vốn cũ thì nên khôi phục cái gì tốt, còn cái gì không tốt thì phải loại dần ra”. Học tập cái hay, cái đẹp của truyền thống song phải nâng cao lên và phải tiếp thu cái mới của thời đại. Người dạy các nhà văn hoá, văn nghệ phải “chú ý phát huy cốt cách dân tộc”, nghệ thuật chân chính cốt để phục vụ nhân dân, đồng thời phục vụ tinh thần quốc tế. Hồ Chí Minh đánh giá đúng những giá trị tốt đẹp mà loài người đã xây dựng nên và tiếp thu, vận dụng những giá trị ấy vào công cuộc xây dựng nền văn hoá mới ở nước ta.

Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội phải có con người xây dựng nó, đó là sự nghiệp của quần chúng nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Người cho rằng: Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa, muốn có con người xã hội chủ nghĩa phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, muốn có tư tưởng xã hội chủ nghĩa phải gột rửa tư tưởng cá nhân chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là phải đi đến đấu tranh để xoá bỏ chủ nghĩa cá nhân, xây dựng chủ nghĩa tập thể. Trong đấu tranh mọi người có sự đấu tranh giữa cái “thiện” và “ác”, hoặc nói theo cách mới là sự đấu tranh giữa tư tưởng cộng sản và chủ nghĩa cá nhân. Người đã khẳng định: “Nếu không có tư tưởng xã hội chủ nghĩa thì không làm việc xã hội chủ nghĩa được”<sup>2</sup>.

Con người mới xã hội chủ nghĩa là phải có đạo đức cách mạng. Lực lượng nòng cốt xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là đảng viên, là cán

---

1. *Sđd*, tr.361.

2. *Sđd*, tr.332.

bộ. Cán bộ, đảng viên là những người trước hết phải rèn luyện đạo đức cách mạng. Người cho rằng, “muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì cán bộ là đầu tiên, là cốt cán”. Trước hết cán bộ “phải có tư tưởng tiến lên chủ nghĩa xã hội, mới quyết tâm thi hành, hướng dẫn nhân dân làm mọi công việc tăng gia sản xuất, tiết kiệm, đấu tranh gay go để tiến lên chủ nghĩa xã hội”. Đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên là: “bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng *kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng*, làm gương mẫu cho quần chúng. Mọi đảng viên phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng; phải ngăn ngừa và kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân”<sup>1</sup>.

Một nét đặc trưng trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh là luôn hướng tới xây dựng xã hội mới. Đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt suy nghĩ và hành động của Người trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Có thể nói, cả cuộc đời Hồ Chí Minh đã cống hiến cho mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Người đã nêu ra một chân lý “không có gì quý hơn độc lập tự do”. Đến cuối cuộc đời Người còn dặn dò các thế hệ tiếp theo “thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay”. Cương lĩnh xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta hiện nay chính là cương lĩnh hành động thực hiện mục tiêu đã chọn của Người về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

---

1. *Sđd*, tr.343.

## VỀ PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH

*ThS Bùi Công Trang*

Khi nghiên cứu phong cách tư duy Hồ Chí Minh, trước hết, cần lưu ý:

*Thứ nhất*, Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà yêu nước vĩ đại được sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh nhân dân ta đang chìm trong vòng nô lệ của chủ nghĩa thực dân, phong kiến, bị đàn áp bóc lột, dọa dẫm vô cùng cực khổ; đồng thời cũng nung nấu ý chí quật cường của một dân tộc mà lòng yêu nước tha thiết khôn cùng là cốt lõi xuyên suốt nền văn hoá mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc.

*Thứ hai*, Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà hoạt động quốc tế lỗi lạc trong điều kiện nhân loại đã bước sang một thời đại mới: thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đánh dấu bằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại và đang phát huy ảnh hưởng của mình ngày càng mạnh mẽ trên trường quốc tế. Phong trào xã hội chủ nghĩa và giải phóng dân tộc trên thế giới ngày càng mạnh mẽ và lan rộng, thu hút được sự ủng hộ ngày càng lớn không những của nhân dân các nước thuộc địa mà cả nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

*Thứ ba*, Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc, là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, là người khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Người đã cùng với Đảng lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc trường kỳ kháng chiến cực kỳ anh dũng giải phóng đất nước khỏi ách đô hộ thực dân phong kiến và chống lại mọi thế lực thù địch trong nước cũng như từ bên ngoài, đưa nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, giữ vững độc lập của Tổ quốc và đem lại hạnh phúc cho nhân dân.

Phong cách tư duy Hồ Chí Minh là phức hợp của nhiều nội dung hết sức phong phú tạo nên một phong cách tư duy của riêng Người. Trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh, nét nổi bật, đặc sắc dễ nhận thấy, đó là một *phong cách tư duy thấm đượm sâu sắc, nồng nàn chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam trong thời đại mới.*

Chủ nghĩa yêu nước là một trong những di sản vô cùng quý giá đã được xây dựng và bồi đắp trong chiều dài lịch sử Việt Nam, qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước. Nó trở thành tinh hoa, niềm tự hào sâu sắc và cốt lõi của nền văn hoá truyền thống Việt Nam. Cũng nhờ có chủ nghĩa yêu nước đó mà biết bao thế hệ người Việt của các thời đại trong lịch sử nước ta đã vượt lên mọi hy sinh, gian khổ, tập hợp mọi lực lượng của dân tộc, làm nên những kỳ tích vĩ đại trở thành những biểu tượng oai hùng và quang vinh làm động lực thúc đẩy các thế hệ tương lai đưa dân tộc vươn lên những tầm cao mới. Chủ nghĩa yêu nước luôn luôn biến đổi và mang những nội dung mới phụ thuộc vào những điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của dân tộc và thời đại.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam ở nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh lịch sử đất nước đang chìm đắm trong vòng nô lệ. Nhân dân sống cuộc đời lầm than cơ cực đã phát triển sâu rộng trong các tầng lớp quần chúng nông dân, thợ thuyền từ nông thôn đến thành thị với nhiều khuynh hướng khác nhau mà đại biểu là những nhà yêu nước nổi tiếng như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học..., nhất là hai nhà ái quốc được coi như những đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước truyền thống là các cụ Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong những thời kỳ này dù là khuynh hướng “bạo động” hay “bất bạo động” thì đó vẫn là tình thương yêu đất nước, giống nòi nồng nàn tha thiết, nỗi đau đớn da diết khôn nguôi vì cảnh “nước mất nhà tan” và một lòng xả thân vì nghĩa lớn “cứu dân, cứu nước”. Tuy nhiên, do hạn chế của những điều kiện chính trị, xã hội và nhất là hệ tư tưởng và quan hệ giai cấp, nên dù đó là những đại biểu ưu tú nhất của chủ nghĩa yêu nước truyền thống vẫn có nhiều hạn chế, họ không tiếp cận được với xu thế phát triển của thời đại. Hạn chế đó dẫn đến một sự thật là, trong tất cả các khuynh hướng chính trị lúc bấy giờ nhằm tìm lối thoát cho dân tộc ta, không có một khuynh hướng nào xác định được một cách khoa học và cách mạng đường lối chiến lược đủ sức lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh thoát khỏi ách nô lệ lầm than. Trong tình hình khủng hoảng về đường lối cứu nước của các phong trào yêu nước, các bậc sĩ phu đương thời, người thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc, lòng yêu nước nồng nàn cộng với ý chí kiên cường, tư duy chính trị sắc bén, sự nhạy cảm với những đổi thay của thời cuộc, phương pháp

khoa học, đã khắc phục được những hạn chế của chủ nghĩa yêu nước trong truyền thống và đưa chủ nghĩa yêu nước Việt Nam lên một tầm cao mới, tầm cao của thời đại.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và đại biểu không những kế thừa được những tinh hoa trong truyền thống mà còn vượt lên với tầm cao mới về mặt quan điểm lý luận, tư tưởng và thực tiễn của dân tộc, trong đó có thể nêu lên một số nội dung chính sau đây:

*Thứ nhất:* chủ nghĩa yêu nước Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc đại biểu không những cảm nhận nỗi đau thương của nhân dân ta dưới ách đô hộ của bọn thực dân, phong kiến mà còn *vạch ra được căn nguyên cơ bản của nỗi thống khổ đó. Trên cơ sở đó mà vạch rõ kẻ thù của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp và bè lũ phong kiến tay sai. Không những thế, chủ nghĩa yêu nước đó còn có một điều khác biệt về bản chất đánh dấu bước phát triển nhảy vọt, vượt trước so với tất cả các trào lưu của chủ nghĩa yêu nước trước đó là ở chỗ, nó đã nhìn thấy được sức mạnh vĩ đại của quần chúng nhân dân ta, những người đang bị đọa đày đau khổ. Đó là sức mạnh tiềm ẩn sâu sắc, toàn diện cả về chính trị, kinh tế, xã hội, đạo đức mà một khi đã được thức tỉnh và tổ chức lại bằng một đường lối cách mạng đúng đắn sẽ trở thành một sức mạnh vô địch.*

*Thứ hai:* chủ nghĩa yêu nước Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc đại diện đã đặt đúng vấn đề giải phóng dân tộc trong xu hướng phát triển của thời đại mới. Nó đã nhận rõ và *giải quyết thành công mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp*, mối quan hệ giữa công cuộc giải phóng dân tộc và xu hướng phát triển của cách mạng thế giới. Chủ nghĩa yêu nước mới đó đã đưa ra những luận điểm cực kỳ quan trọng làm nền tảng tư tưởng, bó buộc soi đường cho cách mạng Việt Nam, và sự nghiệp giải phóng thuộc địa trên phạm vi toàn cầu trong những năm đầu thế kỷ XX. Ngay từ năm 1920, khi được đọc tác phẩm của V.I.Lênin *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*, Nguyễn Ái Quốc đã phát hiện ra và nhận thức ngay được một chân lý lớn của thời đại, đó là “muốn giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản”.

Phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong thời đại mới, Hồ Chí Minh đã có một *tầm nhìn vượt trước và sâu sắc* ngay cả đối với nhiều người cộng sản đương thời. Tháng 9-1928, trong Nghị quyết của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản về *Những luận cương về phong trào cách mạng trong*



các nước thuộc địa và nửa thuộc địa vẫn còn giữ nguyên quan điểm: “Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến”, thì từ năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu trên báo *Phong trào công sản*: “Ngày mà hàng trăm triệu người châu Á bị đọa đày và áp bức sẽ thức tỉnh để vứt bỏ sự bóc lột đê tiện của những tên thực dân tham lam vô độ, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ và có thể xoá bỏ một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc giúp đỡ cho những người anh em của họ ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”. Tham luận Đại hội V Quốc tế Công sản, năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã viết: “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới... gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”<sup>1</sup>.

Những luận điểm cực kỳ quan trọng trên đây của Nguyễn Ái Quốc chính là điểm tựa, là nền tảng làm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam mới được đặt trên cơ sở khoa học và cách mạng vững chắc. Lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đã xác nhận những luận điểm vô cùng sáng suốt đó và thực tế đã trở thành ngọn đuốc soi đường, thành động lực to lớn, thành nền tảng tinh thần, tư tưởng bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

*Thứ ba:* chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, do Nguyễn Ái Quốc đại biểu xác định mục tiêu lớn nhất, cơ bản nhất, trở thành nguyên tắc không thể thay đổi đó là *Độc lập cho Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân*, “Độc lập dân tộc, gắn liền với chủ nghĩa xã hội”. Mục tiêu đó trở thành quyết tâm, thành ý chí, thành niềm tin mãnh liệt, thành mục tiêu chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam. Độc lập của dân tộc phải luôn luôn gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân. Điều đó được thể hiện trong bất cứ giai đoạn nào của quá trình cách mạng và trong điều kiện mới.

*Thứ tư:* chủ nghĩa yêu nước do Nguyễn Ái Quốc là đại diện đặt trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời kế thừa và chọn lọc tinh hoa của truyền thống dân tộc, sẵn sàng tiếp thu những giá trị cao quý, hợp lý của nền văn hoá nhân loại.

Tất cả những nội dung của phong cách tư duy Hồ Chí Minh nêu trên làm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong thời đại mới được nâng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.273.

lên một tầm cao mới về chất. Nó chẳng những là nền tảng tinh thần, tư tưởng, động lực, sức mạnh vĩ đại bảo đảm cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi trên đất nước ta, mà còn tạo ra khả năng mới để đất nước ta hoà nhập với sự tiến bộ và phát triển trong thế kỷ XXI.

Có thể nói, *phong cách tư duy Hồ Chí Minh là điển hình của sự kết hợp hài hoà mối quan hệ biện chứng giữa tính khoa học và tính cách mạng, tính lý luận và tính thực tiễn, tính dân tộc và tính quốc tế, kết hợp cả lý trí và tình cảm cách mạng cao cả. Nét đặc sắc đó trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh còn nói lên được bản lĩnh vững vàng, ý chí kiên cường, niềm lạc quan tin tưởng, sự giản dị, khiêm tốn và đặc biệt khả năng nhìn xa trông rộng, khả năng tiên lượng trong những bước ngoặt lớn của cách mạng.*

Bản sao lưu trữ

# RÈN LUYỆN PHƯƠNG PHÁP TƯ DUY KHOA HỌC VÀ CÁCH MẠNG THEO PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH

*Nguyễn Bá Dương*

## 1. Bản chất khoa học, cách mạng và đặc trưng phong cách tư duy Hồ Chí Minh

Từ một người Việt Nam yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã trở thành một người cộng sản chân chính, do đó nội dung xuyên suốt tư duy của Người là suốt đời tự nguyện đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng loài người. Tinh thần cách mạng thấm đượm chủ nghĩa nhân văn cao cả trở thành chân lý sống và hành động của Hồ Chí Minh. Người nói: Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân tức là phục tùng chân lý, cái gì có lợi cho nước, cho dân thì làm. Cốt cách tinh thần, lối sống và đạo đức cách mạng sáng ngời của Người đã tạo nên phong cách tư duy Hồ Chí Minh.

Với các phẩm chất tư duy độc lập, sáng tạo, mềm dẻo, linh hoạt và nhạy bén với cái mới, uyên bác cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, nhuần nhuyễn tính cách mạng và khoa học, thống nhất giữa suy nghĩ và hành động, nói và làm, được thể hiện ở sự thuần thục trong việc sử dụng ngôn ngữ vừa uyên bác, tinh túy, vừa trong sáng, giản dị, phổ thông đã làm cho tư tưởng của Người trở nên dễ hiểu, dễ xâm nhập vào quần chúng. Có thể nói, bản chất tư duy Hồ Chí Minh là sự kết hợp sáng tạo đạt đến sự nhuần nhuyễn giữa tính khoa học và cách mạng. Ở đó trí tuệ nhân loại hoà quyện các giá trị của văn hoá phương Đông và phương Tây, với bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam tạo ra phong cách tư duy riêng Hồ Chí Minh. Nhờ đó, Người đã sớm nhận thức được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, nắm bắt được bản chất qui luật phát triển lịch sử xã hội, đem tư tưởng đó soi rọi vào thực tiễn cách mạng dân tộc và thời đại, hình thành các luận điểm về cách mạng giải phóng dân

tộc gắn liền với cách mạng xã hội chủ nghĩa..., có những quyết định đúng đắn, sáng tạo, chính xác, lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam giành thắng lợi. Thực tiễn cách mạng ở Việt Nam đã chứng minh tư duy Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin là ngọn cờ dẫn dắt cách mạng Việt Nam tiến lên giành thắng lợi mới trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Nhiều nhà khoa học thế giới cho rằng, phong cách tư duy Hồ Chí Minh là sự thống nhất đạt đến đỉnh cao giữa trình độ hiểu biết sâu rộng về lý luận và thực tiễn cách mạng với kỹ năng thành thạo về tổ chức thực hiện nhiệm vụ một cách tuyệt vời. Phong cách tư duy Hồ Chí Minh thể hiện rõ sự kết hợp hài hoà giữa nhiệt tình cách mạng, lòng trung thành vô hạn với lý tưởng cộng sản và tri thức khoa học, phương pháp làm việc thực tế, thiết thực và hiệu quả.

Tư duy độc lập, sáng tạo, thống nhất lý luận và thực tiễn, suy nghĩ và hành động, nói và làm, nắm vững thực chất lý luận khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, biết rút ra cái bản chất, cái cần thiết nhất để áp dụng vào thực tiễn cách mạng, phân tích tình hình thực tế, giải quyết đúng đắn mối quan hệ cơ bản và trước mắt, những suy nghĩ, chủ trương, biện pháp mà Người nêu ra đều phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế. Chính điều này đã làm cho tư duy Hồ Chí Minh luôn đúng đắn, sáng tạo, có hiệu quả cao trong chỉ đạo thực tiễn.

Hơn 30 năm tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã đi nhiều nơi, làm nhiều nghề và được tận mắt chứng kiến nhiều thân phận, cuộc đời của những con người khác nhau khắp các châu lục. Nhờ đó mà Người đã tiếp xúc với mọi thành tựu tri thức nhân loại, tự học hỏi, trau dồi để rút ra những kiến thức bổ ích cho bản thân cả về chính trị, quân sự, cả về kinh tế, khoa học, văn hoá và nghệ thuật, uyên bác cả về bề rộng và bề sâu, đạt đến đỉnh cao của trí tuệ nhân loại. Tư tưởng của Người nói chung, tư duy nói riêng là sự kết hợp tài tình giữa các nền văn hoá Đông - Tây, Dân tộc - Thời đại, Truyền thống - Hiện đại.

Hồ Chí Minh chỉ có một mục đích duy nhất là phấn đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân.

Người cho rằng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, để cách mạng thành công thì người cán bộ phải đi vào quần chúng, cùng ăn, cùng ở, cùng bàn, cùng làm việc với họ, suy nghĩ và nói bằng ngôn ngữ

của họ. Có như vậy, Đảng mới lôi kéo tập hợp, tổ chức, giáo dục và huấn luyện quần chúng làm cách mạng. Người phê phán những cán bộ lên mặt “quan cách mạng” thích nói điều to tát, hay lý luận, “chơi chữ” trước quần chúng nhân dân, làm cho vấn đề “bé xé ra to”, cái gì cũng “rất quan trọng”, rốt cuộc quần chúng nhân dân không hiểu và không thể thực hiện được công việc. Người khuyên cán bộ cách mạng khi tiếp xúc, nói chuyện, quan hệ với nhân dân, phải nói ngắn gọn, rõ ràng, nhưng đầy đủ và chính xác. Những vấn đề lý luận phức tạp thì phải cắt nghĩa cho thật rõ ràng, bằng những thí dụ cụ thể, sinh động trong đời sống hàng ngày. Nếu nói những điều cao siêu, vượt ngoài trình độ hiểu biết của nhân dân thì sự cao siêu ấy vô nghĩa, không có ích gì.

## 2. Nghiên cứu, học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh

Nghiên cứu, học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh là một công việc có ý nghĩa rất quan trọng vừa cấp bách, vừa lâu dài đối với nhiệm vụ bồi dưỡng và hoàn thiện nhân cách người lãnh đạo, quản lý hiện nay, bồi dưỡng các thế hệ cán bộ kế tục.

Thực chất của nhiệm vụ này là xây dựng bản lĩnh chính trị, lập trường giai cấp công nhân, đạo đức, lối sống của người cộng sản: “làm cho thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội”<sup>1</sup>.

Để rèn luyện và nâng cao trình độ tư duy khoa học theo phong cách Hồ Chí Minh, trước hết, cần rèn luyện năng lực suy luận, khái quát hoá, trừu tượng hoá và xử lý thông tin, ra quyết định, tạo ra tri thức mới phản ánh đúng đắn sự vận động phát triển không ngừng của thế giới khách quan.

Đây là một quá trình khổ luyện rất gian nan, vất vả, rèn luyện thường xuyên, tự giác, là sự phấn đấu không mệt mỏi của mỗi người. Vì vậy, đổi mới không ngừng việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời tích cực rèn luyện phương pháp tư duy biện chứng duy vật là những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ hiện nay.

Mặt khác, để rèn luyện nâng cao trình độ tư duy biện chứng khoa học theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh, người cán bộ lãnh đạo, quản lý

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.10.

cần phải tích cực rèn luyện trong thực tiễn, tham gia các hoạt động sản xuất vật chất, hoạt động chính trị - xã hội, hoạt động khoa học, văn hoá, giáo dục và đào tạo, học tập một cách tự giác để tích lũy được nhiều tri thức vừa rộng, vừa sâu. Thực tế đã chỉ ra rằng, phần lớn cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay đã được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản nhất định, có cơ sở để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. Cái thiếu hiện nay đối với cán bộ lãnh đạo, không phải chỉ là tri thức lý luận, không phải là bản chất chính trị, mà là am hiểu thực tiễn cuộc sống đang biến đổi khá nhanh chóng. Do vậy, tăng cường rèn luyện đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong thực tiễn là một yêu cầu cơ bản để nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của họ.

Thực tiễn lãnh đạo, tổ chức quản lý đơn vị, trực tiếp giải quyết các nhiệm vụ cụ thể là những cơ hội, điều kiện tốt để mỗi người cán bộ kiểm nghiệm lại những tri thức, nguyên lý qui luật thực hành những thao tác nghiệp vụ đã được đào tạo tại trường. Qua đó từng bước bổ sung, hoàn thiện hệ thống tri thức, chuyển hoá những tri thức đã học thực sự thành tri thức của mình, nhờ đó mà vận dụng một cách sáng tạo vào công tác lãnh đạo, quản lý của mình. Rõ ràng, hoạt động thực tiễn không chỉ là cơ sở để người cán bộ khái quát và tổng kết kinh nghiệm, đưa ra kết luận đúng đắn, những quyết định chính xác, những giải pháp tối ưu. Đồng thời, qua thực tiễn lãnh đạo, quản lý, với những thành công và thất bại sẽ làm cho người cán bộ nhanh chóng ý thức về những sai lầm nếu có xảy ra để kịp thời điều chỉnh lại cho phù hợp với hiện thực khách quan. Có như vậy, tính độc lập, sáng tạo và năng động của tư duy mới được không ngừng nâng cao. Không có môi trường thực tiễn, không thông qua học tập, rèn luyện, thử nghiệm, rèn dũa tư duy thì trí tuệ và phương pháp tư duy khoa học không thể phát triển được. Quá trình rèn luyện tư duy của Hồ Chí Minh là một mẫu hình của sự phấn đấu kiên trì học tập không mệt mỏi, là bài học quý báu có ý nghĩa thiết thực đối với mỗi chúng ta.

## TẤM GƯƠNG SÁNG NGỜI VỀ PHONG CÁCH LÀM VIỆC

*Trần Đình Quảng*

Chúng ta biết, phong cách làm việc là tổng hợp những phương pháp biện pháp, cách thức tiêu biểu, đặc thù mà mỗi cán bộ, đảng viên từ cán bộ lãnh đạo đến công nhân viên sử dụng trong nghề nghiệp, trong hoạt động hàng ngày để thực hiện những nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng đã vạch ra. Đương nhiên, những phương pháp, biện pháp, cách thức đó không những được biểu hiện bằng những cử chỉ, thái độ, hành vi cụ thể bên ngoài của con người, mà còn biểu hiện tư tưởng, tâm hồn của bản thân con người, nói cách khác là phản ảnh phẩm chất bên trong, từ những tình cảm đến lý trí, thế giới quan, nhân sinh quan của con người.

Không thể có phong cách tốt, nếu phẩm chất người đó xấu. Vì vậy muốn rèn luyện phong cách làm việc tốt, mấu chốt là phải rèn luyện quan điểm sống và làm việc, phải rèn luyện phẩm chất. Đồng thời phải đào tạo, giáo dục nâng cao kiến thức để cho người cán bộ, đảng viên trong lĩnh vực hoạt động thực tiễn của mình nhận thức được lý luận định hướng hành động đúng.

Bác Hồ, ngay từ những thời kỳ đầu hoạt động cách mạng rất chú ý rèn luyện cho cán bộ, đảng viên không những về mặt phẩm chất đạo đức mà còn rèn luyện về phong cách làm việc. Trong cuốn sách giáo khoa đầu tiên *Đường cách mệnh* (năm 1927) do Người biên soạn, trong đó nói nhiều về tư cách của một người cách mạng. Người đã chỉ rõ cho những người cách mạng, trong hoạt động của mình phải đối xử như thế nào đối với người, đối với mình và đối với công việc.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đứng đầu bộ máy Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu *tấm gương sáng ngời về phong cách làm việc*. Dù hết sức bận việc, Người vẫn tiếp xúc thường xuyên với quần chúng, chăm sóc đời sống cho mọi người. Bằng phong cách vốn có, lòng nhân ái bao la, Người đã nhận diện lòng tin và tình

thương yêu thật sự của các tầng lớp nhân dân. Người ta không thể thấy một biểu hiện nào ở Người về quyền cao chức trọng. Phong cách và đức độ của Người đã làm cho quần chúng nhân dân tự đáy lòng mình, đã đặt cho Người một tên gọi thân thương, gần gũi: người Bác, người Cha.

Nhưng, cái gì đã tạo nên phong cách Hồ Chí Minh? Phong cách Hồ Chí Minh chính là ở *bản thân con người Hồ Chí Minh*. Phong cách Hồ Chí Minh phản ánh phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ yêu nước và quốc tế, lỗi lạc. Người đã cống hiến tất cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng, cho lợi ích của giai cấp, nhân dân và Tổ quốc. Chính từ phẩm chất cao đẹp đó, Người đã xây dựng cho mình phong cách làm việc mà mọi người chúng ta trân trọng *phong cách Hồ Chí Minh*. Cụ thể là:

#### ***Phong cách quần chúng:***

Trước hết Bác có lòng tin vô tận đối với quần chúng. Bác chỉ rõ: “Kinh nghiệm trong nước và các nước đã tỏ cho chúng ta biết: có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong”<sup>1</sup>.

Người có *tình nhân ái* bao la đối với con người, với các tầng lớp nhân dân, các lứa tuổi, các dân tộc bị áp bức, bóc lột vùi dập trong nghèo khổ và dốt nát. Người đã nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Mỗi ngày đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. *Người luôn luôn quan tâm đối với đời sống của quần chúng*. Đó là quan điểm trung tâm quán xuyên trong phong cách hoạt động của Bác Hồ.

Đặc biệt, Người lưu ý cán bộ, đảng viên phải thể hiện tinh thần phụ trách trước nhân dân. Người nói: “Bao nhiêu cách tổ chức và cách làm việc đều vì lợi ích của quần chúng. Vì vậy, cách tổ chức và cách làm nào không phù hợp với quần chúng, thì ta phải bỏ đi hoặc sửa lại...”.

Với niềm tin và lòng “*nhân ái*” bao la đối với quần chúng, Người thâm nhập vào quần chúng bằng *phong cách thật sự của người cán bộ quần chúng*. Với đôi dép lốp, bộ đồ ka ki vốn có trước đây, với bộ quần áo nâu bình dị, nụ cười hiền hậu, giọng nói ấm áp và vòng tay rộng mở, Người đi thăm từ chỗ nấu ăn, khu vệ sinh, vào từng gia đình, từng tập

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.295.



thể nhỏ, chỗ làm việc. Người nói chuyện với mọi lớp người, ngồi bất cứ ở đâu, ở bậc thêm, ở nhà sàn, giữa cánh đồng, bên cạnh các cỗ máy..., Bác hỏi thăm căn kẽ về sức khỏe đời sống, gia đình, căn dặn cụ thể, ngắn gọn những việc cần làm...

Phong cách quần chúng và những lời dạy về phong cách quần chúng của Bác Hồ như vậy đó! Thế nhưng, không ít người trong đội ngũ chúng ta không làm được như vậy. Vì thế, chỉ sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công hơn một tháng, Bác đã gửi thư căn dặn tất cả cán bộ từ Trung ương đến cơ sở, làng xóm phải thật sự làm người đầy tớ trung thành của nhân dân, chứ không được đê đầu cuỗi cổ nhân dân. Người nói: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”<sup>1</sup>. Người còn chỉ rõ: “Nước lấy dân làm gốc”, gốc có vững cây mới bền, xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”. Người luôn luôn nhắc nhở các tổ chức của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể phải coi trọng *mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng* và coi đó là nguồn sức mạnh, nguồn gốc tạo nên mọi thắng lợi của cách mạng. Những lời căn dặn của Người đã được nhắc lại trong *Di chúc* thiêng liêng trước khi Người đi xa.

Một vấn đề quan trọng nữa trong phong cách quần chúng của Bác Hồ, là phải: *chống chủ nghĩa cá nhân*, Bác kịch liệt phê phán chủ nghĩa cá nhân, cho đó là một thứ vi trùng phá hoại cơ thể người cán bộ, đảng viên, và sự nghiệp cách mạng, dù người đó tài giỏi mấy. Không nói đến những người vào Đảng vì mục đích vụ lợi, vụ danh, có những cán bộ, đảng viên trước đây đã chiến đấu dũng cảm cho sự nghiệp cách mạng, nhưng khi đã nắm được quyền hành, họ hướng dẫn sự suy nghĩ và hành động vào cuộc sống riêng cho cá nhân, làm phai nhạt lý tưởng, giá trị tinh thần, phẩm chất cao đẹp của người cộng sản. Cần phải kiên quyết loại trừ chủ nghĩa cá nhân. Bác Hồ đã chỉ rõ: Quan liêu, tham ô, lãng phí là tội ác. Phải tẩy sạch nó để thực hiện cần, kiệm, liêm, chính.

#### ***Phong cách làm việc khoa học:***

Từ lời nói đến việc làm, chúng ta học được ở Bác một phong cách làm việc khoa học. Bác đã căn dặn: “Gặp mỗi vấn đề phải suy tính kỹ

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.56-57.

lương, chớ hấp tấp, chớ làm bừa, chớ làm liều, chớ gặp sao làm vậy”. Bác đã chỉ rõ lãnh đạo đúng nghĩa là:

*Một là, phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng.* Muốn quyết định đúng, trước tiên phải “điều tra nghiên cứu rõ ràng”. Phải hiểu rằng, Đảng có hiểu rõ tình hình thì đặt chính sách mới đúng. Mà muốn hiểu rõ tình hình thì cán bộ, đảng viên phải điều tra và báo cáo rõ ràng tình hình từng xã, từng huyện, từng khu... Nếu không biết rõ tình hình mà đặt chính sách thì kết quả là nổi vuông úp vung tròn, không ăn khớp gì hết. Ngay từ khi giành được chính quyền, Bác đã lên án tội báo cáo láo, làm được ít, suýt ra nhiều.

*Hai là, phải tổ chức sự thi hành cho đúng.* Bác đã dạy cách lãnh đạo rất cơ bản khi thi hành các chủ trương công tác: phải gắn chặt với quần chúng và phải tổ chức chỉ đạo điếm rút kinh nghiệm rồi mở rộng ra, phải biết tổng kết kinh nghiệm công tác. Bác chỉ rõ: Mỗi khi làm xong một công việc, dù thành công hay thất bại, phải rút kinh nghiệm đến cội rễ, phân tích rõ ràng rồi kết luận để làm “khuôn phép” cho những công việc khác và đó là “chìa khoá phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới”. Để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác, Bác còn chỉ rõ, phải rất *quan tâm đến vấn đề cán bộ*. Bác cho nhiều chỉ dẫn có ý nghĩa phương pháp luận để giải quyết vấn đề cán bộ. Điều quan trọng trước tiên là phải *hiểu biết đúng cán bộ*. Muốn vậy, phải chí công vô tư trong việc xem xét cán bộ, chống bệnh tự cao, tự đại, ưa nịnh hót và do yêu ghét mà xem xét con người, đem một khuôn cứng nhắc để đánh giá cán bộ; xem xét cán bộ phải thật khách quan toàn diện, đi sâu vào bản chất con người, chống lối “duy ngã” siêu hình, cứng nhắc, hời hợt, chỉ nhìn vào bề ngoài thiên vị cá nhân để xem xét cán bộ.

Bác còn dạy: *phải biết sử dụng cán bộ*, cũng như khi đánh giá cán bộ phải *rất vô tư*. Người phê phán những bệnh ưa nịnh hót, ghét những người chính trực, không hợp ý cá nhân mình thì bỏ rơi, bới lông tìm vết để trả thù. Bác chỉ rõ: Khi giao trách nhiệm cho cán bộ phải làm cho họ *yên tâm công tác, vui thú công tác*. Muốn vậy, người lãnh đạo phải thật *sự dân chủ*, tin tưởng và biết phát huy sáng kiến của cán bộ, phải làm cho họ có tinh thần chủ động, sáng tạo trong công việc.

*Ba là, phải tổ chức sự kiểm tra, kiểm soát.* Bác đã dạy: muốn chống bệnh quan liêu, muốn biết các nghị quyết có được thi hành đúng hay

không, ai ra sức làm, ai làm cho qua chuyện, chỉ có một cách là khéo *kiểm tra, kiểm soát* một cách có hệ thống, làm thường xuyên từ trên xuống và từ dưới lên. Có như thế mới đánh giá được hoạt động của cán bộ, đảng viên, hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước... và còn đánh giá được những chủ trương, chính sách, quyết định đã đề ra đúng hay không đúng.

***Phong cách làm việc thiết thực, cụ thể, đến nơi đến chốn:***

Bác đã kịch liệt phê phán bệnh “hữu danh vô thực”, bệnh hình thức. Bác cũng chỉ rõ những biểu hiện căn bệnh ấy trong nhiều mặt hoạt động, trong việc ra các chỉ thị, nghị quyết không gắn với điều kiện thực tế, không gắn với quần chúng và cơ sở. Trong chỉ đạo không có kế hoạch cụ thể, biện pháp cụ thể, không hướng dẫn cụ thể, không kiểm tra, không tổng kết kinh nghiệm nên không thực hiện được.

Để sửa chữa bệnh hình thức, Bác chỉ rõ: Khi ra quyết định công tác, định ra cách tổ chức thực hiện phải căn cứ vào tình hình thực tế về mọi mặt. Không được ngồi trên bàn giấy nghe người dân báo cáo rồi vẽ vờ, do chủ quan, tưởng tượng mà không đi sâu sát thực tế, tận nơi, xem tận chỗ.

Bác còn dạy rằng: Đảng là gồm những người có đức, có tài, có những thành tích rất rõ ràng. Nhưng không phải người người đều tốt, việc việc đều hay. Trong Đảng vẫn có những người chưa bỏ hết thói hư tật xấu, hơn nữa sự nghiệp cách mạng rất khó khăn phức tạp, không thể mọi việc đều trôi chảy cả, công việc làm của cán bộ, đảng viên có lúc đúng, lúc sai. Thang thuốc hay nhất là: *thiết thực tự phê bình và phê bình*. Bác nói: “Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình... như thế mới là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”<sup>1</sup>.

Người đã vạch rõ thái độ sai đúng trong phê bình, chỉ rõ thái độ đúng trong phê bình là phân biệt đúng sai rõ ràng, không bỏ qua, góp sức sửa chữa khuyết điểm, hạn chế tác hại của nó. Khéo dùng cách tự phê bình và phê bình để giúp cho đồng chí sửa chữa và tiến bộ, đồng thời chú trọng củng cố đoàn kết, nâng cao kỷ luật và uy tín của Đảng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.261

## SỰ GẮN BÓ MÁU THỊT GIỮA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, NHÂN DÂN

*GS, TS Phùng Hữu Phú*

Hồ Chí Minh vừa là một nhà tư tưởng lớn vừa là một nhà tổ chức lỗi lạc. Những kinh nghiệm phong phú của một người sáng lập, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước cách mạng Việt Nam, lực lượng vũ trang cách mạng và Mặt trận dân tộc thống nhất... đã được Hồ Chí Minh đúc kết, nâng thành lý luận. Trong di sản quý báu mà Người để lại cho Đảng ta, dân tộc ta ngời sáng những luận điểm sâu sắc về đảng cách mạng, đảng cầm quyền; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về khối đại đoàn kết dân tộc; về mối quan hệ mật thiết giữa các thành tố của hệ thống chính trị cách mạng, đặc biệt là mối liên hệ và quan hệ máu thịt giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân. Nền tảng tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh chính là tư tưởng yêu dân, vì dân. Có nhà nghiên cứu đã viết: “Tư tưởng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân quán triệt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng cấu trúc thượng tầng của chế độ và thể chế của Nhà nước ta (...). Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc của Hồ Chí Minh bắt nguồn và nhất quán từ đầu đến cuối từ tinh thần yêu dân, xuất phát từ sự nghiệp giải phóng nhân dân và vì hạnh phúc của nhân dân”<sup>1</sup>.

Có thể tìm thấy những luận điểm của Hồ Chí Minh về sự gắn bó hữu cơ giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân trong nhiều bài nói, bài viết của Người, nổi bật là trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* được Người hoàn thành vào tháng 10-1947. Trong Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tái bản năm 1995, tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* có độ dài 75 trang, trong đó có 45 trang trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến vấn đề quan hệ Đảng - Nhà nước - Nhân dân. Trong tác phẩm này, thuật ngữ Nhân dân,

---

1. Hoàng Tùng: Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị chỉ đạo đối với Cách mạng Việt Nam, Tạp chí *Cộng sản*, số 4-1992, tr.12.

Dân chúng, Quần chúng được sử dụng với một mật độ rất cao (tất cả 267 lần, có những trang các thuật ngữ này được lặp đi lặp lại từ 20 đến 26 lần - trang 293, 294, 295). Điều đó phản ánh một sự thật, Hồ Chí Minh hết sức chú trọng đến mối liên hệ và quan hệ giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân, coi đó là vấn đề cốt tử của cách mạng. Đọc kỹ và nghiên ngẫm toàn bộ tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, có thể thấy Hồ Chí Minh đề cập đến rất nhiều vấn đề: từ *Phê bình và sửa chữa, Máy điều kinh nghiệm, Tư cách và đạo đức cách mạng* đến *Vấn đề cán bộ, Cách lãnh đạo, Chống thói ba hoa* - nghĩa là đề cập tới tất cả những vấn đề chủ yếu liên quan đến lề lối làm việc, phương pháp công tác, nhưng càng đọc, càng suy ngẫm càng thấy rõ một điều, giá trị của tác phẩm không chỉ là và không chỉ dừng ở những vấn đề về lối làm việc, phương pháp công tác mà rộng lớn hơn nhiều. Tầm cao và chiều sâu của tác phẩm chính là ở chỗ, thông qua những vấn đề cụ thể, Hồ Chí Minh muốn làm sáng tỏ bản chất, cội nguồn sức mạnh của hệ thống chính trị cách mạng mà hạt nhân là mối quan hệ biện chứng giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân. Tư tưởng về mối quan hệ biện chứng này chính là tư tưởng chủ đạo, xuyên suốt toàn bộ tác phẩm tạo thành bộ đỡ về nhận thức - lý luận cho các vấn đề cụ thể liên quan đến lề lối làm việc và phương pháp công tác. Không có dòng tư tưởng chủ đạo về quan hệ khăng khít và mối liên hệ thường xuyên, bền vững giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân thì các vấn đề về tư cách, đạo đức cách mạng, về cán bộ, về phương thức lãnh đạo, phương pháp công tác sẽ trở thành nghèo nàn, đơn điệu và mất hết ý nghĩa. Chúng tôi xin tập trung làm rõ hai luận điểm then chốt của Hồ Chí Minh được kết tinh và tỏa sáng trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*.

**1. Đảng - Nhà nước - Nhân dân là một thể thống nhất không thể tách rời; giải phóng và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân là mục tiêu và sứ mệnh lịch sử của Đảng.**

Một trong những công lao to lớn của Hồ Chí Minh là Người vận dụng sáng tạo những nguyên tắc xây dựng một chính Đảng vô sản kiểu mới của chủ nghĩa Mác-Lênin để sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong hoàn cảnh và điều kiện một nước nông nghiệp, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, giai cấp nông dân chiếm tuyệt đại bộ phận dân cư, Hồ Chí Minh sớm nhận thức sâu sắc rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời không chỉ thuần túy là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân, mà là sản phẩm của sự kết hợp nhân tố nói trên với phong trào yêu

nước; rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ tập hợp trong đội ngũ của mình những phần tử ưu tú của giai cấp công nhân mà cả những phần tử ưu tú xuất thân từ các giai tầng lao động tự nguyện phấn đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa; rằng, lợi ích của giai cấp công nhân, của Đảng với lợi ích dân tộc là thống nhất và Đảng không chỉ đấu tranh và mưu cầu hạnh phúc cho giai cấp công nhân mà cho toàn thể nhân dân lao động, cho toàn dân tộc. Đây là tư tưởng nhất quán của Người từ khi Đảng Cộng sản chưa giành được chính quyền cho đến khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, có nhà nước cách mạng làm công cụ, đấu tranh xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội mới.

Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* thể hiện đậm nét tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất biện chứng giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân. Người viết: “Lợi ích của dân tộc gồm có lợi ích của Đảng”<sup>1</sup>, “lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc”, “thì Đảng không có lợi ích gì khác”<sup>2</sup>. Người nhấn mạnh: “Đảng ta là một Đảng cách mạng, một Đảng vì dân, vì nước”, Chính phủ và Đảng chỉ mưu giải phóng cho nhân dân, vì thế bất kỳ việc gì cũng vì lợi ích của nhân dân mà làm và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Những luận điểm này về sau đã được Hồ Chí Minh cụ thể hóa bằng một phong cách biểu đạt vừa sâu sắc vừa xúc động: “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”<sup>3</sup>.

Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ, đảng viên cần phải hiểu thấu đáo tính thống nhất giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân để nêu cao tinh thần phụ trách trước dân. Người nhắc nhở, cán bộ cần phụ trách trước Đảng và Chính phủ, đồng thời họ phải phụ trách trước nhân dân. Mà phụ trách trước nhân dân nhiều hơn phụ trách trước Đảng và Chính phủ, vì Đảng và Chính phủ vì dân mà làm các việc và cũng phụ trách trước nhân dân. Vì vậy nếu cán bộ không phụ trách trước nhân dân, tức là không phụ trách trước Đảng và Chính phủ, tức là đưa nhân dân đối lập với Đảng và Chính phủ. Đây là một luận điểm hết sức then chốt. Mọi biểu hiện của bệnh quan liêu, tề của quyền xa rời hoặc trù dập quần chúng... đều xuất phát từ sự nhận thức và thực hiện trái với luận điểm nền tảng này. Các thế lực phản động, thù địch chống phá chúng ta cũng chĩa mũi nhọn vào luận điểm có ý nghĩa sống còn đó

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.253.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.7, tr.572.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.7, tr.572.

nhằm phá vỡ tính thống nhất, tách Đảng, Nhà nước, Nhân dân thành các cực đối lập, triệt tiêu lẫn nhau.

**2. Tin dân, dựa vào dân là cội nguồn sức mạnh và là nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, Nhà nước:**

- Thấm nhuần tư duy chính trị truyền thống: nước lấy dân làm gốc và nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin: quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh vai trò, vị trí của nhân dân, coi đó là cội nguồn sức mạnh của Đảng, của Nhà nước; có dân là có tất cả, mất dân là mất hết. Người hiểu một cách sâu sắc rằng, sức mạnh của Đảng không phải là sự cộng lại sức mạnh của một, hai triệu đảng viên; sức mạnh của Nhà nước không phải là sức mạnh thuần túy của bộ máy, của đội ngũ cán bộ, công chức - những sức mạnh đó đều là hữu hạn. Đảng và Nhà nước chỉ mạnh thật sự, chỉ trở thành vô địch và vạn năng khi nào khai thác và phát huy được sức mạnh vô cùng, vô tận của nhân dân. Người quan niệm: trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Người căn dặn cán bộ, đảng viên chỉ đoàn kết trong Đảng, cách mạng cũng không thành công được, còn phải đoàn kết nhân dân cả nước. So với nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu. Phải “gắn chặt mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi; cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại”. Người đúc kết thành một nguyên lý: dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được; dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên. Trong thể thống nhất biện chứng, quan hệ giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân là quan hệ tác động qua lại có tính nhân - quả. *Một mặt*, Đảng và Nhà nước phải liên hệ mật thiết với nhân dân, chỉ có như thế Đảng, Nhà nước mới có sức mạnh; *mặt khác*, sức mạnh vĩ đại của nhân dân chỉ có thể từ tiềm năng biến thành hiện thực, chỉ có thể phát huy nếu có sự lãnh đạo của Đảng, sự hướng dẫn và quản lý của Nhà nước. Song, sự lãnh đạo của Đảng, sự hướng dẫn, quản lý của Nhà nước chỉ có hiệu quả và hiệu lực khi nào tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc từ nơi quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng. Nguyên tắc lãnh đạo này, theo Hồ Chí Minh, là sự phản ánh mối tương quan biện chứng giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân. Nguyên tắc đó được thể hiện thành cả một quy trình, một phương pháp lãnh đạo khoa học mà nhờ đó Đảng, Nhà nước ngày càng vững mạnh, nhân dân không ngừng

trưởng thành, cách mạng sẽ đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Người viết: “Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng ắt phải *từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng*”.<sup>1</sup>

Nghĩa là gom góp mọi ý kiến rời rạc, lẻ tẻ của quần chúng, rồi phân tích nó, sắp đặt nó thành những ý kiến có hệ thống. Rồi đem nó tuyên truyền, giải thích cho quần chúng và làm cho nó thành ý kiến của quần chúng, làm cho quần chúng giữ vững và thực hành ý kiến đó. Đồng thời nhân lúc quần chúng thực hành, ta xem xét lại, coi ý kiến đó đúng hay không. Rồi lại tập trung ý kiến quần chúng, phát triển những ưu điểm, sửa chữa những khuyết điểm, tuyên truyền, giải thích làm cho quần chúng giữ vững và thực hành. Có thể biểu đạt nguyên tắc lãnh đạo từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng của Hồ Chí Minh thành một quá trình liên tục với nhiều công đoạn:

- Đúc kết nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân để xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách.

- Đưa đường lối, chủ trương, chính sách trở lại sâu trong nhân dân để chuyển thành nhận thức tự giác của quần chúng.

- Tổ chức, hướng dẫn quần chúng triển khai thực hiện các đường lối chủ trương, chính sách.

- Bám sát phong trào quần chúng, phát hiện điển hình, điều chỉnh sai phạm, tổng kết; rút ra bài học. Từ kinh nghiệm thực tiễn tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách..., sau đó lại đưa trở lại quần chúng, nâng nhận thức và hành động thực tiễn của quần chúng lên một trình độ và chất lượng mới.

- Đảng lãnh đạo, Nhà nước hướng dẫn, quản lý không chỉ bằng đường lối, chủ trương, chính sách mà vô cùng quan trọng là thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên. Để nguyên tắc lãnh đạo từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng trở thành hiện thực, Hồ Chí Minh luôn luôn căn dặn cán bộ, đảng viên phải thường xuyên học dân chúng, hỏi dân chúng, hiểu dân chúng. Mà muốn hiểu biết, học hỏi dân chúng, thì ắt phải có nhiệt thành, có quyết tâm, phải khiêm tốn, phải chịu khó; phải không ngừng rèn luyện đạo đức cách mạng, phương pháp công tác để dân tin, dân phục, dân yêu. Nếu

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.290.



không như vậy thì dân chúng sẽ không tin chúng ta. Biết họ cũng không nói. Nói họ cũng không nói hết lời.

Hồ Chí Minh nhìn nhận cán bộ “là cái gốc của mọi công việc” ; lựa chọn, huấn luyện, sử dụng cán bộ là “công việc gốc của Đảng”. Song, theo quan điểm của Người, muốn có đội ngũ cán bộ tốt không thể chỉ trông chờ vào bộ máy tổ chức, mà trước hết phải dựa vào dân trong toàn bộ quá trình triển khai công tác cán bộ. Phải từ phong trào cách mạng của quần chúng mà phát hiện, tuyển chọn cán bộ; phải đưa cán bộ thâm nhập vào hoạt động thực tiễn của quần chúng, thông qua sự giúp đỡ, thanh tra, kiểm soát của quần chúng để đào tạo, rèn luyện cán bộ, giúp đỡ cán bộ khắc phục, gạt bỏ được các tật bệnh của chủ nghĩa cá nhân, vươn tới Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm theo quan điểm và lập trường cách mạng. Hồ Chí Minh chỉ dẫn phương châm dựa vào dân làm công tác cán bộ thật giản dị nhưng vô cùng sâu sắc: “Để cho dân chúng phê bình cán bộ, dựa theo ý kiến họ mà cất nhắc cán bộ, nhất định không xảy ra việc thiên tư, thiên vị, nhất định hợp lý và công bằng. Đồng thời do sự dùi mài của dân chúng, cán bộ và dân chúng đều tiến bộ, lại do đó, cán bộ và dân chúng đoàn kết chặt chẽ thêm”.

Nửa thế kỷ đã trôi qua, đọc lại bài viết của Hồ Chí Minh cứ ngỡ đây không phải là tác phẩm đã được viết ra từ 50 năm về trước mà vừa được viết xong ngày hôm qua, để bàn về những vấn đề nóng hổi đang diễn ra xung quanh chúng ta hàng ngày. Cứ ngỡ như Bác Hồ vẫn còn đó, Người mới vừa cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp bàn đề ra Nghị quyết về chiến lược cán bộ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giá trị cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh là ở đó, sự bất tử của Người là ở đó.

Sau năm thập kỷ, đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước đã có nhiều biến đổi; công tác tổ chức, cán bộ đã có nhiều yêu cầu rất mới, nhưng trước sau tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh, đặc biệt là nguyên lý của Người về sự gắn bó hữu cơ, máu thịt giữa Đảng- Nhà nước - Nhân dân vẫn còn nguyên giá trị. Kế thừa, phát triển, cụ thể hóa nguyên lý đúng đắn của Người thành những cơ chế, quy định, quy trình thật sự khoa học nhằm thắt chặt và tăng cường mối liên hệ, quan hệ Đảng - Nhà nước - Nhân dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của chúng ta hôm nay.

# TÍNH LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN, TÍNH GIÁO DỤC VÀ CHỈ ĐẠO TRONG VẤN ĐỀ CÁN BỘ

*Trần Công Tuynh*

Vấn đề cán bộ trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đặt ra trong điều kiện đội ngũ cán bộ lúc đó chưa phát triển bằng hiện nay về cả số lượng và chủng loại cán bộ. Phần nhiều cán bộ tập trung vào lãnh đạo và xây dựng lực lượng vũ trang, một số là cán bộ đảng, chính quyền và đoàn thể, cán bộ kinh tế cũng có nhưng chưa có đủ các loại kinh tế - kỹ thuật như hiện nay, cán bộ khoa học thì không có nhiều. Tuy vậy, với nhãn quan chính trị sâu sắc, Hồ Chí Minh đã nhìn nhận rất đầy đủ, toàn diện và lâu dài vấn đề cán bộ, bao gồm cả việc huấn luyện cán bộ, dạy cán bộ và dùng cán bộ, lựa chọn cán bộ, cách đối với cán bộ, chính sách cán bộ...

## **1. Huấn luyện cán bộ:<sup>1</sup>**

Hồ Chí Minh luôn đặt công tác huấn luyện lên hàng đầu. Người cho rằng sau Cách mạng Tháng Tám, đại bộ phận cán bộ chưa được huấn luyện, trừ một số rất ít các đồng chí được đi học các lớp do Người mở ở Quảng Châu, Trung Quốc vào các năm 1925-1927; một số khác thì tự học trong nhà tù của đế quốc với khẩu hiệu: “biến nhà tù đế quốc thành trường học cộng sản”; một số có vốn văn hóa khá thì tự học trong sách báo nhưng cũng rất khó khăn, thiếu thốn đủ thứ về tài liệu và phương tiện, mặc dù vậy ngay trong khi cuộc kháng chiến đang ở thời điểm quyết liệt, sự giúp đỡ của quốc tế rất khó khăn, nhưng quyết tâm của Bác và Trung ương bấy giờ vẫn đặt công tác huấn luyện thành nhiệm vụ trung tâm nhằm đào tạo một đội ngũ cán bộ có trình độ, có đức, có tài phục vụ kháng chiến thắng lợi và sau này kiến quốc thành công. Để mọi người hiểu rõ vị trí của công tác huấn luyện cán bộ, Người luôn xác định

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.269.

rõ vị trí người cán bộ là người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ để thi hành và đem tình hình của dân chúng cho Đảng và Chính phủ để đặt chính sách cho đúng. Từ ý nghĩa ấy cán bộ rõ ràng là cái gốc của mọi công việc, nên việc “huấn luyện cán bộ là công việc gốc”<sup>1</sup> của Đảng.

Chấp hành tinh thần công tác “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”, chúng ta đã làm được nhiều việc. Hiện nay chúng ta có hệ thống các trường Đảng từ Trung ương đến tỉnh, thành phố, huyện, quận, các trường của các tổ chức đoàn thể ở Trung ương. Xây dựng hệ thống các trường đại học đủ các ngành nghề để phục vụ cho việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trong mười năm đổi mới. Do nỗ lực tiến hành đào tạo cả ở trong nước và ở nước ngoài, chúng ta đã phát triển được đội ngũ cán bộ, đóng góp vào những thành tựu kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới thực hiện các nghị quyết của Đảng và các văn bản pháp luật của Nhà nước.

Tuy nhiên những khuyết điểm trong công tác huấn luyện cán bộ được Người nêu ra từ tháng 10-1947 đến nay vẫn còn ý nghĩa thời sự. Trước hết phải nói rõ là chưa phải cấp ủy nào cũng hiểu được đầy đủ và nhận thức việc huấn luyện cán bộ là công việc “gốc” của Đảng.

Trước đây, Người phê bình nội dung và chương trình huấn luyện mênh mông không thiết thực, học rồi không dùng được, huấn luyện cán bộ trong cơ quan hành chính mà không dạy đến công việc hành chính; lý luận và thực tế không ăn khớp với nhau.

Bác chỉ rõ nên sửa chữa ngay theo cách: huấn luyện nghề nghiệp, làm việc gì học việc ấy, huấn luyện chính trị (thời sự, chính sách) huấn luyện văn hóa, huấn luyện lý luận... phải gần gũi dân chúng, vào sâu trong quần chúng, chống các bệnh chủ quan, hẹp hòi, ba hoa... và yêu cầu các cơ quan cần phải rất chú ý đến việc huấn luyện cán bộ. Phải lựa chọn rất cẩn thận người giáo viên phụ trách việc huấn luyện đó. Những người lãnh đạo phải tham gia việc dạy. “Không nên bủn xỉn về các khoản chi tiêu trong việc huấn luyện”<sup>2</sup>.

Có đội ngũ giảng dạy vững vàng về chính trị và giỏi về kiến thức chuyên môn, có đầu tư thích đáng, “không bủn xỉn” như Bác phê bình

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.269

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.273.

thì chắc chắn chúng ta có hệ thống các loại trường vững vàng về chính trị, mạnh về khoa học - kỹ thuật, nhất định sẽ đào tạo được cán bộ có đức, có tài, có trình độ chính trị, kỹ thuật và ngoại ngữ phù hợp với thời mở cửa, đáp ứng yêu cầu hội nhập với các nước trên thế giới và khu vực.

## **2. Dạy cán bộ và dùng cán bộ:**

Bác chỉ rõ: “Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu”<sup>1</sup>. Cây có vun trồng tốt mới nở hoa kết trái, có cán bộ tốt, đủ cán bộ cho các ngành hoạt động. Phải chủ động dạy cán bộ, muốn dạy cán bộ phải biết rõ cán bộ, phải thường xuyên xem xét cán bộ. Bác dùng từ “dạy” cán bộ để thể hiện tình cảm thương yêu, giúp đỡ cán bộ. Bác nói, kinh nghiệm mỗi lần xem xét lại nhân tài, *một mặt* tìm thấy những nhân tài mới, *mặt khác* thì “những người hủ hóa cũng lòi ra”. “Trong những năm trước đây chúng ta chưa đặt thành vấn đề xem xét cán bộ một cách nghiêm túc, chế độ nhận xét định kỳ hàng năm có hướng dẫn nhưng rất ít cơ quan thực hiện được. Muốn dạy cán bộ thực sự có hiệu quả phải nắm chắc từng cán bộ, tập hợp từng loại cán bộ, phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của từng cán bộ và của từng loại cán bộ”.

Việc xem xét cán bộ thường làm theo cách:

- *Nghe phản ảnh công tác của cơ quan đơn vị*, từ đó nghe kết quả hoạt động của cán bộ, nhưng thường nặng nghe về thành tích công tác chung, không nghe đầy đủ các khuyết điểm, hoặc có, chỉ nghe qua những khuyết điểm chung. Chưa bao giờ từ khuyết điểm chung này xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân cán bộ, về thành tích và khuyết điểm. Do vậy cán bộ làm được việc và không làm được việc lẫn lộn với nhau, thường là người làm không ra gì thì lại lớn tiếng phê phán chung, không rõ trách nhiệm làm được của từng cá nhân, nên trong cán bộ nhiều người sinh tiêu cực, im lặng. Như vậy, cấp trên cũng không rõ cán bộ nào làm được cán bộ nào không làm được để hiểu rõ cán bộ mà dùng cán bộ.

- *Nghiên cứu lý lịch*: đến nay đội ngũ cán bộ của ta đã qua nhiều lần làm lý lịch. Đó là lý lịch khi được nhận vào cơ quan; lý lịch qua chỉnh huấn, chỉnh đốn, qua giảm tô và cải cách ruộng đất; lý lịch kiểm điểm khi chuyển giai đoạn cách mạng từ khi hòa bình lập lại (1954) và lý lịch sau giải phóng, thống nhất đất nước (1975-1976). Hầu hết số lý lịch này

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.73.

đều tập trung ở các cơ quan tổ chức các cấp, nhưng việc quản lý không chặt chẽ để thất lạc, hoặc các bản viết bổ sung lý lịch tuy có đề ra nhưng không khi nào thu nộp đủ cho cơ quan có trách nhiệm; các bản kiểm điểm nhận xét định kỳ hàng năm cũng không đầy đủ. Do vậy, việc nghiên cứu lý lịch để tìm hiểu cán bộ bằng cách này cũng có nhiều hạn chế, chưa nói đến các trường hợp một số ít cán bộ còn khai man thời gian công tác và tuổi tác, khai tên khác vì lợi ích cá nhân, chậm bị phát hiện.

*Mặt khác* trong cơ quan tham mưu về cán bộ, chưa có nhiều chuyên viên đủ những kiến thức về lịch sử, về các sự kiện đã qua và kinh nghiệm nghiên cứu lý lịch, khai thác trong lý lịch, nên cũng hạn chế, cũng có nhiều địa phương chủ quan cho là đã nắm được nên ít chú ý đến việc nghiên cứu lý lịch cán bộ, khi có sự việc xảy ra mới tìm lý lịch để nghiên cứu, nên đã có trường hợp cất nhắc lên cấp cao mới xem lý lịch.

- *Khi có việc đề bạt, kỷ luật cán bộ*, cấp có thẩm quyền mới nghe các cơ quan tham mưu báo cáo về cán bộ nào đó để xem xét. Đây gọi là việc xem xét để xử lý, chứ không phải như tinh thần của Bác phê bình là “Đảng ta chưa thực hành cách thường xem xét cán bộ. Đó là một khuyết điểm to”. Đúng như vậy, việc xem xét cán bộ phải là công việc thường xuyên của các cấp ủy Đảng và cá nhân cán bộ chủ chốt, cũng nên giành thời gian để xem xét cán bộ, hết sức tránh tình trạng như lâu nay, chưa xem xét cán bộ, chưa biết gì về cán bộ, nhiều khi không biết cán bộ đó thế nào, vóc dáng và phong cách người cán bộ ra sao, chưa nói gì đến việc đánh giá cán bộ trong cả quá trình để có ý kiến quan trọng quyết định về cán bộ đó. Vì vậy, việc xem xét cán bộ và dùng cán bộ không tránh khỏi những sơ suất, gây ra tai hại về nhiều mặt và ảnh hưởng lâu dài tới đội ngũ cán bộ.

Biết rõ cán bộ là khâu đầu tiên tạo điều kiện cho việc xem xét, cất nhắc cán bộ, khéo dùng cán bộ, gần gũi cán bộ, dùng lòng thân ái mà giúp đỡ cán bộ, giúp cán bộ sửa chữa những sai lầm, khen thưởng cán bộ khi họ làm được việc và phải luôn luôn kiểm soát cán bộ.

Đó là những điều mà Bác căn dặn cán bộ lãnh đạo và quản lý phải giúp cán bộ, không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay, chúng ta phải khéo dùng người, sửa chữa những khuyết điểm của họ, giúp đỡ ưu điểm của họ, phải biết tùy tài mà dùng người, Bác nói: “Thợ rèn bảo đi đóng tù

thợ mộc thì bảo đi rèn dao thành thử hai người đều lúng túng. Nếu biết tùy tài mà dùng người thì hai người đều thành công”<sup>1</sup>.

Việc đào tạo và sử dụng người tài phải đây công chủ động đào tạo lâu dài, có hướng rõ ràng cho cán bộ phấn đấu được phát triển tài năng, phân công cán bộ chủ chốt theo dõi hàng ngày để uốn nắn phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, giao việc cho phù hợp với khả năng của họ, không giao quá sức dễ mất tín nhiệm, ngược lại rụt rè trong giao việc không xứng với tài năng của cán bộ dễ sinh tiêu cực, không phát huy được tài năng. Hiện nay tập thể cán bộ không ít người chủ quan với năng lực của mình, không đánh giá đúng mình, chỉ thấy tài năng của mình, không thấy những hạn chế để phấn đấu vươn lên, có người lại ít giúp đỡ cán bộ mới.

Người tài thực bao giờ cũng xuất hiện trong phong trào quần chúng, nhất là những vùng chiến đấu gay go, khó khăn về sản xuất, về đời sống, vùng chiến lược quan trọng như đô thị lớn và các khu công nghiệp tập trung, những nơi có bề dày truyền thống cách mạng và lịch sử, nhưng cũng có người xuất hiện ngay trong quá trình công tác, chiến đấu, sản xuất ở các vùng khác. Phải vì lợi ích chung, thực sự công tâm, khách quan mới phát hiện được người tài...

Ai cũng biết người tài ở đất nước không ít, nhưng tại sao lại thiếu cán bộ giỏi. Đó có phải là khuyết điểm của cán bộ không? hay khuyết điểm đó chính là cấp lãnh đạo có thẩm quyền và cơ quan tham mưu về công tác cán bộ như trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã nhận định: “Việc đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ nhiều khi còn chủ quan, chưa thật công tâm, chưa hợp lý, thiếu dân chủ hoặc dân chủ hình thức. Bố trí cán bộ trong nhiều trường hợp còn nặng về cơ cấu, lúng túng, bị động khi bố trí cán bộ chủ chốt ở một số ngành và địa phương; hẹp hòi, định kiến, không mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ...”<sup>2</sup>.

Nghị quyết của Trung ương đã hoạch định những vấn đề lớn, trải qua thực tiễn, cần có kế hoạch, quy trình, biện pháp cụ thể, tỉ mỉ để sửa chữa khuyết điểm, đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ khách quan, công tâm, hợp lý, phát huy hiệu quả trong công tác.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.274.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1997.

### 3. Lựa chọn cán bộ:

Dựa vào nhiệm vụ chính trị và yêu cầu của mỗi giai đoạn cách mạng, Đảng đã cụ thể hóa tiêu chuẩn cán bộ để làm cơ sở cho việc lựa chọn cán bộ.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã đề ra tiêu chuẩn chung để lựa chọn cán bộ và còn nêu cả tiêu chuẩn riêng của từng loại cán bộ như: cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân; cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang; cán bộ khoa học, chuyên gia; cán bộ quản lý kinh doanh. Những tiêu chuẩn đó đã sớm được khái quát trong bốn tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ được Bác viết ra từ năm 1947. Đó là:

a) Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh.

b) Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng. Như thế, thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ là người lãnh đạo của họ.

c) Những người có thể phụ trách giải quyết các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn.

Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải người lãnh đạo.

Người lãnh đạo đúng đắn cần phải: Khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo. Khi thi hành các nghị quyết thì kiên quyết, gan góc không sợ khó khăn.

d) Những người luôn luôn giữ đúng kỷ luật”<sup>1</sup>.

Từ tiêu chuẩn cán bộ chung, các ngành, các cấp cần nghiên cứu cụ thể hóa tiêu chuẩn chung đó vào hoàn cảnh địa phương để xem xét lựa chọn cán bộ. Việc lựa chọn cán bộ của Đảng ta qua các thời kỳ đều thể hiện rõ lập trường và quan điểm của giai cấp công nhân, tuyệt đại bộ phận cán bộ được lựa chọn biểu hiện trung thành với Đảng, với cách mạng và nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nhưng nếu cứ bằng lòng với những thành tích đó, mà không nghiêm túc đánh giá xem xét lại việc lựa chọn, bố trí cán bộ, nhất là trong những điều kiện mới sẽ dễ dẫn tới những thiếu sót, sai lầm.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.275.

Lênin đã tiên đoán nguy cơ của đảng cầm quyền là có thể sai lầm về đường lối và đội ngũ cán bộ thoái hóa biến chất.

Xem xét lại ở nước ta, chỉ qua một thời gian ngắn của giai đoạn chuyển đổi, nhưng đã bộc lộ mặt yếu kém của một số cán bộ:

- Một số cán bộ còn dao động, giảm sút niềm tin, nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội, hoài nghi đường lối của Đảng, có người bất mãn cá nhân đi đến phản bội Đảng và lợi ích của nhân dân.

- Một bộ phận cán bộ thoái hóa biến chất về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, lãng phí của công, quan liêu, ức hiếp dân, gia trưởng độc đoán; có tham vọng cá nhân, cục bộ, kèn cựa địa vị, cơ hội, kém ý thức tổ chức kỷ luật, phát ngôn và làm việc tùy tiện, mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng.

Những biểu hiện tiêu cực này đang có chiều hướng phát triển. Tuy chỉ xảy ra ở một số cán bộ nhưng điều đáng suy nghĩ là cả từ cán bộ cao cấp đến cán bộ cơ sở, từ cán bộ lãnh đạo quản lý đến cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, quản trị kinh doanh, cán bộ trong các ngành kinh tế, kỹ thuật, các cơ quan tham mưu cho Đảng và Nhà nước, các cơ quan bảo vệ pháp luật đều có những cán bộ sai phạm. Đây không phải chỉ ở những cán bộ do kém rèn luyện và giáo dục, mà một số cán bộ đã qua rèn luyện thử thách nhiều cũng có sai phạm.

Điều đó cần được lý giải bằng nhiều cách và mỗi cán bộ mắc sai lầm có những hoàn cảnh khác nhau về chủ quan và khách quan. Tuy nhiên, đối với những cơ quan tham mưu về công tác cán bộ cũng có một phần trách nhiệm khi đã có tiêu chuẩn cán bộ, nhưng thiếu cụ thể hóa để hướng dẫn cho các ngành, các cấp nắm vững và vận dụng cho đúng. Trong một số trường hợp cụ thể và nhìn vào các giai đoạn đã qua, việc áp dụng tiêu chuẩn cán bộ còn có những lệch lạc đáng tiếc, có thời gian xem xét cán bộ nặng về quá trình, có lúc lại nặng về “thành phần chủ nghĩa”. Có giai đoạn chúng ta lại quá thiên về văn bằng, học vị, quên rằng Bác Hồ đã dạy: cán bộ phải lấy đức làm gốc vì có đức sẽ là tiền đề dẫn đến tài năng. Có lúc xét cán bộ coi lịch sử gia đình là trọng, nên có cán bộ lịch sử gia đình không tốt nhưng bản thân họ tốt song cũng chưa được xem xét sử dụng. Phải chú ý đến cán bộ nữ, cán bộ dân tộc ít người là đúng, nhưng cũng không thể phi tiêu chuẩn được mà đều phải trên cơ sở tiêu chuẩn mà xem xét. Vì vậy, có nơi khi đề bạt cán bộ nữ đã đề bạt hàng



loạt, có người không đủ năng lực, sau đó không làm được phải bố trí công tác khác, như vậy sẽ vừa ảnh hưởng tới tư tưởng cán bộ nói chung và tập thể cán bộ nữ nói riêng.

Có lúc chúng ta coi trọng đề bạt cán bộ trẻ vì nếu không có cán bộ trẻ thì đội ngũ cán bộ của Đảng sẽ mất tính liên tục. Nhưng mặt khác, chỉ lấy tiêu chuẩn ít tuổi để đề bạt, cất nhắc, không chú trọng đến các tiêu chuẩn khác thì cũng làm ảnh hưởng tới chất lượng của đội ngũ cán bộ.

Có lúc, có một số địa phương lại không chú ý đến cán bộ ngoài Đảng. Điều này Trung ương đã uốn nắn nhiều lần, nhưng nhiều nơi sửa chữa không nghiêm túc. Bác Hồ đã dạy: “Phong trào giải phóng sôi nổi, nảy nở ra rất nhiều *nhân tài ngoài Đảng*, chúng ta không được bỏ rơi họ, xa cách họ, chúng ta phải thật thà đoàn kết với họ, nâng đỡ họ. Phải thân thiết với họ, gần gũi họ, đưa tài năng của họ giúp ích vào công cuộc kháng chiến cứu nước”<sup>1</sup>.

Dựa vào sự phân tích và đánh giá ở trên, thấy rất rõ khâu lựa chọn cán bộ còn sơ hở và sai sót, để những phần tử cơ hội lọt vào. Cũng có người lúc đầu cơ hội chưa bộc lộ rõ, song sau quá trình công tác quản lý không chặt chẽ lại kém tự rèn luyện nên đã trở thành kẻ cơ hội, từ cơ hội tư lợi về kinh tế chuyển sang cơ hội về tư tưởng và chính trị.

Vậy kẻ cơ hội là thế nào? làm thế nào để nhận biết được kẻ cơ hội, phục vụ cho việc lựa chọn cán bộ.

Về nguyên tắc và lâu dài cần phải loại trừ hết phần tử cơ hội ra khỏi đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước. Cơ hội thường biểu hiện ra các hình thức dưới đây và nhiều khi phải phân tích kỹ mới phân biệt được cơ hội hay là khuyết điểm:

*Về chính trị:* Dao động về đường lối cách mạng khi cách mạng có khó khăn. Có tư tưởng “gió chiều nào che chiều ấy”, làm việc tích cực để che mắt và tạo lấy tín nhiệm để vào cơ quan của Đảng và Nhà nước, sử dụng nhiều hình thức khôn khéo, tế nhị, tinh vi, thủ đoạn, nịnh bợ cán bộ cấp trên để dễ được lòng, dễ được đề bạt. Khi chưa được đề bạt thì xun xoe với cấp trên, tranh thủ lấy lòng cán bộ cấp dưới, khi được đề bạt rồi thì xa dần cấp dưới chỉ biết tích cực làm lấy một số

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.276.

việc để có thể còn được cất nhắc cao hơn nữa, lúc nào cũng biểu hiện rõ tham vọng cá nhân.

*Về quan điểm:* Do cơ hội nên không bao giờ thể hiện rõ lập trường quan điểm của mình về chính sách hoặc pháp luật và các vấn đề ở cơ quan mà chờ khi có ý kiến của thủ trưởng, mới phân tích tán thưởng thêm làm vừa lòng thủ trưởng; không có quan điểm quần chúng, làm việc chỉ nhằm được lòng cấp trên và để có danh lợi, không cần biết đến lợi ích nhân dân; giải quyết vấn đề gì không bao giờ đứng trên quan điểm giai cấp và người bị hại, bên nào có gì lợi cho mình thì ủng hộ, kèn cựa địa vị, muốn đim đồng chí khác, nói sai sự thật các việc làm của đồng nghiệp. Thậm chí còn tìm hiểu công việc nào làm có kết quả thì tranh thủ báo cáo với cấp trên, thích được báo cáo với cấp có thẩm quyền, vượt các thủ trưởng phụ trách, thu vén cho lợi ích cá nhân gia đình họ hàng, kéo bè kéo cánh, miễn là có lợi cho con đường công danh của mình, làm không tốt nhưng rất khéo báo cáo để được chú ý, không có tính hợp tác xã hội chủ nghĩa với cán bộ khác. Những đợt bầu cử cơ quan của Đảng và Nhà nước hoặc trong các dịp đề bạt, bổ nhiệm, tranh thủ gặp gỡ các đồng chí có thẩm quyền để tác động trực tiếp đến người lãnh đạo mưu lợi ích riêng. Thậm chí có người còn tìm hiểu những ham muốn và đáp ứng kịp thời vật chất còn thiếu của cán bộ lãnh đạo và cả một số trợ lý để tìm cách đáp ứng dần. Loại người này thường hay gây ra mất đoàn kết nội bộ, xúc xiểm, nói xấu vắng mặt cán bộ khi họ thấy không có lợi cho họ...

Nếu loại cán bộ này làm quản trị kinh doanh thì dễ dẫn đến tham nhũng, dùng tiền bạc Nhà nước và tập thể để đi biếu xén những người có lợi cho cách làm ăn của mình.

Số đông cán bộ cơ hội dính dáng tới kinh tế đều tham nhũng, hối lộ dưới mọi hình thức...

Với cơ chế hiện nay, tình trạng cơ hội diễn ra dưới nhiều hình thức và cũng có quá nhiều cách tinh vi để che đậy bản chất, làm cho những ai không sáng suốt và không trong sáng dễ phạm sai lầm trong việc sử dụng cán bộ. Những cơ quan và địa phương xảy ra mất đoàn kết nội bộ kéo dài thì chính ở đó là có một số cán bộ mắc bệnh cơ hội, cấp trên không biết, xử lý không kịp thời thì không thể nào giải quyết được những vấn đề mắc mớ ở đó, để đưa phong trào lên. Người phải chịu đựng

ở đây, thiết thời về nhiều mặt chính là đảng viên chân chính và quần chúng một lòng, một dạ đi theo Đảng.

#### **4. Cách đối với cán bộ:**

Bác đã tổng kết: Cách đối với cán bộ là điều trọng yếu trong sự tổ chức công việc, cách đối với cán bộ có khéo, có đúng thì mới thực hiện được nguyên tắc: vấn đề cán bộ quyết định mọi việc.

Cán bộ do Đảng đào tạo và sử dụng có nhiều loại: Cán bộ trong Đảng, cán bộ ngoài Đảng; cán bộ xuất thân là công nông nay đã và đang được trí thức hóa; cán bộ trí thức; cán bộ có quá trình công tác lâu năm, cán bộ đã qua rèn luyện và thử thách trong kháng chiến, trong sản xuất và xây dựng; cán bộ chưa qua thử thách nhiều, cán bộ mới lớn lên được đào tạo. Cán bộ nam, cán bộ nữ, cán bộ là đồng bào dân tộc ít người; cán bộ theo các tôn giáo khác nhau... Mỗi loại cán bộ đều có chỗ mạnh, chỗ yếu khác nhau, tâm tư và suy nghĩ khác nhau. Mục đích của Đảng phải khai thác tốt sở trường và năng lực cán bộ phục vụ cho sự nghiệp đổi mới của Đảng, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Bác đã chỉ rõ đối với cán bộ có năm cách:

- *Cách đầu tiên là chỉ đạo*: Giao việc cho cán bộ làm để cán bộ phụ trách với công việc đó, cán bộ có sai lầm chút ít cũng không sợ. Với tinh thần này, Bác dặn chúng ta phải mạnh dạn giao việc cho cán bộ. Tùy theo hoàn cảnh mà bày vẽ cho họ về phương hướng công tác, cách thức công tác, để cho họ phát triển năng lực và sáng kiến, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Có nhiều cấp ủy và nhiều thủ trưởng các ngành đã mạnh dạn giao việc cho cán bộ, có những cán bộ lúc mới giao việc tuy có yếu chút ít, nhưng được quan tâm theo dõi, tận tình chỉ bảo thì cán bộ đó dần trưởng thành và trở thành cán bộ tốt, đảm nhiệm công việc hàng ngày càng lớn hơn. Rõ ràng các đồng chí này đã có công đào tạo cán bộ cho cách mạng, cho phong trào.

Ngược lại, một số trường hợp không được giao việc đúng với khả năng, đúng với độ tuổi sung sức, không được động viên thì dần dần năng lực không phát triển được, trình độ cán bộ đó mỗi ngày một xa thực tế so với sự phát triển của thực tế công việc không còn đủ sức làm việc dù ban đầu họ là những người có khả năng và trình độ. Vì vậy, thực hiện chỉ đạo theo chỉ dẫn của Bác, giúp cho các cấp có thẩm quyền về công tác

cán bộ, hiểu được cán bộ, đánh giá đúng đạo đức và tài năng của cán bộ, sửa chữa được những sai sót trong công việc đánh giá cán bộ.

- *Cách thứ hai là nâng cao*: Do công việc và thực tiễn cách mạng không ngừng vận động và biến đổi. Vì vậy việc nâng cao cho cán bộ là việc quan trọng thường xuyên. Trước hết mỗi cán bộ phải tự giác lo lắng và có quyết tâm tự nâng cao cho mình bằng các hình thức và khả năng thích hợp như tự học tổng kết công việc đã làm, học quần chúng nơi công tác, học các đồng chí xung quanh. Mỗi cán bộ qua một năm phải đánh giá được sự tiến bộ của bản thân so với thời gian trước về mặt gì, về vấn đề gì, hay đã sửa chữa được khuyết điểm gì hoặc lại mắc khuyết điểm mới, v.v..

Đối với cấp quản lý cán bộ phải có kế hoạch cử cán bộ đi học các lớp ngắn và dài hạn so với chức trách được giao. Học xong phải về nơi công tác, nơi đã cử mình đi học, đáp ứng được yêu cầu và trách nhiệm công tác của cán bộ và của đơn vị.

- *Cách thứ ba là kiểm tra*: Kiểm tra thực hiện công việc được giao cho cán bộ kịp thời là yêu cầu quan trọng, không thể thiếu được, không kiểm tra không nắm được cán bộ, không giúp cán bộ rút được kinh nghiệm sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm. Bác nói: “Giao việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không biết yêu cầu cán bộ”.

Hiện nay quan niệm về công tác kiểm tra có chỗ chưa đúng, người được kiểm tra thì lo lắng sợ cán bộ kiểm tra vạch lá tìm sâu không khách quan, không đánh giá đúng thành tích, khuyết điểm của mình. Người đi kiểm tra thì làm việc không sâu sát, nghe một số ý kiến đã vội kết luận, không thẩm tra kỹ càng, có người làm chiếu lệ muốn được lòng cán bộ làm qua loa, kết luận không chính xác, cần được khắc phục.

- *Cách thứ tư là cải tạo*: Con người không phải hoàn toàn tốt, không có sai lầm. Nhưng người phạm sai lầm thì không phải là người hoàn toàn xấu, vì thế chúng ta biết cải tạo, giúp đỡ họ sửa chữa thì có thể người đã phạm sai lầm vẫn trở thành người tốt, có khi còn tốt hơn cả người chưa phạm sai lầm lần nào. Bác nói: “Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Quá khứ,

hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau”<sup>1</sup>. Vì thế người lãnh đạo quản lý phải có “tâm”, biết thương cán bộ thì mọi biến đổi sai lầm của cán bộ dù có âm thầm hay đã biểu lộ, bằng cách này hay cách khác đều có thể biết được, có thể cải tạo được, giúp cho họ trở thành người tốt, cán bộ tốt.

- *Cách thứ năm là giúp đỡ*: Cán bộ rất cần sự giúp đỡ của tập thể và của Đảng về tinh thần và vật chất, nhất là trong hoàn cảnh hiện nay, đời sống khó khăn về nhiều mặt. Trong cuộc sống, người cán bộ có thể sẽ gặp lúc gia đình khó khăn, vợ ốm, con đau, cha mẹ già yếu; lúc bản thân cán bộ mắc bệnh hiểm nghèo; lúc cán bộ trong công tác có nhiều khó khăn về sự chỉ đạo. Gần gũi biết được khó khăn của cán bộ; biết được mắc mớ của cán bộ giúp cán bộ gỡ những bế tắc đó; đặc biệt lúc cán bộ có sai lầm bị kỷ luật càng là lúc cần có sự giúp đỡ cả về phương hướng sửa chữa và chương trình hành động; giải quyết thì kịp thời tư tưởng tiêu cực nảy sinh từng ngày từng giờ, sẽ giúp cán bộ khắc phục nhược điểm, phát huy ưu điểm.

#### **5. *Mấy điểm lớn trong chính sách cán bộ:***

Bác nêu những vấn đề lớn trong chính sách cán bộ của Đảng, có người khi nói đến chính sách cán bộ, hiểu ngay là vấn đề lương và đãi ngộ cán bộ, tất nhiên các vấn đề đó cũng nằm trong chính sách cán bộ. Là lãnh tụ tối cao của Đảng, Bác dặn Đảng ta phải chú ý mấy việc:

“- Hiểu biết cán bộ.

- Khéo dùng cán bộ.

- Cát nhắc cán bộ.

- Thương yêu cán bộ.

- Phê bình cán bộ”<sup>2</sup>.

Các vấn đề này là vấn đề lớn trong chính sách cán bộ của Đảng. Thực tế các vấn đề đều liên quan với nhau, là công việc trọng yếu của các cấp ủy Đảng. Nếu Đảng không hiểu biết cán bộ thì không thể dùng được cán bộ có tài và do đó việc cát nhắc cán bộ cũng có thể không được cán bộ và quần chúng đồng tình. Ba vấn đề: hiểu cán bộ, dùng cán bộ và cát nhắc cán bộ là các việc thiết thực nhất, thể hiện tinh thần thương

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.278.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.277.

yêu cán bộ, phê bình cán bộ tốt hơn để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, làm cho cán bộ tốt càng tốt hơn, được nhân dân tin cậy, cán bộ có sai lầm mà biết sửa chữa những sai lầm đó thì tín nhiệm với quần chúng càng được nâng lên. Cụ thể là:

*Hiểu biết cán bộ:*

Để làm được trách nhiệm của Đảng đối với cán bộ, Bác quan tâm việc đầu tiên là đòi hỏi mọi người phải biết mình. Đã không tự biết mình thì khó mà biết người. Bác dạy: “Biết người cố nhiên là khó. Tự biết mình thì không phải dễ”<sup>1</sup>. Vì vậy, muốn biết đúng sự phải trái ở người ta thì trước hết phải biết đúng sự phải trái ở mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu.

Muốn biết rõ cán bộ, muốn đối đãi đúng với các loại cán bộ, trước hết phải sửa chữa những khuyết điểm của mình. Mình càng ít khuyết điểm thì cách xem xét cán bộ càng đúng. Như Bác nói, cần phải chống các bệnh: tự cao tự đại; ưa người nịnh mình; do lòng yêu, ghét của mình mà đối với người; đem một cái khuôn khổ nhất định, chật hẹp của mình mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau. Bác ví, đã mắc “một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính có màu, không bao giờ thấy rõ cái mặt thật của những cái mình trông...”<sup>2</sup>.

Bác nghiêm ngặt đòi hỏi các cán bộ có thẩm quyền ở các cấp trong việc nhận xét, đánh giá cán bộ, trước hết phải tu dưỡng rèn luyện để đánh giá cho đúng mình. Khi xem xét cán bộ không phải chỉ xem ngoài mặt mà phải xem tính chất của họ; không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ. Có người lúc phong trào cách mạng lên cao họ vào Đảng, họ làm việc rất hăng. Nhưng lúc phong trào hơi khó khăn thì đâm ra hoang mang. Lúc gặp sự nguy hiểm thậm chí hoá phản cách mạng, làm mật thám. Muốn làm mật thám được việc nó lại công tác hăng hái hơn ai hết. Nếu ta không xem xét rõ ràng thì lầm nó là cán bộ tốt.

Bác phân biệt rõ hai loại cán bộ: “Ai mà hay khoe công việc, hay a dua, tìm việc nhỏ mà làm, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì trái mệnh lệnh, hay công kích người khác, hay tự tâng bốc mình, những người như thế, tuy họ làm được việc, cũng không phải là cán bộ tốt.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.277.

2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.277.

Ai cứ cấm đầu làm việc, không ham khoe khoang, ăn nói ngay thẳng, không che giấu khuyết điểm của mình, không ham việc dễ, tránh việc khó, bao giờ cũng kiên quyết làm theo mệnh lệnh của Đảng vô luận hoàn cảnh thế nào, lòng họ cũng không thay đổi, những người như thế dù công tác kém một chút cũng là cán bộ tốt”<sup>1</sup>.

Khéo dùng cán bộ:

Bác xác định: “Mục đích khéo dùng cán bộ, cốt để thực hành đầy đủ chính sách của Đảng và Chính phủ”<sup>2</sup>, làm cho cán bộ thực sự yên tâm làm việc, vui thú làm việc, không sợ hãi, buồn rầu uất ức hoặc công tác không hợp. Bác chỉ rõ việc dùng cán bộ nhiều người phạm những chứng bệnh:

“- Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài.

- Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực.

- Ham dùng những người tính tình hợp với mình, mà tránh những người tính tình không hợp với mình”<sup>3</sup>.

Vì những chứng bệnh đó, kết quả những người kia đã làm bậy, mình cứ bao dung che chở, bảo hộ, khiến cho chúng càng ngày càng hư hỏng. Đối với những người chính trực thì bới lông tìm vết để trả thù. Như thế, cố nhiên là hỏng cả công việc của Đảng, hỏng cả danh giá người lãnh đạo”<sup>4</sup>.

Thực tiễn đã xảy ra ở một số địa phương, nội bộ mất đoàn kết kéo dài tất nhiên có nhiều nguyên nhân nhưng có nguyên nhân là cán bộ chủ chốt ở đây có nhiều sai lầm về việc dùng cán bộ, giải quyết ở nơi này bao giờ cũng phải thay đổi nhân sự, nhưng sau đó chưa phải mọi việc đã thuận buồm xuôi gió. Những hậu quả tồn dư của sự mất đoàn kết đó còn kéo dài.

Người lãnh đạo có gần gũi cán bộ, tạo điều kiện cho cán bộ khiến cho cán bộ cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến; khiến cho cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc; không nên tự tôn tự đại mà phải nghe, phải hỏi ý

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.278.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.279.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.279.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.279.

kiến của cấp dưới là thể hiện rõ việc thực hiện dân chủ với cán bộ lãnh đạo và cán bộ thẳng thắn phê bình nhau, càng biết được rõ ưu khuyết điểm của mình và càng nắm và hiểu cán bộ hơn; giữa lãnh đạo và cán bộ đoàn kết tốt hơn.

Trong chuyên mục mấy điều kinh nghiệm, Bác viết: “*Dân chủ, sáng kiến, hăng hái*, ba điều đó rất quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi thì những người đó càng thêm hăng hái, và người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết điểm lặt vặt, cũng tự sửa chữa được nhiều”<sup>1</sup>.

Bác nhắc “*phải có gan cất nhắc cán bộ*” và yêu cầu các cấp lãnh đạo có thẩm quyền phải dám chịu trách nhiệm lâu dài với Đảng và nhân dân mà cất nhắc cán bộ, phải vì tài năng của cán bộ để xem xét cất nhắc cán bộ cho đúng. Nếu vì ghen ghét, vì thân thích, vì nể nang nhất định không ai phục mà gây nên mối lỗi thôi trong Đảng, là có tội với Đảng và có tội với nhân dân.

Trong tình hình lúc đó (10-1947) và cả hiện nay, lúc nào Đảng ta cũng rất thiếu cán bộ, mà đào tạo được một người cán bộ tốt không phải hàng tháng mà phải hàng năm, thậm chí tới hàng chục năm.

Thương yêu là giúp họ học tập tiến bộ thêm. Thương yêu là luôn luôn chú ý đến công tác của họ. Hễ thấy khuyết điểm thì giúp cho họ sửa chữa ngay để vun trồng cái thói có gan phụ trách, có gan làm việc của họ. Phải vun đắp chí khí của họ để đi đến chỗ bại không nản, thắng không kiêu.

Những chỉ dẫn của Bác đã được viết ra từ lâu, nhưng nay nghiên cứu lại, càng thấy những lời Bác nói như với chúng ta hôm nay. Đó cũng là những nội dung được xác định trong chiến lược cán bộ mà Hội nghị Trung ương ba khóa VIII vừa đề cập: “Thực hiện tốt công tác cán bộ, nhất là các việc hiểu cán bộ, khéo dùng cán bộ, cất nhắc cán bộ, yêu thương cán bộ, Đảng ta sẽ có đội ngũ cán bộ phục vụ cho sự nghiệp đổi mới; thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” đi vào thế kỷ XXI với niềm vui và hạnh phúc cho mọi người, mọi nhà.

---

1. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, tr.244.



## MỤC LỤC

❖ Lời nhà xuất bản	5
<b>Phần I: NHỮNG BÀI VIẾT VÀ NÓI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, PHONG CÁCH TƯ DUY KHOA HỌC CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN</b>	<b>7</b>
❖ Tư cách một người cách mệnh	9
❖ Thư gửi các ủy ban nhân dân các bộ, tỉnh, huyện và làng	10
❖ Bài nói chuyện tại buổi lễ tốt nghiệp khoá thứ năm Trường Huấn luyện cán bộ Việt Nam	12
❖ Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ	14
❖ Thư gửi các bạn thanh niên	19
❖ Đạo đức cách mạng	21
❖ Bài nói chuyện trong buổi bế mạc Hội nghị Cán bộ của Đảng lần thứ sáu	23
❖ Đạo đức cũ và đạo đức mới	26
❖ Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu	27
❖ Bài nói chuyện ở lớp nghiên cứu nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ IX, do Trung ương tổ chức	31
❖ Mấy lời căn dặn các đơn vị bộ đội vào thành	34
❖ Bài nói chuyện với anh chị em công chức Thủ đô	35
❖ Bài nói chuyện tại buổi lễ khai mạc Trường Đại học Nhân dân Việt Nam	37
❖ Bài nói chuyện ở Trường Cán bộ Công đoàn	40
❖ Bài nói chuyện tại lớp chính huấn cán bộ trung, cao cấp của Bộ Quốc phòng	43
❖ Bài nói chuyện tại Đại hội Sinh viên Việt Nam lần thứ hai	46
❖ Đạo đức cách mạng	47
❖ Bài nói chuyện ở lớp chính huấn khoá II, của Bộ Công an	57
❖ Bài nói chuyện ở Hội nghị bàn về cuộc vận động chính huấn mùa xuân năm 1961	60

❖ Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ ba của Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam	67
❖ Thư gửi thiếu niên, nhi đồng toàn quốc nhân dịp kỷ niệm lần thứ 20 ngày thành lập Đội Thiếu niên tiên phong	69
❖ Bài nói chuyện với những cán bộ đảng viên hoạt động lâu năm	71
❖ Đoàn kết tiến lên giành thắng lợi mới	78
❖ Lời phát biểu tại buổi chiêu đãi mừng quân đội ta 20 tuổi	82
❖ Bài nói chuyện tại Hội nghị bồi dưỡng chính huấn do Trung ương triệu tập	84
❖ Thư gửi thanh niên	88
❖ Bài nói chuyện nhân dịp kỷ niệm lần thứ 20 ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	91
❖ Bài nói chuyện với cán bộ tỉnh Hà Tây	94
❖ Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân	99
❖ Di chúc	101

**Phần II: CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC BÀN VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, PHONG CÁCH TƯ DUY KHOA HỌC HỒ CHÍ MINH** 103

❖ Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, đổi mới, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới	105
❖ Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của đảng ta và dân tộc ta	117
❖ Đạo đức và tác phong của Hồ Chủ tịch	122
❖ Mãi mãi đi theo con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn	133
❖ Giương cao ngọn cờ Hồ Chí Minh, quyết tâm đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đi đến thắng lợi hoàn toàn	146
❖ Học tập, rèn luyện tư tưởng và đạo đức cách mạng, thực hiện thắng lợi cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng	158
❖ Lời kêu gọi nhân kỷ niệm 50 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động thi đua ái quốc	166
❖ Hồ Chí Minh, con người	170
❖ Tư tưởng nhân văn, đạo đức, văn hoá Hồ Chí Minh	181
❖ Giá trị tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh	206
❖ Đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh	211
❖ Đẩy mạnh việc nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh	220

<b>Phần III: CÁC NHÀ KHOA HỌC NGHIÊN CỨU VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH</b>	<b>227</b>
❖ Về nguồn gốc và bản chất tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh	229
❖ Góp phần tìm hiểu nguồn gốc và đặc trưng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh	238
❖ Văn hoá dân tộc và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh	244
❖ Hồ Chí Minh và truyền thống đạo đức dân tộc	252
❖ Truyền thống đạo đức dân tộc ở Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh	263
❖ Hồ Chí Minh và việc kế thừa, phát triển truyền thống đạo đức dân tộc	272
❖ Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng đạo đức, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức hiện nay	277
❖ Đạo đức cán bộ và nâng cao phẩm chất của cán bộ	284
❖ Hồ Chí Minh với các giá trị đạo đức của dân tộc	288
❖ Phòng ngừa và chữa trị các bệnh nguy hiểm đối với người cán bộ, đảng viên	293
❖ Hồ Chí Minh với vấn đề giáo dục, nâng cao đạo đức cách mạng cho cán b, đảng viên, khắc phục những căn bệnh đối với một đảng cầm quyền	300
❖ Bản chất phong cách tư duy Hồ Chí Minh	306
❖ Những nét đặc sắc trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh	325
❖ Phong cách tư duy Hồ Chí Minh với việc khắc phục bệnh giáo điều, kinh nghiệm chủ nghĩa trong cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta	337
❖ Một số phương hướng nhằm từng bước xây dựng phong cách tư duy cho cán bộ lãnh đạo, quản lý theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh	350
❖ Về xây dựng phong cách tư duy theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý	359
❖ Phát hiện và giải quyết mâu thuẫn – một giải pháp để rèn luyện phong cách tư duy khoa học của cán bộ lãnh đạo, quản lý	370
❖ Góp phần tìm hiểu phong cách tư duy Hồ Chí Minh	382
❖ Thực trạng tư duy lý luận của cán bộ lãnh đạo, quản lý nước ta hiện nay	390

❖ Nêu cao chữ “đồng” – một khía cạnh đặc sắc trong tư duy biện chứng của Hồ Chí Minh	399
❖ Đổi mới phong cách tư duy của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý nước ta hiện nay	411
❖ Xây dựng phong cách tư duy cho cán bộ lãnh đạo, quản lý theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh	421
❖ Chữ “đức” của Hồ Chí Minh với người cán bộ Việt Nam	428
❖ Yêu cầu về nâng cao trình độ trí tuệ của cán bộ	436
❖ Tư tưởng về cán bộ và đào tạo huấn luyện cán bộ	444
❖ Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đào tạo cán bộ trong tình hình hiện nay	451
❖ Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề sử dụng, đào tạo cán bộ công chức nhà nước hiện nay	456
❖ Xây dựng mối quan hệ giữa cán bộ lãnh đạo với nhân dân	467
❖ Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng mối quan hệ giữa Đảng với dân	472
❖ Học tập phong cách Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình	477
❖ Sửa đổi cách viết theo phong cách của Bác Hồ	483
❖ Về phong cách làm việc của cán bộ trong giai đoạn hiện nay	490
❖ Hồ Chí Minh cảnh báo về tác phong làm việc của cán bộ khi Đảng cầm quyền	499
❖ Vấn đề cán bộ trong tác phẩm của Hồ Chí Minh và những bài học đối với hiện tại	505
❖ Tầm nhìn của lãnh tụ trong tác phẩm <i>Sửa đổi lối làm việc</i>	513
❖ Quan điểm của Hồ Chí Minh về tư cách người cán bộ	518
❖ Vấn đề cán bộ trong tác phẩm của Hồ Chí Minh	522
❖ Tư duy Hồ Chí Minh luôn hướng tới xây dựng xã hội mới	528
❖ Về phong cách tư duy Hồ Chí Minh	541
❖ Rèn luyện phương pháp tư duy khoa học và cách mạng theo phong cách tư duy Hồ Chí Minh	546
❖ Tấm gương sáng ngời về phong cách làm việc	550
❖ Sự gắn bó máu thịt giữa Đảng, Nhà nước, Nhân dân	555
❖ Tính lý luận và thực tiễn, tính giáo dục và chỉ đạo trong vấn đề cán bộ	561
❖ Mục lục	576
	579

---

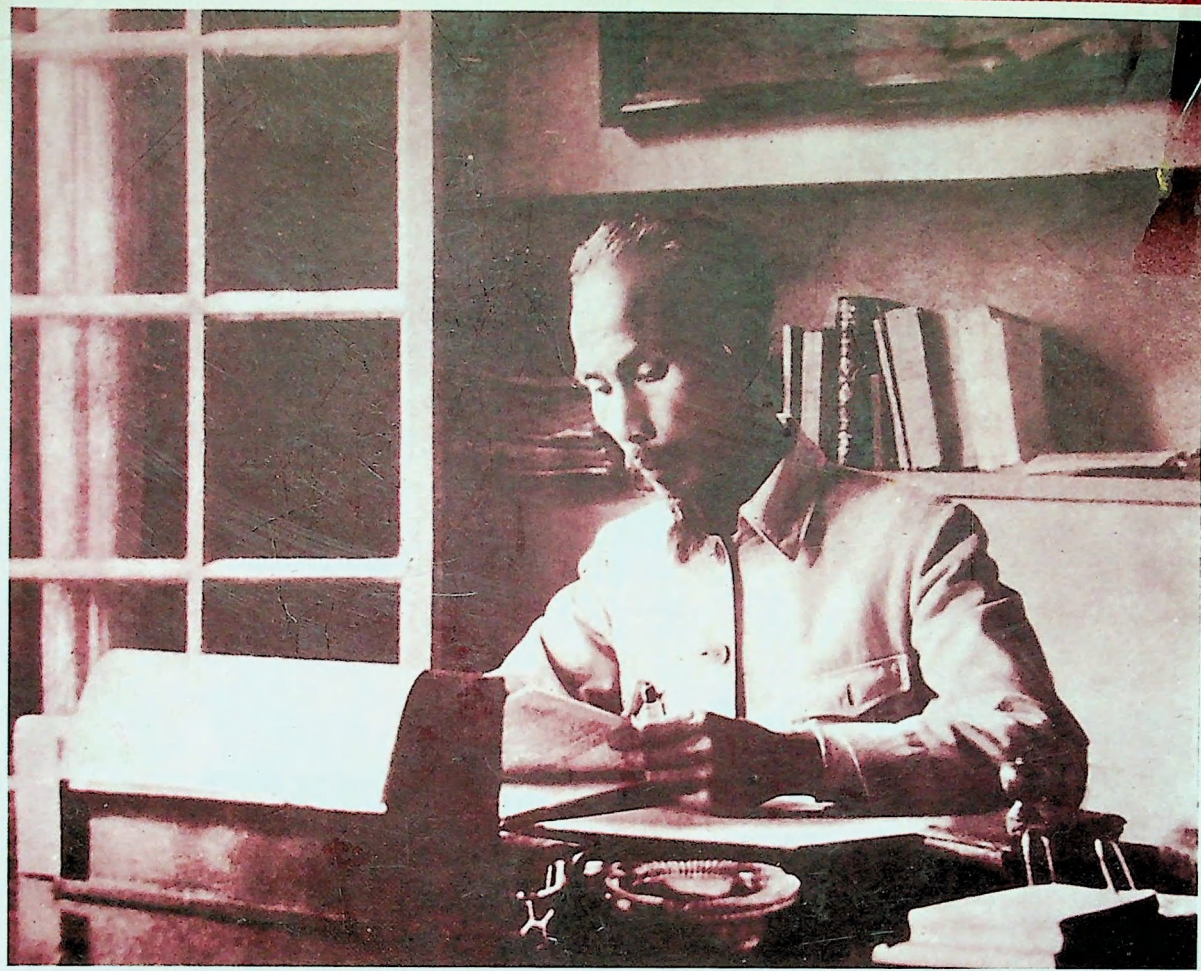
GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN  
THEO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG,  
PHONG CÁCH TƯ DUY KHOA HỌC HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản: *Tiến sĩ* VI QUANG THỌ  
Biên tập: NGUYỄN HỮU ĐỨC  
Trình bày: NGỌC SƠN  
Sửa bản in: MINH HUYỀN – MINH NGUYỆT  
Vẽ bìa: NGUYỄN MẠNH HÀ

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI  
61 Phan Chu Trinh – Hà Nội  
ĐT: (04) 8255428 – 8255174

---

In 1000 cuốn, khổ 19x27cm tại Xí nghiệp In Thủy lợi. Bắt đầu in: 12-2005.  
Nộp lưu chiểu: 12-2005. Số xuất bản: 146-2005/CXB/05-56/KHXH ngày 25-11-2005.  
Sắp chữ tại: Tái chí Hóa học và ứng dụng. In xong: 12-2005.



**GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN THEO  
ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, PHONG CÁCH TƯ DUY KHOA HỌC  
HỒ CHÍ MINH**

Giá: 290.000đ